

TUẦN 1- BÀI 1:

Ngày soạn 3/09/2023

Ngày dạy: 5, 6, 7, 8/09/2023

BẦU TRỜI TUỔI THƠ



“Trẻ thơ tìm thấy tất cả ở nơi chẳng có gì...”

A. NỘI DUNG BÀI HỌC VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. NỘI DUNG BÀI HỌC:

1. Đọc:

* Đọc – hiểu các văn bản:

- VB1: *Bầy chim chìa vôi* (Nguyễn Quang Thiều);
- VB 2: *Đi lấy mật* (Trích *Đất rừng phương Nam* – Đoàn Giỏi);
- VB 3: *Ngàn sao làm việc* (Võ Quảng)

***Thực hành tiếng Việt:** Mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ, từ láy; mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

2. Viết: Tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài.

3. Nói và nghe: Trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm.

4. củng cố, mở rộng:

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 13 tiết – KHGD

Đọc và thực hành tiếng Việt	8 tiết
Viết	4 tiết
Nói và nghe	1 tiết

B. MỤC TIÊU:

- Biết cách đọc hiểu một văn bản truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại:

+ Nêu được ấn tượng về văn bản và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm văn bản.

+ Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cốt truyện, nhân vật và tính cách nhân vật trong truyện.

- Hiểu được tác dụng của việc dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính và mở rộng trạng ngữ trong câu.

- Biết cách tóm tắt một văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ; biết nghe và tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày.

Biết yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống. Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

*** Đối với em DUY:**

- Biết cách đọc hiểu một văn bản truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại.

+ Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cốt truyện, nhân vật và tính cách nhân vật trong truyện.

- Biết yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống.

*** Nội dung giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.**

Thông qua văn bản giúp học sinh sống nhân hậu, có tấm lòng bao dung, biết yêu quý thiên nhiên, sống có trách nhiệm.

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .

- Thiết kế bài giảng điện tử.

- Phương tiện và học liệu:

+ Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu...

+ Học liệu: Tranh ảnh: GV sử dụng tranh, ảnh, liên quan.

+ Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

2. Học sinh.

- Đọc phần Kiến thức ngữ văn và hướng dẫn Chuẩn bị phần Đọc – hiểu văn bản trong SGK; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

- Đọc kĩ phần Định hướng trong nội dung Viết, Nói và Nghe, và thực hành bài tập SGK.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

TIẾT 1-3: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN – VĂN BẢN 1: BẦY CHIM CHÀ VÔI

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý, tạo sự kết nối HS với chủ đề bài học.

b. Nội dung: HS nhìn tranh đoán chữ, chia sẻ suy nghĩ, GV kết nối vào bài học.

c. Sản phẩm: Gọi đúng tên bức tranh, những suy nghĩ, chia sẻ của bản thân.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV sử dụng kỹ thuật tổ chức cho HS chơi trò chơi “**NHÌN TRANH ĐOÁN CHỮ**”

Bước 1. GV phổ biến luật chơi: Có 7 dòng chữ hàng ngang tương ứng với tên gọi của 7 bức tranh. Lớp sẽ chia thành bảy nhóm, bốc thăm vào hình số nào sẽ đoán chữ tương ứng với hình đó. Sau khi tìm chính xác tên gọi của 7 bức tranh, sẽ hiện ra ô chữ hàng dọc. Đội nào đoán ra trước ô chữ hàng dọc, sẽ được thưởng giải đặc biệt là một cuốn sổ tay.

Bước 2. Hs chia nhóm sau đó thực hiện trò chơi.

Bước 3. Gv làm trọng tài, tuyên dương phát thưởng.

Gợi ý đáp án:

Hình 1: **T**ẮM MƯA

Hình 2: Đ**U**A ĐIỀU

Hình 3: Đ**U**ỔI BẮT

Hình 4: CHI CH**I** CHÀNH CHÀNH

Hình 5: OÃN **T**Ù TÌ

Hình 6: ĐÁNH CH**U**YÊN

Hình 7: KÉO C**O**

Ô CHỮ HÀNG DỌC: **TUỔI THƠ**



GV sử dụng KT đặt câu hỏi :

- Hãy kể tên những trò chơi mà em đã tham gia; hoặc có thể chia sẻ những ấn tượng sâu đậm nhất về một trải nghiệm nào đó của bản thân.
- HS kể tên và tự chia sẻ suy nghĩ.

*** Khuyến khích em Duy tham gia trò chơi để hiểu bài học.**

GV dẫn vào bài học :

Tuổi thơ là dòng nước mát chảy qua tim mỗi người, là cái nôi hình thành nhân cách của con người, là hành trang vững chắc cho mỗi chúng ta bước vào đời.

*Người có tuổi thơ đẹp thường biết cảm thông chia sẻ với người khác, người có tuổi thơ hạnh phúc sẽ luôn có một chỗ dựa tinh thần vững chắc trong hành trang vào đời. Ngày nay một số trẻ em đang dần lãng phí tuổi thơ của mình vào ti vi, vào màn hình điện thoại. Và rồi các em sẽ đọng lại gì khi tuổi trẻ qua đi? Thế nên, bài học **BẦU TRỜI TUỔI THƠ** mở đầu trang sách Ngữ văn 7 hôm nay sẽ giúp các em khám phá vẻ đẹp thuần khiết và bí ẩn của thế giới, mở rộng tâm hồn để đón nhận và*

cảm nhận thiên nhiên, con người và nhịp sống quanh ta...để sống sâu hơn đời sống của con người.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. TÌM HIỂU GIỚI THIỆU BÀI HỌC

a. Mục tiêu: Giúp HS xác định rõ nội dung chủ đề và thể loại văn bản chính của bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ suy nghĩ.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Giới thiệu bài học	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Làm việc cá nhân: - GV yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học (SGK/tr.9) và cho biết: <i>1. Bài học 1 gồm những văn bản đọc chính nào?</i> <i>2. Các VB đọc chính cùng thuộc thể loại gì?</i> <i>3. VB đọc kết nối chủ đề thuộc thể loại gì?</i> <i>4. Vì sao các VB đọc chính và VB3 (đọc kết nối chủ điểm) lại cùng xếp chung vào bài học 1?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời câu hỏi của GV Bước 4: Kết luận, nhận định - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học. - GV dẫn dắt giới thiệu vào nội dung bài học.	- VB đọc chính: + VB1: <i>Bầy chim chìa vôi</i> (Nguyễn Quang Thiều); + VB 2: <i>Đi lấy mật</i> (Trích <i>Đất rừng phương Nam</i> – Đoàn Giỏi); * <i>Các VB đọc chính đều thuộc thể loại truyện.</i> - VB 3 đọc kết nối chủ điểm thuộc thể loại thơ: <i>Ngàn sao làm việc</i> (Võ Quảng). - Cả 3 VB đọc chính và đọc kết nối chủ điểm cùng xếp chung vào bài 1 vì đều viết về những kí ức, những trải nghiệm thời tuổi thơ của mỗi người.

Hoạt động 2.2. KHÁM PHÁ TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu: Nắm được những kiến thức cơ bản về thể loại truyện.

b. Nội dung: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về một số yếu tố cơ bản của thể loại truyện.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số yếu tố cơ bản về thể loại truyện như: đề tài, chi tiết, nhân vật,...

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP 01: TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN (Chuẩn bị ở nhà)	
1. Kể tên các truyện ngắn và tiểu thuyết mà em đã học hoặc đã đọc.	
2. Em hiểu thế nào là đề tài của tác phẩm văn học ? Cho ví dụ? Có những cách phân loại đề tài như thế nào?	
3. Em hiểu thế nào là chi tiết trong tác phẩm văn học? Lấy ví dụ về một chi tiết truyện mà em ấn tượng, nêu ý nghĩa của chi tiết đó.	
4. Bằng cách nào tác giả làm bật được đặc điểm tính cách của nhân vật trong tác phẩm văn học? Cho ví dụ minh họa.	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Khám phá tri thức ngữ văn	
NV1: Tìm hiểu về đề tài và chi tiết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK, tr.10. - HS trao đổi theo cặp Phiếu học tập 01 đã chuẩn bị trước tại nhà.	1. Đề tài và chi tiết a. Đề tài <i>*Khái niệm:</i> Đề tài là phạm vi đời sống được phản ánh, thể hiện trực tiếp trong tác phẩm văn học. <i>*Cách phân loại đề tài:</i>

1. Kể tên các truyện ngắn và tiểu thuyết mà em đã học hoặc đã đọc. 2. Em hiểu thế nào là đề tài của tác phẩm văn học ? Cho ví dụ? Có những cách phân loại đề tài như thế nào? 3. Em hiểu thế nào là chi tiết trong tác phẩm văn học? Lấy ví dụ về một chi tiết truyện mà em ấn tượng, nêu ý nghĩa của chi tiết đó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS đọc phần Kiến thức Ngữ văn trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó. - HS thảo luận cặp đôi nội dung câu hỏi - GV quan sát, hỗ trợ góp ý. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày cá nhân. - Các HS khác nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét và chuẩn kiến thức. Dự kiến sản phẩm của HS: *Ví dụ về truyện ngắn : - <i>Bức tranh của em gái tôi</i> (Tạ Duy Anh) - <i>Điều không tính trước</i> (Nguyễn Nhật Ánh) - <i>Chích Bông ơi</i> (Cao Duy Sơn) *Ví dụ về tiểu thuyết: <i>Đất rừng phương Nam</i> (Đoàn Giỏi); <i>Những ngày thơ ấu</i> (Nguyễn Hồng) * Em Duy có thể nêu lại khái niệm đề tài và chi tiết trong SGK/tr10.	- Dựa vào phạm vi hiện thực được miêu tả: <i>đề tài lịch sử, đề tài chiến tranh, đề tài gia đình,...</i> - Dựa vào loại nhân vật trung tâm của tác phẩm: <i>đề tài trẻ em, đề tài người nông dân, đề tài người lính,...</i> *Một tác phẩm có thể đề cập nhiều đề tài, trong đó có một đề tài chính. *Ví dụ: Đề tài của truyện ngắn “<i>Bức tranh của em gái tôi</i>” (Tạ Duy Anh) là đề tài gia đình (xét theo phạm vi hiện thực được miêu tả) và là đề tài trẻ em (xét theo nhân vật trung tâm của truyện). b. Chi tiết *Khái niệm: Chi tiết là yếu tố nhỏ nhất tạo nên thế giới hình tượng (thiên nhiên, con người, sự kiện) nhưng có tầm ảnh hưởng quan trọng đặc biệt trong việc đem lại sự sinh động, lôi cuốn cho tác phẩm văn học. *Ví dụ: Trong truyện ngắn “<i>Bức tranh của em gái tôi</i>” (Tạ Duy Anh), chi tiết cuối truyện miêu tả lại diễn biến tâm trạng của người anh khi ngắm nhìn bức tranh cô em gái vẽ chính mình là một chi tiết tiêu biểu. Chi tiết này đã diễn tả những cung bậc cảm xúc của người anh đi từ ngạc nhiên, sung sướng hân hoan, rồi thấy xấu hổ, hối hận khi nhận ra tấm lòng bao dung của em gái dành cho mình. Chi tiết cũng cho thấy sức mạnh cảm hoá của lòng nhân hậu.
NV2: Tìm hiểu về tính cách nhân vật	2. Tính cách nhân vật

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV kết hợp kĩ thuật động não và trình bày 1 phút yêu cầu cá nhân trả lời câu hỏi: <i>? Trong các truyện ngắn em đã học năm lớp 6, em yêu thích nhân vật nào? Nhân vật đó có đặc điểm nào trong tính cách? Tính cách đó của nhân vật được bộc lộ qua yếu tố nào?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân. - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày cá nhân. - Các HS khác nhận xét. - GV góp ý, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định - HS đánh giá - GV nhận xét chuẩn kiến thức qua ví dụ về tính cách nhân vật trong một số tác phẩm truyện. * Em DUY nêu khái niệm về tính cách nhân vật có trong SGK/tr10.	- Tính cách nhân vật là những đặc điểm riêng tương đối ổn định của nhân vật, được bộc lộ qua mọi hành động, cách ứng xử, cảm xúc, suy nghĩ,... - Tính cách nhân vật còn được thể hiện qua các mối quan hệ, qua lời kể và suy nghĩ của nhân vật khác. Ví dụ: - Trong truyện ngắn "<i>Bức tranh của em gái tôi</i>" (Tạ Duy Anh): Nhân vật người anh trai hiện lên là người ích kỉ, đố kị. + Thể hiện qua suy nghĩ của người anh - người kể chuyện: ghen tị với em gái, thấy ghét em khi phát hiện ra tài năng của em,... + Thể hiện qua hành động: Lén xem tranh của em gái, trút ra một tiếng thở dài; hay gắt gỏng với em, đẩy em ra..; miễn cưỡng đi xem buổi triển lãm tranh của em gái,... + Thể hiện qua thái độ, cảm xúc: Khi đứng trước bức tranh được giải của em gái: ngạc nhiên – hãnh diện, tự hào – xấu hổ, thấy ân hận,... ...

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.
- b. Nội dung:** HS đọc một văn bản truyện ngắn và chỉ ra các yếu tố như: đề tài, chi tiết, nhân vật ở trong văn bản đó. HS hoạt động cá nhân để trả lời.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: <i>Đọc một văn bản truyện ngắn mini mà mình yêu thích, sau đó chỉ ra các yếu tố như: đề tài, chi tiết, nhân vật ở trong văn bản đó.</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện đọc và ghi lại các yếu tố đề tài, chi tiết, nhân vật được thể hiện trong văn bản. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - HS trình bày phần bài làm của mình. Bước 4. Kết luận, nhận định - GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo.	HS tìm được 1 văn bản truyện ngắn mini và chỉ ra đúng các yếu tố như: đề tài, chi tiết, nhân vật ở trong văn bản đó.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.
- b. Nội dung:** HS sưu tầm truyện; vẽ tranh về nhân vật, chi tiết độc đáo trong truyện .
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Phiếu học tập 02: Hoạt động cá nhân

Nhóm sưu tầm, kể chuyện	Nhóm vẽ tranh
- Sưu tầm các truyện ngắn trên VHTT... (ít nhất 02). Tập kể lại một câu chuyện bằng lời văn của em cho các bạn cùng nghe.	- Vẽ tranh về một nhân vật, một chi tiết độc đáo ở trong truyện mà em yêu thích.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập trong Phiếu học tập số 02. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ -HS thực hiện các nhiệm vụ học tập. Bước 3. Báo cáo, thảo luận	- HS sưu tầm được truyện ngắn và tập kể lại bằng lời văn của mình. - Vẽ tranh về một nhân vật, một chi tiết độc đáo mà em yêu thích.

-GV gọi một số HS chia sẻ sản phẩm học tập của mình. Bước 4. Kết luận, nhận định -GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các sản phẩm tốt để cả lớp tham khảo. -Hướng dẫn HS đánh giá sản phẩm học tập bằng Rubric.	

GV cung cấp Rubric đánh giá sản phẩm học tập cá nhân (HS đánh giá chéo):

Nhiệm vụ	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Kể lại một câu chuyện mà em sưu tầm được bằng lời văn của em. (10 điểm)	Nội dung câu chuyện kể còn sơ sài; người kể chưa tự tin trong trình bày. (5- 6 điểm)	Nội dung câu chuyện kể tương đối chi tiết; người kể tương đối tự tin, giọng truyền cảm. (7- 8 điểm)	Nội dung câu chuyện kể chi tiết, sinh động; người kể tự tin, giọng truyền cảm, có kết hợp ngôn ngữ cơ thể. (9 - 10 điểm)
Vẽ tranh về một nhân vật, một chi tiết độc đáo mà em yêu thích. (10 điểm)	Các nét vẽ chưa đẹp và bức tranh còn đơn điệu về hình ảnh, màu sắc. (5 – 6 điểm)	Các nét vẽ đẹp nhưng bức tranh chưa thật phong phú. (7 – 8 điểm)	Bức tranh với nhiều đường nét đẹp, phong phú, hấp dẫn. (9 - 10 điểm)

Đọc – hiểu văn bản (1)

BẦY CHIM CHÌA VÔI

– Nguyễn Quang Thiều



I. MỤC TIÊU

- Xác định được đề tài và người kể chuyện ngôi thứ ba; phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật, nhận biết được các chi tiết miêu tả hai nhân vật Mên, Mon (cử chỉ, hành động, ngôn ngữ đối thoại, cảm xúc, suy nghĩ).
- Biết tìm và phân tích các chi tiết tiêu biểu để khái quát tính cách nhân vật và cảm nhận về chủ đề của truyện.
- Biết kết nối VB với trải nghiệm cá nhân; từ đó bồi đắp cho mình cảm xúc thẩm mỹ, tình yêu thiên nhiên, lòng trân trọng sự sống.

* HSKT:

- Nêu được đề tài và người kể chuyện.
- Nhận biết được các chi tiết miêu tả hai nhân vật Mên, Mon.
- Biết yêu, trân trọng thiên nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.
2. Học liệu: Tranh ảnh về nhà văn Nguyễn Quang Thiều và văn bản “Bầy chim chìa vôi”.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề:

a. Mục tiêu: HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

b. Nội dung:

Tổ chức cho học sinh chơi trò chơi lật mảnh ghép về các loài chim.

Lật mảnh ghép và trả lời các câu hỏi.

Kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Chia lớp ra làm các đội chơi.

- Tổ chức trò chơi.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

Lắng nghe âm thanh tiếng chim, quan sát hình ảnh và suy nghĩ cá nhân để dự đoán câu trả lời.

B3: Báo cáo, thảo luận

HS trả lời câu hỏi của trò chơi.

B4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét, bổ sung
- Chốt đáp án và công bố đội giành chiến thắng.
- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

2.1 Đọc – hiểu văn bản

I. Tìm hiểu chung	
Mục tiêu: Nội dung: GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để tìm hiểu về tác giả, KT đặt câu hỏi để HS tìm hiểu văn bản. -Thảo luận nhóm cặp đôi và trả lời những câu hỏi của GV.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Chia nhóm cặp đôi (theo bàn). ? Trình bày những nét cơ bản về nhà văn Nguyễn Quang Thiều? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.	1. Tác giả  - Nguyễn Quang Thiều sinh 1957

B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm. - HS đại diện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. B4: Kết luận, nhận định HS: Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo. GV: - Bổ sung, nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi. - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau 2. <u>Tác phẩm</u> B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) a. Đọc - Hướng dẫn đọc nhanh. + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát. + Thể hiện rõ lời thoại của Mên và Mon (đặc biệt là giọng điệu lo lắng của Mon và Mên). - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn. b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:	- Quê: Hà Nội - Những tác phẩm viết cho thiếu nhi của Nguyễn Quang Thiều thường chân thực, gần gũi với cuộc sống đời thường; thể hiện được tâm hồn trẻ thơ nhạy cảm; trong sáng, tràn đầy niềm yêu thương vạn vật. 2. Tác phẩm a. Đọc và tóm tắt - Cách đọc - Tóm tắt - Đề tài: viết về trẻ em

? Văn bản “Bầy chim chìa vôi” viết về đề tài gì? ? Văn bản được trích dẫn từ tập truyện nào của nhà văn Nguyễn Quang Thiều? ? Văn bản “Bầy chim chìa vôi” thuộc thể loại gì? ? Dựa vào tri thức Ngữ văn hãy cho biết nhân vật chính trong văn bản này là nhân vật nào? ? Ngôi kể được sử dụng trong văn bản là ngôi kể thứ mấy? Đó là lời kể của ai? ? Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần? B2: Thực hiện nhiệm vụ 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc. 2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà. B3: Báo cáo, thảo luận - Trả lời các câu hỏi của GV. - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn. B4: Kết luận, nhận định - Bổ sung, nhận xét. - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin. * Gọi Em Duyệt đọc tác giả, tác phẩm trong SGK/Tr16. - Gọi Duyệt đọc đoạn ngắn trong đoạn 1.	- Xuất xứ: in trong tập “<i>Mùa hoa cải bên sông</i>”. - Thể loại: truyện - Nhân vật chính: Mên và Mon. - Ngôi kể: ngôi thứ ba - Bố cục: 3 phần + P1: Từ đầu ... “bắt đầu mùa sinh nở của chúng” * Cuộc trò chuyện của Mên và Mon ở đoạn 1 + P2: tiếp theo... “Vâng! Cứ lấy đồ của ông Hảo mà đi”. * Cuộc trò chuyện của Mên và Mon ở đoạn 2 + P3: còn lại * Cảnh bầy chim chìa vôi bay lên vào buổi bình minh.

II. Tìm hiểu chi tiết

1. Cuộc trò chuyện của Mên và Mon ở phần 1

Mục tiêu.

Nội dung:

GV sử dụng KT khăn phủ bàn để tìm hiểu về cuộc trò chuyện của hai anh em Mên và Mon ở đoạn 1.

HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm.

Tổ chức thực hiện

Sản phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Chia nhóm lớp.
- Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2 bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5.
- Thời gian: 7 phút

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Tên: _____ Lớp: _____
 Ngày: _____ Giáo viên: _____

Cuộc nói chuyện của Mên và Mon ở phần 1

	Chi tiết
Thời gian	
Hoàn cảnh	
Nội dung cuộc nói chuyện của Mên và Mon	
Tâm trạng của Mên và Mon	
Nhận xét	

★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★

Cuộc trò chuyện của Mên và Mon ở P1

Chi tiết

Thời gian

- Khoảng hai giờ sáng

Hoàn cảnh

- Mưa vẫn to
 -Tiếng nước sông dâng cao xiên xiết chảy

Nội dung cuộc nói chuyện

- Mưa
 - Nước sông lên to
 - Bãi cát giữa sông
 - Chim chìa vôi

Tâm trạng của Mên và Mon

Mon: Em sợ
 Mên: Tao cũng sợ

1. Qua lời của Mon, những hình ảnh nào được nhắc đến? Nhà văn Nguyễn Quang Thiều đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì để diễn tả lời thoại của Mon? 2. Qua đó, em hãy cho biết về nội dung của cuộc trò chuyện giữa Mên và Mon? 3. Quan sát lời thoại của Mên và Mon, tìm những từ ngữ diễn tả tâm trạng của hai anh em? 4. Qua cuộc trò chuyện ấy, em thấy tâm trạng của Mên và Mon như thế nào? 5. Vì sao hai anh em Mên và Mon có tâm trạng như vậy? B2: Thực hiện nhiệm vụ - Quan sát những chi tiết trong SGK - Đọc đoạn văn: “<i>có lẽ bố chúng nói đúng... bắt đầu mùa sinh nở của chúng</i>”). B3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm. - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn B4: Kết luận, nhận định (GV) - Bổ sung, nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức.	Nhận xét - Nghệ thuật: sử dụng ngôn ngữ bình dị, chân thật, gần gũi với đời thường. - Nội dung: xoay quanh việc Mên và Mon lo sợ bầy chim chìa vôi non sẽ bị chết đuối trước nguy cơ bãi cát giữa sông bị ngập do trời mưa to. * Mên và Mon là hai cậu bé hồn nhiên, ngây thơ, có trái tim trong sáng, giàu tình yêu thương đối với loài vật.
2. Cuộc trò chuyện của Mon và Mên ở phần 2	
Mục tiêu.	

Nội dung:

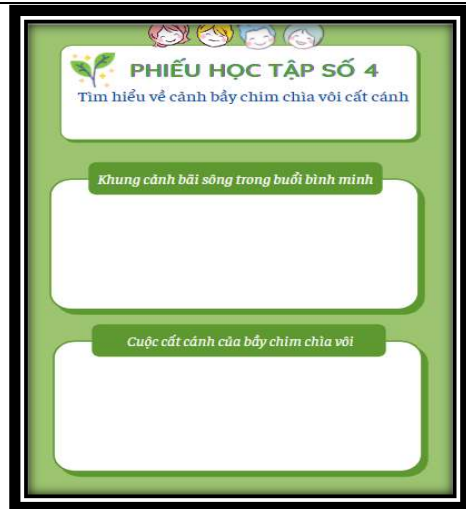
GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về cuộc trò chuyện giữa Mên và Mon ở phần 2.

HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm														
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Hỏi: Ở phần 2, Mon nói với Mên về chuyện gì? - Chia nhóm cặp đôi. - Phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ cho các nhóm  B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: làm việc cá nhân, làm việc nhóm cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ học tập. B3: Báo cáo, thảo luận	<table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">* Giải cứu bầy chim chìa vôi</th> </tr> <tr> <th>Lời của Mon</th><th>Lời của Mên</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Anh đã nhìn thấy chim chìa vôi nó bay từ bãi cát vào bờ bao giờ chưa?</td><td>- Chưa.</td></tr> <tr> <td>- Tổ chim sẽ bị chìm mất.</td><td>- Thế làm thế nào bây giờ?</td></tr> <tr> <td>- Hay mình mang chúng nó vào bờ.</td><td>- Bây giờ nước to lắm, làm sao mà lội ra đây được.</td></tr> <tr> <td>...</td><td>- Đi bây giờ à?</td></tr> <tr> <td>- Tổ chim ngập mất anh ạ. Mình phải mang chúng nó vào bờ, anh ạ.</td><td></td></tr> </tbody> </table>	* Giải cứu bầy chim chìa vôi		Lời của Mon	Lời của Mên	- Anh đã nhìn thấy chim chìa vôi nó bay từ bãi cát vào bờ bao giờ chưa?	- Chưa.	- Tổ chim sẽ bị chìm mất.	- Thế làm thế nào bây giờ?	- Hay mình mang chúng nó vào bờ.	- Bây giờ nước to lắm, làm sao mà lội ra đây được.	...	- Đi bây giờ à?	- Tổ chim ngập mất anh ạ. Mình phải mang chúng nó vào bờ, anh ạ.	
* Giải cứu bầy chim chìa vôi															
Lời của Mon	Lời của Mên														
- Anh đã nhìn thấy chim chìa vôi nó bay từ bãi cát vào bờ bao giờ chưa?	- Chưa.														
- Tổ chim sẽ bị chìm mất.	- Thế làm thế nào bây giờ?														
- Hay mình mang chúng nó vào bờ.	- Bây giờ nước to lắm, làm sao mà lội ra đây được.														
...	- Đi bây giờ à?														
- Tổ chim ngập mất anh ạ. Mình phải mang chúng nó vào bờ, anh ạ.															

- Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm cặp đôi khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo. B4: Kết luận, nhận định - Bổ sung, nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các cặp đôi. - Chốt kiến thức .	- Vâng, cứ lấy đồ của ông Hảo mà đi.	
	<i>Nghệ thuật:</i> sử dụng ngôn ngữ đối thoại. <i>Nội dung:</i> Thể hiện quyết tâm giải cứu bầy chim chìa vôi ở bãi cát giữa sông của hai đứa trẻ.	
	* Giải cứu cá bóng	
	- Mon trộm con cá bóng của bố đem thả ra sông.	
	* Mon là cậu bé có trái tim nhân hậu.	

3. Cảnh bầy chim chìa vôi cát cánh	
Mục tiêu. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT khăn phủ bàn để tìm hiểu về hình ảnh bầy chim chìa vôi cát cánh bay lên vào buổi bình minh. HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV phát phiếu học tập số 4.	- Thời gian: vào buổi sáng bình minh.



- Giao nhiệm vụ cho các nhóm:

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc vb và tìm chi tiết trong tác phẩm.

B3: Báo cáo, thảo luận

- Báo cáo sản phẩm của nhóm mình.
- Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn.

B4: Kết luận, nhận định

- Bổ sung, nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.
- Chốt kiến thức.

- **Khung cảnh bãi sông:** Dòng nước không lờ nuốt chừng phần còn lại cuối cùng của dải cát.

- **Cuộc cất cánh của bầy chim chìa vôi:**

- + Một cảnh tượng như huyền thoại hiện ra.
- + Những cánh chim bé bỏng và ướt át đột ngột bứt khỏi dòng nước không lờ...
- + Cuối cùng bầy chim đã thực hiện xong chuyến bay quan trọng, đầu tiên và kì vĩ nhất trong đời của chúng...

- **Tâm trạng của Mon và Mên khi chứng kiến cảnh bầy chim chìa vôi cất cánh:**

- + Đứng không nhúc nhích
- + Trên gương mặt tái nhợt của chúng hừng lên ánh ngày.
- + Cả hai đã khóc tự lúc nào.
- + Chúng cùng nhìn nhau và bật cười.
- * Nghệ thuật: miêu tả tâm lí nhân vật.
- * Lúc đầu, Mên và Mon căng thẳng, lo lắng. Sau khi bầy chim chìa vôi non cất cánh thì Mên và Mon sung sướng, hạnh phúc.

III. TỔNG KẾT

Mục tiêu. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi để khái quát giá trị nghệ thuật, nội dung và những điều rút ra từ văn bản. HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1 Chuyển giao nhiệm vụ ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Nội dung chính của văn bản “Bầy chim chìa vôi”? ? Sau khi học xong văn bản “Bầy chim chìa vôi”, em học tập được điều gì về cách lựa chọn đề tài, về cách kể chuyện và về việc lựa chọn chi tiết của tác giả khi kể chuyện? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân và ghi câu trả lời ra giấy. B3: Báo cáo, thảo luận HS báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn -Nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS. B4: Kết luận, nhận định - GV bổ sung, nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.	1. Nghệ thuật - Sử dụng ngôn ngữ đối thoại. - Miêu tả tâm lí nhân vật. 2. Nội dung - Kể về cuộc cất cánh của bầy chim chìa vôi non qua điểm nhìn của hai cậu bé Mên và Mon. - Qua đó ca ngợi trái tim ngây thơ, tràn đầy tình yêu thương, nhân hậu của trẻ nhỏ. 3. Những điều rút ra từ tác phẩm a) Về cách lựa chọn đề tài khi kể - Đề tài gần gũi với cuộc sống của trẻ thơ ở chốn quê thanh bình. b) Về cách kể - Sử dụng ngôi kể thứ ba (người kể giấu mình, không xưng “tôi”). - Ngôn ngữ đối thoại mộc mạc, gần gũi, tự nhiên. - Ngôn ngữ kể tự nhiên.

- Chốt nội dung phần tổng kết. * Gọi Duy đọc lại nghệ thuật và nội dung văn bản.	c) <i>Về lựa chọn chi tiết để kể/tả.</i> - Lựa chọn những chi tiết tiêu biểu để kể/tả.

2.2 Viết kết nối với đọc

Mục tiêu:

Nội dung: HS viết đoạn văn

Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) kể lại một sự việc bầy chim chìa vôi bay lên khỏi bãi sông bằng lời của một trong hai nhân vật Mên hoặc Mon (ngôi kể thứ nhất).

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn.

B3: Báo cáo, thảo luận: HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét...

B4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn.

- Chiều (đọc) đoạn văn mẫu.

Đoạn văn mẫu:

Khi ánh bình minh vừa đủ sáng để soi tỏ những hạt mưa thì cũng là lúc dòng nước khổng lồ nuốt chửng phần còn lại của bãi cát. Trước mắt tôi một cảnh tượng như huyền thoại hiện ra. Từ mặt nước loang loáng của dòng sông, những cánh chim bé bỏng và uớt át đột ngột bứt khỏi dòng nước khổng lồ vụt bay lên. Tôi và anh Mên không ai nói một câu nào, chúng tôi cứ đứng như thế, khắp người tôi một hơi nóng tỏa ra ngùn ngụt. Bây giờ, khi mặt trời nhô lên cao thì cũng là lúc con chim nóng nót cuối cùng cất cánh an toàn đến lùm dừa dại bên kia bờ sông.

3. HĐ 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b. Nội dung: HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập .

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

- Tìm ví dụ về truyện đồng thoại, liệt kê các sự việc và kể lại một cách ngắn gọn theo sự việc đã liệt kê.

- Chỉ ra các yếu tố của truyện đồng thoại trong ví dụ vừa tìm?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- Liệt kê các sự việc và kể lại câu chuyện theo chuỗi sự việc đã liệt kê.

- Tìm 1 truyện đồng thoại và chỉ ra các yếu tố của truyện đồng thoại trong văn bản.

B3: Báo cáo, thảo luận:

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn.

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

4. HĐ 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Bài học mà HS rút ra sau khi đọc – hiểu xong văn bản “Bầy chim chìa vôi” của Nguyễn Quang Thiều.

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ? Từ bài học, em rút ra cho mình bài học gì trước loài vật (đặc biệt là loài vật hoang dã)?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và chiếu một số clip về thái độ của người dân Châu Âu đối xử với động vật khi chúng mắc kẹt hoặc chạy trên đường giao thông.

+ Clip 1: Cả đoàn xe giao thông dừng lại cho một chú cún con đang chạy trên quốc lộ.

+ Clip 2: giải cứu chú cá voi mắc cạn của người Việt.

+ Clip 3: giải cứu động vật của người Úc.

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và quan sát những bức tranh ảnh/ clip giáo viên trình chiếu.

B3: Báo cáo, thảo luận

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định.

- Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà.

+ Đọc và học kĩ kiểu thể loại văn bản “Bầy chim chìa vôi”

+ Giao phiếu học tập và yêu cầu HS đọc văn bản “Đi lấy mật” của Đoàn Giỏi.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

TÊN

LỚP

NGÀY

GIÁO VIÊN

Cuộc nói chuyện của Mên và Mon ở phần 1

	Chi tiết
Thời gian	
Hoàn cảnh	
Nội dung cuộc nói chuyện của Mon và Mên	
Tâm trạng của Mên và Mon	
Nhận xét	





PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Tìm hiểu về cảnh bầy chim chìa vôi cất cánh

Khung cảnh bãi sông trong buổi bình minh

Cuộc cất cánh của bầy chim chìa vôi

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

(Tiết 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- củng cố kiến thức về trạng ngữ, nhận biết được thành phần trạng ngữ trong câu.
- Hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần trạng ngữ của câu bằng cụm từ.
- Biết mở rộng thành phần trạng ngữ của câu bằng cụm từ.

*** HSKT:** nhận biết được thành phần trạng ngữ trong câu.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, KHBD, SGV
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, bút dạ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

1.1. Mục tiêu: Giúp học sinh tạo tâm thế vui tươi, hào hứng để vào bài học mới.

1.2. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV&HS	Sản phẩm cần đạt
a. Chuyển giao nhiệm vụ - GV chiếu một số hình ảnh, yêu cầu HS đặt câu có sử dụng trạng ngữ. Nội dung: Hình 1	



Hình 1: *Ngoài vườn, hoa đua nhau nở rộ.*
(TN chỉ địa điểm)



Hình 2: *Bằng sự ân cần, bà chăm lo cho cháu.*
(TN chỉ cách thức)

Hình 2



Hình 3: *Vì rét, cây bàng rụng lá.*
(TN chỉ nguyên nhân)

Hình 3

b. Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ trả lời. c. Báo cáo và thảo luận - HS đặt được câu có sử dụng trạng ngữ. - Giáo viên nhận xét phần trình bày của HS. d. GV kết luận, nhận định - Giáo viên chốt lại kiến thức và dẫn dắt vào bài mới: Kiến thức về Trạng ngữ các em đã được học từ lớp dưới và chúng ta đều biết đó là thành phần phụ của câu, được thêm vào câu nhằm bổ sung ý nghĩa cho thành phần chính của câu. * Gọi Duy đọc lại câu ở hình 1,2,3.	

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

1.1. Mục tiêu: Học sinh nhận biết được tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ.

1.2. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV&HS	Sản phẩm cần đạt
a. Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS nhận diện trạng ngữ của câu có thể là một từ hoặc cụm từ. Ví dụ: (1) <i>Đêm, trời mưa như trút nước.</i> (2) <i>Đêm hôm đó, trời mưa như trút nước.</i> b. Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ trả lời. c. Báo cáo và thảo luận - HS xác định các thành phần câu và trả lời câu hỏi về vị trí, chức năng của trạng ngữ trong các ngữ liệu đã cho. - Giáo viên bổ sung, nhận xét phần trình bày của HS. d. GV kết luận, nhận định	- Trạng ngữ trong câu (1) là một từ, trạng ngữ trong câu (2) là cụm từ. -Trạng ngữ trong câu (2) được mở rộng hơn so với trạng ngữ trong câu (1). Nhờ được mở rộng, trạng ngữ trong câu (2) cung cấp thông tin cụ thể hơn về thời gian của sự việc <i>trời mưa như trút nước</i>.

- Giáo viên chốt lại kiến thức và dẫn dắt vào bài mới: Trạng ngữ thường có vị trí khá linh hoạt trong câu và nhờ có trạng ngữ, câu được bổ sung thêm về nội dung, giúp liên kết giữa các câu trong đoạn chặt chẽ hơn. * Em Duy đọc lại trạng ngữ ở câu 1, 2.	

3. Hoạt động 3: Luyện tập

3.1. Mục tiêu: Học sinh ôn tập lại các kiến thức đã học và vận dụng để hoàn thành bài tập.

3.2. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV&HS	Sản phẩm cần đạt
3.2.1. Nhiệm vụ 1: Làm bài tập số 1. a. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu học sinh làm bài tập số 1 trong sách giáo khoa. Nội dung: Xác định trạng ngữ trong các câu sau: b. Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, thực hành làm bài. c. Báo cáo và thảo luận - HS trình bày bài tập đã làm. d. GV kết luận, nhận định GV chốt lại kiến thức 2.2.2. Nhiệm vụ 2: Làm bài tập số 2. a. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu học sinh làm bài tập số 2 trong sách giáo khoa. Nội dung: So sánh các câu trong từng cặp câu dưới đây và nhận xét về tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ. b. Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, thực hành làm bài.	1. Bài tập 1 trang 17 a. Hôm qua, nước / bắt đầu dâng lên nhanh hơn. <i>TN chỉ thời gian</i> b. Suốt từ chiều hôm qua, nước / bắt đầu dâng lên nhanh hơn. <i>TN chỉ thời gian</i> <i>Trạng ngữ là thành phần phụ để chỉ thời gian, nơi chốn, mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc và hành động...</i>

* Gọi Duy đọc đề và xác định trạng ngữ ở câu a.

2.a.1 Trong gian phòng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường.

TN chỉ nơi chốn

CN

VN

a.2 Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, những bức tranh của thí sinh /treo kín bốn bức tường.

TN chỉ nơi chốn (không gian rộng rãi)

CN

VN

(Tạ Duy Anh – Bức tranh của em gái tôi)

→ Ở ví dụ **a.2**, trạng ngữ được mở rộng hơn so với ví dụ ở **a.1**: không chỉ cung cấp thông tin về địa điểm như trạng ngữ trong gian phòng mà còn cho thấy đặc điểm của căn phòng (lớn, tràn ngập ánh sáng).

b.1 Thế là qua một đêm, trời /bỗng đổi gió bắc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta

TN chỉ nơi chốn

CN

VN

tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt.

b.2 Thế là qua một đêm mưa rào, trời /bỗng đổi gió bắc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho

TN chỉ nơi chốn

CN

VN

người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt.

(Thạch Lam – Gió lạnh đầu mùa)

→ Ở ví dụ **b.2**, trạng ngữ được mở rộng hơn so với trạng ngữ ở ví dụ ở **b.1**, nhờ vậy mà thời gian, đặc điểm của sự việc trời trở gió... được nêu lên cụ thể hơn.

c.1 Trên nóc một lô cốt, người phụ nữ trẻ /đang phơi thóc.

TN chỉ nơi chốn

CN

VN

c.2 Trên nóc một lô cốt cũ kề bên một xóm nhỏ, người phụ nữ trẻ /đang phơi thóc.

TN chỉ nơi chốn

CN

VN

(Trần Hoài Dương – Miền xanh thẳm)

→ Ở ví dụ c.2, trạng ngữ được mở rộng hơn so với trạng ngữ ở ví dụ ở c.1, nhờ vậy mà không gian – nơi người phụ nữ trẻ đang phơi thóc được hiện lên rất rõ nét và cụ thể: cho thấy đặc điểm và vị trí của lô cốt (cũ, kề bên một xóm nhỏ).

c. Báo cáo và thảo luận

- HS trình bày bài tập đã làm.
- HS chia sẻ những khó khăn gặp phải trong quá trình làm bài.

d. GV kết luận, nhận định

GV chốt lại kiến thức

Trạng ngữ giúp bổ sung thông tin cho câu, giúp cho câu diễn đạt được rõ ràng hơn, có thể biểu thị được điều mà người viết muốn nói một cách đầy đủ hơn.

2.2.3. Nhiệm vụ 3: Làm bài tập số 3.

Hoạt động của GV&HS	Sản phẩm cần đạt
a. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu học sinh làm bài tập số 3 trong sách giáo khoa. Nội dung: Hãy viết một câu có trạng ngữ là một từ. Mở rộng trạng ngữ của câu thành cụm từ và nêu tác dụng của việc dùng cụm từ làm thành phần trạng ngữ của câu. b. Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, thực hành làm bài. c. Báo cáo và thảo luận - HS trình bày bài tập đã làm. - HS chia sẻ những khó khăn gặp phải trong quá trình làm bài. d. GV kết luận, nhận định - GV chốt lại kiến thức Khi viết, cần biết mở rộng trạng ngữ, điều đó sẽ giúp cho câu được diễn đạt đầy đủ, sâu sắc hơn.	3. Dùng trạng ngữ bằng 1 từ sau đó mở rộng trạng ngữ bằng một cụm từ (dựa trên từ chỉ trạng ngữ ban đầu). VD: Chiều, khu vườn rộn rã tiếng chim ca. → Mở rộng trạng ngữ: Vào buổi chiều mùa hè, khu vườn rộn rã tiếng chim ca. 4. a. Trong tiếng mưa hình như có tiếng nước sông dâng cao, xiên xiết chảy. → Từ láy “xiên xiết” miêu tả âm thanh của tiếng nước chảy, Xiên xiết là mức độ giảm nhẹ của xiết. Câu văn nói về cảm giác của Mên và Mon khi nghe tiếng mưa và tiếng nước sông dâng cao trong đêm. Hai đứa trẻ cảm nhận dòng nước xiết

2.2.4. Nhiệm vụ 4: Làm bài tập số 4 thực hành về từ láy.

a. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu học sinh làm bài tập số 4 trong sách giáo khoa.

Nội dung:

Tìm từ láy và nêu tác dụng của việc sử dụng từ láy trong các câu sau:

b. Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, thực hành làm bài.

Báo cáo và thảo luận

- HS trình bày bài tập đã làm.

- HS chia sẻ những khó khăn gặp phải trong quá trình làm bài.

d. GV kết luận, nhận định

- GV chốt lại kiến thức

Khi muốn xác định tác dụng của từ láy, chúng ta nên dựa vào nội dung của câu để phán đoán được một cách chính xác tác dụng của từ láy.

đang dâng dần lên và ẩn chứa sức mạnh ngầm, trong đó có sự nguy hiểm đang rình rập.

b. Tấm thân bé bỏng của con chim vụt bứt ra khỏi dòng nước và bay lên cao hơn lần cất cánh đầu tiên ở bãi cát.

→ Từ láy “*bé bỏng*” khắc họa hình ảnh những chú chim chìa vôi bé nhỏ, mới được sinh ra nên non nớt, yếu ớt. Hình ảnh những con chim bé bỏng đang bay vào bờ đối lập với dòng nước khổng lồ dâng cao xiên xiết chảy cho thấy vẻ đẹp, bản lĩnh của đàn chim non. Hình ảnh này giúp người đọc cảm nhận được sự kì diệu và sức sống mãnh liệt của thế giới tự nhiên.

c. Những đôi cánh mỏng manh run rẩy và đầy tự tin của bầy chim đã hạ xuống bên một lùm dứa dại bờ sông.

→ Từ láy *mỏng manh* miêu tả những cánh chim rất mỏng, nhỏ bé; từ *run rẩy* diễn tả sự rung động mạnh, liên tiếp và yếu ớt của đôi cánh. Qua đó, câu văn nhấn mạnh sự nhỏ bé, non nớt của đàn chim non mới nở. Nhưng đàn chim ấy đã thực hiện thành công một hành trình kì diệu: bay lên khỏi dòng nước khổng lồ để hạ xuống.

3. Hoạt động 3: Vận dụng

3.1. Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức đã học vào thực tiễn viết văn
3.2. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV&HS	Sản phẩm cần đạt
a. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu học sinh viết các câu văn có sử dụng trạng ngữ, từ láy trong câu. - GV giao bài tập về nhà để học sinh luyện tập Nội dung: Viết đoạn văn miêu tả cảnh bình minh trên biển, trong đoạn có sử dụng trạng ngữ và từ láy. Gạch chân và chú thích rõ. b. Thực hiện nhiệm vụ - HS lắng nghe. - HS tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ được chuyển giao tại nhà. c. Báo cáo và thảo luận - HS chia sẻ những thắc mắc của cá nhân. d. GV kết luận, nhận định - GV chốt lại những yêu cầu và những lưu ý kỹ năng cần thiết để HS có thể củng cố kiến thức và vận dụng tốt hơn.	

HẾT./

Ngày soạn: 09/09/2023

Ngày dạy: 12,13,14,15/09/2023

BÀI 1: BẦU TRỜI TUỔI THƠ

TUẦN 2- Đọc – hiểu văn bản (2)

ĐI LẤY MẬT (Tiết 5-7)

I. MỤC TIÊU

- HS xác định được đề tài (thiên nhiên, con người phương Nam) và người kể chuyện (ngôi thứ nhất); nhận biết được tính cách của các nhân vật trong đoạn trích *Đi lấy mật*: tía nuôi, An và Cò.
 - HS biết lựa chọn, phân tích các chi tiết tiêu biểu để khái quát đặc điểm tính cách của từng nhân vật; nêu được ấn tượng chung về vẻ đẹp của thiên nhiên và con người trong đoạn trích; hiểu được cách miêu tả tinh tế, sinh động của tác giả.
 - Bồi đắp cho HS những xúc cảm thẩm mỹ trước thiên nhiên, con người.
- * HSKT: em Duy xác định đề tài và người kể chuyện.**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.
- Tranh ảnh về nhà văn Đoàn Giỏi và truyện Đất rừng phương Nam, phim, nhạc về phương Nam.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Khởi động

a. Mục tiêu: HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

b. Nội dung:

HS xem video và trả lời các câu hỏi.

- Ghi lại các địa điểm nổi tiếng đã xuất hiện trong video?
- Trong những địa điểm ấy, nơi nào để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất? Ấn tượng đó là gì?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh .

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Chiếu video, phát giấy note cho HS

B2: Thực hiện nhiệm vụ

I. TÌM HIỂU CHUNG

Mục tiêu.

Nội dung:

GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để tìm hiểu về tác giả, KT đặt câu hỏi để HS tìm hiểu văn bản.

HS dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà để thảo luận nhóm cặp đôi và trả lời những câu hỏi của GV.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm cặp đôi (theo bàn). - Yêu cầu HS mở phiếu học tập GV đã giao về nhà trên nhóm zalo và đổi phiếu cho bạn cùng nhóm để trao đổi, chia sẻ. ? Trình bày những nét cơ bản về nhà văn Đoàn Giỏi? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến. B3: Báo cáo, thảo luận - Yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm. - HS đại diện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. B4: Kết luận, nhận định Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo . - Bổ sung, nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi. - Chốt kiến thức.	1. Tác giả - Đoàn Giỏi (1925- 1989) - Quê: Tiền Giang - Nhà văn của miền đất phương Nam. - Các tác phẩm của ông tập trung tái hiện vẻ đẹp trù phú của thiên nhiên, sự chất phác, thuần hậu, can đảm, trọng nghĩa tình của con người Nam Bộ. - Các tác phẩm chính: Đường về gia hương, Cá bóng mú, Đất rừng phương Nam

HS xem video, ghi câu trả lời lên giấy note

* Em Duy đọc lại tác giả SGK/24.

2. Tác phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

a. Đọc

- Hướng dẫn đọc nhanh.

+ Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.

+ Thể hiện rõ lời thoại của các nhân vật

+ Sử dụng chiến lược theo dõi, tóm tắt, hình dung, so sánh.

- Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.

b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:

? Trích đoạn “Đi lấy mật” viết về đề tài gì?

? Văn bản được trích dẫn từ tập truyện nào của nhà văn Đoàn Giỏi?

? Dựa vào tri thức Ngữ văn hãy cho biết nhân vật chính trong văn bản này là nhân vật nào?

? Ngôi kể được sử dụng trong văn bản là ngôi kể thứ mấy? Đó là lời kể của ai?

? Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần?

Nêu nội dung của từng phần?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.

2. Theo dõi, hỗ trợ HS.

B3: Báo cáo, thảo luận

B3: Báo cáo, thảo luận

2. Tác phẩm

a) Đọc và tóm tắt

- Cách đọc

- Tóm tắt

- Đề tài: thiên nhiên, con người phương Nam

- Xuất xứ: chương 9 trong truyện Đất rừng phương Nam

- Thể loại: truyện

- Nhân vật chính: An, Cò, tía nuôi

- Ngôi kể: ngôi thứ nhất.

- Trả lời các câu hỏi của GV. - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn B4: Kết luận, nhận định - Nhận xét thái độ qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi. - Chốt kiến thức. <i>* Em Duy đọc một đoạn văn bản, nhận biết đề tài, ngôi kể, thể loại,...</i>	

II. Tìm hiểu chi tiết

1. Vẻ đẹp của con người phương Nam

Mục tiêu

Nội dung:

GV sử dụng KT khăn phủ bàn để tìm hiểu về các nhân vật An, Cò, tía nuôi

HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm								
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Chia nhóm lớp. - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2, 3, 4 bằng cách trả lời các câu hỏi trong phiếu. - Thời gian: 10 phút Nhân vật tía nuôi 1. Tìm những chi tiết miêu tả ngoại hình, cử chỉ, hành động, lời nói của nhân vật tía nuôi của An?	<table> <tr> <th colspan="2">a. Nhân vật tía nuôi</th></tr> <tr> <th></th><th>Chi tiết</th></tr> <tr> <td>Ngoại hình</td><td>- Bên hông lưng lửng chiếc túi, lưng mang gùi, tay cầm chĩa gạc</td></tr> <tr> <td>Cử chỉ, hành động</td><td>- Đi trước, phật ngang nhánh gai -> dọn đường</td></tr> </table>	a. Nhân vật tía nuôi			Chi tiết	Ngoại hình	- Bên hông lưng lửng chiếc túi, lưng mang gùi, tay cầm chĩa gạc	Cử chỉ, hành động	- Đi trước, phật ngang nhánh gai -> dọn đường
a. Nhân vật tía nuôi									
	Chi tiết								
Ngoại hình	- Bên hông lưng lửng chiếc túi, lưng mang gùi, tay cầm chĩa gạc								
Cử chỉ, hành động	- Đi trước, phật ngang nhánh gai -> dọn đường								

2. Qua những chi tiết vừa tìm được nêu cảm nhận của em về tía nuôi của An? Nhân vật Cò: 1.Cò đi rừng như thế nào? (bỡ ngỡ, chậm chạp hay nhanh nhẹn, thành thạo) 2. Cò có những hiểu biết gì về săn chim, về rừng U Minh? 3. Cò đã giảng giải cho An những gì? 3. Từ những chi tiết trên, theo em, Cò là một cậu bé sinh ra và lớn lên ở đâu? Điều gì khiến em khẳng định như vậy? Nhân vật An: 1.An cảm nhận như thế nào về tía nuôi, má nuôi, về Cò? 2.An đã có những suy nghĩ gì khi nghe má nuôi kể về cách “ăn ong” của người dân U Minh? 3.Từ những chi tiết tìm được em có thể khái quát đặc điểm, tính cách của An? 4.Từ nhân vật An, Cò, tía nuôi em có cảm nhận như thế nào về người dân phương Nam? B2: Thực hiện nhiệm vụ - Quan sát những chi tiết trong SGK B3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.	Lời nói Nhận xét	- Bảo dừng nghỉ -> ăn cơm -> vì thấy An đã mệt (qua nghe tiếng thở) <i>“tía nuôi tôi chỉ nghe tiếng thở đằng sau lưng ông thôi mà biết chứ ông có quay lại nhìn tôi đâu”</i> -Kiên nhẫn chỉ cho An cách quan sát đường ong bay trong rừng - Hình dáng: toát lên vẻ đẹp của một người lao động từng trải, can đảm: vóc dáng khỏe mạnh, vững chãi, cử chỉ mạnh mẽ, dứt khoát... - Lời nói, cách xử xử: thể hiện sự quan tâm, yêu thương dành cho cậu con nuôi (nghe tiếng thở biết An mệt cần nghỉ chân, chú tâm chăm lo cho An hơn Cò vì biết An chưa quen đi rừng...) Ông gác kèo cho ong rừng làm tổ rất giỏi và	

Chỉ định HS trả lời câu hỏi.

- HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn B4: Kết luận, nhận định - Bổ sung, nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức. * Em Duy nhận biết được nhân vật trong truyện.		bảo vệ đàn ong, trân trọng sự sống. * Một người lao động dạn dày kinh nghiệm; tính cách mạnh mẽ, giàu lòng nhân hậu, yêu thương con người và thiên nhiên.
	b. Nhân vật Cò	
		Chi tiết
	Ngoại hình	- Cặp chân như cặp giò nai lội suốt ngày trong rừng cũng chẳng nhăm nhò gì.
Cử chỉ, hành động	- Đi rừng An chỉ quấy tòn ten 1 cái gùi bé -> Cò đội cái thúng to tưng, trong thúng đựng một vò nước, mấy gói cơm nắm. - Khi An đã thấm mệt thì Cò vẫn chưa nhăm nhò gì -Khoát tay ra hiệu đi thật khẽ.... Tổ ong kìa!	
Lời nói	- Hỏi An: “Đó mày biết con ong mật là con nào?” -Giải thích cho An cách quan sát để phát hiện	

	đường ong bay “Bây giờ mày cứ nhìn kĩ vào khoảng trống giữa hai nhánh tràm cao kia. ...Nhìn một chỗ trống ấy thôi nhá. Nó tới liền bây giờ. -Khi An ồ lên vì thấy rất nhiều chim -> Cò: “Thứ chim này đẹp gì... Thứ đồ bỏ. Mày mà gặp “sân chim” thì mày sẽ biết”
Nhận xét	* Cò là một cậu bé sinh ra, lớn lên ở vùng đất rừng phương Nam

c. Nhân vật An	
	Chi tiết
Cử chỉ, lời nói, hành động	- Quảy tròn ten một cái gùi bé - “Chịu thua mày đó, tao không thấy con ong mật đâu cả”. - “Chim đẹp quá Cò ơi! Ở đây nhiều chim quá!” - “Sao biết nó về cây nào mà gác kèo?” - “Kèo là gì hở má?”

B4: Kết luận, nhận định

		- “Coi bộ cũng không khó lắm hở má?”	
	Cảm nhận về má nuôi, tía nuôi, về Cò	- “Quả là tôi đã mệt thật.” - Tía nuôi tôi chỉ nghe tôi thở đằng sau lưng ông thôi mà biết... - Má nuôi tôi vò đầu tôi, cười rất hiền lành. - Muốn hỏi Cò đủ thứ về rừng U Minh, về cách gác kèo, cách quan sát phát hiện bầy ong, về sân chim...	
	Suy nghĩ về cách “ăn ong” của người dân U Minh	- So sánh cách nuôi ong của người La Mã, người Ai Cập, người Mê Tây Cơ, ở Phi châu, ở xứ Tây Âu... để thấy được sự độc đáo của người dân U Minh trong cách “ăn ong”.	
	Nhận xét	* Với tía nuôi, má nuôi: An rất yêu quý, luôn nghĩ về họ với những tình cảm gần gũi, thân thuộc, ấm áp.	

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

	* Với Cò: có lúc An cảm thấy “ghen tị” vì Cò đi rừng thành thạo, biết nhiều về rừng U Minh; luôn ngạc nhiên, ngưỡng mộ trước sự hiểu biết về rừng U Minh của Cò * Với so sánh về cách thuần hóa ong của các dân tộc: An là người ham hiểu biết, thông minh.	
2. Vẻ đẹp của rừng U Minh		
Mục tiêu. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về vẻ đẹp của rừng U Minh HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.		
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm	

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

2.1 Đọc – hiểu văn bản

B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Qua cái nhìn của An, thiên nhiên rừng U Minh hiện lên như thế nào? - Chia nhóm cặp đôi. - Phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ cho các nhóm. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: làm việc cá nhân, làm việc nhóm cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ học tập. B3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm cặp đôi khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo B4: Kết luận, nhận định - Bổ sung, nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các cặp đôi. - Chốt kiến thức.	<table border="1"> <tr> <th colspan="2">2. Vẻ đẹp của rừng U Minh</th></tr> <tr> <th></th><th>Chi tiết</th></tr> <tr> <td>Ánh sáng</td><td> - Rừng yên tĩnh, không khí mát lạnh (không khí, sông ngòi, nương rạch, đất ẩm, thảo mộc thở ra từ bình minh. -Ánh sáng trong vắt, hơi gợn chút óng ánh trên đầu hoa trầm rung rung ... cảm giác như là nó bao qua 1 lớp thủy tinh. </td></tr> <tr> <td>Âm thanh, mùi hương</td><td> - Rừng cây im lặng quá, một chiếc lá rơi cũng có thể khiến người ta giật mình. Chim chóc chẳng nghe con nào kêu. -Bóng nắng lên, gió bắt đầu rao rao theo khối mặt trời tròn đang tuôn ánh sáng vàng rực xuống mặt đất.... -Một làn hơi đất nhè nhẹ tỏa lên ... - Chim hót líu lo -Nắng bốc hương hoa trầm thơm ngây ngất </td></tr> <tr> <td>Cảnh vật</td><td> - Mấy con kỳ nhông nằm phơi mình -Những loại cây và màu sắc của từng phiến lá - Hàng ngàn con chim rừng vụt bay lên </td></tr> </table>	2. Vẻ đẹp của rừng U Minh			Chi tiết	Ánh sáng	- Rừng yên tĩnh, không khí mát lạnh (không khí, sông ngòi, nương rạch, đất ẩm, thảo mộc thở ra từ bình minh. -Ánh sáng trong vắt, hơi gợn chút óng ánh trên đầu hoa trầm rung rung ... cảm giác như là nó bao qua 1 lớp thủy tinh.	Âm thanh, mùi hương	- Rừng cây im lặng quá, một chiếc lá rơi cũng có thể khiến người ta giật mình. Chim chóc chẳng nghe con nào kêu. -Bóng nắng lên, gió bắt đầu rao rao theo khối mặt trời tròn đang tuôn ánh sáng vàng rực xuống mặt đất.... -Một làn hơi đất nhè nhẹ tỏa lên ... - Chim hót líu lo -Nắng bốc hương hoa trầm thơm ngây ngất	Cảnh vật	- Mấy con kỳ nhông nằm phơi mình -Những loại cây và màu sắc của từng phiến lá - Hàng ngàn con chim rừng vụt bay lên
2. Vẻ đẹp của rừng U Minh											
	Chi tiết										
Ánh sáng	- Rừng yên tĩnh, không khí mát lạnh (không khí, sông ngòi, nương rạch, đất ẩm, thảo mộc thở ra từ bình minh. -Ánh sáng trong vắt, hơi gợn chút óng ánh trên đầu hoa trầm rung rung ... cảm giác như là nó bao qua 1 lớp thủy tinh.										
Âm thanh, mùi hương	- Rừng cây im lặng quá, một chiếc lá rơi cũng có thể khiến người ta giật mình. Chim chóc chẳng nghe con nào kêu. -Bóng nắng lên, gió bắt đầu rao rao theo khối mặt trời tròn đang tuôn ánh sáng vàng rực xuống mặt đất.... -Một làn hơi đất nhè nhẹ tỏa lên ... - Chim hót líu lo -Nắng bốc hương hoa trầm thơm ngây ngất										
Cảnh vật	- Mấy con kỳ nhông nằm phơi mình -Những loại cây và màu sắc của từng phiến lá - Hàng ngàn con chim rừng vụt bay lên										

		- Những loài côn trùng bé nhỏ, kỳ lạ - Thế giới đầy bí ẩn của loài ong.
	Nhận xét	- Qua cái nhìn của An, rừng U Minh hiện ra với vẻ đẹp kỳ thú, đầy chất thơ, vừa giàu có, hoang sơ: + Bình minh yên tĩnh, trong vắt, mát lành. + Buổi trưa tràn đầy ánh nắng, ngậy ngát hương thơm của hoa tràm, rộn ràng tiếng chim, tiếng ong, tiếng côn trùng và rực rỡ sắc màu của cây, lá. -Bức tranh thiên nhiên ấy còn cho thấy An là cậu bé có khả năng quan sát tinh tế, có tâm hồn trong sáng biết phát hiện, cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên.
III. TỔNG KẾT		
Mục tiêu:		

Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi để khái quát giá trị nghệ thuật, nội dung và những điều rút ra từ văn bản. HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1 Chuyển giao nhiệm vụ ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Nội dung chính của văn bản “Đi lấy mật”? ? Sau khi học xong văn bản “Đi lấy mật”, em học tập được điều gì về cách lựa chọn đề tài, về cách kể chuyện và về việc lựa chọn chi tiết của tác giả khi kể chuyện? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân và ghi câu trả lời ra giấy. B3: Báo cáo, thảo luận HS báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn. B4: Kết luận, nhận định - GV bổ sung, nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS. - Chốt nội dung phần tổng kết .	1. Nghệ thuật - Sử dụng ngôn ngữ đối thoại. - Miêu tả tâm lí nhân vật. 2. Nội dung - Kể về những trải nghiệm đi rừng, cách thuần hóa ong rừng, cách “ăn ong” của người dân U Minh. 3. Những điều rút ra từ tác phẩm <i>a. Về cách lựa chọn đề tài khi kể</i> - Đề tài gần gũi <i>b. Về cách kể</i> - Ngôn ngữ kể tự nhiên. <i>c. Về lựa chọn chi tiết để kể/tả.</i> - Lựa chọn những chi tiết tiêu biểu để kể/tả.

* Em Duy đọc lại nội dung phần tổng kết.	

2.2 Viết kết nối với đọc

Mục tiêu.

Nội dung: HS viết đoạn văn

Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) trình bày cảm nhận của em về một chi tiết thú vị trong đoạn trích “Đi lấy mật”?

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

-HS lựa chọn chi tiết tiêu biểu: chi tiết miêu tả thiên nhiên rừng U Minh (không khí trong rừng, loài cây, loài vật...); chi tiết khắc họa tính cách nhân vật (ngoại hình, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ...)

-HS viết đoạn văn.

B3: Báo cáo, thảo luận: HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét...

B4: Kết luận, nhận định

- Bổ sung, nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn.

- Chiều (đọc) đoạn văn mẫu.

Đoạn văn mẫu:

Trích đoạn “Đi lấy mật” không chỉ kể về chuyến đi rừng, tìm hiểu về cách “ăn ong” của người dân U Minh mà còn miêu tả vẻ đẹp phong phú, sống động của những cánh rừng phương Nam. “Chim hót líu lo. Nắng bốc hương hoa tràm thom ngậy ngát. Gió đưa mùi hương ngọt lan ra, phảng phất khắp rừng”. Ba câu văn ngắn nhưng người đọc như được đánh thức các giác quan từ thính giác, thị giác đến khứu giác. Vẻ đẹp hoang sơ, huyền ảo của rừng U Minh khiến An lâng lâng trong cảm giác ngát ngậy. Qua đó ta cũng nhận ra tài quan sát tinh tế, khả năng cảm nhận, phát hiện vẻ đẹp đầy chất thơ về rừng U Minh đại ngàn của An.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

- Vẻ đẹp trù phú của thiên nhiên với rừng rậm bạt ngàn, trù phú, thú rừng hoang dã muôn loài. Con người chất phác, thuần hậu, trọng nghĩa, can đảm.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời: *Qua văn bản em có ấn tượng như thế nào về con người và rừng phương Nam ?*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

Nêu được cảm nhận về một chi tiết tiêu biểu.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: *Viết đoạn (5-7 câu) trình bày cảm nhận của em về một chi tiết thú vị trong đoạn trích “Đi lấy mật”*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

*** PHIẾU HỌC TẬP:**

PHIẾU HỌC TẬP 01:

NHIỆM VỤ CỦA CÁC NHÓM:

Nhóm	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3,4
Nhiệm vụ	Nhân vật: tía nuôi An	Nhân vật Cò	Nhân vật An
1) Tìm các chi tiết miêu tả ngoại hình, lời nói, hành động, suy nghĩ,			

<i>cảm xúc, mối quan hệ với các nhân vật khác.</i>			
2) <i>Nghệ thuật xây dựng nhân vật</i>			
3) <i>Tính cách nhân vật</i>			

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhóm 1: Đoạn trích có những nhân vật nào, chỉ ra mối quan hệ của các nhân vật đó.

.....

Nhóm 2,3: Trong đoạn trích em ấn tượng với nhân vật nào ? Hãy nêu những chi tiết nói về ngoại hình, hành động, lời nói, cảm xúc... của nhân vật đó và nêu cảm nhận của em về nhân vật em ấn tượng.

.....

Nhóm 4: Tóm tắt lại ngắn gọn câu chuyện kể của má nuôi An về cách lấy mật.

.....

BÀI 1: BẦU TRỜI TUỔI THƠ (tt)

Tiết: 8 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ

1. Mục tiêu:

- Hs củng cố kiến thức về mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ;

- HS hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ;
- HS biết mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

*** HSKT: Em Duy nhận biết chủ ngữ, vị ngữ trong câu.**

2. Nội dung: HS suy nghĩ để nhận biết thành phần chính, hiểu tác dụng, biết mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ, từ đó hoàn thành các bài tập.

3. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: củng cố kiến thức đã học cho HS, kết nối, tạo tâm thế tiếp nhận kiến thức mới.

b. Nội dung: HS làm việc theo nhóm bàn, trả lời câu hỏi của GV, kết nối vào bài mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS làm việc theo nhóm bàn với các yêu cầu:

1. HS nhắc lại các loại cụm từ đã học ở lớp 6;

2. HS lấy ví dụ một câu có chủ ngữ và vị ngữ là một cụm từ. Gạch chân và phân tích cụm từ.

- HS thảo luận theo cặp bàn, cử đại diện trình bày;

- HS nhóm khác nghe, nhận xét.

- GV bổ sung, tuyên dương bài làm tốt.

- Gợi ý đáp án:

1. Các loại cụm từ đã học ở lớp 6: cụm DT; cụm ĐT; cụm TT;

2. - Câu có CN làm CDT: a. Con mèo đen kia/ đã làm đổ lọ hoa. b. Những em học sinh/ đang say sưa học bài.

- Câu có VN làm CDT: a) Các bạn học sinh/ đang hăng hái tiến về lễ đài. b. Dòng sông/ uốn lượn bao bọc làng quê.

- Câu có VN làm CTT: a. Cô bé/ rất đáng yêu. B. Bức tranh/ tuyệt đẹp.

HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH

Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ

a. Mục tiêu:

- **Bài tập 1:** HS ôn tập các kiến thức đã học về mở rộng thành phần chủ ngữ bằng CDT ở lớp 6; biết rút gọn và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi CN được rút gọn; **Bài tập 2:** Thử rút gọn TP vị ngữ trong mỗi câu và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi vị ngữ được rút gọn; **Bài tập 3:** Chỉ ra tác dụng của việc sử dụng các câu ở rộng thành phần vị ngữ; **Bài tập 4:** xác định thành phần chính của câu, sau đó thêm từ/cụm từ vào thành phần chính của câu để tạo thành cụm từ.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, theo cặp bàn, hoàn thành bài tập vào phiếu, vở.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HT SỐ 1

Câu	Rút gọn CN	Nhận xét sự thay đổi nghĩa sau khi rút gọn CN
a.		
b.		
c.		

PHIẾU HT SỐ 2

Câu	Rút gọn VN	Nhận xét sự thay đổi nghĩa sau khi rút gọn VN
a.		
b.		
c.		

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm		
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm bài theo cặp bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập 2 trang 25, xác định yêu cầu của bài: <i>1. Rút gọn cụm từ trong CN;</i> <i>2. Nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi CN được rút gọn.</i>	Bài tập 2/tr.25		
	Câu	Rút gọn CN	Nhận xét sự thay đổi nghĩa sau khi rút gọn CN
	a.	Tiếng lá rơi	Câu không còn ý nghĩa chỉ sự phiếm định (một)

- Thực hiện vào phiếu HT số 1 trong vòng 3 phút. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đại diện trình bày, nhận xét. - HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên bổ sung, nhận xét, đánh giá, lưu ý. <i>* Em Duy đọc lại kết quả bài tập đã hoàn chỉnh và chép bài tập 1 vào vở.</i>			và thời gian (lúc này).
	b.	Phút yên tĩnh	Câu sẽ bị mất đi ý nghĩa miêu tả, hạn định (của rừng ban mai).
	c.	con gặm ghì	Câu sẽ không còn ý nghĩa chỉ số lượng (mấy) và đặc điểm của sự vật (sắc lông màu xanh)
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm bài theo cặp bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập 3, trang 25, xác định yêu cầu của bài: 1. Rút gọn cụm từ trong VN; 2. Nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi VN được rút gọn. Thực hiện vào phiếu HT số 2 trong vòng 3 phút. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đại diện trình bày, nhận xét. - HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá	Bài tập 3/tr.25:		
	Câu	Rút gọn VN	Nhận xét sự thay đổi nghĩa sau khi rút gọn VN
	a.	vẫn không rời tổ ong	VN sẽ không nêu được thông tin về đặc điểm vị trí của tổ ong.
	b.	im lặng	VN sẽ không nêu được thông tin về mức độ của trạng thái im lặng (quá).
	c.	lại lộp, bện bằng rom	VN sẽ không nêu được thông tin về đặc điểm kiểu dáng của tổ ong (đủ kiểu, hình thù khác nhau).

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý. * Em Duy đọc lại kết quả bài tập 2 đã hoàn chỉnh và chép bài tập 2 vào vở.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, thực hiện bài theo yêu cầu: + <i>Chỉ ra tác dụng của việc sử dụng các câu ở rộng thành phần vị ngữ.</i> - Sau khi HS hoàn thành, GV cho HS trao đổi bài cho nhau tự sửa và trình bày trên lớp. - Thực hiện vào vở bài tập. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, xác định yêu cầu và thực hiện. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày, nhận xét. - HS nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý. * Em Duy đọc lại bài tập 3 đã hoàn chỉnh.	Bài tập - Tác dụng: + <i>Giúp cho đoạn văn giàu chất thơ, giàu hình ảnh sinh động;</i> + <i>Miêu tả được vẻ đẹp của buổi trưa trong rừng U Minh;</i> + <i>Vẻ đẹp của khu rừng được cảm nhận bằng nhiều giác quan: tiếng chim, hương thơm, kì không nằm phơi lưng, biến đổi màu.</i> + <i>Thể hiện sự am tường trong quan sát, sự gắn bó của tác giả với thiên nhiên,...</i>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp bàn, thực hiện bài theo các bước: 1. <i>Xác định thành phần chính của câu (CN, VN);</i> 2. <i>Thêm từ / cụm từ vào trước hoặc sau thành phần chính của câu để tạo thành cụm từ.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, xác định yêu cầu và thực hiện.	Bài tập 4/tr.25: a. <i>Gió mùa đông bắc đang thổi về lạnh buốt;</i> b. <i>Không khí buổi sớm rất trong lành;</i> c. <i>Ong trong rừng bay ào ào;...</i>

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện cặp HS trình bày, nhận xét. - Cặp nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý.	

HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

3.1. Mục tiêu: học sinh vận dụng những kiến thức đã học để viết đoạn văn có sử dụng các cụm từ để mở rộng thành phần chính của câu, gạch chân dưới các thành phần đó.

3.2. Nội dung: bài tập

3.3. Sản phẩm: đoạn văn

3.4. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ:

Yêu cầu HS viết một đoạn văn từ 3-5 câu. Trong đó có sử dụng các cụm từ để mở rộng thành phần chính của câu.

Thực hiện nhiệm vụ:

HS viết đoạn văn như yêu cầu theo hình thức cá nhân.

Báo cáo, thảo luận:

Yêu cầu HS trình bày sản phẩm, nhận xét

Kết luận, nhận định:

GV nhận xét, đánh giá về mức độ hoàn thành bài tập, mức độ lĩnh hội kiến thức của Hs.

Bảng kiểm

Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Đúng hình thức của một đoạn văn	
Đoạn văn viết đúng yêu cầu từ 3-5 dòng	
Đoạn văn có chủ đề	
Đoạn văn có sử dụng các cụm từ để mở rộng thành phần chính của câu	

HẾT./

Ngày soạn: 11/09/2023

Ngày dạy: 19, 20, 21, 22 /9/2023

TUẦN 3:- BÀI 1: BẦU TRỜI TUỔI THƠ

Tiết: 9 Văn bản 3: NGÀN SAO LÀM VIỆC
(Võ Quảng)

I. Mục tiêu

- HS sẽ cảm nhận được vẻ đẹp của khung cảnh êm đềm và nhịp sống bình yên nơi đồng quê, của vũ trụ bao la mà vẫn gần gũi thân thuộc, vui nhộn;
- Giúp HS hình thành, phát triển năng lực thẩm mỹ, trí tưởng tượng.
- HS trân trọng và có tình yêu thiên nhiên.

*** Em Duy đọc được văn bản, giúp em trân trọng và có tình yêu thiên nhiên.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.
- Các hình ảnh, video liên quan.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
- Nội dung:** HS quan sát tranh, chia sẻ cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.
- Tổ chức thực hiện:**



Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (PP vấn đáp, quan sát, lắng nghe)

- GV cho HS xem tranh và đặt câu hỏi: *Từ gợi ý của những bức tranh trên, em hãy chia sẻ trải nghiệm của mình.*
- HS: Chia sẻ những ấn tượng, cảm xúc về một vẻ đẹp của bầu trời trong buổi hoàng hôn/bình minh/đêm trăng; hoặc một cảnh đẹp đồng quê mà em yêu thích,....

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, suy nghĩ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS chia sẻ cá nhân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

→ **GV dẫn vào bài:** *Cuộc sống ngày càng phát triển với những tiện nghi hiện đại thì con người dường như càng rời xa thiên nhiên. Chúng ta đôi khi quên mất rằng, con người chúng ta chính là một phần của thiên nhiên tươi đẹp đó. Các em hãy một lần thả hồn và hòa mình vào khung cảnh thiên nhiên để thêm yêu, thêm trân trọng thế giới tự nhiên xung quanh mình như nhân vật “tôi” của Võ Quảng trong bài thơ “Ngàn sao làm việc”.*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung văn bản

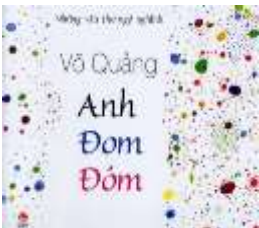
a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản “Ngàn sao làm việc”.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kỹ năng thu thập thông tin, trình bày một phút về tác giả; đọc diễn cảm để tìm hiểu về tác phẩm như: thể thơ, đề tài, bố cục, nhân vật trữ tình.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân (trình bày được một số nét cơ bản về văn bản).

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Tìm hiểu chung	

NV1: Tìm hiểu về tác giả Võ Quảng Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu câu hỏi: 1. Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác giả Võ Quảng (tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp); 2. Chia sẻ ngắn gọn những cảm nhận, ấn tượng về một tác phẩm của Võ Quảng đã học ở tiểu học hoặc đã đọc như: <i>Ai dậy sớm</i>, <i>Anh đom đóm</i>, <i>Mời vào</i>,... Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời nhanh. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục 2. * Em Duy đọc lại phần tác giả SGK/26.	1. Tác giả:  - Võ Quảng (1920-2007) quê ở Quảng Nam. - Ông sáng tác thơ, truyện, viết kịch bản phim hoạt hình và dịch một số tác phẩm nổi tiếng thế giới. - Với ngôn ngữ, giọng điệu hồn nhiên, ngộ nghĩnh, vui tươi, thơ viết cho thiếu nhi của ông giản dị, trong sáng gợi nhiều liên tưởng bất ngờ, độc đáo. - Tác phẩm tiêu biểu: <i>Nắng sớm</i> (1965), <i>Anh đom đóm</i> (1970), <i>Quê nội</i> (1970),...   
NV2: Tìm hiểu về văn bản “Ngàn sao làm việc” Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV yêu cầu HS nêu xuất xứ của bài thơ: *GV hướng dẫn cách đọc diễn cảm văn bản: Đọc to, rõ ràng, giọng	2. Tác phẩm: - Văn bản “Ngàn sao làm việc” trích trong <i>Tuyển tập Võ Quảng</i>, tập II, NXB Văn học, Hà Nội, 1998, tr.170-171). a. Đọc và tìm hiểu chú thích b. Hình thức văn bản *Thể thơ: Thơ 5 chữ.

nhẹ nhàng, trong trẻo, vui tươi. Tìm hiểu các chú thích SGK. *GV yêu cầu Hs trả lời các câu hỏi: 1. Nhận xét về thể thơ và giọng điệu. 2. Xác định đề tài và bố cục (Văn bản có thể chia thành mấy phần? Nội dung chính từng phần?) 3. Theo em, nhân vật trữ tình trong bài thơ này là ai? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 1. HS đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát và nhận xét; 2. HS suy nghĩ để trả lời các câu hỏi của GV. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV bổ sung, nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản * Em Duy đọc một đoạn văn bản và giải thích một số từ khó trong SGK.	*Giọng điệu: Nhẹ nhàng, trong trẻo, vui tươi. *Đề tài: Tuổi thơ và thiên nhiên (Vẻ của bầu trời đêm). *Bố cục: - Hai khổ đầu: <i>Cảnh vật đồng quê và tâm trạng của nhân vật “tôi”.</i> - Bốn khổ thơ cuối: <i>Vẻ đẹp của dải Ngân Hà và các chòm sao.</i> *Nhân vật trữ tình: Nhân vật “tôi”- một bạn nhỏ sống ở làng quê.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu chi tiết văn bản

a. Mục tiêu:

- Tìm các chi tiết, hình ảnh để nhận biết thời gian, không gian buổi chiều và bầu trời đêm, tâm trạng của nhân vật “tôi”; nắm bắt được nghệ thuật tả cảnh, các biện pháp tu từ, nêu được ấn tượng chung.

b. Nội dung: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc cá nhân, nhóm để tìm hiểu nghệ thuật miêu tả thiên nhiên của nhà thơ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP 01:

Nhiệm vụ riêng	Hình ảnh so sánh
Nhóm 1,2: Dải Ngân Hà	
Nhóm 3: sao Đại Hùng	
Nhóm 4: sao Thần Nông	
Nhóm 5,6: sao Hôm	

Nhiệm vụ chung:	
1. Tìm những nét chung ở những hình ảnh so sánh trên.	
2. Nêu ấn tượng chung về khung cảnh bầu trời đêm hiện lên qua trí tưởng tượng của nhân vật “tôi”.	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Tìm hiểu chi tiết văn bản	
Thao tác 1: Tìm hiểu về đẹp cảnh vật đồng quê và tâm trạng của nhân vật “tôi”. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc khổ 1 và 2, lần lượt trả lời các câu hỏi sau: 1. Tìm những chi tiết gợi tả không gian, thời gian. Từ những chi tiết đó, hãy xác định không gian, thời gian (Ở đâu, khi nào? vẻ đẹp hiện lên như thế nào?). 2. Nhận xét gì về nghệ thuật tả cảnh của tác giả (hình ảnh, ngôn ngữ, phép tu từ, ...)? 3. Em cảm nhận được tâm trạng của nhân vật “tôi” như thế nào trước khung cảnh ấy? (những biểu hiện qua công việc đang làm, giọng điệu và cách xưng hô, ...). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS làm việc cá nhân, nghe câu hỏi, theo dõi văn bản và thực hiện yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: - GV nhận xét, bổ sung kiến thức.	1. Hai khổ thơ đầu: Cảnh vật đồng quê và tâm trạng của nhân vật “tôi” 1. Chi tiết gợi tả không gian, thời gian: bóng chiều, đồng quê đang xanh thẫm, trở tối mờ, trời yên tĩnh, ngàn sao... Đó là cảnh cánh đồng quê vào buổi chiều hiện lên với vẻ đẹp thanh bình, yên tĩnh. 2. Nghệ thuật tả cảnh: Hình ảnh chọn lọc, tiêu biểu, ngôn ngữ bình dị, giàu sức gợi, các phép tu từ nhân hoá, so sánh sinh động,.. 3. Tâm trạng nhân vật “tôi”: vui tươi, hạnh phúc khi dắt trâu về nhà trong khung cảnh êm đềm, thơ mộng của đồng quê: bóng chiều toả, trời trở tối, người và trâu đi giữa trời đêm như bước giữa ngàn sao...

2: Tìm hiểu vẻ đẹp của dải Ngân Hà và các chòm sao. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV chia lớp thành 04 nhóm, tổ chức cho HS thảo luận theo các nhiệm vụ trong Phiếu HT số 01: - Thời gian làm việc nhóm: 05 phút. Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. (Có thể dùng giấy A0 để làm phiếu) Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Các nhóm hoàn thiện phiếu và cử đại diện báo cáo sản phẩm. Bước 4: Đánh giá, kết luận: - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS. - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2;	2. Bốn khổ thơ cuối: Vẻ đẹp của dải Ngân Hà và các chòm sao. <table border="1" data-bbox="755 294 1421 819"> <thead> <tr> <th>Nhiệm vụ riêng</th><th>Hình ảnh so sánh</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nhóm 1:</td><td>- Dải Ngân Hà như một dòng sông (<i>chảy giữa trời lồng lộng</i>)</td></tr> <tr> <td>Nhóm 2:</td><td>- Chòm sao Đại Hùng như chiếc gàu tát nước.</td></tr> <tr> <td>Nhóm 3:</td><td>- Chòm sao Thần Nông như chiếc vó bằng vàng.</td></tr> <tr> <td>Nhóm 4:</td><td>- Sao Hôm như đuốc đèn soi cá.</td></tr> </tbody> </table> Nhiệm vụ chung: <table border="1" data-bbox="755 850 1421 1885"> <tbody> <tr> <td data-bbox="755 850 1015 1459"> 1. <i>Tìm những nét chung ở những hình ảnh so sánh trên.</i> </td><td data-bbox="1015 850 1421 1459"> - Các chòm sao đều được so sánh với những vật dụng lao động của người nông dân: rất quen thuộc, gần gũi, sống động, nhộn nhịp, tươi vui; - Lối so sánh độc đáo khiến cảnh vật hiện lên sinh động, thể hiện được vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật “tôi”: rộng mở, giao hoà với thiên nhiên, với vũ trụ. </td></tr> <tr> <td data-bbox="755 1459 1015 1885"> 2. <i>Nêu ấn tượng về vẻ đẹp khung cảnh bầu trời đêm hiện lên qua trí tưởng tượng của nhân vật “tôi”.</i> </td><td data-bbox="1015 1459 1421 1885"> - Khung cảnh rộng lớn, mênh mông và không khí tươi vui, rộn rã. Ngàn sao toả sáng, những chòm sao hiện lên sống động như những con người đang mải miết, cần mẫn, hăng say trong công việc lao động thường ngày,... </td></tr> </tbody> </table>	Nhiệm vụ riêng	Hình ảnh so sánh	Nhóm 1:	- Dải Ngân Hà như một dòng sông (<i>chảy giữa trời lồng lộng</i>)	Nhóm 2:	- Chòm sao Đại Hùng như chiếc gàu tát nước.	Nhóm 3:	- Chòm sao Thần Nông như chiếc vó bằng vàng.	Nhóm 4:	- Sao Hôm như đuốc đèn soi cá.	1. <i>Tìm những nét chung ở những hình ảnh so sánh trên.</i>	- Các chòm sao đều được so sánh với những vật dụng lao động của người nông dân: rất quen thuộc, gần gũi, sống động, nhộn nhịp, tươi vui; - Lối so sánh độc đáo khiến cảnh vật hiện lên sinh động, thể hiện được vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật “tôi”: rộng mở, giao hoà với thiên nhiên, với vũ trụ.	2. <i>Nêu ấn tượng về vẻ đẹp khung cảnh bầu trời đêm hiện lên qua trí tưởng tượng của nhân vật “tôi”.</i>	- Khung cảnh rộng lớn, mênh mông và không khí tươi vui, rộn rã. Ngàn sao toả sáng, những chòm sao hiện lên sống động như những con người đang mải miết, cần mẫn, hăng say trong công việc lao động thường ngày,...
Nhiệm vụ riêng	Hình ảnh so sánh														
Nhóm 1:	- Dải Ngân Hà như một dòng sông (<i>chảy giữa trời lồng lộng</i>)														
Nhóm 2:	- Chòm sao Đại Hùng như chiếc gàu tát nước.														
Nhóm 3:	- Chòm sao Thần Nông như chiếc vó bằng vàng.														
Nhóm 4:	- Sao Hôm như đuốc đèn soi cá.														
1. <i>Tìm những nét chung ở những hình ảnh so sánh trên.</i>	- Các chòm sao đều được so sánh với những vật dụng lao động của người nông dân: rất quen thuộc, gần gũi, sống động, nhộn nhịp, tươi vui; - Lối so sánh độc đáo khiến cảnh vật hiện lên sinh động, thể hiện được vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật “tôi”: rộng mở, giao hoà với thiên nhiên, với vũ trụ.														
2. <i>Nêu ấn tượng về vẻ đẹp khung cảnh bầu trời đêm hiện lên qua trí tưởng tượng của nhân vật “tôi”.</i>	- Khung cảnh rộng lớn, mênh mông và không khí tươi vui, rộn rã. Ngàn sao toả sáng, những chòm sao hiện lên sống động như những con người đang mải miết, cần mẫn, hăng say trong công việc lao động thường ngày,...														

Hoạt động 2.3: Tổng kết

- a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của đoạn trích.
- b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức cho HS tự làm việc cá nhân; trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
III. Tổng kết	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS hoạt động cá nhân, tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa của văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: - GV bổ sung, nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học. <i>* Gọi em Duy đọc lại phần tổng kết.</i>	1. Nghệ thuật - Giọng điệu nhẹ nhàng, tươi vui; - Ngôn ngữ bình dị, gợi cảm; - Hình ảnh so sánh độc đáo, sinh động, gợi nhiều liên tưởng. 2. Nội dung – Ý nghĩa - Bài thơ đã khắc hoạ ấn tượng về đẹp của khung cảnh êm đềm và nhịp sống bình yên nơi đồng quê, của vũ trụ bao la mà vẫn gần gũi, thân thuộc, vui nhộn. <i>- Tác phẩm đã góp phần bồi đắp cho mỗi chúng ta tình yêu mến thiên nhiên, yêu vẻ đẹp thôn dã...</i>

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** củng cố kiến thức trong bài học thông qua việc phân tích các chi tiết gợi tả đặc sắc và giá trị của các từ láy.
- b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân để phân tích các chi tiết gợi tả đặc sắc và giá trị của các từ láy.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để thực hiện các yêu cầu sau: 1. Tìm từ láy và nêu tác dụng của việc sử dụng từ láy.	1. Các từ láy: <i>đứng đỉnh, nao nao, lồng lộng, rời rời, rộn rã, phe phẩy.</i> - Tác dụng: + Giúp nổi bật đối tượng được miêu tả; + Làm cho câu văn gợi hình gợi cảm, sinh động, hấp dẫn,...

2. Chọn và phân tích một chi tiết gọi tả đặc sắc mà em yêu thích nhất. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ trả lời các câu hỏi Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV gọi HS lên trình bày. - HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chỉnh sửa, bổ sung; chốt kiến thức.	2. HS lựa chọn: - Các chi tiết gọi tả đặc sắc như: <i>đồng quê xanh thăm chuyển sang tối mà; hình ảnh trâu đi đứng đỉnh giữa ngàn sao,...</i> - Các chi tiết gọi tả rất độc đáo, ấn tượng; gợi những liên tưởng thú vị; thể hiện trí tưởng tượng phong phú và cái nhìn vui tươi, hồn nhiên, trong sáng của trẻ thơ.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Trên cơ sở thẩm thấu bài thơ, kết hợp trí tưởng tượng của bản thân, HS viết đoạn văn miêu tả.

b. Nội dung: GV sử dụng kỹ thuật “Viết tích cực”; HS làm việc cá nhân để viết.

c. Sản phẩm: Bài viết đoạn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu nhiệm vụ để HS thực hiện:

*** Đề bài:** Dựa vào bài thơ “*Ngàn sao làm việc*” của Võ Quảng, kết hợp với trí tưởng tượng, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) miêu tả vẻ đẹp cảnh vật đồng quê vào buổi chiều và bầu trời lúc về đêm.

-1: HS chọn các chi tiết cảnh vật đồng quê vào buổi chiều (*bóng chiều, ánh sáng, con trâu...*) và bầu trời lúc về đêm (Các hình ảnh: *sông Ngân Hà, sao Thần Nông, sao Đại Hùng, sao Hôm*).

-2: Triển khai ý cho đoạn văn (Lần lượt miêu tả theo sự vận động của thời gian từ chiều tối đến về đêm; từ không gian đồng quê đến không gian vũ trụ bao la,...)

- 3: Viết;

- 4: Chỉnh sửa và hoàn thiện.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ viết đoạn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi một số HS trình bày.

- HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm, chỉnh sửa đoạn văn.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá, rút kinh nghiệm, đọc đoạn văn tham khảo:

Bảng kiểm

Kĩ năng viết đoạn văn

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5 - 7 câu.		
2	Đoạn văn đúng chủ đề: miêu tả về đẹp cảnh vật đồng quê vào buổi chiều và bầu trời lúc về đêm.		
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.		
4	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.		

- GV nhận xét và cho điểm HS.

Đoạn văn tham khảo

Miêu tả về đẹp cảnh vật đồng quê vào buổi chiều và bầu trời lúc về đêm

Bóng chiều lan toả xuống mặt đất, nhanh chóng len khắp các bờ cây, bụi rậm. Cánh đồng quê xanh thẫm bỗng chốc trở nên tối mò. Chú trâu đã ăn no nê, cái bụng căng tròn, bóng nhẫy. Cảnh vật yên tĩnh, trâu tôi đứng đĩnh, thong thả bước đi giữa ngàn sao lấp lánh. Dải Ngân Hà hiện ra như một dòng sông chảy giữa trời lồng lộng, sao Thần Nông toả rộng như chiếc vó, đón những ngôi sao dọc ngang về cùng, tíu tít như tôm cua bơi lội, còn ngôi sao Hôm toả sáng như đèn đuốc. Bên sông Ngân, sao Đại Hùng như chiếc gầu cần mẫn lo tát nước suốt đêm thâu. Ngàn sao hăng say, phấn khởi làm việc cho đến lúc hùng đông, khi ngày mới bắt đầu, ngàn sao rủ nhau về nghỉ.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học
- Tìm đọc thêm các tác phẩm khác của nhà thơ Võ Quảng.
- Chuẩn bị soạn bài Viết: “Tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài”.

Tiết: 10-12

TÓM TẮT VĂN BẢN THEO NHỮNG YÊU CẦU KHÁC NHAU VỀ ĐỘ DÀI

I. Mục tiêu

- Phản ánh đúng nội dung của văn bản gốc.
- Trình bày được những ý chính, những điểm quan trọng của văn bản gốc.
- Sử dụng các từ ngữ quan trọng của văn bản gốc.
- Đáp ứng được những yêu cầu khác nhau về độ dài của văn bản tóm tắt.

*** Em Duy đọc lại văn bản tóm tắt của các bạn và ghi vào vở.**

II. Thiết bị và học liệu

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá....

2. Học liệu: SGK, SGV kế hoạch bài dạy, sách tham khảo,....

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc các tình huống sau và trao đổi để rút ra nhận xét về sự cần thiết phải tóm tắt VB. GV nêu câu hỏi: 1. Điểm giống nhau trong cả ba tình huống sau đây là gì? Hãy rút ra sự cần thiết phải tóm tắt VB. 2. Tìm và nêu một số tình huống khác trong cuộc sống mà em thấy cần phải tóm tắt. a. Tuần trước do bị ốm, em không được cùng các bạn trong lớp xem bộ phim “Đất rừng phương Nam” (Dựa theo tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Đoàn Giỏi). Em muốn nhờ bạn kể lại bộ phim đó một cách vắn tắt. b. Để nắm chắc nội dung VB “Bầy chim chìa vôi”, cô giáo yêu cầu tất cả HS phải đọc và tóm tắt được văn bản ấy trước khi học trên lớp. c. Trong buổi sinh hoạt câu lạc bộ văn học, em được phân công giới thiệu một tác phẩm văn học mà mình yêu thích. Công việc cần làm trước khi phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật là phải tóm tắt VB. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ chia sẻ, trả lời	* Cả ba tình huống đều phải tóm tắt; Tóm tắt giúp người đọc người nghe dễ nắm bắt được nội dung chính của một câu chuyện. Do lược bỏ đi những chi tiết/yếu tố không quan trọng, nên VB tóm tắt thường ngắn gọn, dễ nhớ, vì làm nổi bật được các sự việc và nhân vật chính.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi một số đại diện trả lời các câu hỏi. - Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến. Bước 4: Kết luận, nhận định GV bổ sung, nhận xét, dẫn dắt vào nội dung bài học: <i>Như vậy qua phân chia sẻ, chúng ta bắt gặp rất nhiều tình huống cần phải sử dụng đến VB tóm tắt. Chính vì thế, kỹ năng tóm tắt là một kỹ năng rất quan trọng trong cuộc sống, trong học tập và nghiên cứu. Khi ra đường, ta chứng kiến một sự việc nào đó, về nhà kể tóm tắt là cho gia đình nghe, khi xem một cuốn sách, một bộ phim hay mới chiếu,... ta có thể tóm tắt lại cho người chưa đọc, chưa xem được biết. Đặc biệt, khi đọc một tác phẩm văn học, muốn nhớ được lâu, người đọc thường phải ghi chép lại bằng cách tóm tắt nội dung tác phẩm đó. Tùy từng yêu cầu khác nhau mà VB tóm tắt có độ dài ngắn khác nhau, bài học hôm nay thầy/cô trò chúng ta sẽ cùng nhau thực hành viết một VB tóm tắt như thế...</i>	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- Mục tiêu:** HS hiểu các yêu cầu đối với văn bản tóm tắt; tham khảo một bài viết cụ thể để rút ra các thao tác cơ bản để tạo ý tưởng cho bài viết của mỗi HS.
- Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức đã học, hoạt động cá nhân, thảo luận theo cặp bàn, tiến hành trả lời các câu hỏi.
- Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Tìm hiểu các yêu cầu đối với văn bản tóm tắt	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	- Phản ánh đúng nội dung của VB gốc: tránh đưa nhận xét chủ quan hoặc những thông tin không có trong VB gốc;

- GV mời HS trình bày các yêu cầu đối với VB tóm tắt (đã được thể hiện trong SHS, trang 27): - Một VB tóm tắt cần đảm bảo những yêu cầu nào về: - Nội dung so với VB gốc; - Những điểm cần chú ý trình bày trong VB tóm tắt; - Cách sử dụng từ ngữ; - Dung lượng. - Nêu điều em còn chưa rõ về yêu cầu đối với VB tóm tắt. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS theo dõi trong SGK để tìm câu trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày ý hiểu của mình và nêu những điều chưa rõ. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, khuyến khích HS trả lời. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức, ghi lên bảng. * Em Duy đọc lại yêu cầu trong SGK/tr 27.	- Trình bày được những ý chính, những điểm quan trọng của VB gốc: cần thấu tóm được nội dung không thể lược bỏ của VB gốc; - Sử dụng các từ ngữ quan trọng của VB gốc: đó là các “từ khoá”, từ then chốt, xuất hiện nhiều, chứa đựng nhiều thông tin; - Đáp ứng được những yêu cầu khác nhau về độ dài của VB tóm tắt: VB tóm tắt phải luôn ngắn hơn VB gốc. Tùy mục đích, cách thức, hoàn cảnh tóm tắt,...để điều chỉnh dung lượng.
2. Đọc và phân tích bài tóm tắt tham khảo	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu hai VB yêu cầu HS đọc hai văn bản tóm tắt truyền thuyết <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> trong SGK (trang 27-28) và nêu các câu hỏi/nhiệm vụ cho HS thảo luận theo cặp bàn: - VB tóm tắt có phản ánh trung thành nội dung của Vb gốc không? - VB tóm tắt có trình bày được những ý chính, những điểm quan trọng trong Vb gốc không?	- Hai VB đều phản ánh trung thành nội dung của VB gốc (không chứa nhận xét chủ quan, không đưa những thông tin không có trong VB gốc); - Hai VB đều trình bày được những ý chính, những điểm quan trọng của VB gốc; - Hai VB đều thể hiện được một số từ ngữ quan trọng trong VB gốc như: <i>Hùng Vương thứ mười tám, Mị Nương, Sơn Tinh- chúa miền non cao, Thủy Tinh-</i>

3. Nêu một số từ ngữ quan trọng của VB gốc được thể hiện trong VB tóm tắt. 4. Nhận xét về độ dài của VB tóm tắt 1 và 2. - GV hướng dẫn HS thảo luận theo các câu hỏi đặt ra. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ. - HS dự kiến câu trả lời, ghi ra giấy. - GV quan sát, hỗ trợ, khuyến khích. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức, ghi lên bảng. * Gọi Duy đọc một đoạn của bài tóm tắt mẫu.	chứa vùng nước thẳm, cầu hôn, lễ vật, nổi giận, thua, ... 4. Độ dài hai VB: Dung lượng VB1: có 4 câu; VB2 có 12 câu. VB2 miêu tả sự việc kĩ hơn so với VB1.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – THỰC HÀNH VIẾT

a. Mục tiêu: HS xác định được mục đích viết và người đọc trước khi viết bài, thực hành tóm tắt VB theo các bước.

b. Nội dung: HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, chốt lọc kiến thức, thực hành viết theo các bước hướng dẫn của SGK.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU TÌM Ý

Nhiệm vụ: Ghi lại những ý chính của VB bằng cách trả lời các câu hỏi vào cột bên phải

Bối cảnh: Câu chuyện xảy ra ở đâu, khi nào?	
Nhân vật chính là ai?	
Những sự việc tiêu biểu	
Sự việc 1:	
Sự việc 2:	
Sự việc 3:	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
3. Thực hành viết theo các bước	
Hướng dẫn HS hoạt động cá nhân, thực hành viết bài Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV hướng dẫn HS xác định mục đích viết và người đọc trước khi viết bài nhằm nhắc nhở HS thường xuyên có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng mà người viết hướng đến khi viết bài.. *GV hướng dẫn HS tìm hiểu bước 1. Trước khi tóm tắt: 1. <i>Đọc kĩ VB “Bầy chim chìa vôi”.</i> 2. <i>Xác định nội dung chính cần tóm tắt như:</i> - <i>Nội dung cốt lõi của toàn VB;</i> - <i>Xác định các phần và tìm ý chính của từng phần trong VB; (HS dùng sơ đồ truyện trong SGK (trang 29) ghi lại ý chính của VB, chú ý đến nhân vật và sự việc tiêu biểu). HS ghi vào Phiếu tìm ý</i> 3. <i>Xác định từ ngữ quan trọng của VB.</i> 4. <i>Xác định yêu cầu về độ dài của VB:</i> - <i>Xác định ý lớn ý nhỏ của VB gốc;</i> - <i>Lựa chọn: VB tóm tắt ngắn gọn, VB có dung lượng lớn hơn.</i> *GV hướng dẫn và cho HS viết VB tóm tắt: - <i>Khi tiến hành viết, các em cần chú ý điều gì? (HS lưu ý trong SGK trang 29)</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc lại VB và thực hiện các yêu cầu nhiệm vụ, hoàn thành sản phẩm vào phiếu tìm ý, viết bài tóm tắt vào vở. - GV quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS viết VB tóm tắt.	Đề bài: Tóm tắt VB “Bầy chim chìa vôi” (Nguyễn Quang Thiều) 1. Bước 1. Trước khi tóm tắt - <i>Mục đích viết:</i> Giới thiệu nội dung chính của VB gốc để lưu giữ làm tài liệu hoặc chia sẻ với người đọc. - <i>Người đọc:</i> Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến VB. a. Đọc kĩ văn bản gốc b. Xác định nội dung chính cần tóm tắt - <i>Nội dung cốt lõi: Chuyện hai anh em Mên và Mon đi đò ra bãi cát giữa sông để cứu tổ chim sắp bị ngập nước và xúc động khi chứng kiến cảnh đàn chim bé bỏng bứt khỏi dòng nước khổng lồ bay lên.</i> - <i>Ý chính các phần (điền vào phiếu tìm ý):</i> + <i>Phần (1): Khoảng hai giờ sáng, trời mưa to, hai anh em Mên và Mon không thể ngủ được vì sợ những con chim chìa vôi ở bãi sông bị chết đuối.</i> + <i>Phần (2): Hai anh em Mên và Mon vẫn lo rằng tổ chim chìa vôi sẽ bị ngập, chìm trong dòng nước lớn. Hai anh em nghĩ cách mang tổ chim vào bờ.</i> + <i>Phần (3): Mên và Mon đi đò ra bãi cát giữa sông và xúc động khi chứng kiến cảnh chim bố, chim mẹ dẫn bầy chim non bay lên, bứt khỏi dòng nước khổng lồ.</i> - <i>Từ ngữ quan trọng: hai giờ sáng, hai anh em Mên và Mon, chim chìa vôi, chết đuối, bãi cát giữa sông, bay lên khỏi dòng nước lớn,...</i>

Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét thái độ viết bài của HS.	c. Xác định yêu cầu về độ dài của VB tóm tắt - Ý lớn: + Phần (1): Hai anh em Mên và Mon sợ những con chim chìa vôi ở bãi sông bị chết đuối. + Phần (2): Hai anh em nghĩ cách mang tổ chim vào bờ. + Phần (3): Mên và Mon đi ra sông và chứng kiến cảnh bầy chim non bay lên khỏi dòng nước. - Ý nhỏ: hai giờ sáng, trời mưa to, hai anh em không ngủ được, hai anh em lo bầy chim bị ngập chìm trong dòng nước lớn, hai anh em đi dò ra dải cát giữa sông, chim bố, chim mẹ dẫn bầy chim non bay lên... 2. Bước 2. Viết văn bản tóm tắt
4. Trả bài và chỉnh sửa bài viết	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV thực hiện: 1. Cho HS nhắc lại yêu cầu đối với VB tóm tắt và một vài lưu ý khi tóm tắt VB; 2. Nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài tóm tắt của HS (Phân tích ưu điểm và hạn chế trong bài làm); 3. Trả bài và yêu cầu HS chỉnh sửa theo hướng dẫn SGK bằng hình thức làm việc cá nhân hoặc nhóm cặp đôi; hoàn thành vào Phiếu chỉnh sửa. 4. Cho HS tự đánh giá các thao tác thực hiện trong quá trình tóm tắt VB vào Bảng kiểm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xem lại bài và chỉnh sửa, tự rút kinh nghiệm. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày sản phẩm.	3. Bước 3. Chỉnh sửa 1. Yêu cầu đối với VB tóm tắt và một vài lưu ý khi tóm tắt VB. (SGK tr.27, 29). 2. Ưu điểm và hạn chế trong bài làm. 3. Chỉnh sửa bằng Phiếu chỉnh sửa. 4. Tự đánh giá bằng Bảng kiểm.

- HS khác nhận xét về bài viết của bạn. Bước 4: Đánh giá, kết luận - HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu. - Tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV (theo bảng kiểm) - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, khen ngợi những bài viết đảm bảo tốt các yêu cầu. - Động viên HS chưa đạt được yêu cầu, cần nỗ lực hơn.	

PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Nhiệm vụ: *Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:*

STT	Nội dung	Chỉnh sửa
1.	Lược bỏ các thông tin không có trong VB gốc và những ý kiến bình luận của người tóm tắt.	
2.	Lược bớt các chi tiết thừa, không quan trọng.	
3.	Bổ sung những ý chính, điểm quan trọng của VB gốc.	
4.	Bổ sung những từ ngữ quan trọng có trong VB gốc.	
5.	Rút gọn hoặc phát triển văn bản tóm tắt để bảo đảm yêu cầu về độ dài.	
6.	Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt (dùng từ, đặt câu,...). Nếu có, hãy viết rõ những lỗi cần sửa chữa.	

BẢNG KIỂM

Nhiệm vụ:

Xem lại các bước làm bài và đọc kỹ lại bài viết, tự đánh dấu (x) vào ô Đạt hoặc Không đạt

STT	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1	<i>Đọc kĩ VB gốc để hiểu đúng nội dung, chủ đề của VB.</i>		
2	<i>Xác định nội dung chính cần tóm tắt.</i>		
3	<i>Sắp xếp các nội dung chính theo một trật tự hợp lí.</i>		
4	<i>Xác định yêu cầu về độ dài của VB tóm tắt.</i>		
5	<i>Viết VB tóm tắt theo trật tự nội dung chính đã xác định.</i>		
6	<i>Đọc lại bản tóm tắt và chỉnh sửa bản tóm tắt.</i>		

THAM KHẢO VĂN BẢN TÓM TẮT BẦY CHIM CHÌA VÔI

Văn bản 1:

Hai anh em Mên và Mon sợ những con chim chìa vôi ở bãi sông bị chết đuối. Sau đó, hai anh em nghĩ cách mang tổ chim vào bờ. Chúng đi ra sông và chứng kiến cảnh bầy chim non bay lên khỏi dòng nước.

Văn bản 2:

Khoảng hai giờ sáng, trời mưa to, hai anh em Mên và Mon không thể ngủ được vì sợ những con chim chìa vôi ở bãi sông bị chết đuối. Chúng vẫn lo rằng tổ chim chìa vôi sẽ bị ngập, chìm trong dòng nước lớn. Hai anh em nghĩ cách mang tổ chim vào bờ. Mên và Mon đi dò ra dải cát giữa sông và xúc động, nhận ra chúng đã khóc từ lúc nào, khi chứng kiến cảnh chim bố, chim mẹ dẫn bầy chim non bay lên, bứt khỏi dòng nước khổng lồ, “thực hiện xong chuyến bay quan trọng, đầu tiên và kì vĩ nhất trong đời chúng”. Mên và Mon trở về nhà “nhìn nhau và cùng bật cười ngượng ngịu”.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện lại bài viết theo phiếu chỉnh sửa.
- Thực hành tự tóm tắt VB “*Đi lấy mật*” và “*Ngôi nhà trên cây*”, tr.33.
- Chuẩn bị phần **Nói và nghe**: Trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm.

HẾT./

Ngày soạn: 18/09/2023

Ngày dạy: 26,27,28,29/9/2023

TUẦN 4

BÀI 1- Tiết 13:	NÓI VÀ NGHE
TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ MÀ EM QUAN TÂM	

I. Mục tiêu:

- HS trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống mà mình quan tâm.
- HS tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày.
- HS biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.
- Tự tin thể hiện bản thân.
- Biết lắng nghe.

*** Em Duy tự tin hơn trước tập thể, biết lắng nghe các bạn trình bày.**

II. Thiết bị và học liệu

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, phiếu học tập, rubric đánh giá....

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo,...

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện:

QUAN SÁT TRANH VÀ CHIA SẺ MỘT VẤN ĐỀ EM QUAN TÂM



HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS quan sát tranh và nêu câu hỏi: <i>Hãy nêu tên đề tài của bức tranh. Em quan tâm nhất đến vấn đề nào được gọi ra từ những bức tranh trên hoặc có thể nêu một vấn đề nảy sinh từ chính cuộc sống mà bản thân em gặp phải? Vì sao em lại quan tâm đến vấn đề đó?</i>	- Tranh 1: Trẻ em ham thích sử dụng thiết bị công nghệ; - Tranh 2: Chúng ta cần lắng nghe và thấu hiểu; - Tranh 3: Suy nghĩ, tự giác/áp lực trong học tập; - Tranh 4: Trừng phạt/bạo lực với trẻ em.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, lựa chọn câu trả lời ghi ra giấy. - GV quan sát, động viên. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV khích lệ một số HS trình bày, chia sẻ nhanh bằng ngôn ngữ nói, HS khác lắng nghe. Bước 4: Đánh giá, kết luận: - GV nhận xét phần trình bày của HS và dẫn dắt vào nội dung tiết học: <i>Cuộc sống luôn chứa đựng rất nhiều các vấn đề đáng quan tâm, đòi hỏi mỗi người cần biết lựa chọn góc nhìn, biết bày tỏ thái độ, quan điểm...Vậy để chia sẻ với những người xung quanh về một vấn đề mà em quan tâm, em cần chuẩn bị những nội dung như thế nào và kỹ năng trình bày ra sao. Bài học hôm nay thầy/cô cùng các em sẽ cùng nhau tìm hiểu.</i>	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS hiểu được các yêu cầu trước khi nói; trình bày và trao đổi được về bài nói.

b. Nội dung: HS xác định mục đích, trình bày nội dung bài nói và lắng nghe, trao đổi với bạn về bài nói của mình.

c. Sản phẩm: Bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu; thái độ lắng nghe tích cực của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

BẢNG KIỂM

(Đọc kỹ dàn ý bài nói, đánh dấu (x) vào ý có xuất hiện hoặc không xuất hiện, sau đó điều chỉnh, hoàn thiện dàn ý trước khi nói)

Các ý quan trọng	Có xuất hiện	Không xuất hiện
1. Nêu vấn đề và biểu hiện của vấn đề		
2. Nêu nguyên nhân		
3. Tác động (lợi/hại; tốt/xấu)		
4. Rút ra bài học: (nhận thức và hành động)		

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ			
Nhóm.....			
TIÊU CHÍ	Mức độ		
	Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)
1. Thể hiện ý kiến của người nói về một vấn đề mà em quan tâm	Chưa thể hiện được ý kiến của người nói về một vấn đề đời sống.	Thể hiện được ý kiến của người nói về một vấn đề đời sống.	Thể hiện được ý kiến của người nói về một vấn đề đời sống một cách rõ ràng, ấn tượng.
2. Đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng	Chưa đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng phù hợp với vấn đề bàn luận.	Đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng phù hợp với vấn đề bàn luận.	Đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, sâu sắc, tiêu biểu, phù hợp với vấn đề bàn luận.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm	Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần.	Nói rõ, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Nói rõ, truyền cảm; hầu như không lặp lại hay ngập ngừng.
4. Sử dụng ngôn ngữ cơ thể (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp	Điệu bộ thiếu tự tin, chưa có sự tương tác (ánh mắt, cử chỉ,...) với người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp với nội dung.	Điệu bộ tự tin, có sự tương tác (ánh mắt, cử chỉ,...) với người nghe; nét mặt biểu cảm khá phù hợp với nội dung.	Điệu bộ rất tự tin, có sự tương tác tích cực (ánh mắt, cử chỉ,...) với người nghe; nét mặt biểu cảm rất phù hợp với nội dung.
5. Trao đổi với người nghe	Chưa trao đổi được với người nghe.	Trao đổi được với người nghe một số nội dung cơ bản.	Trao đổi thuyết phục về các nội dung mà người nghe đặt ra.
Tổng:/10 điểm			

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

1. Trước khi nói	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Trước khi nói, GV cho HS trả lời các câu hỏi sau: a. Chuẩn bị nội dung nói *Bước 1: 1. Xác định đề tài/vấn đề em quan tâm trao đổi. 2. Bài nói nhằm mục đích gì? Người nghe là ai? 3. Em chọn không gian nào để thực hiện/trình bày bài nói ? 4. Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút? *Bước 2: 6. Để có tư liệu cho bài nói, em cần thu thập thông tin từ những nguồn nào? *Bước 3: 7. Để ghi ngắn gọn một số ý quan trọng, em cần trả lời các câu hỏi nào? (Sử dụng Bảng kiểm để kiểm tra dàn ý/cấu trúc của bài nói) *Bước 4: 8. Em cần dự kiến trao đổi các nội dung nào mà người nghe có thể thắc mắc, phản hồi. 9. Cuối cùng, em hãy lập dàn ý cho bài nói của mình. Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ...để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn. b. Luyện tập - GV yêu cầu HS tập trình bày theo nhóm (nhóm đôi hoặc 3-4 em, mỗi HS trình bày trong 5 phút). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, lần lượt thực hiện các bước theo yêu cầu của GV. - HS khác nghe, góp ý. - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận	Đề bài: Từ thực tế cuộc sống của mình và từ những điều học hỏi được qua sách báo, phương tiện nghe nhìn, em hãy trao đổi với các bạn về một vấn đề mà em quan tâm. Có thể lựa chọn một trong những vấn đề sau: - Trẻ em và việc sử dụng các thiết bị công nghệ (ti vi, điện thoại, máy tính, ...) - Trẻ em với nguyện vọng được người lớn lắng nghe, thấu hiểu. - Trẻ em với việc học tập. - Bạo hành trẻ em (trong gia đình, ngoài xã hội). a. Chuẩn bị nội dung nói - Bước 1: Xác định đề tài/vấn đề, người nghe, mục đích, người nghe không gian và thời gian thực hiện/trình bày bài nói. (SGK, tr.30). - Bước 2: Thu thập tư liệu. (SGK, tr.31) - Bước 3: Ghi ngắn gọn một số ý quan trọng. (SGK, tr.31) + Nêu vấn đề và biểu hiện của vấn đề; + Nguyên nhân; + Tác động: Lợi ích/tác hại; mặt tốt/mặt xấu; + Bài học: Nhận thức và hành động. - Bước 4: Dự kiến trao đổi các nội dung mà người nghe phản hồi. b. Luyện tập - Tập trình bày, lắng nghe nhận xét góp ý và hoàn thiện bài nói.

- HS hoàn thiện sự chuẩn bị bài nói vào trong vở; tập trình bày bài nói trước nhóm. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.	
2. Trình bày bài nói	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tiến hành: 1. Chia lớp thành 03 nhóm, các nhóm theo đôi, chấm chéo nhau vào Phiếu đánh giá theo tiêu chí. 2. Mời đại diện nhóm lên trình bày trước lớp (Lưu ý: HS cần tận dụng các lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời như: <i>sử dụng ngữ điệu, cử chỉ điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo nên sức hấp dẫn và thuyết phục cho bài nói</i>) 3. Yêu cầu HS khác tập trung lắng nghe để tóm tắt nội dung của bài trình bày và dự kiến một số vấn đề sẽ trao đổi, thảo luận với người nói. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Đại diện HS các nhóm lên trình bày trước lớp. - Các nhóm HS khác lắng nghe, ghi chép, góp ý, dự kiến nội dung cần góp ý, trao đổi. - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS trình bày bài nói; - HS khác nêu vấn đề cần trao đổi. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.	
3. Sau khi nói	
- GV yêu cầu HS trao đổi về bài nói theo các gợi ý trong SGK, tr.32; - GV cho các nhóm HS thảo luận và hoàn thiện PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ;	- Người nghe: Trao đổi về bài nói trên tinh thần xây dựng và tôn trọng; - Người nói: lắng nghe, phản hồi những ý kiến trên tinh thần cầu thị.

- HS nêu thắc mắc hoặc những điều cần trao đổi lại. - GV tổng kết, nhận xét, tuyên dương, rút kinh nghiệm. * Em Duy lắng nghe các bạn trình bày bài nói và nhận xét theo suy nghĩ của Duy.	

BÀI NÓI THAM KHẢO

1. Chào hỏi, giới thiệu vấn đề sẽ nói:

Xin chào Cô và các bạn. Em tên là....., học lớp....., trường.....

Sau đây em xin trình bày (*Giọng tâm tình, vừa phải*):

2. Thuyết trình nội dung chính: (*Nói to, rõ ràng; giọng truyền cảm...*

3. Kết thúc bài nói: (*Giọng lắng lại, tha thiết*) Các bạn thân mến!

Cảm ơn Cô và các bạn đã lắng nghe bài của em. Rất mong nhận được những góp ý và chia sẻ từ mọi người. Em xin chân thành cảm ơn!

BÀI 1

Trẻ em và việc sử dụng các thiết bị công nghệ (ti vi, điện thoại, máy tính,...)

Xã hội phát triển, những thiết bị điện tử công nghệ như: ti vi, điện thoại, máy tính,..đang ngày càng trở nên phổ biến hơn. Ngay lập tức, chúng trở nên hấp dẫn và thu hút, đặc biệt với học sinh. Vấn đề này đang gây lo lắng cho không ít gia đình.

Trong các gia đình hiện nay, những hình ảnh xuất hiện khá phổ biến đó là các bạn học sinh thường dán mắt vào màn hình ti vi hoặc cặp kè bên người chiếc điện thoại, chiếc máy tính để học hoặc chơi game, xem phim, ảnh... Theo một nghiên cứu có từ năm 2009 của tổ chức Kaiser Family Foundation, trẻ từ 8-18 tuổi đang tiếp xúc với các phương tiện truyền thông kỹ thuật số trung bình 7,5 tiếng/ngày. Trong khi đó, Viện hàn lâm Nhi khoa Hoa Kỳ thì lại khuyến cáo thời gian nhìn vào màn hình trong một ngày không nên kéo dài quá 2 tiếng. Nguyên nhân là do dịch bệnh kéo dài, học sinh phải học trực tuyến, hoặc bố mẹ bận công việc nên thiếu kiểm soát. Nguyên nhân quan trọng nhất vẫn là do chính bản thân các bạn chưa ý thức hết những tác động mà các thiết bị công nghệ mang lại.

Tiếp cận quá sớm với các thiết bị công nghệ như vậy mang lại một số lợi ích nhất định như giúp các bạn học sinh cập nhật thông tin, học trực tuyến trong những ngày dịch bệnh không thể đến trường... Nhưng chúng cũng sẽ gây ra những tác hại không lường hết. Điều lo ngại nhất là học sinh đã tiếp cận với những nội dung xấu mà người lớn không thể biết. Dùng điện thoại, máy tính quá nhiều sẽ còn gây hại đến sức khỏe và gây ra nhiều bệnh như cận thị, trầm cảm, ngại giao tiếp và những bệnh liên quan đến não, giảm khả năng tưởng tượng và sáng tạo...

Chính vì vậy, ngoài thời gian sử dụng thiết bị để học, các bạn cần giới hạn thời gian sử dụng. Các bậc phụ huynh phải có những công cụ quản lý thời gian của

con em mình, đảm bảo sức khỏe của tốt nhất, tránh gây ảnh hưởng đến cơ thể, đặc biệt là mắt và yếu tố tâm lý. Đồng thời, các bạn cần tích cực rèn thói quen đọc sách hằng ngày; thường xuyên trò chuyện với cha mẹ; tập thể dục thể thao, vui chơi giải trí để tăng cường và cân bằng sức khỏe.

Ngày nay việc sử dụng các thiết bị công nghệ đã trở nên thực sự hữu ích nhưng chúng ta không nên lạm dụng chúng mà chỉ nên sử dụng khi cần thiết, phục vụ cho việc học tập và giải trí lành mạnh.

BÀI 2

Trẻ em với nguyện vọng được người lớn lắng nghe, thấu hiểu

Hiện nay, trẻ em đang được chăm sóc, bảo vệ và giáo dục ngày càng tốt hơn, nhất là đảm bảo các nhu cầu cơ bản. Tuy nhiên, trong một xã hội phát triển như vũ bão, nhiều vấn nạn đang xâm hại không nhỏ đến trẻ em rất cần người lớn quan tâm, lắng nghe và thấu hiểu.

Tại gia đình, trong nhà trường và ngoài xã hội, trẻ em đang phải đối diện với nhiều vấn đề như: áp lực học tập, thiếu nơi vui chơi giải trí an toàn, bạo lực học đường, sức khỏe dinh dưỡng, phân biệt đối xử, các tệ nạn xã hội... Một số trẻ em ở thành phố vì áp lực học tập mà thiếu thời gian và không gian vui chơi giải trí lành mạnh, nạn bạo lực học đường gia tăng. Ở vùng sâu, vùng xa trẻ em chịu thiệt thòi hơn vì còn thiếu trường học, bữa ăn thiếu chất dinh dưỡng, thiếu nơi sinh hoạt cộng đồng... Chính những điều đó đã khiến cho một số em trở nên trầm cảm hoặc có những suy nghĩ tiêu cực, sa vào tệ nạn xã hội, nhảy lầu tự tử...

Nguyên nhân là do nhiều cha mẹ mãi làm ăn hoặc thiếu kiến thức, thiếu quan tâm lắng nghe và thấu hiểu con trẻ; bản thân trẻ em còn non nớt chưa đủ nhận thức để vượt qua những trở ngại mà bản thân gặp phải. Một số nhà trường đôi khi chỉ chú trọng việc dạy kiến thức trên lớp để đi thi mà chưa thường xuyên đổi mới sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh.

Chính vì vậy, cha mẹ và thầy cô cần tạo môi trường bình đẳng cho mọi trẻ em được tham gia, nói lên tiếng nói của bản thân, giúp trẻ em có những định hướng đúng đắn. Lắng nghe trẻ em nói, thấu hiểu điều trẻ em cần sẽ giúp các em có điều kiện, môi trường tốt nhất để phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần. Ngược lại, trẻ em cũng cần chủ động chia sẻ với cha mẹ và thầy cô những vướng mắc mà bản thân gặp phải để cùng nhau tháo gỡ.

Chung tay chăm sóc, bảo vệ trẻ em chính là động lực, nền tảng đưa xã hội ngày càng phát triển. Người lớn kiên trì lắng nghe và tôn trọng ý kiến của trẻ em để đưa ra những giải pháp phù hợp đúng đắn, đảm bảo lợi ích tốt nhất cho trẻ em.

BÀI 3

Trẻ em với việc học tập

Học tập là công việc hết sức quan trọng đối với tất cả mọi người, nhất là với trẻ em. Ngày nay, việc học tập càng quan trọng hơn bởi sự tiến bộ của thế giới đòi hỏi mỗi chúng ta cần phải đầu tư cho việc học của mình nhiều hơn.

Học không bao giờ là thừa hay vô ích. Chỉ khi bạn không học thì bạn mới trở nên vô dụng đối với xã hội. Khi bạn nỗ lực trong học tập, bạn sẽ nhận được kết quả xứng đáng. Khi đó, bạn sẽ tìm thấy niềm vui trong học tập và biết rằng sẽ có kết quả tốt nếu bạn cố gắng. Thành công chỉ đến với người siêng năng và chăm chỉ, không đến với kẻ lười biếng. Trong học tập cũng vậy, hãy cố gắng hết mình, bạn sẽ có được thành công như mong muốn.

Việc học là một hành trình kéo dài suốt đời, mỗi người cần cố gắng học tập không ngừng để nâng cao tri thức. Từ đó, nâng cao khả năng tư duy để có thể tiếp nhận những tác động xung quanh cuộc sống thông qua các giác quan của mình. Học tập để nắm bắt cơ hội, tự tạo ra hạnh phúc của riêng mình. Học tập để hiểu biết hơn, từ đó vun đắp lòng yêu thương, học cách sẻ chia, tôn trọng xung quanh, đó có lẽ là giá trị lớn nhất mà một nhân cách có được.

Học tập có ý nghĩa rất lớn. Nó giúp ta thêm hiểu biết, để làm người, để lập nghiệp và có một cuộc sống ổn định. Học để có kiến thức tổ chức cuộc sống gia đình hạnh phúc; góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế, xây dựng văn hóa xã hội lành mạnh.

Việc học không chỉ quan trọng đối với cha mẹ mà còn được xã hội đặc biệt quan tâm, hãy biết trách nhiệm của mình để không ngừng học hỏi phấn đấu cho cuộc sống tốt đẹp sau này. Hãy cố gắng học tập chăm chỉ, rèn luyện bản thân để mang lại thành công trong tương lai. Muốn vậy, bạn cần có sức khỏe tốt, ăn uống hợp lý, làm việc có kế hoạch, có mục tiêu rõ ràng để kiểm soát thời gian một cách chủ động đồng thời phải nghiêm túc và nghiêm khắc với bản thân thì bạn mới mong thực sự tiến bộ, bài chưa xong bạn bè rủ đi chơi cũng cần biết từ chối...

BÀI 4

Bạo hành trẻ em (trong gia đình, ngoài xã hội)

Bạo hành trẻ em đang là một trong những vấn đề nhức nhối trong xã hội. Trong những năm gần đây, xã hội thực sự lo lắng về tình trạng xuất hiện ngày càng nhiều những vụ bạo hành trẻ em diễn ra trầm trọng, xảy ra ở nhiều địa điểm như gia đình, nhà trường và ngoài xã hội,...Điều đáng buồn trẻ em bị bạo hành cả về thể xác lẫn tinh thần, bị bóc lột sức lao động, bị đánh đập ngược đãi thậm tệ, bị lăng mạ, sỉ nhục,...Đây chính là hồi chuông cảnh tỉnh trong việc bảo vệ trẻ em.

Mới đây nhất vụ bé Vân Anh mười tuổi bị chính cha ruột và mẹ kế đánh đập dã man dẫn đến cái chết thương tâm. Hay một bé gái ba tuổi bị người tình của mẹ đóng mười cái đinh vào đầu dẫn đến tổn thương quá nặng và qua đời. Nhiều em học sinh bị thầy cô chửi mắng, bắt phạt quỳ gối trước cả lớp,...Những hành vi trên đã

gây những tổn thương nặng nề về thể chất và tinh thần khiến trẻ trở nên tự ti, trầm cảm, thậm chí nguy hiểm hơn nó đã cướp đi mạng sống của chính các em.

Nguyên nhân của những hiện tượng trên là do áp lực cuộc sống đói nghèo, do nhận thức non kém, do thiếu hiểu biết về quyền trẻ em; cha mẹ li hôn, mắc tệ nạn xã hội, bỏ mặc trẻ nhỏ; các cơ quan pháp luật chưa kịp thời phát hiện và xử lý; các quy định bảo vệ trẻ em chưa có hình thức xử phạt cụ thể và nghiêm khắc,...

Bạo hành trẻ em là hành vi rất đáng lên án và cần được nghiêm trị. Để bảo vệ trẻ em, tránh những hậu quả đáng tiếc do nạn bạo hành gây ra thì các cơ quan pháp luật cần phải nghiêm trị những kẻ bạo hành; tuyên truyền nâng cao nhận thức của xã hội; tăng cường trách nhiệm của gia đình, nhà trường và cộng đồng trong việc bảo vệ trẻ em. Mọi người cần sống quan tâm, yêu thương chia sẻ nhiều hơn để tránh những sự việc đau lòng do nạn bạo hành gây ra.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Tự hoàn chỉnh, rút kinh nghiệm bài nói nghe theo bảng kiểm, bảng đánh giá và góp ý của thầy cô bạn bè;
- Tự học nội dung các bài tập củng cố, mở rộng SGK, tr.32,33.

BÀI 2:

KHÚC NHẠC TÂM HỒN



*“Tiếng tha thiết nói thường nghe như hát
Kể mọi điều bằng riu rít âm thanh”*

A. NỘI DUNG BÀI HỌC VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. NỘI DUNG BÀI HỌC:

1. Đọc:

* **Đọc - hiểu các văn bản:**

- VB1: *Đồng dao mùa xuân* (Nguyễn Khoa Điềm);
- VB2: *Gặp lá cơm nếp* (Thanh Thảo);
- VB3: *Trở gió* (Nguyễn Ngọc Tư);
- VB thực hành đọc: *Chiều sông Thương* (Hữu Thịnh).

* **Thực hành tiếng Việt:** Biện pháp tu từ: Nói giảm nói tránh.

2. Viết: Tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ; Viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

3. Nói và nghe: Trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ tác phẩm văn học đã đọc).

4. **Củng cố, mở rộng:**

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 13 tiết – KHGD

Đọc và thực hành tiếng Việt	7 tiết
Viết	5 tiết
Nói và nghe	1 tiết

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG BÀI HỌC

- **HS biết cách đọc hiểu** một văn bản thơ bốn chữ và năm chữ:

+ Nêu được ấn tượng về văn bản và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm văn bản.

+ Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của hai bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.

- **HS nhận biết** được biện pháp tu từ nói giảm nói tránh và tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ này.

- **HS bước đầu biết làm một bài thơ** bốn chữ hoặc năm chữ; **viết đoạn văn ghi lại cảm xúc** sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

- **HS trình bày được** ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

- Biết trân trọng, vun đắp tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương đất nước.

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.
- Thiết kế bài giảng điện tử.
- Phương tiện và học liệu:

- + Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu,...
- + Học liệu: Tranh ảnh : GV sử dụng tranh, ảnh, video liên quan.
- + Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

2. Học sinh

- Đọc phần Kiến thức ngữ văn và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc - hiểu văn bản trong SGK; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

PHIẾU HỌC TẬP 01: TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN (Chuẩn bị ở nhà)	
Nhóm 1: MỘT SỐ YẾU TỐ HÌNH THỨC CỦA THỂ THƠ BỐN CHỮ	
1. Số chữ (tiếng):	
2. Cách gieo vần	
3. Cách ngắt nhịp:	
4. Hình ảnh thơ:	
Nhóm 2: MỘT SỐ YẾU TỐ HÌNH THỨC CỦA THỂ THƠ NĂM CHỮ	
1. Số chữ (tiếng):	
2. Cách gieo vần:	
3. Cách ngắt nhịp:	
4. Hình ảnh thơ:	

- Đọc kĩ phần **Định hướng** trong nội dung Viết, Nói và Nghe, và thực hành bài tập SGK.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

TIẾT 14-15: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN
VĂN BẢN 1. ĐỒNG DAO MÙA XUÂN

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý, tạo sự kết nối HS với chủ đề bài học.
- Nội dung:** HS nghe ca khúc phổ nhạc từ bài thơ, chia sẻ suy nghĩ, GV kết nối vào bài học.
- Sản phẩm:** Chia sẻ những suy nghĩ của bản thân.
- Tổ chức thực hiện:**
 - GV cho HS nghe ca khúc “*Tiếng Việt*”, nhạc: Lê Tâm, phổ thơ: Lưu Quang Vũ, thể hiện: Ca sĩ Tân Nhân.; và ca khúc “*Tiếng đàn bầu*” , nhạc: Nguyễn Đình Phúc, ca sĩ: Trọng Tấn.



(<https://www.youtube.com/watch?v=VOFD9Ik-fAw>)



(<https://www.youtube.com/watch?v=jbyJ4p132hQ>)

***GV sử dụng KT đặt câu hỏi:**

- Hãy chia sẻ những suy nghĩ, ấn tượng của em khi nghe ca khúc này (tiết tấu, giai điệu; ca từ,...);
- HS tự chia sẻ suy nghĩ, ấn tượng.

→ GV dẫn vào bài học:

Các em ạ! Trong bài thơ “Ngôi buồn nhớ mẹ ta xưa”, nhà thơ Nguyễn Duy đã từng viết: “Mẹ ru cái lẽ ở đời/ Sữa nuôi phần xác hát nuôi phần hồn”. Tự thuở còn nằm trong nôi, mỗi chúng ta hẳn đã được bà, được mẹ chăm chút, nâng niu, âu ơ trong từng câu hát. Cùng với dòng sữa ngọt lành, những tiết tấu, âm thanh của tiếng nhạc, ý nghĩa thấm sâu của mỗi ca từ “Tiếng tha thiết nói thường nghe như hát/Kể mọi điều bằng riu rít âm thanh” đã dần dần thấm thấu vào hồn ta mỗi ngày, toả sáng trong hành trình dài rộng của cuộc đời. Bài học **KHÚC NHẠC TÂM HỒN** hôm nay sẽ đưa các em đi tìm những vẻ đẹp bình dị, đơn sơ, trong sáng, thuần khiết, đầy xúc cảm yêu thương của thể loại thơ, một thể loại có khả năng truyền dẫn tình cảm và khơi gợi tâm hồn hết sức mãnh liệt....

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. TÌM HIỂU GIỚI THIỆU BÀI HỌC

a. Mục tiêu: Giúp HS xác định rõ mục đích, nội dung chủ đề và thể loại văn bản chính của bài học; khơi gợi hứng thú khám phá của HS.

b. Nội dung: HS chia sẻ suy nghĩ, hiểu biết về bài học.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Giới thiệu bài học	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> (SGK/tr.38) và cho biết: 1. Hai đoạn văn trong lời giới thiệu cho ta biết điều gì? 2. Bài học “ <i>Khúc nhạc tâm hồn</i> ” gồm những văn bản đọc chính nào? 3. Các VB đọc chính cùng thuộc thể loại gì? 4. VB đọc kết nối chủ đề thuộc thể loại gì? 5. Vì sao các VB đọc chính và VB3 (đọc kết nối chủ đề) lại cùng xếp chung vào bài học 2? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời câu hỏi của GV. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV bổ sung, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học. - GV dẫn dắt giới thiệu vào phần khám phá tri thức ngữ văn của bài học.	- Chủ đề bài học: Tình cảm yêu thương của con người với thế giới xung quanh (con người, thiên nhiên, đất nước). - Thể loại thơ: bốn chữ và năm chữ; VB kết nối chủ đề tình yêu thương. - VB đọc chính: - VB1: <i>Đồng dao mùa xuân</i> (Nguyễn Khoa Điềm); - VB2: <i>Gặp lá cơm nếp</i> (Thanh Thảo); - VB thực hành đọc: <i>Chiều sông Thương</i> (Hữu Thỉnh). ⇒ Các VB đọc chính đều thuộc thể loại thơ. - VB 3 đọc kết nối chủ đề thuộc thể loại tản văn: <i>Trở gió</i> (Nguyễn Ngọc Tư). - Cả 4 VB đọc chính và đọc kết nối chủ đề cùng xếp chung vào bài 2 vì đều viết về những cung bậc khác nhau của tình yêu thương trong tâm hồn mỗi người.

Hoạt động 2.2. KHÁM PHÁ TRI THỨC NGỮ VĂN

a. Mục tiêu: Nắm được những kiến thức cơ bản về thể loại thơ bốn chữ và năm chữ.

b. Nội dung: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về những đặc điểm của thể loại thơ bốn chữ và thơ năm chữ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được những đặc điểm của thể loại thơ bốn chữ và thơ năm chữ như: *số chữ, cách gieo vần, nhịp thơ, hình ảnh thơ*.

d. Tổ chức thực hiện:

NGŨ LIỆU KHÁM PHÁ ĐẶC ĐIỂM THỂ THƠ

VB1 (Nhóm 1): *Sắc màu em yêu* (Phạm Đình Ân)

<i>Em yêu màu đỏ:</i>	<i>Em yêu màu trắng:</i>	<i>Em yêu màu nâu:</i>

Như máu con tim Lá cờ Tổ quốc, Khăn quàng đội viên.	Trang giấy tuổi thơ, Đoá hoa hồng bạch, Mái tóc của bà.	Áo mẹ sờn bạc, Đất đai cần cù, Gỗ rừng bát ngát.
Em yêu màu xanh: Đồng bằng, rừng núi, Biển đầy cá tôm, Bầu trời cao vợi.	Em yêu màu đen: Hòn than óng ánh, Đôi mắt bé ngoan, Màn đêm yên tĩnh.	Trăm nghìn cảnh đẹp Dành cho bé ngoan Em yêu tất cả Sắc màu Việt Nam.
Em yêu màu vàng: Lúa đồng chín rộ, Hoa cúc mùa thu, Nắng trời rực rỡ.	Em yêu màu tím: Hoa cà, hoa sim, Chiếc khăn của chị, Nét mực chữ em.	

VB2 (Nhóm 2): Sang năm con lên bảy (Vũ Đình Minh)

Sang năm con lên bảy Cha đưa con đến trường Giờ con đang lon ton Khắp sân vườn chạy nhảy Chỉ mình con nghe thấy Tiếng muôn loài với con.	Mai rồi con lớn khôn Chim không còn biết nói Gió chỉ còn biết thổi Cây chỉ còn là cây Đại bàng chẳng về đây Đậu trên cành khế nữa Chuyện ngày xưa, ngày xưa Chỉ là chuyện ngày xưa.	Đi qua thời ấu thơ Bao điều bay đi mất Chỉ còn trong đời thật Tiếng người nói với con Hạnh phúc khó khăn hơn Mọi điều con đã thấy Nhưng là con giành lấy Từ hai bàn tay con.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Khám phá tri thức ngữ văn	
NV1: Tìm hiểu về đề tài và chi tiết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS đọc 2 bài thơ (Lớp 5), chia lớp thành 2 nhóm, yêu cầu HS quan sát kĩ bài thơ, dựa vào phần Tri thức ngữ văn trong SGK, tr.39, điền các thông tin vào Phiếu học tập 01 . Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài thơ, kết hợp phần Kiến thức Ngữ văn trong SGK, tái hiện lại kiến thức trong phần đó vào Phiếu HT. - HS thảo luận theo nhóm các nội dung có trong Phiếu HT. - GV quan sát, hỗ trợ.	Nhóm 1: Một số yếu tố hình thức của thể thơ bốn chữ
	1. Số chữ (tiếng): Mỗi dòng bốn chữ.
	2. Cách gieo vần: - Vần chân: đặt cuối dòng; - Vần liền: gieo liền tiếp; - Vần cách: Đặt cách quãng. <i>*Một bài thơ có thể phối hợp</i>

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS của đại diện nhóm lên trình bày kết quả. - Các HS nhóm khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV bổ sung, nhận xét và chuẩn kiến thức. * Em Duy đọc phần tri thức ngữ SGK/ tr 39.		<i>nhiều cách gieo vần (vần hỗn hợp),...</i>
	3. Cách ngắt nhịp:	- 2/2 hoặc 3/1. (nhịp thơ có thể ngắt linh hoạt, phù hợp với tình cảm, cảm xúc được thể hiện trong bài thơ).
	4. Hình ảnh thơ:	- Dung dị, gần gũi (Gần với đồng dao, vè, thích hợp với việc kể chuyện).
	<i>Nhóm 2: Một số yếu tố hình thức của thể thơ năm chữ</i>	
	1. Số chữ (tiếng):	Mỗi dòng năm chữ.
	2. Cách gieo vần:	- Vần chân: đặt cuối dòng; - Vần liền: gieo liên tiếp; - Vần cách: đặt cách quãng. <i>*Một bài thơ có thể phối hợp nhiều cách gieo vần (vần hỗn hợp),...</i>
	3. Cách ngắt nhịp:	- 2/3 hoặc 3/2. (nhịp thơ có thể ngắt linh hoạt, phù hợp với tình cảm, cảm xúc được thể hiện trong bài thơ).

	4. Hình ảnh thơ:	- Dung dị, gần gũi (gần với đồng dao, vè, thích hợp với việc kể chuyện).

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.
- b. Nội dung:** HS làm việc cặp đôi, đọc hai bài thơ bốn chữ và thơ năm chữ ở trên; chỉ ra các yếu tố hình thức.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời theo nhóm cặp đôi HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc hai bài thơ bốn chữ và thơ năm chữ ở trên; chỉ ra các yếu tố hình thức. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện đọc và ghi lại các yếu tố hình thức trong hai bài thơ, giống như <i>Phiếu HT số 1</i>. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - HS trình bày phần bài làm của mình. Bước 4. Kết luận, nhận định - GV chốt kiến thức, tuyên dương cặp HS làm tốt.	HS chỉ ra đúng các yếu tố hình thức trong hai bài thơ. - Bài thơ: <i>Sắc màu em yêu</i> (Phạm Đình Ân) + Số chữ: 4 chữ; + Cách gieo vần: chủ yếu vần chân: “<i>tím/viên; đen/ngoan; ánh/tĩnh; ngoan/Nam; tím/sim/em</i>” + Cách ngắt nhịp: chủ yếu 2/2; + Hình ảnh thơ: dung dị, gần gũi. - Bài thơ: <i>Sang năm con lên bảy</i> (Vũ Đình Minh) + Số chữ: 5 chữ; + Cách gieo vần: chủ yếu vần chân: “<i>bảy/nhảy/thấy; ton/con; cây/đây; nữa/xửa/xưa;...</i>” + Cách ngắt nhịp: 3/2 và 2/3; + Hình ảnh thơ: bình dị, thân quen.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.
- b. Nội dung:** HS sưu tầm một bài thơ bốn chữ và một bài thơ năm chữ.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Phiếu học tập 02: Hoạt động cá nhân

Nhóm sưu tầm thơ bốn chữ	Nhóm sưu tầm thơ năm chữ
.....	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 2 nhóm, yêu cầu HS mỗi nhóm hoàn thành bài tập trong Phiếu học tập số 02: Sưu tầm ít nhất một bài thơ bốn chữ và một bài thơ năm chữ. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện các nhiệm vụ học tập. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - GV gọi HS chia sẻ sản phẩm học tập của nhóm mình. Bước 4. Kết luận, nhận định - GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các sản phẩm tốt để cả lớp tham khảo. - Hướng dẫn HS đánh giá sản phẩm học tập bằng Rubric.	- HS sưu tầm được các bài thơ bốn chữ và năm chữ.

Rubric

Đánh giá sản phẩm học tập cá nhân (HS đánh giá chéo)

Nhiệm vụ	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Sưu tầm một bài thơ bốn chữ và một bài thơ năm chữ. (10 điểm)	Sưu tầm một bài thơ bốn chữ và một bài thơ năm chữ đảm bảo đúng các yêu cầu hình thức của thể thơ; bước đầu có giá trị về nghệ thuật và nội dung.(5- 6 điểm)	Sưu tầm một bài thơ bốn chữ và một bài thơ năm chữ đảm bảo đúng các yêu cầu hình thức của thể thơ; có giá trị tương đối đặc sắc về nghệ thuật và nội dung (7- 8 điểm)	Sưu tầm một bài thơ bốn chữ và một bài thơ năm chữ đảm bảo đúng các yêu cầu hình thức của thể thơ; có giá trị đặc sắc về nghệ thuật và nội dung (9 - 10 điểm)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung của tiết học;

- Chuẩn bị cho tiết học sau:

+ Kể tên một số bài thơ bốn chữ, chia sẻ cảm nghĩ của em về một bài thơ bốn chữ mà em yêu thích.

+ Điền thông tin vào cột K và cột W:

K (What we known) (Liệt kê những điều em đã biết về anh bộ đội.)	W (What we want to learn) (Liệt kê những điều em muốn biết thêm về anh bộ đội.)	L(What we learned) (Liệt kê những điều em đã biết về anh bộ đội sau khi học bài thơ.)	H (How can we learn more) (Các em sẽ tiếp tục tìm hiểu như thế nào về anh bộ đội?)
.....			

- Đọc trước theo HD của SGK bài *Đồng dao mùa xuân* của Nguyễn Khoa Điềm.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH

VĂN BẢN 1. ĐỒNG DAO MÙA XUÂN

Nguyễn Khoa Điềm

I. Mục tiêu

- HS nhận biết được các đặc điểm về số tiếng trong mỗi dòng thơ, số dòng trong bài thơ; đặc điểm vần, nhịp của thể thơ bốn chữ qua tìm hiểu bài thơ *Đồng dao mùa xuân* của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm.

- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện ở yếu tố tự sự, yếu tố miêu tả, hình ảnh thơ (*người lính trẻ, khung cảnh trận chiến trên rừng Trường Sơn*), biện pháp tu từ (*nói giảm nói tránh, điệp ngữ,...*).

- HS cảm nhận được tình yêu quê hương, đất nước được thể hiện trong bài thơ.

- Biết ơn những người đã góp phần làm nên cuộc sống hôm nay và trân trọng những gì mà các em đang có.

* Em Duy nhận biết được các đặc điểm về số tiếng trong mỗi dòng thơ, số dòng trong bài thơ; cảm nhận được tình yêu quê hương, đất nước được thể hiện trong bài thơ.

- Biết ơn những người đã góp phần làm nên cuộc sống hôm nay và trân trọng những gì mà em đang có.

- * Giáo dục về việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh
- Thông qua nội dung văn bản giúp học sinh biết yêu quý bộ đội, người lính đã cống hiến cả tuổi thanh xuân cho đất nước.
- Yêu cái hương vị quê nhà, cảm nhận được trái tim, tấm lòng của người mẹ.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.
- Các hình ảnh, video liên quan.

PHIẾU HỌC TẬP 02:

Điền thông tin vào cột K và cột W:

K (What we known) (Liệt kê những điều em đã biết về anh bộ đội)	w (What we want to learn) (Liệt kê những điều em muốn biết thêm về anh bộ đội)	L (What we learned) (Liệt kê những điều em đã biết về anh bộ đội sau khi học bài thơ)	H (How can we learn more) (Các em sẽ tiếp tục tìm hiểu như thế nào về anh bộ đội?)
.....			
.....			

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Kết nối, tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
- Nội dung:** HS làm việc cá nhân, nhóm để kể tên bài thơ bốn chữ và bước đầu chia sẻ, suy nghĩ cảm xúc của bản thân về bài thơ yêu thích; điền thông tin vào phiếu học tập.
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.
- Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu vấn đề cho HS trình bày:
- 1) Kể tên một số bài thơ bốn chữ, chia sẻ cảm nghĩ về một bài thơ bốn chữ mà em yêu thích.
 - 2) HS làm việc nhóm, cử đại diện trình bày Phiếu HT số 2 đã chuẩn bị trước.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nhớ lại các bài thơ 4 chữ mình đã học ở các lớp trước, sau đó chọn một bài thơ và chia sẻ cảm xúc của mình về bài thơ đó.
- HS ghi lại những điều đã biết và những điều muốn biết vào Phiếu HT số 2 về chủ đề bài học.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ, trình bày cởi mở, thân thiện những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân về bài thơ.

- **Gợi ý:**

1) Những bài thơ bốn chữ đã học ở tiểu học: *Đôi que đan* (Phạm Hồ); *Sắc màu em yêu* (Phạm Đình Ân); *Hạt gạo làng ta* (Trần Đăng Khoa); HS tự chia sẻ những điều em yêu thích ở bài thơ như: hình ảnh, ngôn ngữ, giọng điệu cảm xúc, nội dung, tư tưởng bài thơ. VD: Bài thơ đã mở ra trước mắt em những hình ảnh đẹp, gợi cảm của quê hương, đất nước, con người, bồi đắp thêm cho em tình yêu quê hương và khiến em nhớ mãi.

2) HS chia sẻ cảm nhận của em về hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ bằng cách nhớ lại hình ảnh anh bộ đội mà mình đã gặp ngoài đời thực hoặc anh bộ đội trong các tác phẩm văn học đã đọc rồi chia sẻ cảm nghĩ.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét thái độ làm việc, câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

➔ **GV dẫn vào bài:** *“Hoà bình, độc lập, tự do”, để có được ba tiếng thiêng liêng cao cả ấy, dân tộc ta đã phải đánh đổi biết bao nhiêu xương máu. Và có biết bao nhiêu người lính trẻ đã gác lại tuổi đôi mươi, từ bỏ gia đình quê hương, tình nguyện lên đường chiến đấu, giải phóng dân tộc. Họ đã hi sinh và nằm lại nơi chiến trường đạn bom khốc liệt. Thấu hiểu và biết ơn những hi sinh lớn lao đó, nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm đã mang đến cho chúng ta một thi phẩm đầy xúc động về người lính năm xưa...*

HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung về văn bản

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về tác giả Nguyễn Khoa Điềm và văn bản “*Đồng dao mùa xuân*”.

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả và văn bản: đề tài, ngôi kể, cốt truyện, bố cục,...

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về tác giả và văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Tìm hiểu chung văn bản	
NV1: Tìm hiểu về tác giả Nguyễn Khoa Điềm Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	1. Tác giả Nguyễn Khoa Điềm

Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Khoa Điềm (tiểu sử cuộc đời, phong cách, sự nghiệp) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời nhanh. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV bổ sung, nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục 2. * Duy đọc lại phần tác giả SGK/ tr 41	 - Sinh năm 1943, quê ở Thừa Thiên-Huế. - Ông là nhà thơ chiến sĩ, một trong những gương mặt tiêu biểu của thơ ca kháng chiến chống Mỹ. - Thơ ông tập trung thể hiện tình yêu quê hương, đất nước tha thiết với nhiều suy tư sâu sắc. - Tác phẩm tiêu biểu: <i>Đất ngoại ô</i> (1973; <i>Mặt đường khát vọng</i> (1974); <i>Ngôi nhà có ngọn lửa ấm</i> (1986)...
NV2: Tìm hiểu về văn bản “Đồng dao mùa xuân” Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV hướng dẫn cách đọc văn bản: Đọc to, rõ ràng; chú ý cách ngắt nhịp, cảm xúc lắng sâu, nhẹ nhàng, tình cảm. *GV đọc mẫu sau đó yêu cầu một số HS đọc toàn văn bản. *GV yêu cầu Hs trả lời các câu hỏi: 1) Em hãy chia sẻ ấn tượng ban đầu của mình về người lính. 2) Xác định thể loại, giọng điệu, bố cục (Văn bản có thể chia thành mấy phần. Nội dung chính từng phần). 3) Nêu đề tài của văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 1. HS đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát và nhận xét; 2. HS suy nghĩ để trả lời các câu hỏi của GV.	2. Văn bản “Đồng dao mùa xuân” a. Đọc và tìm hiểu chú thích b. Tác phẩm *Thể loại: Thơ bốn chữ. *Giọng điệu: nhẹ nhàng, xúc động, sâu lắng. *Bố cục: 3 phần: - Khổ 1,2: Giới thiệu khái quát về người lính; - Khổ 3,4,5,6: Hình ảnh người lính nằm lại nơi chiến trường; - Khổ 7,8,9: Tình cảm, cảm xúc đối với người lính. *Đề tài: Người lính.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV bổ sung, nhận xét, chốt kiến thức. <i>* Em Duy đọc một đoạn bài thơ, nhận biết số tiếng trong mỗi dòng và thể loại thơ.</i>	

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu chi tiết

a. Mục tiêu:

- Giúp HS phát triển kỹ năng đọc VB thơ bốn chữ (*Nhận biết đặc điểm hình thức thơ bốn chữ; khám phá giá trị nội dung bài thơ; ưu thế của thể thơ trong việc truyền đạt thông điệp của bài thơ*) và bồi dưỡng cho các em tình yêu quê hương, đất nước, lòng biết ơn những người đã góp phần làm nên cuộc sống hôm nay.

b. Nội dung: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT bề cá, KT đặt câu hỏi, HS làm việc nhóm để tìm hiểu đặc điểm hình thức thể thơ bốn chữ và giá trị nội dung bài thơ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

(Tìm hiểu đặc điểm hình thức thể thơ bốn chữ)

Đặc điểm	Biểu hiện	Tác dụng
Số tiếng trong mỗi dòng		
Cách gieo vần		
Ngắt nhịp		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

(Tìm hiểu câu chuyện về cuộc đời người lính)

Câu chuyện về cuộc đời người lính		
Sự việc 1	Sự việc 2	Sự việc...
.....		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

(Tìm chi tiết và nhận xét về đặc điểm người lính)

Hình ảnh người lính	Biểu hiện chi tiết	Đặc điểm
Tư thế		
Trang phục		
Diện mạo, dáng vẻ		

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm		
II. Tìm hiểu chi tiết.			
1: Đặc điểm về vần, nhịp, khổ của bài thơ Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm theo bàn trong 10 phút thực hiện 2 nhiệm vụ sau (có thể tổ chức cho HS thi với nhau, bàn nào nhanh hơn): 1) <i>Cách chia khổ của bài thơ có gì đặc biệt? Hãy nêu ý nghĩa của cách chia đó.</i> (Chú ý xác định số lượng khổ trong bài; so sánh để thấy được sự khác nhau về số lượng dòng giữa các khổ với nhau); 2) Nhận xét về số tiếng trong mỗi dòng và cách gieo vần, ngắt nhịp của bài thơ; thực hiện vào Phiếu HT số 3. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS các nhóm thảo luận và hoàn thiện vào trong phiếu HT. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV bổ sung, nhận xét thái độ và kết quả làm việc của một số cặp tiêu biểu, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.	1. Đặc điểm về vần, nhịp, khổ của bài thơ a. Cách chia khổ và ý nghĩa: - Bài thơ được chia thành chín khổ. Hầu hết các khổ đều có bốn dòng. Tuy nhiên có hai khổ đầu khác biệt với các khổ còn lại. + Khổ một kể lại sự kiện người lính lên đường ra chiến trường, gồm ba dòng thơ, tạo nên một sự lửng lơ, khiến người đọc có tâm trạng chờ đợi được đọc câu chuyện tiếp theo về anh... + Khổ hai kể về sự ra đi của người lính chỉ vồn vện trong hai dòng, diễn tả sự hi sinh bất ngờ, đột ngột giữa lúc tuổi xanh, thể hiện tâm trạng đau thương của nhà thơ, đồng thời gọi lên trong người đọc niềm tiếc thương sâu sắc. b. Đặc điểm hình thức thể thơ bốn chữ:		
	Đặc điểm	Biểu hiện	Tác dụng
	Số tiếng trong mỗi dòng	- Mỗi dòng có bốn tiếng.	- Ngắn gọn, dứt khoát, sắc nét; ghi vào kí ức người đọc hình tượng người lính đã anh dũng hi sinh giữa lúc tuổi đời còn rất trẻ.

- Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2. * Em Duy đọc lại đặc điểm về vần, nhịp, khổ của bài thơ, đặc điểm về hình thức thơ bốn chữ.	Cách gieo vần - Sử dụng vần chân ở đầu hết các dòng thơ. VD: <i>lính-bình; lửa-nữ; ...</i>	- Nhẹ nhàng, âm vang.		
	Ngắt nhịp - Nhịp chẵn (2/2); - Nhịp 1/3. <i>Có/ một người lính Đi vào/ núi xanh Những năm/ máu lửa.</i> <i>Một ngày/ hoà bình Anh/ không về nữa</i>	- Biến tấu tự nhiên, linh hoạt, nhịp nhàng, mang âm hưởng đồng dao; - Tách riêng động từ “có”, chỉ sự tồn tại, nhấn mạnh, khắc sâu ấn tượng về sự hiện diện của người lính; đối lập với dòng thơ thứ năm cũng có nhịp 1/3 nhấn mạnh sự <i>không về</i> của anh. Thế tương phản có - <i>không</i> nói lên sự mất mát, gợi cảm xúc tiếc thương, buồn ngùi.		
*2: Tìm hiểu câu chuyện về cuộc đời người lính hi sinh, nằm lại nơi chiến trường ác liệt. Thảo luận theo cặp trong bàn, sử dụng KT bề cá để thảo luận trình bày. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS đọc bao quát cả bài thơ, nêu câu hỏi, HS thực hiện thảo luận theo cặp trong bàn: 1) Nhiệm vụ 1: <i>Đọc bài thơ, ta như nghe một câu chuyện về cuộc đời người lính. Em hình dung câu chuyện đó như thế nào? (Gợi ý: HS tìm những sự việc chính được tác giả đề cập đến trong bài</i>				
2. Hình ảnh người lính a. Câu chuyện về cuộc đời người lính <table><tr><td> Sự việc 1 Có một người lính tuổi đời còn rất trẻ, còn mê thả diều, như vừa qua tuổi thiếu niên. Theo tiếng gọi của Tổ quốc, anh lên đường ra mặt trận. </td><td> Sự việc 2 - Trong một trận chiến ác liệt, anh đã anh dũng hi sinh, vĩnh viễn nằm lại dưới những cánh rừng đại ngàn. Những hình ảnh hào hùng mà cũng rất đổi khiêm nhường, dung </td></tr></table>			Sự việc 1 Có một người lính tuổi đời còn rất trẻ, còn mê thả diều, như vừa qua tuổi thiếu niên. Theo tiếng gọi của Tổ quốc, anh lên đường ra mặt trận.	Sự việc 2 - Trong một trận chiến ác liệt, anh đã anh dũng hi sinh, vĩnh viễn nằm lại dưới những cánh rừng đại ngàn. Những hình ảnh hào hùng mà cũng rất đổi khiêm nhường, dung
Sự việc 1 Có một người lính tuổi đời còn rất trẻ, còn mê thả diều, như vừa qua tuổi thiếu niên. Theo tiếng gọi của Tổ quốc, anh lên đường ra mặt trận.	Sự việc 2 - Trong một trận chiến ác liệt, anh đã anh dũng hi sinh, vĩnh viễn nằm lại dưới những cánh rừng đại ngàn. Những hình ảnh hào hùng mà cũng rất đổi khiêm nhường, dung			

thơ, dùng lời của mình kể lại. Để làm được điều đó, các em hãy tóm tắt những sự việc chính, bằng cách điền vào ô trống trong sơ đồ trên Phiếu học tập số 04 , rồi trình bày).			dị của anh còn mãi trong tâm trí của “nhân gian”.
2) Nhiệm vụ 2: Tìm những chi tiết khắc hoạ hình ảnh người lính và nhận xét những đặc điểm của người lính qua những chi tiết ấy. (HS thực hiện việc ghi lại các chi tiết miêu tả, nhận xét đặc điểm người lính bằng cách hoàn thiện theo Phiếu HT số 5 , rồi trình bày).	b. Vẽ đẹp hình ảnh người lính		
	Hình ảnh người lính	Biểu hiện chi tiết	Đặc điểm
	Tư thế	Anh ngồi lặng lẽ/ Dưới cội mai vàng; Anh ngồi rục rờ/ màu hoa đại ngàn;	- Tuổi đời còn rất trẻ; - Dũng cảm kiên cường; - Yêu nước; - Giản dị, khiêm nhường, hiền hậu.
	Trang phục	Ba lô con cóc/Tấm áo màu xanh.	
Diện mạo, dáng vẻ	Làn da sốt rét; Mắt như suối biếc/Vai đầy núi non...; Cái cười hiền lành.		
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. - HS thực hiện nhiệm vụ theo phân công. - GV quan sát, khích lệ và giúp đỡ HS.			
Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS lên trình bày.			
Bước 4: Đánh giá, kết luận - HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn. - GV nhận xét thái độ trong quá trình làm việc và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS, chốt ý.			
* 3: Tìm hiểu tình cảm cảm xúc đối với người lính. HS thảo luận theo cặp bàn để tìm câu trả lời.	3. Tình cảm, cảm xúc đối với người lính		
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu câu hỏi cho HS thảo luận: - <i>Nêu cảm nhận của em về tình cảm của đồng đội, của nhân dân dành cho những người lính đã hi sinh được thể hiện trong bài thơ.</i> - GV gợi ý, hướng dẫn HS thảo luận: 1) <i>Tìm những câu thơ được nhà thơ sử dụng để bày tỏ tình cảm, cảm xúc.</i> 2) <i>Xác định tình cảm, cảm xúc chứa đựng trong đó.</i>	+ <i>Bạn bè mang theo:</i> Dòng thơ này nói lên tình cảm của đồng đội dành cho người lính trẻ đã hi sinh. Hình ảnh anh sẽ được bạn bè thương nhớ, lưu giữ, mang theo suốt cuộc đời. Sự hi sinh của anh đã tiếp thêm cho đồng đội sức mạnh, niềm tin trong những trận chiến đấu tiếp theo.		
	+ <i>Dài bao thương nhớ/ Mùa xuân nhân gian:</i> Hai dòng thơ này có thể hiểu theo nhiều cách. Thứ nhất, có thể hiểu là nỗi thương nhớ những mùa xuân nhân gian tươi đẹp của người lính đã hi sinh. Thứ hai, cũng có thể hiểu là nỗi nhớ thương những người con anh dũng dài theo năm tháng của nhân gian.		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ theo phân công. - GV quan sát, khích lệ và giúp đỡ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS lên trình bày. Bước 4: Đánh giá, kết luận - HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn. - GV nhận xét thái độ trong quá trình làm việc và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS, chốt ý.	-> <i>Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ được thể hiện bao trùm trong toàn bộ bài thơ là niềm thương xót, tự hào, cảm phục, biết ơn những người lính đã hi sinh tuổi xanh, hi sinh cuộc đời cho độc lập dân tộc.</i>
* 4: Tìm hiểu ý nghĩa nhan đề bài thơ. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS thảo luận câu hỏi 6: Theo em, tên bài thơ <i>Đồng dao mùa xuân</i> có ý nghĩa như thế nào? (SGK, tr.40), với những gợi ý sau: 1) <i>Em hiểu thế nào là đồng dao?</i> 2) <i>Đồng dao có đặc điểm gì nổi bật về thể thơ? Hãy quan sát bài đồng dao sau để nhận biết điều ấy.</i> <i>Con chim se se Nó ăn gạo tẻ Nó hót líu lo Nó ăn hạt ngô Nó ăn lép nếp Nó ăn gạo nếp Nó vãi ra sân Ở lán giềng gần Đuổi con chim se.</i> 3) <i>Hình ảnh mùa xuân có ý nghĩa gì?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ theo phân công. - GV quan sát, khích lệ và giúp đỡ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS lên trình bày. Bước 4: Đánh giá, kết luận - HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn.	4. Ý nghĩa nhan đề bài thơ - Đồng dao: Là thơ ca dân gian truyền miệng dành cho trẻ em. Đồng dao bao gồm nhiều loại: lời hát ngắn, thường gắn với những trò chơi trẻ em, những bài hát ru em,...Đặc điểm đồng dao: + Có tính hồn nhiên, đôi khi gắn với những điều bí ẩn trong cuộc sống mà chỉ có tâm hồn thơ trẻ mới cảm nhận được; + Thường được làm theo thể bốn chữ, năm chữ. - Mùa xuân: + 1) Mùa khởi đầu, tươi đẹp nhất trong một năm; + 2) Tuổi trẻ, lứa tuổi đẹp nhất trong cuộc đời mỗi người, tràn đầy sức sống; 3) Vẻ đẹp, sức sống, sức vươn lên của dân tộc, đất nước; 4) Sự vĩnh cửu, trường tồn như mùa xuân của vũ trụ,... + Nền bài thơ <i>Đồng dao mùa xuân</i> có những ý nghĩa sau: <i>Khúc đồng dao về tuổi thanh xuân của người lính, về sự bất tử của hình ảnh người lính trẻ. Hình ảnh các anh còn sống mãi trong trái tim nhân dân như mùa xuân trường tồn cùng vũ trụ. Qua đó, nhà thơ ca ngợi những người anh hùng trẻ tuổi, bày tỏ sự ghi nhớ, biết ơn sự hi sinh của các anh.</i> <i>Tác giả sử dụng hình thức của đồng dao để</i>

- GV nhận xét thái độ trong quá trình làm việc và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS, chốt ý.	<i>lưu truyền mãi trong những thế hệ sau lời ngợi ca, lòng biết ơn những người lính trẻ đã dâng hiến mùa xuân cuộc đời mình kết thành những mùa xuân vĩnh cửu cho dân tộc, đất nước.</i>

Hoạt động 2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của bài thơ; rút ra bài học về cách đọc thơ bốn chữ.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
III. Tổng kết	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS làm việc cá nhân: 1) Tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật. 2) Khái quát giá trị nội dung, ý nghĩa. 3) Để đọc hiểu một bài thơ bốn chữ, chúng ta cần lưu ý điều gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV chuẩn kiến thức. <i>* Em Duy đọc lại phần tổng kết bài thơ.</i>	1. Nghệ thuật - Sử dụng thể thơ bốn chữ, gần gũi với đồng dao; - Cách ngắt nhịp, gieo vần linh hoạt; - Giọng điệu tâm tình, nhẹ nhàng, sâu lắng; - Hình ảnh thơ chân thực, gợi cảm, xúc động. 2. Nội dung – Ý nghĩa - Ca ngợi sự hi sinh anh dũng của những người lính trẻ và tình cảm tự hào, nhớ thương sâu nặng của đồng đội, đồng bào. - <i>Thể hiện lòng biết ơn những người lính đã dâng hiến tuổi trẻ của mình để cho những mùa xuân đất nước mãi trường tồn.</i> 3. Cách đọc hiểu văn bản thơ bốn chữ

	- Xác định và nhận diện các đặc điểm của thể thơ như: <i>số chữ, cách gieo vần, ngắt nhịp</i>; - Đánh giá tác dụng của cách gieo vần, ngắt nhịp trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả; - Tìm hiểu ý nghĩa của các chi tiết, hình ảnh có trong bài thơ; - Tìm hiểu tâm trạng cảm xúc của tác giả. Qua đó, lí giải đánh giá và liên hệ với những kinh nghiệm sống thực tiễn của bản thân.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nội dung, nghệ thuật của bài thơ qua sơ đồ tư duy.

b. Nội dung: HS dựa vào nội dung bài học để vẽ sơ đồ tư duy.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS (sơ đồ).

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS làm việc theo cặp bàn, với các yêu cầu:

+ **Nhiệm vụ 1:** *Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ.*

+ **Nhiệm vụ 2:** *Điền các thông tin còn lại vào **Phiếu HT 02***

PHIẾU HỌC TẬP 02

Điền thông tin vào cột L và cột H:

K (What we known) (Liệt kê những điều em đã biết về anh bộ đội)	w (What we want to learn) (Liệt kê những điều em muốn biết thêm về anh bộ đội)	L (What we learned) (Liệt kê những điều em đã biết về anh bộ đội sau khi học bài thơ)	H (How can we learn more) (Các em sẽ tiếp tục tìm hiểu như thế nào về anh bộ đội?)
.....			
.....			

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, làm việc theo cặp bàn để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày, HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

-Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét và cho HS tự đánh giá bằng Rubric.

- Gợi ý đáp án:

+ **Nhiệm vụ 1:**

Đồng dao mùa xuân	Nghệ thuật	- Thể thơ: bốn chữ.
		- Ngắt nhịp, gieo vần: linh hoạt.
		- Giọng điệu: tâm tình, nhẹ nhàng, sâu lắng.
		- Hình ảnh: chân thực, gợi cảm, xúc động.
	Nội dung	- Ca ngợi sự hi sinh anh dũng của những người lính trẻ.
		- Bày tỏ tình cảm tự hào, niềm nhớ thương sâu nặng với người lính đã làm nên những mùa xuân bất tử cho đất nước.

+ **Nhiệm vụ 2:**

PHIẾU HỌC TẬP 02

Điền thông tin vào cột L và cột H:

K (What we known) (Liệt kê những điều em đã biết về anh bộ đội)	w (What we want to learn) (Liệt kê những điều em muốn biết thêm về anh bộ đội)	L (What we learned) (Liệt kê những điều em đã biết về anh bộ đội sau khi học bài thơ)	H (How can we learn more) (Các em sẽ tiếp tục tìm hiểu như thế nào về anh bộ đội?)
		- Tuổi đời còn rất trẻ; - Giản dị, khiêm nhường, hiền hậu; - Đã anh dũng, kiên cường, hi sinh, nằm lại nơi chiến trường; - Đó là những con người làm nên những chiến công để đất nước có được những mùa xuân mãi trường tồn.	- Đọc thêm các bài thơ, văn, xem tranh ảnh, phim tài liệu về người lính trong cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc; - Trực tiếp gặp và trò chuyện với các bác Cựu chiến binh. -.....

- GV cung cấp công cụ đánh giá:

Rubric đánh giá sơ đồ tư duy

Mức độ Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Hình thức (3 điểm)	Trình bày chưa đẹp, chưa khoa học. (1 điểm)	Trình bày chưa đẹp. (2 điểm)	Trình bày đẹp, khoa học, hấp dẫn. (3 điểm)
Nội dung (7 điểm)	Chưa đầy đủ nội dung. (2 - 3 điểm)	Tương đối đầy đủ nội dung (4 – 6 điểm)	Đầy đủ các nội dung. (7 điểm)
Tổng hợp điểm			

- GV nhận xét và cho điểm từng cặp HS.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi cảm thụ văn học; vẽ tranh, sưu tầm nhạc.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao nhiệm vụ cho HS (có thể thực hiện ngay trên lớp hoặc về nhà):

+ Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về người lính trong bài thơ.

(Gợi ý: Các em nhớ lại những nét đẹp của người lính được xác định ở câu 4 cũng như tình cảm của đồng đội, nhân dân dành cho anh được nêu ở câu 5. Trên cơ sở đó, xác định tình cảm, suy nghĩ của mình về hình ảnh người lính).

ĐOẠN VĂN THAM KHẢO

Cảm nghĩ của em về người lính trong bài thơ

Theo suốt chiều dài lịch sử của đất nước, hình ảnh người lính trong các cuộc kháng chiến luôn là một đề tài vô tận của thơ ca. Ở mỗi một thời kỳ, họ lại hiện lên với những vẻ đẹp khác nhau. Đến với bài thơ *Đồng dao mùa xuân* của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm ta bắt gặp hình ảnh người lính trẻ giản dị, hiền hậu, tình nguyện

lên đường, tòng quân đánh giặc, cứu nước. Với lòng yêu nước nồng nàn, các anh đã dũng cảm, kiên cường vượt qua khó khăn, bệnh tật “sốt rét” để chiến đấu và hi sinh, nằm lại nơi chiến trường. Các anh không trở về nhưng vẫn sống mãi trong lòng nhân dân và đồng đội, tiếp thêm sức mạnh để đồng đội chiến đấu và chiến thắng. Bằng thể thơ bốn chữ, gần gũi với đồng dao, giọng điệu tâm tình, nhẹ nhàng, sâu lắng, hình ảnh thơ chân thực, gợi cảm, xúc động, bài thơ đã thể hiện lòng biết ơn sâu nặng của tác giả với những người lính đã dâng hiến tuổi trẻ của mình để cho những mùa xuân đất nước mãi trường tồn.

Bảng kiểm

Đánh giá kĩ năng viết đoạn văn

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5 - 7 câu.		
2	Đoạn văn đúng chủ đề: <i>Cảm nghĩ về người lính trong bài thơ.</i>		
3	Lí lẽ dẫn chứng thuyết phục.		
4	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.		
5	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.		

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các đơn vị kiến thức và nhiệm vụ của bài học.
- Tìm đọc thêm các tác phẩm khác của Nguyễn Khoa Điềm.
- Chuẩn bị soạn bài: đọc, tìm hiểu bài thực hành tiếng Việt: *Biện pháp tu từ và nghĩa của từ* (Sưu tầm, liệt kê những câu ca dao, tục ngữ khuyên nhủ về cách ăn nói).

Tiết 16: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

BIỆN PHÁP TU TỪ (NÓI GIẢM NÓI TRÁNH, ĐIỆP NGỮ), NGHĨA CỦA TỪ

1. Mục tiêu: Qua phần *Thực hành tiếng Việt*, HS cần:

- Nhận biết và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ nói giảm nói tránh, biện pháp tu từ điệp ngữ.
- Xác định được nghĩa của một số từ ngữ.

*** Em Duy nhận biết biện pháp tu từ nói giảm nói tránh, biện pháp tu từ điệp ngữ.**

2. Nội dung: HS suy nghĩ để nhận biết nói giảm nói tránh, điệp ngữ và tác dụng; hiểu được nghĩa của từ, hoàn thành các bài tập.

3. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối, tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, đọc kĩ tình huống để lựa chọn và lí giải sự lựa chọn của mình; trình bày phân sự tầm những câu ca dao, tục ngữ khuyên nhủ về cách ăn nói.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV nêu các yêu cầu:

1) Em sẽ chọn cách nói nào trong hai cách nói sau:

A. *Cái áo này của bạn xấu quá.*

B. *Cái áo này của bạn chưa được đẹp lắm.*

2) Trình bày sản phẩm: Liệt kê những bài ca dao, tục ngữ khuyên nhủ mọi người về cách nói năng đúng mực:

- *Chớ ba khoanh mới nằm, người ba năm mới nói.*

- *Chim khôn kêu tiếng rảnh rang/ Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe.*

- *Học ăn, học nói, học gói, học mở.*

- *Lời nói chẳng mất tiền mua/ Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.*

- HS trình bày; HS khác lắng nghe, nhận xét.

- GV bổ sung, tuyên dương bài làm tốt.

Gợi ý đáp án:

1) Chọn cách nói B vì tế nhị, không làm tổn thương người nghe.

2) Những câu ca dao, tục ngữ đúng chủ đề khuyên nhủ cách nói năng.

-> GV dẫn vào bài: *Lời dạy của ông bà quả thật sâu sắc, thấm thía, bởi vì khi đánh giá một con người thì lời ăn tiếng nói là một trong những tiêu chí đầu tiên. Người ăn nói đàng hoàng, có duyên, có phép tắc lễ nghĩa chắc chắn sẽ nhận được thiện cảm từ người đối diện. Để có thể làm được điều đó, chúng ta cần phải nắm chắc nghệ thuật "Nói giảm, nói tránh". Đây cũng là nội dung chính của bài học hôm nay.*

HOẠT ĐỘNG 2: LÍ THUYẾT

a. Mục tiêu: HS nhận biết và hiểu được tác dụng của biện pháp nói giảm nói tránh.

b. Nội dung: HS làm việc cặp đôi để nhận biết và hiểu được tác dụng của biện pháp nói giảm nói tránh.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

(Nhận biết tác dụng của biện pháp tu từ nói giảm nói tránh)

Đọc những câu sau và chú ý các từ ngữ in đậm:	Tìm từ ngữ được dùng để thay thế cho từ in đậm	Tác dụng
(1) <i>Anh bạn dãi dầu không bước nữa/ Gục lên súng mũ bỏ quên đời. [...]</i> (Quang Dũng, <i>Tây Tiến</i>)		
(2) <i>Thấy cô Pha chỉ chê có mỗi một câu: “Phải cái nhà nó khi thanh bạch” thì mẹ cô Pha kêu lên rằng: “Chao ôi, thầy nó chỉ nghĩ lẫn thân sự đời. Nghèo thì càng dễ ở với nhau. Tôi chỉ thích những nơi cũng tiêm tiêm như mình”. (Tô Hoài, <i>Khách nợ</i>)</i>		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7

(Nhận biết những cách nói giảm nói tránh thông dụng)

Đọc những câu sau:	Tìm câu có sử dụng cách nói giảm nói tránh	Nhận xét cách nói giảm nói tránh
(1) <i>Cụ ấy chết rồi.</i>		
(2) <i>Kết quả học tập của con đạo này kém lắm.</i>		
(3) <i>Bông hoa này xấu lắm.</i>		

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm		
1. Nhận biết tác dụng của biện pháp tu từ nói giảm nói tránh Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS làm việc các cặp đôi theo bàn bằng Phiếu HT số 6 . Nhiệm vụ: 1) <i>Tìm từ ngữ có thể thay thế cho từ in đậm.</i>	Đọc những câu sau và chú ý các từ ngữ in đậm:	Tìm từ ngữ được dùng để thay thế cho từ in đậm	Tác dụng
	(1) <i>Anh bạn dãi dầu</i>	<i>chết -> bỏ quên đời</i>	- Là cách nói giảm

2) Việc thay thế như vậy có tác dụng gì? 3) Rút ra nhận xét, nói giảm nói tránh là cách nói như thế nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh tiếp nhận và thực hiện. - HS suy nghĩ. Viết câu trả lời ra giấy. Sau đó cùng trao đổi với bạn trong cặp đôi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. * Em Duy nhận biết biện pháp tu từ nói giảm, nói tránh.	không bước nữa/ Gục lên súng mũ bỏ quên đời. [...] (Quang Dũng, Tây Tiến)		nói tránh để tránh cảm giác đau thương, mất mát.
	(2) <i>Thấy cô Pha chỉ chê có mỗi một câu: “Phải cái nhà nó khi thanh bạch” thì mẹ cô Pha kêu lên rằng:</i> <i>“Chao ôi, thầy nó chỉ nghĩ lẫn thần sự đời. Nghèo thì càng dễ ở với nhau. Tôi chỉ thích những nơi cũng tiêm tiêm như mình”.</i> (Tô Hoài, <i>Khách nợ</i>)	nghèo -> khi thanh bạch	- Là cách nói giảm nói tránh để giữ phép lịch sự.
	Nói giảm nói tránh: là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác đau buồn, nặng nề; tránh thô tục, mất lịch sự.		
2. Nhận biết những cách nói giảm nói tránh thông dụng Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	2. Nhận biết những cách nói giảm nói tránh thông dụng		

- HS làm việc các cặp đôi theo bàn bằng Phiếu HT số 7. Nhiệm vụ: (1) <i>Tìm từ ngữ có thể thay thế cho từ in đậm.</i> (2) <i>Việc thay thế như vậy có tác dụng gì?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh tiếp nhận và thực hiện. - HS suy nghĩ. Viết câu trả lời ra giấy. Sau đó cùng trao đổi với bạn trong cặp đôi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. * Duy nhận biết cách nói giảm nói tránh thông dụng.	Đọc những câu sau:	Tìm câu có sử dụng cách nói giảm nói tránh	Nhận xét cách nói giảm nói tránh
	(1) Cụ ấy chết rồi.	Cụ ấy quy tiên rồi.	- Dùng từ đồng nghĩa, đặc biệt từ Hán Việt.
	(2) Kết quả học tập của con dạo này kém lắm.	Con cần phải cố gắng nhiều hơn nữa trong học tập	- Dùng cách nói vòng.
	(3) Bông hoa này xấu lắm.	Bông hoa này không đẹp .	- Dùng cách nói phủ định bằng từ trái nghĩa.

HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH

1. Nhận biết và nêu tác dụng của biện pháp nói giảm nói tránh

a. Mục tiêu:

- HS biết nhận diện và nêu được tác dụng của nói giảm nói tránh và điệp ngữ.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, theo cặp bàn, hoàn thành bài tập vào phiếu, vở.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS làm bài theo cặp bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập 1, trang 42, xác định yêu cầu của bài: 1) Chỉ ra biện pháp tu từ; 2) Nêu tác dụng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận	Bài tập 1/tr.42: - Biện pháp tu từ nói giảm nói tránh thể hiện ở cụm từ <i>không về</i> được dùng với nghĩa “đã hi sinh”, “đã mất”. - Tác dụng: nhà thơ không dùng những từ trực tiếp nói về cái chết để tránh gây cảm giác đau buồn.

- HS đại diện trình bày, nhận xét. - HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá; - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS làm bài theo cặp bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập 2, tr.42, xác định yêu cầu của bài: - Tìm thêm ví dụ ngoài bài thơ <i>Đồng dao mùa xuân</i> có sử dụng biện pháp tu từ gắn với cụm từ <i>không về</i>. - HS tìm thêm một số ví dụ về biện pháp tu từ nói giảm nói tránh được sử dụng ở các ngữ liệu khác, có thể là trong các VB văn học hoặc trong lời nói hằng ngày, hoặc tự tạo mới. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đại diện trình bày, nhận xét. - HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý.	Bài tập 2/tr.42: Các câu văn, thơ có sử dụng nghệ thuật nói giảm nói tránh: 1. Bác đã <i>lên đường</i> theo tổ tiên/Mác - Lênin thế giới người hiền. 2. Bác Dương thôi đã <i>thôi</i> rồi/ Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta. 3. Bà <i>về</i> năm đó làng treo lưới/Biển động Hòn Mê giặc bắn vào. 4. Cậu Vàng <i>đi đòi</i> rồi ông giáo ạ 5. Sau cơn bạo bệnh, nội tôi đã <i>ra đi</i> mãi mãi.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, thực hiện bài theo hai yêu cầu: 1) Chỉ ra biện pháp tu từ; 2) Nêu tác dụng. - GV gợi ý cho HS nhớ lại ngữ cảnh của câu văn, xác định cụm từ có sử	Bài tập 3/tr.42: - Câu a) (lời của Dế Choắt), cụm từ <i>nhắm mắt</i> được dùng để nói về cái chết. Việc dùng cụm từ đó có tác dụng giảm bớt cảm giác đau thương so với câu không dùng cách nói giảm nói tránh: “<i>Nhưng trước khi chết, tôi khuyên anh...</i>”

dụng biện pháp tu từ nói giảm nói tránh rồi nêu tác dụng. - Sau khi HS hoàn thành, GV cho HS trao đổi bài cho nhau tự sửa và trình bày trên lớp. - Thực hiện vào phiếu vở bài tập. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đại diện trình bày, nhận xét. - HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý. * Duy đọc lại bài tập đã hoàn chỉnh và ghi vào vở.	- Câu b) (lời của Đế Choắt), cụm từ <i>nghèo sức</i> được dùng để chỉ sự yếu ớt về thể chất (không có sức để đào một cái hang sâu, an toàn). Việc dùng cụm từ đó có tác dụng làm giảm sắc thái tiêu cực so với câu không dùng nói giảm, nói tránh: “... <i>nhưng “yếu ớt quá”</i>”.

2. Nhận biết và nêu tác dụng của biện pháp điệp ngữ

a. Mục tiêu:

- HS ôn tập kiến thức về điệp ngữ đã được học ở lớp 6.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, hoàn thành bài tập vào vở.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 4, nêu và thực hiện yêu cầu của bài. 1) Tìm phép điệp ngữ trong bài thơ <i>Đồng dao mùa xuân</i>; 2) Nêu tác dụng của việc sử dụng điệp ngữ trong các câu thơ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	Bài tập 4/tr42: - Điệp ngữ 1: Câu thơ “<i>Có một người lính</i>” lặp lại ở khổ 1 và khổ 3. - Tác dụng: như một lời nhạc thơ, khiến người đọc luôn nhớ về các anh - người con từng sống, chiến đấu và đã anh dũng hi sinh; tạo ra một thể đối lập với dòng thơ <i>Anh không về nữa</i> khiến người đọc cảm nhận thấm thía hơn những mất mát lớn lao.

- HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày, nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý. * Duy nhận biết biện pháp tu từ điệp ngữ.	- Điệp ngữ 2: <i>Anh không về nữa và anh ngòi (Anh ngòi lặng lẽ, Anh ngòi rục rờ)</i> được lặp lại hai lần. - Tác dụng: + Điệp ngữ <i>Anh không về nữa</i> đã khắc hoạ trong lòng người đọc về sự ra đi của người lính trẻ, nhấn mạnh nỗi ngậm ngùi, thương tiếc của nhân dân, đồng đội và của nhà thơ dành cho người lính. + Việc lặp lại cụm từ <i>anh ngòi</i> khiến hình tượng người lính hiện lên như một bức tượng giữa rừng núi Trường Sơn hùng vĩ. Chiến công, sự hi sinh vì dân, vì nước của người chiến sĩ mãi được ghi tạc trong trái tim mỗi người dân như một tượng đài bất diệt.

3. Xác định nghĩa của từ

a. Mục tiêu:

- HS củng cố kiến thức về nghĩa của từ.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, hoàn thành bài tập vào vở.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 5, nêu và thực hiện yêu cầu của bài. 1) Xác định nghĩa của từ <i>núi xanh</i> và <i>máu lửa</i> trong bài thơ <i>Đồng dao mùa xuân</i>; 2) Nêu căn cứ để xác định. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày, nhận xét, bổ sung (nếu cần)	Bài tập 5/tr42: - Cụm từ <i>núi xanh</i> trong khổ thơ có nghĩa là chiến trường, nơi diễn ra những trận chiến ác liệt. + Căn cứ để suy đoán nghĩa: dựa vào các từ ngữ xung quanh từ <i>núi xanh</i>: <i>rừng chiều, Trường Sơn, núi cũ, đại ngàn, núi non,...</i> - Cụm từ <i>máu lửa</i> được nhà thơ dùng với nghĩa chỉ những năm tháng chiến tranh khốc liệt. + Căn cứ để suy đoán nghĩa: dựa vào các từ ngữ xung quanh cụm từ <i>máu lửa</i>: <i>hoà bình, bom nổ, khói đen, ngọn lửa,...</i>

Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 6, nêu và thực hiện yêu cầu của bài. - Chỉ ra sự khác biệt về nghĩa của từ <i>xuân</i> trong các cụm từ <i>ngày xuân, tuổi xuân, đồng dao mùa xuân</i>. - GV yêu cầu HS tìm hiểu nghĩa của từ <i>xuân</i> bằng cách tra từ điển hoặc tìm một số câu có từ <i>xuân</i> mà các em vẫn thường nói, đọc, nghe hằng ngày trong khi chuẩn bị bài học ở nhà. GV tổ chức cho HS trình bày, trao đổi về sự khác nhau của từ này trong những câu đó. Từ đó, HS xác định nghĩa của từ <i>xuân</i> trong các cụm từ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày, nhận xét, bổ sung (nếu cần) Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý. * Đọc lại bài tập	Bài tập 6/tr42: - Trong <i>Từ điển tiếng Việt</i> (Hoàng Phê Chủ biên), <i>xuân</i> có các nghĩa cơ bản sau: 1) Mùa đầu tiên trong một năm, mùa tươi tốt nhất; 2) Trẻ trung, thuộc về tuổi trẻ (<i>tuổi xuân</i>); 3) Thuộc về tình ái (<i>xuân tình</i>); 4) Thời gian đã trôi qua hay tuổi của con người. - Từ nghĩa trong từ điển, có thể thấy được: + <i>Xuân</i> trong <i>ngày xuân</i> chỉ những ngày tháng tươi đẹp; + <i>Xuân</i> trong <i>tuổi xuân</i> chỉ tuổi trẻ, sự trẻ trung; + <i>Xuân</i> trong <i>đồng dao mùa xuân</i> vừa chỉ mùa đầu tiên trong một năm, vừa chỉ tuổi trẻ của người lính, vẻ đẹp, sức sống, sức vươn lên của dân tộc, đất nước.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;
- Đọc trước văn bản “*Gặp lá cơm nếp*” (Thanh Thảo).

Hết.

TUẦN 5- Ngày soạn: 25/09/2023- Ngày dạy: 3,4,5,6/10/2023

Tiết: 17&18 Văn bản 2: GẤP LÁ CỜM NẾP

(Thanh Thảo)

I. Mục tiêu

- HS nhận biết và nhận xét được những đặc điểm của bài thơ năm chữ thể hiện qua: *vần, nhịp, yếu tố tự sự, yếu tố miêu tả, biện pháp tu từ,...*
- HS phân tích, suy luận được những nội dung ý nghĩa của bài thơ: tình cảm gia đình gắn với tình yêu quê hương, đất nước.
- Biết trân trọng tình cảm của người lính; bồi đắp thêm tình yêu quê hương đất nước.

*** Em Duy nhận biết thể thơ, đọc được bài thơ, biết yêu quê hương đất nước.**

*** Qua bài thơ giáo dục học sinh về học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.
- Các hình ảnh, video liên quan.

PHIẾU HỌC TẬP 08:

Xác định thể thơ của từng bài thơ sau:

Tên bài thơ, tác giả	Thể thơ
<i>Chuyện cổ tích về loài người</i> (Xuân Quỳnh)	
<i>Chuyện cổ nước mình</i> (Lâm Thị Mỹ Dạ)	
<i>Bất nạt</i> (Nguyễn Thế Hoàng Linh)	
<i>Mây và sóng</i> (Ta-go)	

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối, tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, nhóm để kể tên bài thơ bốn chữ và bước đầu chia sẻ, suy nghĩ cảm xúc của bản thân về bài thơ yêu thích; điền thông tin vào phiếu học tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu vấn đề cho HS suy nghĩ, trình bày:

1. *Xác định thể thơ của từng bài thơ em đã được học ở lớp 6 vào PHIẾU HỌC TẬP 08.*

2. Xôi là là một trong những món ăn quen thuộc của người Việt, em đã bao giờ được thưởng thức món ăn đó chưa? Hãy chia sẻ cảm nhận của bản thân về hương vị của món ăn đó.

3. GV trình chiếu hình ảnh món xôi nếp và lá cây com nếp lên màn hình:



Sau đó, GV yêu cầu HS:

- Các em hãy cùng trao đổi về những gì các em biết về các sự vật được thể hiện trong hình.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nhớ lại các bài thơ đã học ở lớp 6, quan sát tranh ảnh, sau đó chia sẻ cảm xúc, trải nghiệm của mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ, trình bày những suy nghĩ, cảm xúc, hiểu biết của bản thân về món xôi và lá com nếp.

*Gợi ý đáp án:

1.

Tên bài thơ, tác giả	Thể thơ
<i>Chuyện cổ tích về loài người</i> (Xuân Quỳnh)	Năm chữ
<i>Chuyện cổ nước mình</i> (Lâm Thị Mỹ Dạ)	Lục bát
<i>Bắt nạt</i> (Nguyễn Thế Hoàng Linh)	Năm chữ
<i>Mây và sóng</i> (Ta-go)	Tự do

2. HS tự chia sẻ.

3. Ba hình đầu: Món xôi nếp (lạc, trắng (ướp lá thơm), đậu xanh bỏ vỏ); Cây lá com nếp - một loài cây nhỏ, mọc hoang, có hương thơm giống com nếp nên được đặt tên là lá com nếp.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét thái độ làm việc, câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

→GV dẫn vào bài: Ở tiểu học cũng như ở lớp 6, các em đã được làm quen với nhiều bài thơ viết theo thể thơ năm chữ với nhiều phong cách khác nhau. Hôm nay chúng ta sẽ gặp lại thể thơ này trong giai điệu dung dị, gợi nhiều cảm xúc trong tâm hồn người đọc qua bài thơ “Gặp lá cơm nếp” của nhà thơ Thanh Thảo.

HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung về văn bản

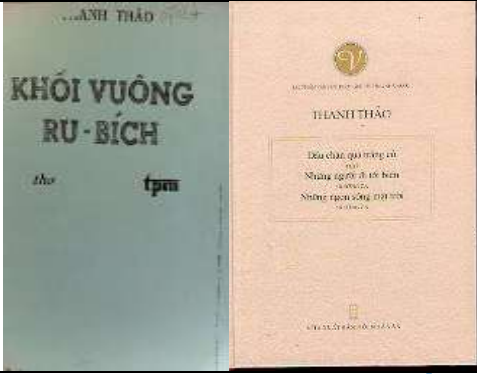
a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về tác giả Thanh Thảo và văn bản “Gặp lá cơm nếp”.

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả và văn bản: thể thơ, giọng điệu, bố cục, đề tài.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về tác giả và văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Tìm hiểu chung văn bản	
NV1: Tìm hiểu về tác giả Thanh Thảo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác giả Thanh Thảo. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời nhanh. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. * Duy đọc phần tác giả SGK/ tr44	1. Tác giả Thanh Thảo  - Sinh năm 1946, quê ở Quảng Ngãi. - Ông là nhà thơ, nhà báo, được công chúng chú ý qua những tập thơ và trường ca viết về chiến tranh và các vấn đề của cuộc sống thời hậu chiến. - Tác phẩm tiêu biểu: <i>Những người đi tới biển</i> (1981); <i>Khối vuông ru-bích</i> (1985), <i>Từ một đến một trăm</i> (1988)...

	
NV2: Tìm hiểu về văn bản “Gặp lá cơm nếp” Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV hướng dẫn cách đọc văn bản: chú ý những câu cần đọc với ngữ điệu đặc biệt như khi đọc dòng thơ Ôi/ <i>mùi vị quê hương</i>, GV lưu ý HS ngắt nhịp 1/4, nhấn mạnh vào thán từ Ôi để biểu đạt cảm xúc của nhà thơ dành cho quê hương và người mẹ. - GV đọc mẫu, sau đó nêu và giải thích yêu cầu của việc đọc. - GV yêu cầu một vài HS đọc bài thơ một lượt, nhận xét, điều chỉnh cách đọc, giọng đọc,... *GV yêu cầu Hs trả lời các câu hỏi: 1. Phân biệt sự giống và khác nhau giữa xôi và cơm nếp. 2. Người bày tỏ cảm xúc trong bài thơ là ai? (chủ thể trữ tình/nhân vật trữ tình) Đối tượng để thể hiện cảm xúc là ai? 3. Xác định thể loại, giọng điệu, bố cục (Văn bản có thể chia thành mấy phần. Nội dung chính từng phần). 4. Nêu đề tài của văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	2. Văn bản “Gặp lá cơm nếp”  a. Đọc và tìm hiểu chú thích - Xôi và cơm nếp: + Giống: Cùng sử dụng một loại nguyên liệu là gạo nếp; + Khác ở cách nấu, mục đích nấu. Xôi được đồ hoặc nấu (thường chín bằng hơi nước) rất cầu kì nên thường chỉ được làm vào dịp lễ, tết hoặc giỗ chạp. Còn cơm nếp có thể nấu (giống nấu cơm tẻ) trong ngày thường. b. Tìm hiểu chung văn bản *Nhân vật trữ tình và đối tượng cảm xúc: - Người bày tỏ cảm xúc là một người con, cũng là một anh bộ đội. - Đối tượng để anh thể hiện cảm xúc là người mẹ nơi quê nhà. *Thể loại: Thơ năm chữ *Giọng điệu: tâm tình, trong trẻo, tha thiết. *Bố cục: - Khổ 1: Hoàn cảnh xa nhà khơi nguồn cảm xúc; - Khổ 2: Hình ảnh mẹ trong kí ức của con; - Khổ 3,4: Tình cảm, cảm xúc người con khi gặp lá cơm nếp.

1. HS đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát và nhận xét; 2. HS suy nghĩ để trả lời các câu hỏi của GV. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV bổ sung, nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản *Duy nhận biết thể thơ năm chữ.	*Đề tài: Người lính và quê hương.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu chi tiết văn bản

a. Mục tiêu:

- Giúp HS tìm hiểu những phương diện, yếu tố cơ bản về hình thức và nội dung bài thơ;
- Bồi dưỡng cho các em những cảm xúc về tình yêu quê hương, đất nước.

b. Nội dung: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT bề cá, KT đặt câu hỏi, HS làm việc nhóm để tìm hiểu đặc điểm hình thức thể thơ năm chữ và giá trị nội dung bài thơ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP 09

So sánh sự khác nhau giữa thể thơ bốn chữ và thể thơ năm chữ

Đặc điểm hình thức	<i>Đồng dao mùa xuân</i>	<i>Gấp lá com nếp</i>
Số tiếng trong mỗi dòng thơ		
Cách gieo vần		
Ngắt nhịp		
Chia khổ		

PHIẾU HỌC TẬP 10

<i>Những dòng thơ kể về mẹ</i>	<i>Nhận xét hình ảnh người mẹ trong kí ức người con</i>	
.....		

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Tìm hiểu chi tiết văn bản	

1: Đặc điểm về cách gieo vần, ngắt nhịp, khổ, thể thơ Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm theo bàn trong 10 phút thực hiện nhiệm vụ : Số tiếng trong một dòng, cách gieo vần, ngắt nhịp và chia khổ của bài thơ <i>Gấp lá com nếp</i> có gì khác so với bài thơ <i>Đồng dao mùa xuân</i>? Hãy so sánh các phương diện đó của hai bài thơ thực hiện vào Phiếu HT số 09. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS các nhóm thảo luận và hoàn thiện vào trong phiếu HT. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của một số cặp tiêu biểu, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS. - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2.	1. Đặc điểm về cách gieo vần, ngắt nhịp, khổ, thể thơ. <table><tr><th>Đặc điểm hình thức</th><th><i>Đồng dao mùa xuân</i></th><th><i>Gấp lá com nếp</i></th></tr><tr><td>Số tiếng trong mỗi dòng thơ</td><td>4 tiếng/dòng</td><td>5 tiếng/dòng</td></tr><tr><td>Cách gieo vần</td><td>chân</td><td>chân</td></tr><tr><td>Ngắt nhịp</td><td>linh hoạt, biến tấu trên nền nhịp 2/2</td><td>linh hoạt, biến tấu trên nền nhịp 2/2</td></tr><tr><td>Chia khổ</td><td>9 khổ, trong đó có 2 khổ đặc biệt</td><td>4 khổ, trong đó có 1 khổ đặc biệt</td></tr></table>	Đặc điểm hình thức	<i>Đồng dao mùa xuân</i>	<i>Gấp lá com nếp</i>	Số tiếng trong mỗi dòng thơ	4 tiếng/dòng	5 tiếng/dòng	Cách gieo vần	chân	chân	Ngắt nhịp	linh hoạt, biến tấu trên nền nhịp 2/2	linh hoạt, biến tấu trên nền nhịp 2/2	Chia khổ	9 khổ, trong đó có 2 khổ đặc biệt	4 khổ, trong đó có 1 khổ đặc biệt
Đặc điểm hình thức	<i>Đồng dao mùa xuân</i>	<i>Gấp lá com nếp</i>														
Số tiếng trong mỗi dòng thơ	4 tiếng/dòng	5 tiếng/dòng														
Cách gieo vần	chân	chân														
Ngắt nhịp	linh hoạt, biến tấu trên nền nhịp 2/2	linh hoạt, biến tấu trên nền nhịp 2/2														
Chia khổ	9 khổ, trong đó có 2 khổ đặc biệt	4 khổ, trong đó có 1 khổ đặc biệt														
*Thao tác 2: Tìm hiểu hình ảnh người mẹ trong kí ức của người lính Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Nhiệm vụ a: - GV cho HS đọc thầm bài thơ, tổ chức cho HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi cho mục a): <i>Người lính nhớ về mẹ trong hoàn cảnh nào?</i> Nhiệm vụ b: - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm theo cặp bàn để trả lời câu hỏi cho mục b): <i>Tìm những dòng thơ kể về người mẹ trong kí ức của</i>	2. Hình ảnh mẹ trong kí ức của người lính a. Hoàn cảnh gọi nhắc người lính nhớ về mẹ - Trên đường hành quân ra mặt trận, anh gấp lá com nếp. Chính hương vị của lá com nếp đã gọi cho anh nhớ đến hình ảnh thân thương của người mẹ bên bếp lửa đang nấu xôi. b. Hình ảnh mẹ trong kí ức của người lính <table><tr><th>Những dòng thơ kể về mẹ</th><th>Nhận xét hình ảnh người mẹ trong kí ức người con</th></tr><tr><td><i>Mẹ ở đâu, chiều nay Nhặt lá về đun bếp Phải mẹ thổi com nếp</i></td><td> - Mẹ tần tảo, chăm lo cuộc sống gia đình. - Mẹ yêu thương các con. </td></tr></table>	Những dòng thơ kể về mẹ	Nhận xét hình ảnh người mẹ trong kí ức người con	<i>Mẹ ở đâu, chiều nay Nhặt lá về đun bếp Phải mẹ thổi com nếp</i>	- Mẹ tần tảo, chăm lo cuộc sống gia đình. - Mẹ yêu thương các con.											
Những dòng thơ kể về mẹ	Nhận xét hình ảnh người mẹ trong kí ức người con															
<i>Mẹ ở đâu, chiều nay Nhặt lá về đun bếp Phải mẹ thổi com nếp</i>	- Mẹ tần tảo, chăm lo cuộc sống gia đình. - Mẹ yêu thương các con.															

người con. Từ những dòng thơ kể về mẹ ấy, em hãy nhận xét về hình ảnh người mẹ. (Hình dung về mẹ qua hình ảnh “Nhặt lá về đun bếp”).

- GV yêu cầu HS thực hiện vào trong

Phiếu học tập số 10, rồi trình bày.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.

- HS thực hiện nhiệm vụ theo phân công.

- GV quan sát, khích lệ và giúp đỡ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS lên trình bày.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn.

- GV nhận xét thái độ trong quá trình làm việc và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS, chốt ý.

- GV bổ sung: Vẻ đẹp của người mẹ hiện lên thật ấn tượng và sâu sắc. Chỉ qua vài nét vẽ đơn sơ với câu hỏi tu từ chứa đầy tâm trạng, nhà thơ đã mang đến sự hình dung về những gia đình nghèo phải chật chiu lắm mới có gạo nếp để nấu. Nấu cơm nếp ngon khó hơn nấu cơm tẻ rất nhiều. Người mẹ trong bài thơ, có thể do quê nghèo, do mùa vụ, hoặc phải tiết kiệm nên không có rơm hay củi để đun nấu. Mẹ phải đi nhặt lá về đun bếp nên việc nấu còn khó gấp bội. Người lính trong bài thơ nhớ hình ảnh mẹ ngồi thổi cơm nếp chính là nhớ tới hình ảnh người mẹ nghèo thương

- Mẹ giản dị, mộc mạc, chất phác.

con, tần tảo chắt chiu, lụi cụi nấu nồi cơm, vùi xuống lớp tro, ủ cho cơm chín lên hương trong góc bếp nhỏ.

Qua đây, ta thấy người lính rất yêu thương mẹ, thấu hiểu nỗi vất vả và tình cảm mà mẹ dành cho mình. Trong nỗi nhớ người con dành cho mẹ của mình, người đọc cảm nhận được cả nỗi xót xa vì anh đi xa, không thể đỡ đàn, sẻ chia nỗi vất vả, nhọc nhằn cùng mẹ. (Giáo dục học sinh về học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.)

- GV chuyển sang nội dung 3.

* 3: Hình ảnh người lính

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- **Nhiệm vụ 1:** GV yêu cầu HS đọc lại toàn bài thơ và trả lời câu hỏi:

* Giáo dục học sinh về học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

1) *Khổ thơ nào thể hiện tình cảm, cảm xúc của người lính với mẹ?*

(Chú ý những cụm từ có cách kết hợp đặc biệt như *mùi vị quê hương*, *chia đều nỗi nhớ thương*, từ đó kết nối, suy luận tìm ra câu trả lời).

2) *Vì sao những tình cảm, cảm xúc ấy lại cùng trào dâng trong tâm hồn người lính khi “gấp lá cơm nếp”?*

- **Nhiệm vụ 2:** GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, vẽ sơ đồ. Mỗi HS ghi cảm nhận của mình vào một góc sơ đồ, sau đó tổng hợp, cử đại diện nhóm trình bày.

3) *Em cảm nhận như thế nào về người con trong bài thơ?*

3. Hình ảnh người lính

- **Khổ ba:** Tình yêu thương gia đình hoà với tình yêu quê hương, đất nước trào dâng trong lòng người lính vì anh đang trên đường hành quân, xa quê hương, gia đình, hương vị lá cơm nếp khiến người con nhớ đến món cơm nếp mà người mẹ đã nấu. Hương vị của món ăn dân dã, bình dị đó được anh xem như là biểu tượng của quê hương - *mùi vị quê hương*.

-*

Vẻ đẹp người lính

Yêu gia đình, yêu quê hương, đất nước.

Có tâm hồn nhạy cảm.

(GV gợi ý, hướng dẫn HS thảo luận:

1) Điều gì khiến người con tự nguyện lên đường, xa nhà đi chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc? (Qua đó ta thấy người lính hiện lên với phẩm chất gì?)

2) Thấy mùi xôi trên đường hành quân, người lính thương nỗi vất vả tảo tần của mẹ, nôn nao nỗi nhớ quê hương đất nước. Chính điều đó đã giúp ta biết thêm điều gì về người lính?.)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.

- GV quan sát, khích lệ và giúp đỡ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS lên trình bày.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn.

- GV nhận xét thái độ trong quá trình làm việc và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.

- GV bổ sung: *Tình yêu gia đình hoà quyện với tình yêu quê hương, đất nước. Trong trái tim người lính, hình ảnh quê hương, đất nước hiện lên chân thật, gần gũi, gắn với hình bóng lam lũ, tảo tần mà tha thiết yêu thương của mẹ. Khổ thơ đã chạm đến chiều sâu cảm xúc, thể hiện cái nhìn đầy thương cảm với đất nước mình. (Giáo dục học sinh về học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.)*

- GV chuyển sang phần tổng kết.	

Hoạt động 2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của bài thơ; rút ra bài học về cách đọc thơ năm chữ.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
III. Tổng kết	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS làm việc cá nhân: 1) Tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của bài thơ. 2) Khái quát giá trị nội dung, ý nghĩa của bài thơ. 3) Để đọc hiểu một bài thơ năm chữ, chúng ta cần lưu ý điều gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo, thảo luận Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV chuẩn kiến thức. * Em Duy ghi nội dung phần tổng kết vào vở.	1. Nghệ thuật - Sử dụng thể thơ năm chữ, gần gũi với đồng dao; - Cách ngắt nhịp, gieo vần linh hoạt; - Giọng điệu tâm tình, trong trẻo, tha thiết; - Hình ảnh thơ chân thực, gợi cảm, mang nhiều ý nghĩa. 2. Nội dung – Ý nghĩa - Bài thơ thể hiện tình cảm nhớ thương mẹ da diết và tình yêu quê hương đất nước của người lính xa nhà đi chiến đấu. - Những hình ảnh thân thiết, gần bó của quê hương là nguồn sức mạnh nâng bước người lính trên đường đi chiến đấu. 3. Cách đọc hiểu văn bản thơ năm chữ - Xác định và nhận diện các đặc điểm của thể thơ như: <i>số chữ, cách gieo vần, ngắt nhịp</i>;

	- Đánh giá tác dụng của cách gieo vần, ngắt nhịp trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả; - Tìm hiểu ý nghĩa của các chi tiết, hình ảnh có trong bài thơ; - Tìm hiểu tâm trạng cảm xúc của tác giả. Qua đó, lí giải đánh giá và liên hệ với những kinh nghiệm sống thực tiễn của bản thân.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố hiểu biết về thể thơ qua việc đánh giá ưu thế, tác dụng của thể thơ năm chữ trong việc thể hiện cảm xúc của nhà thơ.

b. Nội dung: HS đọc kĩ lại bài thơ, nêu lại những đặc điểm của thể thơ, suy ngẫm những đặc điểm này có ưu thế, tác dụng như thế nào trong việc thể hiện tình cảm cảm xúc của nhà thơ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS làm việc theo cặp bàn, thảo luận câu hỏi:

1) *Em hãy nhắc lại những đặc điểm của thể thơ năm chữ qua bài thơ “Gặp lá cơm nếp”?*

2) *Theo em, những đặc điểm trên của thể thơ năm chữ có tác dụng gì trong việc thể hiện cảm xúc của nhà thơ?*

- GV khơi gợi để HS suy ngẫm tìm câu trả lời.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, làm việc theo cặp bàn để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày, HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, tuyên dương HS.

- Gợi ý đáp án:

1) Những đặc điểm của thể thơ năm chữ qua bài thơ “Gặp lá cơm nếp”: mỗi dòng có năm tiếng; nhịp 3/2, 2/3 hoặc linh hoạt phù hợp với tình cảm, cảm xúc được thể hiện trong bài; sử dụng vần chân;...

2) Tác dụng trong việc thể hiện cảm xúc của nhà thơ: Bài thơ ngắn, toàn bài chỉ có bốn khổ, tổng cộng mười bốn dòng, trong đó ba khổ đầu mỗi khổ bốn dòng, khổ cuối chỉ có hai dòng. Mỗi dòng năm tiếng được ngắt nhịp linh hoạt với vần chân biến hoá, có tác dụng:

- Thể hiện một cách hàm súc tình cảm, tâm lòng của người con đối với quê hương,

đất nước và mẹ của mình.

- Khơi gợi tâm tình sâu nặng của người con dành cho quê hương và người mẹ. Đó chính là tình yêu thương cao cả thiêng liêng.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS phát triển kỹ năng viết câu, đoạn.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi cảm thụ văn học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao nhiệm vụ cho HS (có thể thực hiện ngay trên lớp hoặc về nhà):

+ **Nhiệm vụ :** Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về nỗi nhớ thương mẹ của người con trong bài thơ *Gấp lá cơm nếp*.

(**Gợi ý:** Các em cần dựa vào sự phác hoạ hình ảnh người mẹ qua kí ức của người con trong bài thơ để nêu cảm nhận của mình).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ: Viết ra giấy theo đúng yêu cầu, sau đó chỉnh sửa bài viết.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi HS lên trình bày.

- HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

ĐOẠN VĂN THAM KHẢO

Cảm nghĩ của em về nỗi nhớ thương mẹ của người con trong bài thơ *Gấp lá cơm nếp*

Bài thơ *Gấp lá cơm nếp* của nhà thơ Thanh Thảo đã đưa mỗi chúng ta trở về với những kí ức tràn đầy nhớ thương của người con với mẹ. Người con ấy cũng chính là chàng lính trẻ xa nhà đi chiến đấu, một lần gấp lá cơm nếp, anh nôn nao nhớ về mẹ, nhớ về hương vị quê nhà. Hình ảnh mẹ hiện lên trong kí ức của anh qua một câu hỏi chứa đầy tâm trạng “*Mẹ ở đâu chiều nay/Nhặt lá về đun bếp/Phải mẹ thổi cơm nếp/Mà thơm suốt đường con*”. Chi tiết “*Nhặt lá về đun bếp*” gợi bao nỗi vất vả, lam lũ, tần tảo khó nhọc của cuộc đời mẹ. Hương thơm của lá nếp lan toả khắp con đường hành quân chiến đấu của người lính. Bài thơ ngắn, mỗi dòng năm tiếng được ngắt nhịp linh hoạt, tác giả không diễn tả chi tiết, cụ thể mà chỉ khơi gợi tâm tình của người con nhưng người đọc vẫn có thể cảm nhận được tình cảm sâu nặng của anh dành cho quê hương và người mẹ. Tình cảm ấy đã được hiện thực hoá thành hành động người con cầm súng ra đi bảo vệ đất nước, bảo vệ quê hương, bảo vệ cuộc sống bình yên cho gia đình, cho người mẹ của mình. Và đây mới là biểu hiện cao quý nhất của tình yêu thương.

**Bảng kiểm
kĩ năng viết đoạn văn**

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5 - 7 câu.		
2	Đoạn văn đúng chủ đề: <i>Cảm nghĩ về nỗi nhớ thương mẹ của người con.</i>		
3	Lí lẽ dẫn chứng thuyết phục.		
4	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.		
5	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.		

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung đã học trong bài;
- Tìm đọc thêm các bài thơ năm chữ có cùng đề tài như bài “*Tiếng gà trưa*” của Xuân Quỳnh;
- Chuẩn bị soạn bài đọc tản văn: “*Trở gió*” của Nguyễn Ngọc Tư.

**Tiết: 19 Văn bản 3: TRỞ GIÓ
(Nguyễn Ngọc Tư)**

I. Mục tiêu

- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu, cách sử dụng các biện pháp tu từ như điệp ngữ, so sánh, nhân hoá,...
- Thông qua việc phân tích tình cảm của người viết đối với gió chướng, HS cảm nhận được tình yêu, sự gắn bó của người viết đối với quê hương.
- Bồi đắp cho HS những xúc cảm thẩm mĩ trước thiên nhiên, quê hương.

*** Em Duy đọc văn bản và nhận biết tình cảm của tác giả qua bài kí.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.
- Các hình ảnh, video liên quan.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối, tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung: HS nghe câu hỏi và chia sẻ trải nghiệm cá nhân có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (PP vấn đáp, lắng nghe)

- Để tạo không khí vào bài học, GV nêu một số câu hỏi cho HS:

- 1) *Em đã đến tỉnh nào của miền Tây Nam Bộ chưa?*
- 2) *Đọc 3 đoạn thơ sau và cho biết hình ảnh xuất nào xuất hiện ở cả 3 đoạn thơ?*

Ca dao:

Đèn lồng treo cột phượng,

Gió chướng thổi hao dầu.

Em có thương thì để dạ,

Chớ có rầu mà hư thân.

Hoa thơm trông dựa cành rào,

Gió nam, gió chướng, gió nào cũng thơm.

Gió chướng lạnh lùng, mưa rung lá hẹ,

Cảm thương nàng có mẹ không cha.

Gió chướng lao xao khúc sông nào, sóng nấy,

Xuông em bơi giữa dòng, anh thấy anh thương.

Thi ca:

“Em nhận ra dòng sông quen thuộc quá,

Hương phù sa châu thổ của quê mình,

Mùa gió chướng hoa lục bình nở rộ,

Chuyến đò chiều chở tím cả hoàng hôn.

(Ngọc Hiệp)

Con về thăm Mẹ mùa gió chướng,

Gió tự đồng xa thổi mát lòng,

Nghe trong ngọn gió mùi rơm rạ,

Có chút mùi hương tóc Mẹ già.

(Phùng Quang Thuận)

3) Em đã bao giờ được trực tiếp đón gió chướng về hoặc được nghe nói đến gió chướng?

- GV khích lệ HS chia sẻ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS lắng nghe, xem, suy nghĩ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS chia sẻ trải nghiệm cá nhân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

- GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

➔**GV dẫn vào bài:** Các em ạ! Nhắc đến miền Bắc, chúng ta thường quen thuộc với gió mùa Đông Bắc, đi liền với nó là những cơn mưa phùn bay lất phất; nhắc đến miền Trung, chúng ta thường biết đến những cơn gió Lào nóng nực, thổi trên những triền cát trắng nắng chang chang; vào với miền đất Tây Nam bộ, chúng ta thường nghe người dân nơi đây nhắc đến một loại gió có tên là gió chướng. Gió chướng là thứ gió đặc trưng của phương Nam, khi đất trời trở gió chướng cũng là lúc xuân sắp sang, nên người phương Nam còn gọi nó là gió tết. Ngọn gió tết ấy đã mang đến những xúc cảm gì, văn bản *Trở gió* của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư sẽ đem đến cho ta những điều thật nhạy cảm tinh tế và sâu sắc trong tâm trạng ngổn ngang lòng mình, mình đón gió chướng.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung văn bản

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản “*Trở gió*”.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm như: đề tài, bố cục...

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về văn bản.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

I. Tìm hiểu chung văn bản

NV1: Tìm hiểu về tác giả Nguyễn Ngọc Tư

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Ngọc Tư (tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời nhanh.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục 2.

*** Duyệt đọc tác giả SGK/ tr 44**

1. Tác giả:



- Nguyễn Ngọc Tư, sinh năm 1976, quê ở Cà Mau.

- Văn của chị thường trong sáng, mộc mạc, thể hiện một tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, giàu yêu thương.

- Tác phẩm tiêu biểu: *Truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư* (2005), *Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư* (2005), *Không ai qua sông* (2016),...



NV2: Tìm hiểu chung về văn bản “Trở gió”

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

***GV yêu cầu HS nêu xuất xứ của văn bản:**

***GV hướng dẫn cách đọc văn bản:** Đọc to, rõ ràng; ngữ điệu đọc cần phù hợp với nội dung VB. (GV đọc mẫu một đoạn đầu, sau đó chỉ định một số HS đọc tiếp những phần còn lại. Lưu ý, chỉ nên để mỗi HS đọc một đoạn có độ dài vừa phải, không để HS nào phải đọc một đoạn quá dài);

***GV hướng dẫn HS tìm hiểu**

2. Tác phẩm:

- Văn bản “Trở gió” trích trong “*Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư*”, NXB Trẻ, Tp. HCM, 2015, tr.7-10).

a. Đọc và tìm hiểu chú thích

- Chú thích: *mừng hóm, gấp rã, linh đình, xà quàn*,...

b. Hình thức văn bản

***Thể loại:** Tản văn

- Văn bản được xếp cùng bài học vì cùng hướng đến chủ đề “Khúc nhạc tâm hồn” (tình yêu con người, thiên nhiên, đất nước...)

***Bố cục:**

- P1: Từ đầu đến “*Ôi gió chướng*”: Cuộc hẹn với gió chướng.

nghĩa của những từ ngữ khó được chú thích ở chân trang. Ở trên lớp GV kiểm tra mức độ hiểu nghĩa từ ngữ khó của HS, ví dụ: <i>mình hóm, gấp rĩa, linh đình, xà quân,...</i> *GV yêu cầu Hs trả lời các câu hỏi: 1) Văn bản “Trở gió” thuộc loại thể loại nào? Tại sao văn bản lại được xếp vào cùng một bài với hai bài thơ bốn chữ và năm chữ? 2) Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 1. HS đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát và nhận xét; 2. HS suy nghĩ để trả lời các câu hỏi của GV. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản	- P2: Từ “<i>Tôi thường đón gió chướng...</i>” đến “<i>...Còn đưa hầu nữa, ui chao</i>”: Tâm trạng của nhân vật “tôi” khi đón gió chướng; - P3: Phần còn lại: Những hình dung của “tôi” khi xa gió chướng.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu chi tiết văn bản

a. Mục tiêu:

- Thông qua việc khai thác các vấn đề nội dung và hình thức của VB giúp HS cảm nhận được hình ảnh gió chướng và tình cảm, cảm xúc của tác giả.

b. Nội dung: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc cá nhân, nhóm để tìm hiểu nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật của nhà văn.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP 11

Tìm hiểu hình ảnh gió chướng

Những chi tiết, hình ảnh miêu tả	Đặc sắc nghệ thuật	Tác dụng
.....		

PHIẾU HỌC TẬP 12

Tìm hiểu tình cảm, cảm xúc của nhân vật “tôi”

Nhiệm vụ	Tâm trạng của nhân vật “tôi”	Biểu hiện
Nhóm 1	Khi đón gió chướng về (đoạn 2)	
Nhóm 2	Khi còn nhỏ (đoạn 3)	
Nhóm 3	Khi lớn lên, bắt đầu viết văn (đoạn 5)	
Nhóm 4	Khi xa quê (đoạn 6)	
Nhiệm vụ chung	Nhận xét tình cảm của tác giả với gió chướng:	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm		
II. Tìm hiểu chi tiết văn bản			
1: Tìm hiểu hình ảnh gió chướng Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS thảo luận theo nhóm bàn, hoàn thành Phiếu học tập số 11 . - GV nêu câu hỏi gợi ý hỗ trợ HS hoàn thành phiếu. 1) Âm thanh của gió chướng được tác giả miêu tả như thế nào? 2) Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào để làm nổi bật “tính cách”, “tâm trạng”, “cảm xúc” của gió chướng? - GV cho HS đọc lại đoạn văn thứ 4 và nêu câu hỏi: Vì sao tác giả khẳng định “mùa gió chướng cũng là mùa thu hoạch”? (Chi tiết nào trong văn bản cho ta biết điều đó?) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm và cá nhân, nghe câu hỏi, theo dõi văn bản và thực hiện các yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận	1. Hình ảnh gió chướng		
	Những chi tiết, hình ảnh miêu tả	Đặc sắc nghệ thuật	Tác dụng
	Âm thanh của gió chướng: hơi thổi gió rất gần; âm thanh ấy sẽ sang từng giọt tình tang; thoảng và e dè; như ai đó đứng đằng xa ngoắc tay nhẹ một cái; như đang ngại ngần không biết người xưa có nhớ ta không; mừng húm; hừng hực, dạt dào, cồn cào, nồng nhiệt, dịu dàng	Sử dụng biện pháp tu từ: so sánh, nhân hoá.	Khiến hình ảnh gió chướng hiện lên sống động như con người.
	- Mùa gió chướng cũng là mùa thu hoạch vì: con người đón nhận niềm vui khi mùa màng bội thu, cây trái sum suê quả ngọt (gió chướng vào mùa thì lúa cũng vừa chín tới; liếp mía đợi gió mới chịu già, nước ngọt và trầu; vú sữa chín cây lúc lỉu,		

- GV gọi HS trả lời. - HS khác nhận xét bổ sung (nếu cần) Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chuẩn kiến thức: <i>Khi gió chướng về, con người đón nhận rất nhiều niềm vui và đó chính là lí do vì sao người viết lại mong ngóng, chờ đợi gió chướng nhiều đến thế.</i>	căng bóng;...).											
2: Tìm hiểu tình cảm, cảm xúc của nhân vật “tôi” với gió chướng Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức hướng dẫn cho các nhóm HS thảo luận (5 phút), hoàn thành vào Phiếu HT số 12: - Nhiệm vụ riêng: + Nhóm 1: Khi đón gió chướng về (đoạn 2) Gợi ý: 1) <i>Em hãy chỉ ra những biểu hiện của tâm trạng “lộn xộn, ngổn ngang” của nhân vật “tôi” khi đón gió chướng về.</i> 2) <i>Lí do nào khiến nhân vật “tôi” luôn mong ngóng, chờ đợi gió chướng? (Nhân vật “tôi” luôn mong ngóng, chờ đợi vì gió chướng là gió Tết và mùa gió chướng cũng là mùa thu hoạch. Không chỉ vậy, gió chướng đối với tác giả còn gợi nhắc đến quê hương, gắn liền với quê hương);</i> + Nhóm 2: Khi còn nhỏ (đoạn 3) 2. Tình cảm, cảm xúc của nhân vật “tôi” với gió chướng <table><tr><th><i>Nhiệm vụ</i></th><th><i>Tâm trạng của nhân vật “tôi”</i></th><th><i>Biểu hiện</i></th></tr><tr><td>Nhóm 1</td><td>Khi đón gió chướng về (đoạn 2)</td><td><i>mừng đó rồi bực đó, chờ đợi gió về nhưng khi gió về lại buồn vì gió về có nghĩa là sắp hết năm, sắp già thêm một tuổi, mỗi lần gió về lại cảm giác mình mất một cái gì đó không rõ ràng, không giải thích được,...</i></td></tr><tr><td>Nhóm 2</td><td>Khi còn nhỏ (đoạn 3)</td><td><i>Sao tôi lại chờ đợi nó, chẳng phải năm nào cũng vậy [...] Nhưng tôi vẫn mong gió chướng về. Sự chờ đợi đã thành thói quen của thời thơ ấu.</i></td></tr><tr><td>Nhóm 3</td><td>Khi lớn lên, bắt đầu viết văn (đoạn 5)</td><td><i>Gió chướng với tôi, một đứa bập bôm văn chương nó “gợi” khủng khiếp.</i></td></tr></table>	<i>Nhiệm vụ</i>	<i>Tâm trạng của nhân vật “tôi”</i>	<i>Biểu hiện</i>	Nhóm 1	Khi đón gió chướng về (đoạn 2)	<i>mừng đó rồi bực đó, chờ đợi gió về nhưng khi gió về lại buồn vì gió về có nghĩa là sắp hết năm, sắp già thêm một tuổi, mỗi lần gió về lại cảm giác mình mất một cái gì đó không rõ ràng, không giải thích được,...</i>	Nhóm 2	Khi còn nhỏ (đoạn 3)	<i>Sao tôi lại chờ đợi nó, chẳng phải năm nào cũng vậy [...] Nhưng tôi vẫn mong gió chướng về. Sự chờ đợi đã thành thói quen của thời thơ ấu.</i>	Nhóm 3	Khi lớn lên, bắt đầu viết văn (đoạn 5)	<i>Gió chướng với tôi, một đứa bập bôm văn chương nó “gợi” khủng khiếp.</i>
<i>Nhiệm vụ</i>	<i>Tâm trạng của nhân vật “tôi”</i>	<i>Biểu hiện</i>										
Nhóm 1	Khi đón gió chướng về (đoạn 2)	<i>mừng đó rồi bực đó, chờ đợi gió về nhưng khi gió về lại buồn vì gió về có nghĩa là sắp hết năm, sắp già thêm một tuổi, mỗi lần gió về lại cảm giác mình mất một cái gì đó không rõ ràng, không giải thích được,...</i>										
Nhóm 2	Khi còn nhỏ (đoạn 3)	<i>Sao tôi lại chờ đợi nó, chẳng phải năm nào cũng vậy [...] Nhưng tôi vẫn mong gió chướng về. Sự chờ đợi đã thành thói quen của thời thơ ấu.</i>										
Nhóm 3	Khi lớn lên, bắt đầu viết văn (đoạn 5)	<i>Gió chướng với tôi, một đứa bập bôm văn chương nó “gợi” khủng khiếp.</i>										

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.**d. Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
III. Tổng kết	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS hoạt động cá nhân, tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa của văn bản. ? Em rút ra bài học nào khi đọc hiểu tác phẩm là tiểu thuyết ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày các nội dung tổng kết. - HS khác bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: - GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học. * Duy đọc lại phần tổng kết.	1. Nghệ thuật - Giọng điệu giải bày, tâm tình, chia sẻ; - Ngôn ngữ gợi cảm xúc, suy tư, mang đậm chất Nam Bộ; - Chi tiết, hình ảnh sinh động, hấp dẫn; - Miêu tả tinh tế, nhạy cảm; - Kết hợp giữa biểu cảm, miêu tả, tự sự; - Sử dụng thành công phép tu từ: so sánh, nhân hoá. 2. Nội dung - “ <i>Trở gió</i> ” thể hiện tình yêu, sự gắn bó tha thiết với con người, với quê hương.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**a. Mục tiêu:** củng cố kiến thức trong bài học.**b. Nội dung:** HS viết đoạn văn nêu cảm nhận của mình về tình cảm, cảm xúc của tác giả được thể hiện trong văn bản.**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS.**d. Tổ chức thực hiện:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV tổ chức cho HS viết đoạn văn ra giấy, với yêu cầu sau:

Đề bài 1: *Viết đoạn văn từ 5 đến 7 câu nêu cảm nhận của em về tình cảm, cảm xúc của tác giả được thể hiện trong văn bản.*

Gợi ý:

- **Bước 1:** HS chọn chi tiết, câu văn thể hiện tình cảm của tác giả ở các thời điểm khác nhau của cuộc đời (khi đón gió chướng về; khi còn nhỏ, khi viết văn; khi đi xa);

- **Bước 2:** Lập ý cho đoạn văn (Lần lượt trình bày: *Giới thiệu chung về tác giả tác phẩm, nêu cảm nhận về các chi tiết, câu văn thể hiện tình cảm của tác giả, đánh giá khái quát*);

- **Bước 3:** Viết;

- **Bước 4:** Chỉnh sửa và hoàn thiện.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS viết bài ra giấy (có thể thực hiện ở nhà)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày.

- HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần), tuyên dương những bài viết tốt.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Từ kiến thức có trong bài học, HS vận dụng, kết nối vào thực tế của bản thân.

b. Nội dung: GV sử dụng kỹ thuật “Viết tích cực”, kỹ thuật công não; HS làm việc cá nhân để hoàn thành bài viết.

c. Sản phẩm: Bài viết đoạn văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS viết đoạn văn ra giấy, với yêu cầu sau:

Đề bài 2: Với nhà văn Nguyễn Ngọc Tư tình yêu quê hương là sự gắn bó tha thiết với gió chướng. Nếu một mai xa quê hương, hình ảnh nào của quê hương khiến em nhớ mãi? Vì sao? (*Hãy viết một đoạn văn từ 5 đến 7 câu chia sẻ về điều đó*).

- Bước 1: HS tự lựa chọn hình ảnh mà mình gắn bó, ấn tượng nhất của quê hương.

- Bước 2: Lập ý cho đoạn văn bằng cách trả lời câu hỏi: Vì sao? (*Nó gắn bó với em như thế nào? Nó mang đến cho em những điều thú vị gì?....*)

- Bước 3: Viết;

- Bước 4: Chỉnh sửa và hoàn thiện.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm, chỉnh sửa đoạn văn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét đánh giá, biểu dương;

- Cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá, rút kinh nghiệm và đọc đoạn văn tham khảo:

ĐOẠN VĂN THAM KHẢO

Đề bài 1: Cảm nhận tình cảm, cảm xúc của tác giả được thể hiện trong văn bản

Quê hương là nơi mỗi người được sinh ra, được sống gắn bó với biết bao nhiêu kỉ niệm vui buồn. Với nhà văn Nguyễn Ngọc Tư, mỗi lần “trở gió” là một lần nhà văn nhớ về gió chướng quê hương. Gió chướng về mang đến cho tác giả bao nhiêu cung bậc cảm xúc, gió chướng về có nghĩa là sắp hết năm, sắp già thêm một tuổi. Gió chướng về là lúc vào mùa thu hoạch, là tết đến được đón nhận bao nhiêu niềm vui hoa trái ngọt lành. Với một người viết văn như tác giả, gió chướng về còn gợi bao nhiêu cảm xúc viết. Cả lúc xa quê, dẫu đủ đầy hương vị ngày tết, nhà văn vẫn nôn nao nhớ về gió chướng quê nhà. Bằng giọng văn gợi cảm, giàu hình ảnh, giàu suy tư, ngôn ngữ đậm chất Nam Bộ nhà văn Nguyễn Ngọc Tư đã truyền cho mỗi chúng ta tình yêu thiết tha với con người và cảnh sắc quê hương.

Đề bài 2: Hình ảnh quê hương khiến em nhớ mãi khi đi xa

Quê hương, hai tiếng gọi thân thương và bền chặt. Đó là nơi mà mỗi khi phải đi xa em luôn mong ngóng và nhớ về. Hình ảnh quê hương mà em nhớ nhất chính là những dãy đồi trập trùng, xanh biếc. Những dãy đồi ấy có những rừng cây xanh rì rào trong gió, những khe suối ngày đêm chảy róc rách. Dưới chân đồi là những ngôi nhà sàn e ấp trong vòm lá biếc xanh. Chiều chiều, chúng em rong chơi trên đồi trong làn gió mát rượi. Nơi ấy còn có những con đường dẫn em tới trường với biết bao nhiêu kỉ niệm đẹp của tuổi học trò, bởi vậy, khi xa em làm sao em không nhớ cho được.

BẢNG KIỂM

Đánh giá kĩ năng viết đoạn văn

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5 - 7 dòng.		
2	Đoạn văn đúng chủ đề.		
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.		
4	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.		

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh, sưu tầm hình ảnh ấn tượng về bài học.
- Tìm đọc thêm các tản văn khác của Nguyễn Ngọc Tư.
- Chuẩn bị soạn bài thực hành tiếng Việt: “Nghĩa của từ, các biện pháp tu từ”.

NGHĨA CỦA TỪ, BIỆN PHÁP TU TỪ

1. Mục tiêu:

- HS ôn tập, củng cố kiến thức đã học về biện pháp tu từ: *nhân hoá, so sánh, điệp ngữ*.
- HS xác định được nghĩa của một số từ ngữ được sử dụng trong bài thơ *Gặp lá cơm nếp*.

** Em Duy nhận biết biện pháp tu từ: nhân hoá, so sánh, điệp ngữ.*

2. Nội dung: HS suy nghĩ nhận biết nghĩa của từ, nhận biết và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ để hoàn thành các bài tập.

3. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối, tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, chia sẻ hiểu biết của mình về ý nghĩa của việc hiểu nghĩa của từ và các biện pháp tu từ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV gợi vấn đề cho HS suy nghĩ trình bày:

1) *Tại sao chúng ta cần phải nắm vững nghĩa của từ? Muốn hiểu nghĩa của từ em cần dựa vào đâu?*

2) *Việc sử dụng các biện pháp tu từ trong văn, thơ có tác dụng như thế nào?*

- HS trình bày hiểu biết; HS khác lắng nghe, nhận xét.

- GV bổ sung, tuyên dương bài làm tốt.

* Gợi ý:

1) Nắm vững nghĩa của từ giúp ta đọc đúng và viết đúng, không bị nhầm lẫn, đạt được hiệu quả cao trong giao tiếp; muốn hiểu nghĩa của từ, cần dựa vào từ điển, hoặc đặt từ vào trong văn cảnh (chú ý đến những từ đứng xung quanh nó).

2) Việc sử dụng các biện pháp tu từ trong văn chương làm tăng khả năng diễn đạt, tạo ấn tượng, làm cho câu văn câu thơ gợi hình gợi cảm, lời ít ý nhiều.

-> GV tóm lược lại ý nghĩa của việc hiểu nghĩa của từ và các biện pháp tu từ, sau đó nêu mục tiêu của tiết học để dẫn vào bài.

HOẠT ĐỘNG 2: LÝ THUYẾT

a. Mục tiêu: Củng cố giúp HS

- Nhận biết được nghĩa của từ;

- Nhận biết và hiểu được tác dụng của biện pháp tu từ.

b. Nội dung: HS làm việc cặp đôi để nhận biết nghĩa của từ và các biện pháp tu từ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 13
(Giải thích nghĩa của từ)

Ví dụ	Nghĩa	Khái niệm
Mùa xuân là Tết trồng cây	Nghĩa gốc:.....	
Làm cho đất nước càng ngày càng xuân (Hồ Chí Minh)	Nghĩa chuyển:.....	
Cách giải thích nghĩa của từ	Cách 1:	
	Cách 2:	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 14
(Nhận biết các biện pháp tu từ)

Ví dụ	Biện pháp tu từ	Khái niệm
(1) Mặt trời xuống biển như hòn lửa (Huy Cận, Đoàn thuyền đánh cá)		
(2) Kiến hành quân ra trận. (Trần Đăng Khoa)		
(3) Cha lại dắt con đi trên cát mịn/ ánh nắng chảy đầy vai (Hoàng Trung Thông)		
(3) Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ/ Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà (Hồ Chí Minh, Cảnh khuya)		

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm		
1. Giải thích nghĩa của từ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS làm việc các cặp đôi theo bàn bằng Phiếu HT số 13 . Nhiệm vụ: 1) Tìm nghĩa của từ “xuân” và phân biệt đâu là nghĩa gốc, đâu là nghĩa chuyển. 2) Nêu cách giải thích nghĩa của từ.	1. Giải thích nghĩa của từ		
	Ví dụ	Nghĩa của từ	Khái niệm
	Mùa xuân là Tết trồng cây	Nghĩa gốc: “mùa xuân” chỉ thời gian bắt đầu trong năm.	Là nghĩa xuất hiện từ đầu làm cơ sở hình thành các nghĩa khác.
	Làm cho đất nước càng ngày càng xuân (Hồ Chí Minh)	Nghĩa chuyển: “càng xuân” để chỉ sự tươi trẻ.	Là nghĩa được hình thành trên cơ sở nghĩa gốc.
	Cách giải thích nghĩa của từ	Cách 1: Trình bày khái niệm mà từ biểu thị.	
		Cách 2: Dùng từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ cần giải thích.	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận và thực hiện. - HS trao đổi suy nghĩ, hoàn thành vào phiếu HT. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. Bước 4: Kết luận, nhận định - HS nhận xét, bổ sung. - Giáo viên nhận xét, đánh giá.										
2. Nhận biết các biện pháp tu từ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS làm việc các cặp đôi theo bàn bằng Phiếu HT số 14. Nhiệm vụ: 1) Chỉ ra phép tu từ được sử dụng trong câu thơ. 2) Nêu khái niệm, tác dụng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận và thực hiện. - HS trao đổi suy nghĩ, hoàn thành vào phiếu HT. Bước 3: Báo cáo, thảo luận	2. Nhận biết các biện pháp tu từ <table><tr><th>Ví dụ</th><th>Biện pháp tu từ</th><th>Khái niệm</th></tr><tr><td>(1) <i>Mặt trời xuống biển như hòn lửa</i> (Huy Cận, <i>Đoàn thuyền đánh cá</i>)</td><td>So sánh: “<i>mặt trời</i>” được so sánh với “<i>hòn lửa</i>”</td><td>- So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.</td></tr><tr><td>(2) <i>Kiến hành quân ra trận.</i> (Trần Đăng Khoa)</td><td>“<i>hành quân</i>” vốn là hành động của con người được gán sang chỉ hành động của “<i>kiến</i>”</td><td>- Nhân hoá là sử dụng những từ ngữ vốn có được dùng để gọi, tả người để</td></tr></table>	Ví dụ	Biện pháp tu từ	Khái niệm	(1) <i>Mặt trời xuống biển như hòn lửa</i> (Huy Cận, <i>Đoàn thuyền đánh cá</i>)	So sánh: “ <i>mặt trời</i> ” được so sánh với “ <i>hòn lửa</i> ”	- So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.	(2) <i>Kiến hành quân ra trận.</i> (Trần Đăng Khoa)	“ <i>hành quân</i> ” vốn là hành động của con người được gán sang chỉ hành động của “ <i>kiến</i> ”	- Nhân hoá là sử dụng những từ ngữ vốn có được dùng để gọi, tả người để
Ví dụ	Biện pháp tu từ	Khái niệm								
(1) <i>Mặt trời xuống biển như hòn lửa</i> (Huy Cận, <i>Đoàn thuyền đánh cá</i>)	So sánh: “ <i>mặt trời</i> ” được so sánh với “ <i>hòn lửa</i> ”	- So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.								
(2) <i>Kiến hành quân ra trận.</i> (Trần Đăng Khoa)	“ <i>hành quân</i> ” vốn là hành động của con người được gán sang chỉ hành động của “ <i>kiến</i> ”	- Nhân hoá là sử dụng những từ ngữ vốn có được dùng để gọi, tả người để								

- Đại diện HS trả lời, trình bày kết quả. Bước 4: Kết luận, nhận định - HS nhận xét, bổ sung. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. * Duy đọc lại kiến thức lí thuyết và ghi bài vào vở.			gọi, tả con vật, cây cối, đồ vật,...nhằm tạo ra sự gần gũi, tình cảm thân thiện.
	(3) <i>Cha lại dắt con đi trên cát mịn/ ánh nắng chảy đầy vai</i> (Hoàng Trung Thông)	“ánh nắng chảy đầy vai” -> ẩn dụ chuyển đổi cảm giác (“chảy” vốn để chỉ chất lỏng)	- Ẩn dụ là gọi tên sự vật hiện này bằng tên sự vật khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.
	(3) <i>Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ/ Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà</i> (Hồ Chí Minh, <i>Cảnh khuya</i>)	Điệp ngữ: lặp lại từ “chưa ngủ”	- Điệp ngữ là biện pháp lặp lại từ ngữ để nhằm làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh.

HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH

1. Tìm hiểu nghĩa của từ

a. Mục tiêu:

- HS biết nhận diện nghĩa của từ và cái hay của nghĩa từ trong văn bản.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, theo cặp bàn, hoàn thành bài tập vào vở.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	Bài tập 1/tr.47: + <i>Gặp</i> có nghĩa là giáp mặt, tiếp xúc với nhau.

GV yêu cầu HS làm bài theo cặp bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập 1, trang 47, xác định yêu cầu của bài: Nhận xét về cách dùng từ “<i>gặp</i>” trong nhan đề bài thơ “<i>Gặp lá com nếp</i>”? - Để tìm ra cái hay của cách dùng từ <i>gặp</i> trong nhan đề bài thơ <i>Gặp lá com nếp</i>, HS cần tìm những từ có thể thay thế từ “<i>gặp</i>” trong nhan đề, phân tích ý nghĩa của từng từ. Từ đó tìm ra cái hay của từ mà tác giả đã dùng. - GV gợi ý từ có thể thay thế từ <i>gặp</i> như <i>thấy</i>, sau đó yêu cầu HS phân tích sự khác nhau giữa <i>thấy</i> và <i>gặp</i>. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đại diện trình bày, nhận xét. - HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá; - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý: + <i>Thấy</i> có nghĩa là nhận biết được bằng mắt; + <i>Gặp</i> có nghĩa là giáp mặt, tiếp xúc với nhau. -> Tác giả dùng từ “<i>gặp</i>” để thể hiện tình cảm, thái độ của người lính đối với lá cây com nếp. Anh không đơn thuần trông thấy một vật vô tri giác mà như được tiếp xúc với một con người - một người bạn	Tác giả dùng từ “<i>gặp</i>” để thể hiện tình cảm, thái độ vui mừng, trìu mến của người lính. <i>Gặp</i> là cây com nếp như gặp lại người bạn cũ.

cũ. Trong từ <i>gặp</i> mà tác giả giả dùng có chứa đựng cả cảm xúc vui mừng, trù mên.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm bài theo cặp bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập 2, trang 47, xác định yêu cầu của bài: Nêu cách hiểu về cụm từ “<i>thơm suốt đường con</i>” trong khổ 2 bài thơ “<i>Gặp lá cơm nếp</i>” - GV yêu cầu HS: 1) Nêu nghĩa phổ biến của từ “thơm” vẫn thường dùng trong giao tiếp hằng ngày; 2) Tìm nghĩa được nhà thơ sử dụng trong dòng cuối của khổ thơ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đại diện trình bày, nhận xét. - HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá; - Giáo viên nhận xét, đánh giá.	Bài tập 2/tr.47: - Từ “thơm”: + Trong <i>Từ điển tiếng Việt</i> (Hoàng Phê Chủ biên), <i>thơm</i> có nghĩa là có mùi như hương của hoa, dễ chịu, làm cho thích người. + Trong dòng cuối của khổ thơ, từ “thơm” không còn đơn thuần chỉ mùi hương dễ chịu - đối tượng cảm nhận của khứu giác nữa – mà đã trở thành một biểu tượng cho hương vị quê nhà, tình cảm gia đình trù mên, thần thương theo mỗi bước chân của người lính.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm bài theo cặp bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập 3, trang 47, xác định yêu cầu của bài: 1) Xác định nghĩa của từ <i>mùi vị</i> trong các cụm từ <i>mùi vị thức ăn</i>, <i>mùi trái chín</i>, <i>mùi vị của nước giải khát</i>,... 2) So sánh với nghĩa của từ <i>mùi vị</i> trong cụm <i>mùi vị quê hương</i>. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	Bài tập 3/tr.47: - Theo <i>Từ điển tiếng Việt</i> (Hoàng Phê Chủ biên), <i>mùi</i> có nhiều nghĩa: + gắn với các cụm từ <i>mùi vị thức ăn</i>, <i>mùi trái chín</i>, <i>mùi vị của nước giải khát</i> ...là danh từ chỉ hơi toả ra từ vật, có thể nhận biết được bằng mũi. <i>Vị</i> cũng là một danh từ chỉ thuộc tính của sự vật, có thể nhận biết bằng lưỡi. <i>Mùi vị</i> trong những cụm từ <i>mùi vị thức ăn</i>, <i>mùi vị trái chín</i>, <i>mùi vị của nước giải khát</i>,... đều có nghĩa trên. + Trong cụm từ <i>mùi vị quê hương</i>, từ <i>mùi</i>

- HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đại diện trình bày, nhận xét. - HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá; - Giáo viên nhận xét, đánh giá.	vị vừa mang nghĩa chỉ hương vị cụ thể, riêng có của quê nhà, vừa mang nghĩa trừu tượng, chỉ một sắc thái đặc trưng của quê hương, của một vùng miền.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm bài theo cặp bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập 4, trang 47, để HS nhận biết được nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh cụ thể. Xác định yêu cầu của bài: 1) Nhận xét về cách kết hợp từ “<i>chia đều nỗi nhớ thương</i>”. 2) Hiệu quả của việc kết hợp từ. *GV gợi ý: 1) Tìm những cụm từ có <i>chia đều</i>. (như <i>chia đều kẹo, bánh-</i>, <i>chia đều thức ăn; chia đều sách vở</i>);... rồi nhận xét đặc điểm của những cụm từ đó. (Bỏ ngữ trong các cụm từ này đều là danh từ chỉ các sự vật cụ thể). 2) Điểm khác biệt của Thanh Thảo trong việc kết hợp từ “<i>chia đều</i>” gắn với “<i>nỗi nhớ thương</i>” là gì? Nêu hiệu quả nghệ thuật. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đại diện trình bày, nhận xét. - HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.	Bài tập 4/tr.47: - “<i>Chia đều</i>” + Danh từ chỉ sự vật cụ thể như: <i>bánh kẹo, sách vở</i>.... - Nhà thơ Thanh Thảo: “<i>Chia đều</i>” + Cụm từ chỉ khái niệm trừu tượng: “<i>nỗi nhớ thương</i>”. - Hiệu quả: giúp người đọc cảm nhận được nỗi nhớ thương một cách cụ thể, không còn là khái niệm trừu tượng, vô hình, không thể nắm bắt bằng giác quan, không thể đo đếm được.

Bước 4: Kết luận, nhận định - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá; - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung: Cách kết hợp từ ngữ đặc biệt giúp nhà thơ diễn tả được chiều sâu tâm tư, tình cảm của người lính trên đường ra mặt trận. Họ ra đi vì mục đích lớn lao nhưng trong lòng vẫn đau đáu một nỗi nhớ thương hướng về nơi “giếng nước”, “gốc đa” quê nhà. Trong Khúc Bầy - Chương 1: <i>Chiếc áo ngắn, trường ca Những người đi tới biển</i>, Thanh Thảo từng viết rất xúc động về nỗi day dứt riêng chung ấy: <i>Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình/ (Nhưng tuổi hai mươi làm sao không tiếc)/ Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc...</i>	

2. Nhận biết và nêu tác dụng của biện pháp tu từ

a. Mục tiêu:

- Củng cố cho HS cách nhận diện các biện pháp tu từ và chỉ ra tác dụng của chúng.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, hoàn thành bài tập vào vở.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 5, nêu và thực hiện yêu cầu của bài. 1) <i>Tìm phép tu từ được sử dụng trong câu văn;</i> 2) <i>Nêu tác dụng.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày, nhận xét, bổ sung (nếu cần)	Bài tập 5/tr47: a) Điệp ngữ: lặp lại từ “<i>không, gấp rồi</i>” - Tác dụng: + Từ <i>không</i>: nhấn mạnh cảm xúc buồn, nuối tiếc vì mất mát một cái gì đó - một thứ rất mơ hồ, khó gọi thành tên. + Từ <i>gấp rồi</i>: nhấn mạnh hành động khẩn trương, gấp gáp của nhân vật “tôi” khi phải chứng kiến bước đi vội vã của thời gian. b) So sánh: + vế A: <i>âm thanh ấy sẽ sàng từng giọt tinh tang, thoảng và e dè,</i> + từ so sánh: <i>như;</i>

Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý. * Duy làm bài tập 5 vào vở	+ về B: ai đó đứng đằng xa ngoắc tay nhẹ một cái, như đang ngại ngần không biết người xưa có còn nhớ ta không. - Tác dụng: Giúp cho sự vật hiện lên sinh động, cụ thể, gợi hình, gợi cảm; làm nổi bật tính chất nhẹ nhàng, dịu êm, trong trẻo của thanh âm. - Nhân hoá “gió chường” bằng những từ “e dè, ngại ngần, ...”. Tác dụng: Biến gió chường thành một con người có tâm lí, tính cách có phần nhút nhát, rụt rè. Qua đó, người đọc cảm nhận được tình yêu của nhà văn đối với gió chường.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 6, nêu hiệu quả của biện pháp tu từ nhân hoá. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày, nhận xét, bổ sung (nếu cần) Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý.	Bài tập 6/tr47: - Câu a, tác giả đã sử dụng các từ ngữ chỉ trạng thái của con người như <i>thức, ngại ngái, lơ lơi</i> để miêu tả thiên nhiên là nắng, mặt trời. - Câu b, tác giả đã sử dụng từ <i>hơi thở</i> vốn là từ thuộc trường nghĩa con người để miêu tả gió. - Hiệu quả: + Làm cho sự vật hiện lên sống động, cũng có hành động, tâm trạng như con người. + Giúp người đọc cảm nhận được tình yêu quê hương, sự gắn bó của tác giả với những cảnh sắc thiên nhiên của quê hương.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện đầy đủ các bài tập vào vở;
- Đọc phần Tri thức ngữ văn về thể thơ bốn chữ và năm chữ để chuẩn bị cho tiết Tập làm thơ.

HẾT.

Ngày soạn: 02/10/2023

Ngày dạy: 10,11,12,13/2023

VIẾT

TUẦN 6

Tiết: 21-22

A. TẬP LÀM MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ HOẶC NĂM CHỮ

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. Mục tiêu

- HS lựa chọn được đề tài phù hợp.
- HS vận dụng những kiến thức về thể thơ để tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

*** Em Duyệt tìm đọc một số bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.**

II. Thiết bị và học liệu

1. **Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá....
2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, ...

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối, tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện:

- GV trình chiếu vi-đi-ô-cờ-líp ngâm, đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ (*Tiếng thu* của Lưu Trọng Lư, diễn ngâm: NSND Trần Thị Tuyết), hoặc yêu cầu HS đọc một bài thơ yêu thích hay đọc một bài thơ do em sáng tác.



Tiếng Thu - Lưu Trọng Lư | NSND
Trần Thị Tuyết

487 lượt xem · 2 năm trước #NgâmThơ #TiếngThu

<https://www.youtube.com/watch?v=njEtuwcDMLg>

- HS quan sát, lắng nghe, chia sẻ về cảm nhận của mình khi nghe bài thơ.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:

Thế giới xung quanh ta thật đẹp và có biết bao điều thú vị khiến ta mong muốn được lưu giữ lại. Những bức tranh, bức ảnh, bản nhạc, trang văn và cả những vần thơ có thể giúp ta thực hiện điều đó. Ở phần Đọc, em đã được làm quen với những bài thơ bốn chữ và năm chữ, nhận biết những đặc điểm cơ bản của các thể thơ này. Hãy vận dụng những hiểu biết đó để tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ về một sự vật, cảnh sắc, câu chuyện,... khơi gợi trong em nhiều cảm hứng nhất.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH

a. Mục tiêu: HS hiểu các yêu cầu, các bước làm một bài thơ bốn và năm chữ; thực hành viết.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức đã học, hoạt động cá nhân, thảo luận theo cặp bàn, tiến hành trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 15

(Tìm hiểu các yêu cầu với bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ)

Tìm hiểu các yêu cầu với bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ	
Hình thức nghệ thuật	
	
	
	
	
Nội dung	
	

Bài thơ bốn chữ

Chữ	1	2	3	4
Dòng 1				
Dòng 2				
Dòng 3				
Dòng n				

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 16
(Ghi bài thơ bốn chữ vào bảng)

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS trình bày các yêu cầu đối với bài thơ bốn chữ và năm chữ (đã được thể hiện trong SHS, phần <i>Tri thức Ngữ văn</i> , trang 39) bằng cách điền thông tin vào <i>Phiếu học tập số 15</i> : Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS theo dõi trong SGK để tìm câu trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày ý hiểu của mình và nêu những điều chưa rõ. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, khuyến khích HS trả lời. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức, ghi lên bảng.	Tìm hiểu các yêu cầu với bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ
	Hình thức nghệ thuật
	Số tiếng trong mỗi dòng thơ: bốn tiếng hoặc năm tiếng.
	Các dòng thơ bắt vần với nhau (<i>vần liền, vần cách, vần hỗn hợp</i>).
	Nhịp thơ phù hợp với tình thần cảm xúc.
	Ngôn ngữ, hình ảnh dung dị, giàu cảm xúc.
Nội dung	Sử dụng biện pháp tu từ để tăng tính gợi hình, gợi cảm.
	Tình cảm, cảm xúc chân thành, hồn nhiên, phù hợp lứa tuổi.
2. Tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Nhiệm vụ 1: GV nêu câu hỏi cho HS tìm hiểu các bước trước khi viết;	1. Khởi động *Trước khi viết - Trước khi viết cần chuẩn bị: <i>Xác định đề tài và cảm xúc; Tìm hình ảnh để biểu đạt cảm xúc; Tập gieo vần.</i>
	a) Xác định đề tài và cảm xúc

1) Trước khi viết, chúng ta cần chuẩn bị những gì?

2) Em lựa chọn đề tài nào cho bài thơ và cảm xúc về đối tượng đó? (ghi vào giấy của mình)

3) Sau khi lựa chọn được đề tài, em hãy chọn một vài hình ảnh để lại trong em ấn tượng sâu sắc hoặc xúc động nhất.

4) Để tập gieo vần, em hãy tìm những tiếng thích hợp điền vào chỗ trống trong các dòng thơ trong SGK, tr.49.

- **Nhiệm vụ 2:** GV gợi ý cho HS viết bài:

+ Hướng dẫn HS chọn thể thơ: Trong nhiều tình huống, dòng đầu tiên bắt chọt xuất hiện trong tâm trí sẽ quyết định thể thơ, vần, nhịp của cả bài. Vì vậy, các em cần nắm lấy cơ hội đó. Dòng thơ đầu tiên có bốn hoặc năm chữ này thường có nội dung diễn tả ấn tượng, cảm xúc nổi bật của em về đối tượng. Chú ý phân vần ở tiếng cuối để tiếp tục gieo vần chân ở những dòng sau. Những dòng kế tiếp cần duy trì nhịp phù hợp với cảm xúc.

- Gợi ý cho HS cách triển khai mạch cảm xúc ở những dòng tiếp theo: có thể miêu tả chi tiết các đặc điểm của đối tượng, kể về

- Lựa chọn đề tài: Gia đình, quê hương, bố mẹ, mái trường, thầy cô, bạn bè...

- Lựa chọn cảm xúc: yêu mến, xúc động, lưu luyến, bâng khuâng, nhung nhớ, biết ơn, tự hào...

b) Tìm hình ảnh để biểu đạt cảm xúc

- Hình ảnh bếp lửa, bờ ao, góc sân, bông hoa, chiếc lá, giọt sương; hình ảnh hoa phượng rơi, chiếc trống trường...

c) Tập gieo vần

- **Vần liền:**

+ Mà gió đi **tìm**/Bay theo cánh **chim**

+ Gió nhớ bạn **quá**/Nên gõ cửa **hoài**

- **Vần cách:** “cửa /trông môn/đợi”

- **Vần hỗn hợp:** “trời/trắng/thang”

***Viết bài**

2. Thực hành viết

- **Tìm ý tưởng cho bài thơ**

+ Ý tưởng có thể đến bất chợt, cũng có thể là những sự việc, con người, cảnh sắc đã diễn ra mà mình ấn tượng sâu sắc.

+ Suy nghĩ về ý tưởng mà mình muốn viết (thể hiện).

+ Chọn một ý tưởng (sự việc, con người...) mà mình tâm đắc nhất.

- **Làm bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ**

- Thể hiện ý tưởng ra bằng từng dòng thơ.

- Lần lượt điền các tiếng của từng dòng thơ.

- Cần sử dụng các biện pháp tu từ để tăng hiệu quả nghệ thuật cho bài thơ (ẩn dụ, so sánh, nhân hóa...)

- Chú ý giọng điệu phù hợp với nội dung, cảm xúc mình muốn thể hiện.

Bài thơ bốn chữ

Dòng	1	2	3	4
Dòng 1				
Dòng 2				
Dòng 3				
Dòng n				

đối tượng; có thể diễn đạt dưới hình thức tâm tình, trò chuyện với đối tượng,...

- Trong khi tìm và sử dụng những từ ngữ biểu đạt cảm xúc, cần lưu ý cân nhắc sử dụng những biện pháp tu từ như: so sánh, nhân hoá, ẩn dụ, điệp ngữ,...

- Kết thúc bài thơ là một công việc quan trọng. Vì bài thơ có tạo được dư âm trong lòng người đọc hay không phần nhiều phụ thuộc vào kết bài. Các em có thể: bỏ lửng những hình ảnh, cảm xúc để gợi mở, bộc lộ cảm xúc sâu đậm; tạo những vần thơ có hình ảnh ẩn tượng; nêu cảm nghĩ của mình về sự vật, hiện tượng,...

5) *Em hãy chọn thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ và tìm vần thích hợp. Em viết bài thơ của mình vào **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 16**.*

Nhiệm vụ 3: HS đọc thật kĩ bài thơ của mình, sau đó hỗ trợ HS chỉnh sửa bài viết theo bảng yêu cầu đối với bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ trong phiếu gợi ý chỉnh sửa của SGK tr.50.

- *Kiểm tra xem tiếng nào, dòng nào chưa chuẩn thì sửa lại.*

- *Câu nào chưa thể hiện cảm xúc cũng cần phải sửa (thay đổi).*

Bài thơ năm chữ

Dòng	1	2	3	4	5
Dòng 1					
Dòng 2					
Dòng 3					
Dòng n					

3. Chỉnh sửa

- Đọc diễn cảm bài thơ bằng giọng điệu phù hợp. Sau đó dùng bảng (bên dưới) để điều chỉnh nội dung và hình thức bài thơ. - Chia sẻ bài thơ với người thân trong gia đình hoặc bạn bè để mọi người góp ý giúp. Sau đó lại tiếp tục điều chỉnh cho đến lúc bản thân thấy thật ưng ý. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ. - HS dự kiến câu trả lời, ghi ra giấy, phiếu HT. - GV quan sát, hỗ trợ, khuyến khích. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời câu hỏi, báo cáo sản phẩm, diễn ngâm. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. - Tuyên dương, khích lệ HS. *Chuẩn kiến thức: + HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu. * Duy tìm và đọc 1 bài thơ thể loại thơ bốn chữ.	

BẢNG KIỂM
(Yêu cầu đối với bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ)

Yêu cầu đối với bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ		Đạt	Chưa đạt
Hình thức nghệ thuật	Số tiếng trong mỗi dòng thơ (bốn tiếng hoặc năm tiếng).		
	Các dòng thơ bắt vần với nhau (<i>vần liền, vần cách, vần hỗn hợp</i>).		
	Nhịp thơ phù hợp cảm xúc.		
	Hình ảnh để biểu đạt cảm xúc.		
	Biện pháp tu từ để tăng tính gợi hình, gợi cảm.		
Nội dung	Cảm xúc của em.		
	Thông điệp mà em gửi gắm qua bài thơ.		

Tiết: 23-24

B. VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ HOẶC NĂM CHỮ

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. Mục tiêu

- HS viết được đoạn văn có cấu tạo 3 phần: Mở đoạn, Thân đoạn và Kết đoạn, số lượng câu đúng quy định.
- Nêu được ấn tượng, cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

* Em Duy đọc lại đoạn văn hoàn chỉnh của các bạn và ghi vào vở.

II. Thiết bị và học liệu

1. **Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá...
2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo....

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Gợi nhắc lại cho HS kiểu bài các em đã học ở lớp 6 để kết nối vào nội dung của bài học.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

+ Em hãy nhắc lại những yêu cầu của một đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả và lục bát đã học ở lớp 6.

- HS nhắc lại kiến thức cũ.

- Gợi ý đáp án:

Yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ:

1) Giới thiệu được bài thơ, tác giả.
 2) Nêu được cảm xúc về nội dung chính hoặc một khía cạnh nội dung của bài thơ.

3) Thể hiện được cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,...).

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Ở lớp 6, các em đã được tìm hiểu và thực hành viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ. Trong phần Viết của bài học này, các em sẽ tiếp tục được học cách viết một đoạn văn như thế.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH

a. Mục tiêu: HS biết cách viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

b. Nội dung: HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, chất lọc kiến thức, thực hành viết theo các bước hướng dẫn của SGK.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 17

(Tìm hiểu các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ)

Tìm hiểu các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ		
Hình thức đoạn văn		
		
Nội dung		
		
		
		
Dàn ý đoạn văn	Nội dung chính cần đảm bảo	Dàn ý bài làm của em
Mở đoạn	- Giới thiệu bài thơ, tên tác giả. - Nêu khái quát ấn tượng, cảm xúc về nét độc đáo, có ý nghĩa nhất của bài thơ.	
Thân đoạn	- Nêu cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ (số tiếng của mỗi dòng thơ, vần, nhịp, hình ảnh, biện pháp tu từ, tình cảm, cảm xúc, thông điệp của tác giả).	

	- Trích một số từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc trong bài thơ.	
Kết đoạn	- Khái quát lại ấn tượng, cảm xúc về bài thơ.	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 18
(Dàn ý đoạn văn)

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm							
1. Tìm hiểu các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ								
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS thảo luận theo cặp đôi và suy nghĩ, trả lời: <i>Một đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ cần có những yêu cầu gì? (Về hình thức và nội dung). Em hãy trả lời câu hỏi bằng cách điền thông tin vào Phiếu học tập số 17.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ thảo luận, chốt lọc kiến thức trong sách, hoàn thành vào phiếu. - GV quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS lên trình bày; - HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét thái độ làm việc của HS, bổ sung. - Chuẩn kiến thức.	<table> <tr> <td rowspan="2">Hình thức đoạn văn</td><td>Chữ lùi đầu dòng và viết hoa, kết thúc đoạn ở chỗ xuống dòng.</td></tr> <tr> <td>Các câu trong đoạn có sự liên kết với nhau cả về nội dung và hình thức.</td></tr> <tr> <td rowspan="3">Nội dung</td><td>Giới thiệu tên bài thơ, tác giả; nêu được cảm xúc chung về bài thơ.</td></tr> <tr> <td>Nêu được ấn tượng, cảm xúc về những nét nghệ thuật độc đáo (tác dụng của thể thơ trong việc tạo nên nét riêng, giá trị của bài thơ)</td></tr> <tr> <td>Nêu được những cảm nghĩ về nội dung bài thơ.</td></tr> </table>	Hình thức đoạn văn	Chữ lùi đầu dòng và viết hoa, kết thúc đoạn ở chỗ xuống dòng.	Các câu trong đoạn có sự liên kết với nhau cả về nội dung và hình thức.	Nội dung	Giới thiệu tên bài thơ, tác giả; nêu được cảm xúc chung về bài thơ.	Nêu được ấn tượng, cảm xúc về những nét nghệ thuật độc đáo (tác dụng của thể thơ trong việc tạo nên nét riêng, giá trị của bài thơ)	Nêu được những cảm nghĩ về nội dung bài thơ.
Hình thức đoạn văn	Chữ lùi đầu dòng và viết hoa, kết thúc đoạn ở chỗ xuống dòng.							
	Các câu trong đoạn có sự liên kết với nhau cả về nội dung và hình thức.							
Nội dung	Giới thiệu tên bài thơ, tác giả; nêu được cảm xúc chung về bài thơ.							
	Nêu được ấn tượng, cảm xúc về những nét nghệ thuật độc đáo (tác dụng của thể thơ trong việc tạo nên nét riêng, giá trị của bài thơ)							
	Nêu được những cảm nghĩ về nội dung bài thơ.							
2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo								

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS đọc SGK trang 51 và trả lời các câu hỏi: 1) <i>Câu văn, từ ngữ nào đã giới thiệu tên bài thơ và tác giả? Em hãy đọc câu văn ấy.</i> 2) <i>Người viết đã nêu ấn tượng, cảm xúc chung về nét đặc sắc nào của bài thơ?</i> 3) <i>Đoạn văn đã diễn tả cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ chưa?</i> 4) <i>Người viết đã chú ý đến tác dụng của thể thơ trong việc tạo nên giá trị đặc sắc của bài thơ ra sao?</i> 5) <i>Câu cuối đoạn văn có nội dung gì?</i> - Sau khi HS tìm được câu trả lời trên, GV cho HS cử đại diện trình bày những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài tham khảo và thực hiện các yêu cầu, hoàn thành nhiệm vụ vào vở. - GV quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày. - HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét thái độ làm việc của HS, bổ sung. Chuẩn kiến thức. * Duyệt đọc lại bài viết tham khảo	Đồng dao mùa xuân – một bài thơ xúc động về người lính - Câu văn, từ ngữ nào đã giới thiệu tên bài thơ và tác giả: Câu 1. - Người viết đã nêu ấn tượng, cảm xúc chung về nét đặc sắc nào của bài thơ: Câu 2. - Đoạn văn diễn tả cảm xúc về nội dung và nghệ thuật: “<i>Có nhiều dòng thơ thấm thía ...bom đạn.</i>” - Câu cuối: Nêu cảm xúc của người viết về bài thơ. *Lưu ý khi viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. + Mở đoạn: Giới thiệu tên bài thơ, tên tác giả, cảm xúc chung. + Thân đoạn: Trình bày cảm xúc về những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của bài thơ. + Kết đoạn: Nêu cảm xúc khi đọc bài thơ này.
3. Thực hành viết theo các bước	

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu câu hỏi và hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu sau: 1) <i>Có mấy bước để viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ?</i> 2) <i>Dựa vào SGK, em hãy nêu vắn tắt các yêu cầu của từng bước.</i> 3) <i>Tìm ý và lập dàn ý theo Phiếu học tập số 18.</i> 4) <i>GV cho HS viết bài theo các yêu cầu SGK, giới hạn số câu từ 7 đến 10 câu.</i> 5) <i>GV cho HS chỉnh sửa bài viết theo yêu cầu và gợi ý SGK tr.53.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS lần lượt thực hiện các yêu cầu và các bước GV hướng dẫn. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - HS khác nhận xét về bài viết của bạn. - HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu. - Tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV (theo BẢNG KIỂM) Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, khen ngợi những bài viết đảm bảo tốt các yêu cầu. - Động viên HS chưa đạt được yêu cầu, cần nỗ lực hơn.	*Các bước viết bài: - Xác định mục đích viết và người đọc. - Lựa chọn bài thơ - Tìm ý và lập dàn ý. - Viết đoạn văn. - Chỉnh sửa đoạn văn. 1. Trước khi viết a. Lựa chọn bài thơ - Xác định bài thơ mình yêu thích, phù hợp lứa tuổi: - Thu thập tư liệu. b. Tìm ý và lập dàn ý *Tìm ý - Đọc nhiều lần bài thơ ghi lại cảm nhận chung về bài thơ. - Xác định chủ đề của bài thơ. - Tìm và xác định những nét đặc sắc về nghệ thuật (<i>thể thơ, vần, nhịp, hình ảnh, từ ngữ, phép tu từ,...</i>) và nội dung của bài thơ. - Ghi lại cảm xúc chung của em về bài thơ. *Lập dàn ý Sắp xếp các ý theo trình tự cảm xúc thành một dàn ý gồm 3 phần: A. Mở đoạn: <i>Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ.</i> B. Thân đoạn: <i>Trình bày chi tiết cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.</i> C. Kết đoạn: <i>Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.</i> 2. Viết đoạn văn 3. Chỉnh sửa bài viết

* Em Duy đọc lại bài viết của các bạn hoàn chỉnh và ghi vào vở.	
3. Sửa bài	
- GV cho HS nhắc lại yêu cầu chung của kiểu bài và những yêu cầu cụ thể tạo nên đặc điểm riêng của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ; về bài tập làm thơ bốn chữ hoặc năm chữ, GV nhắc lại các lưu ý khi tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau để HS rút kinh nghiệm. - GV trả bài cho HS, yêu cầu HS chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và những phân tích, bổ sung ở trên. - GV chiếu và đọc bài viết tham khảo.	a. Yêu cầu chung của các kiểu bài - Tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. - Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. b. Nhận xét - Ưu điểm: - Nhược điểm: c. Chỉnh sửa và hoàn thiện

BẢNG KIỂM

Đọc kĩ lại bài viết, đối chiếu từng tiêu chí với bài viết, tự đánh dấu (x) vào ô Đạt hoặc Không đạt

STT	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1	Giới thiệu được tác giả và bài thơ; nêu ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ.		
2	Diễn tả được những cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.		
3	Khái quát được cảm xúc về bài thơ.		
4	Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt.		

THAM KHẢO BÀI VIẾT

***Gặp lá cơm nếp* – bài thơ chứa chan tình cảm nhớ thương mẹ của người lính xa nhà**

Thanh Thảo viết về mẹ nhiều lần, mỗi lần đều có một khám phá riêng và lần nào cũng vời vợi nỗi nhớ thương da diết. "*Gặp lá cơm nếp*" được viết lên từ nỗi nhớ, từ tình yêu mà nhà thơ dành cho mẹ. Bài thơ đã để lại nhiều cảm xúc ám ảnh trong lòng độc giả. Cả bài thơ đã ghi lại cảm xúc của người lính xa nhà đi chiến đấu, tình cờ nghĩ đến hương vị của mùi xôi và nhớ về mẹ. Người lính thêm một bát xôi nếp mùa gặt và nhớ về mẹ cùng những hương vị yêu dấu của làng quê. Trong tâm hồn của anh, người mẹ là hình ảnh lớn lao nhất, đẹp đẽ nhất của quê hương. Với người lính, mẹ là suối nguồn của yêu thương, là ánh sáng diệu kì dõi theo con suốt cuộc đời "*thơm suốt đường con*". Ở đây, tác giả dùng từ "gặp" mà không phải là từ "thấy", giúp nhân mạnh tình cảm cảm xúc của người lính. Anh đang vui mừng, triu mến như được tiếp xúc, được trở về sông với bao nhiêu hồi ức thân thương của quê nhà. Những câu thơ "*Mẹ ở đâu chiều nay/Nhặt lá về đun bếp*" gợi hình ảnh thật ấn tượng về một người mẹ nghèo khó, lam lũ tảo tần hết lòng hi sinh, chăm lo cho con. Bởi thế mà người lính không kìm được nỗi niềm rung rung nức nở: "*Ôi mùi vị quê hương/Con quên làm sao được/Mẹ già và đất nước/Chia đều nỗi nhớ thương*". Cụm từ "*mùi vị quê hương*" thật độc đáo, nó vừa mang nghĩa chỉ hương vị cụ thể, riêng có của quê nhà, vừa mang nghĩa trừu tượng, chỉ một sắc thái đặc trưng của quê hương, của một vùng miền. Thanh Thảo còn khéo léo trong cách kết hợp từ "*chia đều*" với từ "*nỗi nhớ thương*" khiến cho người đọc cảm nhận được nỗi nhớ thương hiện lên một cách cụ thể, rõ nét, không còn trừu tượng, vô hình. Cách kết hợp từ đó đã giúp nhà thơ diễn tả chân thực chiều sâu tâm tư, tình cảm của người lính trên đường ra trận. Đó như là cảm xúc òa khóc trong lòng nhân vật khi nghĩ về người mẹ tảo tần và đất nước bình dị. Mẹ đã chịu một đời lam lũ, hi sinh để dành cho con những điều đẹp đẽ nhất. Tình cảm của mẹ sẽ mãi là ngọn lửa sưởi ấm trên bước đường chiến đấu của người lính. Với thể thơ năm chữ ngắn gọn, cách gieo vần, chia khổ linh hoạt, biến tấu, hình ảnh giản dị, gợi cảm, cả bài thơ gợi cảm xúc chứa chan, vời vợi nỗi nhớ thương của người lính về mẹ. "*Gặp lá cơm nếp*" được viết lên từ nỗi nhớ, từ tình yêu da diết của nhà thơ dành cho mẹ kính yêu. Bài thơ đã để lại nhiều dư vị cảm xúc trong lòng độc giả.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện lại bài viết theo bảng kiểm và phiếu chỉnh sửa.
- Lưu trữ lại các phiếu học tập và bảng kiểm theo trật tự vào hồ sơ học tập.

-Chuẩn bị phần **Nói và nghe**: Trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ tác phẩm văn học đã đọc).

HẾT.

Ngày soạn: 09/10/2023

Ngày dạy: 17,18,19,20/10/2023

TUẦN 7- BÀI 2(TT)- TIẾT 25- SỬA BÀI VIẾT.

I. Mục tiêu

- HS lựa chọn được đề tài phù hợp
- HS vận dụng những kiến thức về thể thơ để tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
- HS viết được đoạn văn có cấu tạo 3 phần: Mở đoạn, Thân đoạn và Kết đoạn, số lượng câu đúng quy định.
- Nêu được ấn tượng, cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

II. Thiết bị và học liệu

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá...

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo....

III. Tiến trình dạy học

3. Sửa bài viết	
Yêu cầu chung của các kiểu bài: - GV cho HS nhắc lại yêu cầu chung của kiểu bài và những yêu cầu cụ thể tạo nên đặc điểm riêng của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ; về bài tập làm thơ bốn chữ hoặc năm chữ, GV nhắc lại các lưu ý khi tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau để HS rút kinh nghiệm. - GV yêu cầu HS chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và những phân tích, bổ sung ở trên. - GV chiếu và đọc bài viết tham khảo.	a. Yêu cầu chung của các kiểu bài - Tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. - Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. b. Nhận xét - Ưu điểm: - Nhược điểm: c. Chỉnh sửa và hoàn thiện

BẢNG KIỂM

*Đọc kĩ lại bài viết, đối chiếu từng tiêu chí với bài viết,
tự đánh dấu (x) vào ô Đạt hoặc Không đạt*

STT	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1	Giới thiệu được tác giả và bài thơ; nêu ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ.		
2	Diễn tả được những cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.		
3	Khái quát được cảm xúc về bài thơ.		
4	Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt.		

BẢNG KIỂM

(Yêu cầu đối với bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ)

Yêu cầu đối với bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ		Đạt	Chưa đạt
Hình thức nghệ thuật	Số tiếng trong mỗi dòng thơ (bốn tiếng hoặc năm tiếng).		
	Các dòng thơ bắt vần với nhau (<i>vần liền, vần cách, vần hỗn hợp</i>).		
	Nhịp thơ phù hợp cảm xúc.		
	Hình ảnh để biểu đạt cảm xúc.		
	Biện pháp tu từ để tăng tính gợi hình, gợi cảm.		
Nội dung	Cảm xúc của em.		
	Thông điệp mà em gửi gắm qua bài thơ.		

THAM KHẢO BÀI VIẾT

***Gấp lá com nếp* – bài thơ chứa chan tình cảm nhớ thương mẹ
của người lính xa nhà**

Thanh Thảo viết về mẹ nhiều lần, mỗi lần đều có một khám phá riêng và lần nào cũng vui vợi nỗi nhớ thương da diết. "*Gấp lá com nếp*" được viết lên từ nỗi nhớ, từ tình yêu mà nhà thơ dành cho mẹ. Bài thơ đã để lại nhiều cảm xúc ám ảnh trong lòng độc giả. Cả bài thơ đã ghi lại cảm xúc của người lính xa nhà đi chiến đấu, tình cờ nghĩ đến hương vị của mùi xôi và nhớ về mẹ. Người lính thêm một bát xôi nếp mùa gặt và nhớ về mẹ cùng những hương vị yêu dấu của làng quê. Trong tâm hồn của anh, người mẹ là hình ảnh lớn lao nhất, đẹp đẽ nhất của quê hương. Với người lính, mẹ là suối nguồn của yêu thương, là ánh sáng diệu kì dõi theo con suốt cuộc đời "*thơm suốt đường con*". Ở đây, tác giả dùng từ "gấp" mà không phải là từ "thấy", giúp nhấn mạnh tình cảm cảm xúc của người lính. Anh đang

vui mừng, trùu mến như được tiếp xúc, được trở về sống với bao nhiêu hồi ức thân thương của quê nhà. Những câu thơ “*Mẹ ở đâu chiều nay/Nhặt lá về đun bếp*” gợi hình ảnh thật ấn tượng về một người mẹ nghèo khó, lam lũ tảo tần hết lòng hi sinh, chăm lo cho con. Bởi thế mà người lính không kìm được nỗi niềm rung rung nước mắt: “*Ôi mùi vị quê hương/Con quên làm sao được/Mẹ già và đất nước/Chia đều nỗi nhớ thương*”. Cụm từ “*mùi vị quê hương*” thật độc đáo, nó vừa mang nghĩa chỉ hương vị cụ thể, riêng có của quê nhà, vừa mang nghĩa trừu tượng, chỉ một sắc thái đặc trưng của quê hương, của một vùng miền. Thanh Thảo còn khéo léo trong cách kết hợp từ “*chia đều*” với từ “*nỗi nhớ thương*” khiến cho người đọc cảm nhận được nỗi nhớ thương hiện lên một cách cụ thể, rõ nét, không còn trừu tượng, vô hình. Cách kết hợp từ đó đã giúp nhà thơ diễn tả chân thực chiều sâu tâm tư, tình cảm của người lính trên đường ra trận. Đó như là cảm xúc òa khóc trong lòng nhân vật khi nghĩ về người mẹ tảo tần và đất nước bình dị. Mẹ đã chịu một đời lam lũ, hi sinh để dành cho con những điều đẹp đẽ nhất. Tình cảm của mẹ sẽ mãi là ngọn lửa sưởi ấm trên bước đường chiến đấu của người lính. Với thể thơ năm chữ ngắn gọn, cách gieo vần, chia khổ linh hoạt, biến tấu, hình ảnh giản dị, gợi cảm, cả bài thơ gợi cảm xúc chứa chan, vời vời nỗi nhớ thương của người lính về mẹ. “*Gặp lá cơm nếp*” được viết lên từ nỗi nhớ, từ tình yêu da diết của nhà thơ dành cho mẹ kính yêu. Bài thơ đã để lại nhiều dư vị cảm xúc trong lòng độc giả.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện lại bài viết theo bảng kiểm và phiếu chỉnh sửa.
- Lưu trữ lại các phiếu học tập và bảng kiểm theo trật tự vào hồ sơ học tập.
- Chuẩn bị phần **Nói và nghe**: Trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống (được gọi ra từ tác phẩm văn học đã đọc).

NÓI VÀ NGHE

Bài 2 (tt) Tiết 26:

NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY SUY NGHĨ VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG (ĐƯỢC GỌI RA TỪ TÁC PHẨM VĂN HỌC ĐÃ ĐỌC)

I. Mục tiêu:

- Với tư cách là người nói, HS biết cách trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống được gọi ra từ những tác phẩm văn học đã đọc trong bài 2 (*Đồng dao mùa xuân*, *Gặp lá cơm nếp*) như hình ảnh người lính, tình yêu đất nước, sự hoà quyện giữa

tình yêu gia đình với tình yêu quê hương,... sao cho hấp dẫn và thuyết phục, biết tiếp thu các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe với tinh thần cầu thị.

- Với tư cách là người nghe, HS biết chú ý lắng nghe, ghi chép để nắm đầy đủ, chính xác các nội dung của bài nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề bạn trình bày.

*** Em Duy lắng nghe các bạn trình bày bài nói và nhận xét.**

II. Thiết bị và học liệu

1. Thiết bị: Máy chiếu, phiếu học tập, rubric đánh giá...

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, ...

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối, tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, HS trả lời:

Kể tên một số tác phẩm văn học mà em đã được học từ chương trình Ngữ văn 6 đến giờ? Trong những tác phẩm ấy, em thích nhất tác phẩm nào? Vì sao?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ của bản thân.

***Gợi ý:**

- Bài học đường đời đầu tiên.

- Nếu cậu muốn có một người bạn.

- Chuyện cổ tích về loài người.

- Mây và sóng.

- Bức tranh của em gái tôi

- Thánh Gióng.

- Đồng dao mùa xuân.

- Gặp lá cơm nếp..

GV kết nối dẫn dắt vào mục tiêu bài học: Ở phần **Đọc**, hai bài thơ *Đồng dao mùa xuân* và *Gặp lá cơm nếp* hẳn đã gợi cho em những suy nghĩ về người lính, về tình yêu đất nước, về sự hoà quyện giữa tình yêu gia đình với tình yêu quê hương,... Trong phần **Nói và nghe** hôm nay, các em sẽ cùng nhau chia sẻ suy nghĩ về một vấn đề đời sống được gợi ra từ tác phẩm văn học đã đọc để phát triển kỹ năng nói của bản thân.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được các yêu cầu trước khi nói; trình bày và trao đổi được về bài nói.

b. Nội dung: HS xác định mục đích, trình bày nội dung bài nói và lắng nghe, trao đổi với bạn về bài nói của mình.

c. Sản phẩm: Bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu; thái độ lắng nghe tích cực của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU NHẬN XÉT HOẠT ĐỘNG NÓI

Các nội dung nhận xét	Các yêu cầu	Có	Không
Nội dung bài nói	Giới thiệu chung về vấn đề		
	Nêu những suy nghĩ về các khía cạnh khác nhau của vấn đề		
	Khái quát lại suy nghĩ của vấn đề		
Hình thức trình bày	Tốc độ nói vừa phải		
	Âm lượng vừa đủ		
	Giọng nói truyền cảm		
	Cử chỉ, dáng điệu đúng mực		
	Tương tác với người nghe phù hợp		

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Trước khi nói	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Trước khi nói, GV cho HS tìm hiểu a) Xác định mục đích nói và người nghe (SGK, Tr.53) - Bài nói nhằm mục đích gì? - Người nghe là ai? - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)? - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút? b) Chuẩn bị nội dung nói - Lựa chọn đề tài: Em sẽ lựa chọn những chủ đề nào được đề cập đến trong hai VB đọc chính “Đồng dao mùa xuân, Gặp lá cơm nếp”?	a. Xác định mục đích nói và người nghe b. Chuẩn bị nội dung nói - Lựa chọn đề tài: <i>hình ảnh người lính, tình yêu đất nước, sự hoà quyện giữa tình yêu gia đình với tình yêu quê hương; lòng biết ơn đối với những người đang hằng ngày cống hiến cho xã hội một cách thầm lặng, về những đổi thay của cuộc sống hôm nay,...</i> - Lập dàn ý theo gợi ý sau: + Giới thiệu khái quát về vấn đề em định trình bày cùng ấn tượng chung của em. + Nêu những biểu hiện cụ thể của

- Lập dàn ý: Trong trường hợp chọn trình bày suy nghĩ về hình ảnh người lính, em hãy lập dàn ý theo những ý chính đã được trình bày trong SGK, trang 54. - Trong trường hợp em chọn vấn đề khác, thì HS chọn dàn ý khác. c. Tập luyện - HS tập trình bày theo nhóm (nhóm đôi hoặc 3-4 em, mỗi HS trình bày trong 5 phút). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, lần lượt thực hiện các bước theo yêu cầu của GV. - HS khác nghe, góp ý. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS hoàn thiện sự chuẩn bị bài nói vào trong vở; tập trình bày bài nói trước nhóm. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV bổ sung, nhận xét, chốt kiến thức. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	vấn đề và suy nghĩ của em. + Khái quát lại suy nghĩ của em, rút ra thông điệp, bài học từ vấn đề. c. Tập luyện
2. Trình bày bài nói	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ <i>Khi trình bày bài nói em cần đảm bảo những yêu cầu nào?</i> - HS làm việc cặp đôi để thực hành. HS lần lượt lắng nghe nhau nói rồi góp ý cho nhau. - Một số HS trình bày trước lớp. Những HS còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá, ghi vào <i>Phiếu nhận xét hoạt động nói</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Đại diện HS các nhóm lên trình bày trước lớp. - Các nhóm HS khác lắng nghe, ghi chép, góp ý, dự kiến nội dung cần góp ý, trao đổi. - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận	*Yêu cầu: - Trình bày đầy đủ, mạch lạc những nội dung chính đã chuẩn bị; - Kết hợp đọc diễn cảm những đoạn thơ cần thiết; - Điều chỉnh giọng nói (âm lượng, tốc độ, sắc thái biểu cảm) phù hợp với nội dung trình bày; - Kết hợp ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,... diễn tả cảm xúc; - Chú ý tương tác với người nghe; - Trình bày bài nói trong thời gian quy định.

- Đại diện HS trình bày bài nói; - HS khác nêu vấn đề cần trao đổi. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV bổ sung, nhận xét, chốt kiến thức. * Duy nghe các bạn trình bày bài nói nhận xét.	
3. Sau khi nói	
- HS tự đánh giá bài nói của mình vào BẢNG KIỂM và đánh giá bài nói của bạn trong Phiếu nhận xét hoạt động nói về nội dung và hình thức trình bày với hai tư cách: người nói và người nghe. - Trao đổi về bài nói: HS sử dụng phiếu nhận xét trong quá trình theo dõi bài nói của bạn để góp ý. - Trao đổi về góp ý của người nghe: HS đánh giá kết quả trao đổi về bài nói bằng cách đặt một số câu hỏi: 1) <i>Phát biểu của bạn có chứng tỏ bạn nắm được nội dung bài trình bày không?</i> 2) <i>Em đồng ý hay không đồng ý với nhận xét, góp ý của bạn về bài nói? Vì sao?</i> - Để kiểm tra thêm về mức độ HS nắm bắt bài nói của bạn, GV nêu câu hỏi: 1) <i>Điều gì trong phần trình bày của bạn khiến em yêu thích hay có ấn tượng nhất?</i> 2) <i>Em học tập được gì qua phần trình bày của bạn?...</i> - HS thực hiện các yêu cầu của GV trên cơ sở cầu thị, lắng nghe, chia sẻ chân thành. - GV tuyên dương và khích lệ HS.	- Người nghe: Trao đổi về bài nói trên tinh thần xây dựng và tôn trọng; - Người nói: lắng nghe, phản hồi những ý kiến trên tinh thần cầu thị.

BẢNG KIỂM
(Tự kiểm tra bài nói)

Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
- Bài nói đã biết mở đầu, trình bày nội dung bài nói, phần kết thúc bài nói chưa.		

- Mở bài nêu lên cảm nhận được điều em sắp nói là tác giả, tác phẩm đã học gây cho em nhiều cảm xúc và suy nghĩ.		
- Thân bài: Em đã trình bày cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm chưa.		
- Tập trung nêu được nội dung cốt lõi, mang tính tiêu biểu cho đề tài.		
- Kết thúc bài nói đã nhấn mạnh vào cảm xúc của em về tác phẩm chưa.		

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Tự hoàn chỉnh, rút kinh nghiệm bài nói nghe theo bảng kiểm, bảng đánh giá và góp ý của thầy cô bạn bè;
- Chuẩn bị trước ở nhà nội dung Bài 3: Cội nguồn yêu thương- Văn bản 1: Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ (trích, Nguyễn Ngọc Thuần).

BÀI 3:

CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG



“Tình yêu thương là câu trả lời cho mọi thứ”

A. NỘI DUNG BÀI HỌC VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN.

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:

1. Đọc:

*** Đọc – hiểu các văn bản:**

- VB1: *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Trích, Nguyễn Ngọc Thuần);
- VB 2: *Người thầy đầu tiên* (Trích, Ai-tơ-mai-tốp);
- VB 3: *Quê hương* (Tế Hanh)
- VB thực hành đọc: *Trong lòng mẹ* (Nguyễn Hồng)

***Thực hành tiếng Việt:** số từ và phó từ.

2. Viết: Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

3. Nói và nghe: Trình bày ý kiến về vấn đề đời sống (được gọi ra từ một nhân vật văn học).

4. củng cố, mở rộng

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 13 tiết – KHGD

Đọc và thực hành tiếng Việt	8 tiết
Viết	4 tiết
Nói và nghe	1 tiết

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG BÀI HỌC

- **HS hoàn thiện cách đọc hiểu** một văn bản truyện:

+ Nhận biết được tính cách nhân vật; nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể truyện trong một truyện kể.

+ Thể hiện được thái độ đối với cách giải quyết vấn đề của tác giả trong truyện.

- **HS nhận biết được** đặc điểm của số từ, phó từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.

- **HS biết viết** bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

- **HS trình bày được** ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

- Biết bồi đắp, trân trọng tình yêu thương.
- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .
- Thiết kế bài giảng điện tử.
- Phương tiện và học liệu:
 - + Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu...
 - + Học liệu: Tranh ảnh : GV sử dụng tranh, ảnh, liên quan.
 - + Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

2. Học sinh.

- Đọc phần Kiến thức ngữ văn và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc – hiểu văn bản trong sách giáo khoa; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.
- Đọc kĩ phần **Định hướng** trong nội dung Viết, Nói và nghe và thực hành bài tập SGK.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. TÌM HIỂU GIỚI THIỆU BÀI HỌC

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm vụ học tập. Định hướng chung cho HS về chủ đề và thể loại chính của bài học.

b. Nội dung hoạt động: HS chia sẻ suy nghĩ

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Làm việc cá nhân: HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> (SGK/tr 57) và cho biết:	- VB đọc chính: + VB1: <i>Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ</i> (Trích, Nguyễn Ngọc Thuần);

- Em hiểu như thế nào về tên chủ đề bài học 3: <i>Cội nguồn yêu thương</i>? (<i>Cội nguồn yêu thương là gì? Cội nguồn có ý nghĩa gì với mỗi người?</i>) + Bài học 3 gồm những văn bản đọc chính nào? + Vì sao các VB đó lại cùng xếp chung vào bài học 3? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Mỗi người đều có một nguồn mạch yêu thương giúp nuôi dưỡng tâm hồn. Đó chính là điểm tựa giúp ta hạnh phúc và luôn vững vàng trên hành trình trưởng thành.	+ VB 2: <i>Người thầy đầu tiên</i> (Trích, Ai-tơ-mai-tốp); + VB 3: <i>Quê hương</i> (Tế Hanh) + VB thực hành đọc: <i>Trong lòng mẹ</i> (Nguyễn Hồng) - Cả 4 VB đọc chính và đọc kết nối chủ điểm đều hướng người đọc đến cội nguồn yêu thương: yêu thiên nhiên, yêu quê hương, yêu gia đình,...

HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu: Nắm được kiến thức về sự thay đổi kiểu người kể chuyện trong văn bản truyện

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về sự thay đổi kiểu người kể chuyện trong văn bản truyện.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:	Thay đổi kiểu người kể chuyện

HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK trang 58: Kỹ thuật động não. HS trao đổi theo cặp, trả lời nhanh những câu hỏi sau: 1. Kể tên các truyện ngắn và tiểu thuyết mà em đã học trong bài học 1. Bầu trời tuổi thơ. Xác định ngôi kể của các văn bản truyện/tiểu thuyết này. 2. Theo em, việc thay đổi kiểu người kể chuyện trong văn bản truyện có tác dụng gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc phần Kiến thức Ngữ văn trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó. HS thảo luận cặp đôi nội dung câu hỏi - GV quan sát, hỗ trợ góp ý Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày cá nhân. - Các HS khác nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét và chuẩn kiến thức. Dự kiến sản phẩm của HS: Các văn bản đọc hiểu ở bài học 1. Bầu trời tuổi thơ: - VB1: <i>Bầy chim chìa vôi</i> (Nguyễn Quang Thiều) ➔ Ngôi kể thứ 3	- Trong một truyện kể, nhà văn có thể sử dụng nhiều ngôi kể khác nhau. - Tác dụng: thể hiện ý đồ nghệ thuật của nhà văn. Mỗi ngôi kể mang đến một cách nhìn nhận, đánh giá riêng, khiến câu chuyện được soi chiếu từ nhiều chiều, trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa. + Ngôi thứ nhất (người kể xưng tôi) khiến chuyện chân thực, người kể có thể xen vào mạch kể suy nghĩ cảm xúc của mình nhưng chuyện kể mang tính chủ quan. + Ngôi thứ ba (người kể giấu mặt) giúp truyện kể khách quan nhưng đôi khi thiếu sự chân thực, khó nói lên được những nội tâm sâu xa của nhân vật.

- VB 2: <i>Đi lấy mật</i> (Trích <i>Đất rừng phương Nam</i> – Đoàn Giỏi) → Ngôi kể thứ nhất - VB thực hành đọc: <i>Ngôi nhà trên cây</i> (trích <i>Tốt-tô-chan bên cửa sổ</i>, Cu-rô-ya-na-gi Tê-sư-cô) → Ngôi kể thứ 3	

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết 27&28: VĂN BẢN 1. VỪA NHẢM MẮT VỪA MỞ CỬA SỔ (Trích, Nguyễn Ngọc Thuần)

I. Mục tiêu

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản.
- Nhận biết được tính cách nhân vật trong truyện: nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất; hiểu tính cách của nhân vật “tôi” (thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời nói, cảm xúc, suy nghĩ về khu vườn, về bố và bạn Tí) và nhân vật người bố (chủ yếu được thể hiện qua ý nghĩ của nhân vật “tôi”).
- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện trong văn bản.
- Nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của mình qua việc học văn bản.
- Biết cảm nhận về thế giới xung quanh một cách tinh tế hơn;
 - Bồi đắp tình yêu thiên nhiên, con người và cảm xúc thẩm mỹ.

* Em Duy đọc được đoạn văn bản, nhận biết nhân vật, người kể chuyện.

Yêu thiên nhiên xung quanh mình.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy chiếu, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.
- Các hình ảnh, video liên quan,...

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS chơi trò chơi đoán hoa hoặc HS nghe video bài hát; yêu cầu HS nêu suy nghĩ cảm xúc của bản thân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Cách 1:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Trong vườn nhà em thường trồng những loài hoa gì? Loài hoa nào em thích nhất?

- GV chiếu hình ảnh những loài hoa. HS quan sát tranh và thử đoán đó là hoa gì.



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4



Hình 5



Hình 6

- Em có thể “nhận ra” những loài hoa bằng cách nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS chia sẻ suy nghĩ, trả lời.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ cởi mở, thân thiện những suy nghĩ suy nghĩ của bản thân.
- HS tích cực tham gia trò chơi đoán tên hoa.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Dự kiến câu trả lời của HS:

- Đoán hoa:

Hình 1: hoa hồng; hình 2: hoa cúc; hình 3: hoa thược dược

Hình 4: hoa mào gà; hình 5: hoa chiều tím; hình 6: hoa sen

- Chúng ta có thể “nhận ra” các loài hoa bằng mắt khi quan sát hình dáng, màu sắc hoa; bằng mũi (ngửi hương thơm); bằng xúc giác (sờ vào cây, hoa để nhận ra hình dáng)

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Cách 2:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV cho HS nghe hoặc xem video bài hát “Hà Nội 12 mùa hoa” (Nhạc sĩ: Giáng Sơn)

Link MV: <https://www.youtube.com/watch?v=wwzjoewz73s>



Học sinh lắng nghe, trả lời câu hỏi:

- + Bài hát đã nhắc đến những loài hoa nào đặc trưng theo mùa?
- + Em có nhận xét gì về tình yêu của nhân vật tôi trong bài hát dành cho các loài hoa?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS chia sẻ suy nghĩ, trả lời.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ cởi mở, thân thiện những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân về video bài hát..

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Dự kiến câu trả lời của HS:

Bài hát đã nhắc đến tên các loài hoa: hoa đào, hoa ban, hoa sữa, hoa loa kèn, hoa phượng, hoa sen, hoa sấu, hoa xoan, hoa cúc, hoa thạch thảo, hoa cải.

Nhân vật tôi dành cho Hà Nội tình yêu tha thiết nên cảm nhận được từng loài hoa đặc trưng từng mùa của Hà Nội. Đó cũng là tình yêu dành cho các mùa hoa.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

➔**GV dẫn vào bài:** Các em ạ! Mỗi loài hoa đều có vẻ đẹp riêng của nó nhưng nếu yêu thích hoa thì chúng ta sẽ thấy hoa không chỉ đẹp bởi màu sắc mà còn thấy nó đẹp bởi hương thơm, ý nghĩa riêng. Các loài hoa là món quà mà thiên nhiên ban tặng cho con người. Hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu “ý nghĩa đưa đường” của các loài hoa để thấy “thế giới” thật gần gũi và thân thuộc với con người như thế nào nhé!

HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung về văn bản

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về tác giả Nguyễn Ngọc Thuần và văn bản “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả và văn bản: ngôi kể, cốt truyện, bố cục,...

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về tác giả và văn bản.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
NV1: Tìm hiểu về tác giả Nguyễn Quang Thiều Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Hình thức: Phỏng vấn MC – Nhà văn	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả Nguyễn Ngọc Thuần - Sinh năm 1972, quê ở Tân Thiện- Hàm Tân – Bình Thuận.

Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Ngọc Thuần: + Thân thế, sự nghiệp + Phong cách viết + Tác phẩm chính Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ + Học sinh đóng cặp phỏng vấn: 01 HS đóng MC đưa ra câu hỏi 01 HS đóng vai nhà văn để trả lời. + Giáo viên khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi HS trả lời đóng cặp phỏng vấn. - Các HS khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận Nhà văn Nguyễn Ngọc Thuần (1972)	- Là một nhà văn trẻ đầy triển vọng ở thể loại văn xuôi đương đại, là thành viên của Hội nhà văn Việt Nam. -Tác phẩm của Nguyễn Ngọc Thuần được sáng tác bằng cái nhìn hồn nhiên và ngạc nhiên của trẻ thơ, bằng những nắm bắt tinh tế, những phát hiện ngộ nghĩnh nhưng có sức gợi lớn. Những trang viết cho thiếu nhi của Nguyễn Ngọc Thuần trong trẻo, thân thương, tươi sáng, ấm áp và đầy chất thơ. Qua ngòi bút của Nguyễn Ngọc Thuần, thế giới quen thuộc bỗng hiện lên mới mẻ, tinh khôi như mới sinh thành. - Tác phẩm chính: <i>Một thiên năm mộng</i> (2001); <i>Trên đồi cao chặn bầy thiên sứ</i> (2003); <i>Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ</i> (2004),...
*Tìm hiểu về văn bản “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” *GV hướng dẫn cách đọc văn bản: Đọc to, rõ ràng; chú ý phân biệt lời	2. Văn bản “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” a. Xuất xứ - Được trích từ một truyện dài cùng tên dành cho thiếu nhi xuất bản năm 2004.

người kể chuyện và lời nói của nhân vật; phân biệt giọng điệu của các nhân vật. *Tìm hiểu hình thức của văn bản: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Em hãy chia sẻ ấn tượng ban đầu của mình về văn bản. Nhan đề văn bản gợi cho em điều gì thú vị? - Xác định thể loại, nhân vật, sự kiện chính và ngôi kể của văn bản. - Văn bản có thể chia thành mấy phần? Nội dung chính từng phần? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhấn mạnh: Cả tập truyện <i>Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ</i> là tự sự của một cậu bé mười tuổi, sống ở nông thôn, và không hề có bất kỳ dấu chân nào của người không lồ internet ghé ngang. Điều hấp dẫn rất riêng của truyện là những câu thoại ngô nghê trong sáng, lại rất dí dỏm và ám áp. * Duy đọc phần tác giả, nhận biết nhân vật, thể loại.	- Tác phẩm đã giành được giải thưởng Peter Pan, Giải thưởng của Ủy ban Quốc tế về sách dành cho thiếu nhi tại Thụy Điển năm 2008. Tác phẩm được dịch ra nhiều ngôn ngữ trên thế giới. b. Đọc và tìm hiểu chú thích - Chú ý một số từ ngữ địa phương: <i>té, chén, tui, vậy cà.</i> b. Hình thức văn bản * Nhan đề “<i>Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ</i>”: gợi ra cách nhìn nhận vạn vật xung quanh không chỉ bằng đôi mắt mà bằng cả tâm hồn. Khi đó, ta sẽ khám phá ra vô vàn những điều thú vị. * Thể loại: truyện vừa * Nhân vật: nhân vật “tôi” – người con; người bố; thằng Tí * Tóm tắt văn bản: Hàng ngày, người cha dẫn con ra vườn hoa với nhiều loại hoa và hai cha con cùng nhau tưới hoa. Người cha đổ con về tên các loài hoa, nhắm mắt ngửi hoa mà nói đúng tên hoa và cùng nhau chơi các trò trốn tìm. Người con dần quen và hiểu rõ từng loài hoa trong vườn đến mức nhắm mắt, đóng cửa sổ mà vẫn cảm nhận hương hoa đang lan tỏa như thế nào. *Ngôi kể: ngôi thứ nhất * Bố cục: 2 phần Phần 1: Từ đầu... “<i>Bố nói tôi có cái mũi tuyệt nhất thế giới</i>”: Những trò chơi và bài học mà người bố dạy con. Phần 2: Còn lại: Trải nghiệm vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ - điều bí mật của nhân vật “tôi”.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu chi tiết văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết đặc điểm các nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm và cách nhà văn thể hiện nhân vật qua các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ, việc làm của các nhân vật.

- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất; hiểu tính cách của nhân vật “tôi” (thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời nói, cảm xúc, suy nghĩ về khu vườn, về bố và bạn Tí) và nhân vật người bố (chủ yếu được thể hiện qua ý nghĩ của nhân vật “tôi”). Qua đó, HS biết cảm nhận về thế giới xung quanh một cách tinh tế hơn; được bồi đắp tình yêu thiên nhiên, con người và cảm xúc thẩm mĩ.

- HS thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm của tác giả (được thể hiện qua lời kể của nhân vật “tôi”, lời nhân vật người bố) và biết lí giải một cách hợp lí.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nhân vật, nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

PHIẾU HỌC TẬP 01: TÌM HIỂU NHÂN VẬT NGƯỜI BỐ

Họ và tên:

Nhóm:.....

Nhiệm vụ: Tìm hiểu về nhân vật người bố và rút ra nhận xét về nhân vật.

Câu hỏi tìm hiểu	Câu trả lời
1. NV người bố chủ yếu được miêu tả qua lời kể của nhân vật nào? Việc lựa chọn người kể chuyện như vậy có tác dụng gì?	
2. Người bố cùng con có những trải nghiệm và trò chơi thú vị nào? Thái độ của người bố với con?	
3. Thông qua các trò chơi, người bố muốn dạy người con điều gì? Qua đó, em hãy nhận xét tình cảm của người bố dành cho con.	

4. Thái độ của người bố trước món quà của Tí ra sao? Em hiểu thế nào về câu nói của người bố: “<i>Một món quà bao giờ cũng đẹp. Khi ta nhận hay cho một món quà, ta cũng đẹp lây vì món quà đó</i>”?	
5. Nhận xét chung về tính cách của người bố và nghệ thuật xây dựng nhân vật.	

PHIẾU HỌC TẬP 02: TÌM HIỂU NHÂN VẬT “TÔI”

Họ và tên:

Nhóm.....

Nhiệm vụ: Tìm hiểu về nhân vật “tôi” và rút ra nhận xét về nhân vật.

Nhóm	Câu hỏi tìm hiểu	Câu trả lời
Nhóm 1, 2	1. Những chi tiết miêu tả cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật “tôi” về bố: - Khi chơi các trò chơi cùng bố - Khi nghe bố giảng giải về những món quà	
Nhóm 3,4	2. Những chi tiết miêu tả cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật “tôi” về bạn Tí.	
Nhóm 5,6	3. Cảm nhận của nhân vật “tôi” về thế giới xung quanh (Khi “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”, nhân vật “tôi” đã phát hiện ra những “bí mật” gì? Những “bí mật” ấy	

	đem lại điều gì cho cuộc sống của “tôi”?)	
Câu hỏi chung	4. Nhận xét chung về tính cách nhân vật người con và nghệ thuật thể hiện nhân vật.	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm						
1: Tìm hiểu nhân vật người bố Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập qua phương pháp thảo luận nhóm. GV chia lớp thành 6 nhóm, thảo luận thống nhất nội dung phiếu học tập số 01.  PHIẾU HỌC TẬP 01: TÌM HIỂU NHÂN VẬT NGƯỜI BỐ Nhiệm vụ: Tìm các chi tiết biểu hiện về nhân vật người bố và rút ra nhận xét về nhân vật qua các chi tiết đó. Sau thời gian thảo luận giáo viên yêu cầu mỗi nhóm trình bày một ý trong phiếu học tập. <table border="1"> <thead> <tr> <th>Câu hỏi tìm hiểu</th><th>Câu trả lời</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Người kể chuyện</td><td></td></tr> <tr> <td>2. Những trải</td><td></td></tr> </tbody> </table>	Câu hỏi tìm hiểu	Câu trả lời	1. Người kể chuyện		2. Những trải		1. Nhân vật người bố *Nhân vật người bố hiện lên chủ yếu qua lời kể của người con – nhân vật “tôi”, người kể chuyện ở ngôi thứ nhất. Tác dụng: + Miêu tả tính cách của nhân vật người bố qua cảm nhận của nhân vật khác (người con). + Vừa thể hiện được tình cảm của nhân vật “tôi” với bố. a. Những trải nghiệm và trò chơi người bố thực hiện cùng con - Hàng ngày người bố thường dẫn con ra vườn hoa, làm đồ dùng cho con tưới cây cùng. - Các trò chơi của bố và con: + <i>Trò chơi nhắm mắt đoán tên các loài hoa trong vườn:</i> Người bố hướng dẫn con nhắm mắt lại và chạm từng bông hoa → Cảm nhận bằng xúc giác + <i>Trò chơi nhắm mắt để tìm kiếm một vật giấu trong nhà; đổ nhắm mắt đoán khoảng cách:</i> ++ Người con nhắm mắt vẫn có thể đi mà không chạm vật gì, vẫn biết được bố đứng cách mình bao xa. ++ Nhờ trò chơi đoán khoảng cách mà người con có thể giúp bố cứu được bạn Tí suýt đuối nước. + <i>Trải nghiệm đọc tên để nghe âm thanh tuyệt diệu tên gọi:</i>
Câu hỏi tìm hiểu	Câu trả lời						
1. Người kể chuyện							
2. Những trải							

Nhóm 3: Bài học bố muốn dạy con qua các trải nghiệm, trò chơi

Nhóm 4 : Thái độ của bố với món quà của bạn Tí

Nhóm 5,6 : Nhận xét chung về tính cách nhân vật và nghệ thuật

Các nhóm trả lời đến đâu GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

- Các nhóm tự đánh giá sản phẩm học tập của nhóm mình và đánh giá chéo nhóm.
- GV đánh giá chung và chuẩn kiến thức.
- HS tự bổ sung vào phiếu học tập của nhóm mình.

*** Duy chú ý bài giảng và ghi bài vào vở**

=> Cho thấy thái độ trân trọng, nâng niu, biết ơn của người bố khi nhận món quà của Tí.

- Ý nghĩa câu nói của người bố: *“Một món quà bao giờ cũng đẹp. Khi ta nhận hay cho một món quà, ta cũng đẹp lây vì món quà đó”*

+ Món quà thể hiện tình cảm, tấm lòng của người nên món quà dù lớn hay nhỏ đều đẹp và có ý nghĩa. Cách chúng ta nhận và trân trọng món quà của người tặng cũng thể hiện nét đẹp của chính mình. Dù thích hay không thích món quà, chúng ta cũng không nên từ chối hay khước từ người tặng bởi đó là tình cảm, tâm huyết mà họ đã dành cho chúng ta.

+ Từ đó, mỗi người đều rút ra được bài học cho mình trong cách ứng xử: cần trân trọng, biết ơn tình cảm, tấm lòng của người khác dành cho mình.

***Nhận xét chung:**

- Tính cách của người bố qua văn bản:

+ Kiên nhẫn dạy con cách cảm nhận về vẻ đẹp và sự sống trong khu vườn;

+ Gần gũi, chia sẻ nhiều cảm xúc, suy nghĩ với con như một người bạn thân thiết; coi con là “món quà” quý giá nhất của cuộc đời;...

+ Yêu thương Tí, trân trọng đón nhận món quà đơn sơ của Tí,...

+ Thích trồng hoa, luôn chăm sóc và biết lắng nghe “tiếng nói” của khu vườn, nhịp **sống** thiên nhiên,...

➔ Có thể thấy, nhân vật người bố là một người rất yêu thương con, luôn quan tâm, gần **gũi** với con và có tâm hồn phong phú, sâu sắc; có trái tim nhân hậu.

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật:

+ nhân vật người bố hiện lên qua hành động, cử chỉ, lời nói (đối thoại);

+ khắc họa nhân vật qua cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật khác (nhân vật “tôi” – người con).

+ qua mối quan hệ với các nhân vật khác (người con, Tí).

2: Tìm hiểu nhân vật “tôi” – người kể chuyện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

HS thảo luận nhóm Phiếu học tập 02 trong thời gian 5p theo nhiệm vụ được phân công.

Nhóm	Nội dung tìm hiểu	Câu trả lời
Nhóm 1, 2	Cảm xúc, suy nghĩ về bố	
Nhóm 3,4	Cảm xúc, suy nghĩ về bạn Tí	
Nhóm 5,6	Cảm xúc, suy nghĩ về thế giới xung quanh khi “vừa nhắm mắt, vừa mở cửa sổ”	
Câu hỏi chung	Nhận xét về tính cách nhân vật; nghệ thuật	

Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm thảo luận.
- Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

*** Duy chú ý bài giảng và ghi bài vào vở**

2. Nhân vật “tôi” – người kể chuyện

a. Cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật “tôi” về bố:

*Khi chơi các trò chơi cùng bố:

- Luôn tỏ ra hào hứng, thích thú với những công việc, trò chơi cùng bố: tưới hoa; nhắm mắt đoán tên hoa qua sờ, qua ngửi; nhắm mắt đoán khoảng cách” thích thú trước việc gọi tên để nghe âm thanh kì diệu, ngân nga của tên gọi...

- Người con yêu quý, gần gũi với bố; luôn tự hào về bố; đón nhận từng cử chỉ chăm sóc của bố với lòng biết ơn:

+ bố làm cho “tôi” chiếc bình tưới xinh xắn để hai bố con thi tưới hoa mỗi buổi chiều; bố dạy “tôi” cách cảm nhận về khu vườn.

+ “*Bây giờ, khi còn vui đùa trong mền, tôi cũng biết bố đang cách xa tôi bao nhiêu mét khi chỉ cần nghe tiếng bước chân*”.

+ “*Bố tôi bơi giỏi lắm*”

+ “*Bố nháy mắt và chúng tôi cười ồ... Một bí mật giữa bố và tôi*”.

=> Ý nghĩa:

+ Qua những trò chơi cùng bố, nhân vật “tôi” đã có sự thay đổi trong cách cảm nhận thế giới tự nhiên xung quanh: từ không thể đoán được tên loài hoa → nhắm mắt, sờ mà đoán đúng tên các loài hoa → nhắm mắt, ngửi mùi hoa cũng có thể đoán đúng tên.

+ Từ những trò chơi của bố, nhân vật “tôi” hiểu được việc cảm nhận khu vườn không chỉ bằng mắt, mà còn bằng tai, bằng mũi, bằng cảm xúc, bằng trí tưởng tượng về thế giới tự nhiên.

*Khi nghe bố giảng giải về những món quà:

+ Hiểu ra khu vườn, những bông hoa đều là những món quà.

+ Với “tôi”, bố là món quà “bự” nhất.

=> Nhân vật “tôi” học được cách trân trọng mọi món quà, cách cho và nhận món quà cũng thể hiện được nét đẹp trong mỗi người.

b. Cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật “tôi” về bạn Tí

	- Nhân vật “tôi” đã giúp bố cứu sống Tí khỏi đuối nước nhờ tài nghe âm thanh đoán khoảng cách của mình. - “Tôi” coi Tí là người bạn thân nhất, sẵn sàng chia sẻ với bạn bí mật ngọt ngào, hạnh phúc của hai bố con mình. - Vì quý và thân với bạn nên “tôi” thấy tên bạn Tí đẹp và hay hơn mọi tên, thích gọi tên bạn để được nghe âm thanh du dương từ cái tên ấy vang lên. c. Cảm nhận của nhân vật “tôi” về thế giới xung quanh với những “bí mật” - Những “bí mật” mà nhân vật “tôi” muốn chia sẻ khi “vừa nhắm mắt, vừa mở cửa sổ”: + sẽ chỉ cần nghe thấy tiếng bước chân mà đoán được người đó là ai. + hiểu được tiếng nói của khu vườn với những bông hoa là người đưa đường: sẽ biết được bây giờ là mùa gì, bông hoa nào đang nở. Khi đó, nhân vật “tôi” không chỉ thấy những bông hoa thơm hơn mà còn “nhìn” thấy nguyên cả khu vườn, cả bông hồng ngay trong đêm tối,... - Ý nghĩa của những “bí mật” với nhân vật “tôi”: mang lại niềm vui, hạnh phúc cho cuộc sống hằng ngày và làm giàu có tâm hồn của nhân vật “tôi”. => Cách cảm nhận thiên nhiên của nhân vật “tôi”: Nhân vật “tôi” đã cảm nhận thế giới tự nhiên bằng nhiều giác quan và khi càng hiểu, “tôi” càng trân trọng và thêm yêu mến thiên nhiên quanh mình. Đó là cách cảm nhận sâu sắc bằng cả tâm hồn và tình yêu thương để phát hiện được những vẻ đẹp, những giá trị từ những điều bình dị nhất. *Nhận xét chung: - Tính cách của nhân vật “tôi”: Nhân vật “tôi” là một cậu bé nhạy cảm, tinh tế, biết yêu thương mọi người, yêu quý và gắn bó với thiên nhiên quanh mình. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật:



- + Kể chuyện theo ngôi thứ nhất, nhân vật dễ bộc lộ cảm xúc chân thực.
- + Khắc hoạ nhân vật qua hành động, lời nói, qua đánh giá của nhân vật khác.

Hoạt động 2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản “*Vừa nhắm mắt, vừa mở cửa sổ*”.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Hoạt động cá nhân - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS tóm tắt những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản. - Qua văn bản, em rút ra những thông điệp ý nghĩa nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức. * Duy đọc lại nội dung tổng kết và ghi nội dung vào vở.	1. Nghệ thuật - Cách kể chuyện sinh động, hấp dẫn. - Ngôi kể: ngôi thứ nhất. - Ngôn ngữ: mộc mạc, tự nhiên, chân thành. → Dễ đi vào chiều sâu tâm hồn con người, đặc biệt là trẻ thơ. - Xây dựng nhân vật qua hành động, cử chỉ, lời nói, cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật khác... 2. Nội dung – Ý nghĩa - Thông qua những trải nghiệm của một cậu bé với người bố của mình, văn bản đã mở ra cho người đọc, đặc biệt là trẻ thơ một thế giới trong trẻo với những khám phá đầy bất ngờ. - Qua đó, nhà văn gửi gắm những thông điệp có ý nghĩa chung với mọi người: + Cần trân trọng, biết ơn những món quà người khác tặng cho mình, dù là món quà lớn hay nhỏ. Đó là tình cảm, tấm lòng của người khác dành cho mình. + Hãy cảm nhận thế giới xung quanh ta bằng cả tâm hồn và tình yêu thương, ta sẽ phát hiện được

những vẻ đẹp, những giá trị từ những điều bình dị nhất.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Viết tích cực

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Làm việc cá nhân

*** Nhiệm vụ : Viết đoạn văn ngắn (5- 7 câu) về một “món quà” em đặc biệt yêu thích.**

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

Bảng kiểm kỹ năng viết đoạn văn:

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5 - 7 câu.	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: viết về một “món quà” mà em đặc biệt yêu thích: - Đó là “món quà” gì? Do ai “đem tặng” em? (“Món quà” có thể hiểu theo nghĩa rộng, đó có thể là một đồ vật vật chất; một cử chỉ yêu thương của người thân, bạn bè; những bông hoa, những tiếng chim mà thiên nhiên ban tặng...) - Điều gì khiến em đặc biệt yêu thích món quà đó? Món quà đó có ý nghĩa như thế nào đối với em?	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.	
4	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và cho điểm HS.

Đoạn văn tham khảo

Mỗi buổi sáng mùa hè, tiếng chim lại vang lên trong khu vườn của ông nội em. Đó là một “món quà” mà khu vườn ban tặng vào mỗi buổi sớm mai. Những tiếng chim đủ giọng hót ríu rần, lạnh lớt nghe mới thú vị làm sao! Tiếng cu gáy trầm ngâm, ngân dài; chú chích choè thì vươn cổ đồng đặc hót với điệu bộ nghiêm trang; còn mấy chú chim sâu thì lách rích bên mấy luống cà. Em yêu những tiếng chim – âm thanh tuyệt vời mà thiên nhiên ban tặng cũng như yêu khu vườn của ông nội, bởi nơi đây đem đến cho em những phút giây thư thái, yên bình trong tâm hồn.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Câu hỏi: Trong cuộc sống hiện đại ngày nay, nhiều bạn nhỏ chỉ vui đùa vào màn hình máy tính hoặc điện thoại, chìm đắm trong thế giới ảo, ít ra ngoài để khám phá cuộc sống hiện thực xung quanh. Em có lời khuyên gì cho các bạn nhỏ này?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS thảo luận trong bàn hoặc nhóm nhỏ 2 bàn quay lại nhau

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện các nhóm bày tỏ quan điểm.

- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

Gợi ý trả lời:

Có thể nêu:

- Cần buông điện thoại xuống, tắt máy tính đi để có nhiều thời gian dành cho việc khám phá những vẻ đẹp bình dị của cuộc sống quanh mình.

- Ta không nên quá lệ thuộc vào những thiết bị thông minh, thế giới ảo trên các mạng xã hội mà quên đi cuộc sống thật. Cần tỉnh táo nhận ra đâu mới là những giá trị đích thực của cuộc sống.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.

- Tìm đọc bản đầy đủ của truyện vừa *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* và những tác phẩm khác của tác giả Nguyễn Ngọc Thuần.
- Chuẩn bị phần Thực hành tiếng Việt về Số từ.

HẾT.

Ngày soạn: 16/10/2023

Ngày dạy: 24, 25, 26, 27/10/2023

TUẦN 8- BÀI 3 (TT)- Tiết: 29 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: SỐ TỪ

1. Mục tiêu:

- HS hiểu nhận biết được đặc điểm của số từ và hiểu được chức năng của từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.
- Chỉ ra được ý nghĩa của số từ trong câu.

*** Em Duy nhận biết số từ và ghi nội dung bài học vào vở.**

2. Nội dung: HS suy nghĩ để nhận biết số từ, hiểu tác dụng của số từ, từ đó hoàn thành các bài tập.

3. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung: HS làm việc theo nhóm bàn, quan sát tranh để đặt câu có chứa thành phần trạng ngữ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV sử dụng phương pháp vấn đáp để đồ vui:

Yêu cầu: Một chú tiều đi với ba chú tiều. Hỏi tất cả có mấy chú tiều?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ theo cặp.
- GV quan sát, khuyến khích

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV gọi những cặp xung phong trả lời câu hỏi, đưa ra lời giải thích.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV đưa ra đáp án, khen ngợi những HS có câu trả lời đúng.

Đáp án: Từ “ba” ở đây có hai cách hiểu: ba (số lượng) và ba (đồng nghĩa với bố - danh từ):

+ Nếu hiểu “ba” là số lượng (3 người) thì tổng số có 4 chú tiều.

+ Nếu hiểu “ba” là bố (danh từ) thì chỉ có 1 chú tiều.

Qua ví dụ vui, chúng ta thấy được sự đa dạng và phong phú của từ loại, bên cạnh những từ loại các em đã học như danh từ, động từ thì còn có số từ. Tiết học hôm nay, các em sẽ tìm hiểu về số từ và thực hành các bài tập về từ loại này.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu: Nhận biết được đặc điểm của số từ và hiểu được chức năng của từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.

b. Nội dung: HS làm việc cặp đôi tìm hiểu ví dụ, rút ra kết luận.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Cho câu văn sau: <i>Tục truyền đời Hùng Vương thứ <u>sáu</u>, ở làng Gióng có <u>hai</u> vợ chồng ông lão</i>	I. Nhận biết đặc điểm và chức năng của số từ 1. Xét ví dụ: Câu văn: <i>Tục truyền đời Hùng Vương thứ <u>sáu</u>, ở làng Gióng có <u>hai</u> vợ</i>

<i>chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức.</i> (Thánh Gióng) Nhiệm vụ: (1) Các từ in đậm (sáu, hai) bổ sung ý nghĩa cho từ ngữ nào trong câu? Từ ngữ được bổ sung ý nghĩa thuộc loại từ gì? (2) Các từ in đậm (sáu, hai) bổ sung ý nghĩa gì? Nêu vị trí của chúng so với từ mà chúng bổ nghĩa. (3) Từ phân tích ví dụ trên, em hiểu thế nào là số từ? Số từ có những tiểu loại cơ bản nào? Ý nghĩa và vị trí của mỗi tiểu loại của số từ trong câu? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ. - HS suy nghĩ. Viết câu trả lời ra giấy. Sau đó cùng trao đổi với bạn trong cặp đôi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. Bước 4: Kết luận, nhận định: - Học sinh nhận xét, bổ sung. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - GV yêu cầu HS đọc khung Nhận biết số từ	<i>chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức.</i> (Thánh Gióng) - Từ “sáu” bổ sung ý nghĩa cho từ “Hùng Vương” (danh từ). Từ “sáu” kết hợp với danh từ “thứ” (thứ sáu), đứng sau danh từ “Hùng Vương” và biểu thị số thứ tự → từ “sáu” ở đây là số từ chỉ thứ tự. - Từ “hai” bổ sung ý nghĩa cho danh từ “vợ chồng” Từ “hai” đứng trước danh từ “vợ chồng” và biểu thị số lượng sự vật → Từ “hai” ở đây là số từ chỉ số lượng. 2. Kết luận a. Khái niệm Số từ là những từ chỉ ý nghĩa số lượng và thứ tự của sự vật. b. Phân loại: 2 tiểu loại cơ bản: - <u>Số từ chỉ số lượng</u>: gồm các từ chỉ số lượng xác định (<i>một, hai, ba,...</i>) và số từ chỉ số lượng ước chừng (vài, dăm, mười, dăm bảy, ba bốn,...). Khi biểu thị số lượng sự vật, số từ thường đứng trước danh từ. Ví dụ: + Nó ăn được hai bát cơm. + Chúng tôi gặp nhau và nói dăm ba câu chuyện.

* Em Duy nhận biết số từ, đọc lại kết luận và ghi nội dung bài học vào vở.	- <u>Số từ chỉ thứ tự</u>: đứng sau danh từ, chỉ thứ tự của sự vật. Số từ chỉ thứ tự thường đứng sau các danh từ <i>thứ, hạng, loại, số</i>. Ví dụ: <i>Tôi ngồi bàn thứ nhất</i>. → số từ nhất kết hợp với từ <i>thứ</i> (<i>thứ nhất</i>) đứng sau danh từ <i>bàn</i> chỉ số thứ tự của sự vật.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

HS vận dụng các kiến thức về số từ để thực hành các bài tập liên quan.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, theo cặp bàn, hoàn thành bài tập vào phiếu, vở.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm bài theo cặp trong bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập 1, trang 64, xác định yêu cầu của bài: 1. Tìm số từ trong các câu sau: a. <i>Buổi chiều ra đồng về, bố thường dẫn tôi ra vườn, hai bố con thi nhau tưới.</i> b. <i>Bố làm cho tôi một bình tưới nhỏ bằng cái thùng đựng sơn rất vừa tay.</i> c. <i>Cách đây khoảng ba chục mét, hướng này!</i>	II. Thực hành tiếng Việt Bài tập 1/Tr.64: Số từ chỉ số lượng xác định (từ in đậm) trong các câu là: a. hai bố con b. một bình tưới c. ba chục mét

2. Thực hiện vào phiếu học tập trong vòng 3 phút. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đại diện trình bày, nhận xét. - Cặp nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm bài theo cặp trong bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập 2, trang 64, xác định yêu cầu của bài: 1. Tìm số từ chỉ số lượng ước chừng trong các câu dưới đây: a. <i>Bố có thể lặn một hơi dài đến mấy phút.</i> b. <i>Tôi còn về vài ngày nữa là khác.</i> c. <i>Tôi nghe nói bà về đây một hai hôm rồi đi.</i> Tìm thêm ba số từ chỉ số lượng ước chừng khác và đặt câu với mỗi từ 2. Thực hiện vào phiếu học tập trong vòng 3 phút. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:	Bài tập 2/Tr.64: - Số từ chỉ số lượng ước chừng trong các câu là: a) mấy phút b) vài ngày c) một hai hôm - Ba số từ chỉ số lượng ước chừng là: <i>mười, dăm ba, hai ba</i> Đặt câu: + Năm nào, ngoại cũng để dành mười con gà ngon cho con cháu về ăn Tết. + Hôm rồi, bà đi xa về có gửi cho bọn trẻ dăm ba gói kẹo. + Chừng hai ba ngày tới, tôi sẽ đi Quảng Ninh một chuyến.

- HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đại diện trình bày, nhận xét. - HS cặp nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm bài theo cặp trong bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập 3, trang 65, xác định yêu cầu của bài: 1. Trong câu: “<i>Nó là thằng Tí, con bà Sáu.</i>”, từ Sáu có phải là số từ không? Vì sao từ này được viết hoa? 2. Thực hiện vào phiếu học tập trong vòng 3 phút. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đại diện trình bày, nhận xét. - Cặp nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý.	Bài tập 3/Tr.65: Từ <i>Sáu</i> trong câu là danh từ riêng chỉ tên một người. (Tên <i>Sáu</i> có lẽ được đặt theo thứ tự người con trong gia đình. Ở miền Nam, người con cả trong gia đình thường được gọi là Hai. Bà Sáu có thể là người con thứ năm trong gia đình.) Vì thế, trong trường hợp này, số từ chỉ thứ tự đã được chuyển thành danh từ riêng nên phải viết hoa.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	Bài tập 4/Tr.65:

GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm (4 nhóm) bài tập 4/ Tr.65, xác định yêu cầu của bài: 1) Trong câu: “<i>Bụng nó đầy nước, bố phải nằm ngược hai chân dốc xuống như làm xiếc.</i>”, có số từ hai kết hợp với <i>chân</i> (hai chân). Trong tiếng Việt, bên cạnh <i>hai chân</i> có <i>đôi chân</i>. Hãy tìm thêm những trường hợp tương tự và cho biết sự khác nhau về nghĩa giữa cụm từ có số từ <i>hai</i> và cụm từ có danh từ đơn vị <i>đôi</i> có ý nghĩa số lượng trong mỗi trường hợp. 2) Thực hiện vào phiếu học tập trong vòng 5 phút. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện 1 nhóm trình bày. - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý.	- Những trường hợp tương tự: <i>hai mắt - đôi mắt, hai tay - đôi tay, hai tai - đôi tai, hai cái sừng - đôi sừng, hai cánh - đôi cánh, hai chiếc đũa - đôi đũa.</i> - Sự khác nhau giữa nghĩa của cụm từ có số từ <i>hai</i> và cụm từ có danh từ đơn vị <i>đôi</i>: + <i>hai</i> là số từ chỉ số lượng, dùng để đếm các sự vật. + <i>đôi</i> là danh từ chỉ một tập hợp sự vật có hai yếu tố cùng loại, tương ứng với nhau và làm thành một đơn vị thống nhất về mặt chức năng, công dụng. Có thể tính đếm tập hợp đó bằng số từ và đặt số từ đứng trước danh từ <i>đôi</i>: <i>một đôi, hai đôi, ba đôi,...</i>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm bài theo cặp trong bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập 5, trang 65, xác định yêu cầu của bài: 1. Có những từ vốn chỉ số lượng xác định nhưng trong một số trường hợp lại mang nghĩa biểu trưng, ước lệ, không xác định. Ví dụ: <i>trăm mưu nghìn kế. Trăm, nghìn</i> là	Bài tập 5/ Tr.65: Ba thành ngữ sử dụng số từ vốn chỉ số lượng xác định nhưng lại mang nghĩa biểu trưng, ước lệ, không xác định: - <i>Ba chìm bảy nổi</i>: chỉ nổi gian truân, vất vả, long đong, liên tiếp gặp khó khăn, trắc trở.

số từ chỉ số lượng xác định nhưng ở đây lại biểu trưng cho ý nghĩa “rất nhiều”. Hãy tìm ba thành ngữ có số từ được dùng theo cách như vậy. 2. Thực hiện vào phiếu học tập trong vòng 3 phút. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đại diện trình bày, nhận xét. - HS cặp nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý.	- <i>Ba mặt một lời</i>: có đủ các bên, đủ mọi người trong cuộc, để chứng minh xác nhận cho việc gì đó. - <i>Mồm năm miệng mười</i>: lắm mồm lắm miệng, nói hết cả phần của người khác (hàm ý chê). - <i>Trăm người bán, vạn người mua</i>: lời khuyên những người ngồi bán gần nhau không nên tị nạnh, tranh giành khách.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập 6, trang 65, xác định yêu cầu của bài: 1) Dựa vào câu “<i>Mỗi bông hoa là một món quà nhỏ</i>”, hãy đặt ba câu có cấu trúc tương tự (Mỗi... là một...). 2) Thực hiện vào phiếu học tập trong vòng 5 phút. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận	Bài tập 6/ Tr. 65: Ba câu có cấu trúc Mỗi... là một...: - <i>Mỗi trẻ em là một mầm non của đất nước.</i> - <i>Mỗi loài hoa là một người đưa đường trong khu vườn.</i> - <i>Mỗi khu vườn là một thế giới chứa đầy bí ẩn, hấp dẫn với trẻ thơ.</i> Bổ sung: - <i>Mỗi hành trình là một trải nghiệm thú vị.</i> - <i>Mỗi người là một đóa hoa làm đẹp cho cuộc đời.</i>

- HS đại diện trình bày, nhận xét. - HS cặp nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý.	- ...

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện bài tập vào vở;
- Chuẩn bị soạn bài: đọc, tìm hiểu về văn bản “Người thầy đầu tiên” (Ai –tô-ma-tốp) (tóm tắt truyện, trả lời câu hỏi trong SGK).

Tiết: 30, 31

VĂN BẢN 2: NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN

(Trích, TRIN-GHI-ĐƠ AI-TÔ-MA-TÔP)

I. Mục tiêu

- HS nhận biết được sự thay đổi người kể chuyện trong đoạn trích và bước đầu cảm nhận được tác dụng của sự thay đổi đó; biết khái quát đặc điểm tính cách nhân vật thầy Duy-sen qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, qua lời kể và cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật An-tư-nai, của nhân vật người họa sĩ.

- HS cảm nhận được tình yêu thương của thầy Duy-sen dành cho học trò và lòng biết ơn của An-tư-nai đối với người thầy đầu tiên.

- Liên hệ với bản thân để rút ra được thông điệp ý nghĩa mà đoạn trích gửi gắm.

- Cảm phục và trân trọng tình cảm thầy trò giữa An-tư-nai và thầy Duy-sen.

- Biết trân trọng những tình cảm tốt đẹp mà mình được đón nhận trong cuộc sống.

*** Giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.**

*** Em Duy đọc một đoạn văn bản, nhận biết nhân vật, ngôi kể, thể loại, ghi bài vào vở.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy chiếu, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.
- Các hình ảnh, video liên quan.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

CÁCH 1: PP vấn đáp

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Yêu cầu: Hãy kể ngắn gọn về một thầy, cô giáo mà em đặc biệt yêu quý.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ và chia sẻ.
- GV quan sát, khuyến khích.

Bước 3: Báo cáo kết quả

GV gọi một số HS chia sẻ về người thầy/cô giáo mà mình yêu quý. Có thể kể ngắn gọn 1 kỉ niệm đặc biệt về người thầy/cô giáo đó.

Bước 4: Kết luận, nhận định

CÁCH 2: Trò chơi “Ai nhanh hơn?”

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV cung cấp cho mỗi nhóm 6 bức tranh. Trong thời gian 3 phút, mỗi nhóm phải tìm nhanh các bức tranh liên quan tới các chi tiết có trong văn bản “Người thầy đầu tiên” và ghi chú chi tiết của văn bản mà bức tranh thể hiện. (chỉ có 4 bức tranh liên quan)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo, trả lời:

- HS xem tranh, suy nghĩ, trả lời.
- Thảo luận nhóm trong 3 phút.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV gọi đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm.

Các nhóm lắng nghe, nhận xét, thảo luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV đưa ra đáp án gợi ý:

Các bức tranh 1, 3, 5 liên quan đến các chi tiết có trong văn bản “Người thầy đầu tiên”.

+ Tranh 1: Hai cây phong của thầy Đuy-sen và An-tư-nai.

+ Tranh 3: Cảnh thầy Đuy-sen bế, cõng bọn trẻ qua suối nước vào mùa đông để đến lớp học.

+ Tranh 5: Cảnh thầy Đuy-sen bị bọn quý tộc nhà giàu chế giễu.

- Nhận xét câu trả lời của HS, kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

Tình cảm thầy trò luôn là một tình cảm cao đẹp, thiêng liêng, được bao ánh thơ văn ngợi ca. Có những người thầy đã hết lòng vì học sinh thân yêu, đem lại ánh sáng, thay đổi cuộc đời cho bao học trò. Đến với những trang văn của nhà văn người Cu-rơ-gư-dơ-xtan, Ai-tơ-ma-tốp qua truyện vừa “Người thầy đầu tiên”, người đọc sẽ không khỏi xúc động về tình cảm thầy trò giữa thầy giáo Đuy-sen và cô bé An-tư-nai, từ đó thêm tin yêu vào những điều tốt lành trong cuộc sống.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Giúp HS tìm hiểu các kiến thức chung về tác giả Ai-tơ-ma-tốp, tác phẩm “Người thầy đầu tiên” và đoạn trích ở SGK.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả, tác phẩm và đoạn trích.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về tác giả, tác phẩm và đoạn trích.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

*1: Tìm hiểu tác giả Ai-tơ-ma-tốp Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về nhà văn Ai-tơ-ma-tốp. HS có thể đóng vai theo cặp MC và nhà văn Ai-tơ-ma-tốp để chia sẻ về cuộc đời, sự nghiệp của nhà văn. Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV mời một số HS hoặc cặp HS chia sẻ thông tin về nhà văn Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp (1928-2008) - Là nhà văn Cu-rơ-gu-dơ-xtan, một nước cộng hòa ở vùng Trung Á, thuộc Liên Xô trước đây. - Ông bắt đầu hoạt động sáng tác văn học từ năm 1952, khi ông còn là sinh viên. - Đề tài chủ yếu trong tác phẩm của ông: cuộc sống khắc nghiệt nhưng cũng đầy chất lãng mạn của người dân vùng đồi núi Cu-rơ-gu-dơ-xtan. - Lối viết của Ai-tơ-ma-tốp cô đọng, hàm súc, có nhiều cách tân độc đáo trong nghệ thuật kể chuyện. - Một số tác phẩm như: <i>Cây phong non trùn khăn đỏ</i>, <i>Người thầy đầu tiên</i>, <i>Con tàu trắng</i>, <i>Và một ngày dài hơn thế kỉ</i>,...
2: Tìm hiểu về tác phẩm “Người thầy đầu tiên” Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Kỹ thuật trình bày 01 phút: Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác phẩm “<i>Người thầy đầu tiên</i>” (thể loại, vị trí, đoạn trích, tóm tắt cốt truyện) Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận	2. Tác phẩm “Người thầy đầu tiên” * Thể loại: Truyện vừa * Vị trí, hoàn cảnh sáng tác: Là một tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Ai-tơ-ma-tốp, được viết năm 1962. * Tóm tắt cốt truyện: Truyện lấy bối cảnh cuộc sống ở một vùng quê miền núi còn rất lạc hậu ở Cu-rơ-gu-dơ-xtan vào đầu thế kỉ XX. Nhân vật chính là An-tư-nai, một cô bé

HS chia sẻ thông tin đã chuẩn bị, sưu tầm trước tiết học. Bước 4: Đánh giá, kết luận * Em Duy nhận biết thể loại truyện	mồ côi, phải sống với gia đình chú thím, bị đối xử tàn nhẫn. Thầy Duy-sen đã kiên trì dạy An-tư-nai học chữ, hết lòng bảo vệ và giúp đỡ An-tư-nai có cơ hội lên thành phố tiếp tục việc học hành. An-tư-nai rất yêu quý thầy Duy-sen những do hoàn cảnh, thầy trò phải xa cách rồi bắt tin nhau. Mấy chục năm sau, An-tư-nai đã trở thành một viện sĩ, trở về thăm làng và gặp lại người thầy đầu tiên của mình trong một tình huống rất éo le. Bà đã viết thư nhờ người họa sĩ đồng hương kể lại câu chuyện về thầy Duy-sen như một hành động chuộc lỗi.
3: Tìm hiểu đoạn trích SGK * HS đọc văn bản SGK: - GV yêu cầu giọng đọc: Đọc to, rõ ràng, diễn cảm, đúng giọng điệu, chú ý phân biệt những người kể chuyện trong đoạn trích và lời thoại của các nhân vật. GV hướng dẫn HS sử dụng các chiến lược đọc trong từng thẻ chỉ dẫn. Với đoạn trích <i>Người thầy đầu tiên</i>, HS sử dụng chiến lược <i>nhận biết</i> để xác định người kể chuyện ở phần (1); chiến lược <i>theo dõi</i> để nắm bắt được sự thay đổi người kể chuyện ở các phần sau và những chi tiết miêu tả các nhân vật thầy Duy-sen, An-tư-nai; chiến lược <i>hình dung</i> giúp HS tưởng tượng.	3. Đoạn trích SGK * Vị trí đoạn trích: Đoạn trích nằm ở phần giữa của tác phẩm kể về bức thư bà viện sĩ An-tư-nai gửi cho người họa sĩ đồng hương kể thầy giáo Duy-sen hết lòng vì học trò. * PTBD chính: Tự sự (kết hợp miêu tả, biểu cảm) * Cốt truyện: - Nhân vật: người họa sĩ, bà viện sĩ An-tư-nai, thầy giáo Duy-sen. - Những sự việc chính: + Người họa sĩ kể về hoàn cảnh bà viện sĩ An-tư-nai gửi bức thư đặc biệt cho anh. + Trong bức thư, bà viện sĩ An-tư-nai kể lại những kỉ niệm trong quá khứ về

- GV phân vai, đọc một đoạn ngắn của văn bản. HS đọc bằng mắt phần chú thích. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV gọi một số HS chia sẻ các kết quả đọc theo các chỉ dẫn bên phải văn bản. - Thảo luận theo cặp các câu hỏi sai: ? <i>Xác định vị trí , PTBD chính của đoạn trích?</i> ? <i>Đoạn trích xoay quanh những nhân vật nào?</i> ? <i>Tóm tắt văn bản.</i> ? <i>Văn bản được chia thành mấy phần? Nêu ý chính của từng phần.</i> ? <i>Xác định người kể chuyện và ngôi kể trong từng phần của đoạn trích. Các nhân vật người kể chuyện có mối quan hệ như thế nào?</i> Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, thảo luận trong bàn. - GV quan sát, động viên. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lần lượt trả lời các câu hỏi. - Các HS chia sẻ, lắng nghe, nhận xét và bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	người thầy giáo Duy-sen hết lòng vì học trò. + Đọc xong bức thư, người họa sĩ bày tỏ những băn khoăn, trăn trở về bức tranh đang dở dành tặng người thầy đầu tiên của làng. * Bố cục đoạn trích: 3 phần <table><tr><th>Phần</th><th>Người kể chuyện – ngôi kể</th><th>Ý chính</th></tr><tr><td>Phần 1</td><td>Người họa sĩ (ngôi thứ nhất)</td><td>Giới thiệu hoàn cảnh bà An-tư-nai viết thư cho người họa sĩ</td></tr><tr><td>Phần 2</td><td>Bà viện sĩ An-tư-nai (ngôi thứ nhất)</td><td>Nội dung bức thư: Kể về người thầy giáo Duy-sen hết lòng vì học sinh và tình cảm của An-tư-nai dành cho thầy:</td></tr><tr><td>Phần 3</td><td>Bà viện sĩ An-tư-nai (ngôi thứ nhất)</td><td>+ P2: Cuộc gặp gỡ lần đầu tiên giữa thầy giáo Duy-sen và An-tư-nai cùng đám trẻ con.</td></tr></table>	Phần	Người kể chuyện – ngôi kể	Ý chính	Phần 1	Người họa sĩ (ngôi thứ nhất)	Giới thiệu hoàn cảnh bà An-tư-nai viết thư cho người họa sĩ	Phần 2	Bà viện sĩ An-tư-nai (ngôi thứ nhất)	Nội dung bức thư: Kể về người thầy giáo Duy-sen hết lòng vì học sinh và tình cảm của An-tư-nai dành cho thầy:	Phần 3	Bà viện sĩ An-tư-nai (ngôi thứ nhất)	+ P2: Cuộc gặp gỡ lần đầu tiên giữa thầy giáo Duy-sen và An-tư-nai cùng đám trẻ con.
Phần	Người kể chuyện – ngôi kể	Ý chính											
Phần 1	Người họa sĩ (ngôi thứ nhất)	Giới thiệu hoàn cảnh bà An-tư-nai viết thư cho người họa sĩ											
Phần 2	Bà viện sĩ An-tư-nai (ngôi thứ nhất)	Nội dung bức thư: Kể về người thầy giáo Duy-sen hết lòng vì học sinh và tình cảm của An-tư-nai dành cho thầy:											
Phần 3	Bà viện sĩ An-tư-nai (ngôi thứ nhất)	+ P2: Cuộc gặp gỡ lần đầu tiên giữa thầy giáo Duy-sen và An-tư-nai cùng đám trẻ con.											

* Em Duy đọc một đoạn văn bản, gọi tên nhân vật và ghi nội dung bài học vào vở.

		+ P2: Tình cảm thầy trò cảm động
Phần 4	Người hoạ sĩ (ngôi thứ nhất)	Bản thảo, trần trổ của người hoạ sĩ về bức tranh dành cho Người thầy đầu tiên của làng.

***Mối quan hệ giữa các nhân vật người kể chuyện:**

+ Hai nhân vật “tôi” - hai người kể chuyện (bà An-tư-nai và anh hoạ sĩ) đều sinh ra, lớn lên ở làng Ku-ku-rêu; hiện cùng sống ở Mát-xơ-va và có quen biết nhau. Họ cùng được mời về dự lễ khánh thành ngôi trường mới của quê hương.

+ An tư-nai hẹn với dân làng sẽ ở lại vài ngày nhưng ngay khi buổi lễ kết thúc, bà đã vội vã rời làng, trở lại Mát xơ-va. Sau đó, bà viết thư cho hoạ sĩ, kể về “người thầy đầu tiên”; giải thích vì sao mình đột ngột rời đi và nhờ anh kể lại cho dân làng nghe câu chuyện của bà.

→Tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện ở các phần của đoạn trích: khiến cho câu chuyện được soi chiếu từ nhiều chiều, trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa hơn.

Hoạt động 2.2: Đọc hiểu chi tiết văn bản

a. Mục tiêu:

- Khái quát đặc điểm tính cách nhân vật thầy Duy-sen qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, qua lời kể và cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật An-tư-nai, của nhân vật người họa sĩ.
- Cảm nhận được tình yêu thương của thầy Duy-sen dành cho học trò và lòng biết ơn của An-tư-nai đối với người thầy đầu tiên.
- Rút ra được ý nghĩa, thông điệp bài học qua đoạn trích: biết trân trọng những tình cảm tốt đẹp mà mình được đón nhận.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

PHIẾU HỌC TẬP 01: TÌM HIỂU NHÂN VẬT THẦY DUY-SEN

Họ và tên:

Nhóm.....

Nhiệm vụ: Tìm chi tiết thể hiện về nhân vật thầy Duy-sen và rút ra nhận xét về nhân vật.

Phương diện thể hiện	Chi tiết thể hiện	Nhận xét
1. Ngôn ngữ đối thoại		
2. Cử chỉ, hành động		
3. Qua suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật khác (học trò)		
4. Nhận xét chung về nhân vật nghệ thuật thể hiện nhân vật.		

PHIẾU HỌC TẬP 02: TÌM HIỂU NHÂN VẬT AN-TƯ-NAI

Nhiệm vụ: Tìm chi tiết thể hiện về nhân vật An-tư-nai và rút ra nhận xét về nhân vật.

Phương diện thể hiện	Chi tiết thể hiện	Nhận xét
1. Hoàn cảnh sống lúc nhỏ		
2. Suy nghĩ, cảm xúc về mọi người		
3. Tình cảm dành cho thầy Đuy-sen (qua suy nghĩ, hành động)		
4. Nhận xét chung về nhân vật nghệ thuật thể hiện nhân vật.		

PHIẾU HỌC TẬP 03 : TÌM HIỂU ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT VĂN BẢN

Phương diện thể hiện	Đặc điểm	Tác dụng, ý nghĩa
1. Ngôi kể, sự thay đổi ngôi kể		
2. Kết cấu truyện		
3. Phương thức biểu đạt		
4. Ngôn ngữ truyện		

5. Miêu tả phong cảnh		
6. Xây dựng nhân vật		

HD của GV và HS			Dự kiến sản phẩm
1: Tìm hiểu hình ảnh thầy giáo Duy-sen Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - Hình ảnh thầy Duy-sen hiện lên qua lời kể, cảm nghĩ và suy nghĩ của nhân vật nào? GV yêu cầu học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập qua phương pháp thảo luận nhóm và kĩ thuật công đoạn: GV chia lớp thành 6 nhóm, thảo luận thống nhất nội dung phiếu học tập số 01. PHIẾU HỌC TẬP 01: TÌM HIỂU NHÂN VẬT THẦY DUY-SEN Nhiệm vụ: Tìm các chi tiết biểu hiện về nhân vật thầy Duy-sen và rút ra nhận xét về nhân vật qua các chi tiết đó. Sau thời gian thảo luận giáo viên yêu cầu mỗi nhóm trình bày một ý trong phiếu học tập.			II. Tìm hiểu chi tiết 1. Hình ảnh thầy giáo Duy-sen *Nhân vật thầy Duy-sen hiện lên hiện lên qua lời kể, qua cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật An-tư-nai – nhân vật “tôi”, người kể chuyện ở phần (2) và phần (3) của đoạn trích. Tác dụng: + Miêu tả tính cách của nhân vật thầy Duy-sen qua cảm nhận của nhân vật khác. + Vừa thể hiện được tình cảm của nhân vật An-tư-nai với người thầy đầu tiên của mình. a. Ngôn ngữ đối thoại - Thầy Duy-sen trò chuyện, thuyết phục các em nhỏ đi học: + “ <i>Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là</i>
Câu hỏi tìm hiểu	Chi tiết thể	Nhận xét	

	hiện		gì? ... Thế nào, các em thích học không, các em sẽ đi học chứ?”
1. Ngôn ngữ đối thoại			+ “Các em cứ gọi thầy là thầy. Các em có muốn xem trường không? Vào đây, đừng ngại gì cả.”
2. Cử chỉ, hành động			- Động viên, khích lệ An-tư-nai:
3. Qua suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật khác (học trò)			“Dòng suối trong trẻo của thầy, em thông minh lắm... Ôi, ước gì thầy được gửi em ra thành phố lớn. Em sẽ còn khá hơn biết chừng nào”.
4. Nhận xét chung về nhân vật nghệ thuật thể hiện nhân vật.			=> Lời nói của thầy Duy-sen gần gũi, ân cần, đầy yêu thương.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thảo luận theo nhóm nội dung phiếu HS số 01. Nhóm trưởng điều hành thảo luận, thư kí dùng bút đỏ bổ sung vào một phiếu làm chuẩn. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Các nhóm báo cáo kết quả theo kĩ thuật công đoạn. Nhóm 1,2: Nhận xét ngôn ngữ đối thoại của thầy Duy-sen với học trò			b. Cử chỉ, hành động - Một mình sửa sang nhà kho cũ thành lớp học, tự tay thầy đắp lò sưởi, dự trữ củi đốt, đi cắt rạ khô lót nền nhà,.. - Thầy bế các em nhỏ qua suối giữa mùa đông buốt giá; - Không để ý đến những lời lăng mạ, chế giễu của bọn nhà giàu; kể những câu chuyện vui để học trò quên đi mọi sự. - Cuối buổi học, thầy ở lại lấy đá và đất đắp những ụ nhỏ trên lòng suối để các em nhỏ bước qua không bị ướt chân. - Lo lắng, chăm sóc ân cần cho An-tư-nai khi cô bé bị chuột rút ở giữa suối. - Kiên trì dạy chữ cho các em bất chấp hoàn cảnh thiếu thốn, khắc nghiệt, sự đơn độc;

Nhóm 3,4: Cử chỉ, hành động của thầy Đuy-sen

- Thầy mơ ước về tương lai tươi sáng cho học trò.

=> Những hành động của thầy Duy-sen vô cùng ấm áp; thầy lo lắng, quan tâm đến học trò như người thân trong gia đình.

c. Qua suy nghĩ, cảm xúc của học trò

- Đám học trò đưa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩa tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai học trò.
- Học trò bất chấp khó khăn, khắc nghiệt (*phải đi xa, leo đồi lội suối, bạt hơi vì gió rét, chân ngập trong những cơn tuyết*) để tự nguyện đến lớp học nghe thầy giảng bài
- Học trò mong ước thầy là người ruột thịt của mình: cô bé An-tư-nai mong ước: “*Ước gì thầy là anh ruột của tôi.*”

* Giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Nhóm 5,6: Hình ảnh thầy Duy-sen qua suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật khác (học trò)

Nhận xét chung về nhân vật nghệ thuật thể hiện nhân vật.

*** Em Duy nghi nội dung bài học vào vở.**

***Nhận xét chung:**

- Thầy Duy-sen là người có mục đích sống cao đẹp, cương nghị, kiên nhẫn, nhân hậu, vị tha,... trong đó, nổi bật nhất là tình cảm yêu thương, hết lòng vì học trò.

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật:
 - + Nhân vật thầy giáo Duy-sen hiện lên qua hành động, cử chỉ, lời nói (đối thoại);

	+ Được thể hiện qua cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật khác (An-tư-nai).																
2: Tìm hiểu tình cảm của An-tư-nai Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Thảo luận nhóm theo kỹ thuật Khăn trải bàn. Hoàn thành phiếu học tập 02 (phiếu A0) trong thời gian 05 phút: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Câu hỏi tìm hiểu</th><th>Chi tiết thể hiện</th><th>Nhận xét</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Hoàn cảnh sống lúc nhỏ</td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>2. Suy nghĩ, cảm xúc về mọi người</td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>3. Tình cảm dành cho thầy Duy-sen (qua suy nghĩ, hành động)</td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>4. Nhận xét chung về nhân vật nghệ thuật thể hiện nhân</td><td></td><td></td></tr> </tbody> </table>	Câu hỏi tìm hiểu	Chi tiết thể hiện	Nhận xét	1. Hoàn cảnh sống lúc nhỏ			2. Suy nghĩ, cảm xúc về mọi người			3. Tình cảm dành cho thầy Duy-sen (qua suy nghĩ, hành động)			4. Nhận xét chung về nhân vật nghệ thuật thể hiện nhân			2. Nhân vật An-tư-nai a. Hoàn cảnh sống: - Lúc nhỏ: An-tư-nai phải sống thiếu thốn cả về vật chất và tình cảm; không được chăm sóc, yêu thương: “<i>Nếu thím em cho đi thì em sẽ đi</i>”; “<i>...gấu váy thùng để hờ một mảng đầu gối</i>”; “<i>Chị ấy mớ cô a, chị ấy ở với chú thím</i>”,... - Hiện tại: trở thành bà viện sĩ nổi tiếng, sống ở Mát-xcơ-va. b. Suy về về mọi người - Không thích có ai thương hại mình - Căm giận bọn nhà giàu đã chế giễu thầy Duy-sen, coi chúng chỉ là những kẻ ngu xuẩn, tồi tệ. c. Tình cảm dành cho thầy giáo Duy-sen - An-tư-nai đặc biệt yêu quý, ngưỡng mộ và biết ơn người thầy đầu tiên của mình: + Cảm phục trước hành động thầy Duy-sen bế các em nhỏ qua dòng suối vào mùa đông; + Căm giận và muốn bảo vệ thầy giáo của mình trước những lời chế giễu, mỉa mai của bọn nhà giàu;	
Câu hỏi tìm hiểu	Chi tiết thể hiện	Nhận xét															
1. Hoàn cảnh sống lúc nhỏ																	
2. Suy nghĩ, cảm xúc về mọi người																	
3. Tình cảm dành cho thầy Duy-sen (qua suy nghĩ, hành động)																	
4. Nhận xét chung về nhân vật nghệ thuật thể hiện nhân																	

vật.			+ Ở lại cùng thầy để đắp những ụ nhỏ tạo lối đi qua dòng suối. + Ước muốn thầy trở thành người thân của mình: “<i>Ước gì thầy là anh ruột của tôi! Ước gì tôi được bá cổ thầy, nhắm nghiền mắt lại và thủ thi với thầy những lời đẹp đẽ nhất...</i>” + Luôn biết ơn về những ý nghĩ tốt lành, những mơ ước của thầy cho tương lai học sinh: Nhờ thầy Duy-sen, từ một cô bé mồ côi không biết chữ, ở một vùng quê nghèo khó, lạc hậu, từng bị người thím độc ác bán đi,... An-tư-nai đã có được cơ hội lên thành phố học tập và trở thành một viện sĩ nổi tiếng. + Dù có thành đạt, trở thành viện sĩ nổi tiếng nhưng An-tư-nai luôn nhớ những kỉ ức về thầy, mừng tượng thầy đứng trước mặt. *Nhận xét chung: - An-tư-nai là cô bé thông minh, nhạy cảm, tinh tế và rất hiếu chuyện. Cô luôn trân trọng những kỉ ức và biết ơn về người thầy đầu tiên của mình. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: + Nhân vật là người kể chuyện ở ngôi thứ nhất (phần 2, 3) nên dễ bộc lộ cảm xúc chân thực. + Khắc hoạ nhân vật qua hành động, cử chỉ và lời nói.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS bầu nhóm trưởng, thư kí. - HS trong từng nhóm ghi lại câu trả lời của mình vào xung quanh bảng phụ, sau đó, nhóm thống nhất ý kiến và ghi vào chính giữa. - GV quan sát, hướng dẫn học sinh. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Các nhóm treo sản phẩm thảo luận của mình lên bảng phụ. - GV gọi đại diện nhóm 1 báo cáo. - HS trong lớp thảo luận, nhận xét, bổ sung. - GV lắng nghe, quan sát, hướng dẫn. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chuẩn kiến thức. * Giáo dục cho học sinh biết tình cảm của người thầy, biết trân trọng yêu quý nghề nhà giáo, thầy cô dạy mình giống như An Tư –nai trọng truyện. * Duy nghi nội dung bài học vào vở.			

3: Tìm hiểu trần trở của người hoạ sĩ về bức tranh vẽ thầy Duy-sen Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Thảo luận theo cặp trong bàn: Nhiệm vụ: Ở phần 4, nhân vật người hoạ sĩ đã có những ý tưởng gì cho bức tranh vẽ thầy Duy-sen? Em ủng hộ ý tưởng nào của hoạ sĩ? Giải thích lí do em lựa chọn ý tưởng đó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. - HS suy nghĩ và trao đổi theo cặp trong bàn. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	3. Trần trở của người hoạ sĩ về bức tranh vẽ thầy Duy-sen (phần 4) - Các ý tưởng của người hoạ sĩ: + Vẽ hai cây phong thầy Duy-sen và An-tư-nai trồng, cùng đùa trẻ với đôi mắt hân hoan nhìn vào cõi xa xăm, kì ảo. + Vẽ cảnh tượng thầy Duy-sen bế trẻ em qua con suối mùa đông. + Vẽ khoảnh khắc thầy Duy-sen tiễn An-tư-nai lên tỉnh, sao cho bức tranh ấy diễn được tiếng gọi cất lên từ tâm hồn Duy-sen mà đến nay An-tư-nai vẫn còn nghe vắng lại, vang dội mãi trong lòng mỗi người. - Những băn khoăn, trần trở của người hoạ sĩ bắt nguồn từ tấm lòng của người nghệ sĩ cảm phục trước tình cảm thầy trò cao đẹp giữa thầy Duy-sen và An-tư-nai, khâm phục trước tấm lòng nhân hậu và nhân cách cao đẹp của người thầy đầu tiên của ngôi làng mình. - Người hoạ sĩ cũng mong muốn thông qua tác phẩm của mình bắt từ hoá cái đẹp, ngợi ca những nét đẹp nhân hậu trong cuộc đời.
4: Tìm hiểu về đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích Bước 1: GV giao nhiệm vụ:	4. Đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích - Sự thay đổi người kể chuyện:

HS làm việc cá nhân

Nhiệm vụ: Hoàn thành phiếu học tập 03:

Phương diện thể hiện	Đặc điểm	Tác dụng, ý nghĩa
1. Ngôi kể, sự thay đổi ngôi kể		
2. Kết cấu truyện		
3. Phương thức biểu đạt		
4. Ngôn ngữ truyện		
5. Miêu tả phong cảnh, cuộc sống sinh hoạt		
6. Xây dựng nhân vật		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.

- HS suy nghĩ và trả lời cá nhân. Có thể trao đổi với các bạn khác trong bàn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Yêu cầu 2-3 HS trình bày, HS khác nghe bổ sung

Người kể chuyện ở phần (1) và phần (4) là một họa sĩ trẻ, cùng quê với An-tư nai; người kể chuyện ở phần (2) và (3) là An-tư-nai.

=> Khiến cho câu chuyện được soi chiếu từ nhiều chiều, trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa hơn.

Người kể chuyện ở cả 4 phần đều ở ngôi kể thứ nhất, giúp cho câu chuyện thêm chân thực, dễ bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

- **Kết cấu truyện:** truyện lồng truyện đầy hấp dẫn (câu chuyện của người họa sĩ kể về bức thư của bà viện sĩ An-tư-nai; câu chuyện của An-tư-nai kể về những kí ức về thầy Đuy-sen.)

- **Phương thức biểu đạt:** Kết hợp phương thức tự sự với các phương thức miêu tả, biểu cảm.

- **Ngôn ngữ truyện:** chọn lọc, giàu hình ảnh, đậm chất thơ.

- **Miêu tả phong cảnh, cuộc sống sinh hoạt** mang đậm dấu ấn địa phương- vùng thảo nguyên hoang sơ, hùng vĩ của Cư-rơ-gư-dơ-xtan với những con người mạnh mẽ, can đảm và tâm hồn phóng khoáng.

- **Xây dựng nhân vật:** qua lời nói, hành động, cử chỉ, qua suy nghĩ và cảm xúc của nhân vật khác.

- HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho bạn. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	

Hoạt động 2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Hoạt động cá nhân ? Chỉ ra những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản. + <i>Khái quát lại những đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích.</i> + <i>Đoạn trích “Người thầy đầu tiên” phản ánh và ngợi ca điều gì? Điều đó có ý nghĩa gì với bản thân em?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. - HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật: - Kết cấu truyện lồng truyện cùng với sự thay đổi linh hoạt người kể chuyện. - Kết hợp nhiều phương thức biểu đạt (tự sự, miêu tả, biểu cảm) tinh tế. - Ngôn ngữ chọn lọc, đậm chất thơ; giọng điệu trữ tình trong sáng, êm dịu, tha thiết. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật phong phú, đặc sắc. 2. Nội dung: - Ca ngợi tình yêu thương của thầy Duy-sen dành cho học trò và lòng biết

Bước 4: Đánh giá, kết luận * Duy đọc lại nội dung tổng kết và ghi bài học vào vở.	ơn của An-tư-nai đối với người thầy đầu tiên. - Thông điệp: Mỗi người cần biết trân trọng những tình cảm tốt đẹp mà mình được đón nhận.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi, bài tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

***Nhiệm vụ:** Làm việc cá nhân tại lớp:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ.

Viết đoạn văn khoảng 5-7 câu kể lại nội dung của phần (1) và phần (4) văn bản “Người thầy đầu tiên” bằng lời của người kể chuyện thứ 3.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ, làm việc cá nhân.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi 1 số HS trình bày sản phẩm học tập.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM KỂ LẠI NỘI DUNG VĂN BẢN THEO NGÔI KỂ THỨ 3

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Bản kể lại trung thành với văn bản gốc.		

2	Bản kể đảm bảo tính ngắn gọn (3-5 câu)		
3	Bản kể tập trung kể lại các sự kiện chính của phần (1) và phần (4) của văn bản “Người thầy đầu tiên”.		
4	Bản kể theo ngôi thứ 3		
5	Bản kể đảm bảo các yêu cầu về tính liên kết của văn bản.		
6	Bản tóm tắt đảm bảo các yêu cầu về sử dụng từ ngữ, ngữ pháp, chính tả		

Đoạn văn tham khảo:

Người họa sĩ và bà viện sĩ An-tư-nai cùng được mời về dự buổi khánh thành ngôi trường mới do nông trường xây dựng. Sau khi trở lại Mát-xcơ-va, bà An-tư-nai đã gửi bức thư cho người họa sĩ để kể câu chuyện về thầy Duy-sen. Bà viện sĩ khấn khoản nhờ người họa sĩ làm cách nào để mọi người cùng biết câu chuyện về người thầy đáng kính. Sau khi biết rõ câu chuyện về tình thầy trò cao đẹp của bà An-tư-nai và thầy Duy-sen, người họa sĩ đã băn khoăn, trăn trở vẽ một bức tranh về người thầy đầu tiên của ngôi làng.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện.

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

HS chọn thực hiện 1 trong 2 nhiệm vụ sau:

*** Giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.**

1. Hãy vẽ bức tranh minh họa một chi tiết mà em ấn tượng trong văn bản “Người thầy đầu tiên”. (Hoặc: Em hãy hoá thân vào người họa sĩ trong văn bản lựa chọn

một ý tưởng để vẽ về người thầy đầu tiên. Em hãy hiện thực hoá ý tưởng đó qua một bức tranh theo hình dung của em).

2. Suy tầm một mẫu chuyện hay về những người thầy vĩ đại ở Việt Nam hoặc trên thế giới để chia sẻ với bạn. (Hoặc chia sẻ với bạn bè về những câu chuyện cảm động về tình thầy trò).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của các nhóm
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc hoàn chỉnh truyện vừa “Người thầy đầu tiên” (Ai-tơ-mơ-tốp)
- Chuẩn bị Thực hành tiếng Việt về phó từ.

Tiết: 32 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: PHÓ TỪ

1. Mục tiêu:

- HS hiểu nhận biết được đặc điểm của phó từ và hiểu được chức năng của từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.
- Chỉ ra được ý nghĩa của phó từ trong câu.

*** Em Duy nhận biết phó từ.**

2. Nội dung: HS suy nghĩ để nhận biết số từ, hiểu tác dụng của phó từ, từ đó hoàn thành các bài tập.

3. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung: HS làm việc theo nhóm bàn, quan sát tranh để đặt câu có chứa thành phần trạng ngữ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV sử dụng phương pháp vấn đáp - Thời gian: 1 phút

Yêu cầu:

- Cho câu văn: *Tôi ăn cơm*

- Lần lượt thêm vào câu văn 01 trong các từ sau: *đã, đang, sắp*.

Nhận xét sự khác biệt về nghĩa của câu văn trong từng trường hợp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ theo cặp.
- GV quan sát, khuyến khích

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV gọi những cặp xung phong trả lời câu hỏi, đưa ra lời giải thích.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV đưa ra đáp án, khen ngợi những HS có câu trả lời đúng.

Đáp án:

+ Tôi *đã* ăn cơm (sự việc đã diễn ra).

+ Tôi *đang* ăn cơm (sự việc đang diễn ra).

+ Tôi *sắp* ăn cơm (sự việc sắp xảy ra).

=> Sự khác biệt về nghĩa của câu nằm ở các từ *đã, đang, sẽ* mới được thêm vào. Vậy những từ này thuộc về từ loại nào, bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu: Nhận biết được đặc điểm của phó từ và hiểu được chức năng của từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.

b. Nội dung: HS làm việc cặp đôi tìm hiểu ví dụ, rút ra kết luận.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: HS quan sát các ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi: <i>Những</i> đoá hoa <i>đang</i> nở <i>rất</i> đẹp trong vườn. (1) Các từ in đậm (<i>những, đang, rất</i>) bổ sung ý nghĩa cho từ ngữ nào trong câu? Từ ngữ được bổ sung ý nghĩa thuộc loại từ gì? (2) Các từ in đậm (<i>những, đang, rất</i>) bổ sung ý nghĩa gì? Nêu vị trí của chúng so với từ mà chúng bổ nghĩa. Chúng có khả năng gọi tên sự vật, hoạt động, tính chất không (3) Từ phân tích ví dụ trên, em hiểu thế nào là phó từ? Phó từ có những tiểu loại cơ bản nào? Ý nghĩa và vị trí của mỗi tiểu loại của phó từ trong câu? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.	I. Nhận biết đặc điểm và chức năng của phó từ 1. Xét ví dụ: <i>Những</i> đoá hoa <i>đang</i> nở <i>rất</i> đẹp trong vườn. - Từ “những” bổ sung ý nghĩa số lượng cho danh từ “đoá hoa”. Từ “những” đứng trước danh từ “đoá hoa”. - Từ “đang” bổ sung ý nghĩa về quan hệ thời gian cho động từ “nở”. Từ “đang” đứng trước động từ “nở”. - Từ “rất” bổ sung ý nghĩa về mức độ cho tính từ “đẹp”. Từ “rất” đứng trước tính từ “nở”. 2. Kết luận a. Khái niệm Phó từ là những từ chuyên đi kèm danh từ, động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho danh từ, động từ, tính từ.

- HS suy nghĩ. Viết câu trả lời ra giấy. Sau đó cùng trao đổi với bạn trong cặp đôi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- Học sinh nhận xét, bổ sung.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

- GV yêu cầu HS đọc khung *Nhận biết phó từ*

*** Em Duy nhận biết phó từ và ghi bài vào vở.**

b. Phân loại: 2 nhóm cơ bản:

*** Phó từ đi kèm danh từ:**

- Ý nghĩa: làm thành tổ phụ trước cho danh từ và bổ sung ý nghĩa về số lượng của sự vật.

- Vị trí: đứng trước danh từ.

- Ví dụ các phó từ đi kèm danh từ: *những, các, mọi, mỗi, từng,..*

***Phó từ đi kèm động từ, tính từ:**

- Ý nghĩa: Làm thành tổ phụ trước hoặc phụ sau cho động từ, tính từ, bổ sung ý nghĩa liên quan đến hoạt động, trạng thái, đặc điểm nêu ở động từ hoặc tính từ (quan hệ thời gian, sự tiếp diễn tương tự, sự phủ định, sự cầu khiến, mức độ,...).

- Vị trí: đứng trước hoặc đứng sau động từ, tính từ.

- Ví dụ về các phó từ đi kèm động từ, tính từ:

+ Phó từ **đứng trước** động từ, tính từ:

Phó từ quan hệ thời gian: *đã, sắp, từng...*

Phó từ chỉ mức độ: *rất, khá...*

Phó từ chỉ sự tiếp diễn: *vẫn, cũng...*

Phó từ chỉ sự phủ định: *không, chẳng, chưa..*

Phó từ cầu khiến: *hãy, thôi, đừng, chớ...*

+ Phó từ **đứng sau** động từ, tính từ:

Phó từ chỉ mức độ: *lắm, quá, cực kì,..*

Phó từ chỉ khả năng: *được,...*

	Phó từ chỉ kết quả và hướng: <i>mất, ra, đi</i>

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng các kiến thức về phó từ để thực hành các bài tập liên quan.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, theo cặp bàn, hoàn thành bài tập vào phiếu, vở.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS làm bài theo cặp hoàn thành bài 1 – Trang 72: 1) Xác định yêu cầu của bài tập: Tìm các phó từ bổ sung ý nghĩa cho danh từ trong các câu sau: a. <i>Tôi nghĩ không phải chỉ riêng bà con trong làng mà nói chung mọi người, nhất là lứa tuổi trẻ, đều cần biết câu chuyện này.</i> b. <i>Những lúc ấy, thầy Duy-sen đã bế các em qua suối.</i> c. <i>Tuy chúng tôi còn bé, nhưng tôi nghĩ rằng lúc đó chúng tôi đều đã hiểu được những điều ấy.</i> 2) Thực hiện vào phiếu học tập trong vòng 3 phút.	II. Thực hành tiếng Việt Bài tập 1/Tr.72: HS nhận biết được các phó từ đi kèm danh từ. Các phó từ (được in đậm) trong câu là: a. <i>mọi</i> người b. <i>những</i> lúc ấy, <i>các</i> em c. <i>những</i> điều ấy

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đại diện trình bày, nhận xét. - Cặp nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm việc theo cặp để hoàn thành bài tập 2/ Tr 72: 1) Xác định yêu cầu của bài tập: Tìm phó từ bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ trong những câu sau và cho biết mỗi phó từ bổ sung ý nghĩa gì. <i>a. Và tôi không nghĩ ra được cách gì hơn là thay mặt bà An-tư-nai Xu-lai-ma-nô-va để kể hết chuyện này.</i> <i>b. Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì?</i>	Bài tập 2/Tr.72: HS nhận biết phó từ đi kèm động từ, tính từ và nêu được ý nghĩa mà phó từ bổ sung cho động từ, tính từ. <i>a. không nghĩ ra được cách gì:</i> phó từ <i>không</i> bổ sung cho động từ <i>nghĩ</i> ý nghĩa phủ định; phó từ <i>ra, được</i> chỉ kết quả của hành động <i>nghĩ</i>. <i>b. hay lắm:</i> phó từ <i>lắm</i> chỉ mức độ cho tính chất <i>hay</i>. <i>chả sẽ học tập ở đây:</i> phó từ <i>chả</i> chỉ ý nghĩa phủ định (như <i>chẳng</i>), phó từ <i>sẽ</i> chỉ ý nghĩa thời gian tương lai. <i>c. cũng đứng dậy:</i> phó từ <i>cũng</i> chỉ sự tiếp diễn tương tự của hành động <i>đứng dậy</i>.

c. Chúng tôi cũng đứng dậy công những bao ki-giắc lên lưng và rảo bước về làng. d. An-tư-nai, cái tên hay quá, mà em thì chắc là ngoan lắm phải không? 2) Thực hiện vào phiếu học tập trong vòng 3 phút. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đại diện trình bày, nhận xét. - HS cặp nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý.	d. hay quá: phó từ <i>quá</i> chỉ mức độ của đặc điểm hay; ngoan lắm: phó từ <i>lắm</i> chỉ mức độ của đặc điểm ngoan.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm (4 nhóm) bài tập 3/ Tr.72: 1) Xác định yêu cầu của bài: ? Trong phần (4) của văn bản <i>Người thầy đầu tiên</i>, phó từ <i>hãy</i> được lặp lại nhiều lần. Cho biết tác dụng của việc lặp lại phó từ	Bài tập 4/Tr.72: - Trong phần (4) của VB <i>Người thầy đầu tiên</i>, phó từ <i>hãy</i> được lặp lại nhiều lần (6 lần). Phó từ <i>hãy</i> đứng trước động từ, có ý nghĩa mệnh lệnh, cầu khiến, thuyết phục, động viên làm việc gì đó. - Tác dụng: Nhấn mạnh những suy tư, trăn trở của người kể chuyện (người hoạ

này. 2) Thực hiện vào phiếu học tập trong vòng 3 phút. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện 1 nhóm trình bày. - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý.	sĩ). Câu chuyện xúc động về người thầy đầu tiên - thầy Duy-sen đã thôi thúc người kể chuyện muốn được sáng tác, muốn được vẽ lại một chi tiết trong câu chuyện hay vẽ chân dung người thầy đặc biệt này để tỏ lòng biết ơn, yêu mến, kính trọng.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập 4/ Tr 72: 1) Xác định yêu cầu của bài: Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) trình bày cảm nhận của em về nhân vật thầy Duy-sen hoặc An-tư-nai, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 3 phó từ. 2) Thực hiện vào phiếu học tập trong vòng 5 phút. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:	Bài tập 4/ Tr. 72: Yêu cầu viết đoạn văn theo các bước: - Chọn nhân vật em định viết; - Viết nháp một vài từ mô tả đặc điểm nổi bật của nhân vật; tìm một vài từ nêu cảm nhận, suy nghĩ của em về nhân vật; - Diễn đạt thành một đoạn văn; khi viết câu, cần chú ý sử dụng ít nhất 3 phó từ; gạch dưới các phó từ em đã sử dụng trong đoạn văn.

- HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đại diện trình bày, nhận xét. - HS cặp nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý.	

GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá đoạn văn ở bài tập 4/ Tr.72:

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5 - 7 câu.	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: Cảm nhận của em về nhân vật thầy Đuy-sen hoặc An-tư-nai: - Đặc điểm nổi bật của nhân vật. - Cảm nhận, suy nghĩ của em về nhân vật	
3	Đoạn văn sử dụng ít nhất 3 phó từ.	
4	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu.	

5	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	

Đoạn văn tham khảo:

Đuy-sen là một người thầy **vô cùng** vĩ đại, hết lòng vì học trò. Bằng lời nói gần gũi và **những** cử chỉ, hành động quan tâm, thầy **đã** xoá tan **đi mọi** khoảng cách, khơi dậy tinh thần ham học ở **những** em nhỏ vùng miền núi xa xôi. Thầy coi **các** em như người thân trong gia đình, **luôn** lo nghĩ cho tương lai **các** em. Cảm nhận **được** tấm lòng nhân tư, sự vị tha của thầy giáo Đuy-sen, **những** đứa trẻ hàng ngày tự nguyện đến trường, vượt qua bao khó khăn, sự khắc nghiệt của thời tiết để đến với con chữ. Chính thầy Đuy-sen là người **đã** thắp **lên** ước mơ về tương lai tươi sáng cho **những** học trò nơi mảnh đất nghèo khó.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện bài tập vào vở.
- Chuẩn bị soạn bài đọc hiểu văn bản “Quê hương” (Tế Hanh) (đọc văn bản, trả lời câu hỏi trong SGK).

HẾT.

Ngày soạn: 23/10/2023

Ngày dạy: 31/10;1,2,3/11/2023

TUẦN 9- BÀI 3(TT)- CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG

Tiết: 33 - Văn bản 3: QUÊ HƯƠNG (Tê Hanh)

I. Mục tiêu

- HS nhận biết được sự kết nối của văn bản “Quê hương” (Tê Hanh) với chủ đề của bài học 3. Cội nguồn yêu thương.
 - HS cảm nhận được vẻ đẹp của con người, cuộc sống nơi làng chài ven biển và tình yêu quê hương chân thành, tha thiết của tác giả.
 - Rút ra thông điệp ý nghĩa cho bản thân qua bài thơ.
 - Bồi đắp tình yêu quê hương, cội nguồn.
 - Ý thức học tập nghiêm túc.
- * Em Duy đọc bài thơ, nhận biết thể thơ, nhịp. Qua văn bản giúp em thêm yêu quê hương, đất nước.

* Giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

II. Thiết bị dạy học và học liệu.

1. **Thiết bị:** Máy chiếu, Giấy A0, bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, rubric đánh giá.
2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo,...

III. Tiến trình dạy học.

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm vụ học tập. Khắc sâu tri thức chung cho bài học.
- b. **Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cách hiểu của mình
- c. **Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- GV cho học sinh nghe bài hát được phổ nhạc từ bài thơ "Quê hương" của nhà thơ Đỗ Trung Quân. Link: https://www.youtube.com/watch?v=_mXasnhG7V
- HS lắng nghe và cho biết cảm xúc khi nghe bài hát này.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS lắng nghe và chia sẻ cảm xúc.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi một vài HS chia sẻ cảm xúc sau khi nghe bài hát “Quê hương”

Bước 4: Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS, kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

→ **GV dẫn vào bài mới:** Quê hương- hai chữ thôi nhưng gọi cho ta biết bao cảm xúc. Đó là sự thân thuộc, nhớ thương, là tình cảm thiêng liêng, là máu thịt của ta... Cũng chính vì lẽ đó mà đây là đề tài được rất nhiều nhà văn, nhà thơ tìm đến. Tế Hanh đã đóng góp vào đề tài ấy bằng bài thơ *Quê hương*.

Tiết học hôm nay, cô và các em sẽ cùng tìm hiểu về bài thơ này để thấu hiểu rõ hơn ý nghĩa của quê hương trong tâm hồn mỗi người.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Trải nghiệm cùng văn bản

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về tác giả Tế Hanh và bài thơ “Quê hương”

b. Nội dung hoạt động:

- HS trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Tìm hiểu về tác giả Tế Hanh Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Hãy nêu những hiểu biết của em về tác giả Tế Hanh (cuộc đời, sự nghiệp sáng tác)? Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức qua trình chiếu.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả Tế Hanh (1921-2009) - Sinh ra và lớn lên ở một làng chài ven biển tỉnh Quảng Ngãi. - Là nhà thơ tiêu biểu trong phong trào “Thơ mới”. - Thơ ông thấm đượm tình yêu quê hương và niềm khao khát thống nhất Tổ quốc. - Quê hương là nguồn cảm hứng lớn trong suốt cuộc đời thơ Tế Hanh. - Thơ Tế Hanh dễ đi vào lòng người bởi cảm xúc chân thành mà tinh tế, thiết tha;

	lời thơ giản dị, giàu hình ảnh; giọng thơ nhẹ nhàng, sâu lắng. - Tác phẩm chính: <i>Hoa niên</i> (1945), <i>Gửi Miền Bắc</i> (1955), <i>Tiếng sóng</i> (1960), <i>Hai nửa yêu thương</i> (1963), <i>Khúc ca mới</i> (1966)...
2. Tìm hiểu về bài thơ “Quê hương” *GV hướng dẫn cách đọc văn bản: - Đọc to, rõ ràng; giọng đọc nhẹ nhàng, trong trẻo; nhịp 3/2/3 hoặc 3/5 GV đọc mẫu một đoạn và yêu cầu 01 HS đọc tiếp phần còn lại. - HS theo dõi chú thích SGK. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Qua tìm hiểu ở nhà, em hãy biết xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác của bài thơ. - Chỉ ra thể thơ, phương thức biểu đạt và đề tài của bài thơ. - Bài thơ có thể chia thành mấy phần? Nội dung các phần? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Bước 4: Đánh giá, kết luận * Em Duy đọc bài thơ, nêu thể thơ, đề tài, ghi nội dung bài học vào vở.	2. Bài thơ “Quê hương” a. Đọc, tìm hiểu chú thích b. Xuất xứ - Hoàn cảnh sáng tác - “<i>Quê hương</i>” được rút trong tập “<i>Nghẹn ngào</i>”, sau này in ở tập <i>Hoa niên</i> (1945) - Bài thơ sáng tác năm 1939, là bài thơ mở đầu cho nguồn cảm hứng viết về quê hương của nhà thơ Tế Hanh. c. Hình thức của văn bản - Thể thơ: thơ tám chữ (8 tiếng) - Phương thức biểu đạt: biểu cảm (kết hợp với miêu tả, tự sự) - Đề tài: Quê hương - Bố cục: Bài thơ có thể chia làm 4 đoạn. + 2 câu đầu: Giới thiệu chung về làng quê. + 6 câu tiếp: Cảnh thuyền ra khơi đánh cá. + 8 câu tiếp: Cảnh thuyền đánh cá trở về bến. + 4 câu còn lại: Tấm lòng của nhà thơ khi xa quê.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được sự kết nối của văn bản “Quê hương” (Tế Hanh) với chủ đề của bài học 3. Cội nguồn yêu thương.

- HS cảm nhận được vẻ đẹp của con người, cuộc sống nơi làng chài ven biển và tình yêu quê hương chân thành, tha thiết của tác giả.

- Rút ra thông điệp ý nghĩa cho bản thân qua bài thơ.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật đoạn trích.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

PHIẾU HỌC TẬP 01:

Tìm hiểu vẻ đẹp con người và cuộc sống nơi làng chài

Nhóm	Nhóm 1 + Nhóm 2	Nhóm 3 + Nhóm 4
Nội dung tìm hiểu	Cảnh thuyền ra khơi đánh cá	Cảnh thuyền về bến
Câu hỏi gợi ý	- Cảnh con thuyền đánh cá ra khơi được miêu tả vào thời điểm, không gian nào? - Hình ảnh con thuyền được miêu tả như thế nào? - Chỉ ra và nêu tác dụng của một số biện pháp tu từ được tác giả sử dụng để miêu tả hình ảnh lúc con thuyền ra khơi. - Rút ra nhận xét về cảnh con thuyền ra khơi đánh cá.	- Cảnh con thuyền về bến được miêu tả ở những câu thơ nào? - Không khí đón đoàn thuyền đánh cá trở về được tái hiện qua hình ảnh nào? Đó là không khí như thế nào? - Phân tích một số từ ngữ, hình ảnh đặc sắc được tác giả sử dụng để miêu tả vẻ đẹp của người dân chài và con thuyền khi về bến nghỉ.
Câu hỏi chung	Em có cảm nhận gì về vẻ đẹp con người và cuộc sống nơi làng chài hiện lên qua bài thơ? Nhận xét tình cảm của tác giả qua việc miêu tả trên.	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1: Tìm hiểu lời giới thiệu quê hương ở 2 câu đầu. Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Thảo luận nhóm đôi: HS theo dõi 2 câu đầu văn bản và cho biết: ? Tác giả đã giới thiệu về làng chài quê mình như thế nào? Nhận xét về cách giới thiệu đó? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS trao đổi theo cặp Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi đại diện 1 số cặp trả lời. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	II. Đọc hiểu chi tiết 1. Hai câu đầu: Lời giới thiệu chung về làng quê. <i>“Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới Nước bao vây cách biển nửa ngày sông”</i> - Nghề nghiệp truyền thống của quê hương: nghề đánh cá (chài lưới). - Vị trí của làng: bao bọc bởi nước sông, đi thuyền nửa ngày xuôi sông ra tới biển. => Cách giới thiệu tự nhiên, mộc mạc, giản dị, nêu lên được đặc trưng của quê hương nhà thơ – một làng chài ven biển.
2: Tìm hiểu cuộc sống nơi làng chài Kĩ thuật Khăn trải bàn  Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Các nhóm hoàn thành phiếu HT số 01 tìm hiểu về vẻ đẹp của con người và cuộc sống nơi làng chài GV chia lớp thành 04 nhóm: - Nhóm 1 + 2: Tìm hiểu cảnh thuyền ra khơi đánh cá.	2. Vẻ đẹp của con người và cuộc sống nơi làng chài a. 6 câu tiếp: Cảnh thuyền ra khơi đánh cá. - Thời gian: Buổi sớm mai hồng. - Không gian: Bầu trời cao rộng, trong trẻo, nhuộm ánh hồng bình minh. => thời tiết đẹp, thuận lợi ra khơi. - Hình ảnh con thuyền khi ra khơi: +Nghệ thuật so sánh <i>chiếc thuyền nhẹ - con tuấn mã</i>, sử dụng các động từ mạnh: <i>phăng, vượt</i>; tính từ: <i>hăng, mạnh mẽ</i> => Con thuyền được hình dung như một sinh thể sống động, đẹp đẽ, tràn đầy sức

- **Nhóm 3+ 4: Tìm hiểu cảnh thuyền đánh cá trở về bến.**

Thời gian làm việc nhóm: 05 phút

Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. (Có thể dùng giấy A0 để làm phiếu)

+ Cá nhân suy nghĩ, ghi câu trả lời vào vị trí quy định trên phiếu A0

+ Các thành viên thảo luận, thư kí tổng hợp ý kiến chung vào ô trung tâm của phiếu A0.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm.

- Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.

- Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 3.

*** Em Duy ghi nội dung bài học vào vở.**

mạnh, lướt băng băng, vượt qua dòng sông dài rộng, hướng ra biển lớn. Hình ảnh so sánh còn gợi lên vẻ đẹp của những con người lao động - hiên ngang, hào hùng như những kì sĩ, tráng sĩ.

+ Nghệ thuật so sánh kết hợp nhân hoá:

"Cánh buồm giương to – như – mảnh hồn làng

Rướn thân trắng - thâu góp gió"

=> Hình ảnh cánh buồm quen thuộc trở nên lớn lao và thiêng liêng. Con thuyền chính là linh hồn của làng chài, của con người lao động nơi đây: tràn trề sức sống, như hăm hở thâu góp, ôm cả nắng gió của đất trời, mạnh mẽ và phóng khoáng,...

Bằng lối so sánh và nhân hoá này, tác giả còn gợi được vẻ đẹp của người dân làng chài với tình yêu lao động, tâm hồn phóng khoáng, lãng mạn, tình cảm gắn bó sâu nặng với quê hương.

b. 8 câu tiếp: Đoàn thuyền đánh cá trở về bến.

- Không khí đón đoàn thuyền trở về:

+ âm thanh: *ồn ào*

+ hình ảnh: dân làng *tấp nập*

=> Từ láy tượng hình và tượng thanh diễn tả không khí náo nhiệt, đầy ắp niềm vui đón nhận thành quả lao động to lớn.

- Câu thơ đề trong ngoặc kép: *"Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe"*

=> Lời cảm tạ trời yên biển lặng cho dân làng trở về an toàn, thắng lợi.

	- Hình ảnh người dân chài: nước da ngăm nhuộm nắng nhuộm gió; thân hình thâm đậm vị mặn mòi nồng toả" vị xa xăm" của biển khơi. => Hình ảnh người dân chài khoẻ mạnh, vạm vỡ, vừa được tả thực vừa lãng mạn trở nên có tầm vóc phi thường. - Hình ảnh con thuyền sau chuyến ra khơi được tác giả miêu tả một cách sống động bằng biện pháp tu từ nhân hoá (<i>thuyền im, bến mỏi</i>), ẩn dụ chuyển đổi cảm giác (<i>nghe chát muối</i>) => Nhà thơ cảm nhận thuyền như một cơ thể sống, cũng cần nghỉ ngơi sau khi hoàn thành nhiệm vụ, lắng "nghe chát muối thấm..." Con thuyền vô tri trở nên có hồn, cũng như người dân chài, con thuyền ấy cũng thấm đẫm vị mặn mòi của biển khơi, gắn bó với biển cả. => Hình ảnh con thuyền ấy được miêu tả bởi một tâm hồn tinh tế, tài hoa và một tấm lòng gắn bó sâu nặng với quê hương. *Nhận xét chung: - Vẻ đẹp con người lao động làng chài toát lên sự khoẻ khoắn, cường tráng, yêu lao động, tâm hồn phóng khoáng, lạc quan,... - Cuộc sống nơi làng chài vừa giản dị, bình yên vừa sôi động, tràn trề sức sống, gắn bó với thiên nhiên. - Qua việc miêu tả con người và cuộc sống làng chài quê hương, nhà thơ cũng bộc lộ tình cảm yêu quý, gắn bó với người dân và cảnh vật nơi quê hương thân yêu.

3: Tìm hiểu về tấm lòng của nhà thơ khi xa quê.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

HS đọc khổ thơ câu cuối.

Thảo luận theo bàn trả lời các câu hỏi:

? Khi xa cách, tác giả nhớ tới những điều gì nơi quê nhà? Tại sao nhớ về quê hương, nhà thơ lại nhớ tới những hình ảnh đó?

? Nhận xét về cách diễn đạt của tác giả ở đoạn này?

? Qua nỗi nhớ quê hương, ta thấy tác giả là người như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.

- HS suy nghĩ và thảo luận với các bạn trong bàn.

- GV quan sát, khích lệ và giúp đỡ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện một số bàn trả lời.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn.

- GV nhận xét thái độ trong quá trình làm việc và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS, chốt ý.

- GV chuẩn kiến thức.

* **Em Duy ghi nội dung bài học vào vở.**

3. Khổ cuối: Tấm lòng của nhà thơ khi xa quê.

- Khi xa quê. tác giả nhớ tới những hình ảnh quen thuộc của quê nhà: màu nước xanh (biển), cá (cá bạc), cánh buồm (chiếc buồm vôi), mùi biển (cái mùi nồng mặn quá). => Đó là những hình ảnh đã gắn bó với nhà thơ từ ấu thơ.

- Nghệ thuật: Sử dụng những câu cảm thán, phép liệt kê.

=> Khổ thơ cuối diễn tả nỗi nhớ nhưng da diết khi nhà thơ phải xa cách quê hương. Bất chấp khoảng cách thời gian, không gian, nhà thơ vẫn nâng niu, gìn giữ trong kí ức từng hình ảnh, màu sắc, hương vị mang vẻ đẹp riêng của quê nhà. Đó là tấm lòng của người con rất yêu quê, gắn bó sâu nặng với quê hương.

Hoạt động 2.4: Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Hoạt động cá nhân ? Chỉ ra những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích. * Giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ? Qua bài thơ, em rút ra cho mình bài học hay thông điệp ý nghĩa gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. - HS suy nghĩ cá nhân 2' và ghi ra giấy. - GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. Bước 4: Đánh giá, kết luận * Em Duy đọc lại tổng kết và ghi nội dung vào vở.	IV. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Hình ảnh thơ sáng tạo với những liên tưởng, so sánh độc đáo. - Ngôn ngữ trong sáng, bay bổng, đầy cảm xúc. - Sử dụng thể thơ 8 chữ hiện đại, kết hợp nhiều phương thức biểu đạt. 2. Nội dung - Bài thơ vẽ lên bức tranh thiên nhiên, cuộc sống lao động, sinh hoạt của một làng chài miền Trung đẹp đẽ, nên thơ, vừa chân thực, vừa lãng mạn. - Qua đó, nhà thơ bày tỏ tấm lòng của mình với quê hương: yêu thương, gắn bó, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên, con người, cuộc sống nơi làng chài; nỗi nhớ nhung

	đa diết khi phải xa cách quê hương. - Bài thơ đem đến thông điệp về tình yêu quê hương- cội nguồn yêu thương trong lòng mỗi người.

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi; tham gia trò chơi học tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Làm việc cá nhân

*** Nhiệm vụ:**

- Qua bài thơ giúp em hiểu thêm gì về nhà thơ Tế Hanh?
- Viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 - 7 câu) nêu cảm nhận của em về tình cảm của tác giả đối với quê hương.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo sản phẩm học tập.
- Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV đưa ra gợi ý, nhận xét câu trả lời của HS.

- Qua bài thơ, ta hiểu thêm về nhà thơ Tế Hanh:
 - + Là người tinh tế trong cảm thụ cuộc sống quê.
 - + Tấm lòng nồng hậu, thủy chung, gắn bó với quê hương.
- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá đoạn văn:

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt

1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5 - 7 câu.	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: cảm nhận về tình cảm của tác giả đối với quê hương (yêu thương, gắn bó, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên, con người, cuộc sống nơi làng chài; nhớ nhung da diết khi phải xa cách quê hương,...)	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.	
4	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	

Đoạn văn tham khảo:

Đọc bài thơ “Quê hương” (Tế Hanh), người đọc vô cùng trân trọng tình cảm của nhà thơ dành cho quê hương. Nhà thơ yêu thương, gắn bó, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên, con người, cuộc sống nơi làng chài quê mình khi hồi tưởng lại cảnh đoàn thuyền hào hứng ra khơi đánh cá và không khí náo nhiệt, đông vui của dân làng chào đón đoàn thuyền trở về. Đó là cuộc sống bình dị mà nên thơ với những con người yêu lao động, tâm hồn phóng khoáng, lạc quan, gắn bó với quê hương, Hình ảnh quê hương luôn trong tâm trí nhà thơ để khi xa quê, nhà thơ luôn nhớ nhung da diết.

Hoạt động 4: Vận dụng.

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Viết**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) nêu cảm nghĩ của em về quê hương mình.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

GV hướng dẫn HS cách viết đoạn văn theo một số gợi ý:

+ *Em ấn tượng những gì về quê hương? (vẻ đẹp thiên nhiên, con người, đặc sản, lễ hội,...)*

+ *Tình cảm của em dành cho quê hương.*

+ *Em sẽ làm gì để góp phần xây dựng quê hương thêm giàu đẹp trong tương lai?*

- HS suy nghĩ và làm việc cá nhân.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Một số HS trình bày sản phẩm học tập.
- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung.

***Nhiệm vụ 2:**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập theo dự án:

- Nhóm 1, 2: Nhóm Hoạ sĩ

Yêu cầu: Vẽ các bức tranh minh hoạ nội dung của văn bản.

- Nhóm 3, 4: Nhóm Nghiên cứu

Yêu cầu: Sưu tầm những câu chuyện, bài thơ, bài hát viết về quê hương.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Báo cáo sản phẩm vào tiết học tiếp theo.
- HS các nhóm báo cáo sản phẩm và thảo luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định.

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

Hướng dẫn học ở nhà:

- Tìm đọc thêm các bài thơ của Tế Hanh hoặc của các nhà thơ khác viết về đề tài quê hương
- Chuẩn bị soạn bài: Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

TIẾT 34 - ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- + Đọc các VB truyện, thơ;
- + Thực hành viết: Đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ; viết bài văn trình bày suy nghĩ về một vấn đề trong đời sống.
- Tự giải quyết nhiệm vụ học tập, tự đánh giá được quá trình và kết quả giải quyết vấn đề học tập của bản thân.
- Chủ động đề ra kế hoạch học tập của cá nhân; xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Biết trân trọng vẻ đẹp thiên nhiên, vẻ đẹp con người, tình cảm gia đình, quê hương.
- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

*** Em Duy nắm vững kiến thức nhận biết về thể loại, nhịp thơ, gieo vần của các văn bản đã học.**

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: tivi kết nối mạng, phiếu học tập, bài tập tham khảo.

2. Học liệu: Ngữ liệu tác phẩm,....

C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

I. GV cho HS nhắc lại các kiến thức trọng tâm trong 3 bài học đầu tiên bằng cách điền vào bảng thông tin sau:

Bài	Đọc	Thực hành tiếng Việt	Viết	Nói và nghe
...	...	...	...	...

Bài	Đọc	Thực hành tiếng Việt	Viết	Nói và nghe
1	- <i>Bầy chim chìa vôi;</i> - <i>Đi lấy mật;</i> - <i>Ngàn sao làm việc;</i> - <i>Ngôi nhà trên cây.</i>	-Mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ. -Từ láy. -Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.	-Tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài.	-Trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm.
2	- <i>Đồng dao mùa xuân;</i> - <i>Gặt lá com nếp;</i> - <i>Trở gió;</i> - <i>Chiều sông Thương.</i>	-Biện pháp tu từ: Nói giảm nói tránh; - Nghĩa của từ.	-Tập làm thơ bốn chữ và thơ năm chữ. -Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.	-Trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ tác phẩm văn học đã đọc).
3	- <i>Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ;</i> - <i>Người thầy đầu tiên.</i>	- Số từ; - Phó từ		

- GV cho HS điền các thông tin theo bảng thông kê sau:

Thể loại	Tên tác phẩm	Cách đọc
Truyện ngắn	- <i>Bầy chim chìa vôi.</i>	a. Đọc hiểu nội dung: - Nêu được ấn tượng chung về văn bản. - Nhận biết được đề tài, chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Nhận biết được tính cách của các nhân vật qua hành động, lời thoại,...của nhân vật và lời của người kể chuyện.
Truyện dài	- <i>Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ.</i> - <i>Người thầy đầu tiên.</i>	
Tiểu thuyết	- <i>Ngôi nhà trên cây.</i> - <i>Đi lấy mật (Đất rừng phương Nam)</i>	

		- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. b. Đọc hiểu hình thức: - Nhận biết được các yếu tố hình thức (bối cảnh, nhân vật, ngôi kể và sự thay đổi ngôi kể, từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền...) - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học.
Thơ bốn chữ	<i>-Đồng dao mùa xuân.</i>	a. Đọc hiểu nội dung: - Nêu được ấn tượng chung về văn bản. - Nhận biết được đề tài, chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. b. Đọc hiểu hình thức: - Nhận biết được các yếu tố hình thức (giọng điệu, nhân vật trữ tình, thể thơ, vần, nhịp, kết cấu, biện pháp tu từ,...) - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật trữ tình trong tác phẩm văn học.
Thơ năm chữ	<i>-Ngàn sao làm việc;</i> <i>-Gập lá com nếp;</i> <i>-Chiều sông Thương.</i>	
Thơ tự do	<i>Quê hương</i>	

II. THỰC HÀNH ĐỌC

*Cách thức chung:

- GV chiếu VB trên màn hình, hướng dẫn và cho HS đọc kĩ VB, xác định từng yêu cầu trong các câu hỏi đọc hiểu và hỗ trợ HS thực hiện từng yêu cầu;
- HS trình bày, nhận xét, bổ sung.
- GV hoàn thiện, tuyên dương.

* Em Duy hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm trong phần đọc hiểu.

ĐỀ ÔN TẬP:

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

TRĂNG OI... TỪ ĐÂU ĐẾN?

Trần Đăng Khoa

<i>Trăng ơi... từ đâu đến? Hay từ cánh rừng xa Trăng hồng như quả chín Lửng lơ lên trước nhà</i>	<i>Trăng ơi... từ đâu đến? Hay từ một sân chơi Trăng bay như quả bóng Bạn nào đá lên trời</i>	<i>Trăng ơi... từ đâu đến? Hay từ đường hành quân Trăng soi chú bộ đội Và soi vàng góc sân</i>
<i>Trăng ơi... từ đâu đến? Hay biển xanh diệu kì Trăng tròn như mắt cá Chẳng bao giờ chớp mi</i>	<i>Trăng ơi... từ đâu đến? Hay từ lời mẹ ru Thương Cuội không được học Hú gọi trâu đến giờ</i>	<i>Trăng ơi... từ đâu đến? Trăng đi khắp mọi miền Trăng ơi có nơi nào Sáng hơn đất nước em...</i>

1968

**(Trần Đăng Khoa, Góc sân và khoảng trời,
NXB Văn hóa dân tộc)**

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Bài thơ “Trăng ơi... từ đâu đến?” được viết theo thể thơ nào?

- A. Tự do. B. Lục bát. C. Bốn chữ. D. Năm chữ.

Câu 2. Bài thơ có cách gieo vần như thế nào?

- A. Gieo vần lưng. B. Gieo vần chân.
C. Gieo vần lưng kết hợp vần chân. C. Gieo vần linh hoạt.

Câu 3. Ở khổ thơ thứ nhất, trăng được so sánh với hình ảnh nào?

- A. Quả chín. B. Mắt cá.
C. Quả bóng. D. Cánh rừng xa.

Câu 4. Từ “Lửng lơ” thuộc loại từ nào?

- A. Từ ghép. B. Từ láy.
C. Từ đồng nghĩa. D. Từ trái nghĩa.

Câu 5. Hình ảnh vàng trăng gắn liền với các sự vật (quả chín, mắt cá, quả bóng...) cho em biết vàng trăng được nhìn dưới con mắt của ai?

- A. Bà nội. B. Người mẹ.
C. Cô giáo. D. Trẻ thơ.

Câu 6. Tác dụng *chủ yếu* của phép tu từ so sánh được sử dụng trong câu thơ: “Trăng bay như quả bóng” là gì ?

- A. Làm cho sự vật trở nên gần gũi với con người.
B. Nhấn mạnh, làm nổi bật đối tượng được nói đến trong câu thơ.
C. Làm cho câu thơ sinh động, gợi hình, gợi cảm.
D. Làm cho câu thơ giàu nhịp điệu, có hồn.

Câu 7. Theo em, dấu chấm lửng trong câu thơ “Trăng ơi... từ đâu đến?” có công dụng gì ?

- A. Tỏ ý còn nhiều sự vật hiện tượng chưa liệt kê hết.
- B. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dờ, hay ngập ngừng, ngắt quãng.
- C. Làm giãn nhịp câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện một từ ngữ biểu thị nội dung hài hước, châm biếm.
- D. Làm giãn nhịp câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ.

Câu 8. Ý nghĩa của bài thơ “Trăng ơi... từ đâu đến?” là gì ?

- A. Nhân vật trữ tình yêu trăng theo cách độc đáo.
- B. Trăng ở quê hương của nhân vật trữ tình là đẹp nhất.
- C. Yêu mến trăng, từ đó bộc lộ niềm tự hào về đất nước của nhân vật trữ tình.
- D. Ánh trăng ở quê hương nhân vật trữ tình đặc biệt, không giống ở nơi khác.

Câu 9. Em hiểu như thế nào về câu thơ “Trăng ơi có nơi nào. Sáng hơn đất nước em...”?

Câu 10. Từ tình cảm của nhân vật trữ tình trong bài thơ, hãy bộc lộ tình cảm của em với quê hương yêu, đất nước (trong đoạn văn 3 đến 5 câu).

II. VIẾT (4.0 điểm)

Em hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về vấn đề trong đời sống.

TIẾT 35&36: KIỂM TRA GIỮA KÌ I.

I. Mục tiêu

- HS biết nắm được bài kiểm tra giữa kỳ I có hai phần: Phần đọc hiểu và phần làm văn. Phần đọc hiểu làm quen với các dạng đề trắc nghiệm kết hợp tự luận, nhận biết đặc thể loại thơ bốn chữ, năm chữ, chỉ ra được biện pháp tu từ và tác dụng biện pháp tu từ đã học, hiểu được nội dung, ý nghĩa bài thơ, bài học từ bài thơ... Phần làm văn biết viết một bài văn nghị luận văn đề trong xã hội có bố cục rõ ràng, diễn đạt trôi chảy.

- Có kĩ năng đọc hiểu, viết bài văn nghị luận.

*** Viết được bài văn nghị luận văn đề trong xã hội hay, sáng tạo.**

- Ý thức học tập, làm bài nghiêm túc, chất lượng, hiệu quả

*** Lưu ý em Phan Thanh Duy chỉ làm đúng 4 câu trắc nghiệm là đã hoàn thành yêu cầu bài kiểm tra giữa kỳ I môn Ngữ văn 7.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

GV: Đề kiểm tra

HS: giấy kiểm tra, bút, giấy nháp

III. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp

2. Phát đề

3. Thu bài

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN NGỮ VĂN - LỚP 7

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		V. dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ năm chữ									
	Số câu		4	0	3	1	0	1	0	1	10
	Tỉ lệ % điểm		20		15	10		10		5	60
2	Viết	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.									
	Số câu		0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	1
	Tỉ lệ % điểm			10		15		10	0	5	40
Tỉ lệ % điểm các mức độ			70				30				100

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1.	Đọc hiểu	Thơ năm chữ	* Nhận biết: - Nhận biết được đặc điểm của bài thơ: thể thơ, từ ngữ, gieo vần, ... - Nhận biết được biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản, nghĩa của từ. - Nhận biết chủ thể trữ tình trong bài thơ, hình ảnh thơ... * Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ; rút ra chủ đề, thông điệp của tác phẩm; phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, chủ đề. * Vận dụng:	4 TN	3TN 1TL	1TL	1TL

			Đánh giá được cái hay nét độc đáo của bài thơ qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu, bài thơ nhấn nhá tới người đọc điều gì?				
2	Viết	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận. Thông hiểu: Viết đúng về nội dung, về hình thức (từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản) Vận dụng: Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện cảm xúc của bản thân trước sự việc cần bàn luận. Vận dụng cao: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.	1*TL	1*TL	1*TL	1*TL
Tổng				4 TN 1*TL	3TN 1TL 1*TL	1 TL 1*TL	1TL 1* TL
Tỉ lệ %				30%	40%	20%	10%
Tỉ lệ chung (%)				70%		30%	

UBND HUYỆN NÚI THÀNH TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN ĐỀ CHÍNH THỨC (Đề có 01 trang)	KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024 MÔN: NGỮ VĂN 7 – LỚP 7 Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

1. ĐỌC HIỂU: (6.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

LỜI RU CỦA MẸ

Lời ru ầu ơ nơi nào
 Giữa mệnh mang trời đất
 Khi con vừa ra đời
 Lời ru về mẹ hát

Lúc con nằm ẵm áp
 Lời ru là tấm chăn

Trong giấc ngủ êm đềm
Lời ru thành giấc mộng

Khi con vừa tỉnh giấc
Thì lời ru đi chơi
Lời ru xuống ruộng khoai
Ra bờ ao rau muống

Và khi con đến lớp
Lời ru ở cổng trường
Lời ru thành ngọn cỏ
Đón bước bàn chân con

Mai rồi con lớn khôn
Trên đường xa nắng gắt
Lời ru là bóng mát
Lúc con lên núi thăm
Lời ru cũng gặp ghềnh
Khi con ra biển rộng
Lời ru thành mênh mông.

(Thơ Xuân Quỳnh, Kiều Văn chủ biên, NXB Đồng Nai, 1997)

Em hãy viết đáp án (từ câu 1 đến câu 7) bằng cách ghi chữ cái ở đầu câu trả lời đúng nhất vào bài làm.

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

- A. Bốn chữ B. Năm chữ C. Lục bát D. Tự do

Câu 2. Bài thơ có cách ngắt nhịp chủ yếu là gì?

- A. Ngắt nhịp 2/3 hoặc 3/2 B. Ngắt nhịp 2/3 hoặc 4/1
C. Ngắt nhịp 4/1 hoặc 3/2 D. Ngắt nhịp 2/3 hoặc 1/1/3

Câu 3. Em hãy cho biết bài thơ gieo vần như thế nào?

- A. Vần chân B. Vần cách C. Vần liền D. Vần hỗn hợp

Câu 4. Từ “*mênh mang*” được hiểu là

- A. rộng lớn bao la đến không cùng
B. rộng lớn đến mức như không có giới hạn
C. rộng đến mức không nhìn thấy chân trời
D. rộng đến mức có cảm giác mung lung, mờ mịt

Câu 5. Hai câu thơ sau tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào?

“*Lúc con nằm ấm áp
Lời ru là tấm chăn*”

- A. Nhân hoá B. So sánh C. Liệt kê D. Ẩn dụ

Câu 6. Người bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ trong bài thơ trên là ai?

- A. Người mẹ B. Người con C. Cả con và mẹ D. Con và tác giả

Câu 7. Em hiểu gì về hình ảnh “lời ru” được tác giả sử dụng trong bài thơ?

- A. Lời ru nâng bước con vào đời
- B. Lời ru ngọt ngào của mẹ mang đến cho con giấc ngủ say nồng
- C. “Lời ru” là hình ảnh ẩn dụ đầy cảm động về tình mẹ thiêng liêng, cao cả
- D. Hình ảnh “lời ru” được lặp lại nhiều lần tạo nên giọng điệu tha thiết, gợi sức sống, sự bền bỉ của lời ru

Từ câu 8 đến câu 10, em hãy viết câu trả lời của mình vào bài làm.

Câu 8. Trong những hình ảnh được tác giả dùng để khắc hoạ lời ru, em yêu thích hình ảnh nào? Vì sao?

Câu 9. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ được dùng trong khổ thơ sau:

“Lúc con nằm ấm áp
Lời ru là tấm chăn
Trong giấc ngủ êm đềm
Lời ru thành giấc mộng.”

Câu 10. Theo em bài thơ muốn nhắn nhủ tới người đọc điều gì?

II. LÀM VĂN (4.0 điểm)

Em hãy viết bài văn trình bày ý kiến của mình về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm nhất

HẾT.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7- (Hướng dẫn chấm này có 02 trang)

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Giáo viên cần chủ động nắm bắt nội dung trình bày của học sinh để đánh giá tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Chú ý vận dụng linh hoạt và hợp lý *hướng dẫn chấm*.
- Đặc biệt khuyến khích những bài viết có nhiều sáng tạo, độc đáo trong nội dung và hình thức.
- Điểm lẻ toàn bài tính đến 0.25 điểm, sau đó làm tròn theo quy định.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Phần I: Nội dung - Đọc hiểu.

Trắc nghiệm khách quan:

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	B	A	D	B	B	A	C
Điểm	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5

2. Trắc nghiệm tự luận:

Câu 8: (1 điểm)

Mức 1 (1đ)	Mức 2 (0.5đ)	Mức 3 (0đ)
Hình ảnh mà em yêu thích có thể là: hình ảnh tấm chăn, ngọn cỏ, giấc mộng, bóng mát,... Bởi những hình ảnh đó rất gần gũi, thân quen. Hình ảnh so sánh gợi lên niềm yêu thương và tấm lòng của người mẹ.	HS nêu được hình ảnh nhưng chưa giải thích sâu sắc, chưa đúng, diễn đạt chưa thật rõ.	Trả lời sai hoặc không trả lời. (Lưu ý: Hs có cách diễn đạt khác, hợp lý vẫn tính điểm).

Câu 9:

Mức 1 (1đ)	Mức 2 (0.5đ)	Mức 3 (0đ)
Tác dụng của biện pháp tu từ được dùng trong khổ thơ: - Hình ảnh so sánh gợi lên niềm yêu thương và tấm lòng của người mẹ. - Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt, tạo nên hình tượng thơ chân thật.	HS nêu được một trong hai tác dụng.	Trả lời sai hoặc không trả lời. (Lưu ý: Hs có cách diễn đạt khác, hợp lý vẫn tính điểm).

Câu 10: (0.5 điểm)

Mức 1 (0.5 đ)	Mức 2 (0.25đ)	Mức 3 (0đ)
* Bài thơ muốn nhắn nhủ tới người đọc: Lời ru tượng trưng cho tình mẹ cảm động, thiêng liêng. Qua đó, nhắc nhở chúng ta về lòng biết ơn, kính yêu mẹ.	Học sinh nêu được bài học nhưng chưa sâu sắc, diễn đạt chưa thật rõ.	Trả lời nhưng không chính xác, không liên quan đến câu hỏi, hoặc không trả lời. (Lưu ý: Hs có cách diễn đạt khác, hợp lý vẫn tính điểm).

Phần II: LÀM VĂN (4 điểm)

PHẦN TẠO LẬP VĂN BẢN (4.0 ĐIỂM)

A. BẢNG ĐIỂM CHUNG CHO TOÀN BÀI:

Tiêu chí	Điểm
1. Cấu trúc bài văn	0.5

2. Nội dung	2.5
3. Trình bày, diễn đạt	0.5
4. Sáng tạo	0.5

B. BẢNG CHẤM ĐIỂM CỤ THỂ CHO TỪNG TIÊU CHÍ

1.Tiêu chí 1: Cấu trúc bài văn (0.5 điểm)		
Điểm	Mô tả tiêu chí	Ghi chú
0.5	Bài viết đủ 3 phần: Phần mở bài, thân bài, kết bài; phần thân bài: biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau.	- Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận. - Thân bài: Ý kiến của mình về vấn đề mà các em quan tâm nhất. - Kết bài: Khẳng định lại những suy nghĩ của mình về vấn đề trên.
0.25	Bài viết đủ 3 phần nhưng thân bài chỉ có một đoạn.	
0.0	Chưa tổ chức bài văn gồm 3 phần (thiếu phần mở bài hoặc kết bài, hoặc cả bài viết là một đoạn văn).	
2. Tiêu chí 2: Nội dung (2.5 điểm)		
Điểm	Mô tả tiêu chí	Ghi chú
2.5 điểm	- HS trình bày ý kiến của mình về vấn đề mà các em quan tâm nhất, theo những cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận và thể hiện rõ ý kiến của người viết về vấn đề ấy. - Giải thích rõ vấn đề cần bàn luận, đưa ra được lí lẽ cụ thể để lí giải cho ý kiến của người viết. - Sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo trình tự hợp lí, đưa được bằng chứng đa dạng cụ thể, tiêu biểu, xác thực để làm sáng tỏ lí lẽ. Xem xét vấn đề từ nhiều phía để nội dung bài viết được toàn diện. Khẳng định lại ý kiến và đưa ra bài học nhận thức và phương hướng hành động.	Bài văn có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần thể hiện được các nội dung sau: - Đó là vấn đề gì? - Biểu hiện của vấn đề. - Cách khắc phục vấn đề, hiện tượng trên? - Bài học rút ra từ vấn đề, hiện tượng đó.

1.5 - 2.0	- Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận và thể hiện rõ ý kiến của người viết về vấn đề ấy. - Giải thích rõ vấn đề cần bàn luận, đưa ra được lí lẽ cụ thể để lí giải cho ý kiến của người viết. - Sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo trình tự hợp lí, đưa được bằng chứng nhưng chưa đa dạng. - Nội dung bài viết chưa được toàn diện, có đưa ra bài học nhận thức nhưng còn chung chung.	
1.0 - 0.5	- Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận và thể hiện rõ ý kiến của người viết về vấn đề ấy. - Giải thích rõ vấn đề cần bàn luận, đưa ra được lí lẽ để lí giải cho ý kiến của người viết nhưng chưa cụ thể. - Sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo trình tự chưa hợp lí, bằng chứng còn sơ sài, chưa xác thực. - Chưa xem xét vấn đề từ nhiều phía. Bài học nhận thức chưa sát vấn đề...	
0.0	Bài làm quá sơ sài hoặc không làm bài	

3. Tiêu chí 3: Diễn đạt, trình bày (0.5 điểm)

Điểm	Mô tả tiêu chí
0.25 – 0.5	- Vốn từ ngữ phong phú, kiểu câu đa dạng, đảm bảo sự logic giữa các câu, các đoạn trong bài văn. Mắc vài lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, ít gạch xóa
0.0	- Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Chữ viết không rõ ràng, khó đọc, trình bày chưa sạch sẽ...

5. Tiêu chí 4: Sáng tạo (0.5 điểm)

Điểm	Mô tả tiêu chí
0.5	Có sáng tạo trong cách thể hiện và diễn đạt suy nghĩ, quan điểm
0.25	Có thể hiện được sự sáng tạo nhưng chưa đậm nét

0.0	Chưa có sáng tạo

* Lưu ý em Phan Thanh Duy chỉ làm đúng 4 câu trắc nghiệm là đã hoàn thành yêu cầu bài kiểm tra giữa kì I môn Ngữ văn 7.

HẾT.

Ngày soạn: 30/10/2023

Ngày dạy: 7,8,9,10/11/2023

BÀI 3(TT)- CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG

VIẾT

TUẦN 10: 37-41.

VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

I. Mục tiêu

- Nhận diện được kiểu bài nghị luận phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.
- HS bước đầu biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.
- Biết bày tỏ suy nghĩ, thái độ trước những vấn đề xã hội.
- Hướng đến lối sống tích cực, hoàn thiện nhân cách bản thân.

* Em Duy nhận diện được kiểu bài nghị luận phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học, nghe bài viết của các bạn.

II. Thiết bị và học liệu

- 1. Thiết bị:** Máy chiếu, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá...
- 2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo,...

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

- a. Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học
- b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

***Cách 1: PP trò chơi: Đoán tên nhân vật**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV tổ chức trò chơi cho HS đoán tên các nhân vật đã học.

Luật chơi 1:

- Chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi nhóm cử 1 đại diện lên bảng bốc thăm 01 lá phiếu có ghi tên 1 nhân vật trong 2 văn bản truyện của bài 3 (*Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*, *Người thầy đầu tiên*)
- Các thành viên còn lại trong nhóm ở phía dưới lớp sẽ đưa ra 2 câu câu hỏi cho đại diện phía trên về nhân vật; bạn đại diện chỉ được trả lời **Đúng** hoặc **Sai**. (chú ý: các câu hỏi không được chứa tên nhân vật trong lá thăm).
- Hết 2 câu hỏi, các bạn bên dưới phải đưa ra đáp án tên nhân vật trong lá thăm là ai.

Luật chơi 2:

- Chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi nhóm cử 1 đại diện lên bảng bốc thăm 01 lá phiếu có ghi tên 1 nhân vật trong 2 văn bản truyện của bài 3 (*Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*, *Người thầy đầu tiên*)
- Bạn đại diện sẽ đưa ra gợi ý cho các thành viên còn lại phía dưới. (Lời gợi ý không được chứa tên nhân vật). Thời gian cho mỗi nhóm vừa đưa ra gợi ý vừa trả lời tên nhân vật là 01 phút.
- Nếu các đội đều có câu trả lời đúng thì đội nào tìm ra tên nhân vật trong lá thăm nhanh hơn sẽ giành chiến thắng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS làm việc nhóm, thực hiện trò chơi

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi một số đại diện trình bày.
- Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, dẫn dắt vào nội dung tiết học.

***Cách 2: PP vấn đáp:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Yêu cầu: Trong 1 phút, em hãy trình bày những ấn tượng của em về một nhân vật trong một văn bản truyện mà em yêu thích trong bài học 3.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi.
- GV gợi ý HS có thể nêu suy nghĩ về các nhân vật đã được tìm hiểu trong các văn bản của bài học 3 như: các bạn nhỏ có tâm hồn trong sáng, tinh tế, nhân hậu như Mên, Mon (*Bầy chim chìa vôi*), An, Cò (*Đi lấy mật*),... và cả những người cha (*Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*), người thầy (*Người thầy đầu tiên*),... hết lòng yêu thương con trẻ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi một số đại diện trình bày.
- Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, dẫn dắt vào nội dung tiết học.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu đặc điểm của bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học

a. Mục tiêu: HS hiểu yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1: Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học và phân tích bài viết tham khảo Bước 1: GV giao nhiệm vụ: <i>1. Theo em, một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học phải đáp ứng được yêu cầu gì?</i>	I. Lý thuyết 1. Yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. - Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học. - Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm. - Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn. - Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật. 2. Phân tích bài viết tham khảo SGK

2. Phân tích bài viết tham khảo:

HS đọc bài viết tham khảo SGK – trang 75-77: *Con mèo tuyệt vời nhất thế giới!* Dựa vào gợi ý ở phía lề phải văn bản để trả lời các câu hỏi sau:

- Vấn đề chính được bàn luận trong bài viết là gì?
- Phần nào, câu nào đã giới thiệu nhân vật trong tác phẩm văn học?

*Thảo luận nhóm:

- **Nhóm 1, 2:** Đọc đoạn (2), (3) của bài văn:

+ Chỉ ra các câu nêu đặc điểm của nhân vật.

+ Chỉ ra một số câu nêu các bằng chứng trong tác phẩm.

- **Nhóm 3, 4:** Đọc đoạn (4), (5) của bài văn:

+ Chỉ ra các câu nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.

+ Chỉ ra các câu nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật.

- Sơ đồ hóa kiến thức bài viết.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

- **Vấn đề chính được bàn luận:** Vẻ đẹp của nhân vật mèo Gióc-ba trong tác phẩm “Chuyện con mèo dạy hải âu bay” (Lu-i Xe-pun-ve-da)

- **Phần giới thiệu nhân vật:** nằm ở đoạn (1). Câu văn giới thiệu nhân vật: “Con mèo ấy tên là Gióc-ba, một nhân vật trong tác phẩm “Chuyện con mèo dạy hải âu bay” của nhà văn Lu-i Xe-pun-ve-da. ... Nhưng với tôi, Gióc-ba luôn là nhân vật đáng yêu và thú vị nhất.

- **Đoạn (2), (3): Các câu nêu đặc điểm của nhân vật Gióc-ba và dẫn chứng:**

+ Nhân vật Gióc-ba xuất hiện từ chương 2 và lập tức gây chú ý với **dáng vẻ bề ngoài rất khác biệt**: “Con mèo mun to đùng, mập ú, bộ lông đen óng như than “đen từ đầu tới chân, trừ một túm lông trắng dưới cằm”.

+ Cuộc gặp gỡ bất ngờ và những lời hứa với hải âu mẹ Ken-ga, hành trình nuôi hải âu con Lắc-ki đã trở thành cơ hội để Gióc-ba bộc lộ **những nét tính cách đẹp đẽ, quý giá**.

++ Đó là sự quả quyết, dũng mãnh khi Gióc-ba trừng trị hai tên mèo hoang láo xược và lũ chuột gian xảo; khi Gióc-ba sẵn sàng tấn công cả con đười ươi to xác, độc ác để bảo vệ Lắc-ki. [...]

++ Đó là lòng tự trọng khi Gióc-ba vượt qua mọi khó khăn, trở ngại để thực hiện tất cả những lời hứa của mình....

++ Đặc biệt, qua cách miêu tả của nhà văn, Gióc-ba hiện lên như một con người có trái tim nhân hậu và tâm hồn sâu sắc. Gióc-ba hết lòng cứu giúp Ken-ga; kiên nhẫn áp trứng vì xót thương hải âu mẹ bất hạnh. [...] Mèo Gióc-ba đã dành cho hải âu Lắc-ki tình yêu thương vô hạn.

- **Đoạn (4), (5):**

+ **Các câu nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn:**

Nhân vật Gióc-ba được Lu-i Xe-pun-ve-da **khắc hoạ qua** các chi tiết miêu tả ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, cảm xúc, suy nghĩ và qua mối quan hệ với nhân vật khác (cậu chủ nhỏ, các bác mèo thông thái, Lắc-ki, thi sĩ,...). **Nghệ thuật nhân hoá** tài tình khiến Gióc-ba hiện lên rất sống động mang những tính cách của con người mà vẫn không mất đi những đặc điểm của một chú mèo đáng yêu. Tác giả sáng tạo ra

- Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo bàn.

- GV quan sát, khuyến khích

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện một số cặp đôi phát biểu.

- Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức:

GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

2: Rút ra dàn ý chung của một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

Thảo luận cặp đôi:

Qua phân tích ví dụ SGK, HS rút ra dàn ý chung của một văn bản nghị luận phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

+ Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi.

+ GV quan sát, khuyến khích

nhiều **chi tiết** có giá trị biểu hiện rất đặc sắc... **Lối kể chuyện** vừa giàu cảm xúc, vừa hài hước, tươi vui cũng tạo nên sức hấp dẫn rất lớn.

+ Các câu nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật:

Sáng tạo nhân vật Gióc-ba, nhà văn còn mượn “tiếng chim lờ lững” để gửi gắm nhiều bài học dành cho con người: sự trân trọng lời hứa, sức mạnh kì diệu của tình yêu thương; tinh thần bảo vệ kẻ yếu, sống can đảm, giàu khát vọng: “Chỉ những kẻ thực sự dám thì mới có thể bay!”. Trong đó, bài học sâu sắc và xúc động hơn cả là biết tôn trọng sự khác biệt và học cách yêu thương những gì “không giống chúng ra”...

- Sơ đồ hóa kiến thức bài viết:

Bài viết: Con mèo tuyệt vời nhất thế giới!

Nhan đề bài viết đối tượng nghị luận của bài viết và hướng phân tích của người viết.

Giới thiệu nhân vật: giới thiệu nhân vật mèo Gióc-ba trong tác phẩm *Chuyện con mèo dạy hải âu bay* của nhà văn Lu-i Xe-pun-ve-da.

Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật mèo Gióc-ba dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm: *sự quả quyết, dũng mãnh; lòng tự trọng; trái tim nhân hậu*,...

Nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn: *qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, hành động, cảm xúc, suy nghĩ*,...; *nghệ thuật nhân hoá, sáng tạo nhiều chi tiết có giá trị biểu hiện sâu sắc; lối kể chuyện*.

Nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật: gửi gắm nhiều bài học dành cho con người.

3. Dàn ý chung của một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Đại diện một số cặp đôi phát biểu. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức: GV nhận xét, chuẩn kiến thức. * Duy đọc lại lí thuyết bài học và nghị nội dung vào vở.	* Mở bài: Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật; nêu khái quát ấn tượng về nhân vật. * Thân bài: Phân tích đặc điểm của nhân vật: Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài: - Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm. - Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn. - Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật. * Kết bài: Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật.

Hoạt động 3: Luyện tập – Thực hành viết

a. Mục tiêu:

HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao:

- HS xác định được mục đích viết (nghị luận); dự kiến người đọc tiềm năng (thầy cô, bạn...). Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.
- Viết được văn bản nghị luận phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

b. Nội dung: Chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Phiếu tìm ý: Tìm hiểu đặc điểm nhân vật thầy Duy-sen trong “Người thầy đầu tiên”

Cách miêu tả nhân vật	Chi tiết trong tác phẩm	Suy luận của em về nhân vật
Ngoại hình		
Hành động		
Ngôn ngữ		
Nội tâm		

Mối quan hệ với các nhân vật khác		
Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp nhân vật		

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Hướng dẫn HS thực hành viết văn bản nghị luận phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học 1: Hướng dẫn HS chuẩn bị GV hướng dẫn HS viết Thảo luận cặp đôi trong bàn: Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu của đề bài: + Về nội dung, đề bài yêu cầu HS bàn luận về vấn đề gì? + Em có thể vận dụng các thao tác lập luận nào trong bài viết? + Để bài viết thuyết phục, để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận, em sẽ	II. Thực hành Đề bài: Hãy viết bài văn phân tích đặc điểm của nhân vật thầy Duy-sen trong văn bản <i>Người thầy đầu tiên</i>. 1. Bước 1: Chuẩn bị a. Đọc kĩ đề bài, xác định yêu cầu của đề bài: - Dạng bài: nghị luận phân tích đặc điểm một nhân vật trong tác phẩm truyện. - Về nội dung: Đặc điểm của nhân vật thầy Duy-sen trong văn bản <i>Người thầy đầu tiên</i>. - Về thao tác lập luận: Sử dụng tổng hợp các thao tác lập luận để triển khai vấn đề nghị luận - Về phạm vi dẫn chứng: Sử dụng dẫn chứng về nhân vật trong văn bản truyện. b. Mục đích bài viết, đối tượng người đọc - Mục đích bài viết: thuyết phục người đọc đồng tình ý kiến của em về nhân vật thầy Duy-sen trong văn bản <i>Người thầy đầu tiên</i>. - Đối tượng người đọc: Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến văn bản <i>Người thầy đầu tiên</i> và nhân vật thầy Duy-sen. 2. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý a. Tìm ý Phiếu tìm ý: Tìm hiểu đặc điểm nhân vật thầy Duy-sen trong “Người thầy đầu tiên”

lấy những dẫn chứng ở đâu? - Mục đích bài viết và đối tượng người đọc mà em hướng tới là những ai? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ. + HS dự kiến sản phẩm + GV quan sát Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận: + HS trình bày sản phẩm. Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. 2: Hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý: + HS điền vào Phiếu tìm ý theo mẫu. + HS lập dàn ý cho bài văn theo bố cục 3 phần: MB – TB – KB Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS làm việc cá nhân để hoàn thành Phiếu	Cách miêu tả nhân vật Ngoại hình Hành động	Chi tiết trong tác phẩm Hình ảnh thầy Duy-sen trong kí ức của An-tư-nai: đi chân không đứng giữa dòng suối đá, hai tay để sau gáy và đôi mắt sáng long lanh đăm đăm nhìn theo những đám mây trắng xa tít... - Một mình sửa sang nhà kho cũ thành lớp học, tự tay thầy đắp lò sưởi, dự trữ củi đốt, đi cắt rạ khô lót nền nhà,.. - Thầy bế các em nhỏ qua suối giữa mùa đông buốt giá; - Không để ý đến những lời lăng mạ, chế giễu của bọn nhà giàu; kể những câu chuyện vui để học trò quên đi mọi sự. - Cuối buổi học, thầy ở lại lấy đá và đất đắp những ụ nhỏ trên lòng suối để các em nhỏ bước qua không bị ướt chân. - Lo lắng, chăm sóc ân cần cho An-tư-nai khi cô bé bị chuột rút ở giữa suối. - Kiên trì dạy chữ cho các em bất chấp hoàn cảnh thiếu thốn, khắc nghiệt, sự đơn độc;	Suy luận của em về nhân vật Người thầy giáo hết lòng vì học sinh. Những hành động của thầy Duy-sen vô cùng ấm áp; thầy lo lắng, quan tâm đến học trò như người thân trong gia đình.

tìm ý, sau đó trao đổi cặp đôi để góp ý cho nhau. Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận: + HS trình bày sản phẩm. + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn. Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.		- Thầy mơ ước về tương lai tươi sáng cho học trò.	
	Ngôn ngữ	- Thầy Duy-sen trò chuyện, thuyết phục các em nhỏ đi học: + “ <i>Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì? ... Thế nào, các em thích học không, các em sẽ đi học chứ?</i> ” + “ <i>Các em cứ gọi thầy là thầy. Các em có muốn xem trường không? Vào đây, đừng ngại gì cả.</i> ” - Động viên, khích lệ An-tư-nai: “<i>Dòng suối trong trẻo của thầy, em thông minh lắm... Ôi, ước gì thầy được gửi em ra thành phố lớn. Em sẽ còn khá hơn biết chừng nào</i>”.	Lời nói của thầy Duy-sen gần gũi, ân cần, đầy yêu thương.
	Nội tâm		
	Mối quan hệ với các nhân vật khác	- Với bọn nhà giàu: thầy phớt lờ lời nói, hành động và thái độ coi thường, chế giễu của bọn chúng. - Với học trò: Thầy coi học trò như người thân trong gia đình. - An-tư-nai vô cùng yêu quý và kính trọng thầy Duy-sen, mong muốn thầy là anh trai của mình.	Thầy Duy-sen đặt mục tiêu giáo dục học trò lên trên hết.

		- Thầy Duy-sen hiểu và để tâm cả những hành động nhỏ bé của An-tư-nai (trút lại ki-giắc ở trường)	
	Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp nhân vật	- “<i>Chắc hẳn tất cả đám học sinh chúng tôi đều nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩa tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai chúng tôi.</i>” - “<i>Lúc bấy giờ cuộn tròn trong chiếc áo choàng của thầy Duy-sen, tôi thầm nghĩ: “Ước gì thầy là anh ruột của tôi. Ước gì tôi được bá cổ thầy, nhắm nghiền mắt lại và thử thi với thầy những lời đẹp đẽ nhất! Trời ơi, ước gì thầy Duy-sen là anh ruột tôi!”</i>”	Thầy Duy-sen được người kể chuyện giới thiệu là một người có tấm lòng nhân từ và ý nghĩ tốt lành.
b. Lập dàn ý - Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo một trình tự nhất định theo ba phần lớn của bài văn, gồm: * Mở bài: Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật; nêu khái quát ấn tượng về nhân vật. Tình cảm thầy trò luôn là một tình cảm cao đẹp, thiêng liêng, được bao ánh thơ văn ngợi ca. Có những người thầy đã hết lòng vì học sinh thân yêu, đem lại ánh sáng, thay đổi cuộc đời cho bao học trò. Đến với những trang văn của nhà văn người Cư-rơ-gư-dơ-xtan, Ai-tơ-ma-tốp qua truyện vừa “Người thầy đầu tiên”, người đọc đặc biệt ấn tượng với hình tượng thầy Duy-sen –			

	một người thầy giáo đáng kính, hết lòng vì học sinh thân yêu. * Thân bài: Phân tích đặc điểm của nhân vật: Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài: *Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật thầy Duy-sen dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm: Nhân vật thầy Duy-sen hiện lên qua lời kể, qua cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật An-tư-nai – nhân vật “tôi”, người kể chuyện. Ngôi kể thứ nhất giúp miêu tả tính cách của nhân vật thầy Duy-sen qua cảm nhận của nhân vật khác, vừa thể hiện được tình cảm của nhân vật An-tư-nai với người thầy đầu tiên của mình. + Ngoại hình: Hình ảnh thầy Duy-sen trong kí ức của An-tư-nai: đi chân không đứng giữa dòng suối đá, hai tay để sau gáy và đôi mắt sáng long lanh đắm đắm nhìn theo những đám mây trắng xa tít... + Ngôn ngữ: - Thầy Duy-sen trò chuyện, thuyết phục các em nhỏ đi học: + “<i>Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì? ... Thế nào, các em thích học không, các em sẽ đi học chứ?</i>” + “<i>Các em cứ gọi thầy là thầy. Các em có muốn xem trường không? Vào đây, đừng ngại gì cả.</i>” - Động viên, khích lệ An-tư-nai: “<i>Dòng suối trong trẻo của thầy, em thông minh lắm... Ôi, ước gì thầy được gửi em ra thành phố lớn. Em sẽ còn khá hơn biết chừng nào</i>”. => Lời nói của thầy Duy-sen gần gũi, ân cần, đầy yêu thương. + Hành động: - Một mình sửa sang nhà kho cũ thành lớp học, tự tay thầy đắp lò sưởi, dự trữ củi đốt, đi cắt rạ khô lót nền nhà,.. - Thầy bế các em nhỏ qua suối giữa mùa đông buốt giá;

- Không để ý đến những lời lăng mạ, chế giễu của bọn nhà giàu; kể những câu chuyện vui để học trò quên đi mọi sự.
 - Cuối buổi học, thầy ở lại lấy đá và đất đắp những ụ nhỏ trên lòng suối để các em nhỏ bước qua không bị ướt chân.
 - Lo lắng, chăm sóc ân cần cho An-tư-nai khi cô bé bị chuột rút ở giữa suối.
 - Kiên trì dạy chữ cho các em bất chấp hoàn cảnh thiếu thốn, khắc nghiệt, sự đơn độc;
 - Thầy mơ ước về tương lai tươi sáng cho học trò.
- => Những hành động của thầy Duy-sen vô cùng ám áp; thầy lo lắng, quan tâm đến học trò như người thân trong gia đình.

+ Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp nhân vật:

- Đám học trò đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩa tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai học trò.
- Học trò bất chấp khó khăn, khắc nghiệt (*phải đi xa, leo đồi lội suối, bặt hơi vì gió rét, chân ngập trong những cồn tuyết*) để tự nguyện đến lớp học nghe thầy giảng bài.
- Nhân vật “tôi” mong ước: “*Ước gì thầy là anh ruột của tôi.*”

+ Mối quan hệ với các nhân vật khác:

- Với bọn nhà giàu: thầy phớt lờ lời nói, hành động và thái độ coi thường, chế giễu của chúng.
- Với học trò: Thầy coi học trò như người thân trong gia đình.
- Với An-tư-nai: Thầy Duy-sen hiểu và để tâm cả những hành động nhỏ bé của An-tư-nai (trút lại ki-giắc ở trường); An-tư-nai vô cùng yêu quý và kính trọng thầy Duy-sen, mong muốn thầy là anh trai của mình.

*Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn:

- Nhân vật thầy giáo Duy-sen hiện lên qua hành động, cử chỉ, lời nói (đối thoại); được thể hiện qua cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật khác (An-tư-nai).

	- Kết cấu truyện truyện lồng truyện; ngôn ngữ truyện giàu hình ảnh, đậm chất thơ. *Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật: - Thầy Duy-sen là người có mục đích sống cao đẹp, cương nghị, kiên nhẫn, nhân hậu, vị tha,... trong đó, nổi bật nhất là tình cảm yêu thương, hết lòng vì học trò. - Hình tượng thầy Duy-sen là hình mẫu về người thầy mẫu mực, hết lòng yêu thương học trò, lấy tình yêu thương để cảm hoá học trò. Ngợi ca vẻ đẹp của hình tượng thầy Duy-sen cùng tình cảm thầy trò cao đẹp giữa thầy Duy-sen và cô bé An-tư-nai, nhà văn đã làm nảy nở trong lòng người đọc niềm trân trọng những người thầy và bồi đắp trong mỗi chúng ta vươn tới lối sống nhân hậu, vị tha, yêu thương mọi người. * Kết bài: Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật.
3: Hướng dẫn HS viết bài. Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý để viết thành bài hoàn chỉnh. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS viết bài theo dàn ý đã lập. + GV quan sát Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận: + HS trình bày sản phẩm. + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn. Bước 4: Đánh giá, kết luận:	3. Bước 3: Viết. - Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kỹ năng viết. - Chú ý: + Bài viết đủ 3 phần: + Các luận điểm trong phần thân bài phải làm rõ cho vấn đề nêu ở đề bài. + Cần nhìn nhận, phân tích nhân vật từ nhiều góc độ, trong một chỉnh thể trọn vẹn để có những nhận xét, đánh giá toàn diện, thuyết phục. + Các dẫn chứng phải đúng, tiêu biểu và phong phú. + Lập luận chặt chẽ, lời văn trong sáng, thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với vấn đề nghị luận.

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn. * Em Duy viết bài văn theo cách hiểu của mình.	
4: Hướng dẫn HS kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc lại bài văn đã viết. - Kiểm tra và chỉnh sửa theo Phiếu chỉnh sửa bài viết Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận: - HS báo cáo rút kinh nghiệm sau khi đã kiểm tra lại. Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ: Chuẩn kiến thức về yêu cầu đối với văn bản nghị luận phân tích đặc điểm của nhân vật	4. Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện. - Đọc kĩ bài viết của mình và đối chiếu với các yêu cầu đã nêu ở các bước để kiểm tra và chỉnh sửa theo Phiếu chỉnh sửa bài viết - HS có thể trao đổi bài để trong bàn chấm và chữa cho nhau.

trong một tác phẩm văn học. * Duy lắng nghe bạn trình bày bài văn và sửa bài viết của mình.	

Phiếu chỉnh sửa bài viết

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa	Phần chỉnh sửa
Giới thiệu nhân vật trong TPVH.	Nếu chưa giới thiệu được nhân vật, hãy viết một vài câu giới thiệu nhân vật sẽ phân tích.	
Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.	- Gạch dưới những nhận xét, đánh giá của em về nhân vật. Nếu chưa đầy đủ thì bổ sung. - Vẽ đường lượn dưới các bằng chứng được trích dẫn trong bài viết. Nếu chưa hãy bổ sung.	
Nhận xét nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.	Đánh dấu những câu văn nhận xét, đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật. Nếu chưa có hoặc chưa đủ thì viết thêm.	
Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.	Đánh dấu các câu văn nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật. Nếu chưa có, hãy viết thêm một vài câu nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật.	
Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt (dùng từ, đặt câu, liên kết câu, liên kết đoạn,...). Chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi.	

Hướng dẫn tự học

- Hoàn thiện bài viết theo yêu cầu.
- Chuẩn bị nội dung nói và nghe: **Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học).**

***Chọn một trong các đề tài sau để chuẩn bị bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gọi ra từ một nhân vật văn học):**

- Các vấn đề được gọi ra từ nhân vật mèo Gióc-bà (*Chuyện con mèo dạy hải âu bay*): sự trân trọng lời hứa; sức mạnh kì diệu của tình yêu thương; niềm tin vào cuộc sống; vẻ đẹp của lòng dũng cảm; tôn trọng sự khác biệt,...

- Các vấn đề được gọi ra từ nhân vật Mên, Mon (*Bầy chim chìa vôi*); An, Cò (*Đi lấy mật*); nhân vật “tôi” và người cha (*Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*),...: Tình yêu thiên nhiên, trân trọng sự sống, tình yêu thương loài vật,...

* HS hoàn thành cá nhân ở nhà, GV sẽ kiểm tra đầu tiết nói và nghe.

HẾT.

Ngày soạn: 6/11/20223

Ngày dạy: 14,15,16,17/11/2023

TUẦN 11- BÀI 3- (TT)- CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG

Tiết 42 : NÓI VÀ NGHE

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG
(ĐƯỢC GỌI RA TỪ MỘT NHÂN VẬT VĂN HỌC)**

I. Mục tiêu:

- HS trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống (được gọi ra từ một nhân vật văn học).
- HS biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.
- Có khả năng nắm bắt được thông tin bài nói của các bạn, có thể đưa ra nhận xét, góp ý cho bạn.
- HS tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.
- Tự tin thể hiện ý kiến của bản thân.
- Biết lắng nghe.

*** Em Duy lắng nghe các bạn trình bày bài nói và nhận xét theo cách hiểu của em. Tự tin thể hiện ý kiến của bản thân.**

II. Thiết bị và học liệu

1. Thiết bị: Máy chiếu, Phiếu học tập, rubric đánh giá,...

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo,....

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

- a. **Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học
- b. **Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học
- d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Tiết trước em đã viết bài viết phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học:

- + Em đã viết về nhân vật yêu thích nào? Nhân vật đó có những đặc điểm nổi bật nào?
- + Nhân vật đó gửi gắm đến em tình cảm, suy ngẫm gì về cuộc sống?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- GV gọi 1 số HS lên chia sẻ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi HS nhận xét về cử chỉ, giọng điệu, nội dung,... phần thuyết trình của bạn. khác.

Bước 4: Kết luận, nhận định.

GV nhận xét câu trả lời của HS và dẫn dắt vào nội dung tiết học:

Nhân vật trong tác phẩm văn học rất phong phú, đa dạng (con người, loài vật, đồ vật, cây cối,...) đều được nhà văn sáng tạo để gửi gắm tình cảm và suy ngẫm về cuộc sống, qua đó tác động tới tình cảm và nhận thức của người đọc. Tiết học hôm nay, chúng ta cùng rèn kỹ năng nói và nghe qua việc trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học).

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới và thực hành

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu các bước thực hiện bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học)

- a. **Mục tiêu:** HS hiểu các yêu cầu chung của bài nói nghe trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học).
- b. **Nội dung:** HS xác định được nội dung của tiết học nói và nghe.
- c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ: Bước 1: GV giao nhiệm vụ: ? Nêu các bước để thực hiện bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gọi ra từ một nhân vật văn học). Ở mỗi bước, em cần lưu ý những gì? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK) Bước 3: Báo cáo, thảo luận + Đại diện một số cặp đôi phát biểu. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	I. Tìm hiểu chung các bước thực hiện bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gọi ra từ một nhân vật văn học) 1. Trước khi nói a. Chuẩn bị nội dung nói - Lựa chọn vấn đề đời sống có ý nghĩa được gọi ra từ một nhân vật trong tác phẩm mà em đã đọc. (Vấn đề đời sống có thể được thể hiện qua những chi tiết cụ thể như một câu nói, một hành vi ứng xử, một suy nghĩ của nhân vật trong truyện). - Thu thập tư liệu cho nội dung trình bày: + Tìm ý tưởng cho bài trình bày từ chính những chi tiết trong văn bản truyện được chọn. + Tìm thêm thông tin liên quan đến vấn đề đời sống em muốn trình bày từ sách báo hoặc các phương tiện nghe nhìn để có được cái nhìn toàn diện hơn về đề tài muốn trao đổi. - Lập đề cương cho bài nói. Ghi ra giấy một số ý quan trọng không thể bỏ qua khi trình bày như: vấn đề đời sống được gọi ra từ một nhân vật văn học, ý kiến của em về vấn đề đó, bài học rút ra từ vấn đề bàn luận. b. Tập luyện - Để có bài nói tốt, em cần tập luyện trước khi trình bày trước lớp. + Tập nói một mình để nắm chắc nội dung trình bày; nhờ người nghe góp ý.

	+ Quản lí thời gian khi nói để đảm bảo thời gian khi trình bày chính thức. - Cần nắm rõ các tiêu chí đánh giá bài nói.				
	2. Trình bày bài nói				
	- Với tư cách người nói, em cần lưu ý: + Lần lượt trình bày các ý theo nội dung đã chuẩn bị. + Nhấn mạnh riêng ý kiến của mình về vấn đề đời sống. + Điều chỉnh giọng nói, tốc độ nói; sử dụng cử chỉ, điệu bộ phù hợp với nội dung trình bày và thể hiện sự tương tác với người nghe. - Với tư cách người nghe, em cần lưu ý: + Tập trung lắng nghe để nắm được nội dung trình bày của bạn. + Chú ý cách trình bày và thái độ của người nói. + Ghi lại một số nội dung dự kiến sẽ thảo luận với người nói.				
	3. Sau khi nói				
	Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý:				
	<table><tr><th>Người nghe</th><th>Người nói</th></tr><tr><td> Kiểm tra lại các thông tin đã nghe được, trao đổi với người nói trên tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi bằng cách: - Đặt câu hỏi để thu thập thông tin về vấn đề thảo luận. - Đưa ra lí do thể hiện sự đồng tình hay không </td><td> Lắng nghe, phản hồi ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị: - Trả lời câu hỏi, bổ sung thông tin cho những nội dung mà người nghe chưa rõ. - Bổ sung lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng. </td></tr></table>	Người nghe	Người nói	Kiểm tra lại các thông tin đã nghe được, trao đổi với người nói trên tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi bằng cách: - Đặt câu hỏi để thu thập thông tin về vấn đề thảo luận. - Đưa ra lí do thể hiện sự đồng tình hay không	Lắng nghe, phản hồi ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị: - Trả lời câu hỏi, bổ sung thông tin cho những nội dung mà người nghe chưa rõ. - Bổ sung lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng.
Người nghe	Người nói				
Kiểm tra lại các thông tin đã nghe được, trao đổi với người nói trên tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi bằng cách: - Đặt câu hỏi để thu thập thông tin về vấn đề thảo luận. - Đưa ra lí do thể hiện sự đồng tình hay không	Lắng nghe, phản hồi ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị: - Trả lời câu hỏi, bổ sung thông tin cho những nội dung mà người nghe chưa rõ. - Bổ sung lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng.				

	đồng tình với ý kiến của người nói. - Nhận xét về lí lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng.	- Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng.	

Hoạt động 2.2: Thực hành nói và nghe

Đề bài: Qua nhân vật nhân vật “tôi” và người cha trong văn bản *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Nguyễn Ngọc Thuần), em hãy trình bày ý kiến về lối sống hoà hợp với thiên nhiên của con người.

***GV hướng dẫn HS tìm hiểu các bước của thực hành nói và nghe trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học):**

TRƯỚC KHI NÓI a. Mục tiêu: HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp. b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong. c. Sản phẩm: Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS. d. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: ? Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau: - Bài nói nhằm mục đích gì? - Người nghe là ai? - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói? - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút? - Em dự định lựa chọn hình thức trình bày nào?	II. Thực hành Bước 1. Chuẩn bị - Vấn đề thuyết trình: suy nghĩ về lối sống hoà hợp với thiên nhiên của con người (qua nhân vật “tôi” và nhân vật người cha trong văn bản <i>Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ</i> - Nguyễn Ngọc Thuần) - Mục đích: Bàn luận, bày tỏ ý kiến về lối sống hoà hợp với thiên nhiên của con người, từ đó thuyết phục người nghe về ý kiến của bản thân. - Người nghe: cô (thầy) giáo và các bạn trong lớp. - Không gian: lớp học - Thời gian: khoảng 3- 5 phút

? Hãy tìm ý và lập dàn ý cho bài nói

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý cho bài thuyết trình về một vấn đề xã hội.
- Sau khi lập dàn ý xong, HS có thể tập thuyết trình trước bằng cách:
 - + Đứng trước gương để tập thuyết trình.
 - Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt.... cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói.
 - Em có thể nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau.
 - + Tập trình bày bài nói cho bạn bên cạnh nghe, góp ý lẫn nhau.

Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.

*** Duy viết nội dung hướng dẫn làm bài vào vở.**

- Hình thức thuyết trình: lời nói kết hợp với trình chiếu slide, kết hợp hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu thống kê,.. để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.

- Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,... cho phù hợp với nội dung thuyết trình.

Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý

B1: Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi:

- Nhân vật “tôi” và nhân vật người cha trong văn bản *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* - Nguyễn Ngọc Thuần đã gợi ra vấn đề về lối sống hoà hợp với thiên nhiên của con người như thế nào?

+ Lối sống hoà hợp với thiên nhiên của con người là gì? Tại sao cần phải sống hoà hợp với thiên nhiên?

Có thể lấy bằng chứng từ chính trải nghiệm của mình hoặc từ sách báo, internet về lối sống hoà hợp với thiên nhiên của con người.

- Bài học em rút ra từ lối sống hoà hợp với thiên nhiên của 2 nhân vật cha con trong văn bản *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* - Nguyễn Ngọc Thuần là gì?

B2: Lập dàn ý cho bài nói:

* **Mở đầu:** Giới thiệu vấn đề thuyết trình: về lối sống hoà hợp với thiên nhiên của con người được gợi ra qua nhân vật “tôi” và nhân vật người cha trong văn bản *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* - Nguyễn Ngọc Thuần.

Ví dụ: Đọc văn bản *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Nguyễn Ngọc Thuần), người đọc vô cùng ấn tượng trước tình cảm yêu thương giữa nhân vật “tôi” và cha của mình. Bài học lớn mà người cha đã dạy cho nhân vật “tôi” để lại nhiều suy ngẫm

cho người đọc là lối sống hoà hợp với thiên nhiên.

* **Nội dung chính:** Thuyết trình tuần tự nội dung bài nói một cách hợp lí:

- Nhân vật “tôi” và người cha trong văn bản *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Nguyễn Ngọc Thuần) đã gợi ra vấn đề về lối sống hoà hợp với thiên nhiên của con người như thế nào?

(Người cha đã thể hiện tình yêu thương với đứa con thông qua những bài học sâu sắc từ cuộc sống. Qua những trò chơi đầy lí thú, hấp dẫn, người cha đã dạy con biết yêu thương, lắng nghe và thấu hiểu từ thiên nhiên, biết trân trọng mọi thứ xung quanh mình. Nhân vật “tôi” đã có sự thay đổi trong cách cảm nhận thế giới tự nhiên xung quanh: từ không thể đoán được tên loài hoa để nhắm mắt, sờ mà đoán đúng tên các loài hoa, để rồi nhắm mắt, ngửi mùi hoa cũng có thể đoán đúng tên. Nhân vật “tôi” hiểu được việc cảm nhận khu vườn không chỉ bằng mắt, mà còn bằng tai, bằng mũi, bằng cảm xúc, bằng trí tưởng tượng, bằng cả tâm hồn để cảm nhận đầy đủ thế giới tự nhiên quanh mình.)

- Lối sống hoà hợp với thiên nhiên của con người là gì?

Lối sống hoà hợp với thiên nhiên là sự gắn bó, rung động trước cảnh đẹp của thiên nhiên; biết yêu quý, giữ gìn và bảo vệ thiên nhiên.

- Tại sao cần phải sống hoà hợp với thiên nhiên?

+ Con người và thiên nhiên có mối quan hệ không thể tách rời: Con người không thể sống tách mình ra khỏi thiên nhiên. Thiên nhiên luôn có mặt trong đời sống

	con người. Mọi nguồn sống của con người đều lấy từ thiên nhiên. + Sống hoà hợp với thiên nhiên đem lại bao lợi ích cho cuộc sống con người: + Thiên nhiên giúp tâm hồn sáng khoái, tự do và thư giãn giải trí, nâng cao sức khoẻ và chất lượng cuộc sống. + Thiên nhiên bảo vệ và gắn bó với đời sống con người: Thiên nhiên phân phối cho con người những thứ thiết yếu cho đời sống, phân phối nhu yếu cho con người. Thiên nhiên chính là môi trường sống của con người. + Yêu thiên nhiên và sống hòa hợp với thiên nhiên giúp ta có ý thức bảo vệ thiên nhiên và tránh làm tổn hại đến nó. Tình yêu thiên nhiên giúp ta có sức mạnh chống lại mọi âm mưu và hành động hủy hoại thiên nhiên. Bảo vệ thiên nhiên chính là bảo vệ sự sống trên trái đất, bảo vệ sự sống của chính mỗi chúng ta. - Mở rộng vấn đề: phê phán những hành vi hờ hững, thờ ơ tắc trách, hủy hoại thiên nhiên. + Phê phán những kẻ vì lợi ích cá nhân mà hủy hoại thiên nhiên (chặt phá rừng bừa bãi, xả rác, chất thải ra môi trường tự nhiên, săn bắn động vật hoang dã,...). Những hành động này trực tiếp tác động đến môi trường sống chung của loài người. + Hay có những người tâm hồn khô cằn, không cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên quanh mình. Cuộc sống những người này thật vô vị, tẻ nhạt; họ không nhận ra giá trị to lớn của thiên nhiên. - Bài học em rút ra từ lối sống hoà hợp với thiên nhiên của 2 nhân vật cha con trong văn bản <i>Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ</i>

	(Nguyễn Ngọc Thuận) là gì?: Mỗi người có nghĩa vụ và trách nhiệm bảo vệ và dành cho thiên nhiên một tình yêu lớn . + Phải yêu quý và tôn trọng những gì thuộc về thiên nhiên. Biết thương mến từ cái cây, ngọn cỏ, dòng sông, ngọn núi. Tâm hồn biết phát hiện và chiêm ngưỡng và thưởng thức cái đẹp của thiên nhiên . + Trong cuộc sống hàng ngày, phải sống thân mật, hoà hợp với thiên nhiên. Hãy đưa thiên nhiên đến gần với đời sống của mình. + Phải biết bảo vệ thiên nhiên. Kiên quyết và kịp thời phê phán, chống lại mọi hành vi tàn phá thiên nhiên. Thực hiện những hành động trong thực tiễn: Trồng cây gây rừng, vứt rác đúng nơi quy định, tiết kiệm nguồn nước sạch; hạn chế xả rác ra môi trường tự nhiên; bảo vệ những loài động thực vật tiềm ẩn nguy cơ tuyệt chủng. - Kết thúc: Khẳng định lại vấn đề và bày tỏ mong muốn nhận được sự chia sẻ từ người nghe. + Yêu mến thiên nhiên và sống hòa hợp với thiên nhiên là lối sống đáng được tôn vinh, trân trọng. Thiên nhiên là ngôi nhà chung của con người. Bởi thế, bảo vệ thiên nhiên là nghĩa vụ và trách nhiệm của toàn bộ tất cả chúng ta. + Cảm ơn thầy (cô) và các bạn đã lắng nghe. Mong nhận được những góp ý và những chia sẻ từ các bạn.
TRÌNH BÀY BÀI NÓI a. Mục tiêu: Biết cách, tự tin trình bày sản phẩm thuyết trình trước tập thể lớp. b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã lập dàn ý xong. c. Sản phẩm: Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS. d. Tổ chức thực hiện.	

Bảng kiểm đánh giá bài nói theo tiêu chí			
Người thuyết trình:..... Người nhận xét:.....			
TIÊU CHÍ	Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)
1. Nội dung bài nói đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục (Giới thiệu được vấn đề; thể hiện ý kiến của người nói về vấn đề; đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục)	Nội dung sơ sài, chưa có nhiều lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ vấn đề cho người nghe hiểu.	Có đủ lí lẽ và bằng chứng để người nghe hiểu được vấn đề.	Nội dung đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục, có quan điểm, suy nghĩ mới mẻ.
2. Phong thái tự tin	Không tự tin, rụt rè.	Đã mạnh dạn trình bày bài nói nhưng cử chỉ, lời nói chưa được tự nhiên, thiếu tương tác với người nghe.	Tương tác, giao lưu tốt với người nghe.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm	Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần.	Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng
4. Sử dụng các phương tiện hỗ trợ: yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..)	Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm	Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù	Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động.

	kết hợp hình ảnh, sơ đồ minh hoạ,...phù hợp	hoặc biểu cảm không phù hợp.	hợp với nội dung câu chuyện.	
	5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói ấn tượng.
	Tổng:/10 điểm			
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt phần thuyết trình của các HS trong lớp (khoảng 3 HS hoặc nhóm HS) và ý kiến nhận xét của các bạn khác. Một số HS trình bày bài thuyết trình trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn (mẫu phía trên) - HS tiếp nhận nhiệm vụ.		Bước 3: Thực hành nói và nghe *Thuyết trình: Suy nghĩ về vấn đề lối sống hoà hợp với thiên nhiên của con người (qua nhân vật “tôi” và nhân vật người cha trong văn bản <i>Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ</i> - Nguyễn Ngọc Thuần) *Yêu cầu chung: - Người nói: + Trình bày bài thuyết trình theo dàn ý đã chuẩn bị. + Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp; tránh đọc bài viết đã chuẩn bị sẵn; sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ đi kèm (điều bộ, cử chỉ, ánh mắt; hình ảnh, sơ đồ minh hoạ,...); đảm bảo thời gian quy định. + Đảm bảo sự thống nhất giữa nội dung với hình thức; các phương tiện hỗ trợ thuyết trình phù hợp. Chú ý cách diễn đạt tạo sự hấp dẫn về vấn đề thảo luận,... + Trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có) - Người nghe: + Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài thuyết trình, những nội dung cần trao đổi thêm. +Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.		
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. * Duy lắng nghe các bạn trình bày và nhận xét theo khả năng của mình.				

	+ Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan niệm cá nhân về nội dung của bài thuyết trình.															
TRAO ĐỔI, THẢO LUẬN LỚP VỀ BÀI NÓI a. Mục tiêu: HS được rèn kĩ năng đánh giá bài nói, kĩ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi thực hiện bài nói thuyết trình trước tập thể b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi. c. Sản phẩm: Phiếu đánh giá bài nói . d. Tổ chức thực hiện.																
* Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài thuyết trình trước lớp của bạn. - HS cả lớp tự đánh giá kĩ năng nói và kĩ năng nghe của bản thân dựa theo bảng gợi ý SGK. * Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công * Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận * Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.	III. Đánh giá, thảo luận * Bảng kiểm đánh giá bài nói của bạn theo tiêu chí. *Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói của bản thân: <table><tr><td>Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nói</td><td>Đạt/ chưa đạt</td></tr><tr><td colspan="2">- Rút kinh nghiệm về bài thuyết trình:</td></tr><tr><td>+ Đã thuyết trình đầy đủ các nội dung chuẩn bị trong dàn ý chưa?</td><td></td></tr><tr><td>+ Cách thức thuyết trình, phong thái, giọng điệu, ngôn ngữ... có phù hợp không?</td><td></td></tr><tr><td>+ Các phương tiện hỗ trợ có hiệu quả như thế nào?</td><td></td></tr><tr><td colspan="2">- Đánh giá chung:</td></tr><tr><td>+ Điều em hài lòng về bài thuyết trình của mình là gì?</td><td></td></tr></table>		Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nói	Đạt/ chưa đạt	- Rút kinh nghiệm về bài thuyết trình:		+ Đã thuyết trình đầy đủ các nội dung chuẩn bị trong dàn ý chưa?		+ Cách thức thuyết trình, phong thái, giọng điệu, ngôn ngữ... có phù hợp không?		+ Các phương tiện hỗ trợ có hiệu quả như thế nào?		- Đánh giá chung:		+ Điều em hài lòng về bài thuyết trình của mình là gì?	
	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nói	Đạt/ chưa đạt														
	- Rút kinh nghiệm về bài thuyết trình:															
	+ Đã thuyết trình đầy đủ các nội dung chuẩn bị trong dàn ý chưa?															
	+ Cách thức thuyết trình, phong thái, giọng điệu, ngôn ngữ... có phù hợp không?															
	+ Các phương tiện hỗ trợ có hiệu quả như thế nào?															
	- Đánh giá chung:															
	+ Điều em hài lòng về bài thuyết trình của mình là gì?															

	+ Điều gì em mong muốn thay đổi trong bài thuyết trình đó?		
	* Bảng tự kiểm tra kỹ năng nghe:		
	Nội dung tự kiểm tra kỹ năng nghe		Đạt/ chưa đạt
	- Kiểm tra kết quả nghe:		
	+ Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	+ Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gọi ra từ một nhân vật văn học) của bạn?		
	- Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	+ Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	+ Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

TIẾT 43- ĐỌC MỞ RỘNG

1. Mục tiêu:

- HS chia sẻ với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB trong bài học 1, 2 và 3 (truyện và thơ bốn chữ, năm chữ). Qua việc chia sẻ kết quả đọc mở rộng, HS thể hiện khả năng vận dụng kiến thức, và kỹ năng được học để tự đọc những VB mới có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB đã học;

- HS nêu được nội dung chính và chủ đề của mỗi văn bản; biết phân tích đặc điểm của một nhân vật trong một truyện kể; chỉ ra được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể truyện trong một truyện kể; nêu được những đặc sắc về nghệ thuật trong một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

2. Nội dung: HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.

3. Sản phẩm: Câu trả lời, bài tập đã hoàn thiện của HS.

*** Không yêu cầu em Duy đọc mở rộng bài học.**

4. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 04 nhóm và yêu cầu: + Nhóm 1+2: Tìm đọc một số truyện viết về trải nghiệm tuổi thơ và những tình cảm nuôi dưỡng tâm hồn con người. + Nhóm 3+ 4: Tìm đọc một số bài thơ bốn chữ, năm chữ viết về tình yêu con người, thiên nhiên, đất nước. Mỗi nhóm chọn một VB theo thể loại được phân công, tiến hành đọc, trình bày nội dung và nghệ thuật của VB đó. - GV gợi ý: + Để hoàn thành tốt tiết học hôm nay, các em hãy đọc lại phần Tri thức ngữ văn trong các bài học trước để nắm vững về thể loại truyện và thơ (thơ bốn chữ và năm chữ) cũng như cách phân tích các đặc điểm nghệ thuật. + Đối với VB truyện, chú ý chỉ ra chủ đề và nội dung chính; phân tích chi tiết tiêu biểu, đặc điểm của nhân vật; tác dụng của ngôi kể,...	Nhóm 1: VB truyện - Người kể chuyện: tác dụng của việc thay đổi ngôi kể. - Nhân vật chính: + Đặc điểm của nhân vật (ngoại hình, hành động, cử chỉ, ngôn ngữ, nội tâm, mối quan hệ với các nhân vật khác). + Nghệ thuật xây dựng nhân vật + Ý nghĩa của hình tượng nhân vật - Nội dung chính và chủ đề của văn bản truyện. Nhóm 2: VB thơ (thơ bốn chữ hoặc năm chữ) - Số tiếng - Ngắt nhịp - gieo vần - Nhân vật trữ tình: cảm xúc - Hình ảnh: - Các biện pháp tu từ - Nội dung chính và chủ đề của bài thơ

+ Đối với văn bản thơ, chú ý chỉ ra chủ đề và nội dung chính của văn bản; phân tích số tiếng, số dòng, vần, nhịp và những nét độc đáo trong cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,... - HS tiếp nhận nhiệm vụ. * Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ * Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	

H. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa Ngữ văn 7, Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet

TIẾT 44: TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ I.

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Hiểu được những mặt ưu và nhược điểm của mình, từ đó biết cách sửa chữa các lỗi.
- Đánh giá theo yêu cầu của bài kiểm tra
- Rèn luyện kỹ năng chữa bài chéo nhau về các lỗi diễn đạt, lỗi chính tả.

Tự đánh giá bài của mình và bài của bạn.

- Hiểu được ưu, nhược điểm trong bài làm của mình, biết cách sửa chữa trong bài làm.
- củng cố kỹ năng viết bài văn trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống.

*** Em Duy chỉ làm đúng 4 câu trắc nghiệm là đã hoàn thành bài kiểm tra giữa kì 1.**

II. CHUẨN BỊ

1. **Giáo viên:** bài làm của Hs, hướng dẫn chấm bài kiểm tra giữa kì 1.

2. **Học sinh:** phiếu nhận xét.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. **Ôn định lớp.**

2. **Kiểm tra bài cũ:**

3. **Bài mới**

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

Mục tiêu : Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh. Định hướng phát triển năng lực giao tiếp

Phương pháp: Quan sát, vấn đáp, thuyết trình

Kỹ thuật: động não

Thời gian: 1'

Hoạt động của GV/HS	Dự kiến sản phẩm
<i>Điểm số đối với một bài làm là quan trọng vì nó thể hiện kết quả cụ thể, tổng hợp năng lực, kiến thức, kỹ năng của từng em. Song điều quan trọng hơn, đó là nhận thức, tự nhận thức ra các lỗi, ưu, nhược điểm về các mặt trong bài làm của mình và tìm cách sửa chữa nó. Tiết trả bài vì thế rất có ý nghĩa, các em cần....</i> - Học sinh lắng nghe và ghi tên bài.	

HOẠT ĐỘNG 2: ĐỊNH HƯỚNG LÀM BÀI.

* **Mục tiêu :**

- HS hiểu cách làm bài, các yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể.

- Định hướng phát triển năng lực phân tích, nhận xét, năng lực thành thạo khi làm bài văn theo đặc trưng thể loại...

* **Phương pháp:** Phân tích, vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm.

* **Kỹ thuật:** Động não, giao việc, XYZ

* **Thời gian:** 7 - 10'

Hoạt động GV/ HS	Dự kiến sản phẩm

Giáo viên cho học sinh đọc đề và phân tích đề HS đọc đề và phân tích đề	I. Tìm hiểu đề bài 1. Đề 2. Tìm hiểu đề
Giáo viên ghi đáp án HS thảo luận nhóm ghi bảng phụ. - Quan sát, đọc 1 lượt đáp án	II. Đáp án a. Nội dung: Đúng theo đáp án
GV đọc yêu cầu về hình thức HS đọc 1 lượt yêu cầu	b. Về hình thức trình bày: về bài viết - Bố cục 3 phần MB, TB và KB rõ ràng. - Phần thân bài mỗi sự việc tách ra thành 1 đoạn văn. - Tránh mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi về câu, lỗi diễn đạt. - Cấm viết tắt, viết bằng số - Chữ viết, trình bày sạch sẽ, rõ ràng.

HOẠT ĐỘNG 3: NHẬN XÉT BÀI LÀM CỦA HỌC SINH.

***Mục tiêu:** Học sinh hiểu những ưu điểm và hạn chế trong bài của bản thân và của người khác. Rèn kỹ năng tư duy phê phán

*** Thời gian:** 3- 5 phút.

*** Phương pháp:** Nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình.

***Kỹ thuật:** Động não.

HĐ của GV / Hs GV liệt kê 1 số lỗi về nội dung và hình thức.	IV. Nhận xét 1. Ưu điểm: Đảm bảo được những yêu cầu của đề bài.

	- Đúng phương thức biểu đạt, biểu cảm, nghị luận. - Nội dung : Đảm bảo bài viết nghị luận xã hội, phù hợp với chủ đề đặt ra. - Bố cục rõ ràng mạch lạc, nhiều đoạn diễn đạt mạch lạc, lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục,... - Bước đầu có một số bài viết đã biết sáng tạo trong cách viết, làm cho lời văn sinh động hấp dẫn. - Chữ viết trình bày đẹp * Khen bài của các HS sau: Xuân Ngọc, Bảo Ngọc, Thu Hiền, Hồng Nhung,... 2. Những tồn tại. a. Về nội dung : b. Về hình thức : - Câu sai ngữ pháp, thiếu CN hoặc thiếu cả chủ lẫn vị. - Diễn đạt lủng củng, tối nghĩa, câu quá dài, câu đứt quãng, thiếu mạch lạc: -Viết tắt, viết bằng số. (nhiều em) - Nhiều em chưa biết tách ý phần thân bài c. Về tác phong: - Thiếu tập trung trong làm bài, chưa hoàn thành bài viết.

HOẠT ĐỘNG 4: TÌM VÀ CHỮA LỖI.

*** Mục tiêu :**

- HS biết tìm và chữa lỗi trong bài làm của mình
- Định hướng phát triển năng lực phân tích, nhận xét, sửa chữa.

*** Phương pháp:** Phân tích, vấn đáp, thuyết trình

- * **Kỹ thuật:** Động não, hợp tác nhóm
- * **Thời gian:** 15- 17 phút.
- * **Phương pháp:** nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm.
- * **Kỹ thuật:** Động não, trực quan.

Hoạt động của GV/Hs	Dự kiến sản phẩm
HD - HS tìm và chữa lỗi. - GV ghi một số lỗi phổ biến của HS, HS nhận diện và chữa lỗi chung - GV sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn yêu cầu học sinh thống kê các lỗi trong bài làm của bản thân và của nhóm. - GV sửa chữa, bổ sung. HS tìm và chữa lỗi. - HS chữa chung + thảo luận nhóm bàn tìm và chữa lỗi. + Các nhóm trình bày và nhận xét chéo. - HS thống kê các lỗi trong bài làm của bản thân và của nhóm bằng kỹ thuật khăn trải bàn theo hướng dẫn của GV. - Học sinh quan sát.	III. Chữa lỗi.

HẾT.

Ngày soạn: 10/1/2024

Ngày dạy: 16, 17, 18, 19/1/2024

TUẦN 19- BÀI 6. BÀI HỌC CUỘC SỐNG

“Học ăn, học nói, học gói, học mở”
(Tục ngữ)

A. NỘI DUNG BÀI HỌC VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. NỘI DUNG BÀI HỌC

1. Đọc:

***Đọc - hiểu các văn bản:**

- VB1: *Đèo cày giữa đường* (Ngụ ngôn Việt Nam);
- VB2: *Ếch ngồi đáy giếng* (Trang Tử);
- VB3: *Con mối và con kiến* (Nam Hương);
- VB4: *Một số câu tục ngữ Việt Nam*;
- VB5: *Con hổ có nghĩa* (Vũ Trinh);
- VB thực hành đọc: *Thiên nga, cá măng và tôm hùm* (I-van Cru-lốp).

***Thực hành tiếng Việt:** Thành ngữ; biện pháp tu từ.

2. Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).

3. Nói và nghe: Kể lại một truyện ngụ ngôn.

4. củng cố, mở rộng.

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 12 tiết – KHGD

Đọc và thực hành tiếng Việt	8 tiết
Viết	3 tiết
Nói và nghe	1 tiết

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG BÀI HỌC

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề.
- Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ; vần.
- Hiểu được đặc điểm và chức năng của thành ngữ, đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá.
- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến của người viết; đưa ra lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.
- Biết kể lại một truyện ngụ ngôn: kể đúng cốt truyện gốc, có cách kể chuyện linh hoạt, hấp dẫn.

- Nhận biết tình cảm, cảm xúc của bản thân và hiểu được ảnh hưởng của tình cảm, cảm xúc đến hành vi, thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.
- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.
- Năng lực giao tiếp: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.
- Có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian hay của người xưa để rèn các đức tính: khiêm tốn, cẩn trọng, kiên trì, nhân nghĩa, có trách nhiệm.

* Em Duy - Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, nhân vật.

- Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ; vần.

- Có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian hay của người xưa để rèn các đức tính: khiêm tốn, cẩn trọng, kiên trì, nhân nghĩa, có trách nhiệm.

* Tích hợp giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Suu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.
- Thiết kế bài giảng điện tử.
- Phương tiện và học liệu:
 - + Các phương tiện: Máy vi tính, máy,...
 - + Học liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, video liên quan.
 - + Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

2. Học sinh

- Đọc phần Kiến thức Ngữ văn và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc - hiểu văn bản trong SGK; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.
- Đọc kĩ phần **Định hướng** trong nội dung Đọc, Viết, Nói và Nghe, và thực hành bài tập SGK.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

TUẦN 19-TIẾT 73&74

GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

* **BƯỚC 1:** GV nêu câu hỏi để khơi gợi HS chia sẻ hiểu biết qua trải nghiệm của bản thân:

1. Em hiểu thế nào là “học suốt đời”? Em có thể nêu một số cơ hội học tập mà con người có được trong cuộc sống không?

2. Đã bao giờ em thấy mình học được điều gì đó từ những chuyến đi, từ việc xem phim, đọc sách hoặc nghe kể chuyện hay chưa? Có thể xem đó là những bài học mà cuộc sống dạy cho em được không?

* **BƯỚC 2:** Em hiểu như thế nào về câu tục ngữ: “*Học ăn, học nói, học gói, học mở*”?

- HS suy nghĩ, trình bày, chia sẻ, trả lời câu hỏi;
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Như các em đều biết, tri thức của nhân loại thì vô cùng vô tận, đời người thì có hạn, vậy nên việc học của chúng ta không chỉ học những tri thức có ở nhà trường, mà còn cần không ngừng học hỏi những điều từ thế giới bao la rộng lớn và trong cuộc sống. Ở bài 6, các em sẽ được làm quen và tìm hiểu hai thể loại dân gian: truyện ngụ ngôn và tục ngữ, liên quan đến rất nhiều bài học bổ ích và ý nghĩa.*

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu giới thiệu bài học

- Mục tiêu:** Giúp HS xác định rõ mục đích, nội dung chủ đề và thể loại văn bản của bài học; khơi gợi hứng thú khám phá của HS.
- Nội dung:** HS chia sẻ suy nghĩ, hiểu biết về bài học.
- Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Giới thiệu bài học	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> (SGK/tr.4) và cho biết: 1. Hai đoạn văn trong lời giới thiệu cho ta biết điều gì? 2. Bài học “<i>Bài học cuộc sống</i>” gồm những văn bản đọc nào? 3. Các VB đọc chủ yếu thuộc thể loại chính nào? 4. Tại sao tục ngữ lại được xếp cùng với truyện ngụ ngôn? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời câu hỏi của GV. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học. - GV dẫn dắt giới thiệu vào phần khám phá tri thức ngữ văn của bài học.	*Chủ đề bài học: Việc học là suốt đời: chúng ta không chỉ học ở nhà trường, mà chúng ta còn học hỏi được nhiều điều được đúc kết từ cuộc sống. *Thể loại: truyện ngụ ngôn và tục ngữ. *VB đọc chính: Truyện ngụ ngôn - VB1: <i>Đẽo cày giữa đường</i> (Ngụ ngôn Việt Nam); - VB2: <i>Ếch ngồi đáy giếng</i> (Trang Tử); - VB3: <i>Con mồi và con kiến</i> (Nam Hương); *Văn bản đọc kết nối chủ đề: VB4: <i>Một số câu tục ngữ Việt Nam</i>; *Văn bản đọc mở rộng: VB5: <i>Con hổ có nghĩa</i> (Vũ Trinh) *VB thực hành đọc: <i>Thiên nga, cá măng và tôm hùm</i> (I-van Crư-lốp). -> Tục ngữ được xếp cùng với truyện ngụ ngôn vì đều viết về những kinh nghiệm, những bài học ứng xử đúc rút từ cuộc sống.

Hoạt động 2.2. Khám phá tri thức Ngữ văn

- Mục tiêu:** Nắm được những kiến thức cơ bản về thể loại truyện ngụ ngôn.

b. Nội dung: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về những đặc điểm của thể loại.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP 01

Tìm hiểu đặc điểm truyện ngụ ngôn	Trả lời
<i>Khái niệm:</i>	
<i>Hình thức:</i>	
<i>Nhân vật:</i>	
<i>Nội dung, ý nghĩa:</i>	
<i>Ngôn ngữ:</i>	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Khám phá tri thức ngữ văn	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ * GV yêu cầu HS theo dõi SGK tr.5, đọc thầm phần <i>Tri thức ngữ văn</i> và trình bày các thông tin đã chuẩn bị trong Phiếu học tập 01. * GV nêu câu hỏi: 1. Em hiểu nghĩa của từ "ngụ ngôn" là như thế nào? (Ngụ: Hàm chứa ý kín đáo; Ngôn: Lời nói -> "Ngụ ngôn" là lời nói có ngụ ý, gửi gắm lời nói kín đáo cho người nghe tự suy ra mà hiểu). 2. Dựa vào tri thức em vừa tìm hiểu, hãy chia sẻ những câu truyện ngụ ngôn mà em đã từng đọc hoặc nghe kể. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tái hiện lại kiến thức vào Phiếu HT, chia sẻ. - GV quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lên trình bày kết quả, chia sẻ hiểu biết bản thân. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét và chốt kiến thức.	1. Khái niệm: Truyện ngụ ngôn là hình thức tự sự cỡ nhỏ, trình bày những bài học đạo lí và kinh nghiệm sống, thường sử dụng lối diễn đạt ám chỉ, ngụ ý, bóng gió. 2. Đặc điểm: - Hình thức: Ngắn gọn, được viết bằng văn xuôi hoặc thơ. - Nhân vật: là con người hoặc con vật, đồ vật được nhân cách hoá, có đặc điểm như con người. - Nội dung: Thường nêu lên những tư tưởng, đạo lí hay bài học cuộc sống. - Ngôn ngữ: Giàu hình ảnh, có thể pha yếu tố hài hước.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức trong bài học, vận dụng để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi rung chuông vàng và làm việc cá nhân ở nhà để tự tìm hiểu các VB.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Rung chuông vàng”:

Bài tập 1: Chọn đáp án đúng

Câu 1. Dòng nào hiểu đúng nhất về truyện ngụ ngôn?

- A. Truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần, phản ánh đời sống con người.
- B. Truyện kể bằng văn xuôi, chứa nhiều yếu tố hoang đường, li kì, giống như truyện cổ tích.
- C. Truyện kể bằng văn xuôi, thơ, thông qua việc mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc chính con người để nói bóng gió chuyện con người.
- D. Truyện kể bằng văn xuôi, có ý nghĩa răn dạy con người những đạo lí của cuộc sống.

Câu 2. Truyện ngụ ngôn viết ra nhằm mục đích là:

- A. kể chuyện vui cười, hài hước.
- B. thể hiện tình cảm, cảm xúc.
- C. gửi gắm tư tưởng, bài học cuộc sống.
- D. truyền đạt kinh nghiệm lao động, sản xuất.

Câu 3. Đặc điểm nào sau đây thuộc về đặc điểm hình thức của truyện ngụ ngôn?

- A. Thường ngắn gọn, có vần, nhất là vần chân.
- B. Ngắn gọn, được viết bằng văn xuôi hoặc thơ.
- C. Được viết bằng văn xuôi hoặc thơ.
- D. Ngôn ngữ có vần điệu, hình ảnh mang tính ẩn dụ.

Câu 4. Nhân vật trong truyện ngụ ngôn thường là:

- A. Con người
- B. Con vật
- C. Đồ vật
- D. Cả ba đối tượng trên.

Câu 5. Nhờ được nhân cách hoá nên nhân vật trong nhiều truyện ngụ ngôn:

- A. vừa gần gũi với tâm hồn trẻ thơ, vừa giàu sức gợi liên tưởng, tưởng tượng đối với mọi độc giả.
- B. vừa gần gũi với tâm hồn trẻ thơ, vừa phản ánh chân thực cuộc sống muôn màu.
- C. vừa gần gũi với tâm hồn trẻ thơ, vừa giàu sức truyền cảm đối với mọi độc giả.
- D. vừa gần gũi với tâm hồn trẻ thơ, vừa tạo ra nhiều góc nhìn về cuộc sống xung quanh.

(*Gợi ý đáp án: 1C; 2C; 3B; 4D; 5A)

2. GV giao bài tập cho HS thực hiện ở nhà.

Bài tập 2: *Sưu tầm một số truyện ngụ ngôn đã đọc hoặc nghe, sau đó kể lại cho mọi người cùng nghe.*

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các đơn vị kiến thức và nhiệm vụ của bài học.
- Nghiên cứu các VB truyện ngụ ngôn trong SGK.

VĂN BẢN 1. ĐÈO CÂY GIỮA ĐƯỜNG (Truyện ngụ ngôn Việt Nam)

VĂN BẢN 2. ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG (Trang Tử)

VĂN BẢN 3. CON MÔI VÀ CON KIẾN (Nam Hương)

I. Mục tiêu

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, sự kiện, chủ đề;
- Nhận biết được thông điệp, bài học mà VB muốn gửi đến bạn đọc;
- Tự rút ra bài học, có thể mở rộng ra những bài học mới, liên hệ đến đời sống của bản thân và với các thành ngữ tương ứng.
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc theo dõi bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp.
- Bồi dưỡng khả năng nhận thức về các vấn đề của cuộc sống để trưởng thành.

*** Duy - Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, sự kiện, chủ đề;...**

*** Tích hợp giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Thông qua những truyện ngụ ngôn giáo dục cho học sinh hiểu những bài học đạo lý, kinh nghiệm sống cho bản thân...**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.
- Các hình ảnh, video liên quan

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Kết nối, tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
- Nội dung:** HS làm việc cá nhân, chia sẻ hiểu biết, trải nghiệm của bản thân.
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.
- Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV có thể kết hợp nhiều cách:

*** BƯỚC 1:** Khởi gợi vấn đề cho HS trình bày:

Kể một câu chuyện (em đọc được, nghe được hoặc tự mình trải qua) hoặc một sự việc em chứng kiến (tham gia) đã để lại cho em bài học sâu sắc. Bài học em rút ra từ câu chuyện hoặc sự việc đó là gì?

***Gợi ý trả lời:**

Những câu chuyện ngụ ngôn như: Con cáo và chùm nho; Chân-Tay-Tai-Mắt-Miệng; Ve sầu và kiến; Ếch ngồi đáy giếng; Thầy bói xem voi; Thỏ và rùa.

***BƯỚC 2:** GV cho HS xem video câu chuyện “Thầy bói xem voi” và nêu câu hỏi: Qua câu chuyện của các thầy bói, em rút ra bài học gì cho bản thân?



(<https://www.youtube.com/watch?v=xJHJLVEaCkQ>)

(Tắt video đến phút thứ 6 (đoạn rút ra bài học))

***Gợi ý đáp án:** Tránh cách nhìn nhận phiến diện trong việc đánh giá sự vật,...

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ cảm xúc, hiểu biết của mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ, trình bày cởi mở, thân thiện những suy nghĩ.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét thái độ làm việc, câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

***GV dẫn vào bài:** *Các em ạ, mỗi câu chuyện ngụ ngôn đều mang đến những thông điệp, bài học, những giá trị đạo đức vô cùng đáng quý, giúp ta có nhận thức đúng đắn và phát huy tư duy để trưởng thành. Mỗi câu chuyện trong bài học hôm nay sẽ mang đến cho chúng ta một nhận thức sâu sắc về cuộc sống.*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

VĂN BẢN 1. ĐEO CÀY GIỮA ĐƯỜNG

(Truyện ngụ ngôn Việt Nam)



Hoạt động 2.1: Khám phá chung về văn bản

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về xuất xứ, bố cục, tình huống, cốt truyện.

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Tìm hiểu	Trả lời
<i>Xuất xứ:</i>	
<i>Bố cục:</i>	
<i>Tóm tắt tình huống, cốt truyện:</i>	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

I. Tìm hiểu chung

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn đọc to, rõ ràng, diễn cảm, pha chút điệu cợt.
- HS lần lượt đọc thành tiếng toàn VB.

- GV gợi ý cho HS:

1. Giải thích một số từ khó: *quan, ngàn, phá hoang, đi đòi nhà ma.*
2. *Nêu xuất xứ, bố cục, tóm tắt tình huống, cốt truyện vào phiếu HT số 1.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời nhanh.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức.
- GV chuyển dẫn sang mục 2.

*** Duy đọc một đoạn văn bản và ghi bài vào vở ; Nhận biết nhân vật.**

1. Đọc và tìm hiểu chú thích

2. Xuất xứ

- Theo Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, *Truyện cổ nước Nam*, tập 1.

3. Bố cục: 2 phần

- Phần 1 (Đoạn 1): Người thợ mộc đẽo cày.
- Phần 2 (Còn lại): Những lần góp ý và phản ứng của người thợ mộc.

4. Tóm tắt tình huống, cốt truyện:

- Anh thợ mộc bỏ tiền mua gỗ về đẽo cày để bán.
- Mỗi lần có khách ghé vào và góp ý về việc đẽo cày, anh ta đều làm theo.
- Cuối cùng, không ai đến mua cày, bao nhiêu vốn liếng mất sạch.

Hoạt động 2.2: Khám phá chi tiết văn bản

a. Mục tiêu:

- Giúp HS phát triển kỹ năng đọc VB truyện ngụ ngôn, nhận biết hiểu được nhân vật, chi tiết, cốt truyện, và rút ra bài học ý nghĩa, cách ứng xử của bản thân.

b. Nội dung: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

(Tìm hiểu những lần góp ý và phản ứng của người thợ mộc)

Người góp ý	Nội dung góp ý	Hành động của anh thợ mộc
Lần 1:...	...	...
Lần 2:...	...	...
Lần 3:...	...	...
Kết quả của việc đẽo cày:		
Nhận xét hành động anh thợ mộc:	...	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

II. Tìm hiểu chi tiết

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

*Nhiệm vụ 1:

- GV tổ chức, hướng dẫn HS chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ thảo luận theo nhóm để hoàn thành Phiếu học tập số 2:

1. Liệt kê những lần góp ý và hành động của anh thợ mộc.

2. Nêu kết quả và nhận xét về hành động của anh thợ mộc.

*Nhiệm vụ 2:

- Nếu là người thợ mộc trong câu chuyện này, em sẽ làm gì trước những lời khuyên như vậy?

(Gợi ý: Cảm ơn những người đã cho lời khuyên. Sau đó tự mình tìm hiểu, suy xét kĩ về loại cây mà mọi người hay sử dụng và loại cây nào sẽ dễ dàng để bán).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời cá nhân và làm việc theo nhóm, thảo luận và hoàn thiện vào trong phiếu HT.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Cá nhân trả lời; cử nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm Phiếu HT.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS thảo luận các câu hỏi:

1. Từ hành động và kết cục trong câu chuyện của anh thợ mộc, em rút ra được bài học gì cho bản thân? (Tích hợp giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.)

2. Em hiểu như thế nào về nhan đề “Đẽo cày giữa đường”?

3) Theo em, "biết lắng nghe góp ý" với "dễ nghe người (cả tin)" khác nhau ở chỗ nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

1. Những lần góp ý và hành động của người thợ mộc

Người góp ý	Nội dung góp ý	Hành động của anh thợ mộc
Thứ 1	- Phải đẽo cày cho cao, cho to.	- Cho là phải - đẽo.
Thứ 2	- Đẽo nhỏ hơn, thấp hơn.	- Cho là phải - lại đẽo.
Thứ 3	- Đẽo cày cho thật cao, thật to gấp đôi, gấp ba để voi cày được.	- Liền đẽo ngay.

Kết quả: Chẳng ai đến mua, gỗ hỏng hết, vốn liếng đi sạch.

Nhận xét: hành động không có suy nghĩ, tìm hiểu hay cân nhắc, chỉ nghe và tin một cách thụ động mù quáng.

2. Bài học

- Bài học:

+ Cần phải có hiểu biết để giữ được chính kiến, tự tin khi làm việc.

+ Biết lắng nghe nhưng cần phải có sự suy xét, đánh giá đúng sai trước khi hành động.

- **Nhan đề:** hành động thiếu chủ kiến, bị động nên kết quả thất bại.

- **Phân biệt:** "biết lắng nghe góp ý": tiếp thu những ý kiến hay để tiến bộ, thành công; còn "dễ nghe người (cả tin)": không có sự suy xét, đánh giá,

- HS lắng nghe, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, lắng nghe, gợi ý. Bước 3: Báo cáo kết quả - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết luận - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. * Duy ghi bài vào vở.	không tìm hiểu thực tế mà chỉ nghe và tin một cách mù quáng.
III. Tổng kết	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu câu hỏi: 1) <i>Nêu những đặc sắc nghệ thuật và nội dung của truyện “Đẽo cày giữa đường”.</i> 2) <i>Rút ra cách đọc hiểu truyện ngụ ngôn.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời. - GV quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời. - HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết luận - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại.	1. Nghệ thuật: - Sử dụng hình ảnh cụ thể, gần gũi, giàu ý nghĩa. - Kết cấu ngắn gọn, dễ hiểu. - Tình huống hấp dẫn. 2. Nội dung: - Người thợ mộc vì thiếu chủ kiến khi làm việc và không suy xét kỹ khi nghe người khác góp ý nên đã thất bại. 3. Cách đọc hiểu truyện ngụ ngôn: - Đọc kỹ văn bản để xác định chủ đề của truyện; - Nhận diện hình tượng nhân vật chính; - Phân tích đặc điểm nhân vật, các sự việc tiêu biểu, tình huống truyện để từ đó lĩnh hội tư tưởng, thông điệp được gửi gắm qua Vb, đánh giá được bài học nhận thức, luân lý ngụ ý trong truyện. - Liên hệ, rút ra bài học có ý nghĩa cho bản thân.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố kiến thức bài học.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức bài học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

***GV tổ chức cho HS làm bài tập nhanh trên lớp:**

Câu 1. Truyện "Đẽo cày giữa đường" thuộc thể loại nào?

A. Truyện ngụ ngôn

B. Truyện cười

C. Truyện cổ tích

D. Truyện truyền thuyết

Câu 2. Sắp xếp các sự kiện sau đây theo trình tự diễn ra trong truyện "Đẽo cày giữa đường".

- a. Mọi người đi qua thường ghé vào xem đẽo cày.
- b. Mỗi người xem đều góp ý khác nhau.
- c. Bao nhiêu gỗ anh đều đẽo hỏng, vốn liếng mất hết.
- d. Anh thợ mộc đóc hết vốn mua gỗ để đẽo cày.
- e. Nghe ai nói anh cũng thấy có lí và làm theo.

Câu 3. Nối cột A với cột B cho phù hợp nội dung từng phần

Cột A	Cột B
Phần 1	a. Kết quả của việc đẽo cày.
Phần 2	b. Hoàn cảnh và công việc của anh thợ mộc.
Phần 3	c. Việc đẽo cày của anh thợ mộc.

***Gợi ý đáp án:**

Câu 1. Đáp án A.

Câu 2. Trình tự đúng của các sự việc như sau:

- d. Anh thợ mộc đóc hết vốn mua gỗ để đẽo cày.
- a. Mọi người đi qua thường ghé vào xem đẽo cày.
- b. Mỗi người xem đều góp ý khác nhau.
- e. Nghe ai nói anh cũng thấy có lí và làm theo.
- c. Bao nhiêu gỗ anh đều đẽo hỏng, vốn liếng mất hết.

Câu 3. Cần nối đúng như sau:

Phần 1: b. Hoàn cảnh và công việc của anh thợ mộc.

Phần 2: c. Việc đẽo cày của anh thợ mộc.

Phần 3: a. Kết quả của việc đẽo cày.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học trình bày hiểu biết về bài học rút ra từ câu chuyện.

b. Nội dung: HS vận dụng kĩ năng viết đoạn để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao nhiệm vụ cho HS (có thể thực hiện ngay trên lớp hoặc về nhà):

***VIẾT KẾT NỐI ĐỌC**

Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) có sử dụng thành ngữ "đẽo cày giữa đường".

Đoạn văn cần đáp ứng các yêu cầu:

- **Về hình thức:** Viết đoạn văn đủ số câu theo yêu cầu. Các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, tập trung vào chủ đề, đảm bảo sự liên mạch. Tránh các lỗi về chính tả và dùng từ. Trong đoạn, phải có thành ngữ "đẽo cày giữa đường" được sử dụng một cách phù hợp.

- **Về nội dung:** Trình bày được một nội dung hoàn chỉnh có liên quan trực tiếp đến thành ngữ "đẽo cày giữa đường".

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo đúng yêu cầu các nhiệm vụ, sau đó chỉnh sửa.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi HS lên trình bày.

- HS khác nhận xét, bổ sung, tự kiểm tra theo bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

ĐOẠN VĂN THAM KHẢO

Có một lần, em và mẹ đi chợ để chọn những chiếc váy xòe xếp li cho em. Những chiếc váy có rất nhiều màu sắc: nào là màu hồng, màu xanh, màu đỏ,... Em chỉ được chọn hai chiếc nên phân vân mãi. Cô bán hàng thì bảo em chọn một cái màu đỏ và một cái màu xanh. Một chị cũng đến chọn váy bảo, em nên chọn cái màu be và màu hồng. Mỗi người một ý, em không biết phải nghe theo ai. Mẹ đã bảo em đừng như đèo cày giữa đường, phải có chính kiến của mình. Vậy là em đã chọn được hai chiếc váy mà mình thích, chúng có màu hồng và màu xanh,

Bảng kiểm**Đánh giá kĩ năng viết đoạn văn**

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5 - 7 câu.		
2	Đoạn văn có một chủ đề nhất định, có sử dụng thành ngữ "đèo cày giữa đường"		
3	Lí lẽ dẫn chứng thuyết phục.		
4	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.		
5	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.		

VĂN BẢN 2. ÉCH NGÒI ĐÁY GIỀNG

(Trang Tử)



HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. **Mục tiêu:** Kết nối, tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
- b. **Nội dung:** HS làm việc cá nhân, chia sẻ hiểu biết của bản thân.
- c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

* **GV nêu câu hỏi cho HS chia sẻ:** *Hãy chia sẻ cách hiểu của em về câu nói sau: "Anh ta nhận ra mình chỉ là ếch ngồi đáy giếng mà thôi".*

(*Gợi ý: Câu nói: "Anh ta nhận ra mình chỉ là ếch ngồi đáy giếng mà thôi": chỉ một đối tượng vốn tưởng mình là người hiểu biết, thông minh nhưng người đó đã tự nhận thức được bản thân vẫn còn những hạn chế, hiểu biết và suy nghĩ còn hạn hẹp).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ cảm xúc, hiểu biết của mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ, trình bày cởi mở, thân thiện những suy nghĩ.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét thái độ làm việc, câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.
- GV dẫn vào bài: *Trong cuộc sống, ai cũng có thể rơi vào tình huống "Ếch ngồi đáy giếng". Vì vậy, mỗi người cần nhận ra giới hạn của bản thân để nỗ lực học hỏi, mở mang hiểu biết. Đó luôn là cách để con người vượt ra khỏi giới hạn ấy. Câu chuyện trong bài học hôm nay sẽ nhắc nhở thức tỉnh ta điều ấy.*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Khám phá chung về văn bản

- a. **Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về xuất xứ, bố cục, tình huống, cốt truyện.
- b. **Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu.
- c. **Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Tìm hiểu chung	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn đọc to, rõ ràng, diễn cảm. HS lần lượt đọc thành tiếng toàn VB. - GV gợi ý cho HS: <i>Nêu tác giả, xuất xứ, bố cục, tóm tắt tình huống, cốt truyện vào phiếu HT số 1 (giống VB1. "Đèo cày giữa đường").</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	1. Tác giả - Trang Tử, sinh trước Công nguyên, là một triết gia nổi tiếng của Trung Quốc. - Tác phẩm chính của ông: <i>Trang Tử</i> (còn gọi là <i>Nam Hoa Kinh</i>) 2. Tác phẩm a. Đọc và tìm hiểu chú thích b. Xuất xứ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời nhanh. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. - GV chuyển dẫn sang mục 2. * Duy ghi bài vào vở. Nhận biết nhân vật, tác giả, bố cục văn bản.	- Trích từ <i>Thiên thứ 17</i> của sách Trang Tử. c. Bố cục: 2 phần - Phần 1 (Đoạn 1): Ếch nói về những niềm sung sướng của bản thân và mời rùa lớn biển đông xuống giếng. - Phần 2 (Còn lại): Rùa lớn đặt chân liền lùi lại. Ếch nghe rùa nói thì lắng nghe và suy nghĩ. d. Tóm tắt tình huống, cốt truyện: - Ếch nhỏ ngồi trong một cái giếng sụp nói với con rùa lớn biển đông về thế giới vô cùng sung sướng của mình. Ếch mời rùa xuống giếng cho biết. - Rùa đặt chân không vừa, liền lùi lại và kể cho ếch nghe về thế giới biển mênh mông ngàn dặm. - Ếch nghe ngạc nhiên, rồi thu mình lại, hoảng hốt, bối rối.

Hoạt động 2.2: Khám phá chi tiết văn bản

a. Mục tiêu:

- Giúp HS phát triển kỹ năng đọc VB truyện ngụ ngôn, nhận biết hiểu được nhân vật, chi tiết, cốt truyện, và rút ra bài học ý nghĩa, nhận thức về cách ứng xử của bản thân.

b. Nội dung: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

(Tìm hiểu nhân vật Ếch)

Những điều làm Ếch cảm thấy sung sướng	Nhận xét
...	...
...	...
...	...
...	...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

(Tìm hiểu môi trường sống và suy nghĩ của Ếch và Rùa)

Nhân vật	Môi trường sống	Nhận thức, cảm xúc
Ếch	...	...
Rùa	...	...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

(Tìm hiểu quá trình thay đổi củaẾch và bài học rút ra)

Quá trình thay đổi	Chi tiết	Nhận xét	Bài học
Khi nói về thế giới của mình:	...	...	...
Khi nghe Rùa nói về biển:	...	...	...

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Khám phá chi tiết văn bản	
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức, hướng dẫn HS làm việc theo cặp đôi để hoàn thành Phiếu HT số 3 - GV gợi ý: 1) Tìm các chi tiết trong VB để làm rõ những điều làmẾch cảm thấy sung sướng. 2) Hãy nhận xét:Ếch thấy sung sướng vì điều gì? 3) Em có suy nghĩ gì về những niềm sung sướng màẾch tâm sự? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm việc theo nhóm, thảo luận và hoàn thiện vào trong phiếu HT. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Cá nhân trả lời; cử nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm Phiếu HT. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS; chuẩn kiến thức và chuyển dẫn sang mục mới.	1. Những điềuẾch cảm thấy sung sướng. (Phiếu HT số 3) - "Tôi có thể ra khỏi giếng, nhảy lên miệng giếng, rồi lại vô giếng, ngồi nghỉ trong những kẽ gạch của thành giếng. Bơi trong nước thì nước đỡ nách và cầm tôi, nhảy xuống bùn thì bùn lấp chân tôi tới mắt cá: -> sung sướng vì có cuộc sống tự do tự tại. - Ngó lại phía sau, thấy những con lãng quăng, con cua, con nòng nọc, không con nào sướng bằng tôi: -> sung sướng vì thấy những con vật khác không bằng mình. - Và lại một mình chiếm một chỗ nước tự, tự do bơi lội trong một cái giếng súp, còn vui gì hơn nữa?: -> sung sướng vì tự hào với địa vị “chúa tể” của mình ở trong giếng. - Sao anh không vô giếng tôi một lát coi cho biết?: -> sung sướng đến mức khoe khoang với rùa về “thế giới trong giếng” của mình.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức, hướng dẫn HS làm việc theo nhóm để hoàn thành Phiếu HT số 4. GV gợi ý: 1) Chỉ ra những chi tiết thể hiện điểm khác biệt về môi trường sống củaẾch và Rùa. 2) Sự khác biệt đó ảnh hưởng như thế nào đến nhận thức và cảm xúc của hai con vật?	2. Ảnh hưởng của môi trường sống đến nhận thức, cảm xúc củaẾch và Rùa a. Nhân vậtẾch - Môi trường sống: Giếng cạn, nước đọng, xung quanh chỉ vài con lãng quăng, nòng nọc bé nhỏ => nhận thức nông cạn, kiêu căng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời qua làm việc theo nhóm, thảo luận và hoàn thiện vào trong phiếu HT. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Cá nhân trả lời; cử nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm Phiếu HT. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS. - Chuẩn kiến thức và bổ sung, chuyển mục.	b. Nhân vật Rùa - <i>Môi trường sống:</i> Biển đông mênh mông, ngàn dặm, sâu thẳm, ngàn năm không cạn nước, vô số loài động vật => Hiểu biết sâu rộng nhưng không kiêu căng; thâm trầm, suy nghĩ sâu sắc, thấu đáo.
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức, hướng dẫn HS thảo luận nhóm: 1) <i>Chỉ ra và nhận xét quá trình thay đổi từ lúc vui, tự hào về thế giới của mình đến lúc nghe Rùa kể về biển. Vì sao con Ếch "ngạc nhiên, thu mình lại, hoảng hốt, bối rối" khi nghe Rùa nói?</i> 2) <i>Bài học rút ra từ câu chuyện trên là gì?</i> Tích hợp giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời cá nhân và làm việc theo nhóm, thảo luận và hoàn thiện vào trong phiếu HT. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Cá nhân trả lời; cử nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm Phiếu HT. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS; chuẩn kiến thức.	3. Quá trình thay đổi của Ếch và bài học cho chúng ta a. Quá trình thay đổi của Ếch: - Niềm vui sướng: + Tự hào về “thế giới” trong cái giếng; + “Địa vị” hơn những con vật khác; + Thoả mãn với những điều mình có tới mức muốn giới thiệu/ khoe khoang với Rùa. - Nỗi thất vọng: sau khi nghe Rùa kể: + "Ngạc nhiên": hoàn toàn bất ngờ vì biển nằm ngoài hiểu biết. + "Thu mình lại": cảm giác nhỏ bé trước sự vĩ đại của biển. + "Hoảng hốt, bối rối": mất niềm tin vào những điều đã tin và tự hào trước đây, choáng ngợp trước những điều mới mẻ, lớn lao, vĩ đại hơn những điều ếch đã từng biết. => <i>Nhận ra mình nông cạn, thiếu hiểu biết, xấu hổ, vì mình thiếu hiểu biết mà lại huênh hoang, khoe mẽ.</i> b. Bài học cho chúng ta + Môi trường sống có ảnh hưởng đến suy nghĩ, cảm xúc và tính cách của mỗi cá nhân. Vì vậy, con người cần nỗ lực để thay đổi nhận thức. + Thế giới rộng lớn, cần biết khiêm tốn, học hỏi.

	+ Biết tự xấu hổ về những hạn chế của bản thân, không nên giấu dốt.
III. Tổng kết	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu câu hỏi: + <i>Nêu đặc sắc nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa của truyện.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời. - GV quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời. - HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết luận - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại.	1. Nghệ thuật: - Sử dụng chi tiết cụ thể, gần gũi mang nhiều hàm ý. - Ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu. - Cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn. - Cách kết thúc truyện bất ngờ, độc đáo. 2. Nội dung-ý nghĩa: - Tác giả mượn câu chuyện củaẾch để phê phán những người thiếu hiểu biết nhưng lại huênh hoang. Từ đó khuyên nhủ chúng ta phải biết mở rộng tầm hiểu biết, không chủ quan, kiêu ngạo.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: giúp HS củng cố kiến thức bài học.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức bài học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

***GV tổ chức cho HS làm bài tập nhanh trên lớp:**

Câu 1. Truyện "Ếch ngồi đáy giếng" thuộc thể loại nào?

A. Truyện cười

B. Truyện ngụ ngôn

C. Truyện cổ tích

D. Truyền truyền thuyết

Câu 2. Sắp xếp các sự kiện sau đây theo trình tự diễn ra trong truyện "Ếch ngồi đáy giếng".

a.Ếch mời rùa xuống giếng cho biết nơi ở của mình.

b. Rùa đặt chân không vừa, liền lùi lại.

c. Éch nói với con rùa lớn biên đông về thế giới của mình.

d. Rùa kể cho ếch nghe về thế giới biển mênh mông ngàn dặm.

e. Éch nghe ngạc nhiên, rồi thu mình lại, hoảng hốt, bối rối.

Câu 3. Nối cột A với cột B cho phù hợp nội dung từng phần

Cột A	Cột B
Phần 1	a. Rùa lớn đặt chân liền lùi lại.Ếch nghe rùa nói thì lắng nghe và suy nghĩ.
Phần 2	b.Ếch nói về những niềm sung sướng của bản thân và mời rùa lớn biến đông xuống giếng.

***Gợi ý đáp án:**

Câu 1. Đáp án A.

Câu 2. Trình tự đúng của các sự việc như sau:

- c.Ếch nói với con rùa lớn biển đông về thế giới của mình.
- a.Ếch mời rùa xuống giếng cho biết nơi ở của mình.
- b. Rùa đặt chân không vừa, liền lùi lại.
- d. Rùa kể cho ếch nghe về thế giới biển mênh mông ngàn dặm.
- e.Ếch nghe ngạc nhiên, rồi thu mình lại, hoảng hốt, bối rối.

Câu 3. Cần nói đúng như sau

Phần 1: b.Ếch nói về những niềm sung sướng của bản thân và mời rùa lớn biển đông xuống giếng.

Phần 2: a. Rùa lớn đặt chân liền lùi lại.Ếch nghe rùa nói thì lắng nghe và suy nghĩ.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học trình bày hiểu biết về bài học rút ra từ câu chuyện.

b. Nội dung: HS vận dụng kĩ năng viết đoạn để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao nhiệm vụ cho HS (có thể thực hiện ngay trên lớp hoặc về nhà):

***VIẾT KẾT NỐI ĐỌC**

Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) có sử dụng thành ngữ "ếch ngồi đáy giếng".

Đoạn văn cần đáp ứng các yêu cầu:

- **Về hình thức:** Viết đoạn văn đủ số câu theo yêu cầu. Các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, tập trung vào chủ đề, đảm bảo sự liên mạch. Tránh các lỗi về chính tả và dùng từ. Trong đoạn, phải có thành ngữ "ếch ngồi đáy giếng" được sử dụng một cách phù hợp.

- **Về nội dung:** Trình bày được một nội dung hoàn chỉnh có liên quan trực tiếp đến thành ngữ "ếch ngồi đáy giếng".

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo đúng yêu cầu các nhiệm vụ, sau đó chỉnh sửa.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi HS lên trình bày.
- HS khác nhận xét, bổ sung, tự kiểm tra theo bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

ĐOẠN VĂN THAM KHẢO

Sau khi đọc xong truyện ngụ ngôn "Ếch ngồi đáy giếng", em hiểu được mỗi người đều có sự hạn chế của bản thân, dù cho họ có là người hiểu biết đến đâu. Cũng chính vì vậy mà em cảm thấy mình cần không ngừng trau dồi kiến thức, kỹ năng để phát triển bản thân hàng ngày. "Ếch ngồi đáy giếng" không chỉ là tên một câu chuyện ngụ ngôn mà nó đã trở thành một thành ngữ để nói đến những người như chú ếch trong truyện. Đã có người từng nói: "Ai cũng là con ếch, chỉ khác nhau cái giếng mà

thôi". Em rất tâm đắc với câu nói đó. Cũng vì vậy, em sẽ cố gắng tu dưỡng bản thân nhiều hơn nữa.

Bảng kiểm
Đánh giá kĩ năng viết đoạn văn

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5 - 7 câu.		
2	Đoạn văn có một chủ đề nhất định, có sử dụng thành ngữ "ếch ngồi đáy giếng"		
3	Lí lẽ dẫn chứng thuyết phục.		
4	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.		
5	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.		

VĂN BẢN 3. CON MÔI VÀ CON KIẾN

(Nam Hương)



HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. **Mục tiêu:** Kết nối, tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
- b. **Nội dung:** HS làm việc cá nhân, chia sẻ hiểu biết của bản thân.
- c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

*GV tổ chức cho HS thành hai đội chơi trò chơi: **Ai hiểu biết hơn? (Thời gian: 3p)**

*Mỗi đội HS cùng ghi những hiểu biết của mình về từng loài vào ô sau:

Kiến	Mối
...	...

- HS cử đại diện trình bày, GV nhận xét, đội nào ghi được nhiều thông tin chính xác đội đó thắng. Gv tuyên dương, phát thưởng.

***Gợi ý: Kiến:** sống bầy đàn, siêng năng chăm chỉ, vác được vật nặng hơn mình....; **Mối:** khả năng len lỏi khắp nơi, có hại đối với các công trình xây dựng; phá hoại nhà cửa, đê điều, hồ chứa nước, thuyền bè, cầu cống..., tiêu hủy nhiều tài liệu quý giá...

- GV nhận xét thái độ làm việc, câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới, dẫn vào bài: *Các em ạ, dựa vào đặc điểm của mỗi loài vật ấy mà tác giả Nam Hương đã xây dựng nên câu chuyện, gửi đến chúng ta một thông điệp sâu sắc trong cuộc sống. Vậy thông điệp ấy là gì chúng ta cùng tìm hiểu văn bản 3.*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung

- Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về xuất xứ, bố cục, tình huống, cốt truyện.
- Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu.
- Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Tìm hiểu chung	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn đọc to, rõ, diễn cảm, pha chút điệu cợt. - GV cho HS lên trình bày: 1) <i>Nêu hiểu biết về tác giả, xuất xứ và tình huống.</i> 2) <i>Thể loại và hình thức của VB này có điểm gì giống và khác nhau với 2VB trên?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời nhanh. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức: <i>Mặc dù có hình thức thơ nhưng nó vẫn được coi là truyện ngụ ngôn vì có điểm chung: mượn chuyện con mồi và con kiến để khuyên nhủ con người.</i> - GV chuyển dẫn sang mục 2. * Duy ghi bài vào vở, nhận biết nhân vật, bố cục văn bản.	1. Tác giả - Nam Hương (1899-1960) quê ở Hà Nội, là tác giả của nhiều truyện ngụ ngôn. - Các tác phẩm chính: <i>Ngụ ngôn mới, Gương thế sự, Tập thơ ngụ ngôn...</i> 2. Tác phẩm a. Đọc và tìm hiểu chú thích b. Xuất xứ: - Trích từ <i>Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam</i>, tập III, NXB Giáo dục, 1999, tr.805. c. Tình huống: - Mối gặp kiến đang tha mồi ra giều cợt và bị kiến đáp lại. d. Thể loại: Truyện ngụ ngôn. e. Hình thức: thơ song thất lục bát (hai câu 7 tiếng; 1 câu 6 tiếng, 1 câu 8 tiếng)

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu chi tiết

- Mục tiêu:**

- Giúp HS phát triển kỹ năng đọc VB ngụ ngôn có hình thức thơ, nhận biết hiểu được nhân vật, chi tiết và rút ra bài học ý nghĩa, nhận thức về cách ứng xử của bản thân.

b. Nội dung: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

(Tìm hiểu nhân vật Mối và Kiến)

Nhân vật	Quan niệm sống	Biểu hiện
Mối	1...	- ...
	2...	- ...
Kiến	1...	- ...
	2.....	- ...

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Tìm hiểu chi tiết	
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm trong 10 phút bằng cách hoàn thành Phiếu học tập số 1, để HS có điều kiện khám phá VB và trao đổi, thảo luận: <i>Chỉ ra những biểu hiện (chú ý từ chỉ hành động, lời văn miêu tả) và nhận xét về lối sống của Kiến và Mối.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm việc theo nhóm, thảo luận và hoàn thiện vào trong phiếu HT 1. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Từng nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm Phiếu HT. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm,	1. Sự khác biệt về quan niệm sống của Mối và Kiến a. Mối <i>*Quan niệm sống:</i> 1. Không muốn lao động, sợ vất vả. - <i>Biểu hiện:</i> + Ngồi ở trong nhà nhìn ra ngoài. + Ngồi tựa lưng trên chiếc ghế chéo, bên chiếc bàn tròn. + Lười vận động nên cơ thể béo mập và chậm chạp (ò ề). + Nói với kiến: <i>Tội tình gì lao khổ lắm thay!</i> 2. Chỉ biết hưởng thụ trước mắt, chỉ nghĩ đến bản thân (nên tầm nhìn thiển cận) - <i>Biểu hiện:</i> + Ăn no béo trọc béo tròn. + Chỉ biết an hưởng nhà cao cửa rộng, của nả đầy tủ, đầy hòm. + Không nhận ra rằng chỉ biết sống hưởng thụ mà không lao động thì cuộc sống tốt đẹp sẽ chẳng thể được bền lâu. b. Kiến <i>*Quan niệm sống:</i>

chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS. - Chuẩn kiến thức và chuyên dẫn sang mục mới.	1. Không ngại vất vả, chăm chỉ lao động - <i>Biểu hiện:</i> + Sẵn sàng ra ngoài làm việc, dù vất vả, khiến cơ thể gầy gò. + Ý thức: <i>Hễ có làm thì mới có ăn.</i> 2. Biết lo xa, biết sống có trách nhiệm với cộng đồng, sống vì mọi người (nên biết nhìn xa trông rộng) - <i>Biểu hiện:</i> + Vì nhận thức <i>Sinh tồn là cuộc khó khăn</i> nên chủ động lo xa, chuẩn bị cho tương lai lâu dài, bền vững. + Quan tâm đến <i>trên địa cầu muôn loại</i> (muôn loài trên địa cầu). + Ý thức: <i>Vì đàn vì tổ, vun thu xứ sở.</i>
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS thảo luận câu hỏi số 7, SGK tr.10: 1) <i>Tìm những từ ngữ thể hiện thái độ đánh giá của tác giả dành cho 2 con vật.</i> 2) <i>Từ đó em thấy tác giả dành thiện cảm của mình cho con vật nào?</i> 3) <i>Còn em, hãy chia sẻ tình cảm của mình.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo sản phẩm. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS. - Chuẩn kiến thức và chuyên dẫn sang mục mới.	2. Thái độ của người kể chuyện a. Với Mỗi - Xưng hô trịch thượng: "chúng ta"; "béo trực, béo tròn": Đánh giá tiêu cực: vị kỉ, lười biếng, chỉ biết hưởng thụ. b. Với Kiến - Xưng hô chừng mực "các anh"; "tha mỗi, tìm kiếm khắp ngày, gầy gò, có làm mới có ăn, sinh tồn là cuộc khó khăn",...: Chăm chỉ, cố gắng, biết sống vì người khác, biết lo cho cái chung, hướng tới tương lai bền vững,... => Tác giả dành thiện cảm cho Kiến.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu câu hỏi: <i>Nêu những bài học rút ra từ câu chuyện của hai loài mối</i>	3. Bài học - <i>Nếu chỉ biết sống phá hoại, hưởng thụ sẽ huỷ hoại chính mình và cộng đồng xã hội.</i>

và kiến? Tích hợp giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày; HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc. - Nhận xét và chốt sản phẩm.	- Nỗ lực, chăm chỉ làm lụng, biết sống vì mọi người sẽ đem lại cuộc sống tốt đẹp, được mọi người yêu quý.
III. Tổng kết	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu câu hỏi: + <i>Nêu đặc sắc nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa của truyện.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời. - GV quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời. - HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết luận - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại.	1. Nghệ thuật: - Thể thơ truyền thống, hình thức đối thoại để nhân vật bộc lộ tính cách. - Mượn chuyện của những con vật gần gũi để khuyên nhủ con người. 2. Nội dung – Ý nghĩa: - Con mồi chỉ lười nhác, phá hoại, hưởng thụ còn con kiến thì chăm chỉ làm lụng, sống có trách nhiệm,... - Bài thơ khuyên nhủ: Không nên sống hưởng thụ theo cách phá hoại mà cần chăm chỉ làm ăn để có cuộc sống tốt đẹp, có ý nghĩa.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố nội dung của 3 VB.

b. Nội dung: HS dựa vào nội dung đã tìm hiểu để trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

BÀI TẬP 1. Chọn đáp án đúng

Câu 1. Dòng nào sau đây nêu **không** đúng quan niệm sống của mối.

- Không muốn lao động, sợ vất vả.
- Chỉ biết hưởng thụ trước mắt.
- Chỉ nghĩ đến bản thân (nên tầm nhìn thiển cận).
- Ăn no béo trực béo tròn.

Câu 2. Dòng nào sau đây nêu đúng quan niệm sống của kiến.

A. Không muốn lao động, sợ vất vả.

B. Chỉ biết hưởng thụ trước mắt, chỉ nghĩ đến bản thân (nên tầm nhìn thiên cận).

C. Không ngại vất vả, chăm chỉ lao động, biết lo xa, sống có trách nhiệm với cộng đồng.

D. An no béo trọc béo tròn, ngồi ở trong nhà nhìn ra ngoài.

Câu 3. Đánh dấu (X) vào ô mà em cho đó là biểu hiện của nhân vật trong câu chuyện "Con mối và con kiến"

Biểu hiện	Con mối	Con kiến
+ Lười vận động nên cơ thể béo mập và chậm chạp.		
+ Sẵn sàng ra ngoài làm việc, dù vất vả, khiến cơ thể gầy gò.		
+ Ý thức: <i>Hễ có làm thì mới có ăn.</i>		
+ Ngồi tựa lưng trên chiếc ghế chéo, bên chiếc bàn tròn.		
+ Vì nhận thức <i>Sinh tồn là cuộc khó khăn</i> nên chủ động lo xa, chuẩn bị cho tương lai lâu dài, bền vững.		
+ Lời nói: <i>Tội tình gì lao khổ lắm thay!</i>		
+ Quan tâm đến <i>trên địa cầu muôn loài</i> (muôn loài trên địa cầu).		
+ Chỉ biết an hưởng nhà cao cửa rộng, của nả đầy tủ, đầy hòm.		
+ Ý thức: <i>Vì đàn vì tổ, vun thu xír sớ.</i>		
+ Không nhận ra rằng chỉ biết sống hưởng thụ mà không lao động thì cuộc sống tốt đẹp sẽ chẳng thể được bền lâu.		

***Gợi ý đáp án:**

Câu 1. Đáp án A;

Câu 2. Đáp án C;

Câu 3.

Biểu hiện	Con mối	Con kiến
+ Lười vận động nên cơ thể béo mập và chậm chạp.	x	
+ Sẵn sàng ra ngoài làm việc, dù vất vả, khiến cơ thể gầy gò.		x
+ Ý thức: <i>Hễ có làm thì mới có ăn.</i>		x
+ Ngồi tựa lưng trên chiếc ghế chéo, bên chiếc bàn tròn.	x	
+ Vì nhận thức <i>Sinh tồn là cuộc khó khăn</i> nên chủ động lo xa, chuẩn bị cho tương lai lâu dài, bền vững.		x
+ Lời nói: <i>Tội tình gì lao khổ lắm thay!</i>	x	
+ Quan tâm đến <i>trên địa cầu muôn loài</i> (muôn loài)		x

trên địa cầu).		
+ Chỉ biết an hưởng nhà cao cửa rộng, của nả đầy tủ, đầy hòm.	x	
+ Ý thức: <i>Vì đàn vì tổ, vun thu xư sở.</i>		x
+ Không nhận ra rằng chỉ biết sống hưởng thụ mà không lao động thì cuộc sống tốt đẹp sẽ chẳng thể được bền lâu.	x	

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm để tìm câu trả lời.

BÀI TẬP 2: Chỉ ra nội dung chính yếu của từng VB và điểm chung của các bài học ngụ ngôn bằng cách hoàn thành bảng sau:

So sánh	Nội dung
<i>Nội dung chính yếu của từng VB:</i>	+ "Đẽo cày giữa đường":.....
	+ "Ếch ngồi đáy giếng":
	+ "Con mồi và con kiến":.....
<i>Điểm chung của các bài học:</i>	

***GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

So sánh	Nội dung
<i>Nội dung chính yếu của từng VB:</i>	+ "Đẽo cày giữa đường": khuyên nhủ con người cần phải có hiểu biết và chính kiến, không được mù quáng.
	+ "Ếch ngồi đáy giếng": Phê phán thói huênh hoang, khuyên nhủ con người phải cố gắng mở rộng tầm hiểu biết, không được chủ quan, kiêu ngạo.
	+ "Con mồi và con kiến": Phê phán thói không làm mà hưởng, đục khoét tài sản, công lao của người khác. Khuyên nhủ con người nên chăm chỉ làm lụng, tích lũy.
<i>Điểm chung của các bài học:</i>	Đều là những kinh nghiệm quý báu, những đạo lí làm người đúng đắn mà mỗi cá nhân cần học hỏi khi sống trong xã hội.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện nhóm HS trình bày, HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học trình bày hiểu biết về bài học rút ra từ câu chuyện.

b. Nội dung: HS vận dụng kỹ năng viết đoạn để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao nhiệm vụ cho HS (có thể thực hiện ngay trên lớp hoặc về nhà):

***VIẾT KẾT NỐI ĐỌC**

Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) trình bày cảm nhận của em về nhân vật kiến.

Đoạn văn cần đáp ứng các yêu cầu:

- **Về hình thức:** Viết đoạn văn đủ số câu theo yêu cầu. Các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, tập trung vào chủ đề, đảm bảo sự liên mạch. Tránh các lỗi về chính tả và dùng từ.

- **Về nội dung:** Trình bày được các vẻ đẹp trong lối sống, tính cách của kiến.

+ Giới thiệu và nêu ấn tượng chung về nhân vật kiến.

+ Chỉ ra và cảm nhận những nét đẹp của kiến.

+ Suy nghĩ, rút ra bài học cho bản thân.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo đúng yêu cầu các nhiệm vụ, sau đó chỉnh sửa.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi HS lên trình bày.

- HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

ĐOẠN VĂN THAM KHẢO

Trong tác phẩm "Con mối và con kiến", tác giả Nam Hương đã xây dựng thành công cặp nhân vật đối lập về lối sống, tính cách. Nếu như con mối sống vị kỷ lười biếng, chỉ biết lo hưởng thụ, không biết lo cho cái chung thì con kiến lại chăm chỉ, cố gắng, biết sống vì người khác, biết lo cho cái chung. Kiến xứng đáng được học tập, tôn vinh và ngưỡng mộ. Cách sống của kiến luôn để lại bài học cho mỗi chúng ta, rằng chăm chỉ làm làm, vun thu cho lợi ích cộng đồng mới xây dựng nên một xã hội phồn vinh, phát triển. Trong hoàn cảnh đất nước phải chống giặc ngoại xâm thì tinh thần trách nhiệm công dân với đất nước luôn được đặt lên hàng đầu. Bởi vậy, văn bản "con mối và con kiến" chính là lời tâm sự yêu nước sâu sắc. Thông qua nhân vật con kiến, văn bản đã nhắc nhở thấm thía mỗi chúng ta về trách nhiệm với đất nước, với dân tộc: phải biết sống "vì đàn vì tổ", "vun thu xứ sở".

**Bảng kiểm
Đánh giá kỹ năng viết đoạn văn**

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt

1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5 - 7 câu.		
2	Đoạn văn cảm nhận sâu sắc về vẻ đẹp của nhân vật kiến.		
3	Lí lẽ dẫn chứng thuyết phục.		
4	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.		
5	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.		

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các đơn vị kiến thức và nhiệm vụ của bài học.
- Tìm đọc thêm các truyện ngụ ngôn của *Ê-dốp*; *Ngụ ngôn Việt Nam và thế giới*; *Trang Tử và Nam Hoa Kinh*....
- Chuẩn bị soạn bài: đọc, tìm hiểu bài thực hành tiếng Việt: Thành ngữ.

Tiết:75 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT THÀNH NGỮ

I. Mục tiêu:

Giúp HS:

- HS nắm được đặc điểm của thành ngữ (về cấu trúc và ngữ nghĩa), từ đó nhận diện được thành ngữ trong câu.
- HS hiểu được chức năng của thành ngữ, tác dụng của thành ngữ trong câu, từ đó, phân tích được giá trị biểu đạt của thành ngữ trong những trường hợp cụ thể.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện, giải quyết các bài tập một cách sáng tạo, hiệu quả.
- Chăm chỉ: Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

*** Duy nhận biết thành ngữ và ghi bài vào vở, làm bài tập 1/sgk.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị:

- Máy vi tính, máy chiếu, bảng phụ, giấy A0, bút màu...

2. Học liệu:

- Sưu tầm các đoạn văn thơ đặc sắc có dùng từ địa phương.
- Phiếu học tập.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Kết nối HS vào bài học.
- Nội dung:** HS làm việc cá nhân qua bài tập.
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

- GV nêu các yêu cầu: Dựa vào ngữ cảnh câu văn được sử dụng (in đậm) trong thẻ hồng, SGK tr.10,11), em hãy nối dòng ở cột A với dòng ở cột B để nêu đúng nghĩa của cụm từ in đậm.

Cụm từ (Cột A)	Nghĩa (Cột B)
(1). (a) <i>kẻ hầu người hạ</i>	A. Người hầu hạ, phục dịch trong gia đình giàu có ngày xưa, , cuộc sống sung sướng có người hầu hạ phục dịch.
(1). (b) <i>son hào hải vị</i>	B. Thương yêu đậm bọc, sướng cùng hưởng, khổ cùng chịu.
(2). <i>chia ngọt sẻ bùi</i>	C. Những thức ăn ngon, vật lạ, quý hiếm.
(3). <i>của ngon vật lạ</i>	D. Chưa biết ai sẽ hơn ai, ai sẽ thắng ai đây
(4). <i>chưa biết mủ nào cắn mủ nào</i>	E. Món ăn quý, sang trọng, được lấy từ trên rừng, dưới biển.

- HS trình bày; HS khác lắng nghe, nhận xét.

- GV bổ sung, tuyên dương bài làm tốt.

(*Gợi ý đáp án: 1 (a) – A; 1 (b) – E; 2 - B; 3 - C; 4 - D)

-> GV dẫn vào bài: *Những cụm từ mà chúng ta vừa tìm hiểu nghĩa ở trên người ta gọi là thành ngữ. Vậy, về cấu tạo, thành ngữ là có đặc điểm gì, ý nghĩa, chức năng và giá trị sử dụng của chúng ra sao, thì bài thực hành tiếng Việt hôm nay chúng ta sẽ được tìm hiểu kỹ về những đặc điểm ấy.*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu: Cho HS nhận biết đặc điểm và chức năng của thành ngữ.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, cặp bàn để thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm bài theo cặp bàn, theo dõi, đọc thầm các VD: *Tìm hiểu đặc điểm về hình thức và ngữ nghĩa: - VD 1 (Tr.10) và nhận xét: 1) <i>Các cụm từ in đậm trong các câu trên có cấu tạo như thế nào? (có thể thay đổi trật tự các tiếng trong cụm từ được không)?</i> 2) <i>Nghĩa của mỗi cụm từ có đặc điểm gì? (có thể hiểu theo nghĩa</i>	A. Lý thuyết 1. Đặc điểm *Xét VD 1: (SGK, tr.10) (1) (a) <i>kẻ hầu người hạ</i>.... (b) <i>son hào hải vị</i>.... (2) <i>chia ngọt sẻ bùi</i> ->là những tổ hợp có cấu tạo chặt chẽ (có định, đối xứng, ngắn gọn) ->Nghĩa của mỗi cụm từ là nghĩa chung của cả cụm chứ không phải tổng số nghĩa của các từ. *Kết luận: Thành ngữ:

tổng của các từ gộp lại được không?)

3) Em hiểu thế nào là thành ngữ?
(Thành ngữ có những đặc điểm nào về hình thức và ngữ nghĩa?)

***Tìm hiểu về chức năng:**

- VD 2 (Tr.11) và nhận xét:

1) Việc dùng các thành ngữ trong câu văn có tác dụng như thế nào?

2) Em hãy tìm một số câu văn câu thơ hay trong lời ăn tiếng nói hằng ngày có sử dụng thành ngữ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS đại diện trình bày, nhận xét.

- HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá;

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý: Thứ nhất, về mặt cấu tạo, thành ngữ là một cụm từ cố định, khác với cụm từ tự do. Cụm từ tự do chỉ tồn tại trong một tình huống giao tiếp cụ thể, không dùng lại nguyên xi trong các tình huống khác. Ngược lại, thành ngữ là cụm từ cố định, giống như những “cấu kiện đúc sẵn”, phải sử dụng nguyên khối. Chúng được dùng đi dùng lại nhiều lần trong những ngữ cảnh phù hợp. Thứ hai, nghĩa của thành ngữ là nghĩa của toàn khối chứ không phải nghĩa cộng gộp từ các thành tố. Chính vì điều này mà thành ngữ được sử dụng như từ. Thành ngữ thường có nghĩa bóng bẩy, nghĩa biểu trưng.

*** Duy nhận biết thành ngữ, ghi bài**

+ Là một loại cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy;

+ Biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.

+ Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toát ra từ cả cụm, chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố.

2. Chức năng

***VD2: (SGK, tr.11)**

(3). của ngon vật lạ

(4). chưa biết mủ nào cắn mủ nào

=>Việc dùng thành ngữ giúp cho câu văn trở nên súc tích, bóng bẩy, gợi nhiều liên tưởng.

***VD:**

- Thành ngữ được sử dụng trong văn thơ:

“*Thân em vừa trắng lại vừa tròn/ Bảy nổi ba chìm với nước non*” (Hồ Xuân Hương)

- Thành ngữ được sử dụng trong lời ăn tiếng nói hằng ngày: *Cậu làm cái gì cũng đánh trống bỏ dùi vậy?*

vào vở.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** HS thực hành nhận biết và thông hiểu công dụng của thành ngữ.

b. **Nội dung:** HS làm việc cá nhân, cặp đôi, nhóm để giải quyết bài tập vào vở.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm bài theo cặp bàn, cách tiến hành: - Đọc thầm bài tập, xác định yêu cầu của bài; - Lần lượt thực hành và trình bày. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đại diện trình bày, nhận xét. - HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá; - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý. * Dạy làm bài tập 1 vào vở.	B. Thực hành Bài tập 1/tr.10: Chỉ ra và giải nghĩa thành ngữ trong các câu sau: a. <i>Tất cả những cái đó cảm dỗ tôi hơn là quy tắc về phân tử; nhưng tôi cưỡng lại được, và ba chân bốn cẳng chạy đến trường.</i> (An-phông-xơ Đô-đê (Alphonse Daudet), <i>Buổi học cuối cùng</i>) b. <i>Lại có khi tôi cảm thấy mình dũng mãnh đến nỗi dù có phải chuyển núi dời sông tôi cũng sẵn sàng.</i> (Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp, <i>Người thầy đầu tiên</i>) <u>Đáp án bài 1:</u> a. <i>ba chân bốn cẳng</i>: vội vã, cuống lên. b. <i>chuyển núi dời sông</i>: làm những việc lớn lao, phi thường. Bài tập 2/tr.11: Thử thay thành ngữ (in đậm) trong các câu sau bằng từ ngữ có ý nghĩa tương đương, rồi rút ra nhận xét: a. <i>Thành ra có bao nhiêu gỗ hỏng bỏ hết và bao nhiêu vốn liếng đi đời nhà ma sạch.</i> (Đèo cày giữa đường) b. <i>Giờ đây, công chúa là một chị phụ bếp, thôi thì thượng vàng hạ cám, việc gì cũng phải làm.</i> (Vua chích chòe) <u>Đáp án bài 2:</u> a. <i>đi đời nhà ma</i> → <i>mất cả, đi tong, chẳng còn gì.</i> b. <i>thượng vàng hạ cám</i> → <i>tất cả mọi thứ, từ quý giá đến loại tầm thường, rẻ rúng nhất.</i>

	*Nhận xét: Thành ngữ giúp cho câu văn trở nên súc tích, bóng bẩy, gợi nhiều liên tưởng, gây ấn tượng mạnh hơn.
	Bài tập 3/tr.11: Nhận xét về việc sử dụng thành ngữ "đẽo cày giữa đường" ở hai trường hợp sau: <i>a. Anh làm việc này chắc nhiều người góp cho những ý kiến hay. Khác gì đẽo cày giữa đường.</i> <i>b. Chín người mười ý, tôi biết nghe theo ai bây giờ? Thật là đẽo cày giữa đường.</i> <u>Đáp án bài 3:</u> - Câu (a) chưa hợp lí. Vì "đẽo cày giữa đường" nói đến hành động một cách thiếu chủ kiến, quá bị động bởi ý kiến của những người xung quanh nên cuối cùng chẳng đạt được kết quả gì trong khi câu (a) chỉ cho thấy đối tượng giao tiếp được nhiều người góp cho những ý kiến hay (thì cần nghe theo) mà không nói anh ta có thiếu chủ kiến hay bị động hay không. - Việc sử dụng thành ngữ trong câu (b) là hợp lí. Vì người nói đã nhận được nhiều ý kiến của người khác, nhưng còn đang phân vân, chưa đưa ra được chủ kiến của mình.

	Bài tập 4/tr.11: Hãy đặt 4 câu, mỗi câu sử dụng một trong số các thành ngữ sau: <i>a. Học một biết mười</i> <i>b. Học hay, cày biết</i> <i>c. Mở mày mở mặt</i> <i>d. Mở cờ trong bụng</i> <u>Đáp án bài 4:</u> <i>a. Bạn ấy đúng là học một biết mười./ Thần đồng là những đứa bé có khả năng rất đặc biệt: học một biết mười.</i> <i>b. Học tập phải gắn liền với thực tiễn, như thế mới có thể học hay, cày biết./ Mẹ bảo: Anh Thành giỏi giang, học hay, cày biết, ở đâu cũng sống được.</i> <i>c. Anh ấy mới giành được học bổng toàn phần ở Mỹ, làm cho cả nhà được mở mày mở mặt./ Con cái khôn ngoan, hiểu thuận làm cho cha mẹ mở mày mở mặt.</i> <i>d. Khi nghe cô giáo đọc đáp án bài thi, An như mở cờ trong bụng./ Biết bài kiểm tra phần nói tiếng Anh của mình được đánh giá cao, tôi như mở cờ trong bụng.</i>

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng hiểu biết về thành ngữ để điền vào câu văn cho đúng.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, để giải quyết bài tập vào vở.

c. Sản phẩm: Bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*GV chiếu bài tập, yêu cầu HS thực hiện.

Bài tập: Đặt câu với các thành ngữ sau cho phù hợp: *đổ xuống sông xuống biển; tham sống sợ chết; nước đổ lá khoai; lòng lang dạ thú.*

- HS làm xong và báo cáo, GV cho nhận xét hoàn thiện và đưa ra VD để HS điền tiếp xem mức độ hiểu nghĩa và vận dụng thành ngữ của HS như thế nào.

1) *Chúng y thế đông người, lại có súng ống chứ thực chất chúng (.....) hơn ai hết.* (Đỗ Quang Tiến).

2) *Nhưng đối với tôi, trận đòn và những lời xỉ vả ấy như (.....).* (Lê Bá Tùng)

3) *Trừ những kẻ (.....), còn ai nghĩ đến mà chẳng động lòng thương xót đồng bào huyết mạch.* (Phạm Duy Tồn).

4) *Thế là những sự mong mỏi của mình hơn một năm nay (.....)* (Ngô Tất Tố).

- HS làm bài tập, trình bày; GV nhận xét kết luận.

*GỢI Ý ĐÁP ÁN:

Câu 1: *tham sống sợ chết;*

Câu 2: nước đổ lá khoai;

Câu 3: lòng lang dạ thú;

Câu 4: đổ xuống sông xuống biển

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;
- Đọc trước văn bản 4. Một số câu tục ngữ Việt Nam.

Bài 6- Tiết: 76&77

VĂN BẢN 4

MỘT SỐ CÂU TỤC NGỮ VIỆT NAM

I. Mục tiêu

- Về hình thức, tục ngữ thường ngắn gọn, cô đúc; phần lớn có vần điệu; nhịp nhàng, cân đối; hoàn chỉnh về ngữ pháp.
 - Về nội dung, tục ngữ thường đúc kết kinh nghiệm về tự nhiên, về lao động sản xuất, về ứng xử trong cuộc sống.
 - Vai trò của tục ngữ trong văn học, đời sống và trong giao tiếp xã hội: mặc dù có quy mô nhỏ, nhưng tục ngữ vẫn tồn tại với tư cách là một loại sáng tác ngôn từ dân gian, vị trí ngang hàng giữa tục ngữ với các loại sáng tác ngôn từ dân gian khác như ca dao, vè,... Từ đó, các em có khả năng đọc hiểu những câu tục ngữ lưu truyền trong đời sống, biết vận dụng tục ngữ trong một số tình huống giao tiếp.
 - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
 - Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập.
 - Cảm nhận được tình yêu quê hương đất nước, yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của các vùng miền và những kinh nghiệm, trí tuệ, cách ứng xử dân gian.
- * Duy đọc văn bản, nhận biết hình thức, nội dung một số câu tục ngữ, ghi bài vào vở.**

*** Tích hợp giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Thông qua một số câu tục ngữ Việt Nam giúp các em có những kinh nghiệm sống dân gian mà ông cha ta để lại.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.
- Các hình ảnh, video liên quan.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Kết nối, tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
- Nội dung:** HS trao đổi nhóm chia sẻ, suy nghĩ cảm xúc của bản thân về phong cách ẩm thực và đặc sản quê mình.
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.
- Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu vấn đề cho HS trao đổi thảo luận, suy nghĩ và trình bày (GV khơi gợi để HS nói được những nội dung có thể kết nối với VB đọc):

1. Khi trò chuyện với người khác, đã bao giờ em dùng tục ngữ chưa? Hãy giải thích việc em dùng tục ngữ trong trường hợp đó.

2. Theo em, vì sao người ta lại dùng tục ngữ trong một số tình huống giao tiếp thường ngày?

***GỢI Ý:**

1. VD: Đó là lúc lớp em đang đi dã ngoại, các bạn đã thu được rất nhiều kiến thức mới mẻ, em đã nói với các bạn: "Đúng là chúng ta đi một ngày đàng, học một sàng khôn".

2. Người ta dùng tục ngữ trong một số tình huống giao tiếp thường ngày vì tục ngữ là những điều đã được đúc kết kinh nghiệm sống, sử dụng tục ngữ sẽ làm cho câu nói súc tích, lời ít ý nhiều, đạt hiệu quả giao tiếp tốt hơn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, sau đó chia sẻ cảm xúc, trải nghiệm bản thân.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ, trình bày cởi mở những suy nghĩ, hiểu biết của bản thân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét thái độ làm việc, câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

- **GV dẫn vào bài:** Với tư cách là một loại sáng tác ngôn từ dân gian, tục ngữ có vị trí ngang hàng với các loại sáng tác ngôn từ dân gian khác như ca dao, vè,... Những câu tục ngữ được lưu truyền trong đời sống từ bao đời nay giống như một kho tàng trí tuệ dân gian vô cùng quý giá. Bài học hôm nay chúng ta sẽ được tìm hiểu "túi khôn" này của dân gian để có thêm hiểu biết, vận dụng vào trong một số tình huống, nhằm tăng hiệu quả giao tiếp.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về văn bản.

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét chung về tác phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Tìm hiểu chung	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV yêu cầu HS đọc VB: đọc tách bạch từng câu, nhịp điệu rành mạch, âm lượng vừa phải, dễ nghe. + Trong quá trình đọc, các em cần chú ý các thẻ chiến lược đọc bên phải để nhận diện	1. Đọc và tìm hiểu chú thích - cần: siêng năng. - tày: bằng. - nề : ngại (nghĩa trong văn bản). 2. Chủ đề: đúc kết nhận thức về tự nhiên và xã hội, kinh nghiệm về

nhanh các chủ đề và đặc điểm chung về hình thức (số dòng, số tiếng, nhịp, vần) của các câu tục ngữ. + Chú ý phân chú thích ở chân trang. + Gọi một vài HS lần lượt đọc thành tiếng VB. (đọc 2 đến 3 lần) *GV yêu cầu HS tìm hiểu và giải thích các từ ngữ khó trong SGK. *GV nêu câu hỏi trong đọc: 1) <i>Những chủ đề được thể hiện qua các câu tục ngữ.</i> 2) <i>Nét chung nhất về hình thức của các câu tục ngữ.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục 2. * Duy đọc văn bản, nhận biết chủ đề, hình thức câu tục ngữ, ghi bài vào vở.	đạo đức và cách ứng xử trong đời sống. 3. Hình thức: ngắn gọn, nhịp nhàng, cân đối, có vần điệu.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu chi tiết

a. Mục tiêu:

- Giúp HS tìm hiểu đặc sắc về hình thức và nội dung, ý nghĩa, bài học của các VB; rút ra đặc điểm của tục ngữ.
- Bồi dưỡng cho các em tình yêu, sự trân trọng những kinh nghiệm và lời khuyên dạy sâu sắc của dân gian.

b. Nội dung: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB qua phiếu học tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP 05 (Tìm hiểu hình thức tục ngữ)

Các phương diện	Biểu hiện	Nhận xét
1) Số tiếng:	...	Độ dài:...
2) Gieo vần:	...	Tác dụng:...

3) Tính cân đối trong cấu trúc ngôn từ:	...	Tác dụng:...
4) Câu tục ngữ có hình thức của thể thơ quen thuộc:	...	Thể thơ:...

PHIẾU HỌC TẬP 6

(Tìm hiểu chủ đề, ý nghĩa, bài học của tục ngữ)

STT	Chủ đề	Câu TN	Hình thức thể hiện	Ý nghĩa, bài học
1.	...	...	...	...
2.	...	...	...	...
3.	...	...	...	...
4.	...	...	...	...
5.	...	...	...	...
...	...	...	...	...

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Tìm hiểu chi tiết	
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc thầm các câu tục ngữ và thảo luận nhóm (cặp bàn) các câu hỏi theo Phiếu học tập số 5 : <i>1) Tìm hiểu số tiếng trong những câu tục ngữ trên, từ đó rút ra nhận xét chung về độ dài của tục ngữ.</i> (GV gợi ý các em đếm số tiếng và cho biết: Ngắn nhất là câu nào, bao nhiêu tiếng? Dài nhất là câu nào, bao nhiêu tiếng? Từ đó, đưa ra nhận xét chung) <i>2) Trong 15 câu tục ngữ ở trên, những câu nào có gieo vần? Việc gieo vần như vậy có tác dụng gì?</i> <i>3) Tính chất cân đối trong cấu trúc ngôn từ được thể hiện như thế nào ở những câu tục ngữ trên? Việc tạo nên sự cân đối trong cấu trúc của một câu tục ngữ có tác dụng gì?</i> (GV gợi ý cho HS suy nghĩ: Thế nào là cân đối? Hãy nêu một ví dụ về tính chất cân đối trong ngôn ngữ. HS lên bảng	1. Đặc điểm hình thức 1. Số tiếng: - Ngắn nhất có 5 tiếng (câu 9); dài nhất 14 tiếng (câu 15). - Nhận xét chung: ngắn gọn. 2. Gieo vần: - Trong 15 câu tục ngữ ở trên, trừ câu (14), các câu còn lại đều có gieo vần. - Tác dụng của cách hiệp vần: giúp cho câu tục ngữ trở nên dễ nhớ, dễ thuộc. 3. Tính cân đối trong cấu trúc ngôn từ: a. Sự cân đối giữa hai vế trong một dòng: - <i>Nắng chóng trưa, mưa chóng tối.</i> - <i>Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa.</i> - <i>Đói cho sạch, rách cho thơm</i> - <i>Mây kéo xuống biển thì nắng chang chang, mây kéo lên ngàn thì mưa như trút.</i> b. Sự cân đối giữa bốn vế trong một dòng: - <i>Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.</i> c. Sự cân đối giữa hai dòng của một câu tục ngữ: - <i>Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng</i>

trình bày, GV phân tích một vài trường hợp cụ thể: cân đối ở số tiếng trong câu; từ loại; thanh điệu: bằng –trắc; hình ảnh tương đồng hoặc tương phản...)

4) Câu tục ngữ nào trong bài học này có hình thức của một thể thơ quen thuộc, được dùng rất nhiều trong ca dao của người Việt? Nêu thêm hai câu tục ngữ có hình thức tương tự.

(GV nêu thêm một số yêu cầu: Em hãy đọc một vài câu ca dao đã học ở bài "Quê hương yêu dấu", lớp 6 và cho biết thể thơ được sử dụng trong các câu ca dao đó. Đọc lại các câu tục ngữ trong bài tìm xem câu nào có số tiếng ở từng dòng giống với câu ca dao em vừa đọc. Tìm thêm những câu mà em biết. VD: "Lúa chiêm lấp ló đầu bờ/ Hễ nghe tiếng sấm phất cờ mà lên";, "Trăm năm bia đá thì mòn/ Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ"; "Cười người chớ vội cười lâu/ Cười người hôm trước, hôm sau người cười";...)

5) Từ việc tìm hiểu ở trên em hãy rút ra nhận xét: Tục ngữ là loại sáng tác như thế nào? Do ai sáng tác? Chúng có đặc điểm hình thức ra sao? (Quan sát những đặc điểm vừa phân tích ở trên; tham khảo Tri thức Ngữ văn SGK tr.5)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS các nhóm thảo luận và hoàn thiện vào trong phiếu HT.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của một số cặp tiêu biểu, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.

- Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2.

- Ngày tháng Mười chưa cười đã tối.

- Kiến cánh võ tổ bay ra

Bão táp mưa sa gần tới.

***Tác dụng:**

- Tạo cho câu tục ngữ có âm hưởng chắc nịch. Do đó, những bài học, những kinh nghiệm có sức nặng của chân lí.

- Góp phần làm cho tục ngữ trở nên hấp dẫn về nghệ thuật, dễ nhớ, dễ thuộc.

4. Câu TN có hình thức của thể thơ quen thuộc: lục bát: “Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”.

=>**Tục ngữ** thuộc loại sáng tác dân gian, là những câu nói ngắn gọn, nhịp nhàng, cân đối, thường có vần điệu, hoàn chỉnh về ngữ pháp (là một câu).

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS đọc thầm các câu TN, sau đó tổ chức cho HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi trong Phiếu học tập số 6. Có thể cho mỗi nhóm thực hiện một chủ đề. GV gợi ý:

***Nhiệm vụ 1:** Thảo luận để hoàn thành Phiếu HT số 6 với những gợi ý sau:

1) Có thể phân chia các câu tục ngữ trên vào những chủ đề nào?

(Có thể phân chia theo các chủ đề: Nhận thức về tự nhiên; Đời sống lao động; Đời sống ứng xử được không?)

2) Chỉ ra hình thức thể hiện của những câu tục ngữ có gì độc đáo về từ ngữ, hình ảnh, cấu trúc, phép tu từ, ở mỗi câu được thể hiện một cách trực tiếp, hay có tính chất ẩn dụ.

3) Từ đó, hãy rút ra ý nghĩa bài học của từng câu. *** Tích hợp giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.**

***Nhiệm vụ 2:** Thảo luận để trao đổi câu hỏi sau:

Ý nghĩa của câu tục ngữ số 11 và số 12 có loại trừ nhau không? Em rút ra được bài học gì từ hai câu tục ngữ đó?

- GV cho HS đưa ra quan điểm riêng, không áp đặt. Nên cho các nhóm thảo luận ý kiến. Nếu ý kiến giữa các nhóm giống nhau thì yêu cầu trao đổi với nhau cách lập luận. Nếu trái ngược nhau thì cho tranh luận để tìm ra ý kiến có sức thuyết phục hơn. Điều quan trọng nhất chưa phải là khẳng định hai câu có loại trừ nhau hay không, mà ở khả năng lập luận để bảo vệ quan điểm của mình.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện từng nhiệm vụ theo phân công của nhóm.

- GV quan sát, khích lệ và giúp đỡ HS

2. Ý nghĩa, bài học

a. Chủ đề kinh nghiệm về thời tiết (từ câu 1 đến câu 5)

1) *Gió heo may, chuồn chuồn bay thì bão.*

- Gieo vắn lưng -> **Kinh nghiệm dự báo thời tiết. Khi trời nổi gió heo may se se lạnh, tầm tháng 8 và chuồn chuồn bay ra nhiều thì sắp có bão, mọi người lo chằng chống nhà cửa...**

2) *Kiến cánh võ tổ bay ra/Bão táp mưa sa gần tới.*

- Gieo vắn "a", thành ngữ "bão táp mưa sa" -> **Kinh nghiệm dự báo thời tiết. Khi kiến bay ra khỏi tổ, báo hiệu sắp có mưa bão to ập đến, mọi người lo chằng chống nhà cửa, bảo vệ hoa màu.**

3) *Mây kéo xuống biển thì nắng chang chang, mây kéo lên ngàn thì mưa như trút.*

- Hai vế đối xứng, đối lập: Vào mùa đông, khi gió thổi từ biển vào đất liền, lên núi thì mang theo nhiều hơi nước hình thành những đám mây lớn cho mưa lớn; còn vào mùa hè, gió từ Lào xuống sẽ ra biển Đông và mang theo không khí khô (đã trút hết mưa bên Tây Trường Sơn) vì thế thấy mây kéo từ núi xuống ra bể (biển) thì sẽ nắng khô. Quan sát mây để đoán việc nắng mưa, chủ động công việc và sản xuất.

4) *Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng*

Ngày tháng Mười chưa cười đã tối.

- Cách nói quá, các vế đối xứng-> **ở nước ta, vào mùa hạ đêm ngắn ngày dài, vào mùa đông thì ngược lại đêm dài ngày ngắn. Đây là bài học về cách sử dụng thời gian sao cho chủ động mọi kế hoạch làm việc, phù hợp giữa các mùa.**

5) *Nắng chóng trưa, mưa chóng tối.*

- Gieo vắn lưng, đối xứng -> Ngày nắng thì cảm thấy buổi trưa đến sớm hơn vì thời tiết nóng bức, ngột ngạt. Ngày mưa trời âm u nên tối sớm. Vì vậy, cần biết chủ động sắp xếp công việc sao cho hợp lí.

b. Chủ đề kinh nghiệm về lao động sản xuất

thực hiện.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS từng nhóm lần lượt lên trình bày.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn.
- GV nhận xét thái độ trong quá trình làm việc của HS, chốt ý, bổ sung:
- GV chuyển nội dung 3.

(từ câu 6 đến câu 8).

6) *Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.*

- Liệt kê các yếu tố của nghề trồng lúa -> Nghề trồng lúa cần có đủ 4 yếu tố: *nước, phân, cần, giống*. Trong đó yếu tố quan trọng hàng đầu là nước. **Đây là bài học về nghề trồng lúa, đảm bảo 4 yếu tố thì lúa tốt, mùa màng bội thu.**

7) *Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa.*

- Kết câu 2 về đối xứng, gieo vần lưng -> Câu tục ngữ đã truyền đạt kinh nghiệm về thời tiết liên quan đến cây trồng đặc thù. Khi thời tiết nắng nóng thì sẽ thích hợp để trồng dưa, còn khi thời tiết mưa nhiều, đất ẩm thì sẽ thích hợp để trồng lúa nước. **Kinh nghiệm giúp cho nhân dân ta chủ động lựa theo thời tiết mà trồng loại cây cho phù hợp và có năng suất cao. Việt Nam là đất nước có thời tiết theo mùa nên việc chủ động trồng trọt cho phù hợp với thời tiết để có năng suất sao cho phù hợp để có năng suất cao là vô cùng cần thiết.**

8) *Làm ruộng ba năm không bằng chăn tằm một lứa.*

- Phép so sánh để nhấn mạnh việc làm ruộng, ba năm không hiệu quả, năng suất và cho thu nhập cao bằng chăn nuôi tằm một lứa. Câu TN đề cao giá trị, hiệu quả của việc nuôi tằm, người lao động cần cân nhắc, lựa chọn để chuyển đổi.

c. Chủ đề kinh nghiệm về đời sống xã hội (từ câu 9 đến câu 15).

9) *Người sống hơn đồng vàng.*

- So sánh -> **Nhấn mạnh giá trị con người còn quý hơn cả vàng. Con người cần phải biết trân trọng, bảo vệ, giữ gìn sức khỏe, mạng sống của mình và của mọi người.**

10) *Đói cho sạch, rách cho thơm.*

- Đối ý, đối xứng giữa hai vế -> nhấn mạnh con người có thiếu thốn vật chất cũng cần phải giữ gìn phẩm chất trong sạch. **Dù trong hoàn cảnh nào cũng không được để cho phẩm chất bị hoen ố.**

11) *Không thầy đố mày làm nên.*

- Trong việc học hành, thành đạt, không thể thiếu thầy dạy. **Câu TN nhắc nhở phải ghi nhớ công lao dạy dỗ của thầy; muốn thành đạt thì phải tìm thầy mà học.**

12) *Học thầy chẳng tày học bạn.*

- Cách học theo thầy đôi khi không bằng học từ bạn bè. **Muốn học tốt phải tích cực, chủ động tự học và mở rộng việc học ra xung quanh.**

13) *Muốn lành nghề, chớ nề học hỏi.*

- Gieo vắn lung-> nhấn mạnh việc muốn giỏi nghề, tinh nghề thì không được ngại khó học hỏi thường xuyên thì tay nghề sẽ vững vàng, chắc chắn.

14) *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.*

- Mọi thứ không tự nhiên mà có, vì vậy khi hưởng thụ thành quả thì phải biết ơn công sức người đã tạo ra thành quả đó,...

15) *Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.*

- Hình thức; sử dụng thể thơ lục bát. Một cây đơn lẻ không làm thành rừng núi nhưng nhiều cây gộp lại sẽ thành rừng rậm, núi cao. Khuyến nhủ mỗi người cần phải biết đoàn kết để tạo thành sức mạnh, tránh lối sống cá nhân, đơn lẻ, thiếu liên kết.

=> Những câu 4,9,10,14,15 là những câu dùng hình ảnh có tính chất ẩn dụ; những câu còn lại thể hiện ý nghĩa một cách trực tiếp.

***So sánh hai câu:**

"*Không thầy đố mày làm nên*" với câu:

"*Học thầy không tày học bạn*"

=> các câu tục ngữ luôn gắn với những hoàn cảnh sống khác nhau. Mỗi câu thể hiện những bài học riêng và được vận dụng có hiệu quả trong một hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.

+ Một câu khẳng định trong học tập, người thầy đóng vai trò rất quan trọng. Thầy giỏi, có phương pháp dạy học tốt thì trò sẽ mau tiến bộ.

+ Một câu nhấn mạnh, khi giải quyết những vấn đề thực tế, học cách làm của bạn là rất cần thiết. Nhiều người thành đạt nhờ học được

	kinh nghiệm từ những người bạn giỏi. Vậy phải hiểu: “ <i>Học thầy chẳng tày học bạn.</i> ” có nghĩa: Học thầy là rất quan trọng, nhưng cũng phải biết học bạn nữa. Hiểu như vậy, hai câu tục ngữ trên không hề loại trừ nhau.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc lại toàn bài và sử dụng phương pháp đàm thoại để kích thích khả năng suy nghĩ của HS về vấn đề: 1) <i>Những vấn đề về ứng xử, về đạo đức của con người là chuyện nhất thời hay bền vững? Có sự biến đổi theo thời gian không?</i> 2) <i>Tại sao trong nhiều hoàn cảnh giao tiếp hiện nay, người ta vẫn thường dùng những câu tục ngữ ra đời từ hàng trăm năm trước?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu. - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS lên trình bày. Bước 4: Đánh giá, kết luận - HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn. - GV nhận xét thái độ trong quá trình làm việc và kết quả làm việc của HS. - GV chuyển sang phần tổng kết. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	3. Giá trị sử dụng - Theo thời gian, cuộc sống xã hội của con người luôn thay đổi, nhưng cũng có những yếu tố hết sức bền vững. - Sở dĩ, con người thời hiện đại với điều kiện sống khác xưa, nhưng vẫn dùng tục ngữ trong nhiều hoàn cảnh giao tiếp là nhờ những yếu tố bền vững đó. - Ví dụ, thời nào thì con người vẫn quý hơn mọi thứ trên đời, cho nên câu: “<i>Người sống hơn đồng vàng</i>” chưa bao giờ sai; hoặc tinh thần đoàn kết vẫn là chuyện cần thiết muôn thuở của con người, vậy câu: “<i>Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.</i>” vẫn còn nguyên giá trị.

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát giá trị nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB; cách đọc VB tục ngữ.

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức HS hoạt động cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung, hoàn thiện.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
III. Tổng kết	

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS làm việc cá nhân: 1) Tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của VB. 2) Nêu thông điệp ý nghĩa của VB. 3) Em rút ra bài học gì về cách đọc VB theo thể loại tục ngữ? * Tích hợp giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV chuẩn kiến thức.	1. Nghệ thuật - Ngắn gọn, nhịp nhàng cân đối; - Có vần, nhịp giàu hình ảnh cụ thể, gần gũi; - Thường dùng các hình ảnh so sánh, ẩn dụ. 2. Nội dung – Ý nghĩa - Những câu tục ngữ đã đúc kết sâu sắc những kinh nghiệm về tự nhiên, về lao động sản xuất, về cách ứng xử trong cuộc sống. Từ đó đưa ra những lời khuyên bổ ích về thời tiết, về công việc lao động, và về cách ứng xử, đạo đức làm người. Tục ngữ thực sự là kho tàng trí tuệ của nhân dân. 3. Cách đọc VB tục ngữ - Đọc kĩ VB để xác định chủ đề của tục ngữ. - Phát hiện các yếu tố đặc sắc về nghệ thuật như: ngôn ngữ, tiếng, vần, nhịp, cấu trúc, hình tượng, các biện pháp nghệ thuật,...; phân tích những yếu tố đó; - Phân tích, đánh giá được giá trị nhận thức, văn hoá, giáo dục, thẩm mĩ từ VB; - Liên hệ để thấy ý nghĩa của VB đối với nhận thức và tình cảm của bản thân, bài học nhận thức từ kinh nghiệm dân gian, tiếp nhận và hiểu thêm về văn hoá dân tộc.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố hiểu biết về ý nghĩa của các VB.
- b. Nội dung:** HS làm việc theo cặp bàn dựa vào VB vừa học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm:** Bài tập hoàn thiện của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS làm việc theo cặp bàn để hoàn thành bài tập sau:

BÀI TẬP: Đánh dấu (x) vào ô đúng hoặc sai cho mỗi nhận định ở bài tập sau đây:

Câu hỏi	Nhận định	Đúng	Sai

Câu 1. Những kinh nghiệm đúc kết từ hiện tượng thiên nhiên và trong lao động sản xuất đã cho thấy người dân lao động nước ta có những khả năng nào?	a. Khả năng quan sát tỉ mỉ và nhận xét chính xác để chủ động trong công việc.		
	b. Khả năng ăn nói khéo léo trong giao tiếp.		
	c. Khả năng am hiểu sâu sắc trong trồng trọt và chăn nuôi.		
	d. Khả năng lưu giữ và truyền bá kinh nghiệm làm ăn cho con cháu.		
Câu 2. Tục ngữ lao động sản xuất và thiên nhiên còn có ý nghĩa gì trong cuộc sống hiện đại hôm nay?	a. Kết hợp với khoa học sẽ dự đoán chính xác hơn các hiện tượng thời tiết để chủ động mọi công việc.		
	b. Khoa học đã phát triển những kinh nghiệm đúc kết trong tục ngữ không còn phù hợp chính xác, do vậy không tận dụng được gì.		
	c. Kết hợp với khoa học kỹ thuật để không ngừng phát triển sản xuất, nâng cao đời sống.		
	d. Giúp chúng ta hôm nay hiểu hơn về đời sống sản xuất lao động của cha ông ngày xưa.		
Câu 3. Từ những câu tục ngữ về con người và xã hội, giúp ta hiểu những quan điểm và thái độ sâu sắc nào của dân gian?	a. Dân gian đòi hỏi cao về cách sống, cách làm người.		
	b. Dân gian mong muốn con người phải luôn tu dưỡng để hoàn thiện nhân cách.		
	c. Đề cao, tôn vinh giá trị làm người.		
	d. Không yêu cầu cao, mọi người hãy tự thân phát triển nhân cách của mình.		
Câu 4. Về hình thức những câu tục ngữ có gì đặc biệt?	a. Thường dùng các hình ảnh so sánh hoặc ẩn dụ.		
	b. Ngôn ngữ thường ngắn gọn hàm súc, các vế có cấu trúc đối xứng.		
	c. Thường có vần có nhịp dễ nhớ dễ thuộc.		
	d. Thường dùng những câu kể lại sự việc.		

*Gợi ý đáp án:

- Câu 1 nhận định đúng là: a,c,d.
- Câu 2 nhận định đúng là: a,c,d.
- Câu 3 nhận định đúng là: a,b,c.
- Câu 4 nhận định đúng là: a,b,c.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, làm việc theo cặp bàn để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày, HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, tuyên dương HS.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS phát triển kỹ năng viết câu, đoạn.

b. Nội dung: HS viết đoạn văn vận dụng hiểu biết dùng tục ngữ.

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao nhiệm vụ cho HS (có thể thực hiện ngay trên lớp hoặc về nhà):

***VIẾT KẾT NỐI ĐỌC**

Bài tập: Hãy ghi lại một cuộc đối thoại (giả định) giữa hai người (khoảng 5-7 câu), trong đó, một người có dùng câu tục ngữ: *Muôn lành nghề, chớ nề học hỏi.*

***Hướng dẫn:**

- Nhân vật trò chuyện với nhau là những ai? (mẹ-con; bố-con; thầy-trò; anh chị-em, bạn bè, ..)
- Hoàn cảnh cuộc trò chuyện là gì? (bàn về học nghề, bàn về thành công,..)
- Nội dung trò chuyện: liên hệ gì tới chuyện học nghề (khuyên nhủ, động viên, giải thích,..)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ: Viết ra giấy theo đúng yêu cầu, sau đó chỉnh sửa bài viết.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi HS lên trình bày.
- HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV đánh giá, nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

BÀI VIẾT THAM KHẢO

Linh và Lan đang chia sẻ với nhau về những định hướng nghề nghiệp. Linh hỏi:

- Lan, sau này cậu định làm nghề gì?
- Mẹ tớ bảo tớ học tốt tiếng Anh. Sau này tớ có thể làm cô giáo hoặc phiên dịch viên. Nhưng tớ vẫn đang lo.
- Cậu lo điều gì?
- Tớ lo là tớ không thể dạy cho người khác hiểu hoặc tớ không phiên dịch nhanh được.
- Đừng lo! Muôn lành nghề, chớ nề học hỏi mà!

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung đã học trong bài; - Chuẩn bị soạn bài: Thực hành tiếng Việt: Nói quá.

HẾT.

Ngày soạn: 15/1/2024

Ngày dạy: 23, 24, 25, 26/1/2024

30, 31/1; 1, 2/2/2024

TUẦN 20- BÀI 6
Tiết: 78 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
NÓI QUÁ

I. Mục tiêu:

Giúp HS:

- Hiểu, nắm vững được đặc điểm của biện pháp tu từ nói quá, những cách gọi khác nhau của biện pháp tu từ này (phóng đại, cường điệu, thậm xưng, ngoa dụ,...), các cách thức thể hiện biện pháp tu từ nói quá, mục đích của việc sử dụng nói quá trong ngôn ngữ sinh hoạt và ngôn ngữ văn học.
- Nhận diện và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ nói quá trong những trường hợp cụ thể, biết vận dụng biện pháp tu từ nói quá một cách phù hợp.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện, giải quyết các bài tập một cách sáng tạo, hiệu quả.
- Chăm chỉ: Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

*** Em Duy nhận biết biện pháp tu từ nói quá, ghi nội dung bài học vào vở, làm bài tập số 1/ sgk.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị:

- Máy chiếu, bảng phụ, giấy A0, bút màu...

2. Học liệu:

- Sưu tầm các đoạn văn thơ đặc sắc có dùng từ địa phương.
- Phiếu học tập.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp HS tạo tâm thế hào hứng, kết nối tri thức để bước vào bài học.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi, so sánh, nhận xét để dẫn dắt HS vào vấn đề đặt ra trong bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu yêu cầu, HS suy nghĩ trả lời.

? So sánh về cách diễn đạt trong 2 trường hợp của 2 câu sau:

*** Trường hợp thứ 1:**

A1. Trời rét thế này mà cậu mặc áo cộc tay. Cậu đúng là khoẻ thật đấy.

A2. Trời rét cắt da cắt thịt thế này mà cậu mặc áo cộc tay. Cậu đúng là khoẻ như voi.

*** Trường hợp thứ 2:**

B1. Ông ấy rất ki bo, không bao giờ cho ai cái gì đâu.

B2. Ông ấy vắt cổ chày ra nước, không bao giờ cho ai cái gì đâu.

***Gợi ý:**

- A1, B1 diễn đạt theo cách thông thường;
- A2, B2 diễn đạt quá mức độ, tính chất thường thấy.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- + HS thực hiện cá nhân nhiệm vụ.
- + GV quan sát, nhắc nhở, hỗ trợ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm.
- + GV nghe, quan sát học sinh, trình bày tổng kết.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- + Học sinh: tự đánh giá, nhận xét đánh giá lẫn nhau.
- + GV nhận xét, đánh giá.
- + **GV chốt vấn đề, dẫn dắt vào bài:** Trường hợp A2, B2 diễn đạt quá mức độ, tính chất thường thấy thì người ta gọi là nói quá. Vậy nói quá là cách diễn đạt như thế nào và có tác dụng gì thì bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.

Hoạt động 2: Khám phá kiến thức

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái niệm và tác dụng của nói quá

- a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết khái niệm và hiểu tác dụng của nói quá.
- b. Nội dung:** HS suy nghĩ để nhận biết khái niệm và tác dụng nói quá.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm									
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc thầm thẻ trong SGK; sử dụng phương pháp phân tích ngôn ngữ: đưa ra ví dụ cụ thể, cho HS làm việc cặp đôi, thảo luận để trả lời câu hỏi: *Nhiệm vụ 1: 1) Nhận xét về đối tượng, tính chất, đặc điểm, quy mô thực của đối tượng so với hình ảnh được thể hiện trong câu ca dao sau: “Con rận bằng con ba ba Đêm nằm nó ngứa cả nhà thất kinh” (Ca dao) 2) Từ ví dụ vừa phân tích, em hiểu nói quá là biện pháp tu từ như thế nào? (rút ra khái niệm)	1. Nói quá a. Khái niệm: - Là biện pháp tu từ dùng cách nói phóng đại tính chất, quy mô của sự vật, hiện tượng. b. Tác dụng: - Gây ấn tượng đặc biệt, tăng sức biểu cảm hoặc gây cười. VD: “Lỗ mũi mười tám gánh lông/ Chồng yêu chồng bảo tơ hồng trời cho” (Ca dao) <table><tr><th>So sánh</th><th>Nói quá</th><th>Nói khoác</th></tr><tr><td>Giống</td><td colspan="2">Cùng là nói phóng đại quy mô, mức độ, tính chất của sự vật, hiện tượng.</td></tr><tr><td>Khác</td><td>nhằm nhấn mạnh và</td><td>làm cho người nghe</td></tr></table>	So sánh	Nói quá	Nói khoác	Giống	Cùng là nói phóng đại quy mô, mức độ, tính chất của sự vật, hiện tượng.		Khác	nhằm nhấn mạnh và	làm cho người nghe
So sánh	Nói quá	Nói khoác								
Giống	Cùng là nói phóng đại quy mô, mức độ, tính chất của sự vật, hiện tượng.									
Khác	nhằm nhấn mạnh và	làm cho người nghe								

*Nhiệm vụ 2: 1) Việc sử dụng cách nói quá trong hai trường hợp sau có tác dụng gì? (rút ra tác dụng của nói quá). 2) Tìm thêm các VD về nói quá được sử dụng trong văn thơ? 3) Nói quá có gì giống và khác so với nói khoác? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh tiếp nhận và thực hiện. - HS suy nghĩ. Viết câu trả lời ra giấy. Sau đó cùng trao đổi với bạn trong cặp đôi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. * Duy nhận biết biện pháp tu từ Nói quá và ghi nội dung bài học vào vở.	<table border="1"> <tr> <td>tăng sức biểu cảm, tạo độ tin cậy cao. (tác động tích cực)</td><td>tin vào điều không có thực, tạo ra sự khôi hài hoặc chế nhạo (tác động tiêu cực)</td></tr> </table>	tăng sức biểu cảm, tạo độ tin cậy cao. (tác động tích cực)	tin vào điều không có thực, tạo ra sự khôi hài hoặc chế nhạo (tác động tiêu cực)
tăng sức biểu cảm, tạo độ tin cậy cao. (tác động tích cực)	tin vào điều không có thực, tạo ra sự khôi hài hoặc chế nhạo (tác động tiêu cực)		

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:** củng cố cho HS nhận biết nói quá và tác dụng của nói quá.
- b. **Nội dung:** HS làm việc cá nhân, theo cặp bàn, hoàn thành bài tập vào phiếu, vở.
- c. **Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm bài theo cặp bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập 1, trang 13, xác định yêu cầu của bài: Bài tập 1/tr.13. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nói quá trong những câu tục ngữ sau: a. <i>Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng</i> <i>Ngày tháng Mười chưa cười đã tối.</i> b. <i>Ngày vui ngắn chẳng dài gang.</i> c. <i>Thuận vợ thuận chồng tát bể đông cũng cạn.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	2. Luyện tập Bài tập 1/tr.13: a. Biểu hiện của nói quá: <i>chưa nằm đã sáng, chưa cười đã tối</i>: chưa kịp nằm thì trời đã sáng, chưa kịp cười thì trời đã tối, (đêm tháng Năm và ngày tháng Mười đều quá ngắn). Nói thế là phóng đại, cường điệu lên, vì thực tế không đến mức như vậy. - Tác dụng: Nhằm tác động mạnh vào nhận thức của mọi người, giúp người ta hiểu được đặc điểm thời gian từng mùa để chủ động sắp xếp mọi việc cho phù hợp. b. <i>ngày vui ngắn chẳng tày gang</i>: cái ngắn

- HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đại diện trình bày, nhận xét. - HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá; - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý. * Duyệt làm bài tập 1 vào vở.	của thời gian như hiện hình, một ngày mà có thể lấy gang tay để đo, nghĩa là chỉ còn lại một mẫu. - Tác dụng: Để tạo ấn tượng. c. <i>Tát cạn bể đông</i> là chuyện không thể. Vậy nên khi đặt ra giả định: Nếu vợ chồng hoà thuận với nhau thì bể đông cũng có thể tát cạn, ta hiểu đó là cách nói phóng đại đến mức phi lí. - Tác dụng: Làm nổi bật được tầm quan trọng của sự hoà thuận vợ chồng.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS: a. <i>Cày đồng đang buổi ban trưa Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.</i> (Ca dao) b. <i>Trời nóng quá, mồ hôi nhỏ xuống ướt sũng cả sàn nhà.</i> c. <i>Đời người có một gang tay Ai hay ngủ ngày còn có nửa gang.</i> (Ca dao) d. <i>Bài văn này tôi chỉ làm vào trong năm phút, thế mà vẫn viết được ba trang.</i> - GV gợi ý cho HS thực hiện việc xác định câu nào là nói quá, câu nào là nói khoác. Kết quả có thể đúng hoặc sai. Quan trọng hơn là yêu cầu HS cho biết vì sao lại xác định như vậy. Từ đó đặt ra câu hỏi: 1) <i>Em nghi ngờ tính chân thực của những trường hợp nào? Trường hợp nào, em biết thực tế có thể không diễn ra như vậy, nhưng em không có nhu cầu xem xét tính hợp lí của nó, mà chỉ quan tâm đến ấn tượng mà cách nói đó gợi lên?</i> Khi GV hướng dẫn HS phân chia đúng các trường hợp vào hai loại, yêu cầu các em đọc lại, suy nghĩ để	Bài tập 2/tr.14: - Những câu sử dụng biện pháp tu từ nói quá: (a), (b), (c). - Câu nói khoác: (d). - Sự khác nhau giữa nói khoác và nói quá: + Giống nhau: phóng đại về mức độ, quy mô, tính chất của sự việc. + Khác nhau: *Nói quá: dựa trên cơ sở có thật, có tác dụng nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm. *Nói khoác: dựa trên cơ sở không có thật, có tác dụng gây cười. Trong một số trường hợp, có tác dụng tiêu cực nhằm làm cho người nghe tin vào những điều không có thật.

rút ra sự khác nhau giữa nói khoác và biện pháp tu từ nói quá. 2) Cho biết trong những câu sau, câu nào là nói quá, câu nào là nói khoác. Từ đó, nêu sự khác nhau giữa nói khoác và nói quá. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, thực hiện yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá. - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Hãy đặt 4 câu, mỗi câu sử dụng một trong số các cụm từ có biện pháp tu từ nói quá sau đây: <i>buồn nẫu ruột</i> <i>rụng rời chân tay</i> <i>cười vỡ bụng</i> <i>mệt đứt hơi</i> - GV gợi ý: Nên sử dụng những cụm từ đã cho ở vị ngữ, để nói về một hành động hoặc một trạng thái của con người, ví dụ: “<i>Biết kết quả thi, anh Nam buồn nẫu ruột, không muốn đi đâu cả.</i>”. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định - HS nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý.	Bài tập 3/tr.14: - Hôm nay bạn Lan được 6 điểm môn Văn, trông bạn ấy buồn nẫu ruột. - Bác Hùng cảm thấy rụng rời chân tay vì mấy ngày nay bác phải đi khuôn gạch. - Truyện Trạng Quỳnh làm em cười vỡ bụng. - Tiết Thể dục, chúng em thi chạy giữa các đội, đội em giành chiến thắng nhưng cũng mệt đứt hơi.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- Mục tiêu:** Khắc sâu và vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ nói quá.
- Nội dung:** HS thực hiện ở nhà bài tập.
- Sản phẩm:** Câu trả lời thể hiện hiểu biết của HS.

d. Tổ chức hoạt động: HS thực hiện ở nhà và báo cáo trên lớp ở giờ học sau.

Bài tập 1. Tìm các thành ngữ có sử dụng biện pháp nói quá để diễn đạt các ý sau.
Đặt câu với các thành ngữ đó.

- Sợ hãi khiếp đảm đến mức mặt tái mét.
- Luôn kề cạnh bên nhau hoặc gắn bó chặt chẽ khăng khít với nhau.
- Giống hệt nhau đến mức tưởng chừng như cùng một thể chất.
- Cả gan làm điều gì kém cỏi vụng về trước người hiểu biết tinh thông, tài cán hơn mình.

Bài tập 2. Suu tầm lời hát, lời thơ, câu văn có sử dụng phép nói quá.

***GỢI Ý:**

Bài tập 1.

Câu a. *mặt cắt không còn giọt máu (mặt cắt không ra máu).*

Câu b. *như hình với bóng.*

Câu c. *như hai giọt nước.*

Câu d. *đánh trống qua cửa nhà sấm.*

- Đặt câu **THAM KHẢO**

Câu a. Chỉ cần ba hơi lặn ngẩn, anh đã trôi lên trước mặt Thuý – một khuôn *mặt cắt không còn giọt máu*.

Câu b. Thôi cũng được và bắt đầu từ giờ phút này, lão phải theo ta *như hình với bóng*.

Câu c. Hai đứa giống nhau *như hai giọt nước*.

Câu d. Ồ làm gì cái vật ấy. Hiểu dụ cho dân nghe, chứ đâu dám *đánh trống qua cửa nhà sấm*.

Bài tập 2. HS tự suu tầm lời hát, lời thơ, câu văn có sử dụng phép nói quá.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;
- Đọc trước văn bản “*Con hổ có nghĩa*”.

Tiết:79

VĂN BẢN 5. CON HỔ CÓ NGHĨA (Vũ Trinh)

I. Mục tiêu

- VB *Con hổ có nghĩa* thuộc thể loại truyện truyền kì, không phải là thể loại VB mà HS cần học ở lớp 7. Nó được đưa vào bài học vì có sự kết nối về chủ đề với những truyện ngụ ngôn ở trên: gửi gắm những bài học đạo lí sâu sắc tới người đọc. Vì vậy, chỉ tập trung vào phương diện nội dung của nó, giúp HS hướng theo các giá trị nhân văn được tác giả khẳng định trong VB: đạo lí nhận ơn thì trả ơn.
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập.



- Có thái độ trân trọng những người đã giúp đỡ mình và tỏ lòng biết ơn đến họ bằng lời nói, hành động, cử chỉ,...

*** Duy đọc văn bản và ghi nội dung bài học vào vở.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.
- Tranh ảnh về một số lễ hội ở Việt Nam.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối, tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung: HS xem tranh, nghe câu hỏi và chia sẻ trải nghiệm cá nhân có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (PP vấn đáp, lắng nghe)

- GV cho HS quan sát clip con hổ và người đùa giỡn: (<https://1thegioi.vn/clip-ho-cuu-nguoi-khoi-bi-bao-vo-giua-bay-su-tu-15921.html>)
- GV nêu câu hỏi để HS cùng chia sẻ: *Nêu ấn tượng của bản thân em khi xem xong clip. Các em có biết, hổ còn được gọi là gì? Trong tâm thức của người Việt, họ ứng xử với hổ ra sao?*
- GV khích lệ HS chia sẻ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS lắng nghe, xem, suy nghĩ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS chia sẻ trải nghiệm cá nhân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

- GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

→GV dẫn vào bài: *Các em ạ!* Trong cuộc sống xung quanh vẫn còn một số người thờ ơ với nỗi đau của đồng loại, hoặc lại "qua cầu rút ván, khỏi rên quên thầy", nhận được sự giúp đỡ, ơn nghĩa của người khác nhưng làm ngơ. Điều đó thật đáng buồn. Tuy nhiên, cuộc sống của chúng ta cũng vẫn còn có những người can đảm, dám hy sinh bản thân mình để giúp đỡ, cứu giúp người khác mà không đòi hỏi. Và ngay cả đến con vật hung dữ như hổ cũng biết cư xử, sao cho phải đạo. Văn bản ***Con hổ có nghĩa*** của tác giả Vũ Trinh muốn truyền cho chúng ta một thông điệp sâu sắc ấy trong cuộc sống.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về VB.

b. Nội dung: Vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu chung về VB.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét chung về văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Tìm hiểu chung	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: *GV: 1) <i>Nêu hiểu biết của em về tác giả Vũ Trinh?</i> *GV chia hai mẫu chuyện cho HS đọc lần lượt: Chú ý cách đọc: Đọc tách bạch từng câu, ở mỗi câu, nhịp điệu phải rành mạch, âm rõ ràng, dứt khoát. - Cho HS thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn. *GV lưu ý HS tìm hiểu ý nghĩa các từ ngữ khó trong bài: 2) <i>Em hiểu "nghĩa" là gì? "Nghĩa" trong Vb "Con hổ có nghĩa" được hiểu như thế nào?</i> 3) <i>Trình bày xuất xứ, thể loại văn bản.</i> 4) <i>Văn bản kể về những sự việc gì? Mỗi sự việc tương ứng với đoạn VB nào?</i> 5) <i>Việc tác giả ghép hai câu chuyện khác nhau vào trong cùng một văn bản có ý nghĩa gì? Theo em, nếu bớt đi một chuyện, ý nghĩa của văn bản có thể bị ảnh hưởng như thế nào?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát và nhận xét; Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	1. Tác giả: - Vũ Trinh: (1759-1828), quê Bắc Ninh. 2. Tác phẩm: *Đọc và tìm hiểu chú thích - <i>Nghĩa</i>: là lẽ phải, gặp việc tốt nên giúp đỡ người khác; chịu ơn thì phải biết trả ơn. *Xuất xứ: là tác phẩm viết bằng chữ Hán, in trong "<i>Lan Trì kiến văn lục</i>". *Kiểu VB: là VB truyện truyền kì trung đại. *Bố cục và nội dung từng phần: 2 phần - Đoạn 1: từ đầu đến <i>mà sống qua được</i>: Hổ trả nghĩa bà đỡ Trần. - Đoạn 2: tiếp đến hết: Hổ trả nghĩa bác tiều. *Nhận xét: - Việc tác giả ghép hai câu chuyện khác nhau vào trong cùng một văn bản nhằm mục đích nói đến con người giúp đỡ hổ và được hổ báo ơn. Từ đó để thấy rằng: + Đến loài vật tưởng như hung dữ, đáng sợ nhưng vẫn sống có nghĩa thì con người càng phải sống có nghĩa nhiều hơn. + Chuyện con hổ có nghĩa không chỉ có một câu chuyện mà nhiều câu chuyện, giúp cho văn bản trở nên phổ biến, đáng tin hơn. - Nếu bớt đi một chuyện, văn bản sẽ chỉ kể đơn thuần về một câu chuyện con hổ được người khác giúp đỡ và nó cảm ơn. Đó chỉ là một con hổ, một câu chuyện đơn lẻ, không thể bật ra ý con hổ có nghĩa như ở nhan đề.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu chi tiết

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết và phân tích được một số phẩm chất cao quý của con người như sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ người khác và lòng biết ơn, lối sống ân nghĩa, thủy chung của hai con hổ.

b. Nội dung: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc nhóm và cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7

(Tìm hiểu các chi tiết thể hiện hành động giúp đỡ và trả ơn;
thông điệp "có nghĩa" của VB)

Hành động	Chi tiết thể hiện	Nhận xét	Thông điệp "có nghĩa"
1. Hành động giúp đỡ:	- của bà đỡ Trần:.....	...	
	- của bác tiều:.....	...	
2. Hành động trả ơn:	- của con hổ được bà đỡ Trần giúp:.....	...	
	- của con hổ được bác tiều giúp:.....	...	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Tìm hiểu chi tiết	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS làm việc theo nhóm để hoàn thành Phiếu học tập số 7, gợi ý: 1) Các con hổ đã được bà đỡ Trần và bác tiều phu giúp đỡ như thế nào? 2) Hổ đã làm những gì để tri ân người giúp đỡ mình? 3) Em cảm nhận được điều gì về tiếng gầm của hai con hổ ở phần cuối mỗi câu chuyện? 4) Mượn hình tượng con hổ có nghĩa, tác phẩm đã gửi gắm bài học đạo lý nào cho con người? (Hãy rút ra thông điệp "có nghĩa" của tác phẩm).	1. Hành động giúp đỡ của bà đỡ Trần và bác tiều phu với con hổ - Các con hổ đã được: + Bà đỡ Trần đỡ đẻ cho mẹ con hổ cái. + Bác tiều phu giúp lấy cái xương bò to như cánh tay ra khỏi họng. => Họ đều có lòng dũng cảm và nhân ái, vị tha. Lúc đầu, họ đều hoảng sợ khi nhận ra con hổ, nhưng họ đã vượt qua nỗi sợ hãi (bà đỡ Trần nhận ra sự chỉ dẫn và những giọt nước mắt của hổ đực, bác tiều chủ động uống rượu lấy can đảm) để giúp hổ vượt qua khó khăn (đỡ một ca đẻ khó cho hổ cái, lấy cái xương bò hóc trong họng hổ).

*Để tìm ra ý nghĩa sâu sắc trong thông điệp, GV gợi ý cho HS khả năng thay thế con hổ bằng một nhân vật khác: <i>?Nhóm đối tượng nào sau đây có thể thay thế cho hổ:</i> + Nhóm 1: chó sói, sư tử, một kẻ hung tợn,... + Nhóm 2: thỏ, nai, một người dân bình thường,.... - GV dẫn dắt để HS nhận ra các đối tượng ở nhóm 1 thay thế là phù hợp, từ đó HS rút ra thông điệp, GV nhấn mạnh: <i>Ngay cả những đối tượng hung tợn, đáng sợ (thậm chí là dã thú) khi nhận được sự giúp đỡ cũng còn biết ơn và trả ơn.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm, nghe câu hỏi, theo dõi văn bản và thực hiện các yêu cầu vào phiếu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện HS trả lời. - HS khác nhận xét bổ sung (nếu cần) Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, điều chỉnh sai sót, chuẩn kiến thức: <i>Tuy cùng là tiếng gầm (thứ ngôn ngữ của loài hổ), nhưng ở những trường hợp khác nhau thì biểu hiện và ý nghĩa của nó cũng khác nhau.</i> + Con hổ thứ nhất “gầm lớn”: một lời chào tới ân nhân đang ở khoảng cách khá xa (độ lớn của âm thanh cần cho khoảng cách này). + Con hổ thứ hai “gầm gừ, gào lớn”: độ lớn của âm thanh lúc đầu là nhỏ hơn, chỉ “gầm gừ” như lời “tâm sự”, sau “gào lớn” như thể hiện nỗi đau thương trong lòng đối với ân nhân đã khuất. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	2. Hành động trả ơn người giúp đỡ của con hổ - Con hổ được bà đỡ Trần giúp: + Vừa quỳ vừa nhìn bà -> Thể hiện thái độ biết ơn + <i>Tặng khơi bạc</i> -> Tạ ơn bằng vật chất + <i>Dẫn ra khỏi rừng</i> -> Bảo vệ an toàn cho ân nhân. + <i>Quẩy đuôi tiễn biệt</i> - bà đỡ đi khá xa mới gầm lớn rồi rời đi -> Vừa quan sát để đảm bảo sự an toàn của ân nhân, vừa thể hiện tình cảm lưu luyến, trân trọng. - Con hổ được bác tiểu giúp: + <i>Nhìn khuôn mặt bác tiểu</i> -> Để ghi nhớ khuôn mặt ân nhân + <i>Mang hươu đến và gầm dữ dội</i> -> Tặng quà và gửi lời tri ân + <i>Đến trước mộ, dụi đầu vào quan tài, gầm gào</i> -> Đến viếng, thể hiện lòng thương mến, xót xa đối với ân nhân đã khuất. + <i>Ngày giỗ lại nhớ mang các con thú đến để ở ngoài cửa trong mấy chục năm liền</i> -> Tình cảm vững bền, khắc cốt ghi tâm ơn nghĩa của ân nhân với mình. *Tiếng gầm của hai con hổ ở phần cuối mỗi câu chuyện: Thể hiện sự cảm ơn và chào tiễn biệt của con hổ đối với ân nhân của mình. =>Hai con hổ sống vô cùng thủy chung, ân nghĩa. 3. Thông điệp "có nghĩa" - Con người hay con vật đều cần: + Có lòng nhân ái: yêu thương giúp đỡ nhau trong cuộc sống; + Sống ân nghĩa thủy chung, có trước có sau, đền đáp với người đã giúp đỡ mình.

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS đánh giá tổng kết, rút ra được những điểm đặc sắc về nghệ thuật và nội dung VB.

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân, HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
III. Tổng kết	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS hoạt động cá nhân: <i>?Nêu nét đặc sắc về nghệ thuật, nội dung và ý nghĩa của VB.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày các nội dung tổng kết. - HS khác bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV): - GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học.	1. Nghệ thuật - Sử dụng chi tiết kì ảo hư cấu; biện pháp tu từ nhân hóa và ẩn dụ; - Đan xen yếu tố thực và yếu tố kì ảo; - Mượn chuyện loài vật để khuyên dạy đạo lí làm người. 2. Nội dung – ý nghĩa - Qua câu chuyện người giúp đỡ, trả ơn người, truyện đã đề cao lòng nhân ái, thủy chung bền chặt; giáo dục lòng biết ơn, khuyên người ta biết trọng ân nghĩa.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố một số kiến thức trong bài học.

b. Nội dung: HS thực hiện bài tập trắc nghiệm.

c. Sản phẩm: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS đọc lại VB và thực hiện bài tập trắc nghiệm (lựa chọn đáp án đúng):

Câu 1. Văn bản "*Con hổ có nghĩa*" thuộc loại truyện:

- A. Truyện ngắn
- B. Truyện đồng thoại
- C. Truyện truyền kì
- D. Truyện hồi kí

Câu 2. Ý nghĩa nào sau đây đúng nhất với truyện "*Con hổ có nghĩa*"?

- A. Truyện đề cao tình cảm thủy chung giữa con người với con người.
- B. Truyện đề cao tình cảm giữa con người với loài vật xung quanh.

C. Truyện đề cao ân nghĩa thủy chung và khuyên con người biết coi trọng đạo lí làm người.

D. Truyện ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của loài vật.

Câu 3. Tại sao văn bản "*Con hổ có nghĩa*" lại được xếp chung vào với bài học "*Bài học cuộc sống*"?

A. Vì nội dung VB đúc kết lời khuyên về đạo lí của con người trong cuộc sống.

B. Vì nội dung VB mang đến cho người đọc những yếu tố kì ảo hấp dẫn trong cuộc sống.

C. Vì nội dung VB kết hợp các yếu tố thực và yếu tố kì ảo.

D. Vì nội dung VB dẫn người đọc đến những hành động đẹp đáng khâm phục.

(GỢI Ý ĐÁP ÁN: Câu 1. C; câu 2. C; câu 3. A)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày. HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần), tuyên dương những bài làm tốt. HS tự hoàn thiện.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS bày tỏ cảm nghĩ về chi tiết truyện; chia sẻ suy nghĩ bản thân, sưu tầm thêm VB cùng chủ đề.

b. Nội dung: HS nêu suy nghĩ, chia sẻ, sưu tầm VB.

c. Sản phẩm: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS thực hiện bài tập vận dụng (có thể về nhà làm):

Câu 1. Nêu cảm nghĩ về một chi tiết em thấy ấn tượng nhất trong truyện.

Câu 2. Kể một câu chuyện đền ơn đáp nghĩa của em đối với người đã giúp đỡ mình.

Câu 3. Tìm và đọc những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ nói về lối sống ân nghĩa, thủy chung.

***Gợi ý:**

Câu 1. Đây là câu hỏi mở. GV yêu cầu HS trình bày theo trật tự: nêu “một chi tiết em thấy ấn tượng nhất trong truyện”, nói rõ vì sao ấn tượng nhất với chi tiết đó.

(Sau khi HS trình bày, GV có thể phối hợp cùng các HS khác trong lớp góp ý hoàn thiện câu trả lời, khai thác những giá trị của chi tiết mà HS chưa làm rõ được.

THAM KHẢO

(Câu 1)

Chi tiết em thấy ấn tượng nhất trong truyện là chi tiết hổ đực một chân trước ôm bà đỡ Trần chạy như bay vào rừng, gặp bụi rậm gai góc thì dùng một chân rẽ lối. Chi tiết này cho thấy hổ đực đang rất lo cho hổ cái, nên phải chạy như bay, nhưng không vì thế mà hổ đực quên đi sự an toàn của bà đỡ Trần. Hổ đực ôm bà đỡ Trần và rẽ lối khi gặp bụi rậm cho thấy nó cũng rất quan tâm đến an nguy của bà, coi trọng bà.

Câu 2,3. HS tự thực hiện ở nhà.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS viết bài ra giấy (có thể thực hiện ở nhà)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày.
- HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần), tuyên dương những bài viết tốt.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung bài học.
- HS chuẩn bị cho tiết sau học bài: **Viết bài văn nghị luận trình bày về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)**

BÀI 6- TIẾT 80-83- TUẦN 20- 21

VIẾT

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG
(TRÌNH BÀY Ý KIẾN TÁN THÀNH)**

I. Mục tiêu

- HS chọn được vấn đề đời sống có những quan niệm khác nhau, thể hiện rõ ràng, dứt khoát ý kiến tán thành của bản thân trước một quan niệm rất đáng được bàn luận.
- Ý kiến tán thành phải được trình bày thành một bài văn nghị luận hoàn chỉnh; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng phải có mối liên hệ chặt chẽ với nhau.
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập trước khi tới lớp.
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong tạo lập văn bản.
- Nhân ái: Trân trọng danh dự, sức khỏe và cuộc sống riêng tư của người khác; không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ xúy, không tham gia các hành vi bạo lực; sẵn sàng bên vực người yếu thế, thiệt thòi,...; tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác.

*** Duy ghi nội dung bài học vào vở, nghe bài trình bày của bạn nhận xét.**

II. Thiết bị và học liệu

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS kết nối, xác định được nội dung chính của bài học.

b. Nội dung: GV nêu vấn đáp, HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân, sau đó kết nối với nội dung của bài.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chiếu hình ảnh cho HS quan sát và trả lời gợi mở suy nghĩ:

1. *Mỗi bức tranh sau đây gợi cho ra những vấn đề gì trong đời sống của chúng ta?*
2. *Cuộc sống muôn màu, khi đứng trước một vấn đề, theo em, mỗi người cần có thái độ như thế nào?*



- HS suy nghĩ và chia sẻ.

- GV gọi 2-3 HS trả lời câu hỏi. GV nhận xét, bổ sung, kết luận, sau đó kết nối vào nội dung bài học: *Các vấn đề trong đời sống thường luôn đa dạng, phức tạp và có nhiều cách nhìn nhận đánh giá khác nhau, tán thành hoặc phản đối. Bài học viết hôm nay chúng ta sẽ bàn luận về một vấn đề trong đời sống theo hướng bày tỏ ý kiến tán thành. Muốn vậy người viết cần thu thập và đưa ra lí lẽ bằng chứng thuyết phục, dựa trên nền tảng đạo đức thích hợp.*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài; phân tích bài tham khảo và thực hành viết theo các bước.

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi cho HS chia sẻ nhóm đôi tìm hiểu kiểu bài bằng việc điền vào phiếu học tập đã chuẩn bị.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và Phiếu HT số 1 đã điền đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 (PHÂN TÍCH BÀI BIẾT THAM KHẢO)

Đọc bài viết: “*Trường học đầu tiên*” (SGK/tr.16, 17) và hoàn thành các thông tin sau:

Câu hỏi	Trả lời
Vấn đề nào của đời sống được bàn trong bài nghị luận?	
Ý kiến nào của người khác thu hút sự chú ý?	
Người viết thể hiện thái độ tán thành hay phản đối ý kiến?	
Lí lẽ nào được người viết sử dụng để khẳng định sự đúng đắn của ý kiến ?	
Bằng chứng nào được nêu lên để củng cố cho lí lẽ?	
Kết thúc bài viết, người viết đã làm gì?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 (PHIẾU TÌM Ý)

Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).

*Gợi ý: Đọc kĩ đề tài, ghi những ý nảy sinh trong quá trình suy nghĩ vào cột bên phải:	
Ý cần tìm	Trả lời
Vấn đề đời sống được bàn luận:	...
Ý kiến của người khác cần thể hiện sự tán thành (ý kiến nào được người khác nêu ra? Ý kiến đó có lí ở chỗ nào? Vì sao cần tán thành ý kiến đó?):	...
Những lí lẽ và bằng chứng cho thấy tán thành ý kiến là có cơ sở (Cần diễn giải điều gì để làm rõ ý kiến của mình? Với từng ý đã diễn giải, cần những bằng chứng nào để củng cố?):	...

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV nêu một số câu hỏi cho HS giải đáp để làm rõ các yêu cầu cơ bản của bài văn nghị luận thể hiện ý kiến tán thành về một vấn đề đời sống: 1) Vấn đề nào trong đời sống được nêu để bàn luận? 2) Quan niệm nào của người khác về vấn đề đời sống rất đáng được bàn	- Vấn đề đời sống được nêu để bàn luận phải rõ ràng, xác đáng. - Nêu được một quan niệm về vấn đề để bàn luận. - Bài viết phải thể hiện sự tán thành của người viết về quan niệm đã nêu. - Sự tán thành phải được thể hiện bằng những lí lẽ và bằng chứng cụ thể, có sức thuyết phục.

luận? 3) Ý kiến riêng của người viết về quan niệm nêu trên là gì? 4) Những lí lẽ và bằng chứng nào được đưa ra để chứng tỏ sự tán thành là có cơ sở? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS dựa vào SHS, trang 16 để trình bày các yêu cầu; trả lời câu hỏi của GV. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày và nêu những điều chưa rõ (nếu có). - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu cần). - GV quan sát, khuyến khích HS trả lời. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức về kiểu bài, chuyển dẫn sang mục 2. * Duy ghi bài vào vở.	
2. Phân tích bài viết tham khảo	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV cho HS đọc thầm bài tham khảo dùng PP đàm thoại để hướng dẫn HS phân tích bài viết tham khảo theo từng khía cạnh, sau đó hoàn thành vào Phiếu HT số 1: 1) Vấn đề nào của đời sống được bàn trong bài nghị luận? 2) Ý kiến nào của người khác thu hút sự chú ý? 3) Người viết thể hiện thái độ tán thành hay phản đối ý kiến? 4) Lí lẽ nào được người viết sử dụng để khẳng định sự đúng đắn của ý kiến ? 5) Bằng chứng nào được nêu lên để củng cố cho lí lẽ? 6) Kết thúc bài viết, người viết đã làm gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát những chi tiết trong SGK.	A. Mở bài: - Bài viết nêu vấn đề: <i>Vai trò của gia đình đối với sự trưởng thành của mỗi con người.</i> - Ý kiến gây chú ý: <i>Gia đình là trường học đầu tiên của mỗi người.</i> B. Thân bài: - Thái độ của người viết: Tán thành với ý kiến đó. <i>(Riêng tôi, sau khi suy nghĩ kĩ, tôi thấy Hồng Minh hoàn toàn có lí.)</i> - Lí lẽ: Ông bà, cha mẹ không chỉ nuôi dưỡng, mà còn dạy bảo những điều hay lẽ phải cho ta từ thuở ấu thơ; tình cảm thiêng liêng cao đẹp, sự đỗi xử của các thành viên trong gia đình với nhau là những bài học thấm vào ta một cách tự nhiên. - Bằng chứng: Người viết nhớ lại một kỉ niệm: gờ 4 ngón tay lên để trả lời cho câu hỏi của người lớn, khiến mẹ phải

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS tìm hiểu cách triển khai văn bản. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu, hướng dẫn HS trình bày. - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt kiến thức, chuyển sang thực hành.	nhắc nhở. Điều này thành bài học đáng nhớ về thái độ trong giao tiếp. C. Kết bài: - Khẳng định lại sự tán thành ý kiến của mình.
3. Thực hành viết theo các bước	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV hướng dẫn HS theo dõi SGK tr.18 để xác định mục đích viết và lựa chọn đề tài: 1) <i>Trước khi viết, em cần xác định mục đích viết và người đọc sẽ là ai?</i> 2) <i>Đề tài được chọn cần thoả mãn các yêu cầu nào? Tham khảo gợi ý trong SGK hoặc tự mình lựa chọn đề tài thích hợp.</i> *GV hướng dẫn HS tìm ý. Trên cơ sở đề tài đã chọn, HS có thể tìm ý theo phiếu hướng dẫn Tìm ý theo Phiếu HT số 2. *GV hướng dẫn HS lập dàn ý: <i>Em sẽ phân bố các ý cho Mở bài, thân bài và kết bài như thế nào?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS lần lượt thực hiện từng yêu cầu của GV. - HS dự kiến câu trả lời, ghi ra giấy. - GV quan sát, hỗ trợ, khuyến khích. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày bài viết. - HS khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. - Tuyên dương, khích lệ HS, đọc bài viết tham khảo. * Duyệt bài vào vở.	1. Trước khi viết *Xác định mục đích viết: - Khẳng định sự tán thành ý kiến, thuyết phục người đọc đồng tình với quan điểm của mình. *Người đọc: - Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến vấn đề được bàn luận. a. Lựa chọn đề tài: - Đề tài được chọn phải là vấn đề mình thực sự quan tâm và hiểu biết; có những ý kiến khác nhau khi nhìn nhận, đánh giá; có thể xác định thái độ dứt khoát đối với vấn đề đó. - VD: <i>Ham mê điện tử, nên hay không nên?</i> b. Tìm ý: - Vấn đề đời sống được bàn luận: Ham mê điện tử, nên hay không nên?. - Ý kiến của người khác nêu ra: + Không nên ham mê chơi điện tử nhất là lứa tuổi HS. + Ý kiến đó có lí ở chỗ ham mê điện tử sẽ gây nhiều tác hại. + Tán thành ý kiến đó vì ham điện tử sẽ dễ sa ngã việc học hành và mắc phải những sai lầm khác... - Những lí lẽ và bằng chứng cho thấy tán thành ý kiến là có cơ sở:

	+ Lí lẽ: mất thời gian, hại sức khỏe, ảnh hưởng đến học hành, sinh ra nhiều sai lầm khác... + Bằng chứng: một số bạn học hành sa sút, không hoàn thành bài thầy cô giao, trên lớp hay ngủ gật, thiếu tập trung, về nhà hay nói dối bố mẹ, xin tiền, trốn học đi chơi,... c. Lập dàn ý: - Mở bài: nêu vấn đề đời sống cần bàn trong bài nghị luận. - Thân bài: + Nêu ý kiến đáng quan tâm về vấn đề. + Thể hiện thái độ tán thành ý kiến vừa nêu bằng các ý: *Ý 1: Khía cạnh thứ nhất cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng) *Ý 2: Khía cạnh thứ hai cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng) *Ý 3: Khía cạnh thứ ba cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng) * ... - Kết bài: Khẳng định tính xác đáng của ý kiến được người viết tán thành và sự cần thiết của việc tán thành ý kiến đó.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV hướng dẫn HS theo dõi SGK tr.20 và trả lời câu hỏi: <i>?Để viết triển khai đầy đủ các ý trong dàn ý cần viết từng phần như thế nào?</i> *GV nêu lưu ý chung cho HS khi viết phải đảm bảo. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát hướng dẫn trong SGK để trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác cần thực hiện khi viết. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày. - HS khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận	2. Viết bài *Lưu ý: - Triển khai đầy đủ các ý trong dàn bài. - Nhất quán về ngôi xưng. - Sử dụng lý lẽ, bằng chứng phù hợp, thuyết phục. - Giữa các câu trong đoạn, giữa các đoạn trong bài cần có sự liên kết chặt chẽ.

- GV nhận xét, đánh giá, yêu cầu HS viết ngay trên lớp hoặc hoàn thành ở nhà. - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt lưu ý. - GV chuyển dẫn sang mục tiếp theo.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ: Dựa vào bài làm, các em hãy chỉnh sửa theo yêu cầu gợi ý và hướng dẫn chỉnh sửa theo Phiếu trong SGK tr.20,21. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát văn đã viết của mình để chỉnh sửa theo bảng. - GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác khi chỉnh sửa văn bản để tự đánh giá mức độ hoàn thành (GV có thể yêu cầu HS đổi chéo bài cho nhau trong bàn để đối chiếu, rà soát). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày. - HS khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt lưu ý. * Duy nghe bạn trình bày bài viết và nhận xét.	3. Chỉnh sửa bài viết - Chỉnh sửa theo yêu cầu trong Phiếu hướng dẫn chỉnh sửa, SGK tr.20,21
HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG a. Mục tiêu: Củng cố, vận dụng kiến thức của bài học vào làm bài tập cụ thể. b. Nội dung: HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao. c. Sản phẩm: HS viết được một văn bản hoàn thiện, đảm bảo yêu cầu nội dung của kiểu bài. d) Tổ chức thực hiện: - Giáo viên giao bài tập cho HS: Đề bài: <i>Sức mạnh của tình yêu thương</i> - GV hướng dẫn HS viết văn theo yêu cầu, hỗ trợ HS hoàn thiện bài tập. - HS vận dụng những kiến thức đã học để hoàn thiện yêu cầu bài tập. *GV chiếu một văn bản minh họa để HS tham khảo: BÀI VIẾT THAM KHẢO (Ham mê điện tử, nên hay không nên?) Xã hội hiện đại đã góp phần mở rộng các loại hình giải trí của giới trẻ. Trong đó có trò chơi điện tử. Nhiều bạn cho rằng, ham mê điện tử chỉ là cách để giải tỏa stress, không hại gì nhưng theo tôi đó lại đang là vấn đề nhức nhối, khi ngày càng	

những bạn học sinh nghiện trò chơi điện tử dẫn đến sao nhãng học tập và mắc nhiều sai lầm khác.

Ở bất kì đâu, các quán cho thuê máy tính để chơi game với cái giá vài nghìn đồng, cũng hoạt động hết sức công khai và rầm rộ. Với bản tính tò mò, muốn tìm hiểu, thử nghiệm cái hay, cái mới, cùng áp lực học tập từ trường lớp, các bạn học sinh tìm đến trò chơi điện tử với mong muốn xây dựng hình tượng và có cơ hội thể hiện bản thân qua game. Nhưng việc chơi trò chơi điện tử quá nhiều sẽ dẫn tới hành động như gian lận, trốn học lên ra quán net, nhịn ăn sáng để có tiền chơi game, thậm chí là lừa đảo, ăn cắp tiền đi chơi. Chơi với một nhóm bạn nghiện game, chắc chắn học sinh cũng sẽ đua đòi giống nhau, dẫn đến một hệ thống bao che, dối trá để được cùng nhau trót lọt. Cách đây gần một thập kỉ, cụm từ "cứu net" đã mang lại nỗi ám ảnh kinh hoàng đối với các bậc phụ huynh khi những thành phần bất hảo như My Sói, Hùng Gấu cầm đầu nhóm học sinh lớp 8, lớp 9 đi gây sự, đánh nhau, bắt ép những học sinh cả nam và nữ không đủ tiền trả tiền net. Đã có biết bao nhiêu nạn nhân của băng nhóm xã hội đen mới lớn này, và hơn thế nữa, những học sinh được cứu net lại quay lại làm đồng bọn, tay sai cho dân anh chị để được bảo kê.

Hậu quả của việc nghiện game đã quá rõ ràng. Từ thể chất, các bạn học sinh sẵn sàng bỏ ăn, bỏ ngủ, nhịn ăn sáng lấy tiền chơi game, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe. Về mặt tinh thần, người chơi game quá nhiều thường có dấu hiệu ảo tưởng, choáng váng do tiếp xúc với máy tính quá lâu, không thể phân biệt thật giả. Chấn憾 không ai quên được vụ án thương tâm tại An Giang, cháu cắt cổ bà ngoại vì nghĩ bà có thể hồi sinh như trong trò chơi điện tử. Đó là dấu hiệu của bệnh tâm thần phân liệt, con người không thể sống là chính bản thân mình. Ngoài ra, những sự việc như ăn cắp ăn trộm, cướp của giết người để có tiền chơi game, những người nghiện game tập trung sống thành bầy đàn, ăn uống và phóng uế tại chỗ,... vẫn ngày ngày được đưa lên các mặt báo để cảnh tỉnh về việc nghiện game vô độ. Ai dám khẳng định bản thân sẽ không bao giờ có thể nghiện game và chỉ chơi một lần cho biết? Sức hấp dẫn của trò chơi điện tử có thể đánh gục bất cứ một ai đã sa chân vào nó. Ngoài ra, việc tương tác với những người chơi khác trên mạng rất dễ dẫn đến việc bị dụ dỗ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản vì nhẹ dạ cả tin, cung cấp thông tin cá nhân mà không hề đề phòng rủi ro có thể gặp phải.

Ham mê điện tử là một căn bệnh gây ra nhiều tác hại, cần chấm dứt ngay, nhất là với lứa tuổi học sinh, độ tuổi còn cần tập trung rèn luyện kỹ năng sống và học tập thì không thể sao nhãng, mất tập trung học tập chỉ vì lao vào chơi điện tử.

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).
- GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

4. Trả bài

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV trả bài và cho HS nhắc lại yêu cầu chung về thể thức của kiểu bài và những

a. Yêu cầu của kiểu bài

b. Nhận xét

- Ưu điểm:

lưu ý để viết được bài văn theo kiểu này. - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn một số bài để nhận xét, đánh giá và rút kinh nghiệm chung cho cả lớp. - GV trả bài cho HS, yêu cầu các em chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và theo những điều vừa phân tích, bổ sung ở trên (việc chỉnh sửa có thể tiến hành theo hình thức trao đổi nhóm). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS lần lượt thực hiện từng yêu cầu của GV. - HS ghi ra giấy và đánh giá chéo với bài của bạn. - GV quan sát, hỗ trợ, khuyến khích. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày bài viết. - HS khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. - Tuyên dương, khích lệ HS, đọc bài viết tham khảo.	- Nhược điểm: c. Chỉnh sửa và hoàn thiện

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- + Học bài, nắm chắc cách viết văn bản nghị luận xã hội.
- + Lưu trữ lại Phiếu học tập vào hồ sơ cá nhân.
- + Giao phiếu học tập và yêu cầu HS chuẩn bị bài sau: **Nói và nghe:** Kể lại một truyện ngụ ngôn.

TIẾT 84- NÓI VÀ NGHE KỂ LẠI MỘT TRUYỆN NGỤ NGÔN

I. Mục tiêu:

- Trong tư cách người nói, HS chọn được truyện ngụ ngôn chứa đựng bài học về cuộc sống, kể lại được một cách sinh động, khiến người nghe cảm thấy câu chuyện có ý nghĩa nhân sinh sâu sắc, thấm thía.
 - Trong tư cách người nghe, HS hiểu được bài học về đạo lí và kinh nghiệm sống từ câu chuyện và có sự tương tác linh hoạt với người kể.
 - Phát triển khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ.
 - Biết lắng nghe, tôn trọng sự khác biệt, nhận thức được những bài học từ cuộc sống.
- * Duy ghi nội dung bài học vào vở, nghe bạn trình bày bài nói nhận xét.**

II. Thiết bị và học liệu

- 1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, phiếu học tập, rubric đánh giá...

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo,....

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học.

b. Nội dung: HS xem tranh và suy nghĩ trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV nêu câu hỏi cho HS nhớ lại bài học lớp 6 và chia sẻ:

Ở lớp 6, các em đã học cách kể lại một truyện cổ tích, vậy việc kể lại một truyện cổ tích với kể lại một truyện ngụ ngôn có khác nhau không?

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời.

***GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

- Về cơ bản là không khác nhau, chỉ khác do đặc điểm thể loại quy định: Truyện ngụ ngôn thì thường hàm súc, ít sự kiện chi tiết.

- GV nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào bài học.

-> GV kết nối vào bài học: Truyện ngụ ngôn thường hàm súc, ít sự kiện chi tiết nên khi kể cần gọn gàng hướng đến bài học và cần có chút hài hước, dí dỏm giúp câu chuyện trở nên thú vị hơn. Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau kể lại một truyện ngụ ngôn, nêu ý nghĩa của câu chuyện và chia sẻ cảm xúc của mình.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu: Xác định được mục đích nói và người nghe; biết chuẩn bị những nội dung cần nói và luyện nói; trình bày được một truyện ngụ ngôn.

b. Nội dung: HS xác định mục đích, trình bày nội dung bài nói và lắng nghe, trao đổi với bạn về bài nói của mình.

c. Sản phẩm: Bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu; thái độ lắng nghe tích cực của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

BẢNG KIỂM BÀI NÓI KỂ LẠI MỘT TRUYỆN NGỤ NGÔN

Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Trình bày đầy đủ các phần mở đầu, nội dung chính và kết thúc.		
Có những lưu ý chung, gợi mở dự đoán về bài học sẽ được rút ra.		
Trình bày gọn, rõ về diễn biến của các sự việc trong câu chuyện.		
Sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu phù hợp, có những thay đổi cần thiết.		
Thể hiện được tính hài hước, triết lí của truyện ngụ ngôn.		
Chủ động, tự tin, nhìn vào người nghe khi nói.		

Bảo đảm thời gian quy định.		

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Trước khi nói	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *Trước khi nói, GV nêu yêu cầu cho HS xác định: <i>?Mục đích kể và người nghe là ai?</i> (Kể truyện ngụ ngôn trong một bối cảnh sinh hoạt cụ thể, gọi cho người nghe suy nghĩ về bài học cuộc sống mà câu chuyện gửi gắm.) *GV hướng dẫn HS các bước chuẩn bị: - <i>Định hướng lựa chọn truyện để kể:</i> GV giới thiệu cho HS đọc và lựa chọn được những truyện chứa đựng bài học răn đời như: Thầy có con thỏ hốt hoảng chạy va vào cây mà chết, anh chàng nọ ôm cây chờ đợi hàng giờ để hồng nhật được con thỏ khác tương tự (<i>Ôm cây đợi thỏ</i>); mấy ông thầy bói sờ vào từng bộ phận con voi, dựa vào đó mà “phán như thánh” về con voi (<i>Thầy bói xem voi</i>),... - <i>Tập luyện:</i> GV hướng dẫn HS khi tập luyện một mình hoặc theo nhóm đều cần chú ý cách vào truyện, triển khai, kết thúc; biết chọn các từ ngữ phù hợp với yêu cầu kể một câu chuyện chứa đựng bài học đạo lí. - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói như hướng dẫn trong SGK. - GV hướng dẫn HS tập luyện ở nhà, có thể đứng trước gương và tập luyện bài nói một mình hoặc tập luyện cùng với bạn bè, người thân và xin ý kiến góp ý của họ. - GV lưu ý HS trong thời gian tập luyện cần điều chỉnh dung lượng bài nói cho phù hợp với thời gian quy định, đồng thời cần chú ý cách sử dụng ngữ điệu	1.1. Chuẩn bị a. Xác định mục đích kể chuyện và người nghe - Mục đích: kể một truyện ngụ ngôn nhằm rút ra bài học cụ thể phù hợp với tình huống đời sống; tạo không khí vui vẻ. - Người nghe: là thầy cô, bạn bè trong lớp hoặc những người có mặt trong một buổi sinh hoạt tập thể. b. Định hướng lựa chọn truyện để kể: - Những truyện răn đời như: <i>Ôm cây đợi thỏ, Thầy bói xem voi; Hai người bạn đồng hành và con gấu (Ê-dốp); Chó Sói và chiên con (La-phong-ten); Chân, tay, tai mắt, miệng....</i> 1.2. Tập luyện - HS nói một mình trước gương. - HS nói tập nói trước nhóm/tổ.

nói, cử chỉ, điệu bộ và ánh mắt để tăng sức thuyết phục cho bài nói của mình. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, theo dõi SGK lần lượt thực hiện các yêu cầu của GV. - HS khác nghe, góp ý. - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS hoàn thiện sự chuẩn bị bài nói vào trong vở; tập trình bày bài nói trước nhóm. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	
2. Trình bày bài nói	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu câu hỏi cho HS suy nghĩ: <i>Trình bày bài nói cần chú ý điều gì khi mở đầu, khi triển khai, khi kết luận?</i> - GV phân công nhiệm vụ cho HS: Từ kết quả chuẩn bị ở nhà của HS, GV cho HS tự đăng kí hoặc từng nhóm cử đại diện tham gia kể chuyện. Vì truyện ngụ ngôn thường ngắn, cho nên trong một tiết học, HS có thể kể khoảng 4 đến 5 truyện, cả truyện của Việt Nam và của nước ngoài. - GV hướng dẫn cách thức kể chuyện: GV yêu cầu người kể chuyện đứng ở vị trí bao quát toàn bộ lớp học. Không cần giới thiệu dài dòng, người kể có thể bắt đầu ngay câu chuyện, kể linh hoạt; cốt truyện, nhân vật, tình huống rõ ràng, kết thúc bất ngờ. Có thể kể xong rồi mới giới thiệu tên truyện, xuất xứ. *Chú ý: Người kể cần biết thay đổi giọng điệu để phân biệt lời kể và lời nhân vật. Cần kết hợp lời kể với nét mặt, điệu bộ, cử chỉ để câu chuyện thêm sinh động. Có thể dùng biện pháp tu từ nói quá để phóng đại, tô đậm một nét tính cách, một hành động nào đó của nhân	*Yêu cầu bài nói: - Mở đầu: Biết tạo không khí, thu hút chú ý của người nghe. - Triển khai: Kể nội dung câu chuyện bằng lời kể sinh động, sáng tạo, có tương tác với người nghe,... - Kết luận: Nêu ý nghĩa của câu chuyện.

vật nhằm tạo ấn tượng đối với người nghe. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Đại diện HS các nhóm lên trình bày trước lớp. - Các nhóm HS khác lắng nghe, ghi chép, góp ý, dự kiến nội dung cần góp ý, trao đổi. - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS trình bày bài nói; - HS khác nêu vấn đề cần trao đổi. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. * Duy nghe các bạn trình bày bài nhận xét.	
3. Sau khi nói	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho các em trao đổi để rút kinh nghiệm bằng việc trao đổi, tập trung trả lời một số câu hỏi sau: <i>Từng truyện được chọn để kể có thực sự là truyện ngụ ngôn có ý nghĩa gần gũi với cuộc sống hiện nay không? Qua mỗi truyện, em rút ra được bài học gì? Truyện kể có trung thành với truyện gốc trong các tập sách không? Lời kể có hấp dẫn không? Người kể đã biết kết hợp giữa lời kể với ánh mắt, điệu bộ, cử chỉ,... chưa? Người nghe đã tương tác như thế nào với người kể?</i> - GV cho HS đánh giá bài nói của bạn hoặc của mình vào BẢNG KIỂM. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí. - HS quan sát HĐ nói của bạn và ghi nhận xét ra giấy. Bước 3: Thảo luận, báo cáo - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.	- Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý SGK, tr.22 và BẢNG KIỂM

- HS thực hiện HĐ nói trình bày ý kiến của mình trước những ý kiến phản bác (nếu cần) Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét của HS, tuyên dương và khích lệ HS và kết nối sang hoạt động sau.	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố kiến thức của bài học thông qua việc đánh giá bài nói theo BẢNG KIỂM.

b. Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân hoàn thành nhiệm vụ của GV giao.

c. Sản phẩm: Bài nói hoàn thiện sau chỉnh sửa của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên giao bài tập cho HS: Căn cứ vào Bảng kiểm, tự hoàn thiện bài nói của em (nếu cần).
- HS hoàn thiện bài nói của mình.
- GV hướng dẫn HS hoàn thiện (nếu cần) và yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).
- GV nhận xét bài làm, tuyên dương, rút kinh nghiệm.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Mở rộng kiến thức nội dung của bài học.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

c. Sản phẩm: Bài nói của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giao bài tập về nhà:

BÀI TẬP: *Kể một truyện ngụ ngôn của thế giới cho mọi người cùng nghe.*

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Tự hoàn chỉnh, rút kinh nghiệm bài nói nghe theo góp ý của thầy cô, bạn bè;
- Chuẩn bị trước ở nhà nội dung: **Bài 7- Thế giới viễn tưởng- VB1: Cuộc chạm trán trên đại dương.**

HẾT.

Ngày soạn: 6/2/2024
Ngày dạy: 15, 16/2/2024

BÀI 7. THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG
TUẦN 21B-TIẾT 85-87

*“Lo-gic sẽ đưa bạn từ điểm A tới điểm B.
Trí tưởng tượng sẽ đưa bạn tới mọi nơi”.*
An-be Anh-xtanh (Albert Einstein)

A. NỘI DUNG BÀI HỌC VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. NỘI DUNG BÀI HỌC

1. Đọc:

***Đọc - hiểu các văn bản:**

- VB1: *Cuộc chạm trán trên đại dương* (trích *Hai vạn dặm dưới đáy biển*, Giuyn Véc-nơ);
- VB2: *Đường vào trung tâm vũ trụ* (trích *Thiên Mã*, Hà Thuỷ Nguyên);
- VB3: *Dấu ấn Hồ Khanh* (Nhật Văn);
- VB thực hành đọc: *Chiếc đĩa thần* (trích *Tinh vân Tiên Nữ*, I.A.E-phơ-rê-mốp).

***Thực hành tiếng Việt:** Mạch lạc và liên kết; dấu chấm lửng.

2. Viết: Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.

3. Nói và nghe: Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người.

4. Củng cố, mở rộng.

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 13 tiết – KHGD

Đọc và thực hành tiếng Việt	8 tiết
Viết	3 tiết
Nói và nghe	1 tiết
Củng cố, mở rộng	1 tiết

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG BÀI HỌC

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được VB một cách ngắn gọn.
- Hiểu được đặc điểm và chức năng của liên kết và mạch lạc, công dụng của dấu chấm lửng trong VB.
- Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.

- Biết thảo luận về một vấn đề gây tranh cãi, xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các ý kiến khi thảo luận.
- Nhận biết tình cảm, cảm xúc của bản thân và hiểu được ảnh hưởng của tình cảm, cảm xúc đến hành vi, thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.
- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.
- Năng lực giao tiếp: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.
- Biết khát vọng và ước mơ; có ý chí biến khát vọng, ước mơ tốt đẹp thành hiện thực.

* Em Duy: Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: đề tài, sự kiện, tình huống, nhân vật, không gian, thời gian; Nhận biết liên kết, mạch lạc trong văn bản, nhận biết dấu chấm lửng. Ghi chép nội dung bài học vào vở.

- Biết lắng nghe và có phản hồi trong giao tiếp, biết khát vọng và ước mơ.

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Suu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.
- Thiết kế bài giảng điện tử.
- Phương tiện và học liệu:
 - + Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu,...
 - + Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.
 - + Học liệu: Tranh ảnh, GV sử dụng tranh, ảnh, video liên quan.

2. Học sinh

- Đọc phần Kiến thức Ngữ văn và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc - hiểu văn bản trong SGK; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.
- Đọc kĩ phần **Định hướng** trong nội dung Đọc, Viết, Nói và Nghe, và thực hành bài tập SGK.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi: *Tại sao lô-gic có thể đưa ta từ điểm A đến điểm B; còn trí tưởng tượng lại đưa được ta đến mọi nơi?*
- HS suy nghĩ, trình bày, chia sẻ, trả lời câu hỏi (**Gợi ý:** tri thức (logic) hữu hạn nhưng trí tưởng tượng thì không cùng, có thể chấp cánh cho con người đến mọi nơi mà không có giới hạn)
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn, nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Thế giới viễn tưởng thể hiện trí tưởng tượng phong phú, không có giới hạn của con người. Nhưng mọi ý tưởng, dù kì lạ nhất, cũng vẫn có "cái lõi sự thực" của nó. Những câu chuyện khoa học viễn tưởng chính là chiếc cầu nối giữa hai bờ hiện thực và tưởng tượng. Các chuyện khoa học viễn tưởng trong bài học số 7 sẽ dẫn em đến những câu chuyện huyền thoại của khoa học và khám phá những điều kì diệu... Trước hết, chúng ta cùng đi vào phần Giới thiệu bài học và Tri thức ngữ văn*

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Giúp HS xác định rõ mục đích, nội dung chủ đề và thể loại văn bản của bài học; khơi gợi hứng thú khám phá của HS.

b. Nội dung: HS chia sẻ suy nghĩ, hiểu biết về bài học.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Giới thiệu bài học	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> (SGK/tr.25) và cho biết: 1) Hai đoạn văn trong lời giới thiệu cho ta biết điều gì? 2) Bài học “<i>Thế giới viễn tưởng</i>” gồm những văn bản đọc chính và VB kết nối chủ đề nào? 3) Các VB đọc chủ yếu thuộc thể loại gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời câu hỏi của GV. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học. - GV dẫn dắt giới thiệu vào phần khám phá tri thức ngữ văn của bài học.	- Chủ đề bài học: Phiêu lưu và khám phá những điều kì diệu trong cuộc sống tương lai. - Thể loại: truyện khoa học viễn tưởng. - VB đọc chính: + VB1: <i>Cuộc chạm trán trên đại dương</i> (trích <i>Hai vạn dặm dưới đáy biển</i>, Giuyn Véc-nơ); + VB2: <i>Đường vào trung tâm vũ trụ</i> (trích <i>Thiên Mã</i>, Hà Thủy Nguyên); - VB đọc kết nối chủ đề: VB3: <i>Dấu ấn Hồ Khanh</i> (Nhật Văn); - VB thực hành đọc (truyện khoa học viễn tưởng): <i>Chiếc đĩa thần</i> (trích <i>Tinh vân Tiên Nữ</i>, I.A.E-phơ-rê-mốp).

Hoạt động 2.2. Khám phá tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Nắm được những kiến thức cơ bản về thể loại truyện KHVT.

b. Nội dung: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về những đặc điểm của thể loại.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số yếu tố cơ bản về thể loại truyện.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP 01
TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN
 (Chuẩn bị ở nhà)

Tìm hiểu đặc điểm truyện khoa học viễn tưởng	Trả lời
1. Thế nào là truyện khoa học viễn tưởng? Nêu nguồn gốc của truyện khoa học viễn tưởng?.	...
2. Tìm các yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng:	...
- Đề tài:	...
- Không gian:	...
- Thời gian:	...
- Cốt truyện:	...
- Nhân vật chính:	...

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Khám phá tri thức ngữ văn	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV yêu cầu HS theo dõi SGK tr.26, đọc thầm phần <i>Tri thức ngữ văn</i> và trình bày các thông tin đã chuẩn bị trong Phiếu học tập 01 . *GV nêu câu hỏi: <i>Dựa vào tri thức em vừa tìm hiểu, hãy chia sẻ những câu truyện KHVT mà em đã từng đọc hoặc nghe kể.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tái hiện lại kiến thức vào Phiếu HT, chia sẻ. - GV quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lên trình bày kết quả, chia sẻ hiểu biết bản thân. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét và chuẩn kiến thức. * Duy ghi nội dung bào học vào vở.	1. Khái niệm: Truyện KHVT là loại tác phẩm viết về thế giới tương lai dựa trên sự phát triển của khoa học dự đoán, thường có tính chất li kì; sử dụng cách viết lo-gic để triển khai ý tưởng về viễn cảnh và công nghệ tương lai trên nền tảng khoa học hiện tại nên có những giả tưởng có thể trở thành sự thật. *Nguồn gốc: xuất hiện đầu tiên ở Pháp nửa sau thế kỉ XIX. 2. Các yếu tố của truyện KHVT: - Đề tài: những cuộc thám hiểm vũ trụ, du hành xuyên thời gian, kết nối sự sống ngoài Trái Đất...liên quan đến những phát kiến khoa học và công nghệ. - Không gian: trong và ngoài Trái Đất, tâm địa cầu, đáy đại dương, thiên hà xa xôi,... - Thời gian: Thời gian câu chuyện thường là trong tương lai xa, xét từ mốc ra đời của tác phẩm. - Cốt truyện: Chuỗi tình huống, sự kiện hoàn toàn tưởng tượng, dựa trên những

	dự báo và quan niệm khoa học. - Nhân vật chính: có cấu tạo hoặc khả năng kì lạ phi thường, có trí thông minh kiệt xuất để tạo ra những phát minh.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức trong bài học, vận dụng để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi rung chuông vàng và làm việc cá nhân ở nhà để tự tìm hiểu các VB.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

1) GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Rung chuông vàng”:

Bài tập 1: Chọn đáp án đúng

Câu 1. Dòng nào nêu đúng nhất về đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng?

- A. Sử dụng các chi tiết thuần túy tưởng tượng, không có cơ sở..
- B. Miêu tả những viễn cảnh tương lai dựa trên những căn cứ khoa học.
- C. Miêu tả những viễn cảnh tương lai có thể xảy ra với lực lượng siêu nhiên.
- D. Sử dụng những chi tiết không có thực, được tạo dựng bởi trí tưởng tượng.

Câu 2. Đề tài chủ yếu của truyện khoa học viễn tưởng là:

- A. Khoa học vũ trụ, người ngoài hành tinh, khám phá đại dương, lòng đất....
- B. Bức tranh cuộc sống muôn màu phong phú, sống động.
- C. Đời sống, kinh nghiệm lao động, sản xuất.
- D. Thế giới huyền bí, hấp dẫn, không có thực.

Câu 3. Truyện khoa học viễn tưởng thường có nhân vật chính là:

- A. Người gây ra tội ác.
- B. Người thường làm việc thiện.
- C. Người có sức mạnh siêu nhiên.
- D. Nhà khoa học thông thái.

Câu 4. Người đọc cần năng lực nào để thấy được khả năng dự đoán về khoa học công nghệ của truyện KHVT?

- A. Am hiểu sâu sắc về một lĩnh vực khoa học cụ thể.
- B. Khả năng phân tích được sự lo-gic của các sự việc.
- C. Có trí tưởng tượng phong phú
- D. Đối chiếu thành tựu của KHCN hiện tại với sản phẩm trong truyện KHVT ở thời điểm chúng xuất hiện.

(*Gợi ý đáp án: 1B; 2A; 3D; 4C)

2) GV giao bài tập cho HS thực hiện ở nhà.

Bài tập 2: *Sưu tầm một số truyện KHVT đã đọc hoặc nghe, sau đó tóm tắt lại cốt truyện vào sổ tay.*

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các đơn vị kiến thức và nhiệm vụ của bài học.
- Nghiên cứu các VB truyện KHVT trong SGK.

VĂN BẢN 1. CUỘC CHẠM TRÁN TRÊN ĐẠI DƯƠNG

(trích *Hai vạn dặm dưới đáy biển*, Giuyn Vec-nơ)



I. Mục tiêu

- Nhận biết được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện ngôi thứ nhất là một nhà khoa học. Điều này khiến những điều người kể chuyện trình bày vừa hấp dẫn vừa đáng tin cậy.
 - Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: đề tài (phát kiến khoa học trong tương lai), tình huống (li kì, gay cấn), không gian (đại dương và đáy đại dương).
 - Nắm được lối viết lô-gíc mang tính đặc trưng của truyện khoa học viễn tưởng. Đặc điểm này được thể hiện thông qua cách trình bày và dẫn dắt các sự kiện của người kể chuyện.
 - Hiểu được rằng ý tưởng phát minh dù kì lạ, thậm chí đôi khi “không tưởng”, vẫn luôn được nảy sinh trên cơ sở của hiện thực.
 - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
 - Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc theo dõi bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp.
 - Yêu khoa học, thích khám phá và trân trọng giá trị của các phát minh của nhân loại.
- * Em Duy - Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: đề tài (phát kiến khoa học trong tương lai), tình huống (li kì, gay cấn), không gian (đại dương và đáy đại dương).**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy chiếu, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.
- Các hình ảnh, video liên quan.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Định hướng được nội dung bài học; tạo hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết, trí tưởng tượng phong phú của HS; kết nối trải nghiệm cuộc sống của HS với nội dung VB.
- b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức liên môn, trí tưởng tượng và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

* GV nêu nhiệm vụ: *Hãy kể tên những nhà khoa học và những phát minh vĩ đại của họ với nhân loại mà em biết? Nếu là một nhà phát minh, em muốn chế tạo sản phẩm khoa học gì cho tương lai?*

* HS hoạt động cá nhân, dựa vào hiểu biết bản thân để kể tên các nhà khoa học và những phát minh của họ. Bày tỏ khát vọng cá nhân.

* Yêu cầu khoảng 4 HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân một cách ngắn gọn, súc tích. GV động viên các em phát biểu một cách tự nhiên, chân thật.

* GV có thể chia sẻ cùng HS về mơ ước của bản thân mình, kết nối với bài học: Qua việc đọc VB “Chạm trán giữa đại dương” ở nhà, các em có biết đó là cuộc chạm trán gì không? Em có nghĩ với khả năng của con người hiện nay, cuộc chạm trán đó có thể xảy ra được không? Vì sao? Bài học hôm nay sẽ đi tìm câu trả lời đó.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung

a. **Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả, xuất xứ, bố cục, tình huống, cốt truyện...

b. **Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP 02

Khám phá chung về văn bản (Phiếu học tập giao về nhà)

STT	Thông tin	Trả lời
1	Tác giả:	
2	Xuất xứ:	
3	Đề tài:	
4	Thể loại:	
5	Phương thức biểu đạt:	
6	Nhân vật:	
7	Ngôi kể:	
8	Bố cục:	
9	Các sự việc chính:	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Tìm hiểu chung	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV hướng dẫn HS tìm hiểu về tác giả: Chia nhóm cặp đôi (theo bàn), yêu cầu HS mở phiếu học tập GV đã giao về nhà và đối chiếu cho bạn cùng nhóm để trao đổi, chia sẻ.	1. Tác giả 

(Phiếu học tập số 2, giao về nhà)
?Trình bày những nét cơ bản về nhà văn Giuyn Véc-nơ?

***GV hướng dẫn đọc:**

- Hướng dẫn đọc nhanh.
- + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.
- + Thể hiện rõ lời thoại của nhân vật (đặc biệt là giọng điệu của thuyền trưởng, người kể chuyện).
- Hướng dẫn cách đọc
- + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán
- HS tìm hiểu một vài từ ngữ chuyên ngành như: *hải lí, cá thiết kình, chân vịt,...* đã được chú thích ở chân trang.
- Cho HS trình bày theo *Phiếu học tập số 2*, đã chuẩn bị ở nhà.
- GV hỏi thêm HS:

1) *Hiện nay đề tài của truyện có còn nhận được sự quan tâm đặc biệt của chúng ta nữa hay không? Vì sao?*

2) *Việc lựa chọn ngôi kể thứ nhất có tác dụng gì?*

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời nhanh.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức.
- GV chuyển dẫn sang mục 2.

*** Duy đọc một đoạn văn bản, nhận biết đề tài, thể loại, nhân vật, ngôi kể,... Ghi đầy đủ nội dung tìm hiểu chung vào vở.**

- Giuyn Véc-nơ (1828-1905), là nhà văn Pháp

- Là người đi tiên phong và được coi là một trong những "cha đẻ" của thể loại truyện Khoa học viễn tưởng.

- Dùng ngòi bút của mình để viết lên những chuyến phiêu lưu thỏa mãn đam mê.

- Có các tác phẩm được dịch nhiều thứ ba trên thế giới, những tác phẩm của ông cũng được chuyển thể thành phim nhiều lần.

- Những truyện KHVT nổi tiếng của ông: *Hành trình vào tâm Trái Đất* (1864); *Từ Trái Đất đến Mặt Trăng* (1865); *Hai vạn dặm dưới đáy biển* (1870), *Vòng quanh thế giới trong 80 ngày* (1873), *Năm 2889* (1889),...

2. Tác phẩm

2.1. Đọc và tìm hiểu chung văn bản



2.2. Xuất xứ: Trích tiểu thuyết "*Hai vạn dặm dưới biển*" (1868).

2.3. Đề tài: phát kiến về khoa học công nghệ trong tương lai -> luôn được quan tâm, phát triển thêm.

2.4. Thể loại: Truyện khoa học viễn tưởng.

2.5. Nhân vật: Pi-e A-rôn-nác, Công-xây và Nét Len.

2.6. Ngôi kể: ngôi thứ nhất (xưng "tôi" là GS Pi-e - nhân vật người kể chuyện là một nhà khoa học, khiến những điều

	người kể chuyện trình bày vừa hấp dẫn vừa đáng tin cậy. 2.7. Bố cục: 3 phần - Phần (1): cuộc rượt đuổi “con cá” của chiếc tàu chiến; - Phần (2): cuộc đọ sức giữa tàu chiến và “con cá”; - Phần (3): phát hiện sự thật về “con cá”. 2.8. Các sự kiện chính trong câu chuyện: + Mọi thứ đã sẵn sàng để nghênh chiến và cuộc rượt đuổi với "con cá". + Cuộc đọ sức giữa tàu chiến với "con cá". + Những phán đoán và sự thật bất ngờ về "con cá".

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu chi tiết

a. Mục tiêu: Giúp HS phát triển kỹ năng đọc VB truyện KHVT, trên cơ sở nhận biết các yếu tố đặc trưng thể loại.

b. Nội dung: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

(Tìm hiểu hình ảnh con cá thiết kình)

Cá thiết kình	Chi tiết
Hình dáng	...
Thân	...
Lưng	...
Hành động	...
Cách thở	...
Nhận xét	...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

(Cuộc rượt đuổi “con cá” của chiếc tàu chiến)

Cuộc rượt đuổi “con cá” của chiếc tàu chiến	Tàu chiến	Con cá thiết kình
Thời gian:		
Không gian:		
Hành động:		

Nhận xét:		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5
(Cuộc đọ sức giữa tàu chiến và “con cá”)

Cuộc đọ sức giữa tàu chiến và “con cá”	Tàu chiến	Con cá thiết kình
Thời gian:		
Không gian:		
Diễn biến:		
Kết quả:		
Nhận xét:		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6
(Tìm hiểu sự thật về "con cá thiết kình")

Sự thật về con cá thiết kình	Thực nghiệm	Thu thập và xử lí thông tin
Hình dáng bên ngoài:		
Quá trình tư duy:		
Suy luận:		
Nhận xét:		

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm										
II. Tìm hiểu chi tiết											
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi HS đọc lại đoạn 1, trả lời câu hỏi bằng cách chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ thảo luận theo nhóm trong 10 phút, hoàn thành Phiếu học tập số 3: <i>1) Qua lời của của vị giáo sư, hình ảnh của con cá thiết được thể hiện qua những từ ngữ, chi tiết nào?</i> <i>2) Qua đó, em có nhận xét gì về con cá thiết?</i> <i>3) Việc tác giả sử dụng nghệ thuật so sánh, nhân hoá khi miêu tả con cá thiết có tác dụng gì?</i>	1. Hình ảnh "con cá thiết kình" <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td>Hình dáng</td><td>- Không dài quá tám mươi mét. - Chiều ngang hơi khó xác định.</td></tr> <tr> <td>Thân</td><td>- Rắn như đá, không mềm như cá voi.</td></tr> <tr> <td>Lưng</td><td>- Đen bóng, nhẵn thín, phẳng lì, không có vảy. - Được ghép lại bằng thép lá, gõ kêu bong bong.</td></tr> <tr> <td>Hành động</td><td>- Quẫy mạnh làm nước biển sủi bọt. - Lượn hình vòng cung, để lại phía sau một vệt sáng lấp lánh.</td></tr> <tr> <td>Cách thở</td><td>- Hai lỗ mũi nó vọt lên hai cột nước cao tới bốn mươi mét.</td></tr> </table>	Hình dáng	- Không dài quá tám mươi mét. - Chiều ngang hơi khó xác định.	Thân	- Rắn như đá, không mềm như cá voi.	Lưng	- Đen bóng, nhẵn thín, phẳng lì, không có vảy. - Được ghép lại bằng thép lá, gõ kêu bong bong.	Hành động	- Quẫy mạnh làm nước biển sủi bọt. - Lượn hình vòng cung, để lại phía sau một vệt sáng lấp lánh.	Cách thở	- Hai lỗ mũi nó vọt lên hai cột nước cao tới bốn mươi mét.
Hình dáng	- Không dài quá tám mươi mét. - Chiều ngang hơi khó xác định.										
Thân	- Rắn như đá, không mềm như cá voi.										
Lưng	- Đen bóng, nhẵn thín, phẳng lì, không có vảy. - Được ghép lại bằng thép lá, gõ kêu bong bong.										
Hành động	- Quẫy mạnh làm nước biển sủi bọt. - Lượn hình vòng cung, để lại phía sau một vệt sáng lấp lánh.										
Cách thở	- Hai lỗ mũi nó vọt lên hai cột nước cao tới bốn mươi mét.										

4) Con cá thiết kình này có gì khác thường? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm việc theo nhóm, thảo luận và hoàn thiện vào trong phiếu HT. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS cử nhóm đại diện báo cáo sản phẩm Phiếu HT số 3. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS. - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2. * Duy ghi bài vào vở.	<table><tr><td>Nhận xét</td><td>- Nghệ thuật: so sánh, nhân hoá -> gây ấn tượng, hấp dẫn, làm nổi bật hình dáng đặc biệt của con cá. → Con cá này rất to lớn, lạ và khó xác định, có thể phát ra ánh điện.</td></tr></table>	Nhận xét	- Nghệ thuật: so sánh, nhân hoá -> gây ấn tượng, hấp dẫn, làm nổi bật hình dáng đặc biệt của con cá. → Con cá này rất to lớn, lạ và khó xác định, có thể phát ra ánh điện.													
Nhận xét	- Nghệ thuật: so sánh, nhân hoá -> gây ấn tượng, hấp dẫn, làm nổi bật hình dáng đặc biệt của con cá. → Con cá này rất to lớn, lạ và khó xác định, có thể phát ra ánh điện.															
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV nêu câu hỏi cho HS xác định nội dung: <i>?Ở phần 1 và 2, nội dung chủ yếu đề cập đến vấn đề gì?</i> (Cuộc rượt đuổi “con cá” của chiếc tàu chiến; Cuộc độ sức giữa tàu chiến và “con cá”) *GV chia nhóm cặp đôi, phát Phiếu học tập số 4,5 và giao nhiệm vụ cho các nhóm, yêu cầu HS trả lời câu hỏi vào phiếu HT. *GV đặt câu hỏi gợi ý: 1) <i>Hành trình rượt đuổi con cá của tàu chiến diễn ra trong thời gian và không gian như thế nào?</i> 2) <i>Tìm những chi tiết miêu tả hành động của tàu chiến và cá thiết? Qua đó, em có nhận xét gì?</i> 3) <i>Cuộc độ sức giữa tàu chiến và con cá được thể hiện qua những chi tiết nào?</i> 4) <i>Kết quả của cuộc độ sức ra sao?</i>	2. Trận chiến giữa tàu chiến và "con cá" a. Cuộc rượt đuổi “con cá” của chiếc tàu chiến PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4 <table><tr><td>Cuộc rượt đuổi “con cá” của chiếc tàu chiến</td><td>Tàu chiến</td><td>Con cá thiết kình</td></tr><tr><td>Thời gian:</td><td colspan="2">- Rạng đông.</td></tr><tr><td>Không gian:</td><td colspan="2">- Trên mặt biển, trên con tàu.</td></tr><tr><td>Hành động:</td><td>- Lưới đánh cá xếp sẵn. - Chuẩn bị súng.</td><td>- Không lộ rõ, khó xác định. - Không có động tĩnh gì.</td></tr><tr><td>Nhận xét:</td><td>-> Quyết đoán không do dự, dũng cảm.</td><td>-> Điềm tĩnh không sợ hãi.</td></tr></table> b. Cuộc độ sức giữa tàu chiến và “con cá” PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5	Cuộc rượt đuổi “con cá” của chiếc tàu chiến	Tàu chiến	Con cá thiết kình	Thời gian:	- Rạng đông.		Không gian:	- Trên mặt biển, trên con tàu.		Hành động:	- Lưới đánh cá xếp sẵn. - Chuẩn bị súng.	- Không lộ rõ, khó xác định. - Không có động tĩnh gì.	Nhận xét:	-> Quyết đoán không do dự, dũng cảm.	-> Điềm tĩnh không sợ hãi.
Cuộc rượt đuổi “con cá” của chiếc tàu chiến	Tàu chiến	Con cá thiết kình														
Thời gian:	- Rạng đông.															
Không gian:	- Trên mặt biển, trên con tàu.															
Hành động:	- Lưới đánh cá xếp sẵn. - Chuẩn bị súng.	- Không lộ rõ, khó xác định. - Không có động tĩnh gì.														
Nhận xét:	-> Quyết đoán không do dự, dũng cảm.	-> Điềm tĩnh không sợ hãi.														

5) Em có nhận xét như thế nào về trình tự miêu tả đó? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS lắng nghe, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả - HS của đại diện trình bày sản phẩm. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết luận - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và chuyển sang mục * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	Cuộc độ sức giữa tàu chiến và “con cá”	Tàu chiến	Con cá thiết kình
	Thời gian:	- Trong suốt một giờ đồng hồ.	
	Không gian:	- Mặt biển đêm bao la, rộng lớn.	
	Diễn biến:	- Bắt đầu tiến về phía con cá nhưng chậm chạp. - Net lên vị trí chiến đấu. - Mũi lao chạm vào người con cá phát ra tiếng kêu khác thường.	- Con cá nằm yên.
	Kết quả:	- Mọi người bị hất xuống biển.	- Con cá vẫn bơi như chưa hề có chuyện gì xảy ra.
	Nhận xét:	- Nghệ thuật: miêu tả thành công hành động của nhân vật. => Phù hợp tâm lí thích khám phá và chinh phục thử thách của con người.	

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV phát Phiếu học tập số 6. - Giao nhiệm vụ cho các nhóm và nêu câu hỏi gợi ý: 1) Hình dáng bên ngoài của con cá như thế nào? 2) Quá trình tư duy của giáo sư được thể hiện như thế nào? (liệt kê những câu văn thể hiện quá trình tư duy logic đặc trưng của truyện khoa học viễn tưởng)	3. Sự thật về "con cá thiết kình" PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6		
	Sự thật về con cá thiết kình	Thực nghiệm	Thu thập và xử lí thông tin
Hình dáng bên ngoài	Thon dài, cân đối, vỏ bằng thép.		

3) Qua đó, em nhận thấy được thái độ của vị giáo sư như thế nào? 4) Theo em, tác giả đã sử dụng những nghệ thuật nào để nói về bí mật của con cá thiết? 5) Chiếc tàu ngầm mang ý nghĩa gì? 6) Theo em, nhà văn đã sáng tạo ra hình ảnh chiếc tàu ngầm dựa trên cơ sở hiện thực nào? (Nhà văn đã sáng tạo ra hình ảnh chiếc tàu ngầm dựa trên cơ sở hiện thực: - Tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển của Véc-nơ ra đời năm 1870. - Khi đó, tàu ngầm đang được thử nghiệm ở mức độ sơ khai). 7) Nhan đề "Hai vạn dặm dưới biển" đã thể hiện ước mơ gì của Giuyn Véc-nơ và những người cùng thời với ông? Ước mơ ấy ngày nay đã được hiện thực hóa như thế nào? *TÍCH HỢP KĨ NĂNG SỐNG: ?Theo em, chúng ta cần làm gì để vừa chinh phục đại dương vừa không làm ảnh hưởng đến môi trường biển? (Gợi ý: Để vừa chinh phục đại dương vừa không làm ảnh hưởng đến môi trường biển, con người cần có ý thức bảo vệ môi trường biển, không xả các chất thải chưa qua xử lí xuống biển, đánh bắt các động vật một cách hợp lí.) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc kĩ vb và tìm chi tiết trong tác phẩm.	Quá trình tư duy	- Khi nghe Net nói về việc mũi lao không đâm thủng da con cá. -> Trèo trên lưng cá và gõ lên lưng cá.	- Dữ liệu quan sát: vật đó có cái lưng đen bóng, “nhấn thín, phẳng lì” và “không có vảy”. - Lắng nghe âm thanh và nhìn thấy mảnh thiết ghép.
	Suy luận	- Chưa dám khẳng định đó là vật gì, bản khoăn.	- Điều nghi ngại được loại bỏ ngay. - Khẳng định đây không phải là con quái vật-> tàu ngầm
	Nhận xét	- Nghệ thuật: tình huống bất ngờ, li kì và miêu tả cụ thể diễn biến tâm lí nhân vật. -> “Con cá” chính là chiếc tàu ngầm. => Hiện tượng kì diệu hơn, do bàn tay con người tạo ra. => Chiếc tàu ngầm là ước mơ chinh phục đáy biển sâu của Giuyn Véc-nơ và những người đương thời.	

***Nhan đề:** “Hai vạn dặm dưới biển” đã thể hiện ước mơ khám phá tận sâu dưới đáy biển - nơi chứa đựng nhiều bí ẩn. Ước mơ ấy ngày nay đã được hiện thực hóa: con người có thể lặn sâu xuống dưới biển, đã có những tàu ngầm, con người đã có nhiều hiểu biết về đại dương.

- GV hướng dẫn HS tìm chi tiết (nếu cần). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS báo cáo, GV nhận xét, đánh giá và hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). - HS báo cáo sản phẩm của nhóm mình. Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm. - Chốt kiến thức: và chuyển dẫn sang mục sau. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	
III. Tổng kết	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu câu hỏi: 1) <i>Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.</i> 2) <i>Nội dung chính của văn bản “Cuộc chạm trán trên đại dương”?</i> 3) <i>Sau khi học xong văn bản “Cuộc chạm trán trên đại dương”, em học tập được điều gì về cách lựa chọn đề tài, chi tiết và cách kể chuyện của tác giả khi kể chuyện?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời. - GV quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời. - HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết luận - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại.	1. Nghệ thuật: - Ngôi kể thứ nhất phù hợp, tạo độ tin cậy cao. - Sử dụng ngôn ngữ đối thoại, phép tu từ nhân hoá, so sánh sinh động, giàu hình ảnh. - Tâm lí nhân vật bộc lộ qua suy nghĩ, lời nói, hành động. 2. Nội dung – Ý nghĩa: - Đoạn trích kể về cuộc phiêu lưu, thám hiểm đầy lí thú và hấp dẫn của giáo sư Pi-e A-rôn-nac cùng hai trợ thủ của ông chạm trán bất ngờ với chiếc tàu ngầm trên đại dương. Qua đó ca ngợi những chuyến phiêu lưu để chinh phục và khám phá những điều bí ẩn bất tận. 3. Cách kể chuyện khoa học viễn tưởng a) <i>Lựa chọn đề tài</i> - Đề tài đó vẫn được sự quan tâm đặc biệt của chúng ta. Vì nó cho chúng ta cảm giác phiêu lưu, chinh phục và khám phá những điều bí ẩn bất tận. b) <i>Lựa chọn chi tiết</i> - Lựa chọn những chi tiết tiêu biểu để kể/tả. - Lựa chọn những câu văn thể hiện tư duy lô-gíc đặc trưng của truyện khoa học viễn tưởng.

	c) <i>Cách kể</i> - Sử dụng ngôi kể thứ nhất (xung “tôi” qua lời kể của vị giáo sư) -> Câu chuyện chân thật, giúp người đọc có những suy luận cùng văn bản một cách lô-gíc hơn. - Ngôn ngữ đối thoại mộc mạc, gần gũi, tự nhiên. - Ngôn ngữ kể tự nhiên.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố nội dung của VB.

b. Nội dung: HS dựa vào nội dung đã tìm hiểu để trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm để tìm câu trả lời.

BÀI TẬP: Chỉ ra các yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng trong VB.

***Gợi ý:**

1. Truyện hư cấu tưởng tượng, sử dụng cách viết logic để triển khai ý tưởng về viễn cảnh tương lai.

2. Đề tài: khám phá đại dương.

3. Cốt truyện: Xoay quanh tình huống bất ngờ, kịch tính.

4. Nhân vật chính: Nhà khoa học thông thái.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện nhóm HS trình bày, HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học trình bày.

b. Nội dung: HS vận dụng kỹ năng viết đoạn để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao nhiệm vụ cho HS (có thể thực hiện ngay trên lớp hoặc về nhà):

***VIẾT KẾT NỐI ĐỌC: Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) kể tiếp (theo tưởng tượng của em) về sự kiện diễn ra sau tình huống nhân vật "tôi", Công-xây và Nét Len bị kéo vào bên trong con tàu ngầm.**

***Gợi ý:**

- Hình thức: Đoạn văn, dung lượng khoảng 5- 7 câu.

- Nội dung: Có thể tưởng tượng ra những tình huống mà 3 nhân vật gặp phải khi vào bên trong con tàu ngầm, tận mắt chứng kiến những thiết bị hiện đại, giải đáp những thắc mắc của họ lúc trước về con tàu này...
- Ngôi kể: Sử dụng ngôi kể thứ nhất.
- Chính tả và diễn đạt: Đúng chính tả và không mắc lỗi diễn đạt.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS chọn nhân vật kể, ngôi kể; lựa chọn giọng kể phù hợp, đảm bảo sự việc, đầy đủ chi tiết. GV quan sát, hỗ trợ những HS gặp khó khăn.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- Một số HS trình bày đoạn văn trước lớp. Các HS khác căn cứ vào các tiêu chí đánh giá để nhận xét về sản phẩm của bạn theo bảng kiểm.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá; rút kinh nghiệm cho HS.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

ĐOẠN VĂN THAM KHẢO

Sau khi vào trong chiếc tàu ngầm, tôi đã phải sửng sốt về nó. Ở trong tàu không khác gì một chiếc tàu bình thường. Nước không thể xâm nhập vào đây, và tất cả đều cười nói bình thường, không có dấu hiệu gì của việc thiếu không khí. Chúng tôi được dẫn đi gặp thuyền trưởng Nê-mô. Trông ông cao to, lực lưỡng và là người có chiều sâu. Vậy là chúng tôi sống rồi. Như tôi đã nói, chẳng nghi ngờ gì khả năng đặt quan hệ với những người trên chiếc tàu ngầm này.

Bảng kiểm
Đánh giá kĩ năng viết đoạn văn

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5 - 7 câu.		
2	Đoạn văn đúng chủ đề yêu cầu.		
3	Lí lẽ dẫn chứng thuyết phục.		
4	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.		
5	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.		

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các đơn vị kiến thức và nhiệm vụ của bài học.
- Chuẩn bị soạn bài: đọc, tìm hiểu bài thực hành tiếng Việt: Mạch lạc và liên kết.

HẾT.

Ngày soạn: 12/2/2024

Ngày dạy: 20, 21, 22, 23/2/2024

TUẦN 22- BÀI 7
TIẾT 88: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT CỦA VĂN BẢN

I. Mục tiêu:

Giúp HS:

- Nhận biết được đặc điểm của mạch lạc và liên kết.
- Hiểu được chức năng của mạch lạc và liên kết trong văn bản.
- Chỉ ra được các phương tiện ngôn ngữ dùng để tạo nên tính liên kết cho văn bản.
- Phát hiện, giải quyết các bài tập một cách sáng tạo, hiệu quả.
- Chăm chỉ: Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- * Duy nhận biết được đặc điểm của mạch lạc và liên kết.*
- Chăm chỉ: Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.*

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị:

- Máy chiếu, bảng phụ, giấy A0, bút màu, Phiếu học tập.

2. Học liệu: SBT, SGK....

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối HS vào bài học.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân qua bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV nêu các yêu cầu: *Mạch lạc, liên kết là 2 từ Hán Việt. Em hiểu nghĩa của những từ đó như thế nào?*

Mạch lạc: Mạch (đường dẫn, hệ thống); lạc (mạng lưới) là một mạng lưới về ý nghĩa nối liền các phần, các đoạn vào một hệ thống. Liên kết: liên hệ và kết nối giữa các phần các đoạn lại với nhau).

=> Như vậy, muốn giúp người đọc tiếp nhận và hiểu được ý nghĩa của văn bản một cách dễ dàng, thì người viết rất cần chú ý đến tính mạch lạc và tính liên kết giữa các câu văn và đoạn văn trong văn bản. Bài học hôm nay sẽ giúp các em nhận biết và hiểu được vai trò của mạch lạc và liên kết của văn bản.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu: Cho HS nhận biết đặc điểm và chức năng của mạch lạc và liên kết.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, cặp bàn để thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: Hướng dẫn cho HS đọc lại phần <i>Mạch lạc và liên kết</i> của văn bản trong phần tri thức văn bản và chú ý khung nhận biết <i>Mạch lạc và liên kết</i> được đặt bên phải trong SGK tr.34. - HS: sau khi đọc xong GV có thể đặt câu hỏi gợi ý cho HS tìm hiểu như sau: * Phân tích VD: 1) Đoạn văn viết về nội dung gì? 2) Đoạn văn có bao nhiêu câu? 3) Điều gì đã là cho các câu tạo thành một đoạn văn? 4) Nếu đảo trật tự các câu thì có được không? Vì sao? * Rút ra nhận xét: 1) Mạch lạc là gì? 2) Liên kết là gì? 3) Có những hình thức liên kết nào? Liên kết có tác dụng gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm cá nhân & hướng dẫn các em cách trình bày. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá; * Duy nhận biết mạch lạc và liên kết, ghi nội dung bài vào vở.	A. Lý thuyết 1. Mạch lạc: là sự liên mạch, thống nhất về nội dung, chủ đề giữa các câu, các đoạn trong văn bản. Các câu trong đoạn, các đoạn trong văn bản phải hướng về một chủ đề chung và được sắp xếp theo một trình tự hợp lý. 2. Liên kết là làm cho các bộ phận trong văn bản (câu, đoạn) được gắn kết chặt chẽ với nhau bằng các từ ngữ thích hợp được gọi là “phương tiện liên kết”. - Các phương tiện liên kết được sử dụng là: <i>từ ngữ nói, từ ngữ thay thế (từ đồng nghĩa, đại từ,...)</i> hoặc <i>từ ngữ được lặp lại</i>. - Tác dụng: Liên kết góp phần tạo nên tính mạch lạc của văn bản.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS thực hành nhận biết mạch lạc và liên kết trong VB.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, cặp đôi, nhóm để giải quyết bài tập vào vở.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm bài theo cặp bàn, cách tiến hành: - Đọc thầm bài tập, xác định yêu cầu của bài; - Lần lượt thực hành và trình bày. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đại diện trình bày, nhận xét. - HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá; Duy làm bài tập 2 vào vở.	B. Luyện tập Bài tập 1/tr.34: Hãy phân tích tính mạch lạc của đoạn văn sau: <i>Sáu giờ, trời hửng sáng. Cùng với những tia sáng đầu tiên của bình minh, ánh điện của con cá thiết kình cũng phụt tắt. Tới bảy giờ, trời gần sáng rồi. Nhưng sương mù dày đặc đang trải ra ở chân trời, và dùng ống nhòm loại tốt nhất cũng chẳng thấy rõ vật gì. Có thể hình dung được chúng tôi thất vọng và giận dữ đến mức nào!</i> <u>Đáp án bài 1:</u> Tính mạch lạc của đoạn văn được thể hiện: - Các câu được sắp xếp theo trật tự thời gian: từ sáu giờ sáng đến bảy giờ sáng. Sự thống nhất về đề tài ở đây thể hiện ở việc sắp xếp hợp lý các câu văn theo nguyên tắc nhân quả: diễn biến quan sát và tiếp cận "con cá kình". - Hình thức: + Sử dụng các từ ngữ được lặp lại (phép lặp): <i>trời, sáng</i>. + Sử dụng quan hệ từ: <i>tới, nhưng</i>. Bài tập 2/tr.34: Hãy chỉ ra các phương tiện liên kết được sử dụng trong đoạn trích sau và nêu chức năng của chúng: <i>Cách chiếc tàu chiến một hải lí rưỡi, có một vật dài màu đen nổi lên khỏi mặt nước độ một mét. Đuôi nó quẫy mạnh làm nước biển sủi bọt. Chưa ai thấy đuôi cá quẫy sóng mạnh như vậy bao giờ! Con cá lượn hình vòng cung, để lại phía sau một vệt sáng lấp lánh. Chiếc tàu tiến lại gần. Tôi bắt đầu ngắm kĩ con cá. Báo cáo của tàu Hen-vơ-chi-a và San-nông hơi cường điệu kích thước của nó. Theo tôi, con cá không dài quá tám mươi mét. Chiều ngang hơi khó xác</i>

	<i>định, nhưng tôi có cảm tưởng rằng nó cân đối một cách lạ lùng về cả ba chiều.</i> <u>Đáp án bài 2:</u> - Các phương tiện liên kết được sử dụng trong đoạn trích: + Sử dụng các từ đồng nghĩa, thay thế (phép thế) như: "nó", "vật thể dài màu đen" để nói về "con cá". + Sử dụng các từ ngữ được lặp lại (phép lặp): "đuôi", "nó", "con cá", "chiếc tàu".
	<u>Bài tập 3/tr.34:</u> Theo em, có thể sắp xếp các câu trong đoạn văn dưới đây theo một trật tự khác được không? Vì sao? <i>(1) Nhưng con cá cũng bơi với tốc độ y như vậy! (2) Trong suốt một giờ, chiếc tàu chiến không tiến gần thêm được một sải! (3) Thật là nhục nhã cho một trong những chiếc tàu chạy nhanh nhất của hạm đội Mỹ! (4) Anh em thủy thủ tức giận điên người. (5) Họ nguyên rửa quái vật, nhưng nó vẫn phớt lờ.</i> <u>Đáp án bài 3:</u> Không thể sắp xếp các câu trong đoạn văn đã nêu theo một trật tự khác được. Vì trật tự sẵn có của đoạn văn đã đảm bảo tính mạch lạc, liên kết của nó. Nếu đảo sẽ mất tính mạch lạc và gây khó hiểu nội dung.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng hiểu biết về mạch lạc và liên kết để viết đoạn.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, để giải quyết bài tập vào vở.

c. Sản phẩm: Bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*GV chiếu bài tập, yêu cầu HS thực hiện.

Bài tập: Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) kể lại một tình huống trong *Cuộc chạm trán trên đại dương*. Thuyết minh ngắn gọn về mạch lạc và liên kết của đoạn văn.

- HS làm xong và báo cáo, GV cho nhận xét hoàn thiện.

* GỢI Ý ĐÁP ÁN:

Chúng tôi đã nhìn thấy con cá kinh. Nó bơi nhanh ngoài sức tưởng tượng của tất cả những người trên tàu cộng lại. Trong vòng một giờ, tàu chiến của chúng tôi

không tiến gần vào nó được lấy một sai! Thật là nhục nhã cho chiếc tàu chạy nhanh nhất của hạm đội Mỹ. Chúng tôi còn có thể làm gì hơn ngoài chuyện bức tức? Chúng tôi có thể làm gì hơn ngoài đợi nó đi ngủ và tóm cổ nó?!

- Mạch lạc và liên kết của đoạn văn:

- + Các câu văn được sắp xếp theo mạch đuôi bắt cá kình và tâm trạng, suy nghĩ của những người đuổi bắt cá kình.
- + Hình thức: Sử dụng phép thế: "nó" thay cho "con cá kình"; "chiếc tàu chạy nhanh nhất của hạm đội Mỹ" thay cho "tàu chiến của chúng tôi".

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;
- Đọc trước văn bản 2. *Đường vào trung tâm vũ trụ* (Hà Thuỷ Nguyên).

TIẾT 89&90-VĂN BẢN 2

ĐƯỜNG VÀO TRUNG TÂM VŨ TRỤ (Trích *Thiên Mã*, Hà Thuỷ Nguyên)



I. Mục tiêu

Giúp:

- HS nhận biết được các yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: cốt truyện hoàn toàn tưởng tượng (dựa trên giả thuyết về công nghệ gen); các sự việc kì diệu diễn ra ở không gian ngoài Trái Đất (Tâm Vũ Trụ), trong thời gian dịch chuyển giữa hiện tại và thời cổ đại; nhân vật có trí thông minh tuyệt vời và ưa phiêu lưu, khám phá (cô bé và cậu bé Thần Đồng); nhân vật kì ảo (con ngựa có cánh Thần Thoại và nhiều nhân vật phụ khác trong khu rừng ở Tâm Vũ Trụ).
- HS biết tóm tắt văn bản một cách ngắn gọn.
- HS hiểu được nội dung của VB, phát huy khả năng tưởng tượng để có thể hoà mình vào thế giới khoa học viễn tưởng, nơi các em có thể phiêu lưu và khám phá những điều kì diệu.
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập.
- Bồi đắp tình yêu sáng tạo và khám phá.

*** Em Duy nhận biết được các yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng:** cốt truyện hoàn toàn tưởng tượng (dựa trên giả thuyết về công nghệ gen); các sự việc li kì diễn ra ở không gian ngoài Trái Đất (Tâm Vũ Trụ), trong thời gian dịch chuyển giữa hiện tại và thời cổ đại; nhân vật có trí thông minh tuyệt vời và ưa phiêu lưu, khám phá (cô bé và cậu bé Thần Đồng); nhân vật kì ảo (con ngựa có cánh Thần Thoại và nhiều nhân vật phụ khác trong khu rừng ở Tâm Vũ Trụ).

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy chiếu, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.
- Các hình ảnh, video liên quan

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Kết nối, tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
- Nội dung:** HS trao đổi nhóm chia sẻ, suy nghĩ hiểu biết của bản thân.
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.
- Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu vấn đề cho HS trao đổi thảo luận, suy nghĩ và trình bày.

1) *Nêu hiểu biết của em về hệ Mặt Trời.*

2) *Tìm đọc và trình bày trước lớp một vài thông tin cơ bản về người đầu tiên trên thế giới thực hiện chuyến bay vào vũ trụ.*

Hoặc GV chiếu cho HS xem video giới thiệu về Yuri Alekseyevich Gagarin:

<https://www.youtube.com/watch?v=sZ9qifDdVNk>

? *Chia sẻ cảm nhận của em về video?* (Đó là một con người dũng cảm và thể giới vũ trụ đầy sự hấp dẫn)

*** GỢI Ý:**

1. Hệ Mặt Trời là một hệ hành tinh có Mặt Trời ở trung tâm và các thiên thể nằm trong phạm vi lực hấp dẫn của Mặt Trời.

2. Một vài thông tin cơ bản về người đầu tiên trên thế giới thực hiện chuyến bay vào vũ trụ: Nhà du hành Liên Xô Yuri Gagarin là người đầu tiên bay vào vũ trụ vào ngày 12/4/1961.

- Yuri Gagarin sinh ngày 09/03/1934 trong một gia đình thợ mộc bình dị ở Smolensk.

- Yuri Gagarin sinh ngày 9/3/1934 trong một gia đình thợ mộc bình dị ở Smolensk.

Năm 16 tuổi, ông chuyển tới thủ đô Moscow và sau đó nhập học một trường kĩ thuật ở Saratov. Gagarin đã mơ ước về bầu trời từ thời niên thiếu. Một trong những bức ảnh đầu tiên của Gagarin mà gia đình ông còn giữ được là hình ảnh chàng thanh niên đứng bên cánh máy bay, giơ tay tỏ vẻ phấn khích.

- Khi còn là sinh viên ở Saratov, Gagarin đã tình nguyện xin tham gia một câu lạc bộ hàng không. Nhờ tài năng và nỗ lực không ngừng, đến năm 1955, ở tuổi 21,

Gagarin được cử tới trường đào tạo Phi công Không quân Thứ nhất Chkalov ở Orenburg và tốt nghiệp với thành tích xuất sắc sau 2 năm.

- Tháng 11/1957, ông chính thức trở thành phi công quân sự với hàm Trung úy Không quân Liên Xô. Cùng thời điểm đó, Liên Xô đã phóng vệ tinh nhân tạo đưa chú chó Laika lên không gian. Đến đầu những năm 1960, ông đăng kí tham gia chương trình bí mật lựa chọn phi hành gia cho chuyến bay lên vũ trụ và trở thành một trong nhóm 20 ứng cử viên sáng giá nhất.

- Sau gần một năm khô luyện, Gagarin đã chứng minh những tố chất cho thấy ông chính là người phù hợp nhất, vượt qua mọi bài kiểm tra khắt khe về thể chất và tinh thần – yếu tố quan trọng hàng đầu với một phi hành gia vũ trụ.

- Ngày 8/4/1961, thiếu tá phi công Gagarin chính thức được lựa chọn trở thành người đầu tiên bay vào không gian. Người dự bị ông là phi hành gia Gherman Titov, người sau này bay lên không gian trên tàu vũ trụ Vostok 2 vào ngày 6/8/1961.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, sau đó chia sẻ hiểu biết, trải nghiệm bản thân.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ, trình bày cởi mở những suy nghĩ, hiểu biết của bản thân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét thái độ làm việc, câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung về văn bản

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về văn bản.

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét chung về tác phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP 01 **Khám phá chung về văn bản** (Phiếu học tập giao về nhà)

STT	Thông tin	Trả lời
1	Tác giả:	
2	Xuất xứ:	
3	Đề tài:	
4	Thể loại:	
5	Phương thức biểu đạt:	
6	Nhân vật:	
7	Ngôi kể:	
8	Bố cục:	

9	Không gian:	
10	Tóm tắt diễn biến chính:	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Tìm hiểu chung văn bản	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV cho HS trình bày hiểu biết về tác giả. *GV yêu cầu HS đọc thành tiếng văn bản trước lớp bằng hình thức phân vai; lưu ý HS giọng đọc phù hợp với biểu cảm của nhân vật: lời dẫn truyện và lời thoại. *GV lưu ý HS về các chiến lược đọc được trình bày ở cột bên phải VB. Hai chiến lược <i>theo dõi</i> và <i>hình dung</i> được sử dụng để nắm các chi tiết đáng chú ý của VB. *HS tự tìm hiểu một số tên riêng của các vị thần đã được chú thích ở chân trang. *GV cung cấp thông tin để HS biết rằng công nghệ gen đã trở thành một trong những phát minh vĩ đại nhất của thế kỉ XX, qua đó giúp các em hiểu và hình dung được về nhân vật Thần Thoại. *GV hướng dẫn HS trao đổi Phiếu HT số 1 đã chuẩn bị ở nhà, kiểm tra chéo nhau sau đó trình bày. *Câu hỏi bổ sung và hướng dẫn: - Ở phần xác định nhân vật, GV nêu câu hỏi: <i>Nêu ấn tượng của em về một nhân vật dị thường trong số nhân vật vừa liệt kê.</i> - Ở phần kể tóm tắt những diễn biến chính của câu chuyện, GV hướng dẫn HS sử dụng sơ đồ cốt truyện như sau để tìm hiểu:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	1. Tác giả - Hà Thuỷ Nguyên: sinh năm 1986 tại Hà Nội. - Tác phẩm xuất bản: <i>Điều nhạc trần gian</i> (2004); <i>Bên kia cánh cửa</i> (2005); <i>Thiên Mã</i> (2010),... 2. Tác phẩm 2.1. Đọc và tìm hiểu chung văn bản 2.2. Chú thích: (tên các vị thần SGK, tr.35-37) 2.3. Xuất xứ: Trích chương 2 của tiểu thuyết “<i>Thiên Mã</i>” (2010). 2.4. Đề tài: khám phá vũ trụ. 2.5. Thể loại: Truyện khoa học viễn tưởng. 2.6. Nhân vật: "cô bé" (người kể chuyện ở ngôi thứ nhất); cậu bé Thần Đồng, con ngựa Thần Thoại, chuồn chuồn khổng lồ, khủng long Spi-nô-sô-rốt Ê-gip-ti-cốt, voi ma mút, người cá. 2.7. Ngôi kể: ngôi thứ nhất (xưng "tôi"). 2.8. Bố cục: 3 phần + Phần 1: Từ đầu ... <i>như chốn không người chủ</i>: Tìm đường vào trung tâm vũ trụ. + Phần 2: Từ <i>Chưa đầy nửa tiếng sau...</i> một chiều không gian thứ tư: Ở trung tâm vũ

- HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục 2. * Duy nhận biết đề tài, thể loại, nhân vật, ngôi kể. Ghi nội dung tìm hiểu chung vào vở.	trụ. + Phần 3: Từ <i>Chúng tôi nghe đâu đó tiếng vo ve</i> đến hết: Khám phá không gian trung tâm vũ trụ. 2.9. Không gian: - Không gian thánh địa Hy Lạp - nơi có đền thờ các vị thần trong thần thoại Hy Lạp. - Không gian tâm vũ trụ - nơi có những loài thực vật và động vật khổng lồ, kì dị. 2.10. Tóm tắt: - Hai nhân vật “cô bé” và Thần Đồng bay đến thánh địa Hy Lạp trên con ngựa Thần Thoại. Họ cùng khám phá thánh địa và phát hiện “rón vũ trụ”. Thần Đồng bảo “cô bé” đợi và quay trở về bảo tàng “mượn chìa khóa”. Ba nhân vật đã vào được trung tâm vũ trụ và chứng kiến những điều diệu kì trong đó.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu chi tiết văn bản

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết được các yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: cốt truyện hoàn toàn tưởng tượng (dựa trên giả thuyết về công nghệ gen); các sự việc kì diệu diễn ra ở không gian ngoài Trái Đất (Tâm Vũ Trụ), trong thời gian dịch chuyển giữa hiện tại và thời cổ đại; nhân vật có trí thông minh tuyệt vời và ưa phiêu lưu, khám phá (cô bé và cậu bé Thần Đồng); nhân vật kì ảo (con ngựa có cánh Thần Thoại và nhiều nhân vật phụ khác trong khu rừng ở Tâm Vũ Trụ).

b. Nội dung: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB qua phiếu học tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP 02 (Tìm hiểu khám phá không gian vũ trụ)

Nhóm	Câu hỏi	Trả lời

1	Theo lời nhân vật người kể chuyện, nhà văn Giuyn Véc-nơ đã miêu tả không gian Tâm Trái Đất như thế nào?	
2	"Bước nhảy không gian" kì diệu đã đưa các nhân vật chính trở lại với khoảng thời gian nào?	
3	Em hãy hình dung không gian thảo nguyên ở cuối văn bản, tiếp tục tưởng tượng thêm những loài sinh vật kì lạ sống ở đó và miêu tả bằng lời của mình (tên sinh vật, đặc điểm).	
NV chung các nhóm	Em có thích ý tưởng về công nghệ gen được đề cập tới trong văn bản không? Em suy nghĩ gì nếu công nghệ gen đó trở thành hiện thực?	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Tìm hiểu chi tiết văn bản	
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn văn bản từ đầu đến “ <i>như chốn không người chứ</i> ” - GV tổ chức thảo luận theo nhóm đôi: Thời gian : 3 phút 1) <i>Nêu những sự việc chính trong đoạn này. (Nhân vật nào đã phát hiện ra đường vào trung tâm vũ trụ? Đường đi đó là gì?)</i> 2) <i>Hình dung và ghi lại các chi tiết miêu tả nhân vật con ngựa Thần Thoại có cánh trong tưởng tượng của em?</i> 3) <i>Liệt kê các chi tiết thể hiện đặc điểm của hòn đá Ôm-phe-lốt?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS các nhóm thảo luận và hoàn thiện vào trong phiếu HT. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm.	1. Tìm đường vào trung tâm vũ trụ - Cô bé và Thần Đồng bay đến thánh địa Hy Lạp trên con ngựa Thần Thoại. - Khám phá thánh địa và phát hiện “rón vũ trụ”. - Thần Đồng quay trở về bảo tàng “mượn chìa khoá”. - Nhân vật con ngựa Thần Thoại có cánh, hòn đá Ôm-phe-lốt mở lối dẫn. -> Tạo sức hấp dẫn, kì thú, kích thích khám phá thế giới của khoa học viễn tưởng.

Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của một số cặp tiêu biểu, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS. - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS làm việc cá nhân, đọc văn bản và trả lời câu hỏi. ? <i>Tìm trong văn bản những chi tiết miêu tả khái quát về trung tâm vũ trụ.</i> - Yêu cầu HS quan sát những chi tiết trong SGK. Đọc đoạn văn: <i>Từ Chưa đầy nửa tiếng sau ... một chiều không gian thứ tư</i>; hướng dẫn HS chú ý đoạn “<i>Uỳnh</i>”!... <i>Nhân Sư</i>. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ và giúp đỡ HS thực hiện. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lên trình bày. Bước 4: Đánh giá, kết luận - HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn. - GV chuyển nội dung 3.	2. Khái quát về trung tâm vũ trụ - Đó là một thung lũng lọt thỏm dưới những núi đá vôi cao vời vọi, không biết đến tận cùng. - Không có mây, không có mặt trời cũng chẳng có sao. - Không có gì cả ngoài một tầng cao hoăm hoăm. - Xung quanh được thấp sáng bằng bột lân tinh. => Cảnh sắc khá kì lạ.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS thảo luận thành 3 nhóm hoàn thành Phiếu học tập số 3 (Gợi ý: Nhóm 2: Đọc lại đoạn trích từ “<i>Tôi chạy lại gần những cây nấm khổng lồ</i>” đến “<i>lưu giữ tất cả những gì đã biến mất khỏi mặt đất</i>”) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu. - GV quan sát, khích lệ HS.	3. Khám phá không gian trung tâm vũ trụ - Theo nhà văn Giuyn Véc-nơ: Tâm Trái Đất là “<i>một bảo tàng sống động, lưu giữ tất cả những gì đã biến mất khỏi mặt đất</i>” như: “<i>những cây nấm cổ đại khổng lồ, những con khủng long từ thời tiền sử, những con chim điện quý hiếm...</i>”. - Theo nhân vật Thần Đồng, Tâm Trái Đất chỉ có khoáng chất, không có sinh vật sống; Tâm Vũ Trụ là nơi có sự sống của các loài động vật, thực vật kì lạ. => Tâm Trái Đất đó chính là Tâm Vũ Trụ.

- HS suy nghĩ và ghi ra giấy câu trả lời. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV chuẩn kiến thức.	Qua câu chuyện kì lạ của các nhân vật diễn ra ở không gian ngoài trái đất; sự dịch chuyển kì diệu giữa hiện tại và thời cổ đại mở ra thế giới viễn tưởng đầy hấp dẫn => Truyện đã lay động đến tâm hồn người đọc, khơi gợi và bồi đắp khao khát phiêu lưu, khám phá những điều kì diệu. 3. Cách đọc VB truyện KHVT - Tóm tắt được cốt truyện (các sự việc kì lạ, hấp dẫn). - Phân tích được nhân vật, đặc biệt là nhân vật chính. - Phân tích và đánh giá được vai trò của người kể chuyện trong tác phẩm. - Nhận xét, đánh giá được đặc điểm về ngôn ngữ kể chuyện. - Đối chiếu các sự vật, sự kiện ở thời điểm tác giả viết đã có chưa, sự tương tượng có đúng với sau này không. - Phân tích được hành trình phiêu lưu của nhân vật vào thế giới viễn tưởng; các chi tiết mô tả sự kì diệu. - Sự hài hoà giữa yếu tố khoa học và nghệ thuật trong tác phẩm. - Đánh giá những giá trị mà truyện KHVT đó mang lại cho người đọc.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố hiểu biết về VB.

b. Nội dung: HS làm việc theo cặp bàn dựa vào VB vừa học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Bài tập hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS làm việc theo cặp bàn để hoàn thành bài tập sau:

BÀI TẬP: Hai văn bản “*Cuộc chạm trán trên đại dương*” và “*Đường vào trung tâm vũ trụ*” có gì giống nhau?

***Gợi ý:** Liệt kê các chi tiết giống nhau của các văn bản về thể loại, nội dung câu chuyện, chủ đề văn bản.

+ Chủ đề: Phiêu lưu, khám phá thế giới.

+ Thể loại: Truyện khoa học viễn tưởng.

+ Nhân vật: Nhân vật tưởng tượng, không có thật.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, làm việc theo cặp bàn để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày, HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, tuyên dương HS.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS phát triển kỹ năng viết câu, đoạn.

b. Nội dung: HS viết đoạn văn vận dụng hiểu biết dùng tục ngữ.

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao nhiệm vụ cho HS (có thể thực hiện ngay trên lớp hoặc về nhà):

***VIẾT KẾT NỐI ĐỌC**

Bài tập: Hãy tưởng tượng em sở hữu phát minh "bước nhảy không gian". Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) kể về không gian em định tới (không gian vũ trụ, Tâm Trái Đất hoặc các hành tinh khác).

GV gợi ý HS dựa vào những miêu tả về không gian Tâm Vũ Trụ trong VB để thực hiện bài viết của mình. Bài viết phải thể hiện được đặc điểm lạ lùng và bí ẩn của không gian tưởng tượng đó. Ví dụ: nhiệt độ trong những không gian đó nóng hơn hoặc lạnh hơn ở Trái Đất; các loài động vật, thực vật sống trong không gian đó bé hơn hoặc lớn hơn các loài trên Trái Đất;...

THAM KHẢO

Không chỉ có các nhân vật trong "*Thiên Mã*" của Hà Thủy Nguyên sở hữu phát minh "bước nhảy không gian" mà cả tôi cũng sở hữu nó. Tôi đã biết cách để đi đến bất kỳ không gian nào mình muốn. Nơi tôi muốn đến chính là sao Thổ. Trong hệ Mặt Trời, sao Thổ là hành tinh thứ sáu từ Mặt Trời trở ra và là hành tinh lớn chỉ sau sao Mộc. Trong chiêm tinh, sao Thổ đại diện cho những ranh giới, giới hạn và kết tinh. Một chu kỳ của sao Thổ là gần 30 năm tương ứng với sự trưởng thành của mỗi

người. Có thể nói sao Thổ là một hành tinh nghiêm khắc nhưng cũng là thành tựu sau những gian lao. Với ý nghĩa như thế mà tôi rất tò mò về sao Thổ. Bây giờ, tôi phải làm một bước nhảy không gian để đến đó ngay thôi!

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ: Viết ra giấy theo đúng yêu cầu, sau đó chỉnh sửa bài viết.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi HS lên trình bày.
- HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV đánh giá, nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung đã học trong bài;
- Chuẩn bị soạn bài: Thực hành tiếng Việt: Dấu chấm lửng.

HẾT.

Ngày soạn: 20/2/2024

Ngày dạy: 27, 28, 29/2; 1/3/2024

**TUẦN 23- BÀI 7-
TIẾT 91: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
DẤU CHẤM LŨNG**

I. Mục tiêu:

Giúp HS:

- HS nhận biết được công dụng của dấu chấm lửng trong văn bản.
- HS biết vận dụng hiểu biết về dấu chấm lửng để thực hành viết đoạn văn có sử dụng dấu câu này.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện, giải quyết các bài tập một cách sáng tạo, hiệu quả.
- Chăm chỉ: Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.
- * Em Duy nhận biết công dụng của dấu chấm lửng trong văn bản.**
- Chăm chỉ: Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị:

- Máy chiếu, bảng phụ, giấy A0, bút màu. - Phiếu học tập.

2. Học liệu:

- Sưu tầm các đoạn văn thơ đặc sắc dấu chấm lửng.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp HS tạo tâm thế hào hứng, kết nối tri thức để bước vào bài học.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi để dẫn dắt HS vào bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu yêu cầu, HS suy nghĩ trả lời.

Khi đọc hay viết một văn bản, em thường thấy hoặc dùng những dấu câu nào? Hãy kể tên và nêu tác dụng của những dấu câu đó?

- HS lắng nghe và huy động kiến thức đã có về dấu chấm lửng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- + HS thực hiện cá nhân nhiệm vụ.
- + GV quan sát, hỗ trợ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm.
- + GV nghe, quan sát học sinh, trình bày tổng kết.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

+ GV nhận xét, đánh giá.

+ Như các em đều biết, mỗi dấu câu đều có một tác dụng khác nhau, góp phần biểu đạt nội dung của văn bản. Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về dấu chấm lửng.

Hoạt động 2: Khám phá kiến thức

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu công dụng của dấu chấm lửng

a. Mục tiêu: giúp HS nhận biết được công dụng của dấu chấm lửng.

b. Nội dung: HS suy nghĩ để nhận biết công dụng.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc thầm lại mục <i>Tri thức Ngữ văn</i> tr.26 và thẻ trong SGK tr.41,42; sử dụng phương pháp phân tích ngôn ngữ: đưa ra ví dụ cụ thể, cho HS làm việc cặp đôi, thảo luận để trả lời câu hỏi, sau đó rút ra công dụng: - GV đưa ra bài tập mẫu: 1) <i>Tìm dấu chấm lửng trong câu sau và nêu tác dụng</i> a) <i>Sau khi có vẻ đã hài lòng, nó lôi trong túi ra ba bốn lọ nhỏ, cái màu đỏ, cái màu vàng, cái màu xanh lục,... đều do nó tự chế.</i> (Tạ Duy Anh, <i>Bức tranh của em gái tôi</i>) b) <i>Hay là bây giờ em nghĩ thế này... Song anh có cho phép nói em mới dám nói...</i> (Tô Hoài, <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i>) c) <i>Tôi đã đọc đâu đó một câu rất hay: "Chỗ giống nhau nhất của mọi người trên thế gian này là... không ai giống ai cả".</i> (Lạc Thanh, <i>Xem người ta kìa!</i>) 2) <i>Dấu chấm lửng có những công dụng nào?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	1. Công dụng của dấu chấm lửng Dấu chấm lửng được dùng để: a) Dấu chấm lửng phối hợp với dấu phẩy ngầm cho biết nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết. b) Dấu chấm lửng thể hiện lời nói bỏ dở, ngập ngừng, ngắt quãng. c) Dấu chấm lửng làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ thường có sắc thái hài hước, châm biếm.

- Học sinh tiếp nhận và thực hiện. - HS suy nghĩ. Viết câu trả lời ra giấy. Sau đó cùng trao đổi với bạn trong cặp đôi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. * Em Duy nhận biết công dụng dấu chấm lửng và ghi bài vào vở.	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** củng cố cho HS nhận biết công dụng của dấu chấm lửng.
- b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, theo cặp bàn, hoàn thành bài tập vào phiếu, vở.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm bài theo cặp bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập 1, trang 41, 42 xác định yêu cầu của bài: Bài tập 1/tr.41,42. Chỉ ra công dụng của dấu chấm lửng trong các trường hợp sau: <i>a. Nhưng tôi chạm ngay vào một vật rắn. Tôi níu lấy nó. Tôi cảm thấy mình được đưa lên mặt nước và dễ thở hơn... Tôi ngất đi...</i> <i>b. Chính chúng ta đã biết rõ hơn ai hết tốc độ con tàu này! Muốn đạt tốc độ đó cần có máy móc; muốn điều khiển máy móc, phải có thợ. Từ đó tôi kết luận rằng... chúng ta đã thoát chết!</i> <i>c. Chúng tôi lần mò từng góc ngách, từ điện thờ thần A-pô-lô đến thánh đường A-then-na Pờ-rô-nai-a, thậm chí không bỏ sót những vết</i>	2. Luyện tập Bài tập 1/tr.41,42: a. Thể hiện lời nói ngập ngừng, ngắt quãng. b. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ có sắc thái hài hước: từ việc phân tích hết sức khoa học để đi đến một kết luận không về khoa học mà về tính mạng của những người đang nói. c. - Dấu chấm lửng (1) phối hợp với dấu phẩy ngầm cho biết nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết. - Dấu chấm lửng (2) thể hiện lời nói bỏ dỏ, ngập ngừng, ngắt quãng.

<i>tích còn lại của đấu trường, rạp hát,... bên bờ suối Cát-xta-líc.</i> - <i>Tớ nghĩ ta nên quay lại điện thờ thần A-pô-lô, vì trong câu đó có nhắc đến vị thần đội vòng nguyệt quế và nhấn mạnh rằng chúng ta cần phải bày tỏ lòng thành kính... - Tôi kết luận sau khi đã kiểm tra một vòng.</i> - <i>Có lí! Nhưng mà cái khoản bày tỏ lòng thành kính ấy, cậu bày tỏ đi nhé...</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đại diện trình bày, nhận xét. - HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá; - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS làm bài tập 2/tr.42: <i>Tìm trong văn bản "Đường vào trung tâm vũ trụ" một câu có dấu chấm lửng với công dụng làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung hài hước.</i> - GV gợi ý cho HS thực hiện qua việc đọc soát lại VB. (HS đọc một đoạn trích dài hoặc ngắn, ví dụ đoạn trích từ Theo truyền thuyết đến Tôi khích để tìm ra câu) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, thực hiện yêu cầu.	Bài tập 2/tr.42: Câu có dấu chấm lửng với công dụng làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung hài hước: <i>"Chẳng qua chỉ là cái... ồ voi thôi mà!"</i>.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá. - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thực hiện: Bài tập 3/tr.42: Nêu công dụng của dấu ngoặc kép trong các câu sau: a. <i>Cả Thần Đồng và tôi đều tin "cái rốn" ấy hẳn vẫn còn ở trong đền chứ không thể là hòn đá Ôm-phe-lốt kia.</i> b. <i>Câu hỏi đầu tiên chạy qua đầu hẳn chắc chắn là: Sao có thể lưu giữ được những "hiện vật" này?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định - HS nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý. * Duy ghi bài tập vào vở.	Bài tập 3/tr.42: a. Dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt, nhằm nhấn mạnh vị trí trung tâm của vũ trụ. b. Dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt, nhằm nhấn mạnh ý nghĩa của từ và giúp người đọc hình dung Tâm Vũ Trụ như một “viện bảo tàng” khổng lồ và sống động.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng và tích hợp kiến thức văn bản và tiếng Việt để viết đoạn.

b. Nội dung: HS thực hiện ở nhà bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời thể hiện hiểu biết của HS.

d. Tổ chức hoạt động: HS thực hiện ở nhà và báo cáo trên lớp ở giờ học sau.

Bài tập 1. Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) về một nội dung được gợi ra từ văn bản "*Đường vào trung tâm vũ trụ*", trong đó có sử dụng dấu chấm lửng.

Bài tập 2. Suu tầm lời hát, lời thơ, câu văn có sử dụng dấu chấm lửng.

***GỢI Ý:**

Bài tập 1. HS tự do trình bày ý tưởng của mình. Có thể dựa vào một vài tình huống sau: (1) Khi quay trở lại bảo tàng để “mượn” hòn đá Ôm-phe-lốt, Thần Đồng đã xử trí như thế nào để có thể “qua mặt” được sự canh gác cẩn mật của bảo vệ bảo tàng? (2) Trong lúc cố gắng thoát khỏi Tâm Vũ Trụ, nhân vật “tôi” và Thần Đồng đã gặp

khó khăn, cản trở hay nhận được sự giúp đỡ nào từ những loài sống ở khu rừng cổ sinh và thảo nguyên?

THAM KHẢO

Bài tập 1.

Sau khi đọc xong văn bản "Đường vào trung tâm vũ trụ", tôi đã tưởng ra một thế giới diệu kì ở tâm Trái Đất. Ở thế giới đó có tất cả các loài động vật từ xa xưa, từ cổ tích cho đến nay. Đó là những con khủng long, là người cá, chuồn chuồn,... Tôi ước gì mình cũng có thể biết cách để có được "bước nhảy không gian". Khi đó, tôi có thể đi bất cứ đâu mà mình muốn.

Bài tập 2. HS tự sưu tầm lời hát, lời thơ, câu văn có sử dụng dấu chấm lửng.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;
- Đọc trước văn bản "*Dấu ấn Hồ Khanh*".

TIẾT 92- VĂN BẢN 3. DẤU ẤN HỒ KHANH

Nhật Văn



I. Mục tiêu

- *Dấu ấn Hồ Khanh* là VB thông tin, không cùng thể loại với VB1 và VB2, nhưng cùng hướng tới chủ đề phiêu lưu, thám hiểm để khám phá thế giới. Qua tìm hiểu VB, HS cũng có được những điều đã học về VB thông tin: nhan đề, nội dung cơ bản, vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện nội dung đó.
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập.
- Biết khát vọng và ước mơ; có ý chí biến khát vọng, ước mơ tốt đẹp thành hiện thực.

*** Duy đọc văn bản và ghi nội dung bài học vào vở.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy chiếu, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về một số hang động ở Việt Nam.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối, tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung: HS xem video, nghe câu hỏi và chia sẻ trải nghiệm cá nhân có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

Cách 1: GV tự đặt ra những câu hỏi để dẫn dắt HS vào chủ đề: nuôi dưỡng đam mê để dẫn tới thành công. GV khơi gợi để HS mạnh dạn:

- Em hãy chia sẻ những ước mơ và khát vọng của mình trong tương lai.

Cách 2: GV trình chiếu video Hội ức về tìm thấy hang Sơn Đoòng
<https://youtu.be/wJeByJDYOGk>

GV hỏi:

- Video đề cập tới nội dung gì?

- Nhân vật nào được nói tới trong video?

HS xem video, quan sát và suy nghĩ, bày tỏ cảm xúc cá nhân về nội dung của video.

-> Kể từ khi được phát hiện, hang Sơn Đoòng đã khiến các chuyên gia, những người yêu hang động và đam mê du lịch khám phá ngỡ ngàng, choáng váng vì vẻ đẹp lung linh của nó. Không chỉ rất lớn về quy mô, Sơn Đoòng còn sở hữu những điều kỳ bí, độc đáo và vẻ đẹp có một không hai. Người đã góp phần khám phá ra Sơn Đoòng chính là Hồ Khanh- một người dân địa phương với đam mê đi rừng, khám phá ra những hang động mới. Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về quá trình tìm ra hang động lớn nhất thế giới của người đàn ông ấy qua văn bản 3 của bài học: “Dấu ấn Hồ Khanh”.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung văn bản

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về VB.

b. Nội dung: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu chung về VB.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét chung về văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 (Tìm hiểu chung văn bản)

Tìm hiểu chung:	Trả lời
1. Xuất xứ:	
2. Thể loại/kiểu văn bản:	
3. Phương thức biểu đạt:	
4. Nhan đề và yêu cầu cơ bản của nhan đề theo đặc trưng thể loại:	
5. Bố cục:	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Tìm hiểu chung văn bản	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: 1) GV hướng dẫn HS đọc văn bản và tìm hiểu chú thích: - Đọc lướt nhan đề, văn bản, quan sát hình ảnh để bước đầu nắm bắt được thông tin của văn bản. - Đọc kĩ từng phần của văn bản: + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát. + Nhấn mạnh vào những thông tin quan trọng như: phát hiện và khám phá hang Sơn Đoòng, hang động lớn nhất thế giới. - GV đọc mẫu đoạn 1, sau đó gọi HS lần lượt đọc. GV nhận xét, sửa chữa cách đọc của HS. - HS chú ý các từ khó: <i>thợ sơn tràng, địa mạo, thủy văn.</i> 2) GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm để hoàn thành Phiếu học tập số 01. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát và nhận xét; - Các nhóm hoàn thành phiếu HT. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản: <i>Văn bản “Dấu ấn Hồ Khanh” là văn bản thông tin về đề tài phiêu lưu, khám phá thế giới của một con người bình dị - Hồ Khanh. Vậy câu chuyện có thật này cụ thể như thế nào, chúng ta cùng nhau khám phá văn bản.</i>	1. Tác giả: - Nhật Văn. 2. Tác phẩm: 2.1. Đọc và tìm hiểu chú thích 2.2. Xuất xứ: báo điện tử Quảng Bình, ngày 21/7/2014 2.3. Kiểu VB: là VB thông tin. 2.4. Phương thức biểu đạt: Thuyết minh. 2.5. Nhan đề: nhân vật Hồ Khanh đã tạo nên một dấu ấn đặc biệt. -> Nhan đề của văn bản thông tin phải ngắn gọn, súc tích, thể hiện được nội dung của văn bản. 2.6. Bố cục: 3 phần + P1: Từ đầu ... “<i>phát hiện ra những hang động đẹp.</i>” -> Giới thiệu chung về Hồ Khanh. + P2: Tiếp theo... “<i>chuyến thử nghiệm hang Sơn Đoòng...</i>”. -> Dấu ấn Hồ Khanh trong công việc khám phá hang động. + P3: còn lại: -> Đam mê phiêu lưu, khám phá của Hồ Khanh.

* Duy đọc một đoạn văn bản và ghi nội dung bài học vào vở.	

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu chi tiết văn bản

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết và phân tích được nội dung cơ bản, vai trò của các chi tiết thể hiện dấu ấn của Hồ Khanh trong VB.

b. Nội dung: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc nhóm và cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 (Tìm hiểu chung về nhân vật Hồ Khanh)

Quê quán:.....	Nhân vật Hồ Khanh	Nghề nghiệp:.....
Tính cách:.....		Thành tích:...

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Tìm hiểu chi tiết văn bản	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm cặp đôi để hoàn thành Phiếu học tập số 2, gợi ý trả lời câu hỏi: <i>? Tìm trong đoạn đầu của văn bản chi tiết thể hiện “Dấu ấn Hồ Khanh” trong công cuộc khám phá hang động ở Quảng Bình?</i> <i>? Đoạn này có phải là sa-po của văn bản thông tin này không? Vậy chi tiết thể hiện “Dấu ấn Hồ Khanh” có thể hiện được nội dung văn bản không?</i> (GV hướng dẫn các em đọc kĩ đoạn văn: “Nói đến du lịch Quảng Bình... và rất nhiều hang động ấn tượng khác.”) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm, nghe câu hỏi, theo dõi văn bản và thực hiện các yêu cầu vào phiếu. - HS quan sát những chi tiết trong SGK, đọc đoạn văn: “Nói đến du lịch Quảng	1. Giới thiệu chung về Hồ Khanh - Quê quán: thôn Phong Nha, xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. - Nghề nghiệp: thợ sơn tràng chuyên nghiệp. - Tính cách: thích tò mò, khám phá. - Thành tích: phát hiện ra hang Sơn Đoòng, nhiều hang động khác.

<i>Bình... và rất nhiều hang động ẩn tượng khác.”</i> - GV hướng dẫn HS chú ý đoạn 1 (đặc biệt là chi tiết: <i>“Đó là Hồ Khanh, người phát hiện ra hang Sơn Đoòng và rất nhiều hang động ẩn tượng khác.”</i>). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện HS trả lời. - HS khác nhận xét bổ sung (nếu cần). Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, điều chỉnh sai sót, chuẩn kiến thức: <i>Câu “Đó là Hồ Khanh, người phát hiện ra hang Sơn Đoòng và rất nhiều hang động ẩn tượng khác”. Chính là sa-po của bài viết và đã cụ thể hoá nhan đề bài viết. Chi tiết này giúp người đọc biết được dấu ấn của Hồ Khanh chính là việc phát hiện ra hang động lớn nhất thế giới.</i> - GV chuyển mục: <i>tìm hiểu phần 2.</i>	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS đọc thầm đoạn từ <i>Song ẩn tượng nhất đến hang động cao và rộng nhất thế giới</i> và gợi ý cho HS tìm hiểu bằng những câu hỏi vấn đáp: 1) <i>Thời điểm và sự kiện quan trọng nào đã làm thay đổi cuộc đời Hồ Khanh?</i> 2) <i>Vì sao các nhà khoa học lại tìm đến Hồ Khanh với vai trò là người dẫn đường khám phá Vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng?</i> 3) <i>Nguyên nhân nào đã khiến Hồ Khanh dẫn đoàn thám hiểm hang động của Hoàng gia Anh vào cái hang đá lớn và kì lạ năm xưa? Kết quả của sự việc này ra sao?</i> 4) <i>Hồ Khanh có vai trò như thế nào trong quá trình khám phá ra Sơn Đoòng?</i>	2. Dấu ấn Hồ Khanh trong việc khám phá hang động - Năm 1989, tình cờ phát hiện ra một cái hang lớn với <i>“bầu không khí mát mẻ lạ thường”</i>. - 2009, Hồ Khanh dẫn đoàn thám hiểm hang động của Hoàng gia Anh vào cái hang đá lớn và kì lạ năm xưa. - Hồ Khanh đã trở thành người Việt Nam đầu tiên phát hiện ra hang Sơn Đoòng. =><i>Câu chuyện được tường thuật theo trình tự thời gian, giúp chúng ta hiểu rõ nội dung câu chuyện có thật.</i>

5) <i>Quá trình tiếp xúc với Hồ Khanh đã cho ông Hồ-oát Lim-bơ, trưởng đoàn khám phá hang động Hiệp hội Hang động Hoàng gia Anh tình cảm gì với anh?</i> 6) <i>Em có nhận xét gì về trình tự thời gian khi giới thiệu quá trình khám Sơn Đoòng của Hồ Khanh?</i> 7) <i>Với dấu ấn Hồ Khanh trong hành trình phát hiện ra hang Sơn Đoòng, em có cảm nhận gì về câu chuyện của ông?</i> (GV hướng dẫn HS chú ý vào nội dung câu chuyện có thật được hiện thực hóa bằng đam mê, khát vọng của nhân vật; tính cách, đam mê trong công việc dẫn đến kết quả tốt của Hồ Khanh). - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc cá nhân hoặc cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS trình bày. - Các nhóm cặp đôi khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các cặp đôi. Chuyển dẫn sang nội dung sau: <i>tìm hiểu phần cuối của VB.</i>	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu câu hỏi vấn đáp cho HS tìm hiểu: 1) <i>Vì sao Hồ Khanh đi rừng tìm kiếm những hang động?</i> 2) <i>Hồ Khanh thường tìm kiếm như thế nào?</i> 3) <i>Theo em phẩm chất quan trọng nhất để trở thành một nhà thám hiểm là gì?</i>	3. Hồ Khanh với niềm đam mê khám phá - Hồ Khanh đi rừng vì yêu thích, đam mê. - Anh thường vào rừng tìm kiếm, ghi nhớ thật chi tiết những nơi mình đã qua để dẫn đường cho các đoàn thám hiểm. - Phẩm chất quan trọng của nhà thám hiểm chính là sự ham hiểu biết và say mê khám phá thế giới tự nhiên.

4) Em cảm nhận như thế nào về sự yêu thích, đam mê khám phá đã giúp Hồ Khanh tìm ra hang Sơn Đoòng? 5) Em có mong muốn được phiêu lưu, khám phá thế giới không? Nếu được, em muốn mình sẽ đi đến những nơi nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc VB và tìm chi tiết trong tác phẩm. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá và hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). - HS trình bày, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, và chốt kiến thức. * Duyệt nội dung bài học vào vở.	

Hoạt động 2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS đánh giá tổng kết, rút ra được những điểm đặc sắc về nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa; kinh nghiệm đọc VBTT.

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân, HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
III. Tổng kết	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS hoạt động cá nhân: 1) <i>Nêu nét đặc sắc về nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB.</i> 2) <i>Em rút ra được kinh nghiệm gì khi đọc VB thông tin này?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 03 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ	1. Nghệ thuật - Kể sự việc theo trình tự thời gian, kết hợp miêu tả chi tiết, cụ thể. - Giới thiệu về nhân vật và sự việc có thật liên quan đến nhân vật đó. 2. Nội dung – Ý nghĩa - Câu chuyện thật về Hồ Khanh phát hiện, khám phá ra hang Sơn Đoòng và rất nhiều hang động khác đã cho thấy được tầm quan trọng của đam mê, khát vọng: khi có ý chí, niềm đam mê

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày các nội dung tổng kết. - HS khác bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học.	và khát vọng sẽ biến ước mơ thành hiện thực. 3. Những lưu ý khi đọc VB thông tin - Nhận biết được nhan đề, nội dung cơ bản, vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện nội dung đó. - Hiểu được cảm hứng phiêu lưu và khám phá thế giới cũng có thể đến từ câu chuyện có thật của những con người bình dị đang sống quanh ta. Bằng ý chí, niềm đam mê, khát vọng, các em có thể biến ước mơ thành hiện thực.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố kiến thức của bài học qua việc làm bài tập cụ thể.

b. Nội dung: HS hoạt động cá nhân làm bài tập GV giao.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

*GV giao bài tập cho HS:

- Trong bài 7, VB3 “Dấu ấn Hồ Khanh” và các văn bản 1,2: “Cuộc chạm trán trên đại dương” và “Đường vào trung tâm vũ trụ” có gì giống và khác nhau?

- GV hướng dẫn và hỗ trợ HS so sánh các văn bản trong bài.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS liệt kê các chi tiết giống và khác nhau của các văn bản về thể loại, nội dung câu chuyện, chủ đề văn bản theo bảng mẫu sau:

Văn bản	Dấu ấn Hồ Khanh	- Cuộc chạm trán trên đại dương - Đường vào trung tâm vũ trụ
Nội dung so sánh		
<i>Chủ đề:</i>		
<i>Thể loại:</i>		
<i>Nhân vật:</i>		

***Gợi ý đáp án:**

Văn bản	Dấu ấn Hồ Khanh	- <i>Cuộc chạm trán trên đại dương</i> - <i>Đường vào trung tâm vũ trụ</i>
Nội dung so sánh		
<i>Chủ đề:</i>	- Phiêu lưu, khám phá thế giới.	
<i>Thể loại:</i>	- Văn bản thông tin.	- Truyện khoa học viễn tưởng.
<i>Nhân vật:</i>	- Nhân vật và câu chuyện có thật.	- Nhân vật tưởng tượng, không có thật.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV đánh giá HS, tuyên dương bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào viết đoạn và giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b. Nội dung: HS viết đoạn; nêu suy nghĩ, chia sẻ.

c. Sản phẩm: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS thực hiện bài tập vận dụng (có thể về nhà làm):

Bài tập 1. *Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) kể lại hành trình khám phá hang Sơn Đoòng của Hồ Khanh bằng ngôi kể thứ nhất.*

Bài tập 2. *Nhân vật Hồ Khanh đã thực hiện được khát vọng và đam mê khám phá hang động của mình. Còn em, em có ước mơ gì? Em nghĩ mình sẽ phải trau dồi bản thân như thế nào để thực hiện ước mơ? Hãy chia sẻ vào Phiếu HT sau:*

Ước mơ của tôi:	
Hành động của tôi:	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS viết bài ra giấy (có thể thực hiện ở nhà).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày.
- HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần), tuyên dương những bài viết tốt.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung bài học.
- HS chuẩn bị cho tiết sau học bài: **Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.**

TIẾT 93-95:VIẾT

VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN MỘT NHÂN VẬT LỊCH SỬ

I. Mục tiêu

- HS viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử. Bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả; sắp xếp các sự việc theo trật tự trước sau, quan hệ nhân quả.
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập trước khi tới lớp.
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong tạo lập văn bản.
- Chăm chỉ hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Yêu mến, trân trọng những nhân vật được kể.

*** Duy ghi nội dung bài học vào vở.**

II. Thiết bị và học liệu

1. Thiết bị: Máy chiếu, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá....

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo....

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS kết nối, xác định được nội dung chính của bài học.

b. Nội dung: GV nêu vấn đề, HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân, sau đó kết nối với nội dung của bài.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV có thể tổ chức hoạt động giới thiệu kiểu bài cho HS bằng hai cách:

+ **Cách 1.** Gọi cho HS nhớ lại cách viết bài văn thuật lại một sự kiện mà các em đã học ở lớp 6 (bài 6), sau đó giải thích để HS nắm được đặc điểm của kiểu bài viết mới trong bài học này.

(Cũng là viết về một sự kiện/ sự việc, nhưng ở đây yêu cầu sự việc đó phải có thật và liên quan tới một nhân vật lịch sử).

+ **Cách 2.** Theo cách tiếp cận tích hợp, GV đặt những câu hỏi liên quan đến VB *Dấu ấn Hồ Khanh* để HS nhận diện được kiểu bài mà các em sẽ viết:

1) *Mục đích của người viết VB này là gì?*

2) *Sau khi đọc xong VB em có thu thập thêm được thông tin mới hay không?*

- HS suy nghĩ cá nhân để trả lời.

- Từ việc nhận biết được những đặc điểm của VB đọc, HS có thể hình dung thêm về kiểu bài cần viết. GV nhận xét, bổ sung, kết luận, sau đó kết nối vào nội dung bài học: *Như vậy với lớp 6, các em được học bài tường thuật lại lễ hội Gióng, những sinh hoạt văn hoá như lễ hội dân gian, hội chợ xuân. Đó chính là VB thuyết minh thuật lại một sự kiện, thuộc loại văn bản thông tin. Trong bài học mới hôm nay, các em cũng là viết về một sự kiện/ sự việc, nhưng ở đây yêu cầu sự việc đó phải có thật và liên quan tới một nhân vật lịch sử.*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài; phân tích bài tham khảo và thực hành viết theo các bước.

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi cho HS chia sẻ nhóm đôi tìm hiểu kiểu bài bằng việc điền vào phiếu học tập đã chuẩn bị.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 (Phân tích bài viết tham khảo)

Hoàn thiện bảng sau bằng cách ghi câu trả lời vào cột bên phải tương đương với câu hỏi ở cột trái:

Câu hỏi	Trả lời
1. Bài viết kể về sự việc gì?	
2. Sự việc đó có thật không? Và liên quan đến nhân vật nào?	
3. Diễn biến của sự việc như thế nào?	
4. Sự việc có ý nghĩa ra sao?	
5. Người viết bày tỏ suy nghĩ gì về sự việc được kể?	
6. Bài viết có những câu văn miêu tả nào?	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Tìm hiểu bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV cho HS đọc thầm lại phần <i>Yêu cầu đối với bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử</i> trong SGK, tr.45, để nắm chắc được những yêu cầu đối với kiểu bài này. *GV nêu câu hỏi cho HS tìm hiểu:	- Nhân vật được lựa chọn phải có vai trò (dù ít hay nhiều) trong bối cảnh lịch sử đương thời. - Sự việc được kể liên quan đến nhân vật đó phải có thật. - Sự việc đó phải có ý nghĩa trong bối cảnh lịch sử nhất định. - Kể được sự việc theo trình tự hợp lí.

1. Bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện cần đáp ứng những yêu cầu nào? 2. Từ dẫn chứng trong VB "Dấu ấn Hồ Khanh", em hãy minh họa cho những yêu cầu đó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS dựa vào SHS, trang 45 để trình bày các yêu cầu; trả lời câu hỏi của GV. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày và nêu những điều chưa rõ. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, khuyến khích HS trả lời. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức về kiểu bài, chuyển dẫn sang mục 2. * Duyệt nội dung bài học vào vở.	- Bài viết nêu được suy nghĩ, ấn tượng của người viết và có sử dụng yếu tố miêu tả.
2. Phân tích bài viết tham khảo	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV giới thiệu: Bài viết tham khảo kể về một sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử. Bài viết thông tin một cách tương đối chi tiết về sự việc, nhân vật có sử dụng yếu tố miêu tả kèm theo cả những nhận xét, đánh giá, cảm nghĩ của người viết về sự việc. *GV yêu cầu HS thảo luận nhóm theo những câu hỏi trong Phiếu HT số 1. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát những chi tiết trong SGK. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS tìm hiểu cách triển khai văn bản. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu, hướng dẫn HS trình bày. - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt kiến thức, chuyển sang thực hành.	1. Bài viết kể về sự việc: màn “trình diễn” ánh sáng. 2. Sự việc đó có thật và liên quan đến nhà khoa học nổi tiếng Tô-mát Ê-đi-xơn. 3. Diễn biến của sự việc: Ê-đi-xơn đã cho treo hàng trăm bóng đèn điện quanh phòng thí nghiệm, quanh nhà và dọc con đường nơi ông sống. 4. Ý nghĩa của sự việc: Màn “trình diễn” ánh sáng của Ê-đi-xơn mở đầu cho việc đưa ánh sáng đèn điện đến với cuộc sống của con người. 5. Suy nghĩ của người viết được bày tỏ: Màn “trình diễn” đó đã mở ra một kỉ nguyên ánh sáng mới, làm thay đổi thế giới. 6. Bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả: Những chiếc bóng đèn có vỏ ngoài được làm bằng thủy tinh cách nhiệt, bên trong có chứa dây đốt làm bằng sợi carbon, tỏa ra thứ ánh sáng liên

	tục và điều dục.
3. Thực hành viết theo các bước	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV hướng dẫn HS theo dõi SGK tr.47 để xác định mục đích viết, người đọc và lựa chọn đề tài. 1) Trước khi viết, em cần xác định mục đích viết và người đọc sẽ là ai? 2) Đề tài được chọn cần thoả mãn các yêu cầu nào? Tham khảo gợi ý trong SGK hoặc tự mình lựa chọn đề tài thích hợp. *GV hướng dẫn HS tìm ý: Trên cơ sở đề tài đã chọn, HS có thể tìm ý bằng cách trả lời câu hỏi SGK tr.47. *GV hướng dẫn HS lập dàn ý: Em sẽ phân bố các ý cho Mở bài, thân bài và kết bài như thế nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS lần lượt thực hiện từng yêu cầu của GV. - HS dự kiến câu trả lời, ghi ra giấy. - GV quan sát, hỗ trợ, khuyến khích. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày bài viết. - HS khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. - Tuyên dương, khích lệ HS, đọc bài viết tham khảo. * Duyệt ghi nội dung bài học vào vở.	a. Trước khi viết *Xác định mục đích viết và người đọc: (SGK tr.47) * Lựa chọn đề tài: - Các nhân vật lịch sử: nhà quân sự, nhà chính trị, nhà khoa học,...người có tài năng xuất chúng, sáng tạo ra sản phẩm phục vụ lợi ích chung của cộng đồng. - VD: Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Mạc Đĩnh Chi, Lê Quý Đôn, Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp,... * Tìm ý: - Sự việc diễn ra ở đâu, khi nào? Sự việc đó diễn ra như thế nào? - Sự việc đó có ý nghĩa như thế nào? - Em có suy nghĩ gì về sự việc được kể? * Lập dàn ý: - Mở bài: + Giới thiệu đôi nét về nhân vật. + Giới thiệu sự việc liên quan đến nhân vật. - Thân bài: + Kể diễn biến của sự việc. Lưu ý sử dụng yếu tố miêu tả. + Nêu ý nghĩa của sự việc. - Kết bài: Nêu suy nghĩ và ấn tượng của người viết về sự việc.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV hướng dẫn HS theo dõi SGK tr.20 và trả lời câu hỏi: <i>?Để viết triển khai đầy đủ các ý trong dàn ý khi viết em cần chú ý điều gì?</i>	b. Viết bài *Lưu ý: - Bám sát dàn ý. - Lựa chọn từ ngữ phù hợp (nếu viết về câu chuyện khoa học thì có thể tra

*GV nêu lưu ý chung cho HS khi viết phải đảm bảo. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát hướng dẫn trong SGK để trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác cần thực hiện khi viết. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày. - HS khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, yêu cầu HS viết ngay trên lớp hoặc hoàn thành ở nhà. - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt lưu ý. - GV chuyển dẫn sang mục tiếp theo.	cứu từ điển để hiểu những thuật ngữ chuyên môn khó). - Các chi tiết phải xác thực, có liên quan đến sự việc được kể. - Các câu, các ý phải đảm bảo tính liên kết về hình thức và mạch lạc về nội dung.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ: Dựa vào bài làm, các em hãy chỉnh sửa theo yêu cầu gợi ý và hướng dẫn chỉnh sửa theo Phiếu trong SGK tr.48. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát văn đã viết của mình để chỉnh sửa theo bảng. - GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác khi chỉnh sửa văn bản để tự đánh giá mức độ hoàn thành (GV có thể yêu cầu HS đổi chéo bài cho nhau trong bàn để đối chiếu, rà soát). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày. - HS khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt lưu ý. * Duy đọc lại bài viết của các bạn.	c. Chỉnh sửa bài viết - Chỉnh sửa theo yêu cầu trong Phiếu hướng dẫn chỉnh sửa, SGK tr.48
HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG a. Mục tiêu: củng cố, vận dụng kiến thức của bài học vào làm bài tập cụ thể. b. Nội dung: HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.	

c. Sản phẩm: HS viết được một văn bản hoàn thiện, đảm bảo yêu cầu nội dung của kiểu bài.

d) Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên giao bài tập cho HS: **Kể về Đại tướng Võ Nguyên Giáp.**
 - GV hướng dẫn HS viết văn theo yêu cầu, hỗ trợ HS hoàn thiện bài tập.
 - HS vận dụng những kiến thức đã học để hoàn thiện yêu cầu bài tập.
- *GV cung cấp tư liệu cho HS dựa vào thông tin để kể lại.

THÔNG TIN THAM KHẢO

(Về Đại tướng Võ Nguyên Giáp)

Đại tướng Võ Nguyên Giáp: Niềm tự hào và biểu tượng của QĐND Việt Nam anh hùng

Đại tướng Võ Nguyên Giáp là vị tướng tài ba, là người "Anh Cả" của Quân đội nhân dân (QĐND) Việt Nam. Từ một thầy giáo dạy lịch sử và trở thành người học trò xuất sắc, gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, dù ở đâu và trong hoàn cảnh nào, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng luôn quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoạt động thực tiễn. Đặc biệt, thực hiện lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh làm cách mạng phải "Dĩ công vi thượng", Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn đặt lợi ích của Đảng, của quốc gia, dân tộc, lợi ích của nhân dân lên trên hết, trước hết, luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó, đưa ông trở thành vị "Đại tướng của nhân dân".

Cuộc đời hoạt động cách mạng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp không chỉ có nhiều cống hiến xuất sắc đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, dựng xây đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, mà còn để lại nhiều di sản quý báu đối với công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, đặc biệt là đối với sự nghiệp xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Đó là những vấn đề về nghệ thuật quân sự, khoa học quân sự, lý luận quân sự mà Đại tướng đã đúc kết từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Quân đội cũng như thực tiễn chỉ đạo kháng chiến trong 30 năm chiến tranh giải phóng. Đồng thời, những vấn đề nghệ thuật quân sự, khoa học quân sự, lý luận quân sự còn được đúc kết từ chính cuộc đời hoạt động cách mạng của ông. Do đó, trách nhiệm của chúng ta hôm nay là phải tiếp tục nghiên cứu, vận dụng những quan điểm, tư tưởng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và những vấn đề về nghệ thuật quân sự, khoa học quân sự, lý luận quân sự của ông vào điều kiện cách mạng mới. Đó cũng là cách để cán bộ, chiến sĩ toàn quân nắm bắt, tiếp thu những vấn đề về chiến tranh và cách mạng, vận dụng vào thực tiễn huấn luyện, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Cùng với đó, cuộc đời hoạt động cách mạng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp là tấm gương đạo đức cách mạng sáng ngời, là hiện thân của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Hiện nay, cùng với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng,

đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và học tập tấm gương của các vị lãnh đạo cách mạng tiền bối, chúng ta cần học tập tấm gương đạo đức cách mạng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, qua đó toàn Đảng, toàn quân và toàn dân thêm tự hào về lịch sử cách mạng của Đảng, của dân tộc, về những con người làm nên lịch sử. Đối với cán bộ, chiến sĩ Quân đội, đó là niềm tự hào và là biểu tượng của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng, của dân tộc Việt Nam anh hùng!

Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một vị tướng tài giỏi của Việt Nam

Qua lời kể của bố mẹ, ngay từ thuở nhỏ tôi đã biết về Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một vị tướng tài giỏi của Việt Nam và được nhân dân Việt Nam vô cùng kính trọng và yêu mến. Tôi luôn ước muốn có một ngày được gặp vị tướng huyền thoại đã từng làm nên một Chiến thắng Điện Biên Phủ lẫy lừng khắp năm châu. Và ngày đó đã đến, ngày mà đoàn học giả nước ngoài tham gia Hội thảo 50 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ tại Hà Nội, chúng tôi đã vinh dự được gặp Đại tướng vĩ đại của nhân dân Việt Nam. Lúc đó, tôi rất vui mừng bởi ước muốn của mình bao năm đã thành hiện thực khi được tận mắt nhìn thấy hình ảnh vị tướng bình dị, gần gũi.

Tục ngữ Việt Nam có câu: “Ăn quả nhớ người trồng cây”, có được cuộc sống hòa bình và hạnh phúc như ngày hôm nay thì phải biết ơn công lao to lớn của các anh hùng, liệt sĩ, vị Đại tướng đã suốt đời vì dân, vì nước.

Trong lòng tôi, Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một vị tướng tài ba, hội tụ đầy đủ phẩm chất về nhân cách khiêm nhường, đức độ và luôn đặt nhân dân mình lên cao nhất.

Ngày Đại tướng Võ Nguyên Giáp qua đời, tôi rất đau buồn bởi như mất đi một điều gì đó quan trọng trong đời mình. Thời điểm ấy, tôi không có mặt ở Việt Nam nhưng qua buổi truyền hình trực tiếp trên Đài Truyền hình Việt Nam hôm đó, tôi đã khóc. Đại tướng đã về với Bác Hồ và các nhà cách mạng tiền bối nhưng hình ảnh của vị tướng huyền thoại này sẽ mãi in đậm trong tâm trí tôi.

KHÁNH HUYỀN (ghi)

(Nguồn: <https://www.qdnd.vn/tuong-linh-viet-nam/cam-nhan-ve-dai-tuong-vo-nguyen-giap-cua-nguoi-dan-viet-nam-va-quoc-te-669357>)

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

- GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

4. Trả bài

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV trả bài và cho HS nhắc lại yêu cầu chung về thể thức của kiểu bài và những lưu ý để viết được bài văn theo kiểu này.

- GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn

a. Yêu cầu của kiểu bài

b. Nhận xét

- Ưu điểm:

- Nhược điểm:

c. Chỉnh sửa và hoàn thiện

một số bài để nhận xét, đánh giá và rút kinh nghiệm chung cho cả lớp. - GV trả bài cho HS, yêu cầu các em chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và theo những điều vừa phân tích, bổ sung ở trên (Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS lần lượt thực hiện từng yêu cầu của GV. - HS ghi ra giấy và đánh giá chéo với bài của bạn. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày bài viết. - HS khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. - Tuyên dương, khích lệ HS, đọc bài viết tham khảo.	

BẢNG KIỂM

Hoàn thiện và kiểm tra theo các yêu cầu trong bảng kiểm sau:

Tiêu chí	Đạt	Không đạt
<i>1. Giới thiệu được nhân vật và sự việc liên quan đến nhân vật.</i>		
<i>2. Cung cấp được thông tin về sự việc mà bài viết nói tới.</i>		
<i>3. Trình bày được diễn biến của sự việc. Có sử dụng yếu tố miêu tả trong khi kể.</i>		
<i>4. Nêu được ý nghĩa của sự việc được nói tới.</i>		
<i>5. Đảm bảo yêu cầu về chính tả, diễn đạt (dùng từ, đặt câu, sử dụng từ ngữ liên kết câu và liên kết đoạn văn,...</i>		

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- + Lưu trữ lại Phiếu học tập vào hồ sơ cá nhân.
- + Giao phiếu học tập và yêu cầu HS chuẩn bị bài sau: **Nói và nghe: Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người.**

HẾT.

Ngày soạn: 27/2/2024
Ngày dạy: 5,6,7,8 /3/2024

NÓI VÀ NGHE

TUẦN 24- BÀI 7- TIẾT 96-THẢO LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA CÔNG NGHỆ ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI

I. Mục tiêu:

- HS nhận biết được vai trò của công nghệ đối với đời sống của con người, trên cả hai phương diện tích cực và tiêu cực.
- HS biết cách thảo luận về một vấn đề gây tranh cãi, biết đưa ra ý kiến của mình, biết cách xác định những điểm thống nhất và khác biệt giữa các ý kiến, đồng thời biết lắng nghe và đối thoại với ý kiến của người khác trên tinh thần tôn trọng.
- Phát triển khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ.
- Biết lắng nghe, tôn trọng sự khác biệt, nhận thức đúng được những bài học từ cuộc sống công nghệ phát triển.

*** Duy ghi nội dung bài học vào vở.**

II. Thiết bị và học liệu

1. **Thiết bị:** Máy chiếu, phiếu học tập, rubric đánh giá....
2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo....

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học.

b. Nội dung: HS xem tranh và suy nghĩ trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV nêu câu hỏi cho HS chia sẻ:

Em hãy chia sẻ về những thành tựu công nghệ mà em biết?

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời.

*** ĐÁP ÁN:** bóng đèn điện, internet, bom nguyên tử, ...

- GV nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào bài học.

-> Trong những thập niên gần đây, công nghệ đã có nhiều bước tiến vượt bậc. Thành tựu của công nghệ đã giúp con người có niềm tin và động lực, biến ước mơ thành hiện thực. Nhưng, phải chăng công nghệ càng phát triển thì con người càng lệ thuộc vào nó? Tương lai của con người sẽ ra sao khi công nghệ tiếp tục phát

triển? Em hãy cùng các bạn thảo luận nhằm đưa ra cái nhìn toàn diện về vai trò của công nghệ trong đời sống của con người.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu: Xác định được mục đích nói và người nghe; biết chuẩn bị những nội dung cần nói và luyện nói; trình bày được ý kiến của bản thân.

b. Nội dung: HS xác định mục đích, trình bày nội dung bài nói và lắng nghe, trao đổi với bạn về bài nói của mình.

c. Sản phẩm: Bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu; thái độ lắng nghe tích cực của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Trước khi nói	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *Trước khi nói, GV nêu vấn đề: Thảo luận về vai trò chung của công nghệ đối với đời sống con người hoặc có thể lựa chọn một khía cạnh của vấn đề như: <i>Phải chăng công nghệ càng phát triển thì con người càng lệ thuộc vào nó? Tương lai của con người sẽ ra sao khi công nghệ tiếp tục phát triển.</i> *GV nêu yêu cầu cho HS xác định mục đích nói và người nghe: 1) Khi tiến hành thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người, chúng ta nhằm hướng tới điều gì? 2) Ai là người mà chúng ta muốn chia sẻ? - GV nhấn mạnh: Trước khi nói, ta cần xác định mục đích nói và đối tượng nghe. Điều này là cần thiết, đóng vai trò quan trọng, góp phần làm cho hoạt động nói và nghe thành công. - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói: - Lựa chọn đề tài, nội dung nói; - Tìm ý, lập ý cho bài nói; - Chỉnh sửa bài nói; *Tập luyện:	1.1. Chuẩn bị a. Xác định mục đích nói và nghe - Mục đích nói: Chia sẻ thông tin, ý tưởng và hiểu sâu sắc hơn về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người, một vấn đề vốn gây nhiều tranh cãi. - Người nghe: thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến vấn đề này. b. Định hướng lựa chọn đề tài c. Tìm ý, lập ý cho bài nói d. Sắp xếp các ý thành một dàn ý theo trật tự - Nêu vấn đề; - Các mặt tích cực và tiêu cực; - Nêu quan điểm cá nhân. 1.2. Tập luyện - HS nói một mình trước gương. - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. - Tự điều chỉnh cho phù hợp.

+ HS nói một mình trước gương. + HS tập nói trước nhóm/tổ. - GV dành thời gian (5 phút) cho HS tự soát lại bài nói đã chuẩn bị ở nhà theo nhiệm vụ GV giao (lưu ý đánh dấu ý quan trọng, gạch chân từ khóa,...): + Nhóm 1: Chia sẻ mặt tích cực của công nghệ trong đời sống. + Nhóm 2: Chia sẻ mặt tiêu cực của công nghệ trong đời sống. - GV cho thảo luận theo bàn để thực hiện hoạt động theo chủ đề mà các em đã lựa chọn. - GV dành thời gian (5 – 7 phút) cho HS luyện nói theo cặp, sau đó lên trình bày ý kiến trước lớp. - GV lưu ý về thời gian trình bày bài nói (5 7 phút). GV phát phiếu đánh giá cho HS, hướng dẫn các cách đánh giá theo tiêu chí đề ra. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, theo dõi SGK lần lượt thực hiện các yêu cầu của GV. - HS khác nghe, góp ý. - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS hoàn thiện sự chuẩn bị bài nói vào trong vở; tập trình bày bài nói trước nhóm. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. * Duyệt ghi nội dung bài học vào vở.	
2. Trình bày bài nói	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu câu hỏi cho HS suy nghĩ trả lời: <i>Người nói và người nghe cần chú ý điều gì?</i> - Đối với HS đại diện nhóm khi đứng ra thuyết trình:	

+ Tự tin, thoải mái. Chú ý chào hỏi khi bắt đầu và cảm ơn khi kết thúc bài nói + Nói đúng mục đích (một vấn đề trong đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc). + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Điều bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt... phù hợp - Đối với các học sinh nghe: chú ý lắng nghe để thảo luận trao đổi, nhận xét và cho điểm cho kết quả nhóm bạn. - GV phát phiếu đánh giá cho các nhóm. - GV gọi bất kì 3 – 4 HS thuộc hai nhóm trình bày bài nhóm. - HS chú ý vào bài nói của bạn. - Các HS khác theo dõi để nhận xét, đánh giá vào phiếu - GV bao quát các nhóm HS còn lại thực hiện hoạt động: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu... Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Đại diện HS các nhóm lên trình bày trước lớp. - Các nhóm HS khác lắng nghe, ghi chép, góp ý, dự kiến nội dung cần góp ý, trao đổi. - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS trình bày bài nói; - HS khác nêu vấn đề cần trao đổi. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. * Duy lắng nghe các bạn trình bày.	
3. Sau khi nói	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.	- Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý SGK, tr.50.

- HS thảo luận kết quả của bạn, đưa ra câu phản biện yêu cầu bạn trình bày trả lời theo gợi ý (Phụ lục) - HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy. HS nghe đặt câu hỏi về những điều cần rõ thêm, hoàn thành phiếu đánh giá nghe. - HS trả lời câu hỏi phụ (nếu có). (GV khuyến khích, động viên, hoặc cho cả lớp động viên bằng tràng pháo tay...) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí. - HS quan sát HĐ nói của bạn và ghi nhận xét ra giấy. Bước 3: Thảo luận, báo cáo - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. - HS thực hiện HĐ nói trình bày ý kiến của mình trước những ý kiến phản bác (nếu cần) Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét của HS, tuyên dương và khích lệ HS và kết nối sang hoạt động sau.	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Người nghe</th><th>Người nói</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td> • Nhận xét về bài nói: nội dung, cách thức trình bày. Khi nhận xét về nội dung, cần hướng vào trọng tâm bài nói, không sa đà vào những vấn đề không liên quan. • Tranh luận để bày tỏ sự đồng tình hoặc không đồng tình với ý kiến của người nói. • Bổ sung những thông tin em biết về vấn đề được nói tới. </td><td> • Tiếp thu nếu thấy những ý kiến góp ý là xác đáng. • Trao đổi lại với những ý kiến thống nhất cũng như ý kiến khác biệt với mình. • Tranh luận, dùng những lí lẽ thuyết phục để bảo vệ những điểm hợp lí trong bài trình bày của em. • Tự rút kinh nghiệm sau quá trình thảo luận. </td></tr> </tbody> </table>	Người nghe	Người nói	• Nhận xét về bài nói: nội dung, cách thức trình bày. Khi nhận xét về nội dung, cần hướng vào trọng tâm bài nói, không sa đà vào những vấn đề không liên quan. • Tranh luận để bày tỏ sự đồng tình hoặc không đồng tình với ý kiến của người nói. • Bổ sung những thông tin em biết về vấn đề được nói tới.	• Tiếp thu nếu thấy những ý kiến góp ý là xác đáng. • Trao đổi lại với những ý kiến thống nhất cũng như ý kiến khác biệt với mình. • Tranh luận, dùng những lí lẽ thuyết phục để bảo vệ những điểm hợp lí trong bài trình bày của em. • Tự rút kinh nghiệm sau quá trình thảo luận.
Người nghe	Người nói				
• Nhận xét về bài nói: nội dung, cách thức trình bày. Khi nhận xét về nội dung, cần hướng vào trọng tâm bài nói, không sa đà vào những vấn đề không liên quan. • Tranh luận để bày tỏ sự đồng tình hoặc không đồng tình với ý kiến của người nói. • Bổ sung những thông tin em biết về vấn đề được nói tới.	• Tiếp thu nếu thấy những ý kiến góp ý là xác đáng. • Trao đổi lại với những ý kiến thống nhất cũng như ý kiến khác biệt với mình. • Tranh luận, dùng những lí lẽ thuyết phục để bảo vệ những điểm hợp lí trong bài trình bày của em. • Tự rút kinh nghiệm sau quá trình thảo luận.				

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI NÓI

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI NÓI				
TIÊU CHÍ		MỨC ĐỘ		
		Chưa đạt	Đạt	Tốt
Nội dung	Nêu được vai trò của công nghệ đối với đời sống con người.	Không nêu được vai trò của công nghệ đối với đời sống con người.	Nêu được nhận định khái quát về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người.	Nêu được sự phát triển công nghệ và tác động của nó đến đời sống con người; nêu lên nhiều quan điểm khác nhau để thấy đây là một vấn đề còn nhiều tranh cãi.
	Trình bày	Không	Có độ lệch về	Đánh giá được một

	được hai mặt tích cực và tiêu cực của công nghệ trong đời sống bằng các bằng chứng cụ thể.	trình bày được hai mặt của vấn đề.	hai mặt ảnh hưởng của công nghệ, thiên về tích cực hoặc thiên về tiêu cực.	cách khách quan, cân bằng hai mặt tích cực và tiêu cực của công nghệ trong đời sống con người.
	Nhấn mạnh ý kiến cá nhân.	Không nêu được ý kiến cá nhân.	Đã nêu được ý kiến cá nhân nhưng chưa rõ ràng.	Nêu bật được ý kiến cá nhân để người nghe thấy rõ quan điểm của mình.
Hình thức trình bày	Ngữ điệu nói.	Nói nhỏ, đều đều, lặp từ.	Nói to nhưng đôi chỗ vẫn còn bị lặp lại và không có điểm nhấn.	Nói to, rõ ràng, lưu loát, biết nhấn mạnh vào ý kiến cá nhân.
	Sử dụng ngôn ngữ cơ thể.	Không sử dụng ngôn ngữ cơ thể, chỉ nhìn vào dàn ý để nói.	Có biểu cảm trên nét mặt và ánh mắt nhưng vẫn phụ thuộc vào dàn ý.	Tự tin, tương tác với người nghe bằng ngôn ngữ cơ thể, hoàn toàn không phụ thuộc vào dàn ý.
	Sử dụng từ ngữ để liên kết câu và đoạn khi chuyển ý.	Không sử dụng từ ngữ liên kết khiến bài nói thiếu mạch lạc và không rõ ý.	Có sử dụng từ ngữ liên kết khi chuyển câu/ đoạn nhưng các từ còn bị lặp, đơn điệu.	Sử dụng linh hoạt và đa dạng các từ ngữ liên kết câu/ đoạn khiến bài nói mạch lạc, logic và rõ ý.
	Thái độ tham gia thảo luận.	Không tiếp thu được ý kiến của người nghe.	Lắng nghe, tiếp thu ý kiến của người nghe và có trao đổi lại.	Lắng nghe, tiếp thu trao đổi với người nghe (tán thành hay phản bác), bảo vệ được quan điểm của mình bằng những lí lẽ, bằng chứng thuyết phục và thái độ cầu thị.

Thời gian trình bày	Thời gian trình bày (5-7 phút.)	Không biết cân đối thời gian.	Quá thời gian quy định một chút.	Đảm bảo đúng thời gian quy định.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố kiến thức của bài học thông qua việc trình bày lại bài nói theo góp ý đánh giá.

b. Nội dung: HS trình bày lại bài nói.

c. Sản phẩm: Bài nói hoàn thiện sau chỉnh sửa của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trình bày lại bài nói dựa trên những góp ý và đánh giá của GV và các bạn.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn.
- GV nhận xét bài làm, tuyên dương, rút kinh nghiệm.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Kết nối, mở rộng kiến thức nội dung của bài học.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

c. Sản phẩm: Bài nói của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giao bài tập về nhà:

Bài tập: *Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo các em, vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?...*

- HS suy nghĩ và viết ra giấy. Các câu hỏi của HS có thể dưới nhiều hình thức khác nhau.
- Buổi học sau, mỗi HS trình bày trước lớp trong thời gian 1 phút về những điều các em đã học được và những câu hỏi các em muốn được giải đáp hay những vấn đề các em muốn được tiếp tục tìm hiểu thêm.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Tự hoàn chỉnh, rút kinh nghiệm bài nói nghe theo góp ý của thầy cô, bạn bè;
- Chuẩn bị trước ở nhà nội- Đọc mở rộng.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, mở rộng

a. Mục tiêu: HS vận dụng được các *Tri thức ngữ văn* và kết quả của phần *Đọc để hoàn thành bài tập*; củng cố các yêu cầu cần đạt của toàn bài.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, cặp đôi, vận dụng kiến thức đã học vào việc hoàn thành các bài tập.

c. Sản phẩm: Bài làm, sự chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bài tập 1, tr.50

Vì sao các văn bản "*Cuộc chạm trán trên đại dương*" và "*Đường vào trung tâm vũ trụ*" được coi là truyện khoa học viễn tưởng?

Câu trả lời:

Các văn bản "*Cuộc chạm trán trên đại dương*" và "*Đường vào trung tâm vũ trụ*" được coi là truyện khoa học viễn tưởng vì nó đáp ứng các đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng:

- Viết về thế giới tương lai dựa trên sự phát triển của khoa học dự đoán, có tính chất lí kì.
- Sử dụng cách viết lô-gíc nhằm triển khai những ý tưởng về viễn cảnh hay công nghệ tương lai.

Bài tập 2, tr.50

Theo em, điều gì tạo nên sức hấp dẫn của truyện khoa học viễn tưởng?

Câu trả lời:

Theo em, điều tạo nên sức hấp dẫn của truyện khoa học viễn tưởng là viết về thế giới tương lai và có tính chất lí kì.

Bài tập 3, tr.50

Tìm hiểu thêm về hệ sinh quyển trên Trái Đất, từ đó liên hệ để dự đoán có hành tinh nào có sự sống nữa hay không. Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) về dự đoán của em.

Câu trả lời:

Sinh quyển là một bộ phận của vỏ Trái Đất chứa đầy vật chất sống và các sản phẩm do hoạt động sống của chúng sinh ra. Nói cách khác, sinh quyển chính là thế giới sinh vật sống trên Trái Đất. Đã có nhiều bàn luận về sự sống trên sao Hỏa khi người ta tìm thấy vết tích của nước trên hành tinh này. Nếu có sự sống trên sao Hỏa, hẳn nơi đây cũng từng có một sinh quyển phong phú. Biết đâu đó trong tương lai, sao Hỏa sẽ có nước trở lại và có một sinh quyển dồi dào hơn trước đây.

Bài tập 4, tr.50

"*Mỗi người sinh ra đều là thiên tài*" (An-be Anh-xtanh). Em hiểu câu nói này như thế nào? Hãy trình bày cách hiểu của mình cho các bạn cùng nghe.

Câu trả lời:

"*Mỗi người sinh ra đều là thiên tài*" (An-be Anh-xtanh). Em hiểu câu nói này muốn nhấn mạnh đến tài năng sẵn có của mỗi người. Nó có thể đã được biểu lộ hoặc đang còn ẩn giấu.

THỰC HÀNH ĐỌC

VĂN BẢN 4. CHIẾC ĐŨA THẦN (Tríc Tinh vân Tiên Nữ)

I-VAN AN-TÔ-NÔ-VÍCH E-PHO-RÊ-MÔP

- a. **Mục tiêu:** Giúp HS thể hiện khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng được học để tự đọc những VB mới thuộc thể loại truyện khoa học viễn tưởng.
- b. **Nội dung:** HS làm việc cá nhân để thực hành đọc theo gợi ý SGK tr.50.
- c. **Sản phẩm:** Câu trả lời, bài tập đã hoàn thiện của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

PHIẾU HỌC TẬP THỰC HÀNH ĐỌC

Những vấn đề cần chú ý	Trả lời
Đề tài:	
Không gian:	
Nhân vật chính:	
Thông điệp:	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gợi ý cho HS thực hành đọc ở nhà và hoàn thiện vào Phiếu. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ của mình; - GV quan sát, gọi HS nhận xét, bổ sung. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày kết quả. - HS khác lắng nghe nhận xét, đánh giá. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ; tuyên dương, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.	- Đề tài: Du hành vũ trụ. - Không gian: ngoài Trái Đất. - Nhân vật chính: Là một nhà khoa học. - Thông điệp: Khát vọng làm chủ vũ trụ của các nhà khoa học.

TIẾT 97

ĐỌC MỞ RỘNG

I. MỤC TIÊU

- HS chia sẻ với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với những VB đọc chính trong bài 6. *Bài học cuộc sống* và bài 7. *Thế giới viễn tưởng*. Qua đó, HS thể hiện khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để tự đọc những VB mới là tục ngữ, truyện ngụ ngôn, truyện khoa học viễn tưởng.

*** Không yêu cầu Duy học tiết đọc mở rộng.**

II. CHUẨN BỊ

Cuối tiết Đọc mở rộng trước và trong khi HS học bài 6. *Bài học cuộc sống* và bài 7. *Thế giới viễn tưởng*, GV đã giao nhiệm vụ và gợi ý cho HS tìm đọc tục ngữ và những VB thuộc thể loại truyện ngụ ngôn, truyện khoa học viễn tưởng. HS cần đọc những VB này ngoài giờ lên lớp. Nếu HS gặp khó khăn khi tìm kiếm VB đọc, GV có thể mở rộng một cách linh hoạt chủ đề của VB tự đọc, không bó hẹp ở các chủ đề của bài học, nhưng cần chú ý VB đọc phải là tục ngữ, truyện ngụ ngôn, truyện khoa học viễn tưởng.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, trao đổi về:

- Kết quả đọc các VB tục ngữ, truyện ngụ ngôn, truyện khoa học viễn tưởng;
- Tìm hiểu và khám phá những điểm tương đồng và khác biệt so với những VB mà các em đã học.

- Những gì ấn tượng nhất với các em khi đọc những câu tục ngữ, truyện ngụ ngôn, truyện khoa học viễn tưởng đó, tập trung vào nội dung và một số yếu tố hình thức của tục ngữ như số lượng câu, chữ, vần,...; những yếu tố cơ bản của truyện kể, từ chủ đề đến cốt truyện, nhân vật, tình huống.

2. HS trao đổi dựa trên một số câu hỏi gợi ý sau:

- Về tục ngữ: *Em có thêm được hiểu biết, kinh nghiệm gì từ những câu tục ngữ đã đọc? Vì sao em cho rằng những câu đó là tục ngữ?*

- Về truyện ngụ ngôn: *Chủ đề và bài học được rút ra từ truyện ngụ ngôn đã đọc là gì? Dựa vào đâu để xác định VB em vừa đọc là một truyện ngụ ngôn? Cốt truyện của truyện ngụ ngôn đó gồm có những sự việc chính nào? Miêu tả ngắn gọn nhân vật và tình huống trong truyện.*

- Về truyện khoa học viễn tưởng: *Đặc điểm nổi bật nào của VB cho thấy đó là một truyện khoa học viễn tưởng? Có tình huống nào được coi là li kì, gay cấn? Truyện*

có hấp dẫn không? Vì sao?

+ Một số HS chia sẻ trước lớp những ý kiến thú vị đã trao đổi trong nhóm. Các HS khác nhận xét.

+ Một số HS có thể đọc, kể cho các bạn và thầy cô nghe một vài câu tục ngữ, một truyện ngụ ngôn hoặc một truyện khoa học viễn tưởng mà mình thích.

3. GV nhận xét chung và khen ngợi những HS đã thể hiện tốt kết quả tự đọc sách thông qua trao đổi trong nhóm hoặc trước lớp; khuyến khích HS trao đổi sách cho nhau để mở rộng nguồn tài liệu đọc.

4. GV giới thiệu về loại VB và chủ đề của bài 8. *Trải nghiệm để trưởng thành* và bài 9. *Hoà điệu với tự nhiên* và gợi ý cho HS hướng tìm VB tự đọc để chuẩn bị cho tiết đọc mở rộng tiếp theo. Chú ý nhắc HS: Bài 8 và bài 9 tập trung vào VB nghị luận và VB thông tin. Các em cần có cách đọc khác so với cách đọc VB văn học trong những bài trước.

5. GV yêu cầu HS và bản thân GV cũng nên chủ động tìm thêm (vì có thể HS không tự tìm được) một số VB nghị luận phân tích tác phẩm văn học để các em đọc mở rộng. Tuy vậy, hoạt động đọc mở rộng sau bài 9 vẫn cần tập trung vào những VB nghị luận có đặc điểm loại VB và chủ đề gần gũi với các VB sẽ học ở bài 8 và bài 9.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- HS hoàn thiện bài làm;

- Chuẩn bị bài mới: ***Bài 8. Trải nghiệm để trưởng thành.***

BÀI 8. TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH

(13 tiết)

"Đi một ngày đàng học một sàng khôn"

(Tục ngữ)

A. NỘI DUNG BÀI HỌC VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. NỘI DUNG BÀI HỌC

1. Đọc:

***Đọc - hiểu các văn bản:**

+ VB1: *Bản đồ dẫn đường* (Da-ni-en Gôt-li-ép).

+ VB2: *Hãy cầm lấy và đọc* (Huỳnh Như Phương).

+ VB3: *Nói với con* (Y Phương).

***Thực hành đọc:** *Câu chuyện về con đường* (Đoàn Công Lê Huy).

2. TH tiếng Việt: Thuật ngữ

3. Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối).

4. Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống.

5. Củng cố, mở rộng.

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 13 tiết – KHGD

Đọc và thực hành tiếng Việt	8 tiết
Viết	4 tiết
Nói và nghe	1 tiết

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG BÀI HỌC

- Nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB.
- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn VB.
- Hiểu được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong VB; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thuật ngữ.
- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.
- Nhận biết tình cảm, cảm xúc của bản thân và hiểu được ảnh hưởng của tình cảm, cảm xúc đến hành vi, thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.
- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.
- Năng lực giao tiếp: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.
- Có trách nhiệm với bản thân và với cộng đồng

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.
- Thiết kế bài giảng điện tử.
- Phương tiện và học liệu:
 - + Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu...
 - + Học liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, liên quan.
 - + Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

2. Học sinh

- Đọc phần Kiến thức Ngữ văn và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc - hiểu văn bản trong SGK; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.
- Đọc kĩ phần **Định hướng** trong nội dung Đọc, Viết, Nói và Nghe, và thực hành bài tập SGK.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

TIẾT: 98- 100 GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: **Nhìn tranh đoán tên hoạt động.**

+ Mỗi bức ảnh sau đây nói về hoạt động nào?



*Gv nêu câu hỏi cho HS chia sẻ ra giấy, sau đó đọc hoặc gọi một số em lên trình bày:

1) Kể tên một hoạt động tập thể mà em đã từng tham gia? Hoạt động đó để lại cho em bài học hay ấn tượng gì?

2) Em hiểu thế nào là trải nghiệm? Những trải nghiệm như thế thường diễn ra ở môi trường nào, chúng mang lại lợi ích gì cho bản thân em?

Tự mình trải qua một công việc hay thực hành một điều gì đó sẽ có được hiểu biết, kinh nghiệm; tích lũy được nhiều kiến thức và vốn sống. Trải nghiệm đem lại hiểu biết và kinh nghiệm thực tế; giúp chúng ta mau chóng trưởng thành về cách nghĩ, cách sống.

Trên đây là những hình ảnh sinh hoạt tập thể của các bạn học sinh như trồng cây để gần gũi, yêu quý thiên nhiên, sống tự giác, tự lập nội trú ở trường của các bạn HS vùng cao, chủ động trong học tập, sinh hoạt, nấu cơm, rửa bát để biết sống

chia sẻ yêu thương...Như vậy, sống bằng trải nghiệm sẽ đem lại hiểu biết và kinh nghiệm thực tế hết sức sâu sắc giúp chúng ta mau chóng trưởng thành về cách nghĩ, cách sống các em ạ. Trước hết, chúng ta cùng tìm hiểu phần giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn trọng tâm của bài.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Giúp HS xác định rõ mục đích, nội dung chủ đề và thể loại văn bản của bài học; khơi gợi hứng thú khám phá của HS.

b. Nội dung: HS chia sẻ suy nghĩ, hiểu biết về bài học.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Giới thiệu bài học	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> (SGK/tr.54) và cho biết: 1) Hãy xác định chủ đề và thể loại chính được học trong bài 8 này là gì? 2) Kể tên những văn bản đọc chính và VB kết nối chủ đề. 3) Các VB đọc chủ yếu thuộc thể loại gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời câu hỏi của GV. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học. * Duyệt ghi nội dung bài học vào vở.	- Chủ đề bài học: Vai trò của trải nghiệm đối với sự trưởng thành của mỗi người trong cuộc sống. - Thể loại: Nghị luận. - VB đọc chính: + VB1: <i>Bản đồ dẫn đường</i> (Da-ni-en Gôt-li-ép) + VB2: <i>Hãy cảm lấy và đọc</i> (Huỳnh Như Phương) - VB đọc kết nối chủ đề: VB3: <i>Nói với con</i> (Y Phương). - VB thực hành đọc: VB4: <i>Câu chuyện về con đường</i> (Đoàn Công Lê Huy).

Hoạt động 2.2. Khám phá tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Nắm được những kiến thức cơ bản về VB nghị luận.

b. Nội dung: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về những đặc điểm của thể loại.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số yếu tố cơ bản về thể loại truyện.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP 01 TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN

(Chuẩn bị ở nhà)

Tìm hiểu	Khái niệm	Yêu cầu	Vai trò
<i>Văn bản nghị luận:</i>	...	...	...
<i>Ý kiến:</i>	...	...	...
<i>Lí lẽ:</i>	...	...	...
<i>Bằng chứng:</i>	...	...	...
<i>Mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng:</i>	...	...	...

***Gợi ý đáp án Phiếu HT số 1**

Tìm hiểu	Khái niệm	Yêu cầu	Vai trò
<i>Văn bản nghị luận:</i>	Là loại VB chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề của đời sống xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học....	VB nghị luận có giá trị phải chọn được vấn đề đáng quan tâm, có ý nghĩa với nhiều người.	Tăng cường nhận thức của con người trước các vấn đề của đời sống.
<i>Ý kiến:</i>	Là bày tỏ quan điểm, nhận xét, đánh giá về vấn đề.	Cần đúng đắn, mới mẻ.	Giúp làm rõ các khía cạnh của vấn đề.
<i>Lí lẽ:</i>	Là những lời diễn giải có lí mà người viết đưa ra.	Cần sắc bén.	Đề khẳng định, làm rõ cho ý kiến.
<i>Bằng chứng:</i>	Là những ví dụ (con người, sự kiện, sự việc) được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ sách báo.	Cần xác thực, tiêu biểu.	Củng cố cho lí lẽ.
<i>Mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng:</i>	Mỗi lí lẽ được củng cố bởi một số bằng chứng.		Tạo thành một hệ thống chặt chẽ nhằm thuyết phục người đọc, người nghe.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Khám phá tri thức ngữ văn	

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV yêu cầu HS nhớ lại một số khái niệm cơ bản đã học ở Bài 8. <i>Khác biệt và gần gũi</i>, sách <i>Ngữ văn 6</i>, tập 2, tr.53, kết hợp với theo dõi SGK tr.55, đọc thầm phần <i>Tri thức ngữ văn</i> và trình bày các thông tin đã chuẩn bị trong Phiếu học tập 01. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tái hiện lại kiến thức vào Phiếu HT, chia sẻ. - GV quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lên trình bày kết quả, chia sẻ hiểu biết bản thân. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét và chuẩn kiến thức. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	Phiếu HT số 1

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức trong bài học, vận dụng để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi rung chuông vàng và làm việc cá nhân ở nhà để tự tìm hiểu các VB.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

***GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Rung chuông vàng”:**

Bài tập luyện tập. Chọn đáp án đúng

Câu 1. Dòng nào nêu đúng về văn bản nghị luận?

- A. Là loại văn bản sử dụng các chi tiết tưởng tượng, không có cơ sở.
- B. Là loại văn bản miêu tả những viễn cảnh tương lai dựa trên những căn cứ khoa học.
- C. Là loại văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề.
- D. Là loại văn bản sử dụng những chi tiết không có thực, được tạo dựng bởi trí tưởng tượng.

Câu 2. Vấn đề chủ yếu được bàn luận trong văn bản nghị luận là:

- A. Vấn đề khoa học vũ trụ, người ngoài hành tinh, khám phá đại dương.
- B. Vấn đề của đời sống xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học....

- C. Vấn đề đời sống, kinh nghiệm trong lao động, sản xuất.
- D. Vấn đề thuộc về thế giới huyền bí, hấp dẫn, không có thực.

Câu 3. Mục đích chính của văn bản nghị luận là:

- A. để tuyên truyền đến người đọc (người nghe).
- B. mang lại xúc cảm cho người đọc (người nghe).
- C. giúp người đọc (người nghe) dễ hình dung sự vật.
- D. để thuyết phục người đọc (người nghe).

Câu 4. Các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn nghị luận cần đảm bảo yêu cầu chủ yếu nào?

- A. Đúng đắn, mới mẻ, sắc bén, xác thực và tiêu biểu.
- B. Khả năng phân tích lo-gic của các sự việc.
- C. Thể hiện trí tưởng tượng phong phú, bay bổng.
- D. Sáng tạo, gợi hình ảnh, giàu cảm xúc.

Câu 5. Lí lẽ và bằng chứng cần:

- A. Mô tả đúng con người và sự việc để người đọc dễ hình dung.
- B. Liên kết với nhau chặt chẽ, tạo thành một hệ thống làm sáng tỏ cho ý kiến.
- C. Luôn sáng tạo mới mẻ, không được sao chép.
- D. Lấy từ thực tiễn cuộc sống thì mới khách quan.

(*Gợi ý đáp án: 1C; 2B; 3D; 4A; 5B)

***Bài tập vận dụng:**

Chọn một bức tranh tâm đắc và ghi ra giấy 2 ý kiến của em về nội dung bức tranh ấy.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các đơn vị kiến thức và nhiệm vụ của bài học.
- Nghiên cứu các VB nghị luận trong SGK.

VĂN BẢN 1. BẢN ĐỒ DẪN ĐƯỜNG

Da-ni-en Gôt-li-ép





I. Mục tiêu

- HS cần theo dõi cách diễn giải của tác giả về ý nghĩa của hình ảnh “bản đồ dẫn đường” để nhận thức được rằng: *Trong cuộc sống, mỗi người tự lựa chọn con đường của mình nhằm đạt mục đích đã xác định.*
- HS hiểu được đặc điểm của một VB nghị luận, các ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong bài. Không chỉ nhận biết được từng yếu tố riêng lẻ, mà quan trọng hơn, phải thấy mối quan hệ giữa chúng. Qua đọc VB, HS cũng nắm được cách tổ chức một VB nghị luận (giới thiệu vấn đề, triển khai vấn đề, sắp xếp các ý, phối hợp bằng chứng với lí lẽ, sử dụng những đoạn kể chuyện cho mục đích nghị luận,...).
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc theo dõi bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp.
- Biết sống có trách nhiệm với bản thân trong việc lựa chọn con đường đi cho riêng mình.

*** Duyệt đọc văn bản và ghi nội dung bài học vào vở.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.
- Các hình ảnh, liên quan.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của bản thân; kết nối trải nghiệm cuộc sống của HS với nội dung đặt ra trong VB.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức trải nghiệm, làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

* GV cho HS quan sát các bức tranh và trả lời câu hỏi:

1) Quan sát ảnh 1 và 2: Vì sao khách du lịch thường chuẩn bị một tấm bản đồ trước khi đến một miền đất lạ?

Ảnh 1	Ảnh 2



- 2) Quan sát ảnh 3 và 4: "Con đường" được vẽ trên bản đồ là con đường ta vẫn đi trên mặt đất hằng ngày (chỉ lối đi được tạo ra để nối hai nơi, hai địa điểm), ngoài ra "con đường" còn có nghĩa nào khác nữa không?
- 3) Đến với tương lai, mỗi người phải tự tìm cho mình một "con đường" hay đã có "con đường" do ai đó vạch sẵn?



***Gợi ý:**

- 1) Khi lần đầu tiên có mặt ở một miền đất lạ, tấm bản đồ có tác dụng chỉ đường, giúp ta đến được nơi cần đến, tránh lạc đường. Hiện nay, nhờ ứng dụng công nghệ, chúng ta có thể tìm đường đi trên Google map - một ứng dụng tìm địa chỉ trên điện thoại thông minh vô cùng tiện lợi.
- 2) "Con đường" còn có nghĩa khác là để chỉ sự lựa chọn cách nghĩ, cách sống, cách hành động; lựa chọn tương lai của bản thân.

3) Đến tương lai, mỗi người có thể tự tìm cho mình một "con đường", cũng có thể có "con đường" do ai đó vạch sẵn nếu đó là "con đường" mà ta thấy phù hợp với bản thân mình.

* HS hoạt động cá nhân, dựa vào hiểu biết bản thân để bày tỏ hiểu biết.

* Yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân. GV động viên các em phát biểu một cách tự nhiên, chân thật.

* GV có thể chia sẻ cùng HS suy nghĩ của bản thân mình, kết nối với bài học: Các em ạ, cuộc sống chứa đựng rất nhiều điều thú vị nhưng cũng đầy chông gai thử thách. Muốn vượt qua được những chông gai thử thách ấy đòi hỏi con người phải có đủ sức mạnh và bản lĩnh, trong đó, sự lựa chọn cho mình một tấm bản đồ để dẫn mình đi đúng đường là một điều vô cùng ý nghĩa. Văn bản "Bản đồ dẫn đường" sẽ chia sẻ với chúng ta một quan điểm, một góc nhìn, một bài học thông điệp, một gợi ý sâu sắc.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Khám phá chung về văn bản

a. **Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả, xuất xứ, kiểu văn bản, phương thức biểu đạt, hình thức và bố cục,...

b. **Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

PHIẾU HỌC TẬP 02

Tìm hiểu chung về văn bản

(Phiếu học tập giao về nhà)

STT	Thông tin	Trả lời
1	Tác giả:	...
2	Xuất xứ:	...
3	Kiểu văn bản:	...
4	Phương thức biểu đạt:	...
5	Hình thức:	...
6	Vấn đề nghị luận:	...
7	Bố cục và nội dung chính từng phần:	...

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Tìm hiểu chung văn bản	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV hướng dẫn HS tìm hiểu về tác giả: Chia nhóm cặp đôi (theo bàn), yêu cầu	1. Tác giả - Đa-ni-en Gôt-li-ép sinh năm 1946, người Mỹ.

HS mở phiếu học tập GV đã giao về nhà và đổi phiếu cho bạn cùng nhóm để trao đổi, chia sẻ Phiếu học tập số 2, giao về nhà. <i>?Trình bày những nét cơ bản về tác giả Đa-ni-en Gôt-li-ép.</i> *GV hướng dẫn đọc và tìm hiểu chung VB: - Hướng dẫn đọc to, rõ ràng và lưu loát, mỗi HS sẽ thay nhau đọc từng phần; chú ý giọng đọc phù hợp với tính chất tự sự, biểu cảm hay nghị luận của từng đoạn. - Cho HS trình bày theo <i>Phiếu học tập số 2</i>, đã chuẩn bị ở nhà. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời nhanh. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. - GV chuyển dẫn sang mục 2. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	- Là nhà tâm lí học thực hành, bác sĩ điều trị tâm lí gia đình đồng thời là chuyên gia sức khỏe tâm thần. - Tác phẩm tiêu biểu: <i>Tiếng nói của xung đột</i> (2001), <i>Những bức thư gửi cháu Sam</i> (2006), <i>Tiếng nói trong gia đình</i> (2007); <i>Học từ trái tim</i> (2006). 2. Tác phẩm 2.1. Đọc và tìm hiểu chú thích 2.2. Xuất xứ: Trích từ cuốn sách <i>Những bức thư gửi cháu Sam</i> (2008), 2.3. Kiểu văn bản: Văn bản nghị luận. 2.4. Hình thức: Bức thư (ông gửi cháu). 2.5. Vấn đề nghị luận: Vai trò, tầm quan trọng của "tám bản đồ" và việc lựa chọn quan điểm đúng đắn trong cuộc sống. 2.6. Bố cục và nội dung chính: 3 phần - Phần (1): Từ đầu cho đến "<i>...chúng ta cần phải bước vào bóng tối</i>": Nêu vấn đề cần suy nghĩ phán đoán, đánh giá và đưa ra bản đồ sao cho phù hợp nhất. - Phần (2): Tiếp theo đến "<i>ý nghĩa của cuộc sống là gì</i>": Bàn luận về vai trò, ý nghĩa của "tám bản đồ" đối với đường đời của mỗi con người. - Phần (3): phần còn lại: Đưa ra lời khuyên và bài học trong việc lựa chọn "tám bản đồ" cho mình.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu chi tiết văn bản

- Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết ý kiến, lí lẽ và bằng chứng, chỉ ra mối liên hệ giữa chúng và rút ra bài học cho bản thân.
- Nội dung:** GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.
- Sản phẩm:** Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.
- Tổ chức thực hiện:**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

	*Ý kiến 1:.....	+ Lí lẽ:.....

Tấm bản đồ		+ Bảng chứng:.....
	*Ý kiến 2:.....	+ Lí lẽ:
		+ Bảng chứng:.....

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Tìm hiểu chi tiết văn bản	
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV sử dụng phương pháp đàm thoại, tổ chức, hướng dẫn HS đọc lại đoạn 1, trả lời các câu hỏi: 1) Tác giả muốn giới thiệu vấn đề gì? 2) Cách giới thiệu vấn đề của tác giả có gì đặc biệt? (trực tiếp hay gián tiếp, bằng hình thức nào?). 3) Trong câu chuyện kể, em thấy hành động tìm chìa khoá của người đàn ông kì khôi như thế nào? Sự kì khôi thể hiện như thế nào trong lập luận của ông ta? 4) Câu chuyện hàm chứa ý nghĩa gì? Tính chất ngụ ngôn của câu chuyện có phù hợp với vấn đề nghị luận không? 5) Mối liên hệ giữa câu chuyện và vấn đề đưa ra để bàn bạc là ở đâu? Câu văn nào thể hiện mối liên hệ đó? *Gợi ý: 3) Chìa khoá vốn để cạnh cửa ra vào mà lại tìm ở ngoài đường. Ra chỗ sáng sẽ nhìn rõ hơn, mặc dù chỗ sáng chẳng liên quan gì đến chiếc chìa khoá. 4) Xác định không đúng đường thì sẽ thất bại. Tính chất ngụ ngôn của câu chuyện đã kết nối khéo léo với vấn đề nghị luận. 5) Mối liên hệ giữa câu chuyện và vấn đề đưa ra để bàn bạc thể hiện ở câu: "Sam, ông chợt nhớ lại câu chuyện ngụ ngôn này khi nghĩ tới những tấm	1. Mở đầu: Nêu vấn đề bàn luận - Vấn đề bàn luận: Cần suy nghĩ lựa chọn đúng con đường thì mới đạt được mục đích. - Cách giới thiệu: Giới thiệu gián tiếp qua một câu chuyện ngụ ngôn. - Tác dụng: Tạo sự hấp dẫn, gây sự chú ý của người đọc.

<i>bản đồ dẫn đường cho chúng ta. Rất nhiều khi chúng ta tìm kiếm câu trả lời nơi sáng sủa, trong khi cái chúng ta cần là phải bước vào bóng tối”.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ và lần lượt trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo sản phẩm. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS. <i>* Duy ghi nội dung bài học vào vở.</i>	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *Nhiệm vụ 1: GV cho HS đọc thầm phần 2, chia nhóm cặp đôi, phát <i>Phiếu học tập số 3</i> và giao nhiệm vụ cho các nhóm, yêu cầu HS trả lời câu hỏi vào phiếu HT. *GV nêu câu hỏi gợi ý: 1) <i>Hình ảnh "tám bản đồ" mang ý nghĩa ẩn dụ. Tìm câu văn thể hiện ý kiến mang tính lí giải của tác giả.</i> 2) <i>Để thuyết phục được người đọc về ý kiến của mình, tác giả đã đưa ra những lí lẽ và bằng chứng nào?</i> *Nhiệm vụ 2: GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm câu hỏi sau: Câu hỏi 1: <i>Cháu biết không, tám bản đồ của ông lúc ấy thật sự bế tắc - "ông" đã tâm sự với "cháu" như vậy. Theo em, vì sao "ông" bế tắc trong việc tìm kiếm tám bản đồ của riêng mình? Kinh nghiệm ấy của "ông" có thể giúp "cháu" rút ra được bài học gì?</i> Câu hỏi 2: <i>Trong hai ý kiến khác nhau sau đây, em đồng ý với ý kiến nào? Vì sao?</i>	2. Triển khai vấn đề bàn luận: Nêu ý kiến để thuyết phục Phiếu học tập số 3 *Ý kiến 1: Tám bản đồ là cách nhìn về cuộc đời, con người: + Lí lẽ: Cách nhìn nhận về cuộc đời và con người tất yếu sẽ hình thành ở mỗi chúng ta, được truyền từ bố mẹ, được điều chỉnh theo hoàn cảnh sống, theo tôn giáo hay kinh nghiệm bản thân. Nếu có hai cách nhìn cuộc đời và con người không giống nhau (một cách nhìn tin tưởng, lạc quan; một cách nhìn thiếu tin tưởng, bi quan) tất yếu sẽ dẫn đến hai sự lựa chọn khác nhau về đường đời. + Bằng chứng: Câu chuyện về sự khác nhau trong cách nhìn đời của mẹ “ông” và của bản thân “ông” dẫn đến hai quan điểm sống khác nhau. *Ý kiến 2: Tám bản đồ là cách nhìn nhận về bản thân: + Lí lẽ: Đoạn văn đặt ra hàng loạt câu hỏi để triển khai ý “nhìn nhận về bản thân”: <i>Tôi có phải là người đáng yêu? Tôi có giàu có, có thông minh? Tôi có quá yếu đuối và dễ dàng bị người khác</i>

a. Cuộc sống chỉ toàn những chuỗi lo âu, đau khổ, còn niềm vui thì hiếm hoi và dễ dàng vụt mất như cánh chim trời!

b. Cuộc sống là một món quà quý mà chúng ta phải trân trọng.

- **GV nêu gợi ý:** Việc tán thành hay phản đối với từng ý kiến hoàn toàn tùy thuộc vào nhận thức, lựa chọn của các em. Vấn đề là mỗi ý kiến em đưa ra đều phải kèm theo lí lẽ sắc bén và bằng chứng xác thực. Các em có thể suy nghĩ theo những gợi ý sau: *Có phải cuộc sống chỉ toàn lo âu, đau khổ? Có phải cuộc sống thực sự là một món quà quý? Hai cách nhìn đó khác nhau như thế nào? Có loại trừ nhau không? Điều gì dẫn đến sự khác biệt ở hai cách nhìn cuộc sống như vậy? Liệu có thể có một cách nhìn trung gian giữa hai cách nhìn kia?*

- GV để cho HS tự do phát biểu ý kiến, thảo luận, trao đổi để rút ra kết luận.

***Gợi ý:**

Câu 1. Qua lời kể, “ông” tiết lộ rằng, từ nhỏ, cái nhìn về cuộc đời và con người của “ông” hoàn toàn trái ngược với cách nhìn của mẹ “ông” (và cả bố “ông” nữa). “Ông” thì yêu mến và tin tưởng mọi người xung quanh, thấy cuộc đời là chốn an toàn; ngược lại, mẹ “ông” thấy cuộc đời là nơi đầy hiểm nguy, cần luôn đề phòng, cảnh giác. Chính điều đó đã làm cho “ông” mất tự tin với quan điểm của mình, và trở nên vô cùng khó khăn trong việc xác định tấm bản đồ riêng cho bản thân.

Câu 2. Có thể khẳng định: Cuộc sống

làm cho tổn thương? Khi gặp khó khăn, tôi sẽ gục ngã, hay chiến đấu một cách ngoan cường? Người viết lí giải: Từng câu trả lời cho những câu hỏi trên sẽ là từng nét vẽ tạo nên hình dáng tấm bản đồ mà chúng ta mang theo trong tâm trí mình.

+ Bằng chứng: Câu chuyện về chính cuộc đời ông. Sau vụ tai nạn, ông đã có thay đổi đáng kể để từ đó hiểu mình là ai, ý nghĩa cuộc sống là gì.

=>**Bài học thuyết phục:**

- Mình có thể nhận được từ người thân những tình cảm cao quý, sự quan tâm, nhưng tấm bản đồ của riêng mình thì không nên lệ thuộc.

- Sự tự nhận thức về cuộc đời, quan điểm, tình cảm của mình mới là yếu tố quyết định.

dù không hiếm những buồn khổ, lo âu, nhưng cũng vô cùng đáng quý. Hai mặt này không loại trừ nhau. Con người đều sẵn sàng đón nhận và trân trọng nó. Buồn khổ thì vượt qua để chiến thắng,... Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS lắng nghe tiếp nhận nhiệm vụ, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, gợi ý, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo kết quả - HS của đại diện trình bày sản phẩm. - GV dùng máy chiếu trình chiếu một phiếu đã được chuẩn bị, các em so sánh để tự đánh giá kết quả tìm thông tin của mình. Bước 4: Đánh giá kết luận - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và chuyển sang mục 3. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu câu hỏi cho HS suy nghĩ thảo luận và trả lời: 1) <i>Trong lời khuyên, “ông” muốn “cháu” phải làm những điều gì?</i> 2) <i>Những việc làm đó có ý nghĩa như thế nào?</i> 3) <i>Chúng ta có cần phải thực hiện những điều “ông” muốn Sam làm không? Vì sao?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Mỗi HS tự rút ra bài học cho bản thân trên cơ sở suy nghĩ về lời khuyên “ông” dành cho “cháu” trong VB, và phát biểu để các bạn nhận xét, thảo luận. Bước 3: Báo cáo, thảo luận	3. Kết thúc vấn đề bàn luận: Đưa ra lời khuyên - Trong lời khuyên, “ông” muốn “cháu” thực hiện hai điều: + Thứ nhất, phải tìm kiếm bản đồ cho chính mình; + Thứ hai, tấm bản đồ đó “cháu” phải tự vẽ bằng chính kinh nghiệm của mình. - Việc làm của “cháu” sẽ giúp “cháu” biết tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chính cuộc đời mình. - Các bạn trẻ đều cần tìm kiếm cho mình tấm bản đồ, vì trên đời, mỗi người sẽ có một hành trình riêng.

- HS báo cáo sản phẩm của nhóm mình. Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	
III. Tổng kết	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu câu hỏi: 1) <i>Nêu những đặc sắc trong nghệ thuật lập luận của tác giả trong văn bản.</i> 2) <i>Nội dung chính và ý nghĩa của văn bản.</i> 3) <i>Sau khi học xong văn bản, em rút ra bài học gì về cách đọc văn bản nghị luận?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời. - GV quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời. - HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết luận - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại.	1. Nghệ thuật: - Lựa chọn hình thức lá thư kết hợp câu chuyện ngụ ngôn hấp dẫn, dễ tiếp thu vào đề. - Giọng điệu tâm tình, chia sẻ. - Sử dụng nhiều câu hỏi tu từ tạo sự đối thoại gần gũi. - Ý kiến rõ ràng, lí lẽ sắc sảo, dẫn chứng chân thực, thuyết phục. - Kết hợp tự sự, biểu cảm với nghị luận. 2. Nội dung – Ý nghĩa: - Trong cuộc sống, tấm bản đồ có vai trò rất quan trọng, cần lựa chọn đúng tấm bản đồ cho mình để không bị "lạc đường". - Tác giả khuyên nhủ: Muốn trưởng thành, bài học chỉ được rút ra từ trải nghiệm của bản thân, kể cả thành công và thất bại, không thể bắt chước, vay mượn kinh nghiệm sống của bất kì ai khác. 3. Cách đọc hiểu văn bản nghị luận - Đọc kĩ tên nhan đề để xác định vấn đề được bàn luận. - Đọc các tiêu đề, các câu đứng đầu hoặc cuối mỗi đoạn, những câu then chốt để nhận diện hệ thống luận điểm; chia văn bản theo bố cục và ý chính. - Tóm tắt nội dung chính dựa trên hệ thống luận điểm.

	- Nhận biết, phân tích các lí lẽ, bằng chứng. - Phân tích được ngôn ngữ văn bản. - Nhận ra tư tưởng bài học mà tác giả gửi gắm trong văn bản. - Rút ra được bài học, liên hệ với bản thân.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố nội dung của VB qua việc phân biệt ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.

b. Nội dung: HS dựa vào nội dung đã tìm hiểu để trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để tìm câu trả lời.

***Bài tập:** Đánh dấu (X) vào ô thích hợp với mỗi câu văn cho dưới bảng sau

Câu văn	Ý kiến	Lí lẽ	Bằng chứng
1) Tôi có phải là người đáng yêu?...Từng câu trả lời cho những câu hỏi trên sẽ là từng nét vẽ tạo nên hình dáng tám bản đồ mà chúng ta mang theo trong tâm trí mình.		X	
2) Tám bản đồ dẫn đường là cách nhìn về cuộc đời này, bao gồm cả cách nhìn về con người.	X		
3) Thường thì cách nhìn này được truyền từ bố mẹ cho chúng ta, rồi qua năm tháng, được điều chỉnh theo từng hoàn cảnh sống,....		X	
4) Mỗi khi ông và mẹ ông trò chuyện về một người nào đó và ông khen ngợi họ dễ thương, tốt bụng, thế nào mẹ ông cũng ngán ngẩm: "Cứ chờ mà xem!".			X
5) Tám bản đồ này còn bao gồm cả cách nhìn nhận về bản thân chúng ta nữa.	X		
6) Nằm trên giường tĩnh tâm một thời gian dài, ông đã được rất nhiều người đến thăm.			X

Ông bắt đầu đi vào bóng tối để tìm hiểu xem mình là ai và ý nghĩa của cuộc sống là gì.			

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, làm việc để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày, HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học trình bày ý kiến cá nhân.

b. Nội dung: HS vận dụng kỹ năng viết đoạn để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

*GV hướng dẫn HS vận dụng những hiểu biết thu nhận được từ việc đọc VB để thực hiện viết đoạn văn trong khoảng 10-12 phút.

***VIẾT KẾT NỐI ĐỌC:** Trên "con đường" đi tới tương lai của bản thân, "tấm bản đồ" có vai trò như thế nào? Hãy trả lời câu hỏi trên đây bằng một đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu).

***Gợi ý:**

- **Về hình thức:** Số câu cần đúng với quy định, đoạn văn không ngắn quá hoặc dài quá, có phần Mở đoạn, Thân đoạn và Kết đoạn rõ ràng. Các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, tập trung vào chủ đề, liên kết với nhau bằng các phương tiện phù hợp. Hạn chế các lỗi về chính tả, diễn đạt.

- **Về nội dung:** Làm rõ được trên hành trình đến với tương lai, mỗi người cần có riêng cho mình một "tấm bản đồ"; "tấm bản đồ" giúp con người chủ động, tự tin vào hướng đi mình lựa chọn; nó có thể giúp con người vượt qua những khó khăn thử thách trên từng bước đường đời...

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện yêu cầu. GV quan sát, hỗ trợ những HS gặp khó khăn.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- Một số HS trình bày đoạn văn trước lớp. Các HS khác căn cứ vào các tiêu chí đánh giá để nhận xét về sản phẩm của bạn theo bảng kiểm.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá; rút kinh nghiệm cho HS.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

ĐOẠN VĂN THAM KHẢO

Trên "con đường" đi tới tương lai của bản thân, "tấm bản đồ" có vai trò vô cùng quan trọng trong việc xác định phương hướng, mục tiêu, giúp ta tránh bị làm đường lạc lối. "Tấm bản đồ" ở đây chính là cách chúng ta nhìn nhận cuộc sống,

nhìn nhận mọi người và chính bản thân mình. Nếu ta có một "tấm bản đồ" cho rằng cuộc sống là những lo âu, bấp bênh, nguy hiểm. Thái độ của chúng ta sẽ là sợ hãi, đề phòng. Nếu ta có một "tấm bản đồ" cho rằng cuộc sống này tuyệt đẹp, là một món quà đáng trân trọng, chúng ta sẽ có thái độ sống tích cực. Thường, con người sẽ cảm thấy hạnh phúc khi có những suy nghĩ, thái độ tích cực. Tuy nhiên, "tấm bản đồ" ở đây phải là tấm bản đồ do mỗi người tự tạo ra cho mình, nó là riêng, là duy nhất. Bởi, ta không sống cuộc đời của ai khác mà phải sống cuộc đời của chính mình.

Bảng kiểm

Đánh giá kĩ năng viết đoạn văn

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5 - 7 câu.		
2	Đoạn văn đúng chủ đề yêu cầu.		
3	Lí lẽ dẫn chứng thuyết phục.		
4	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.		
5	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.		

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các đơn vị kiến thức và nhiệm vụ của bài học.
- Chuẩn bị soạn bài: đọc, tìm hiểu bài thực hành tiếng Việt: *Biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết*.

HẾT.

Ngày soạn: 04/03/2024

Ngày dạy: 12, 13, 14, 15/03/2024

TUẦN 25- TIẾT: 101 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT
(BIỆN PHÁP LIÊN KẾT VÀ TỪ NGỮ LIÊN KẾT)

I. Mục tiêu:

Giúp HS:

- Củng cố hai khái niệm *liên kết* và *mạch lạc*, mối quan hệ giữa liên kết và mạch lạc, các biện pháp và phương tiện liên kết thông dụng, liên kết các câu trong đoạn và liên kết các đoạn trong VB, chức năng của liên kết và mạch lạc trong VB.
- Nhận diện các phương tiện liên kết thường sử dụng trong VB, phân tích được chức năng của liên kết qua những ngữ liệu cụ thể, vận dụng tri thức về liên kết vào việc viết đoạn văn hoặc tạo lập VB.
- Phát hiện, giải quyết các bài tập một cách sáng tạo, hiệu quả.
- Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

*** Duy nhận biết biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết, ghi nội dung bài học vào vở.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị:

- Máy vi tính, máy chiếu, bảng phụ, giấy A0, bút màu...

2. Học liệu:

- Phiếu học tập.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Củng cố, nhắc lại kiến thức để kết nối HS vào bài học.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân qua bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV nêu các yêu cầu:

Bài tập: Phân tích tính mạch lạc và tính liên kết của đoạn văn sau:

Mặt đất ngàn đời quen tha thứ. Đại dương bao la quen độ lượng. Cánh rừng mênh mông quen trầm mặc. Những dòng sông quen chảy xuôi. Những hồ đầm quen nín lặng. Những nẻo đường quen nhận nhin. Những góc vườn quen che giấu. Những thảm rêu vốn không biết dối hờn. Những đoá hoa không bao giờ chỉ chiết. Những giấc mơ chỉ một mực bao dung. Những yêu thương không bao giờ trả đũa... Và ta cứ yên chí đi qua thế giới này với bước chân quen xéo lên cỏ hoa. Thỉnh thoảng bàn chân nên bị gai đâm, để ta được giật mình: tổn thương là rỉ máu.

(Chu Văn Sơn, *Nên bị gai đâm*)

***Gợi ý:** Đoạn văn viết về vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và thái độ ứng xử, suy ngẫm của con người.

- Các câu văn đều hướng đến làm sáng tỏ cho chủ đề trên.

- Các câu văn được sắp xếp theo trình tự không gian từ rộng đến hẹp, từ xa đến gần (mặt đất -> đại dương -> cánh rừng, dòng sông,...; từ vẻ đẹp của thiên nhiên đến tình cảm con người và thái độ ứng xử, suy ngẫm.

- Các từ ngữ liên kết: Lặp từ "những", "ta"; dùng từ nối "và".

=> làm cho đoạn văn đảm bảo tính mạch lạc.

- HS lên trình bày phân tích, GV tuyên dương HS hiểu đúng.

-> GV dẫn vào bài: Liên kết và mạch lạc là hai khái niệm các em đã được giới thiệu ở bài 7. "*Thế giới viễn tưởng*". Đến bài này, các em sẽ được tìm hiểu kỹ hơn các biện pháp và phương tiện liên kết.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố khái niệm, chức năng của mạch lạc và liên kết; nhận diện các phương tiện liên kết cụ thể.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, cặp bàn để thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

(Nhận biết một số biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết)

Nhiệm vụ: Đọc ô thẻ hồng bên phải SGK tr.59-60 để điền thông tin vào bảng sau:

Phép liên kết	Khái niệm	Từ ngữ liên kết	Tác dụng
Phép nối			
Phép thế			
Phép lặp			

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn cho HS đọc kỹ khung thẻ hồng <i>Nhận biết một số biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết</i> đặt bên phải SHS tr.59-60 và điền các thông tin vào bảng ở Phiếu học tập số 1 . Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận	A. Nhận biết một số biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết - Phép nối: sử dụng từ ngữ nối. + Ví dụ: từ " <i>nhưng</i> " trong câu văn sau: " <i>Có lẽ cháu nghĩ rằng tám bản đồ dẫn đường của ông sau đó đã trở nên rõ ràng hơn, khi ông đã trưởng thành. Nhưng không phải vậy đâu Sam à</i> ". (Đa-ni-en Gôt-li-ép, <i>Bản đồ dẫn đường</i>) - Phép thế: dùng từ ngữ ở câu sau thay thế cho từ ngữ ở câu trước. + Ví dụ: Dùng từ " <i>ông</i> " ở câu sau thay

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm cá nhân & hướng dẫn các em cách trình bày (nếu cần). - HS trình bày các biện pháp liên kết. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá; - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý * Duy nhận biết phép nối, phép lặp, phép thế và ghi nội dung bài học vào vở.	cho cụm từ "<i>chàng thanh niên Lỗ Tấn</i>" ở câu trước trong trường hợp sau: <i>"Hai mươi tuổi, chàng thanh niên Lỗ Tấn du học ở Nhật. Ông theo học ngành Y".</i> (Đoàn Công Lê Huy, <i>Câu chuyện về con đường</i>) - Phép lặp: câu sau lặp lại một số từ ngữ của câu trước + Ví dụ: Câu sau lặp lại từ "ông" với câu trước. <i>"Cháu biết không, tám bản đồ của ông lúc ấy thực sự bế tắc. Ông không biết có phải mình là người quá ngây thơ, khờ khạo hay không. [...] Ông cảm thấy mặt đất dưới chân mình sao mà bấp bênh và không bền vững".</i> (Đa-ni-en Gôt-li-ép, <i>Bản đồ dẫn đường</i>) *Tác dụng: Liên kết chặt chẽ giữa các câu văn với nhau.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS thực hành nhận biết tính mạch lạc và các phép liên kết trong VB.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, cặp đôi, nhóm để giải quyết bài tập vào vở.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm bài theo cặp bàn, cách tiến hành: - Đọc thầm bài tập, xác định yêu cầu của từng câu. Câu 1. GV yêu cầu HS tóm lược ý của hai đoạn văn, mỗi đoạn tóm	B. Luyện tập Đọc hai đoạn văn sau và thực hiện các nhiệm vụ ở dưới: Đoạn thứ nhất: (1) <i>Sam, bản đồ dẫn đường của cháu như thế nào?</i> (2) <i>Ông sẽ kể cho cháu nghe tám bản đồ của ông.</i> (3) <i>Khi ông còn nhỏ, mẹ ông luôn nhìn cuộc đời này như một nơi đầy hiểm nguy.</i> (4) <i>Bà vẫn hay nói với ông rằng để tồn tại, ông phải luôn đề phòng, phải luôn cảnh giác.</i> (5) <i>Bố của ông cũng phần nào đồng ý với quan điểm đó.</i> Đoạn thứ hai: (1) <i>Nhưng quan điểm ấy dường như không phù hợp với ông.</i> (2) <i>Những gì ông thấy không giống như lời mẹ ông nói.</i> (3) <i>Ông cảm thấy yêu mến và tin tưởng tất cả mọi người xung quanh.</i> (4) <i>Ông thấy cuộc đời là chốn bình yên và an toàn.</i> (5) <i>Kết quả là ông nhận thấy mình khác biệt với chính</i>

lược trong một câu. Sau đó, gọi một số HS lần lượt ghi lên bảng câu văn tóm lược đoạn thứ nhất, HS khác ghi câu văn tóm lược đoạn thứ hai. Cho HS trong lớp nhận xét, góp ý, thảo luận về từng câu tóm tắt. GV tổng hợp các ý kiến, chọn phương án tóm tắt tốt nhất cho từng đoạn.	<i>gia đình mình. (6) Chưa bao giờ ông cảm thấy tự tin với quan điểm của mình, bởi gia đình ông luôn cho rằng quan điểm đó là hoàn toàn sai lầm. (7) Mỗi khi ông và mẹ trò chuyện về một người nào đó và ông khen ngợi họ dễ thương, tốt bụng, thế nào mẹ ông cũng ngán ngẩm: "Cứ chờ mà xem!".</i>
Câu 2. GV hướng dẫn HS căn cứ vào những phương tiện liên kết đã giới thiệu ở khung <i>Nhận biết</i> để xác định phương tiện được sử dụng ở các câu trong từng đoạn, nêu ý kiến. GV nhận xét, điều chỉnh, bổ sung.	Câu 1/tr.60: Em hãy tóm lược ý của từng đoạn văn trong một câu và cho biết nhờ tính chất gì của hai đoạn văn mà em tóm lược được như vậy. <u>Đáp án câu 1:</u> - Đoạn thứ nhất: Ông nhớ lại cách nhìn cuộc đời của mẹ ông và bố ông. - Đoạn thứ hai: Ông luôn tin tưởng mọi người, ngược lại, mẹ ông thì luôn hoài nghi. *Lí giải: Do tất cả các câu trong đoạn văn cùng tập trung thể hiện một chủ đề, giữa các câu có sự liên kết về hình thức.
Câu 3. GV cho HS đọc lại và phát hiện phương tiện liên kết giữa hai đoạn. Câu 4. GV cho HS sắp xếp lại trật tự các câu trong từng đoạn. Sau đó dùng máy chiếu để chiếu những	Câu 2/tr.60: Chỉ ra các phương tiện liên kết các câu trong đoạn thứ nhất và các câu trong đoạn thứ hai. <u>Đáp án câu 2:</u> - Đoạn thứ nhất: + Câu (2) gắn với câu (1) bằng lặp từ ngữ (<i>bản đồ dẫn đường của cháu - tám bản đồ của ông</i>). + Câu (3) gắn với câu (2) bằng lặp từ (<i>ông</i>). + Câu (4) gắn với câu (3) bằng đại từ thay thế (<i>mẹ ông - bà</i>) và bằng việc lặp lại từ <i>ông</i>. + Câu (5) gắn với câu (4) bằng từ ngữ thay thế (<i>quan điểm đó</i> thay cho một cụm dài nói về quan điểm của bà mẹ) và bằng việc lặp lại từ <i>ông</i>. - Đoạn thứ hai: Tất cả các câu liên kết nhau đều gắn với nhau bằng cách lặp từ <i>ông</i>. Câu 3/tr.60: Câu nào có tác dụng liên kết đoạn thứ hai với đoạn thứ nhất? Những phương tiện liên kết nào được sử dụng trong câu đó? <u>Đáp án câu 3:</u> - Phương tiện giữa hai đoạn chính là: + Sử dụng quan hệ từ <i>nhưng</i> - chữ đầu tiên nằm ở câu (1) của đoạn thứ hai. + Đoạn sau lặp lại từ <i>quan điểm</i> ở đoạn trước cũng có tác dụng

tập hợp đã sắp xếp cho HS quan sát, gọi một em đọc to trước lớp tập hợp thứ nhất và rút ra nhận xét. Tương tự, cho một em khác đọc và nhận xét tập hợp thứ hai. Câu 5. Việc hoán đổi được thực hiện ở đơn vị đoạn. Từ sắp xếp vốn có của VB (đoạn thứ hai đứng ngay sau đoạn thứ nhất), GV cho HS đảo lại trật tự của chúng và rút ra nhận xét. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đại diện trình bày, nhận xét. - HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá;	liên kết. Câu 4/tr.60: Em thử đổi vị trí các câu trong đoạn thứ nhất và đoạn thứ hai theo một trật tự bất kì, chẳng hạn 2, 4, 1, 5, 3 (đoạn thứ nhất) và 7, 3, 4, 6, 1, 5, 2 (đoạn thứ hai). Hãy đọc lại các câu theo trật tự đã thay đổi và rút ra nhận xét. Đáp án câu 4: *Nhận xét: Nếu hoán đổi vị trí các câu sẽ xảy ra tình trạng: + Ở đoạn thứ nhất: một số câu liên kề nhau không còn phương tiện liên kết, nhưng quan trọng hơn, giữa chúng không có mối quan hệ về nội dung. + Ở đoạn thứ hai: về hình thức, phương tiện liên kết (lặp từ <i>ông</i>) vẫn tồn tại, song giữa các câu không có sự liên hệ về nội dung. => Cả hai đoạn văn đều không hề toát ra chủ đề gì, vì thế, đó không phải là hai đoạn văn, mà chỉ là hai tập hợp các câu hỗn độn. Câu 5/tr.60: Hai đoạn văn trên sắp xếp đúng trật tự trong văn bản. Em thử hoán đổi vị trí hai đoạn cho nhau và rút ra nhận xét. Đáp án câu 5: *Kết quả đảo trật tự như sau: <i>Nhưng quan điểm ấy dường như không phù hợp với ông. Những gì ông thấy không giống như lời mẹ ông nói. Ông cảm thấy yêu mến và tin tưởng tất cả mọi người xung quanh. Ông thấy cuộc đời là chốn bình yên và an toàn. Kết quả là ông nhận thấy mình khác biệt với chính gia đình mình. Chưa bao giờ ông cảm thấy tự tin với quan điểm của mình, bởi gia đình ông luôn cho rằng quan điểm đó là hoàn toàn sai lầm. Mỗi khi ông và mẹ trò chuyện về một người nào đó và ông khen ngợi họ dễ thương, tốt bụng, thế nào mẹ ông cũng ngán ngẩm: “Cứ chờ mà xem!”.</i> <i>Sam, bản đồ dẫn đường của cháu như thế nào? Ông sẽ kể cho cháu nghe tám bản đồ của ông. Khi ông còn nhỏ, mẹ ông luôn nhìn cuộc đời này như một nơi đầy hiểm nguy. Bà vẫn hay nói với ông rằng để tồn tại, ông phải luôn đề phòng, phải luôn cảnh giác. Bố của ông cũng phần nào đồng ý với quan điểm đó.</i> *Nhận xét: Bản thân mỗi đoạn không có gì thay đổi về ý nghĩa, nhưng hai đoạn giờ đây không còn quan hệ lô-gíc. Dấu

- GV nhận xét, đánh giá, lưu ý. * Duy làm bài tập 1 vào vở.	hiệu lộn xộn thể hiện rõ nhất ở chỗ: Câu chuyện về sự trái ngược trong cách nhìn cuộc đời, con người của mẹ và của ông đã kể xong ở đoạn trên, thì đến đoạn dưới mới nói: <i>Ông sẽ kể cho cháu nghe...</i> Nói như vậy không phù hợp với thực tế giao tiếp.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng hiểu biết để phân tích phép liên kết trong đoạn văn đã viết.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, để giải quyết bài tập vào vở.

c. Sản phẩm: Bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*GV chiếu bài tập, yêu cầu HS thực hiện.

Bài tập: *Lấy ra một đoạn văn em đã viết và chỉ rõ các phép liên kết đã được em sử dụng trong đoạn văn đó.*

- HS làm xong và báo cáo, GV cho chiếu bài HS đã làm, HS khác nhận xét và hoàn thiện.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;
- Đọc trước văn bản 2. *Hãy cầm lấy và đọc* (Huỳnh Như Phương).

TIẾT: 102-103

VĂN BẢN 2 HÃY CẦM LẤY VÀ ĐỌC

Huỳnh Như Phương



I. Mục tiêu

Giúp HS:

- Nắm được chủ đề và quan điểm của người viết thể hiện qua VB nghị luận (nhu cầu

và tầm quan trọng của việc đọc sách đối với đời sống con người, cách chọn sách, cách đọc, biện pháp khắc phục sự xuống cấp của văn hoá đọc,...). Tất cả đều được trình bày thành những ý kiến có khả năng định hướng suy nghĩ cho người đọc.

- Hiểu được cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng, nghệ thuật diễn đạt, cách chuyển và liên kết để hướng tới một chủ đề chung của VB nghị luận.

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập.

- Bồi đắp tình yêu sáng tạo và khám phá.

*** Duy nhận biết chủ đề và quan điểm của người viết thể hiện qua VB nghị luận, ghi nội dung bài học vào vở.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.

- Các hình ảnh, video liên quan.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối, tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung: HS trao đổi nhóm chia sẻ, suy nghĩ hiểu biết của bản thân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chiếu hình ảnh những cuốn sách, và nêu vấn đề cho HS trao đổi thảo luận, suy nghĩ và trình

1) *Nêu một câu danh ngôn nói về sách hoặc việc đọc sách mà em cho là có ý nghĩa;*

2) *Em thích đọc loại sách nào? Em đã từng thu được điều gì bổ ích sau khi đọc một cuốn sách?*



*GỢI Ý:

1) Tham khảo một số câu danh ngôn nói về sách có ý nghĩa:

- *"Chúng ta sẽ trở thành gì phụ thuộc vào điều chúng ta đọc sau khi các thầy cô giáo đã xong việc với chúng ta. Trường học vĩ đại nhất chính là sách vở."* (Thomas Carlyle).
- *"Tất cả những gì con người làm, nghĩ hoặc trở thành được bảo tồn một cách kỳ diệu trên những trang sách."* (Thomas Carlyle).
- *"Nghệ thuật đọc sách là nghệ thuật tư duy với ít nhiều sự giúp đỡ của người khác..."* (Phaghe).
- *"Ai đọc sách mà không biết được nhiều hơn những điều viết trong sách, người đó mới sử dụng sách có một nửa. Sách làm trí tuệ con người sâu sắc hơn và sáng sủa hơn* (G.Létxinh).
- *"Không có gì có thể thay thế văn hóa đọc"* (Gunter Grass).
- *"Vào khoảnh khắc mà chúng ta quyết thuyết phục đứa trẻ, bất cứ đứa trẻ nào, bước qua bậc thềm ấy, bậc thềm màu nhiệm dẫn vào thư viện, ta thay đổi cuộc sống của nó mãi mãi, theo cách tốt đẹp hơn."* (Barack Obama).
- *"Việc đọc rất quan trọng. Nếu bạn biết cách đọc, cả thế giới sẽ mở ra cho bạn."* (Barack Obama).
- *"Một cuốn sách thực sự hay nên đọc trong tuổi trẻ, rồi đọc lại khi đã trưởng thành, và một nửa lúc tuổi già, giống như một tòa nhà đẹp nên được chiêm ngưỡng trong ánh bình minh, nắng trưa và ánh trăng."* (Robertson Davies).
- *"Chính từ sách mà những người khôn ngoan tìm được sự an ủi khỏi những rắc rối của cuộc đời."* (Victor Hugo).
- *"Những gì sách dạy chúng ta cũng giống như lửa. Chúng ta lấy nó từ nhà hàng xóm, thắp nó trong nhà ra, đem nó truyền cho người khác và nó trở thành tài sản của tất cả mọi người."* (Voltaire).

2. HS tự chia sẻ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, sau đó chia sẻ hiểu biết, trải nghiệm bản thân.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ, trình bày cởi mở những suy nghĩ, hiểu biết của bản thân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét thái độ làm việc, câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới, sau đó dẫn vào bài.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung về văn bản

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về văn bản.

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét chung về tác phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

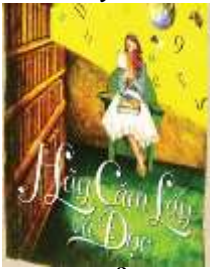
PHIẾU HỌC TẬP 01

Khám phá chung về văn bản

(Phiếu học tập giao về nhà)

STT	Thông tin	Trả lời
1	Tác giả:	...
2	Xuất xứ:	...
3	Kiểu văn bản:	...
4	Phương thức biểu đạt:	...
5	Vấn đề nghị luận:	...
6	Bố cục và nội dung chính từng phần:	...

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Khám phá chung văn bản	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV cho HS trình bày hiểu biết về tác giả. *GV yêu cầu HS đọc to VB trước lớp, chọn giọng đọc phù hợp với VB nghị luận; chú ý các chiến lược đọc được nêu ở các thẻ bên phải VB. Việc chú ý các chiến lược <i>theo dõi, phân tích, suy luận</i> sẽ giúp HS nắm được ý chính, đặc điểm và vai trò của từng đoạn văn trong VB. *Phần đầu của VB có khá nhiều từ ngữ khó. GV yêu cầu HS đọc lên từng câu có từ khó và giải nghĩa ở phần chú thích dưới chân trang. Có những từ, GV nên diễn giải kĩ hơn như: <i>sứ mệnh, mặc khải, thông điệp</i>,... Nếu cần, có thể đưa thêm ví dụ (những câu văn có sử dụng các từ đó) giúp HS hiểu rõ hơn. *GV hướng dẫn HS trao đổi Phiếu HT số 1 đã chuẩn bị ở nhà, kiểm tra chéo nhau sau đó trình bày. *GV nêu câu hỏi thảo luận thêm: <i>Văn bản tập trung bàn về vấn đề gì? Dựa vào đâu em nhận biết được điều đó?</i> (*Gợi ý: VB này tập trung bàn về việc đọc sách. Điều này thể hiện trước hết ở: - Nhan đề: <i>Hãy cầm lấy và đọc</i>. - Mở bài: Câu chuyện về động lực đọc sách của Thánh Au-gu-xtinh.	1. Tác giả  - Huỳnh Như Phương: sinh năm 1955 quê Quảng Ngãi. - Là giảng viên đại học, nhà nghiên cứu văn học. - Tác phẩm chính: <i>Dẫn vào tác phẩm văn chương</i> (1986); <i>Trường phái hình thức Nga</i> (2007); <i>Những nguồn cảm hứng trong văn học</i> (2008), <i>Hãy cầm lấy và đọc</i> (2016), <i>Giấc mơ, cảnh tượng và cái nhìn</i> (2019)...  2. Tác phẩm 2.1. Đọc và tìm hiểu chú thích: <i>sứ mệnh, mặc khải, thông điệp</i>,...

- Thân bài: Tất cả các đoạn triển khai phần Thân bài đều nói về việc đọc sách. - Kết bài: Nhắc lại thông điệp về đọc sách. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục 2. * Duy đọc bài, nhận biết kiểu văn bản, vấn đề nghị luận và ghi bài học vào vở.	2.2. Xuất xứ: Trích trong sách <i>Hãy cầm lấy và đọc</i> (2016).  2.3. Kiểu văn bản: văn bản nghị luận. 2.4. Vấn đề nghị luận: Bàn về việc đọc sách. 2.5. Bố cục và nội dung chính: 3 phần + Phần 1: Từ đầu ... <i>của thời trung đại</i>: Giới thiệu câu chuyện về động lực đọc sách của Thánh Au-gustin. + Phần 2: Tiếp theo đến <i>bao nhiêu vẫn là vô ích</i>: Vai trò của sách, lợi ích và cách đọc sách. + Phần 3: Còn lại: Thông điệp của việc đọc sách.

Hoạt động 2.2: Khám phá chi tiết văn bản

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được chủ đề quan điểm của người viết, hiểu được cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng, cách diễn đạt, chuyển đoạn và liên kết trong VB.

b. Nội dung: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB qua phiếu học tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP 02 (Tìm hiểu tóm lược các ý kiến chính)

STT	Đoạn văn	Tóm lược ý kiến
1	Đoạn 1 (từ <i>Tương truyền</i> đến <i>thời trung đại</i>):	
2	Đoạn 2 (từ <i>Vượt qua tính chất huyền bí</i> đến <i>không dễ nhận ra</i>):	
3	Đoạn 3 (từ <i>“Em hãy cầm lấy và đọc”</i> đến <i>một cuốn sách hay</i>):	
4	Đoạn 4,5,6 (từ <i>Không phủ nhận vai trò</i> đến <i>Hơ-bớt</i>):	

	<i>Mác-kiu-dơ đã nói):</i>	
5	Đoạn 7 (từ <i>Thời nay</i> , với sự xuất hiện đến những giá trị tinh thần):	
6	Đoạn 8 (từ <i>Lâu nay</i> , chúng ta thường được nghe đến vẫn là vô ích):	
7	Đoạn 9,10 (từ <i>Sách sinh ra không phải để được trưng bày</i> đến hết):	

PHIẾU HỌC TẬP 03
(Tìm hiểu các lí lẽ và bằng chứng)

Nhóm	Nhiệm vụ		
Nhóm 1	Thông điệp "hãy cầm lấy và đọc"	Chỉ ra câu văn thể hiện cách lí giải thông điệp của của tác giả	Quan điểm của em? (<i>Em có đồng ý không? Vì sao?</i>)
			
Nhóm 2	Trong thế giới hiện đại, khi các phương tiện nghe nhìn phát triển không ngừng, con người vẫn cần phải đọc sách.	Tác giả đã dùng những lí lẽ và bằng chứng nào để khẳng định?	Nhận xét:
			
Nhóm 3	Những điều kiện để giải quyết tình trạng sa sút của văn hóa đọc hiện nay.	Giải pháp cụ thể của tác giả:	Quan điểm của em? (<i>Em có tán thành với ý kiến của tác giả về vấn đề này không? Vì sao?</i>)
		...	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Tìm hiểu chi tiết văn bản	
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc thầm từng đoạn văn bản. - GV tổ chức thảo luận theo nhóm đôi: Thời gian: 5 phút	1. Tóm lược một số ý kiến trình bày trong văn bản - Đoạn 1 (từ <i>Tương truyền</i> đến <i>thời trung đại</i>): Câu chuyện về việc lĩnh hội sứ mệnh đọc sách, nghiên cứu của Thánh Au-gustin.

Yêu cầu: Tóm lược một số ý kiến được tác giả lần lượt trình bày trong văn bản. (Hoàn thành vào Phiếu học tập số 2) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS các nhóm thảo luận và hoàn thiện vào trong phiếu HT. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của một số cặp tiêu biểu, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS; chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2. * Duyệt ghi nội dung bài học vào vở.	- Đoạn 2 (từ <i>Vượt qua tính chất huyền bí đến không dễ nhận ra</i>): Vai trò của việc đọc sách đối với đời sống tinh thần của con người. - Đoạn 3 (từ <i>“Em hãy cầm lấy và đọc” đến một cuốn sách hay</i>): Sự khuyến khích đọc sách đến từ những người có trách nhiệm với ta. - Đoạn 4,5,6 (từ <i>Không phủ nhận vai trò đến Ho-bót Mác-kiu-dơ đã nói</i>): Sự kì diệu của sách và tác dụng to lớn của việc đọc sách. - Đoạn 7 (từ <i>Thời nay, với sự xuất hiện đến những giá trị tinh thần</i>): Đọc sách trong điều kiện thay đổi hình thức sách. - Đoạn 8 (từ <i>Lâu nay, chúng ta thường được nghe đến vẫn là vô ích</i>): Giải pháp cho tình trạng xuống cấp của văn hoá đọc. - Đoạn 9,10 (từ <i>Sách sinh ra không phải để được trưng bày đến hết</i>): Nhắc lại thông điệp về việc đọc sách.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS làm việc cá nhân, đọc đoạn 1 của văn bản và trả lời câu hỏi. <i>? So sánh đoạn 1 của văn bản "Hãy cầm lấy và đọc" với đoạn 1 của VB "Bản đồ dẫn đường" để chỉ cách giới thiệu vấn đề bàn luận có gì độc đáo?</i> (Gợi ý: Đầu bắt đầu bằng một câu chuyện. VB "Hãy cầm lấy và đọc" lấy từ một sự tích của nhân vật trong thời trung đại; VB "Bản đồ dẫn đường" dẫn một câu chuyện ngụ ngôn). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ và giúp đỡ HS thực hiện. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lên trình bày. Bước 4: Đánh giá, kết luận	2. Giới thiệu vấn đề bàn luận - Dẫn câu chuyện về việc lĩnh hội sứ mệnh đọc sách, nghiên cứu của Thánh Au-gustin để bàn về việc đọc sách. - Cách mở đề hấp dẫn, lôi cuốn, thuyết phục.

- HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn. - GV nhận xét thái độ trong quá trình làm việc của HS, chốt ý, bổ sung: - GV chuyển nội dung 3. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS thảo luận thành 3 nhóm hoàn thành Phiếu học tập số 3. - GV nêu và hướng dẫn nhiệm vụ cho từng nhóm như sau: Nhóm 1: <i>Chỉ ra câu văn thể hiện cách lí giải của tác giả về thông điệp "Hãy cầm lấy và đọc". Em có đồng ý với cách lí giải đó không? Vì sao?</i> - GV gợi ý câu hỏi phụ: <i>Việc tiếp xúc trực tiếp với cuốn sách (tự đọc lấy) với việc nghe người khác nói về cuốn sách khác nhau thế nào? Trong hai cách đó, cách nào mới thực sự là trải nghiệm?</i> (Từng HS đọc lại VB, tìm câu văn có chức năng ấy để xác định chính xác, sau đó thể hiện thái độ tán thành hay phản đối, lí giải một cách có cơ sở). Nhóm 2: <i>Tác giả đã dùng những lí lẽ và bằng chứng nào để khẳng định trong thế giới hiện đại, khi các phương tiện nghe nhìn phát triển không ngừng, con người vẫn cần phải đọc sách?</i> - GV gợi ý: + Để nhận biết lí lẽ, các em cần tự đặt câu hỏi tìm hiểu: <i>Vì sao tác giả cho rằng khi các phương tiện nghe nhìn ngày càng tăng, đọc sách vẫn là một nhu cầu không thể thiếu của con người?</i> + Để nhận biết bằng chứng, cần suy nghĩ theo hướng: <i>Dựa vào thực tế nào để khẳng định: Khi các phương tiện nghe nhìn ngày càng tăng, đọc sách vẫn là một nhu cầu không thể thiếu của con người?</i>	3. Triển khai vấn đề bàn luận a. Lí giải thông điệp "Hãy cầm lấy và đọc". - <i>"Hãy cầm lấy và đọc" có thể xem là một thông điệp: Hãy tiếp xúc trực tiếp với một cuốn sách, hãy tự trải nghiệm mà không bước qua một trung gian nào".</i> => Trải nghiệm bằng cách đọc trực tiếp sẽ thu được những điều gì mà người khác không thể đem đến cho ta. Vì "Đọc" là một quá trình tiếp nhận kiến thức và tư duy của chủ thể đọc, không phải là sự bị động, nói và nghĩ theo cách của người khác. b. Sự cần thiết phải đọc sách trong thế giới hiện đại. *Những lí lẽ được đưa ra: - Người ta vẫn đọc sách ngay khi các phương tiện nghe nhìn phát triển là bởi sự kì diệu của chữ trên trang sách (<i>hàm chứa văn hoá của một dân tộc, mang hồn thiêng của đất nước, kích thích trí tưởng tượng, khơi gợi tư duy hồi đáp, phản biện,...</i>). *Bằng chứng để củng cố cho lí lẽ: - Sách chỉ là giấy và mực mà chứa cả thế giới, phơi bày cả bí ẩn của vũ trụ cũng như xã hội con người; - Nhờ đọc sách, ta hiểu đời, hiểu người, hiểu chính mình; - Đọc một cuốn sách hay như bị cuốn vào nỗi say mê, niềm khoái cảm;... c. Giải quyết tình trạng sa sút của văn hoá đọc. *Tác giả nêu hai điều kiện: chủ thể đọc và đối tượng đọc:

Nhóm 3: Theo tác giả, cần có những điều kiện gì để giải quyết tình trạng sa sút của văn hóa đọc hiện nay? Em có tán thành với ý kiến của tác giả về vấn đề này không? Vì sao? - GV hướng dẫn thêm trên cơ sở một số câu hỏi sau: Em hiểu thế nào là tình trạng sa sút của văn hoá đọc? Theo em, do đâu có tình trạng này? Muốn giải quyết tình trạng đó, tác giả nêu ra những điều kiện nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu. - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS lên trình bày. Bước 4: Đánh giá, kết luận - HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn. <i>* Duyệt ghi nội dung bài học vào vở.</i>	- Chủ thể đọc là con người. Con người phải ham đọc. - Đối tượng đọc là sách. Phải có sách hay thì mới thu hút người đọc. Thiếu một trong hai điều kiện này, tình trạng sa sút của văn hoá đọc khó cải thiện được.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS làm việc cá nhân, đọc đoạn 9,10 của văn bản, sử dụng đàm thoại để trả lời câu hỏi. 1) Em hiểu được những thông điệp nào của tác giả đã đưa ra ở đoạn cuối? 2) Cách kết thúc văn bản có gì độc đáo? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ và giúp đỡ HS thực hiện. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lên trình bày. Bước 4: Đánh giá, kết luận - HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn. - GV nhận xét thái độ trong quá trình làm việc của HS, chốt ý, bổ sung: - GV chuyển nội dung tổng kết. <i>* Duyệt ghi nội dung bài học vào vở.</i>	4. Kết thúc vấn đề bàn luận *Thông điệp: - Sách không phải để làm vật trang trí. - Sách không nên bị bỏ không. - Sách cần phải được đọc thường xuyên. *Cách kết văn bản độc đáo: Ngắn gọn, súc tích; dùng cả tiếng Latinh và tiếng Việt. Nội dung hướng ứng chặt chẽ lời kêu gọi đọc sách như đã đặt ra từ phần đầu văn bản.

Hoạt động 2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát giá trị nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa, thông điệp của VB.

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức HS hoạt động cặp đôi, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung, hoàn thiện.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
III. Tổng kết	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS làm việc cặp đôi thảo luận những nội dung câu hỏi sau: 1) Những đặc sắc nghệ thuật nào đã làm nên sức hấp dẫn của văn bản nghị luận? 2) Nêu nội dung chính của văn bản. 3) Từ nội dung văn bản "Hãy cầm lấy và đọc", theo em, có thể xem đọc sách là một kiểu trải nghiệm được không? Vì sao? (GV hướng dẫn câu hỏi phụ cho HS suy nghĩ về các khía cạnh của vấn đề: <i>Bản chất của trải nghiệm là gì? Qua trải nghiệm, con người thường thu nhận được những điều gì? Con người có thể thu nhận được gì qua đọc sách? Vậy có thể xem đọc sách là trải nghiệm được không?</i>). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ và ghi ra giấy câu trả lời. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV chuẩn kiến thức.	1. Nghệ thuật + Cách mở đầu và kết thúc ngắn gọn, súc tích và hấp dẫn. + Ý kiến đúng đắn, lí lẽ và bằng chứng sắc sảo, thuyết phục. + Lập luận chặt chẽ. + Lời văn linh hoạt, sinh động. 2. Nội dung Tác giả đã đưa ra lời bàn rất thiết thực về nhu cầu và tầm quan trọng của việc đọc sách đối với đời sống con người, cách chọn sách, cách đọc, biện pháp khắc phục sự xuống cấp của văn hoá đọc cùng lời khuyên hãy trực tiếp, tự mình cầm sách lên và đọc. 3. Đọc sách là một kiểu trải nghiệm - Đọc sách là một kiểu trải nghiệm vì: - Trải nghiệm là kinh qua, trải qua, là được chứng kiến, tham dự một sự kiện gì, trực tiếp làm một việc gì, hay chịu một sự tác động nào từ bên ngoài, để lại những cảm giác, suy nghĩ, ấn tượng trong bản thân. - Thông qua trải nghiệm, con người hiểu biết đầy đủ hơn, suy nghĩ sâu sắc hơn, rút ra được bài học bổ ích về ứng xử, trưởng thành hơn qua trải nghiệm. - Đọc sách, người đọc được: + Mở mang trí tuệ, làm giàu cảm xúc, khám phá tự nhiên và xã hội, hiểu biết về con người và bản thân. + Xuyên qua thời gian về với quá khứ hay đến với

	tương lai xa xôi; được du lịch tới một miền đất lạ, và bằng tưởng tượng, như được sống với những số phận, những cuộc đời khác. + Sống một đời sống tinh thần hết sức phong phú và trọn vẹn. =>Do vậy, hoàn toàn có thể xem đọc sách cũng là một kiểu trải nghiệm.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố hiểu biết về viết VB nghị luận.
- b. Nội dung:** HS làm việc theo cặp bàn dựa vào VB vừa học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm:** Bài tập hoàn thiện của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS làm việc theo cặp bàn để hoàn thành bài tập sau:

BÀI TẬP: Qua đọc hiểu hai văn bản "*Bản đồ dẫn đường*" và "*Hãy cầm lấy và đọc*", em học tập được gì về kinh nghiệm viết một bài văn nghị luận thuyết phục được người nghe, người đọc.

***Gợi ý:**

Kinh nghiệm viết một bài văn nghị luận thuyết phục được người nghe, người đọc:

- Chọn được vấn đề bàn luận có ý nghĩa thiết thực với mọi người.
- Bộc lộ được góc nhìn riêng của người viết; thể hiện những quan điểm đúng đắn.
- Cách vào đề tự nhiên, hấp dẫn, lôi cuốn.
- Lí lẽ sắc sảo, dẫn chứng chân thực thuyết phục.
- Lập luận chặt chẽ, trình bày logic mạch lạc.
- Ngôn ngữ linh hoạt, sinh động.
- Thông điệp rõ ràng, có ý nghĩa với mọi người.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, làm việc theo cặp bàn để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày, HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, tuyên dương HS.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Giúp HS phát triển kỹ năng viết câu, đoạn.
- b. Nội dung:** HS viết đoạn văn vận dụng hiểu biết về vai trò, ý nghĩa của sách.
- c. Sản phẩm:** Đoạn văn của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao nhiệm vụ cho HS (có thể thực hiện ngay trên lớp hoặc về nhà):

***VIẾT KẾT NỐI ĐỌC**

Bài tập: Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) với chủ đề: *Sách là để đọc, không phải để trưng bày.*

- GV gợi ý nhanh để HS có hướng viết. Các ý cơ bản cần có trong đoạn:

+ *Vì sao sách là để đọc chứ không phải để trưng bày?* (Vì như vậy, sách mới phục vụ thiết thực cho nhu cầu học tập, tìm hiểu, nghiên cứu của con người.)

+ *Đọc sách theo cách nào thì có ích?* (Đọc có mục đích, nắm bắt nhanh nội dung, có ghi chép lại.)

THAM KHẢO

Ngày nay, chúng ta vẫn thường thấy nhiều phong trào về việc đọc sách đang được kêu gọi, được nghe rất nhiều về vai trò của sách. Quả thực, từ lâu sách đã trở thành một thứ thiêng liêng, cao cả, bất khả xâm phạm. Sách trở thành một món đồ cổ, một món đồ sang trọng, tao nhã, có giá trị đôi khi chỉ để... trưng bày. Để khoe sự hiểu biết, người ta mua cho thật nhiều sách. Thế nhưng, nếu sách chỉ để trưng bày, nó mãi mãi là những kiến thức im lìm trên trang giấy. Như Huỳnh Như Phương đã từng viết, sách, là để "lần giở trước đèn", để người ta chủ động đọc, tư duy, suy ngẫm, đúc rút cho mình những kiến thức, kinh nghiệm. Có như vậy, sách mới phục vụ thiết thực cho nhu cầu học tập, tìm hiểu, nghiên cứu của con người. Sách không phải để trưng bày hay làm dáng. Mục đích cuối cùng sách sinh ra là để đọc.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ: Viết ra giấy theo đúng yêu cầu, sau đó chỉnh sửa bài viết.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi HS lên trình bày.

- HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV đánh giá, nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung đã học trong bài;

- Chuẩn bị soạn bài: Thực hành tiếng Việt: Thuật ngữ.

HẾT.

Ngày soạn: 11/03/2024

Ngày dạy: 19, 20, 21, 22/03/2024

TUẦN 26

TIẾT 104- ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS ôn tập, củng cố một số kĩ năng:

- + Đọc các VB thuộc các thể loại chính của 3 bài học: truyện ngụ ngôn, truyện khoa học viễn tưởng, VB nghị luận;
- + Thực hành viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành); viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.
- Tự giải quyết nhiệm vụ học tập, tự đánh giá được quá trình và kết quả giải quyết vấn đề học tập của bản thân.
- Chủ động đề ra kế hoạch học tập của cá nhân; xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Biết trân trọng những bài học và trải nghiệm trong cuộc sống.
- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng, phiếu học tập, bài tập tham khảo....

2. Học liệu: Ngữ liệu tác phẩm,...

C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

- GV cho HS nhắc lại các kiến thức đã được học trong 3 bài học đầu tiên của học kì 2 bằng cách điền vào bảng thông tin sau:

Bài	Đọc	Thực hành tiếng Việt	Viết	Nói và nghe
...	...	...	...	...

1. Nội dung các bài học

Bài	Đọc	Thực hành tiếng Việt	Viết	Nói và nghe
6	- Đẽo cày giữa đường;	- Thành ngữ. - Nói quá.	- Viết bài văn nghị luận về một vấn đề	- Kể lại một truyện ngụ ngôn.

	- <i>Ếch ngồi đáy giếng;</i> - <i>Con mối và con kiến;</i> - <i>Một số câu tục ngữ Việt Nam.</i> - <i>Con hổ có nghĩa.</i>		trong đời sống (tán thành);	
7	- <i>Cuộc chạm trán trên đại dương</i> (trích <i>Hai vạn dặm dưới đáy biển</i>); - <i>Đường vào trung tâm vũ trụ</i> (trích <i>Thiên Mã</i>); - <i>Dấu ấn Hồ Khanh;</i> - <i>Chiếc đũa thần</i> (trích <i>Tinh vân Tiên Nữ</i>).	- Mạch lạc và liên kết; - Dấu chấm lửng.	- Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.	- Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người.
8	- <i>Bản đồ dẫn đường;</i>			

2. Đọc các kiểu văn bản/thể loại chính

- GV cho HS điền các thông tin theo bảng thống kê sau:

Kiểu văn bản/thể loại chính	Tên tác phẩm	Cách đọc
Truyện ngụ ngôn	...	...
Truyện KHVT	...	...
Văn bản nghị luận	...	...

Gợi ý:

Kiểu văn	Tên tác phẩm	Cách đọc

bản/thể loại chính		
Truyện ngụ ngôn	- <i>Đèo cày giữa đường;</i> - <i>Ếch ngồi đáy giếng;</i> - <i>Con mồi và con kiến;</i> - <i>Con hổ có nghĩa.</i>	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện. - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện. Vận dụng: - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm. - Thể hiện được thái độ đồng tình/không đồng tình/đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm.
Truyện khoa học viễn tưởng	- <i>Cuộc chạm trán trên đại dương</i> (trích <i>Hai vạn dặm dưới đáy biển</i>); - <i>Đường vào trung tâm vũ trụ</i> (trích <i>Thiên Mã</i>);	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu, những yếu tố mang tính “viễn tưởng” của truyện viễn tưởng (những tưởng tượng dựa trên những thành tựu khoa học đương thời). - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản. - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện viễn tưởng. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện.

	- <i>Chiếc đũa thần</i> (trích <i>Tinh vân Tiên Nữ</i>).	- Nêu được chủ đề, thông điệp, những điều mơ tưởng và những dự báo về tương lai mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật truyện khoa học viễn tưởng thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và/hoặc lời của các nhân vật khác. Vận dụng: - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong văn bản.
Văn bản nghị luận	- <i>Một số câu tục ngữ Việt Nam.</i> - <i>Bản đồ dẫn đường;</i>	Nhận biết: - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học. Thông hiểu: - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản. - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng. - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó. Vận dụng: - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản.

3. Thực hành tiếng Việt

- GV cho HS điền các thông tin theo bảng thống kê sau:

STT	Đơn vị kiến thức	Khái niệm-đặc điểm	Ví dụ
1	Thành ngữ	...	...

2	Nói quá	...	...
3	Mạch lạc và liên kết	...	...
4	Dấu chấm lửng	...	...
		...	...

Gợi ý:

1. Thành ngữ:

- Thành ngữ là một loại cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa chung của cả cụm, không phải nghĩa của tổng số nghĩa của các từ. Việc dùng thành ngữ sẽ giúp cho câu văn trở nên hàm súc, bóng bẩy, gợi nhiều liên tưởng.

- VD: *bảy nổi ba chìm, đứng núi này trông núi nọ, cơm chẳng lành canh chẳng ngọt, bèo dạt mây trôi...*

2. Nói quá:

- Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại đặc điểm, mức độ, quy mô của đối tượng để tăng sức biểu cảm hoặc gây cười.

- VD: *cười đứt cả ruột, sông rộng một gang, bắc cầu dải yếm...*

3. Mạch lạc và liên kết

- Mạch lạc là tính thống nhất về chủ đề giữa các câu trong đoạn văn và giữa các đoạn văn trong VB; được sắp xếp theo trình tự hợp lí nhằm thể hiện rõ chủ đề của VB.

- Các bộ phận trong VB (câu, đoạn) được gắn kết chặt chẽ với nhau qua các phương tiện ngôn ngữ thích hợp, được gọi là “phương tiện liên kết”. Các loại phương tiện liên kết VB thường được sử dụng như:

+ Phép nối là dùng từ ngữ nối.

+ Phép thế là dùng từ ngữ thay thế (thay thế bằng đại từ, từ ngữ đồng nghĩa).

+ Phép lặp là dùng từ ngữ được lặp lại,...

- VD:

“Một chiếc xe buýt nọ chở học sinh dừng lại bên đường. Dù đường vắng nhưng những đứa trẻ Nhật Bản vẫn nhẫn nại chờ đèn tín hiệu liên lạc và sang đường đúng vạch kẻ dành cho người đi bộ. Trước đó, chúng đã bấm nút trên cột đèn tín hiệu để báo cho người lái ô tô dừng lại”.

Sau khi sang đường, những đứa trẻ cúi chào cả hai bên đường. Chúng làm điều này để cảm ơn những người lái xe đã dừng lại để trẻ con sang đường an toàn. Cuối cùng, một đứa trẻ lại cột đèn tín hiệu bấm nút để những chiếc ô tô tiếp tục di chuyển”.

+ Phép lặp: lặp từ “đường”,

- + Phép thế: thay thế từ “những đứa trẻ” bằng từ “chúng”.
- + Phép nối: dùng từ nối: “sau khi, cuối cùng”.

4. Dấu chấm lửng

- Còn gọi là dấu ba chấm, được sử dụng rộng rãi trong câu văn.
- Công dụng:
 - + Dấu chấm lửng phối hợp với dấu phẩy ngầm cho biết nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.

VD: *Mẹ em đi chợ mua rất nhiều đồ như: rau, củ, quả, ...*

- + Dấu chấm lửng thể hiện lời nói bỏ dở, ngập ngừng, ngắt quãng.

VD: *Bạn ... bạn.. bạn cho mình xin lỗi.*

- + Dấu chấm lửng làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ thường có sắc thái hài hước, châm biếm.

VD: *Cuốn tiểu thuyết ấy được anh ta viết trên... một tờ giấy.*

4. Các yêu cầu kĩ năng viết

STT	Kiểu bài	Yêu cầu
1.	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống (Trình bày ý kiến tán thành).	...
2.	Kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.	...
		...

*Gợi ý:

STT	Kiểu bài	Yêu cầu
1.	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống (Trình bày ý kiến tán thành).	- Nêu được vấn đề và ý kiến cần bàn luận. - Trình bày được sự tán thành đối với ý kiến cần bàn luận. - Đưa ra được những lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng để chứng tỏ sự tán thành là có căn cứ
2.	Kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.	- Giới thiệu được nhân vật và sự việc có thật liên quan đến nhân vật đó. - Kể được sự việc theo một trình tự hợp lí; có sử dụng các yếu tố miêu tả trong khi kể. - Nêu được ý nghĩa của sự việc. - Nêu được suy nghĩ, ấn tượng của người viết về sự việc được kể.

II. THỰC HÀNH ĐỌC

*Cách thức chung:

- GV chiếu VB trên màn hình, hướng dẫn và cho HS đọc kĩ VB, xác định từng yêu cầu trong các câu hỏi đọc hiểu và hỗ trợ HS thực hiện từng yêu cầu;
- HS trình bày, nhận xét, bổ sung.
- GV hoàn thiện, tuyên dương, rút kinh nghiệm.

ĐỀ ÔN TẬP:

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bên dưới:

Đeo nhạc cho mèo

Tự bao giờ đến giờ, mèo cứ xơi chuột mãi, nên chuột mới đẻ ra là đã sợ mèo rồi.

Nhưng, con giun xéo lắm cũng quăn, chuột ta lấy thế làm giận. Một hôm, mới hội cả nhau lại làm một làng chuột để chống mèo. Thôi thì đủ mặt: nào anh Chù, mùi hôi đến nổi thành câu ca; nào chú Nhắt, có tính nhí nhắt đã nên câu ví; nào lại ông Cống, rung rinh béo tốt, quan trường lại chăm cho ở trên ông Đồ; ...

Khi làng dài răng đã tề tựu đông đủ cả rồi, ông Cống mới lên giọng rằng:

- Cái giống quái kia sở dĩ nó chụp được anh em mình chỉ vì trời phú cho nó cái tài rình mò và khéo bắt lén mà thôi. Bây giờ, bà con ta nên mua một cái nhạc buộc vào cổ nó, để khi nào nó đến, nghe tiếng nhạc, ta biết đường chạy trước, thì nó còn làm gì nổi ta nữa.

Cả làng chuột nghe nói, dẫu mồm, quật đuôi, đều lấy làm phục cái câu chí lý của ông Cống và đồng thanh ưng thuận.

Khi nhạc đã kiếm được rồi, hội đồng chuột lại họp. Con nào con nấy lao xao hớn hở, bảo nhau đã sắp tới ngày thoát được cái ách ông Miu ranh mãnh rồi.

Nhưng kịp lúc hội đồng hỏi ai dám đem nhạc đeo vào cổ mèo, thì thấy cả hội đồng im phăng phắc, không một cái tai nào nhích, một cái răng nào nhe cả.

Không biết cử ai nào việc đại sự ấy, bắt đắc dĩ làng cắt ông Cống phải đi, vì chính ông Cống đã xướng lên cái thuyết đeo nhạc vậy.

Ấy mới khốn! Nhưng Cống ta trong lòng tuy nao, mà ngoài mặt làm ra bộ bệ vệ kẻ cả, nói rằng:

- Tôi đây, chẳng gì nhờ tổ ấm cũng được vào bậc ông Cống, ông Nghè, ăn trên ngồi trước trong làng, có đâu làng lại cắt tôi đi làm cái việc tầm thường ấy được! Trong làng ta nào có thiếu chi người! Tôi xin cử anh Nhắt, anh ấy nhanh nhẩu, chắc làm được việc.

Ấy mới hay! Nhưng Nhắt ta trở mặt láu, cãi lý rằng:

- Làng cắt tôi đi, tôi cũng xin vâng, không dám chối từ. Nhưng tôi, dù bé vậy, mà cũng còn ở chiếu trên, chưa đến nỗi nào. Ông Cống không đi, phải; tôi đây không đi, cũng phải. Để xin cắt anh Chù, anh ấy tuy chậm, nhưng chắc chắn, làng không lo hỏng việc.

Ấy mới không có gì lạ! Chù ta thật thà, không biết cãi sao, ụt ịt nói rằng:

- Tôi là đây tớ làng, làng sai tôi đi là phải lắm. Nhưng tôi chỉ sợ, nếu tôi đến gần mèo mà mèo thịt tôi đi, thì rồi lấy ai thay tôi mà buộc nhạc được nữa.

Chuột Cống nhanh miệng bảo:

- Mèo nó có vòn là vòn chúng tao, vòn cái anh Nhắt kia, chớ chú mày hơi hám như thế, thì nó bắt mà thềm vào. Thôi cứ nhận đi ngay đi, không được nói lời thôi gì nữa.

Chuột Chù ì ạch phải nhận, vác nhạc đi tìm mèo thật. Khốn chưa trông thấy mèo, mới nghe thấy tiếng, Chù đã sợ run cả mình, không dám tiến. Nhưng sợ lệ làng, sau đánh bạo, phải lại gần, thì thấy mèo quả nhiên không thềm vòn đến thật. Song mèo cũng nhe nanh, giương vuốt, làm cho Chù cảm đầu, vác cái thân ì ạch chạy không chạy khổ về báo cho làng hay. Cả làng nghe báo cũng sợ, bỏ chạy tán loạn, chẳng ai hỏi đến cái nhạc, nó bon đi đâu, và bon tự bao giờ không biết.

Thành ra từ đó, chuột vốn sợ mèo, vẫn hoàn sợ mèo mãi.

Theo Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc

(In trong sách *Ngữ văn 6*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

Câu 1. Mục đích cuộc họp của cả làng chuột là gì?

- A. Dạy cho mèo bài học thích đáng
- B. Cùng nhau thương lượng với mèo
- C. Tìm cách phát hiện được mèo và cắt cử người đeo nhạc cho mèo.
- D. Đoàn kết đánh đuổi mèo, không cho đến gần làng chuột.

Câu 2. Nhân vật nào khởi xướng việc mua cái nhạc buộc vào cổ mèo?

- A. Chuột Nhắt
- B. Chuột Cống
- C. Chuột Chù
- D. Chuột Chũi

Câu 3. Mèo có biệt tài gì làm cho cả làng chuột phải khiếp sợ?

- A. Mèo có võ nghệ cao cường, bắt chuột không dễ thoát.
- B. Mèo có tài thức đêm rất hay và có đôi tai rất thính
- C. Mèo có tài chạy rất nhanh nên chuột khó chạy thoát
- D. Mèo có tài rình mò và khéo bắt lén

Câu 4. Cuối cùng, ai là người nhận nhiệm vụ đi đeo nhạc cho mèo?

- A. Chuột Nhắt

- B. Chuột Cống
- C. Chuột Chù
- D. Chuột Chũi

Câu 5. Bài học rút ra từ truyện Đeo nhạc cho mèo là gì?

- A. Ý tưởng phải có tính thực tiễn và tính khả thi cao.
- B. Kế hoạch đề ra thì phải có người thực hiện, nếu không thì chẳng mang lại kết quả gì.
- C. Trong cuộc họp, chỉ có một cá nhân thao túng dễ dẫn đến quyết định ảo tưởng, viễn vông
- D. Tất cả A, B, C đều đúng

Câu 6. Trong truyện, tính cách của chuột Cống được bộc lộ như thế nào?

- A. Là kẻ thích huênh hoang nhưng lại hèn nhát
- B. Là kẻ dám đương đầu với mọi khó khăn, thử thách
- C. Là kẻ có đầy mưu trí, không sợ bất cứ điều gì
- D. Là kẻ có quyền thế nhưng rất tâm lý, yêu thương đồng loại.

Câu 7. Vì sao cả làng chuột không thực hiện được việc đeo nhạc cho mèo?

- A. Vì chuột Chù quá nhút nhát
- B. Vì ý tưởng đề ra không mang tính khả thi
- C. Vì chuột Cống là người đứng đầu nhưng lại thoái thác.
- D. Vì mèo hung dữ, đuổi lũ chuột chạy tán loạn

Câu 8. Truyện *Đeo nhạc cho mèo* nhằm phê phán ai?

- A. Kẻ đề ra những ý tưởng viễn vông, ham sống sợ chết, chỉ bàn mà không dám hành động, trút công việc khó khăn, nguy hiểm cho những người khác
- B. Kẻ yếu hèn, nhút nhát, bất tài, vô dụng, nhận nhiệm vụ gì cũng không thể hoàn thành như mong đợi của mọi người.
- C. Kẻ mưu trí, đề ra những ý tưởng xuất sắc, tất cả vì cộng đồng, cùng bàn bạc để hành động, cổ vũ mọi người tham gia công việc dù có khó khăn, nguy hiểm.
- D. Kẻ dám nói dám làm, không ham sống sợ chết, luôn bàn bạc để hành động, cùng chia sẻ công việc khó khăn, nguy hiểm với những người khác.

Gợi ý làm bài

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	D	C	D	A	B	A

III. THỰC HÀNH VIẾT

A. VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG (TRÌNH BÀY Ý KIẾN TÁN THÀNH)

- **Bước 1:** GV yêu cầu HS nhắc lại dàn ý chung của kiểu bài.

Mở bài	Nêu vấn đề cần bàn và ý kiến đáng quan tâm về vấn đề đó.
Thân bài	- Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận. - Thể hiện thái độ tán thành ý kiến bằng các khía cạnh khác nhau (lí lẽ + bằng chứng)
Kết bài	Khẳng định ý kiến và nêu sự cần thiết của việc tán thành ý kiến đó.

- **Bước 2:** GV cho HS thực hành luyện tập đề.

ĐỀ BÀI ÔN TẬP

Nhân dân Việt Nam từ xưa đến nay có luôn sống theo đạo lí "Uống nước nhớ nguồn, Ăn quả nhớ kẻ trồng cây"?

***GỢI Ý DÀN BÀI:**

1. Mở bài

- Giới thiệu vấn đề cần bàn luận: Nhân dân Việt Nam từ xưa đến nay luôn luôn sống theo đạo lí "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, Uống nước nhớ nguồn". Đây là một ý kiến rất xác đáng...

2. Thân bài

- Thực chất của ý kiến: Cả hai câu tục ngữ đều là lời nhắc nhở, khuyên nhủ của ông cha ta đối với con cháu - những người đang và sẽ thừa hưởng thành quả công lao của người đi trước về tấm lòng biết ơn.

- Đây là một đạo lí hết sức đúng đắn được truyền từ đời này sang đời nọ. Đưa bằng chứng chứng minh:

+ Thời xưa: Thường tổ chức cúng kính để cảm ơn trời đất, mỗi vụ mùa đều cúng thần linh, thờ cúng tổ tiên...

+ Thời nay: có nhiều ngày lễ lớn như thương binh liệt sĩ, ngày nhà giáo Việt Nam, ngày thầy thuốc... để tri ân người có ơn với đất nước; ghi nhớ công ơn về các anh hùng liệt sĩ ngã xuống vì dân tộc, các cuộc đền ơn đáp nghĩa...

3. Kết bài

- "Uống nước nhớ nguồn" và "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây" là một truyền thống vô cùng quý báu cần được trân trọng, giữ gìn và phát huy. Con cháu cần kính trọng ông bà và cha mẹ những người đã sinh thành, nuôi dưỡng chúng ta...; Học trò cần tôn trọng thầy cô giáo, những người đã cung cấp cho ta kiến thức bổ ích, dạy dỗ chúng ta nên người.

B. VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN MỘT NHÂN VẬT LỊCH SỬ

Bước 1: GV yêu cầu HS nhắc lại dàn ý chung của kiểu bài.

Mở bài	+ Giới thiệu đôi nét về nhân vật. + Giới thiệu sự việc liên quan đến nhân vật.
Thân bài	+ Kể diễn biến của sự việc. Có sử dụng yếu tố miêu tả. + Nêu ý nghĩa của sự việc.
Kết bài	+ Nêu ý nghĩa và ấn tượng của người viết về sự việc.

- **Bước 2:** GV cho HS thực hành luyện tập đề.

ĐỀ BÀI ÔN TẬP

Kể về một sự việc có thật liên quan đến Danh tướng Trần Hưng Đạo

1. Mở bài: Giới thiệu chung về nhân vật và sự việc (chống quân Nguyên Mông) của Hưng Đạo Đại Vương - Trần Quốc Tuấn.

2. Thân bài:

- Thuật lại quá trình diễn biến của sự việc theo trình tự (thời gian, không gian...).
- Chỉ ra mối liên quan giữa sự việc với nhân vật lịch sử, kết hợp kể chuyện với miêu tả.
- Ý nghĩa của sự việc được kể lại: Những phẩm chất tốt đẹp của Trần Hưng Đạo.

3. Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của sự việc, nêu ấn tượng của em đối với nhân vật Trần Quốc Tuấn.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các bài tập vào vở; tự ôn tập ở nhà.
- Chuẩn bị các nội dung đã ôn tập của 2 bài để làm bài kiểm tra tổng hợp giữa học kì II.
- Chuẩn bị bài Thực hành Tiếng Việt: Thuật ngữ.

TIẾT: 105 - THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT THUẬT NGỮ

I. Mục tiêu:

Giúp HS:

- Hiểu được thế nào là thuật ngữ; cách xác định nghĩa của thuật ngữ; biết được có những đơn vị khi thì được dùng với tư cách là thuật ngữ, khi lại được dùng như một từ ngữ thông thường; biết dựa vào câu để xác định một đơn vị nào đó có phải là thuật ngữ hay không.
- Vận dụng hiểu biết về thuật ngữ để tiếp nhận VB khoa học trong các bài học; biết sử dụng thuật ngữ trong việc tạo lập VB theo yêu cầu.
- Phát hiện, giải quyết các bài tập một cách sáng tạo, hiệu quả.

- Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.
- * **Duy nhận biết thuật ngữ, chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi nội dung bài học vào vở.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị:

- Máy vi tính, máy chiếu, bảng phụ, giấy A0, bút màu...

2. Học liệu:

- Sưu tầm các đoạn văn thơ đặc sắc dấu chấm lửng.
- Phiếu học tập.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp HS tạo tâm thế hào hứng, kết nối tri thức để bước vào bài học.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi để dẫn dắt HS vào bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu yêu cầu, HS suy nghĩ trả lời:

+ **Em đã bao giờ tra cứu những loại sách này chưa? Những cuốn sách này có đặc điểm chung là gì?**



+ **Đọc đoạn văn sau và cho nhận xét gì về đặc điểm của những từ ngữ in đậm:**
(Những từ ngữ ấy có dễ hiểu nghĩa không? Muốn hiểu chúng, ta phải làm thế nào?
Chúng thường được sử dụng trong các lĩnh vực nào?)

Khí quyển của **Sao Hỏa** quá mỏng để hỗ trợ cho sự sống. Thành phần chủ yếu của khí quyển là khí **cacbonic** (95%). Lớp khí quyển rất mỏng này còn có thể rất bụi, bởi bụi từ lớp vỏ bề mặt **Hỏa Tinh** liên tục bị cuốn vào **khí quyển** do các cơn lốc xoáy khổng lồ. Đôi khi, có thể tìm thấy cả tuyết trên Sao Hỏa, nhưng là những bông tuyết bằng cacbonic, chứ không phải nước. Những bông tuyết này được cho là có kích thước rất nhỏ, cỡ khoảng **tế bào máu**

(Theo <http://vatlythienvan.com>)

***Gợi ý:** Những từ trên không dễ hiểu nghĩa như những từ thông thường, muốn hiểu được chúng người đọc cần phải có hiểu biết, có vốn kiến thức nhất định, vì chúng thuộc các lĩnh vực khoa học công nghệ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

+ HS thực hiện nhiệm vụ.

+ GV quan sát, hỗ trợ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

+ HS trình bày, chia sẻ hiểu biết.

+ GV nghe, quan sát học sinh, trình bày tổng kết.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Những từ in đậm ở trên đều được coi là thuật ngữ. Đây là một lớp từ đặc biệt của một ngôn ngữ. Tuy nhiên nó không tách rời với vốn từ chung của một ngôn ngữ. Ngày nay do trình độ văn hoá của người dân ngày càng cao, khoa học công nghệ ngày càng phát triển. Nhiều thuật ngữ nhanh chóng trở thành từ ngữ thông thường được dùng phổ biến hàng ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng. Vậy thuật ngữ là gì, chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học hôm nay.

Hoạt động 2: Khám phá kiến thức

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết được đặc điểm và chức năng của thuật ngữ.

b. Nội dung: HS dựa vào thẻ SGK suy nghĩ để nhận biết, trả lời vào phiếu HT.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

(Nhận biết đặc điểm và chức năng của thuật ngữ)

Tìm hiểu	Trả lời
<i>Thế nào là thuật ngữ?</i>	...
<i>Cách xác định nghĩa của thuật ngữ:</i>	...
<i>Cách dùng từ ngữ như là một thuật ngữ:</i>	...
<i>Cách dùng thuật ngữ như là từ ngữ thông thường:</i>	...
<i>Căn cứ để xác định từ ngữ là thuật ngữ:</i>	...

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc thầm lại mục <i>Tri thức Ngữ văn</i> tr.55 và thẻ trong SGK tr.64 cho HS phát biểu nhận thức của mình về từng khía cạnh bằng việc hoàn thành Phiếu học tập số 1 để trả lời câu hỏi, sau đó rút ra các đặc điểm và chức năng.	1. Nhận biết đặc điểm và chức năng của thuật ngữ a. Thế nào là thuật ngữ? - Thuật ngữ là từ ngữ dùng để chỉ các khái niệm của một số lĩnh vực chuyên môn hoặc ngành khoa học.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh tiếp nhận và thực hiện. - HS suy nghĩ. Viết câu trả lời ra giấy. Sau đó cùng trao đổi với bạn trong cặp đôi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. Bước 4: Kết luận, nhận định - HS nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, đánh giá, chốt thêm: + Về cấu tạo, thuật ngữ có thể là một từ hoặc một cụm từ. + Về chức năng và phạm vi sử dụng, thuật ngữ được sử dụng trong các ngành khoa học hoặc các lĩnh vực chuyên môn. + Về mối quan hệ giữa thuật ngữ và từ ngữ thông thường: có những đơn vị khi thì được dùng với tư cách là thuật ngữ, khi thì được dùng như từ ngữ thông thường. + Muốn phân biệt chính xác, cần dựa vào câu và loại VB. * Duy nhận biết đặc điểm chức năng thuật ngữ, ghi nội dung bài học vào vở.	- Nghĩa của thuật ngữ là nghĩa quy ước trong phạm vi hẹp của lĩnh vực chuyên môn hoặc khoa học chuyên ngành. b. Cách xác định nghĩa của thuật ngữ: - Tìm đến <i>Bảng tra cứu thuật ngữ</i> đặt ở phía sau cuốn sách. - Đọc các từ điển chuyên ngành. - Dựa vào ngữ cảnh hay ghép nối nghĩa của từng yếu tố cấu tạo nên từ đó. c. Cách dùng từ ngữ như là một thuật ngữ: - Muối là hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc acid. (Muối là thuật ngữ, chỉ một hợp chất hoá học) d. Cách dùng thuật ngữ như là từ ngữ thông thường: - <i>Canh còn hơi nhạt, con thêm tí muối nữa đi.</i> (Muối là từ thông dụng, chỉ một loại gia vị trong thực phẩm). e. Căn cứ để xác định từ ngữ là thuật ngữ: - Dựa vào ngữ cảnh mà từ xuất hiện.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** củng cố cho HS nhận biết đặc điểm, chức năng của thuật ngữ.
- b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, theo cặp bàn, hoàn thành bài tập vào phiếu, vở.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS suy nghĩ và xác định thuật ngữ theo khả năng nhận biết của mình và nêu căn cứ xác định. Bài tập 1/tr.64. Chỉ ra thuật ngữ trong những câu sau và cho biết dựa vào đâu em xác định như vậy.	2. Luyện tập Bài tập 1/tr.64: - Câu a: <i>ngụ ngôn</i>; - Câu b: <i>triết học</i>; - Câu c: <i>văn hoá</i>; - Câu d: <i>in-tơ-nét</i>. * Căn cứ: các đơn vị trên đều thuộc về một lĩnh vực, một ngành cụ thể:

a. Sam, ông chợt nhớ lại câu chuyện ngụ ngôn này khi nghĩ tới những tấm bản đồ dẫn đường cho chúng ta. b. Từ hôm đó, được thúc đẩy bởi một sứ mệnh có tính chất mạo hiểm, ông đi sâu nghiên cứu triết học, và trở thành nhà tư tưởng hàng đầu của thời trung đại. c. Con chữ trên trang sách hàm chứa văn hóa của một dân tộc, mang hồn thiêng của đất nước. d. Thời nay, với sự xuất hiện của in-tơ-nét và sách điện tử, cách đọc cũng đa dạng: đọc không chỉ là nhìn vào trang giấy và chữ in mà còn nhìn vào màn hình chiếu sáng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày, nhận xét. - HS nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá; - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý. * Duy làm bài tập 1 vài vở.	+ ngụ ngôn dùng để chỉ một thể loại văn học; + triết học: chỉ một ngành khoa học; + văn hoá: chỉ những giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra; + in-tơ-nét: chỉ một lĩnh vực của công nghệ thông tin. => Đó là cơ sở đáng tin cậy để ta xác định các đơn vị đó là thuật ngữ.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS cách tra cứu từ điển để tìm nghĩa của các mục từ. Đơn giản nhất, HS có thể tìm nghĩa của các thuật ngữ trên trong cuốn <i>Từ điển tiếng Việt</i> (Hoàng Phê (Chủ biên), bản in năm 2003 của NXB Đà Nẵng và Trung tâm Từ điển học). Bài tập 2/tr.64: Hãy tra từ điển hoặc các loại tài liệu thích hợp để tìm hiểu nghĩa của các thuật ngữ đã tìm được ở bài tập 1. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, thực hiện yêu cầu.	Bài tập 2/tr.64: - <i>Ngụ ngôn</i>: thể loại văn học, dùng văn xuôi hoặc văn vần, thường mượn chuyện loài vật để nói về việc đời nhằm dẫn đến những kết luận về đạo lí, kinh nghiệm sống. - <i>Triết học</i>: khoa học nghiên cứu về những quy luật chung nhất của thế giới và sự nhận thức thế giới. - <i>Văn hoá</i>: tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra trong quá trình lịch sử. - <i>In-tơ-nét</i>: hệ thống các mạng máy tính được nối với nhau trên phạm vi toàn thế giới, tạo điều kiện cho các dịch

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá. - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý.	vụ truyền thông dữ liệu, như tìm đọc thông tin từ xa, truyền các tệp tin, thư tín điện tử và các nhóm thông tin.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thực hiện: Bài tập 3/tr.42: Với bài tập này, GV cho HS thảo luận nhóm và đưa ra phương án của mình. Không chỉ xác định được thuật ngữ, đại diện nhóm HS còn cần nêu được căn cứ xác định đáng tin cậy. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định - HS nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý.	Bài tập 3/tr.64: a. Những từ in đậm trong các câu sau là thuật ngữ: - <i>Trong một bài hát hay bản nhạc, phần được lặp lại nhiều lần khi trình diễn gọi là điệp khúc.</i> - <i>Trong thời đại ngày nay, con người đã biết tận dụng các nguồn năng lượng.</i> - <i>Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một phần hay toàn bộ bề mặt Trái Đất lên mặt phẳng trên cơ sở toán học, trên đó các đối tượng địa lí được thể hiện bằng các kí hiệu bản đồ.</i> Sở dĩ ta xác định được như vậy là dựa vào các câu có sử dụng những từ đó. Đó là những câu có tính chất định nghĩa, thuộc về một lĩnh vực nhất định. Trong câu, các từ <i>điệp khúc, năng lượng, bản đồ</i> chỉ có một nghĩa, thuộc về chuyên môn. b. Những từ in đậm trong các câu sau là từ ngữ thông thường: - <i>Câu nói ấy lặp đi lặp lại như một điệp khúc.</i> - <i>Đọc sách là một cách nạp năng lượng cho sự sống tinh thần.</i> - <i>Cháu biết không tám bản đồ của ông lúc ấy thật sự bẽ tắc.</i> Trong các câu trên, các từ <i>điệp khúc, năng lượng, bản đồ</i> đều được dùng theo nghĩa chuyên. Ví dụ: "<i>Cháu biết không, tám bản đồ của ông lúc ấy thật sự bẽ tắc.</i>" thì <i>bản đồ</i> được hiểu là sự tìm kiếm hướng đi của cuộc đời.

Các từ <i>điệp khúc, năng lượng</i> ở hai câu còn lại cũng có tính chất như vậy.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng và tích hợp kiến thức văn bản và tiếng Việt để viết đoạn.

b. Nội dung: HS thực hiện ở nhà bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời thể hiện hiểu biết của HS.

d. Tổ chức hoạt động: HS thực hiện ở nhà và báo cáo trên lớp ở giờ học sau.

Câu 1. Tìm và giải thích 5 thuật ngữ được dùng trong các bộ môn: Toán, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên; Lịch sử và địa lí.

Câu 2. Tìm đọc và ghi lại nghĩa của một số thuật ngữ giúp em hiểu rõ hơn về các hiện tượng tự nhiên (ví dụ: mây, mưa, sấm sét...)

*GỢI Ý:

- **Mưa** là một hiện tượng tự nhiên, xảy ra do sự ngưng tụ của hơi nước trên bầu trời, dưới dạng những đám mây, khi gặp điều kiện lạnh, tạo thành giọt nước, nặng hơn không khí, và rơi xuống mặt đất, tạo thành cơn mưa.

- **Sét** hay **tia sét** là hiện tượng phóng điện trong khí quyển giữa các đám mây và đất hay giữa các đám mây mang các điện tích khác dấu đôi khi còn xuất hiện trong các trận phun trào núi lửa hay bão bụi (cát).

- **Bão** là một xoáy thuận nhiệt đới được cấu trúc bởi khối khí nóng ẩm với dòng thăng rất mạnh xung quanh mắt bão, tạo hệ thống mây, mưa xoáy vào vùng trung tâm bão.

- **Sóng thần** là một loạt các đợt sóng tạo nên khi một thể tích lớn của nước đại dương bị chuyển dịch chớp nhoáng trên một quy mô lớn.

- **Động đất** hay **địa chấn** là sự rung chuyển trên bề mặt Trái Đất do kết quả của sự giải phóng năng lượng bất ngờ ở lớp vỏ Trái Đất và phát sinh ra Sóng địa chấn .

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;

- Đọc trước văn bản “*Nói với con*”.

TIẾT: 106

VĂN BẢN 3. NÓI VỚI CON

Y Phương



I. Mục tiêu

Giúp HS:

- Cảm thụ nội dung trữ tình, nghệ thuật biểu đạt;
- Biết đối sánh để thấy các yếu tố của VB, phương thức thể hiện, cấu trúc, ngôn ngữ có sự khác biệt như thế nào so với các VB nghị luận đã đọc. Nhờ sự đối sánh đó, HS nhận thức được rõ hơn về đặc điểm của VB nghị luận.
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập.
- Biết yêu mến, tự hào, trân trọng tình cảm gia đình, quê hương.

*** Duy đọc văn bản nhận biết nội dung, ghi bài vào vở.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.
- Tranh ảnh về một số hang động ở Việt Nam.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối, tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung: HS xem video, nghe câu hỏi và chia sẻ trải nghiệm cá nhân có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

* GV trình chiếu video bài hát *Chín bậc tình yêu* của nhạc sĩ An Thuyên, do ca sĩ Sèn Hoàng Mỹ Lam thể hiện:

<https://www.youtube.com/watch?v=qfDYwuD4-xE>

*GV nêu câu hỏi:

- 1) *Chia sẻ cảm xúc của em về nội dung của bài hát? (Em đã bao giờ lên miền núi chưa?) Nêu ấn tượng của em về thiên nhiên, cuộc sống, con người ở đó.*
- 2) *Em đã được nghe những lời căn dặn như thế nào của những người thân yêu trong gia đình? Trong những lời căn dặn đó, những người thân hi vọng gì ở em? Có bao giờ quê hương trở thành một chủ đề trong câu chuyện của gia đình em? Em hãy nhớ lại những bài thơ viết về tình cảm cha con, mẹ con đã được học hoặc đọc thêm.*

*HS xem video, quan sát và suy nghĩ, bày tỏ cảm xúc cá nhân về nội dung của video.

-> GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối vào bài mới:

Các em ạ, tình yêu thương con cái, mong ước thế hệ sau tiếp nối xứng đáng, phát huy truyền thống của tổ tiên, quê hương vốn là tình cảm cao đẹp của con người Việt Nam ta suốt bao đời nay. Bài thơ "Nói với con" của nhà thơ Y Phương cũng nằm trong cảm hứng rộng lớn và phổ biến ấy. Nhưng Y Phương lại có một cách nói hết sức xúc động của riêng mình. Mượn hình thức tâm tình, dặn dò của người cha đối với con, nhà thơ đã đem đến cho bài thơ một giọng điệu thiết tha, trù mến, ấm áp

và tin cậy.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung văn bản

a. **Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về VB.

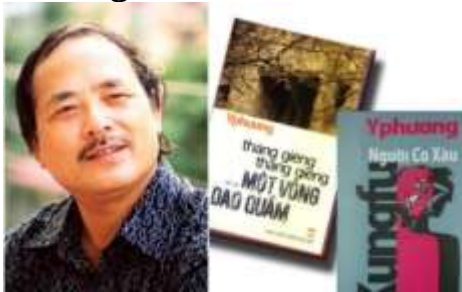
b. **Nội dung:** Vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu chung về VB.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét chung về văn bản.

d. **Tổ chức thực hiện:**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 (Tìm hiểu chung văn bản)

Tìm hiểu chung VB:	Trả lời
1. Xuất xứ:	...
2. Thể thơ:	...
3. Bố cục:	...
4. Chủ thể trữ tình và đối tượng trữ tình	...

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Tìm hiểu chung văn bản	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: 1. GV yêu cầu HS trình bày ngắn gọn những hiểu biết về tác giả. 2. GV hướng dẫn HS đọc văn bản và tìm hiểu chú thích: - GV gọi khoảng 2 HS đọc bài thơ. Chú ý cách đọc diễn cảm, thể hiện được giọng điệu và sắc thái trữ tình của bài thơ. GV đọc mẫu vài đoạn để minh họa cho yêu cầu đọc bài thơ tự do. Lưu ý HS một vài từ ngữ được nhà thơ sử dụng sáng tạo, chẳng hạn: <i>ken</i> , <i>người đồng mình</i> , <i>thung</i> ,... 3. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm để hoàn thành Phiếu học tập số 01 . Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát và nhận xét; - Các nhóm hoàn thành phiếu HT.	1. Tác giả:  - Y Phương (1948 – 2022) là nhà thơ dân tộc Tày, quê ở Cao Bằng. - Thơ ông thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ, trong sáng, phóng khoáng, mang đậm màu sắc văn hoá vùng đất quê ông. - Tác phẩm tiêu biểu: <i>Nói với con</i> (1980); <i>Người núi Hoa</i> (1982); <i>Tiếng hát tháng Giêng</i> (1986), <i>Đàn then</i> (1996), <i>Vũ khúc Tày</i> (2015),...

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức: *Thơ là tiếng nói bộc lộ tình cảm, đồng thời là một hình thức giao tiếp nghệ thuật. "Nói với con", đương nhiên chủ thể của lời nói là "cha", và đối tượng tâm tình trước hết là "con". Nhưng là một tác phẩm nghệ thuật, bài thơ còn là lời trò chuyện với người đọc rộng rãi - những người có thể đồng cảm sâu sắc với chủ thể trữ tình về những vấn đề được nói tới.*

- GV chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản:

*** Duy đọc văn bản nhận biết thể thơ. Ghi nội dung bài học vào vở.**

**2. Tác phẩm:****2.1. Đọc và tìm hiểu chú thích**

- Từ khó: *ken, người đồng mình, thung,...*

2.2. Xuất xứ: Viết năm 1980, in trong tập *Thơ Việt Nam 1945 – 1985*, NXB Giáo dục, 1987)

2.3. Thể thơ: Tự do.

2.4. Bố cục: 2 phần

+ P1: Đoạn 1: *Cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người.*

+ P2: Đoạn 2: *Vẻ đẹp phẩm chất của "người đồng mình" và lời dặn dò của người cha với con.*

2.5. Chủ thể trữ tình và đối tượng trữ tình:

- Chủ thể trữ tình: Người cha-> thế hệ đi trước.

- Đối tượng trữ tình: người con-> thế hệ đi sau, những người có thể đồng cảm sâu sắc với chủ thể trữ tình.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu chi tiết văn bản

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết và phân tích được nội dung cơ bản được thể hiện trong VB.

b. Nội dung: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc nhóm và cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

(Tìm hiểu mối quan hệ giữa "con" với gia đình, quê hương, xứ sở)

	Câu thơ	Yếu tố nghệ thuật và giá trị biểu đạt	Ý nghĩa đối với sự trưởng thành của "con"
Mối quan hệ giữa "con" với gia đình:	...	...	

Mối quan hệ giữa "con" với quê hương, xứ sở:	...	...	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3
(Tìm hiểu Về đẹp tâm hồn và sức sống mãnh liệt,
bền bỉ của "người đồng mình")

Nhóm	Câu thơ thể hiện	Về đẹp	Yếu tố nghệ thuật và giá trị biểu đạt	Điều người cha muốn nhắn gửi cho con
1.	<i>Người đồng mình yêu lắm con ơi/ Đan lờ cài nan hoa/ Vách nhà ken câu hát.</i>	...	...	...
2.	<i>Người đồng mình thương lắm con ơi/ Cao đo nỗi buồn/ Xa nuôi chí lớn.</i>	...	...	...
3.	<i>Người đồng mình thô sơ da thịt/ Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con.</i>	...	...	...
4.	<i>Sống trên đá không chê đá gập ghềnh/ Sống trong thung không chê thung nghèo đói/ Sống như sông như suối/ Lên thác xuống ghềnh/ Không lo cực nhọc; Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương.</i>	...	...	...

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Tìm hiểu chi tiết văn bản	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm cặp đôi để hoàn thành Phiếu học tập số 2 , gợi ý trả lời câu hỏi: <i>1. Người cha đã nhìn nhận như thế nào về mối quan hệ giữa "con" với gia đình, quê hương, xứ sở? Chỉ rõ những câu thơ biểu hiện điều ấy.</i>	1. Mối quan hệ giữa "con" với gia đình, quê hương, xứ sở *Mối quan hệ giữa “con” với gia đình: hết sức tự nhiên và sâu sắc. - Con được cha mẹ sinh ra, nuôi dưỡng, bao bọc. Bước đi chập chững, tiếng nói đầu đời của con đem đến cho cha mẹ niềm vui, hạnh phúc (<i>Một bước chạm</i>

2. Những yếu tố nghệ thuật nào đã được sử dụng thành công và giá trị biểu đạt của chúng? (giọng điệu, hình ảnh thơ, ngôn ngữ, cách nói, phép tu từ...) 3. Những mối quan hệ ấy có ý nghĩa gì đối với sự trưởng thành của "con"? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm đôi, nghe câu hỏi, theo dõi văn bản và thực hiện các yêu cầu vào phiếu. - HS quan sát những chi tiết trong các câu thơ. - GV hướng dẫn HS chú ý từng đoạn. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện HS trả lời. - HS khác nhận xét bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, điều chỉnh sai sót, chuẩn kiến thức và chuyển mục 2. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	tiếng nói/ Hai bước tới tiếng cười). - Trên từng bước trưởng thành của con, đều có sự bảo ban và ánh mắt dõi theo đầy hi vọng của cha mẹ (<i>Lên đường/ Không bao giờ nhỏ bé được/ Nghe con</i>). *Mối quan hệ giữa “con” với quê hương: - Quê hương không chỉ là nơi con được sinh ra, lớn lên, mà còn là nơi hun đúc, nuôi dưỡng nghị lực sống và tâm hồn con (<i>Đan lờ cài nan hoa/ Vách nhà ken câu hát/ Rừng cho hoa/ Con đường cho những tấm lòng; Còn quê hương thì làm phong tục</i>). * Yếu tố nghệ thuật và giá trị biểu đạt: - Giọng điệu tâm tình thủ thỉ, lời thơ ngân vang như thúc giục mạnh mẽ, trĩu nặng ân tình. - Liệt kê những hình ảnh cụ thể, kết hợp với phép điệp tạo nên sự nhịp nhàng, quán quýt, vấn vương. - Các hình ảnh nhân hoá, ẩn dụ hàm súc, giàu hình ảnh. - Cách nói mộc mạc, giản dị, dễ gần. * Ý nghĩa đối với sự trưởng thành của "con": - Quê hương: nơi có những con người xứng đáng là mẫu hình về mọi mặt, làm điểm tựa cho con noi theo để trưởng thành.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS làm việc theo 4 nhóm để hoàn thành Phiếu học tập số 3, gợi ý trả lời câu hỏi: 1. <i>Vẻ đẹp tâm hồn và sức sống mãnh liệt, bền bỉ của "người đồng mình" được thể hiện như thế nào trong mỗi câu thơ? Nêu cách hiểu của em (Ở mỗi câu thơ toát nên vẻ đẹp cụ thể nào của "người đồng mình").</i>	2. Vẻ đẹp tâm hồn và sức sống mãnh liệt, bền bỉ của "người đồng mình" * Vẻ đẹp: - "Người đồng mình yêu lắm con ơi/ Đan lờ cài nan hoa/ Vách nhà ken câu hát".=> <i>Những con người đáng yêu vì nét tài hoa, lãng mạn và đời sống tâm hồn phong phú</i> - "Người đồng mình thương lắm con ơi/ Cao đo nỗi buồn/ Xa nuôi chí lớn".=>

2. Những yếu tố nghệ thuật nào đã giúp nhà thơ truyền tải tình cảm, cảm xúc (Cấu trúc các kiểu câu có gì giống nhau; cách nói, ngôn ngữ, hình ảnh,...). 3. Nói về "người đồng mình", người cha muốn nhắn gửi con điều gì? Vì sao trong lời tâm tình với con, người cha lại nói nhiều đến vẻ đẹp của "người đồng mình"? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu từng nhóm HS, cử đại diện trình bày. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các nhóm. - GV chốt kiến thức và chuyển mục. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	Những con người có ý chí, nghị lực sống mãnh liệt. - "Người đồng mình thô sơ da thịt/ Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con".=> Những con người chân chất, giản dị, nhưng có cốt cách cao quý. - "Sống trên đá không chê đá gập ghềnh/ Sống trong thung không chê thung nghèo đói/ Sống như sông như suối/ Lên thác xuống ghềnh/ Không lo cực nhọc; Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương".=> Những con người chịu thương chịu khó, sống gắn bó và hết lòng xây đắp quê hương. * Yếu tố nghệ thuật và giá trị biểu đạt - Dùng các kiểu câu có cấu trúc câu giống nhau để tạo nên lối nói riêng, nhấn mạnh cảm xúc của chủ thể trữ tình và đặc điểm của đối tượng được tái hiện. - Cách nói cụ thể, giàu hình ảnh thể hiện sinh động những cảm xúc, suy nghĩ mang tính trực quan, gần gũi. - Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị thể hiện tình cảm chất phác mộc mạc, hồn hậu, chân thực của người miền núi. * Điều người cha muốn nhắn gửi con: - Biết thấu hiểu những vẻ đẹp tâm hồn và sức sống mãnh liệt, bền bỉ của “người đồng mình”; - Khi bước vào đời con phải thấu hiểu, yêu thương và tự hào về “người đồng mình”, sống có cốt cách cao đẹp, xứng đáng là người con của quê hương, xứ sở.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu câu hỏi cho HS thảo luận những nội dung trữ tình thể hiện trong bài thơ: <i>Qua những lời tâm tình, căn dặn, người cha muốn nói với con về những điều gì?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	3. Thông điệp trữ tình của người cha - Qua lời căn dặn, tâm tình, cha muốn con khắc ghi: + Luôn nhớ về tình cảm của cha mẹ, của gia đình mình. + Luôn yêu mến, tự hào về quê hương, xứ sở.

- Các nhóm HS đọc kĩ lại VB và tìm hiểu nội dung trữ tình trong tác phẩm. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu đại diện nhóm HS báo cáo, trình bày. - Nhóm HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, và chốt kiến thức, chuyển mục tổng kết. <i>* Duy ghi nội dung bài học vào vở.</i>	+ Luôn ý thức được những phẩm chất cao quý của “người đồng mình” (những con người của quê hương). + Sống có cốt cách để xứng đáng là người con của quê hương.

Hoạt động 2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS đánh giá tổng kết, rút ra được những điểm đặc sắc về nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa VB.

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân, HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
III. Tổng kết	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV sử dụng kĩ thuật viết đề yêu cầu HS hoạt động cá nhân: <i>Nêu nét đặc sắc về nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 03 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày các nội dung tổng kết. - HS khác bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học.	1. Nghệ thuật - Bố cục chặt chẽ, dẫn dắt tự nhiên. - Giọng điệu thủ thỉ, tâm tình tha thiết, trù mền. - Xây dựng các hình ảnh thơ vừa cụ thể vừa mang tính khái quát, chân thực mộc mạc, giàu chất thơ. - Các phép tu từ: Điệp ngữ, so sánh, nhân hoá, liệt kê, ẩn dụ. 2. Nội dung – Ý nghĩa Bài thơ là lời tâm tình của người cha với con về tình cảm gắn bó, yêu thương của mỗi người với gia đình quê hương, với vẻ đẹp sức sống của "người đồng mình". Từ đó, người cha mong con luôn biết tự hào và kế tục xứng đáng truyền thống của quê hương, vững tin khi bước vào đời.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức của bài học qua việc vẽ sơ đồ tư duy.

b. Nội dung: HS hoạt động cặp đôi làm bài tập GV giao.

c. Sản phẩm: Đáp án sơ đồ thể hiện đúng, đủ nội dung VB.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

*GV giao bài tập cho HS:

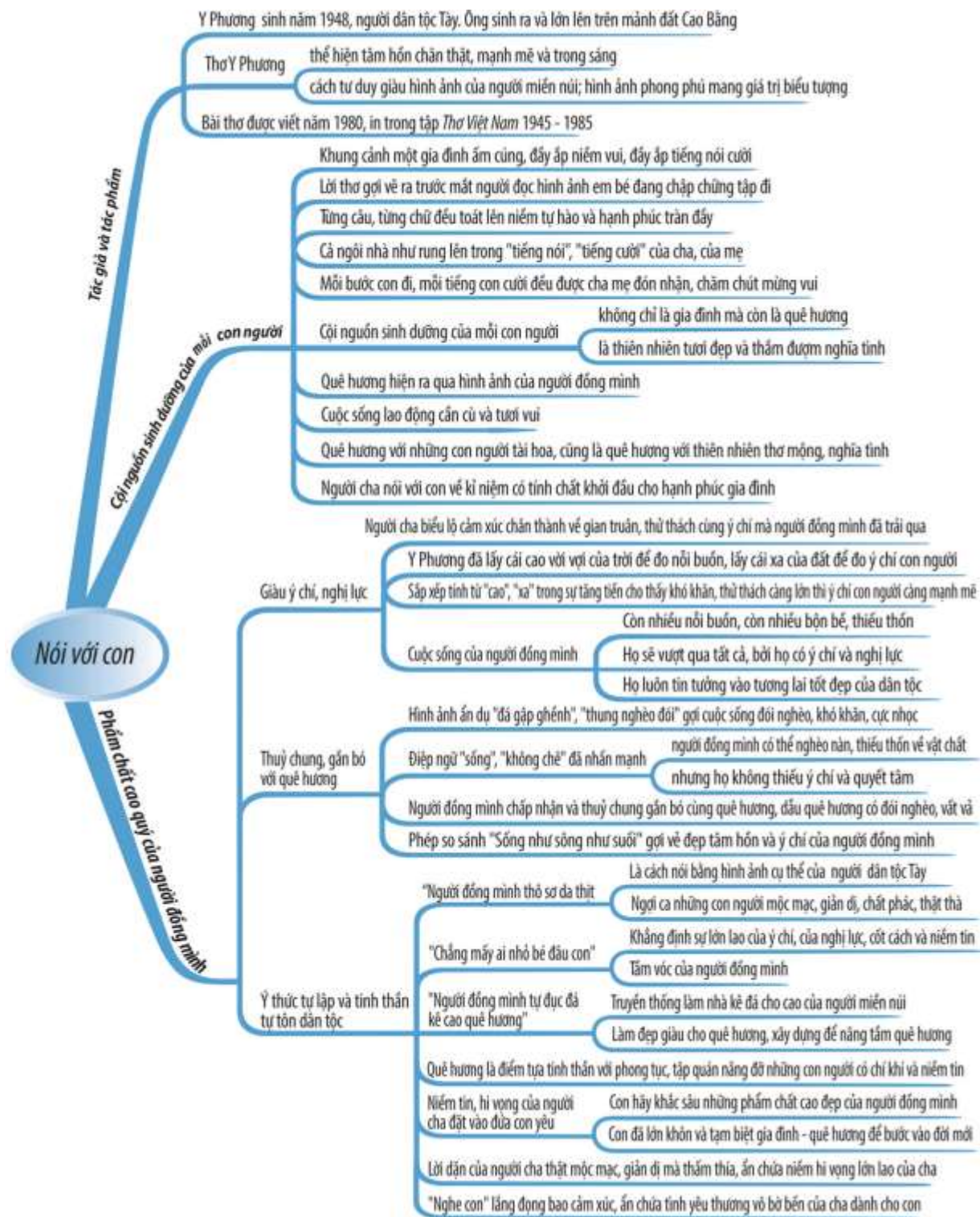
Vẽ sơ đồ thể hiện nội dung VB.

- GV hướng dẫn và hỗ trợ HS.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tìm những ý chính và thể hiện thành sơ đồ ra giấy A0.

***Gợi ý đáp án:**



Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu đại diện HS trình bày sản phẩm của mình.
- Nhóm HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV đánh giá HS, tuyên dương bài làm của các nhóm HS.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào viết đoạn và giải quyết tình huống.

b. Nội dung: HS viết đoạn; nêu suy nghĩ, chia sẻ.

c. Sản phẩm: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS thực hiện bài tập vận dụng (có thể về nhà làm):

Bài tập 1. Đặt mình là nhân vật người con trong bài thơ, hãy viết một bức thư ngắn (từ 5 – 7 câu) để gửi cho người cha thân yêu.

Bài tập 2. Suy tâm một số câu ca dao, câu thơ là lời dặn dò của người cha, người mẹ đối với con cái.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS viết bài ra giấy (có thể thực hiện ở nhà).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày.
- HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần), tuyên dương những bài viết tốt.

BÀI VIẾT THAM KHẢO

Cha kính yêu!

Cảm ơn cha vì tất cả. Nhận được lời tâm tình cha trao gửi con càng thấm thía và hiểu ra rằng cha thương yêu con nhường nào. Tình yêu thương mà cha và cả gia đình dành cho con tựa như lá của cây trong rừng, trong lành như con suối trong thung. Con lớn lên, khôn lớn trưởng thành như thế này là nhờ bàn tay nuôi nấng chăm sóc, quan tâm của cha mẹ, của núi rừng quê hương mà thành. Cha dạy dỗ con những điều mà con người ta nên làm. Con sẽ sống như lời cha dặn, sẽ cố gắng cống hiến sức mình cho quê hương, cho đất nước mình ngày càng tươi đẹp. Cha là người luôn bên cạnh, vỗ về con trên suốt chặng đường mà con bước. Ngày thơ bé cha và mẹ bên con, nhìn con những bước đi chập chững vào đời, rồi dần con trưởng thành, cha bên cạnh dặn dò chỉ bảo con thành người. Con luôn hiểu được rằng quê hương mình thật ân nghĩa, ân tình: "rừng cho hoa", "con đường cho những tấm lòng". Cho dù đường đời có chông gai thế nào, con phải "lên thác xuống ghềnh" ra sao thì con vẫn sẽ luôn cố gắng làm mọi điều có thể, con sẽ không giục ngã trước thất bại. Cha, con nhất định sẽ làm được, con sẽ cố gắng hết mình để xây dựng, vun đắp cho quê hương mình ngày một giàu đẹp.

Con yêu cha!

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung bài học.

- Ôn tập tốt bài 6, bài 7, bài 8 chuẩn bị cho kiểm tra giữa kì 2.
- HS chuẩn bị cho tiết sau học bài: **Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối).**

HẾT.

TUẦN 27

TIẾT: 107-108

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

=====

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II

Môn: Ngữ văn 7

Thời gian: 90 phút

I. MỤC TIÊU

Kiểm tra mức độ phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh với các yêu cầu cần đạt từ tuần 19 đến tuần 25 sách kết nối tri thức về kiến thức đọc hiểu, thực hành tiếng việt và kĩ năng tạo lập văn bản viết bài tập làm văn hoàn chỉnh

1. Năng lực:

- Nhận biết
- Thông hiểu
- Vận dụng và vận dụng cao về các nội dung : Văn học, Tiếng Việt, Tập làm văn đã học. HS biết đọc hiểu một văn bản cùng thể loại và chủ đề ; biết trình bày nội dung, ý nghĩa, lí giải, liên hệ một số chi tiết; biết tạo lập văn bản theo yêu cầu; câu văn ít sai chính tả.

2. Phẩm chất:

Trung thực, chăm chỉ, nghiêm túc khi làm bài, bày tỏ được tình cảm của mình trong khi làm bài.

II. CHUẨN BỊ:

- **GV:** Tài liệu tham khảo, đề bài, đáp án,...
- **HS:** Soạn bài ở nhà và chuẩn bị tốt cho tiết kiểm tra.
- **Hình thức kiểm tra:**

Trắc nghiệm kết hợp Tự luận.

III. TIẾN TRÌNH KIỂM TRA

1. **Ôn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, nhắc nhở

2. **Phát đề**

3. **Thu bài**

IV. MA TRẬN ĐỀ

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II MÔN NGỮ VĂN - LỚP 7

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	

1	Đọc hiểu	Văn bản truyện ngụ ngôn.									
	Số câu		4	0	3	1	0	1	0	1	10
	Tỉ lệ % điểm		20		15	10		10		5	60
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).									
	Số câu		0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	1
	Tỉ lệ % điểm			10		15		10	0	5	40
Tỉ lệ % điểm các mức độ			70				30				100

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
1.	Đọc hiểu	Văn bản truyện ngụ ngôn.	Nhận biết: - Nhận biết được ngôi kể trong truyện. - Nhận biết được tình huống nhân vật trong đoạn trích. - Xác định được thành phần trạng ngữ trong câu. - Nhận biết được vai trò của dấu 3 chấm trong đoạn trích. Thông hiểu: - Hiểu được tính cách của nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động. - Hiểu được ý nghĩa hành động của nhân vật. - Hiểu được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. - Hiểu vì sao nhân vật vượt qua được khó khăn, thử thách. Vận dụng: - Học sinh bày tỏ được quan điểm của mình thông qua câu chuyện. - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.

2	Làm văn	Viết bài văn nghị luận về vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).	Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, vấn đề nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày ý kiến tán thành. Thông hiểu: Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản...) của kiểu bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày ý kiến tán thành. Vận dụng: Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống trình bày ý kiến tán thành. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được suy nghĩ của bản thân trước vấn đề cần bàn luận. Vận dụng cao: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.

V. ĐỀ KIỂM TRA

UBND HUYỆN NÚI THÀNH TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN ĐỀ CHÍNH THỨC (Đề có 02 trang)	KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 MÔN: NGỮ VĂN 7 – LỚP 7 Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

CON LỪA VÀ BÁC NÔNG DÂN

Một ngày nọ, con lừa của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống một cái giếng. Lừa kêu la tội nghiệp hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì... Cuối cùng ông quyết định: con lừa đã già, dù sao thì cái giếng cũng cần được lấp lại và không ích lợi gì trong việc cứu con lừa lên cả. Thế là ông nhờ vài người hàng xóm sang giúp mình.

Họ xúc đất và đổ vào giếng. Ngay từ đầu, lừa đã hiểu chuyện gì đang xảy ra và nó kêu la thảm thiết. Nhưng sau đó lừa trở nên im lặng. Sau một vài xẻng đất, ông chủ trang trại nhìn xuống giếng và vô cùng sững sốt. Mỗi khi bị một xẻng đất đổ lên lưng, lừa lắc mình cho đất rơi xuống và bước chân lên trên. Cứ như vậy, đất đổ xuống, lừa lại bước

lên cao hơn. Chỉ một lúc sau mọi người nhìn thấy chú lừa xuất hiện trên miệng giếng và lộc cóc chạy ra ngoài.

(Con lừa và bác nông dân. *TruyenDanGian.Com.*)

Từ câu 1 -7, em hãy chọn phương án đúng rồi ghi chữ cái đứng trước phương án đúng đó vào giấy bài làm.

Câu 1. Câu chuyện: Con lừa và bác nông dân được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất.
- B. Ngôi thứ ba.
- C. Ngôi thứ nhất số nhiều.
- D. Ngôi thứ ba số nhiều.

Câu 2. Trong câu chuyện, con lừa đã ở trong hoàn cảnh nào ?

- A. Đang làm việc quanh cái giếng .
- B. Con lừa xuất hiện trên miệng giếng.
- C. Con lừa bị ông chủ và hàng xóm xúc đất đổ vào người.
- D. Mỗi khi bị một xẻng đất đổ lên lưng, lừa lắc mình và bước chân lên trên.

Câu 3. Cụm từ: “Một ngày nọ” trong câu: “Một ngày nọ, con lừa của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống một cái giếng” giữ vai trò làm thành phần gì của câu?

- A. Chủ ngữ.
- B. Vị ngữ.
- C. Trạng ngữ.
- D. Bổ ngữ.

Câu 4. Dấu ba chấm trong đoạn văn sau có tác dụng gì ?

“Một ngày nọ, con lừa của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống một cái giếng. Lừa kêu la tội nghiệp hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì...”

- A. Thể hiện sự bất ngờ của các nhân vật trong truyện.
- B. Cho biết sự vật, hiện tượng chưa liệt kê hết của người kể chuyện.
- C. Thể hiện lời nói ngập ngừng, bỏ dở, ngắt quãng của người chủ trang trại.
- D. Giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ.

Câu 5. Vì sao bác nông dân quyết định chôn sống chú lừa ?

- A. Vì ông không thích chú lừa đó nữa.
- B. Vì ông thấy phải mất nhiều công sức để kéo chú lừa lên.
- C. Vì ông nghĩ chú lừa đã già, cái giếng cũng cần được lấp lại.
- D. Vì ông không muốn mọi người phải nghe tiếng kêu la của chú lừa.

Câu 6. Theo em, những “xẻng đất” trong văn bản tượng trưng cho điều gì ?

- A. Là sự chôn vùi, áp bức.
- B. Là những nặng nhọc, mệt mỏi.
- C. Là hình ảnh lao động khó khăn, vất vả.
- D. Những thử thách, khó khăn trong cuộc sống.

Câu 7. Em nhận xét như thế nào về hành động chú lừa “lắc mình, bước chân lên trên” miệng giếng?

- A. Bình tĩnh, thông minh.
- B. Nhút nhát, sợ chết.
- C. Yếu đuối, buông xuôi.
- D. Nóng vội, xúc nổi.

Từ câu 8 đến câu 10, em hãy viết câu trả lời của mình vào bài làm.

Câu 8. Nhờ đâu mà chú lừa thoát ra khỏi cái giếng ?

Câu 9. Trong câu chuyện, chú lừa đã biết vượt lên hoàn cảnh của mình, qua đó là một học sinh em sẽ làm gì nếu gặp những khó khăn, thử thách?

Câu 10. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất từ câu chuyện trên?

II. LÀM VĂN (4.0 điểm).

Có ý kiến cho rằng: “Một cuốn sách tốt là một người bạn hiền”, em hãy viết bài văn nghị luận thể hiện sự tán thành của mình về ý kiến trên.

HẾT.

VI. HƯỚNG DẪN CHẤM

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Môn: Ngữ văn lớp 7- (Hướng dẫn chấm này có 02 trang)

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Giáo viên cần chủ động nắm bắt nội dung trình bày của học sinh để đánh giá tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Chú ý vận dụng linh hoạt và hợp lý hướng dẫn chấm.
- Đặc biệt khuyến khích những bài viết có nhiều sáng tạo, độc đáo trong nội dung và hình thức.
- Điểm lẻ toàn bài tính đến 0.25 điểm, sau đó làm tròn theo quy định.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Phần	Câu	Tiêu chí đánh giá	Điểm
I.ĐỌC HIỂU		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	B	0.5
	2	C	0.5
	3	C	0.5
	4	D	0.5
	5	C	0.5
	6	D	0.5
	7	A	0.5
	8	* Chú lừa lại thoát ra khỏi cái giếng được là nhờ: Chú rất thông minh sáng tạo, biến trở ngại, khó khăn thành những thuận lợi cứu sống bản thân.	1.0
	9	Thông qua câu chuyện, chú lừa đã biết vượt lên hoàn cảnh của mình, là một học sinh em sẽ làm gì nếu gặp những khó khăn, thử thách?	

		Học sinh có thể đưa ra ý kiến cá nhân, sau đây là một vài gợi ý: + Kiên trì, nhẫn nại đối mặt với thử thách. + Không nên chỉ gặp trở ngại đã vội vàng bỏ cuộc. + Để theo đuổi được mục đích của bản thân phải luôn nỗ lực, sáng tạo, khắc phục hoàn cảnh...	0.25 0.25 0.5
	10	Bài học mà em tâm đắc nhất từ câu chuyện trên là: (các em có thể trả lời một trong hai ý sau) - Trong cuộc sống, con người cũng phải trải qua những khó khăn, thử thách như chú lừa kia gặp phải. Điều quan trọng là trước khó khăn đó, con người ứng xử và vượt qua khó khăn như thế nào. - Luôn biến những trở ngại, khó khăn của ngày hôm nay thành hành trang quý giá cho ngày mai tươi sáng hơn.	0.5
II. LÀM VĂN		LÀM VĂN	4.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i>	0.5
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Có ý kiến cho rằng: Một cuốn sách tốt là một người bạn hiền, em hãy viết bài văn nghị luận thể hiện sự tán thành của mình về ý kiến trên.	0.25
		<i>c. Viết bài văn nghị luận thể hiện sự tán thành của mình về ý kiến:</i> “ Một cuốn sách tốt là một người bạn hiền”. * Mở bài: Nêu lí do thể hiện sự tán thành của mình về ý kiến trên: Sách có vai trò quan trọng đối với con người. * Thân bài: - Giải thích được: + Sách tốt là loại sách mở ra cho ta chân trời mới, giúp ta mở mang kiến thức về nhiều mặt. Là một quyển sách hữu ích, đem lại nhiều giá trị nhân văn, văn hoá đồng thời hướng con người đến những điều tốt đẹp... + Bạn hiền là những người bạn có thể giúp ta chia sẻ những nỗi niềm trong cuộc sống, giúp ta vươn lên trong học tập... - Vì sao phải bày tỏ thái độ tán thành? Vì sách tốt giúp ta nâng cao hiểu biết và hoàn thiện nhân cách, nuôi dưỡng tâm hồn...	2.5

		- Đưa ra lí lẽ và bằng chứng để chứng tỏ sự tán thành; + Ý1: Sách tốt cung cấp cho ta những tri thức, kinh nghiệm quý báu về mọi lĩnh vực trong cuộc sống để ta giải quyết những nhiệm vụ của cuộc sống... + Ý2: Sách tốt là người bạn hiền kẻ cho ta nghe bao điều yêu thương, bao kiếp người đói khổ mà vẫn giữ trọn vẹn nghĩa tình... + Ý 3: Sách cho ta hiểu và cảm thông với bao kiếp người, giúp ta vươn tới chân trời mơ ước. Sách giúp ta chia sẻ, an ủi những lúc buồn chán... - Bàn luận mở rộng; + Trong xã hội có sách tốt và sách xấu, bạn tốt và bạn xấu do đó cần chọn bạn mà chơi cũng như chọn sách mà đọc. + Phê phán những người lười đọc sách... - Bài học nhận thức: Sách có nhiều tác dụng đối với chúng ta, mỗi người cần phải chăm chú đọc sách để bồi dưỡng cho tâm hồn thêm phong phú và giúp cung cấp những kiến thức bổ ích... * Kết bài: Cảm nghĩ và khẳng định vai trò của sách, tính đúng đắn của câu nói trên.	
		<i>* Lưu ý: HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn đảm bảo các nội dung trên. Giáo viên cần linh hoạt khi tiếp nhận sản phẩm của học sinh.</i>	
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp.</i> - Vốn từ ngữ phong phú, kiểu câu đa dạng, đảm bảo sự logic giữa các câu, các đoạn trong bài văn. Mặc vài lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, ít gạch xóa	0.25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Có sự sáng tạo trong cách dùng từ, diễn đạt; bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, giàu cảm xúc. - Sự sáng tạo trong cách thể hiện và diễn đạt suy nghĩ, lí lẽ, dẫn chứng đa dạng thuyết phục...	0.5

*** Lưu ý em Phan Thanh Duy chỉ làm đúng 4 câu trắc nghiệm là đã hoàn thành yêu cầu bài kiểm tra giữa học kì II môn Ngữ văn 7.**

TIẾT 109: TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HKII.

I. MỤC TIÊU:

- Hiểu được những mặt ưu và nhược điểm của mình, từ đó biết cách sửa chữa các lỗi.
- Đánh giá theo yêu cầu của bài kiểm tra
- Rèn luyện kỹ năng chữa bài chéo nhau về các lỗi điển đạt, lỗi chính tả.
- Tự đánh giá bài của mình và bài của bạn.
- Hiểu được ưu, nhược điểm trong bài làm của mình, biết cách sửa chữa trong bài làm.
- Củng cố kỹ năng viết bài văn trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống.

II. CHUẨN BỊ

1. **Giáo viên:** SGK, giáo án, bài làm của học sinh

2. **Học sinh:** phiếu nhận xét.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

Mục tiêu : Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh. Định hướng phát triển năng lực giao tiếp

Phương pháp: Quan sát, vấn đáp, thuyết trình

Kỹ thuật: động não

Thời gian: 1phút

Hoạt động của GV&HS	Dự kiến sản phẩm
<i>Điểm số đối với một bài làm là quan trọng vì nó thể hiện kết quả cụ thể, tổng hợp năng lực, kiến thức, kỹ năng của từng em. Song điều quan trọng hơn, đó là nhận thức, tự nhận thức ra các lỗi, ưu, nhược điểm về các mặt trong bài làm của mình và tìm cách sửa chữa nó. Tiết trả bài vì thế rất có ý nghĩa, các em cần chú ý lắng nghe.</i> - Học sinh lắng nghe và ghi bài.	

HOẠT ĐỘNG 2: ĐỊNH HƯỚNG LÀM BÀI.

* **Mục tiêu :**

- HS hiểu cách làm bài, các yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể.
- Định hướng phát triển năng lực phân tích, nhận xét, năng lực thành thạo khi làm bài văn theo đặc trưng thể loại...

* **Phương pháp:** Phân tích, vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm.

* **Kỹ thuật:** Động não, hỏi chuyên gia, giao việc, XYZ

* **Thời gian:** 7 - 10'

Hoạt động GV/ HS	Dự kiến sản phẩm
Giáo viên cho học sinh đọc đề và phân tích đề HS đọc đề và phân tích đề	I. Tìm hiểu đề bài 1. Đề 2. Tìm hiểu đề
Giáo viên ghi đáp án HS thảo luận nhóm ghi bảng phụ. - Quan sát, đọc 1 lượt đáp án	II. Đáp án a. Nội dung: Đúng theo đáp án
GV đọc yêu cầu về hình thức HS đọc 1 lượt yêu cầu	b. Về hình thức trình bày: về bài viết - Bố cục 3 phần MB, TB và KB rõ ràng. - Phân thân bài mỗi sự việc tách ra thành 1 đoạn văn. - Tránh mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi về câu, lỗi diễn đạt. - Không viết tắt, viết bằng số. - Chữ viết, trình bày sạch sẽ, rõ ràng.

HOẠT ĐỘNG 3: NHẬN XÉT BÀI LÀM CỦA HỌC SINH.

***Mục tiêu:** Học sinh hiểu những ưu điểm và hạn chế trong bài của bản thân và của người khác. Rèn kỹ năng tư duy phê phán

* **Thời gian:** 3- 5 phút.

* **Phương pháp:** Nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình.

***Kỹ thuật:** Động não.

- HD của GV& HS. - GV liệt kê 1 số lỗi về nội dung và hình thức.	IV. Nhận xét 1. Ưu điểm: Đảm bảo được những yêu cầu của đề bài. - Đúng phương thức biểu đạt, biểu cảm, nghị luận. - Nội dung : Đảm bảo bài viết nghị luận về một vấn đề trong đời sống. - Bố cục rõ ràng mạch lạc, nhiều đoạn diễn đạt mạch lạc, lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục,... - Bước đầu có một số bài viết đã biết sáng tạo trong cách viết, làm cho lời văn sinh động hấp dẫn. - Chữ viết trình bày đẹp

	* Khen bài của các HS sau: Ngọc, Linh Đan, Nhung, Linh, Trâm, Hà,... 2. Những tồn tại. a. Về nội dung : b. Về hình thức : - Câu sai ngữ pháp, thiếu CN hoặc thiếu cả chủ lẫn vị. - Diễn đạt lủng củng, tối nghĩa, câu quá dài, lời kể đứt quãng, thiếu mạch lạc: - Viết tắt, viết bằng số. (nhiều em) - Nhiều em chưa biết tách ý phần thân bài c. Về tác phong: - Thiếu tập trung trong làm bài, chưa hoàn thành bài viết.

HOẠT ĐỘNG 4: TÌM VÀ CHỮA LỖI.

*** Mục tiêu :**

- HS biết tìm và chữa lỗi trong bài làm của mình
- Định hướng phát triển năng lực phân tích, nhận xét, sửa chữa.

*** Phương pháp:** Phân tích, vấn đáp, thuyết trình

*** Kỹ thuật:** Động não, hợp tác nhóm

*** Thời gian:** 15- 17 phút.

*** Phương pháp:** Nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm.

*** Kỹ thuật:** Động não, trực quan.

Hoạt động của GV&HS	Dự kiến sản phẩm
HD - HS tìm và chữa lỗi. - GV ghi một số lỗi phổ biến của HS, HS nhận diện và chữa lỗi chung - GV sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn yêu cầu học sinh thống kê các lỗi trong bài làm của bản thân và của nhóm. - GV sửa chữa, bổ sung. HS tìm và chữa lỗi. - HS chữa chung + thảo luận nhóm bàn tìm và chữa lỗi. + Các nhóm trình bày và nhận xét chéo. - HS thống kê các lỗi trong bài làm của bản thân và của nhóm bằng kỹ thuật khăn trải bàn theo hướng dẫn của GV. - Học sinh quan sát.	III. Chữa lỗi.

HẾT.

Ngày soạn: 25/3/2024
Ngày dạy: 2, 3, 4, 5, /4/2024

TUẦN 28 - TIẾT 110-113

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG (TRÌNH BÀY Ý KIẾN PHẢN ĐỐI)

I. Mục tiêu

- Trình bày được thực chất của vấn đề đời sống cần bàn luận trong bài viết.
- Thể hiện được ý kiến phản đối về vấn đề một cách thuyết phục với lí lẽ chắc chắn và bằng chứng cụ thể.
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập trước khi tới lớp.
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong tạo lập văn bản.
- Chăm chỉ hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Yêu mến, trân trọng những nhân vật được kể.

*** Duy lắng nghe và ghi nội dung bài học vào vở.**

II. Thiết bị và học liệu

1. **Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá....
2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo,....

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** HS kết nối, xác định được nội dung chính của bài học.
 - b. Nội dung:** GV nêu vấn đề, HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân, sau đó kết nối với nội dung của bài.
 - c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
 - d. Tổ chức thực hiện:**
 - GV có thể tổ chức hoạt động giới thiệu kiểu bài cho HS bằng cách đưa hình ảnh và nêu ra các tình huống cho HS chia sẻ quan điểm:
Hãy quan sát 4 tình huống sau, quan điểm, ý kiến của em như thế nào trước mỗi vấn đề chứa trong tình huống?
- Tình huống 1:** Vệ sinh trường học là trách nhiệm của những người lao công đã được nhà trường trả lương.



Tình huống 2: Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích.



Tình huống 3: Tắt thiết bị điện trong Giờ Trái Đất chỉ là việc làm hình thức, không có tác dụng, vì chẳng tiết kiệm điện được bao nhiêu.



Tình huống 4: Sách giáo khoa bố mẹ đã bỏ tiền mua, trở thành sở hữu của mình, nếu muốn, mình có thể viết, vẽ vào đó.



- HS suy nghĩ cá nhân để phát biểu ý kiến (theo hướng phản đối).
- Từ việc bày tỏ ý kiến trong mỗi tình huống, HS có thể hình dung có hình dung ban đầu về kiểu bài cần viết. GV nhận xét, bổ sung, kết luận, sau đó kết nối vào nội dung bài học: *Như vậy, trong đời sống, trước một vấn đề, thường có những ý kiến khác nhau, trong đó có thể có ý kiến khiến ta không thể đồng tình. Biết tán thành với ý kiến đúng thì cũng cần biết phản đối ý kiến sai. Vậy muốn phản đối một ý kiến sai sao cho có sức thuyết phục ta phải làm gì, bài hôm nay chúng ta sẽ học cách viết*

kiểu bài nghị luận đó.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài; phân tích bài tham khảo và thực hành viết theo các bước.

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi cho HS chia sẻ nhóm đôi tìm hiểu kiểu bài bằng việc điền vào phiếu học tập đã chuẩn bị.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

(Tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài)

Hoàn thiện bảng sau bằng cách ghi câu trả lời vào cột bên phải tương đương với câu hỏi ở cột trái:

Câu hỏi	Trả lời
Vấn đề gì của đời sống được nêu lên để bàn luận?	...
Người viết thể hiện ý kiến như thế nào trước quan niệm, cách hiểu khác về vấn đề?	...
Ý kiến phản đối có sức thuyết phục không?	...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

(Phân tích bài viết tham khảo)

Hoàn thiện bảng sau bằng cách ghi câu trả lời vào cột bên phải tương đương với câu hỏi ở cột trái:

Câu hỏi	Trả lời
1) Bài viết nêu vấn đề gì để bàn luận? Vấn đề được nêu nằm ở phần nào của bài?	...
2) Người viết thể hiện thái độ gì đối với quan điểm về vấn đề đời sống được nêu?	...
3) Những lí lẽ và bằng chứng nào được nêu ra để chứng tỏ sự phản đối là có căn cứ?	...
4) Đoạn cuối trình bày vấn đề gì?	...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

(Phiếu tìm ý)

Họ và tên:.....

Lớp:.....

Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày

ý kiến phản đối).	
Gợi ý: HS suy nghĩ kĩ để chọn các thông tin phù hợp điền vào các ô trong bảng.	
Quan niệm về vấn đề đời sống được nêu để bàn luận:	...
Ý kiến phản đối của bản thân về quan niệm đó:	...
Những lí lẽ đưa ra để chứng tỏ sự phản đối có cơ sở:	...
Những bằng chứng cần nêu để củng cố cho lí lẽ:	...

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối):	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV cho HS đọc thầm lại phần <i>Yêu cầu đối với kiểu bài</i> trong SGK, tr.67, để nắm chắc được những yêu cầu đối với kiểu bài này. *GV nêu câu hỏi cho HS tìm hiểu bằng cách điền vào Phiếu HT số 1 : 1) <i>Vấn đề gì của đời sống được nêu lên để bàn luận?</i> 2) <i>Người viết thể hiện ý kiến như thế nào trước quan niệm, cách hiểu khác về vấn đề?</i> 3) <i>Ý kiến phản đối có sức thuyết phục không?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS dựa vào SHS, trang 67 để trình bày các yêu cầu; trả lời câu hỏi của GV. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày và nêu những điều chưa rõ.	- Bài văn cần nêu được vấn đề, làm rõ thực chất của vấn đề. - Trình bày rõ ràng ý kiến phản đối của người viết về một quan niệm, cách hiểu khác. - Đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để chứng tỏ ý kiến phản đối là hoàn toàn có cơ sở.

- Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, khuyến khích HS trả lời. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức: Các em cần lưu ý về kiểu bài: + Vấn đề nêu ra đã tồn tại những quan niệm, cách hiểu khác nhau, trong đó, có quan niệm khiến bản thân người viết cảm thấy không thoả đáng hoặc chưa đúng đắn, cần phải bày tỏ sự phản đối bằng bài nghị luận. + Việc phản đối một quan niệm, một cách hiểu nào đó về vấn đề không phải chỉ nhằm thể hiện chủ kiến của người viết, mà quan trọng hơn, phải hướng tới mục đích khẳng định chân lí, lẽ phải để ý kiến của mình đưa ra trở nên có ý nghĩa. + Phần <i>Viết</i> của bài học này đặt ra yêu cầu cao hơn: các em phải biết trình bày ý kiến phản đối quan niệm, cách hiểu khác về một vấn đề đời sống. Nghĩa là, bài viết đòi hỏi ở HS khả năng nắm bắt và đánh giá vấn đề, kĩ năng sử dụng lí lẽ và bằng chứng phục vụ cho một hướng lập luận (phản đối). * Duyệt nội dung bài học vào vở.	
2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV cho HS đọc kĩ bài viết tham khảo để nắm được cách triển khai, yêu cầu HS thảo luận nhóm theo những câu hỏi trong Phiếu HT số 2. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát những chi tiết trong SGK.	1. Mở bài: Nêu quan điểm: "<i>chỉ làm việc lớn, không thích làm việc nhỏ, vì việc nhỏ là việc vô nghĩa</i>" -> nảy sinh ý kiến bàn luận. 2. Thân bài: - Bày tỏ thái độ của người viết: Phản đối quan điểm đã nêu ở mở bài: "<i>Theo tôi, câu nói đó đã bộc lộ một quan điểm thật khó</i>

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS tìm hiểu cách triển khai văn bản. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu, hướng dẫn HS trình bày. - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt kiến thức, chuyển sang thực hành.	<i>chấp nhận".</i> - Đưa ra những lí lẽ và bằng chứng có căn cứ để phản đối: + Lí lẽ: <i>"ai cũng phải làm những việc lớn của đời mình, cho nên không vì phải giải quyết việc lớn mà trốn tránh những việc nhỏ thuộc trách nhiệm của bản thân; nếu mình không làm thì đùn đẩy việc nhỏ cho ai?; việc nhỏ không đồng nghĩa với việc vô nghĩa, có những việc tuy nhỏ mà ý nghĩa rất lớn lao;..."</i> + Bằng chứng: Ông Ni-nô-mi-gia, một doanh nhân người Nhật, đã đến Hồ Gươm nhặt rác vào mỗi sáng Chủ nhật. Việc làm đầy ý nghĩa của ông đã có sức lan toả rất lớn, tác động đến nhận thức của nhiều người. 3. Kết bài: Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối: <i>cần phản đối để phân biệt đúng sai, lựa chọn hành vi,...</i>
3. Thực hành viết theo các bước	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *Bước 1: GV hướng dẫn HS theo dõi SGK tr.69 để xác định mục đích viết, người đọc và lựa chọn đề tài. 1) <i>Trước khi viết, em cần xác định mục đích viết và người đọc sẽ là ai?</i> 2) <i>Đề tài được chọn cần thoả mãn các yêu cầu nào? Tham khảo gợi ý trong SGK hoặc tự mình lựa chọn đề tài thích hợp.</i> (Gợi ý: Trong đời sống hàng ngày, em từng phản đối những quan niệm, ý kiến gì? Em hiểu như thế nào về quan niệm, ý kiến đó? Quan niệm, ý kiến về vấn đề đó có ảnh hưởng đến cuộc sống của những ai? Có cần thiết phải bày tỏ sự phản đối không? Nếu cần viết một bài nghị luận trình bày ý	1. Trước khi viết *Xác định mục đích viết và người đọc: (SGK tr.69) a. Lựa chọn đề tài: - Yêu cầu: Đề tài phải chứa đựng những quan niệm chưa đúng đắn, tác động không tốt đến đời sống cộng đồng. - Gợi ý đề tài: + <i>Vệ sinh trường học là trách nhiệm của những người lao công đã được nhà trường trả lương.</i> + <i>Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích.</i> + <i>Tắt thiết bị điện trong Giờ Trái Đất chỉ là việc làm hình thức, không có tác dụng, vì chẳng tiết kiệm điện được bao nhiêu.</i> + <i>Sách giáo khoa bố mẹ đã bỏ tiền mua, trở thành sở hữu của mình, nếu muốn, mình có thể viết, vẽ vào đó.</i>

kiến phản đối, em thấy có những thuận lợi và khó khăn gì?

***Bước 2: GV hướng dẫn HS tìm ý:**

GV yêu cầu HS đọc và tìm hiểu kĩ về đề tài, nhận biết thực chất của vấn đề và những mặt tiêu cực có thể có của nó trong đời sống; phân tích các khía cạnh; phát hiện những chỗ bất ổn, cần thể hiện thái độ phản đối. Cho HS tìm ý bằng cách điền các thông tin cần thiết vào **Phiếu học tập số 3** theo mẫu:

***Bước 3: GV hướng dẫn HS lập dàn ý:**

- Sau khi HS hoàn thành phiếu tìm ý, GV yêu cầu HS đọc lại và sắp xếp các ý vào từng phần của bài theo thứ tự hợp lí. Chẳng hạn, phần Mở bài nêu vấn đề cần bàn luận và khẳng định ý kiến phản đối của người viết; phần Thân bài trình bày lần lượt từng ý, nêu các lí do của việc phản đối, mỗi ý đều gắn với lí lẽ và bằng chứng; phần Kết bài khẳng định lại ý kiến và rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS lần lượt thực hiện từng yêu cầu của GV.

- HS dự kiến câu trả lời, ghi ra giấy.

- GV quan sát, hỗ trợ, khuyến khích.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày bài viết.

- HS khác nhận xét.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.

- Tuyên dương, khích lệ HS, đọc bài viết tham khảo.

*** Duy nghi nội dung bài học vào vở.**

***Chọn đề bài thực hành:** Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích.

b. Tìm ý:

- Quan niệm về vấn đề đời sống được nêu để bàn luận: *học lệch của học sinh hiện nay bỏ qua một số môn, chỉ học những môn mình yêu thích.*

- Ý kiến phản đối: *là hiện tượng không tốt với người học.*

- Những lí lẽ:

+ *Hổng kiến thức cơ bản;*

+ *Kết quả học tập thấp, gây chán nản, ảnh hưởng đến giáo dục toàn diện;*

+ *Kìm hãm vốn hiểu biết sâu rộng;*

+ *Không phát triển được tư duy sáng tạo;*

+ *Nhìn nhận cuộc sống phiến diện;*

+ *Không đủ năng lực để sau này làm việc, ứng xử, ...*

- Những bằng chứng:

+ *Coi nhẹ môn toán thì sẽ không biết tính toán, hoặc tính toán chậm, lúng túng;*

+ *Coi nhẹ môn Văn, viết câu sai ngữ pháp hoặc kém về giao tiếp, không chuyên tài được điều mình nghĩ, ...*

+ *Coi nhẹ môn địa, không nắm được vị trí địa danh, tình hình kinh tế xã hội, ...*

+ ...

c. Lập dàn ý:

A. Mở bài: *Nêu vấn đề cần bàn luận và khẳng định ý kiến phản đối của người viết.*

+ *Hiện nay, có một số bạn cho rằng chỉ cần học những môn mình yêu thích, có thể bỏ qua một số môn học khác.*

+ *Đây là hiện tượng nhận thức lệch lạc, không tốt với người học.*

B. Thân bài:

	<i>*Trình bày lần lượt từng ý, nêu các lí do của việc phản đối, mỗi ý đều gắn với lí lẽ và bằng chứng.</i> - Những lí lẽ: + <i>Hổng kiến thức cơ bản;</i> + <i>Kết quả học tập thấp, gây chán nản, ảnh hưởng đến giáo dục toàn diện;</i> + <i>Kìm hãm vốn hiểu biết sâu rộng;</i> + <i>Không phát triển được tư duy sáng tạo;</i> + <i>Nhìn nhận cuộc sống phiến diện;</i> + <i>Không đủ năng lực để sau này làm việc, ứng xử, ...</i> - Những bằng chứng: + <i>Coi nhẹ môn toán thì sẽ không biết tính toán, hoặc tính toán chậm, lúng túng;</i> + <i>Coi nhẹ môn Văn, viết câu sai ngữ pháp hoặc kém về giao tiếp, không chuyển tải được điều mình nghĩ,...</i> + <i>Coi nhẹ môn địa, không nắm được vị trí địa danh, tình hình kinh tế xã hội,...</i> + <i>Khi làm việc gì cũng lúng túng, không thành công....bị mất việc do không đáp ứng yêu cầu của chủ.</i> <i>*Nhận xét những tác động tiêu cực: Ảnh hưởng lâu dài đến chất lượng nguồn nhân lực của đất nước, không xây dựng và phát triển được đất nước nếu con người đào tạo ra lại bị hổng kiến thức...</i> C. Kết bài: <i>Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối.</i> - <i>Giúp nhận thức đúng vấn đề để điều chỉnh nhận thức và hành vi;</i> - <i>Cần cân đối, hài hoà để học tập toàn diện, có đủ kiến thức năng lực để lao động và cống hiến,...</i>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc yêu cầu viết từng phần trong SGK tr.70, sau đó lưu ý HS mấy điểm: + <i>Thứ nhất, cần bám sát dàn ý để viết.</i>	2. Viết bài *Lưu ý: + <i>Thứ nhất, cần bám sát dàn ý để viết. Mở bài, mỗi ý của Thân bài và phần Kết bài đều phải triển khai thành từng đoạn văn</i>

Mở bài, mỗi ý của Thân bài và phần Kết bài đều phải triển khai thành từng đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, có thể đảo ý nào đó so với dàn ý nếu thấy cần thiết. Cần dùng từ ngữ liên kết các câu trong đoạn và các đoạn trong bài để đảm bảo tính chặt chẽ, mạch lạc của bài viết. + <i>Thứ hai</i>, nên chọn giọng văn phù hợp với yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối). Lời văn mạnh mẽ, dứt khoát, nhưng có lí, có tình; tránh lối viết gay gắt, gây cảm giác căng thẳng. + <i>Thứ ba</i>, nếu viết ở lớp, chỉ nên viết nháp phần Mở bài, các phần sau viết theo mạch nghĩ vì không đủ thời gian chép lại sau khi nháp toàn bài. Viết ở nhà, HS có thể viết nháp hết bài, đọc lại, chỉnh sửa bằng bút mực đỏ, sau đó viết lại thành bản sạch để nộp cho GV. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát đọc hướng dẫn viết từng phần trong SGK. - GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác cần thực hiện khi viết. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày. - HS khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, yêu cầu HS viết ngay trên lớp hoặc hoàn thành ở nhà. - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt lưu ý. - GV chuyển dẫn sang mục tiếp theo.	hoàn chỉnh. Khi viết, có thể đảo ý nào đó so với dàn ý nếu thấy cần thiết. Cần dùng từ ngữ liên kết các câu trong đoạn và các đoạn trong bài để đảm bảo tính chặt chẽ, mạch lạc của bài viết. + <i>Thứ hai</i>, nên chọn giọng văn phù hợp với yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối). Lời văn mạnh mẽ, dứt khoát, nhưng có lí, có tình; tránh lối viết gay gắt, gây cảm giác căng thẳng. + <i>Thứ ba</i>, viết nháp cả bài, đọc lại, chỉnh sửa bằng bút mực đỏ, sau đó viết lại thành bản sạch để nộp cho thầy cô.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	3. Chỉnh sửa bài viết

- GV giao nhiệm vụ: Dựa vào bài làm, các em hãy chỉnh sửa theo yêu cầu gợi ý và hướng dẫn chỉnh sửa theo Phiếu trong SGK tr.71; Bảng kiểm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát văn đã viết của mình để chỉnh sửa theo bảng. - GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác khi chỉnh sửa văn bản để tự đánh giá mức độ hoàn thành (GV có thể yêu cầu HS đổi chéo bài cho nhau trong bàn để đối chiếu, rà soát). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày. - HS khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt lưu ý.	- Chỉnh sửa theo yêu cầu trong Phiếu hướng dẫn chỉnh sửa, SGK tr.71
HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG a. Mục tiêu: Củng cố, vận dụng kiến thức của bài học vào làm bài tập cụ thể. b. Nội dung: HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao. c. Sản phẩm: HS viết được một văn bản hoàn thiện, đảm bảo yêu cầu nội dung của kiểu bài. d) Tổ chức thực hiện: - Giáo viên giao nhiệm vụ và yêu cầu bài tập cho HS: Lập dàn ý cho 1 trong các đề tài sau: Đề 1. <i>Vệ sinh trường học là trách nhiệm của những người lao công đã được nhà trường trả lương.</i> Đề 2. <i>Tất thiết bị điện trong Giờ Trái Đất chỉ là việc làm hình thức, không có tác dụng, vì chẳng tiết kiệm điện được bao nhiêu.</i> Đề 3. <i>Sách giáo khoa bố mẹ đã bỏ tiền mua, trở thành sở hữu của mình, nếu muốn, mình có thể viết, vẽ vào đó.</i> - GV hướng dẫn HS thực hiện theo yêu cầu, hỗ trợ HS hoàn thiện bài tập. - HS vận dụng những kiến thức đã học để hoàn thiện yêu cầu bài tập. *GV cung cấp tư liệu cho HS.	
4. Trả bài	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Nhiệm vụ 1. Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài	a. Yêu cầu của kiểu bài b. Nhận xét - Ưu điểm:

- GV cho HS cả lớp viết bài theo một đề tài chung, hoặc mỗi em viết về một đề tài tự chọn. Sau đó, GV giúp các em củng cố, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối). - GV dựa vào mục <i>Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)</i> để nêu ra một khung đánh giá chung, cho HS đọc, rà soát bài viết của mình, tự rút ra ưu điểm và hạn chế trên từng yêu cầu cụ thể theo bảng kiểm. Nhiệm vụ 2. Nhận xét về kết quả và chỉnh sửa bài viết - Từ thực tế chấm và đánh giá bài của HS, GV nhận xét chung về tình hình làm bài, việc đáp ứng yêu cầu, cách triển khai bài viết, diễn đạt,...; nhắc HS đối chiếu với những yêu cầu, đòi hỏi của kiểu bài với bài làm của bản thân, nhận ra những ưu điểm, nhược điểm. - GV trả bài cho HS, đồng thời nhắc HS sử dụng bảng gợi ý cách chỉnh sửa bài viết đã nêu ở phần <i>Viết</i> của SHS, tr.71, kết hợp với những đánh dấu vào Bảng kiểm và lời nhận xét của GV để tự chỉnh sửa bài. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS lần lượt thực hiện từng yêu cầu của GV. - HS ghi ra giấy và đánh giá chéo với bài của bạn. - GV quan sát, hỗ trợ, khuyến khích. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày bài viết. - HS khác nhận xét.	- Nhược điểm: c. Chỉnh sửa và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. - Tuyên dương, khích lệ HS, đọc bài viết tham khảo. * Duy nghe bạn trình bày bài.	

BẢNG KIỂM

Hoàn thiện và kiểm tra theo các yêu cầu trong bảng kiểm sau:

Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1) Bài văn cần nêu được vấn đề, làm rõ thực chất của vấn đề.		
2) Trình bày rõ ràng ý kiến phản đối của người viết về một quan niệm, cách hiểu khác.		
3) Đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để chứng tỏ ý kiến phản đối là hoàn toàn có cơ sở.		
4) Đảm bảo yêu cầu về chính tả, diễn đạt (dùng từ, đặt câu, sử dụng từ ngữ liên kết câu và liên kết đoạn văn,...		

THAM KHẢO

Học lệch là một vấn đề không còn xa lạ đối với nhiều bạn học sinh thời nay. Vấn đề này tuy đã được thầy cô giáo lên tiếng nhưng hiện nay tình trạng này vẫn đang diễn ra, chưa có xu hướng thuyên giảm. Nhiều bạn chưa xác định đúng đắn được mục đích và động cơ học tập nên vẫn còn tình trạng bỏ qua một số môn học, chỉ học môn mình yêu thích. Đây là một nhận thức lệch lạc, không tốt với người học.

Tác hại của việc học lệch khá rõ ràng. Đó là kiến thức cơ bản sẽ bị hổng; kết quả học tập thấp, gây chán nản, ảnh hưởng đến giáo dục toàn diện. Bên cạnh đó nó còn kìm hãm vốn hiểu biết sâu rộng của mỗi người, không phát triển được tư duy sáng tạo. Hơn nữa, nếu chỉ chú trọng học môn mình yêu thích thì nhìn nhận cuộc sống sẽ phiến diện, sau này không đủ năng lực để làm việc, để ứng xử,... Chẳng hạn như nếu bạn coi nhẹ môn Toán thì sẽ không biết tính toán, hoặc tính toán chậm, lúng túng, bạn coi nhẹ môn Văn, viết câu sai ngữ pháp hoặc kém về giao tiếp, không chuyển tải được điều mình nghĩ,..., coi nhẹ môn Địa sẽ không nắm được vị trí địa danh, tình hình kinh tế xã hội của đất nước và thế giới,... Và cuối cùng, kết quả là khi làm việc gì cũng lúng túng, không thành công....Bạn bị mất việc do không đáp ứng yêu cầu của chủ sẽ dễ xảy ra. Thực tế, nhiều bạn mải học các môn tự nhiên mà không để ý đến các môn xã hội. Sau này các bạn trở thành những nhà khoa học giỏi

nhưng lại thiếu kinh nghiệm sống, có những bạn tốt nghiệp bằng giỏi trường quản trị kinh doanh, nhưng do giao tiếp kém nên không xin được một công việc tốt.

Học đều các môn là cách hiệu quả nhất để trở thành một con người toàn diện. Các bạn có thể chú trọng hơn về các môn tự nhiên, nhưng cần dành thời gian xứng đáng cho các môn xã hội. Những giá trị văn hoá, tinh thần, những vẻ đẹp của quê hương đất nước sẽ được khám phá qua việc học tập các môn xã hội. Một tâm hồn phong phú sẽ giúp bạn học tốt hơn, nạp kiến thức tốt hơn, và những kiến thức xã hội đến lượt mình sẽ giúp các bạn học tốt hơn các môn tự nhiên.

Nói tóm lại nếu chỉ chú trọng học môn mình yêu thích sẽ ảnh hưởng lâu dài đến chất lượng nguồn nhân lực của đất nước, không xây dựng và phát triển được đất nước nếu con người đào tạo ra lại bị hồng kiến thức có được từ các môn học...

Các bạn cần hiểu được tác hại của việc học lệch như trên sẽ giúp mỗi người nhận thức đúng vấn đề để điều chỉnh nhận thức và hành vi, cần học tập toàn diện để có đủ kiến thức năng lực để lao động và cống hiến,... Các bạn học sinh nên coi những giờ học tập môn xã hội chính là những giờ thư giãn, giúp bạn lấy lại tinh thần để học những môn tự nhiên. Có như vậy các bạn sẽ không thấy nhàm chán, dẫn đến học lệch.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- + Học bài, nắm chắc cách viết của kiểu bài.
- + Lưu trữ lại Phiếu học tập vào hồ sơ cá nhân.
- + Giao phiếu học tập và yêu cầu HS chuẩn bị bài sau: **Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (trình bày ý kiến phản đối)**

TIẾT 114

NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG

I. Mục tiêu:

- Trong tư cách người nói, HS nêu được vấn đề đời sống và trình bày ý kiến về vấn đề một cách có cơ sở (có lí lẽ và bằng chứng cụ thể), giải trình, bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.
- Trong tư cách người nghe, HS thể hiện quan điểm của mình về vấn đề đời sống được bàn luận, biết đối thoại với ý kiến người trình bày, tán thành với ý kiến đó nếu thấy đủ sức thuyết phục.
- Phát triển khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ.
- Biết lắng nghe, tôn trọng sự khác biệt, nhận thức đúng được những bài học rút ra từ cuộc sống.

*** Duy lắng nghe các bạn trình bày bài và ghi nội dung bài học vào vở.**

II. Thiết bị và học liệu

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá...

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài học.....

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học.

b. Nội dung: HS xem tranh và suy nghĩ trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS quan sát các bức ảnh mang tính đối lập để gợi dẫn HS chia sẻ:

? Em có thể mô tả và nêu nhận xét của mình về những bức ảnh trên. Quan điểm của em khi đứng trước tình huống đặt ra trong từng bức ảnh là gì?



- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời.

- GV nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào bài học.

-> GV kết nối vào bài học: Mỗi bức ảnh đều gợi ra những bức tranh đối lập thuộc về một mảng nào đó đang tồn tại xung quanh đời sống của chúng ta. Chúng ta hoàn toàn có thể tán thành nếu vấn đề đó đúng vì nó giúp bản thân và xã hội trở nên tốt đẹp; chúng ta cũng có thể phản đối nếu vấn đề đó sai, hoặc không phù hợp, đem lại hậu quả xấu. Nhưng dù tán thành hay phản đối thì chúng ta cần đưa ra được ý kiến của bản thân, kèm theo lí lẽ và bằng chứng xác thực, thuyết phục được người nghe.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu: Xác định được mục đích nói và người nghe; biết chuẩn bị những nội dung cần nói và luyện nói; trình bày được ý kiến của bản thân.

b. Nội dung: HS xác định mục đích, trình bày nội dung bài nói và lắng nghe, trao đổi với bạn về bài nói của mình.

c. Sản phẩm: Bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu; thái độ lắng nghe tích cực của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Trước khi nói	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *Trước khi nói: GV nêu vấn đề, yêu cầu cho HS: - Chúng ta cần xác định mục đích nói và người nghe như thế nào? - GV nhấn mạnh: Trước khi nói, ta cần xác định mục đích nói và đối tượng nghe. Điều này là cần thiết, đóng vai trò quan trọng, góp phần làm cho hoạt động nói và nghe thành công. - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói: + Từ đề tài đã chọn, người nói xây dựng dàn ý chi tiết, gồm đầy đủ các phần, ghi chú cách trình bày từng phần, các ý cụ thể, những lí lẽ và bằng chứng cần sử dụng,... + Nếu phần <i>Nói</i> thực hiện trên một bài viết đã có, GV hướng dẫn HS rút gọn bài viết thành dàn ý bài nói. Chú ý: Cách mở đầu bài nói có những điểm khác với bài viết. Phần triển khai, các ý cần rõ ràng, có ghi chú các số liệu, bằng chứng cụ thể để tiện sử dụng khi trình bày. + Lựa chọn từ ngữ: Căn cứ vào đề tài và nội dung nói, ghi lại một số từ ngữ cần sử dụng, nhất là những từ ngữ thể hiện thái độ tán thành hay phản đối ý kiến, chẳng hạn: <i>theo quan điểm của tôi, cần phải thấy được rằng, có thể khẳng định, chắc chắn là, không thể quan niệm rằng, điều khó chấp nhận ở đây là,...</i> *Tập luyện:	1.1. Chuẩn bị a. Xác định mục đích nói và nghe - Mục đích nói: trình bày để người nghe hiểu đúng bản chất, thấy được ý nghĩa của vấn đề đối với đời sống, từ đó lựa chọn thái độ, cách ứng xử phù hợp. - Người nghe: Khi bài nói được trình bày trong giờ học, người nghe là bạn bè, thầy cô. Với tình huống khác, người nghe có thể là các bạn trong lớp, trong trường và những ai quan tâm đến vấn đề. b. Định hướng lựa chọn đề tài: - Đề tài: Hiện tượng vứt rác bừa bãi hiện nay. c. Tìm ý, lập ý cho bài nói; - Nêu vấn đề; - Chỉ ra các biểu hiện và khía cạnh của vấn đề (lí lẽ và bằng chứng); - Bày tỏ suy nghĩ của bản thân. *Gợi ý: Đề tài: Hiện tượng vứt rác bừa bãi hiện nay. A. Nêu vấn đề “vứt rác bừa bãi” Thế giới đang nhiều vấn đề như ô nhiễm môi trường, thủng tầng ôzôn, bức xạ tia cực tím, đó là những vấn đề vô cùng bức thiết của xã hội. Một trong những nguyên nhân gây nên những vấn đề đó là do ý thức của con người, họ đã vứt rác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường. Để tìm hiểu rõ vấn đề này, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu vấn đề “vứt rác bừa bãi” hiện nay.

- Hình thức phù hợp nhất là tập luyện theo nhóm. GV hướng dẫn HS luân phiên cả hai tư cách người nói và người nghe để phát triển kỹ năng nói và nghe hài hoà.

+ Khi ở vị trí người nói, chú ý tập luyện cách trình bày, cách bảo vệ ý kiến của mình;

+ Khi ở vị trí người nghe, cần biết cách theo dõi, có thể phản bác hay nêu thắc mắc nếu thấy lí lẽ của người nói chưa chắc chắn, bằng chứng chưa phù hợp. - Sau tập luyện, phải trao đổi nhóm để rút kinh nghiệm về nội dung và cách trình bày, kinh nghiệm về sự tương tác nói - nghe.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, theo dõi SGK lần lượt thực hiện các yêu cầu của GV.

- HS khác nghe, góp ý.

- GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS hoàn thiện sự chuẩn bị bài nói vào trong vở; tập trình bày bài nói trước nhóm.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

*** Duyệt ghi nội dung bài học vào vở.**

B. Chỉ ra các biểu hiện, khía cạnh của vấn đề:

1. Bản chất

- Vứt rác bừa bãi là vứt rác không đúng nơi quy định, không đúng chỗ.

Gây nên ô nhiễm môi trường.

- Bất cứ lúc nào có rác là vứt, mọi nơi mọi lúc.

- Vứt theo thói quen, tiện đâu vứt đó, không cần biết chỗ mình là ở đâu, thùng rác nằm ở chỗ nào.

2. Biểu hiện

- Vứt rác bừa bãi vào cầu, cống, đường xá....

- Những khu du lịch, du khách tiện đâu vứt đó, không quan tâm đến địa điểm hay mức độ của nó.

- Ngay cả trên xe buýt, thùng rác ngay bên cạnh cũng không thêm vứt vào.

3. Nguyên nhân

- Do sự thiếu ý thức của mỗi người trong cuộc sống.

- Thùng đựng rác nơi công cộng còn thiếu hoặc đặt ở vị trí không thuận tiện cho việc vứt rác.

- Việc xử lí vi phạm còn nhẹ, chưa thường xuyên.

4. Tác hại

- Hành động này sẽ gây ô nhiễm môi trường, bên cạnh đó còn có thể phát sinh hàng loạt các dịch bệnh nguy hiểm và có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và đời sống con người.

- Vứt rác bừa bãi làm mất cảnh quan sinh thái, các khu du lịch hay danh lam thắng cảnh.

- Gây tổn hại tiền của cho nhà nước.

- Tạo ra một thói quen xấu trong đời sống văn minh hiện đại.

5. Biện pháp khắc phục

	- Tuyên truyền giáo dục và nâng cao ý thức người dân trong việc bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh công cộng. - Tổ chức các hoạt động thu gom rác thải, bảo vệ môi trường như: Ngày thứ bảy tình nguyện, ngày chủ nhật xanh,... - Có biện pháp xử lý nghiêm khắc đối với những trường hợp xả rác bừa bãi. C. Bày tỏ suy nghĩ của bản thân - Cùng chung tay bảo vệ môi trường, ngăn chặn tình trạng vứt rác bừa bãi; tuyên truyền và động viên mọi người tham gia bảo vệ môi trường.... 1.2. Tập luyện - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. - Tự điều chỉnh cho phù hợp.
2. Trình bày bài nói	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Hoạt động nói và nghe diễn ra đồng thời. Khi người nói trình bày cũng là lúc người nghe theo dõi và chuẩn bị cho việc trao đổi. Vì thế GV hướng dẫn và kiểm soát hai hoạt động cùng lúc. *Yêu cầu người nói: • <i>Người trình bày bài nói:</i> Dựa vào việc kiểm soát khâu chuẩn bị của HS mà GV có thể giao việc trình bày cho nhóm hoặc cho cá nhân. Nếu giao cho nhóm, nhóm phải cử đại diện trình bày. Có thể một người chịu trách nhiệm về bài nói, có thể hai người phối hợp trình bày cho thêm sinh động. Nếu giao cho cá nhân, có thể lấy tinh thần xung phong hoặc chỉ định trước. • <i>Nội dung nói:</i> Người nói phải bám sát dàn ý đã chuẩn bị, các ý trong dàn ý cần được triển khai đầy đủ, có lí lẽ và bằng chứng. Đặc biệt, sự tán thành hay phản đối ý kiến về vấn đề phải được trình bày rõ ràng.	*Yêu cầu người nói: • <i>Người trình bày bài nói:</i> chịu trách nhiệm về bài nói sao cho sinh động. • <i>Nội dung nói:</i> cần bám sát dàn ý đã chuẩn bị, có lí lẽ và bằng chứng rõ ràng. • <i>Cách thức nói:</i> ngôn ngữ nói phải rõ ràng, rành mạch, thái độ phải dứt khoát, được đảm bảo bằng những lí lẽ có sức thuyết phục và bằng chứng cụ thể, xác thực. *Yêu cầu người nghe: • <i>Người nghe:</i> có trách nhiệm lắng nghe, tương tác với người nói. • <i>Các công việc của hoạt động nghe:</i> + Tập trung theo dõi nắm bắt nội dung cơ bản của bài nói. + Đánh dấu những ý tán thành và những chỗ có thể trao đổi. + Ghi nhanh những ý nảy sinh trong quá trình theo dõi để xây dựng thành ý kiến trao đổi.

• <i>Cách thức nói:</i> Để trình bày được ý kiến tán thành hay phản đối về một vấn đề đời sống, ngôn ngữ nói phải rõ ràng, rành mạch, thái độ phải dứt khoát, được đảm bảo bằng những lí lẽ có sức thuyết phục và bằng chứng cụ thể, xác thực. *Yêu cầu người nghe: • <i>Người nghe:</i> có trách nhiệm lắng nghe, tương tác với người nói. • <i>Các công việc của hoạt động nghe:</i> + Tập trung theo dõi nắm bắt nội dung cơ bản của bài nói. + Đánh dấu những ý tán thành và những chỗ có thể trao đổi. + Ghi nhanh những ý nảy sinh trong quá trình theo dõi để xây dựng thành ý kiến trao đổi. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Cá nhân hoặc nhóm cử đại diện HS lên trình bày trước lớp. - Các nhóm HS khác lắng nghe, ghi chép, góp ý, dự kiến nội dung cần góp ý, trao đổi. - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS trình bày bài nói; - HS khác nêu vấn đề cần trao đổi. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.	
3. Sau khi nói	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV tổ chức cho HS trao đổi. Việc trao đổi tập trung vào ba khía cạnh: <i>nội dung bài nói, cách thức trình bày, sự tương tác giữa người nói với người nghe</i>. GV định hướng trao đổi bằng PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	- Trao đổi về bài nói theo PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI

- GV hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá tiêu chí. - HS quan sát HĐ nói của bạn và ghi nhận xét ra giấy. Bước 3: Thảo luận, báo cáo - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. - HS thực hiện HĐ nói trình bày ý kiến của mình trước những ý kiến phản bác (nếu cần) Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét của HS, tuyên dương và khích lệ HS và kết nối sang hoạt động sau. * Duy nghe các bạn trình bày bài nói.	

PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI

Các phương diện	Nhận xét
1. Người nói đã nêu lên và bàn luận về một vấn đề đời sống chưa?	...
2. Ý kiến của người nói về vấn đề đã rõ ràng chưa?	...
3. Bài nói đã thể hiện rõ sự tán thành hay phản đối chưa?	...
4. Có nêu được lí lẽ và bằng chứng để chứng tỏ sự tán thành hay phản đối có cơ sở không?	...
5. Ngôn ngữ nói được sử dụng như thế nào?	...
6. Đã biết phối hợp giữa lời nói và ngôn ngữ cơ thể (ánh mắt, nét mặt, cử chỉ,...) chưa?	...
7. Mức độ tương tác giữa người nói và người nghe thế nào?	...

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** củng cố kiến thức của bài học thông qua việc trình bày lại bài nói theo góp ý đánh giá.
- b. Nội dung:** HS trình bày lại bài nói.
- c. Sản phẩm:** Bài nói hoàn thiện sau chỉnh sửa của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS trình bày lại bài nói dựa trên những góp ý và đánh giá của GV và các bạn.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).
- GV nhận xét bài làm, tuyên dương, rút kinh nghiệm.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Rút ra được bài học về kiến thức kĩ năng của bài học.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

c. Sản phẩm: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giao bài tập về nhà:

Bài tập: *Điều quan trọng nhất sau tiết học nói mà em rút ra được hôm nay là gì?*
(Hãy ghi ra giấy, bổ sung vào hồ sơ học tập).

- HS suy nghĩ và viết ra giấy. Các câu hỏi của HS có thể dưới nhiều hình thức khác nhau.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Tự hoàn chỉnh, rút kinh nghiệm bài nói nghe theo góp ý của thầy cô, bạn bè;
- Chuẩn bị trước ở nhà nội dung **Bài 9- Hoà điệu với tự nhiên. GTBH& TTNV**
– **VB1- Thủy tiên tháng Một. Trả lời câu hỏi SGK/ 78,79.**

HẾT.

Ngày soạn: 1/4/2024
Ngày dạy: 9,10,11,12/4/2024

TUẦN 29
BÀI 9. HOÀ ĐIỆU VỚI TỰ NHIÊN
(13 tiết)

*Trong mỗi bước đi cùng với thiên nhiên,
chúng ta nhận được nhiều hơn những gì ta tìm kiếm.*
Giôn Mi-ơ (John Muir)

A. NỘI DUNG BÀI HỌC VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. NỘI DUNG BÀI HỌC

1. Đọc:

*** Đọc - hiểu các văn bản:**

- + VB1: *Thủy tiên tháng Một* (Thơ-mát L.Phrit-man).
- + VB2: *Lễ rửa làng của người Lô Lô* (Phạm Thuỳ Dung).
- + VB3: *Bản tin về hoa anh đào* (Nguyễn Vinh Nguyên).

*** Thực hành đọc:** "*Thân thiện với môi trường*" (Nguyễn Hữu Quỳnh Hương).

2. Viết: Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

3. Nói và nghe: Giải thích quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.

4. củng cố, mở rộng.

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 13 tiết – KHGD

Đọc và thực hành tiếng Việt	9 tiết
Viết	3 tiết
Nói và nghe	1 tiết

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG BÀI HỌC

- Nhận biết được thông tin cơ bản của VB thông tin, cách triển khai, vai trò của các chi tiết, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; nêu được trải nghiệm giúp bản thân hiểu hơn VB.
- Nhận biết được đặc điểm VB giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.
- Nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của cước chú và tài liệu tham khảo trong VB thông tin; hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của các từ có yếu tố Hán Việt đó.

- Bước đầu biết viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.
- Giải thích được (dưới hình thức nói) quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.
- Năng lực tự chủ: thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.
- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.
- Năng lực giao tiếp: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.
- Biết lựa chọn và trân trọng cách sống hài hoà với tự nhiên.
- * Em Duy - Nhận biết được thông tin cơ bản của VB thông tin.
- Nhận biết được đặc điểm VB giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.
- Nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của cước chú và tài liệu tham khảo trong VB thông tin.
- Biết lựa chọn và trân trọng cách sống hài hoà với tự nhiên.

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.
- Thiết kế bài giảng điện tử.
- Phương tiện và học liệu:
 - + Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng,...
 - + Học liệu: Tranh ảnh: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.
 - + Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

2. Học sinh

- Đọc phần Kiến thức Ngữ văn và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc - hiểu văn bản trong SGK; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.
- Đọc kĩ phần **Định hướng** trong nội dung Đọc, Viết, Nói và Nghe, và thực hành bài tập SGK.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.
- Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

*GV tổ chức cho HS xem video và trả lời câu hỏi

(<https://youtu.be/Rhc5EplKdyo>)



*Gv nêu câu hỏi cho HS chia sẻ:

- 1) *Nêu ngắn gọn nội dung mà video đề cập đến.*
- 2) *Từ nội dung ấy, đặt ra cho chúng ta những suy nghĩ (hiện trạng, nguyên nhân) và bài học gì về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên?*

- HS tự bộc lộ, chia sẻ những hiểu biết và suy nghĩ của bản thân một cách ngắn gọn, súc tích.

- GV động viên các em phát biểu một cách tự nhiên, chân thật.

- GV gọi HS khác cùng chia sẻ; GV đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức, dẫn dắt vào bài học mới: *Hiểu biết và chung sống hài hoà với tự nhiên là một trong những giá trị sống cơ bản mà con người cần hướng đến trong xã hội hiện đại. Nếu ứng xử với tự nhiên không tốt, con người sẽ phải trả giá đắt. Sống tôn trọng và nương theo nhịp điệu của tự nhiên giúp mỗi chúng ta có được sự thanh thản và hạnh phúc. Trước tiên, chúng ta cùng tìm hiểu phần giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn trọng tâm của bài.*

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu giới thiệu bài học- TIẾT 115

a. Mục tiêu: Giúp HS xác định rõ mục đích, nội dung chủ đề và thể loại văn bản của bài học; khơi gợi hứng thú khám phá của HS.

b. Nội dung: HS thảo luận cặp đôi và chia sẻ suy nghĩ, hiểu biết về bài học.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nội dung bài học	Trả lời
- Chủ đề bài học:	
- Kiểu văn bản:	
- Thể loại văn bản:	
- VB đọc chính:	

- VB đọc kết nối chủ đề:	
- VB thực hành đọc:	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Giới thiệu bài học	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> (SGK/tr.76) và tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi để thực hiện câu trả lời vào Phiếu HT số 1, với các câu hỏi gợi ý: 1) Đoạn văn thứ nhất giúp em nhận biết được gì về chủ đề của bài học? 2) Đoạn văn thứ hai cho biết điều gì về loại, thể loại VB sẽ học và những nội dung cần thực hành? 3) Hãy phát biểu suy luận của em về mối liên hệ giữa chủ đề bài học và loại VB chính cần phải đọc (Gợi ý: Loại, thể loại VB nào thích hợp nhất với việc thể hiện chủ đề này?). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời câu hỏi của GV. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học. - GV dẫn dắt giới thiệu vào phần khám phá tri thức ngữ văn của bài học. * Em Duy ghi nội dung bài học vào vở.	- Chủ đề bài học: tầm quan trọng của những hiểu biết về môi trường, quy luật tự nhiên và việc lựa chọn thái độ ứng xử phù hợp, hài hoà với tự nhiên. - Kiểu văn bản: Văn bản thông tin. - Thể loại văn bản: Thuyết minh. - VB đọc chính: -> Thuyết minh + VB1: <i>Thủy tiên tháng Một</i> (Thơ-mát L.Phút-man). + VB2: <i>Lễ rửa làng của người Lô Lô</i> (Phạm Thuỳ Dung). - VB đọc kết nối chủ đề: VB3: <i>Bản tin về hoa anh đào</i> (Nguyễn Vinh Nguyên)-> Tản văn. - VB thực hành đọc: VB4: <i>"Thân thiện với môi trường"</i> (Nguyễn Hữu Quỳnh Hương).

Hoạt động 2.2. Khám phá tri thức Ngữ văn

- Mục tiêu:** Nắm được những kiến thức cơ bản về VB thông tin và những tiểu loại.
- Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về những đặc điểm của kiểu VB.
- Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số yếu tố cơ bản về kiểu VB.
- Tổ chức thực hiện:**

TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

Nhiệm vụ: Đọc kĩ các văn bản sau, kết hợp tri thức Ngữ văn, tr.77 để hoàn thành các thông tin trong Phiếu HT số 2

VĂN BẢN 1: (Giới thiệu luật lệ/quy tắc một trò chơi)



1. Giới thiệu trò chơi Bịt Mắt Bắt Dê

Bịt mắt bắt dê là tên gọi thân thuộc của tuổi thơ nhiều bạn, xuất hiện nhiều tại các vùng thôn quê Việt Nam, tại các hội làng cùng với kéo co, rồng rắn lên mây...

2. Chuẩn bị trước khi chơi

a. Người chơi: thường không giới hạn số lượng người tham gia, tuy nhiên để cuộc vui trọn vẹn và tổ chức có trật tự nhất số lượng **nên từ 3 - 15 người**. Người tham gia nên đồng trang lứa để thêm công bằng hơn cho trò chơi.

b. Dụng cụ: cần trang bị một vài sợi dây đủ dài để “bịt mắt” người đi tìm dê, có thể là vải màu tối chất liệu mềm mỏng hoặc đồ bịt mắt để ngủ, giúp cho mắt thoải mái mà vẫn hạn chế tầm nhìn của người chơi.

c. Địa điểm: không gian rộng, không có vật cản, nên là mặt cỏ hoặc nền đất để hạn chế chấn thương nếu vô tình té ngã. Tuy nhiên cũng cần giới hạn khoảng không gian chơi để không di chuyển quá xa, khiến người bị bịt mắt không thể “bắt dê”.

3. Luật chơi: Trước trận đấu thường sẽ phân chia để xem ai là người bịt mắt và ai là người trốn để không bị bắt.

***Người bịt mắt:** Sẽ dùng vải để che mắt, không được ti hí trong quá trình chơi và tìm kiếm xung quanh, bắt lấy một ai đó và đoán trúng tên của người đó.

***Người làm dê:** Cần luồn lách để không bị người bịt mắt bắt. Không được chạy ra khỏi khu vực được phân chia từ trước.

4. Cách chơi: Một người bịt mắt, một người làm dê: Hai người sẽ tham gia oẳn tù tì, ai thua cuộc sẽ phải làm người bịt mắt, còn lại sẽ làm dê, còn những người còn lại làm vòng tròn xung quanh. Người bịt mắt không được ti hí. Người làm dê có thể né người bắt dê nhưng không được chạy ra khỏi vòng tròn, bạn phải liên tục kêu “be be” giả dạng tiếng dê để thu hút sự chú ý của người bịt mắt. Đối với người bịt mắt, cần phải nghe và phán đoán tiếng kêu “be be” từ hướng nào, từ đó bắt những chú dê xung quanh, gọi đúng tên dê, bạn sẽ dành chiến thắng. (Theo <https://www.thegioididong.com/>)

VĂN BẢN 2: (Cước chú)

⁽¹⁾ *Thoai-lai Dân:* chương trình truyền hình viễn tưởng, kinh dị của Mỹ, do Rút Xơ-linh sản xuất (chú thích trong sách *Nóng, Phẳng, Chật*).

(2) *Thái cực*: điểm đầu mút của một phía trong sự đối lập với điểm đầu mút của phía kia (nghĩa trong văn bản). (Theo SHS, *Ngữ văn 7*, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, tr.79)

VĂN BẢN 3: (Tài liệu tham khảo)

1. Nguyễn Chí Bền, *Lễ hội cổ truyền của người Việt-Cấu trúc và thành tố*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015.
2. Minh là Hũ, *Sống xanh rồi mới sống nhanh*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2020.
3. Nhiều tác giả, *Về vấn đề xây dựng thuật ngữ khoa học hiện đại*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977.
4. Phân viện Báo chí và Tuyên truyền, *Danh từ, thuật ngữ khoa học - công nghệ và Khoa học về khoa học*, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội, 2002. (Theo SGK *Ngữ văn 7*, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, tr.87)

PHIẾU HỌC TẬP 02

Tìm hiểu	Khái niệm	Đặc điểm và chức năng
Văn bản thông tin:	...	- Cách triển khai ý tưởng và thông tin:...
		- Căn cứ để triển khai thông tin:....
Văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động:	...	...
Cước chú:	...	...
Tài liệu tham khảo:	...	...

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Khám phá tri thức ngữ văn	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV yêu cầu HS: - Nhớ lại một số khái niệm cơ bản đã học ở lớp 6; - Đọc kỹ 3 văn bản để nhận diện đặc điểm và chức năng (GV chiếu lên tivi cho HS theo dõi);	1. Văn bản thông tin: *Khái niệm: là văn bản được viết để truyền đạt thông tin, kiến thức. Loại văn bản này rất phổ biến, hữu dụng trong đời sống. Nó bao gồm nhiều thể loại: thông báo, chỉ dẫn, hướng dẫn sử dụng sản phẩm, các văn bản hành chính, từ điển, bản tin...

- Kết hợp SGK tr.77 để đọc thầm phần <i>Tri thức ngữ văn</i>; - Sau đó trình bày các thông tin đã chuẩn bị trong Phiếu học tập 02. - GV gợi ý bằng các câu hỏi để khơi sâu vấn đề cho HS hoàn thành tốt phiếu HT: + <i>VB thông tin thường sử dụng nhiều cách triển khai ý tưởng. Em hãy nêu những cách triển khai đã từng học và nói ngắn gọn về đặc điểm của chúng.</i> + <i>Em thường được tiếp xúc với những VB giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động trong trường hợp nào? Theo em ý nghĩa của loại VB này là gì?</i> + <i>Khi đọc một VB, em có thường quan tâm đến cước chú không? Những cước chú đã hỗ trợ cho em như thế nào trong việc nắm bắt nghĩa của các từ ngữ và nội dung của VB?</i> + <i>Khi viết một bài văn, việc tìm đọc tài liệu tham khảo có ý nghĩa ra sao? Em đã tiếp thu được điều gì bổ ích từ cách sử dụng tài liệu tham khảo ở một số VB đã đọc?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tái hiện lại kiến thức vào Phiếu HT, chia sẻ. - GV quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lên trình bày kết quả, chia sẻ hiểu biết bản thân. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét và chuẩn kiến thức. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	*Cách triển khai ý tưởng và thông tin: - <i>Triển khai theo trật tự thời gian;</i> - <i>Theo quan hệ nhân quả;</i> - <i>Theo góc nhìn khác nhau về sự vật hiện tượng;</i> - <i>Theo từng bộ phận của đối tượng.</i> *Căn cứ để lựa chọn cách triển khai: phụ thuộc vào đặc điểm của đối tượng, vào mục đích viết và hiệu quả tác động đến người đọc. 2. Văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động: *Khái niệm: Là loại văn bản thuyết minh nói về đặc điểm của một trò chơi hay hoạt động. *Đặc điểm: - <i>Thường trình bày chi tiết về cách chơi, cách tổ chức hoạt động (thời gian, địa điểm, số lượng người tham gia, các điều kiện phải đảm bảo...);</i> - <i>Hình thức: trình bày bằng câu văn ngắn gọn, dễ hiểu, có thể kèm theo các hình vẽ hay bức ảnh mang tính minh họa.</i> *Chức năng: giúp người đọc có thể tham gia, thưởng thức hay đánh giá về trò chơi, hoạt động ấy một cách thuận lợi. 3. Cước chú: *Khái niệm: là loại chú thích đặt ở chân trang hoặc cuối văn bản về một từ ngữ khó hiểu hay nội dung chưa quen với phần lớn độc giả...Loại chú thích cho biết văn bản hay một số yếu tố của

	văn bản được lấy từ nguồn nào cũng được gọi là cước chú. *Đặc điểm: - Xuất hiện trong phần chính của trang hoặc của văn bản thông tin (nhất là văn bản khoa học), văn bản nghị luận và văn bản văn học cổ được đời sau in lại. *Chức năng: Giúp người đọc nắm bắt chính xác những thông tin, thông điệp, ý nghĩa của văn bản. 4. Tài liệu tham khảo: *Khái niệm: là những tài liệu mà người tạo lập văn bản tìm đọc và khai thác các thông tin cần thiết, có liên quan tới vấn đề được trình bày trong văn bản. *Đặc điểm: - Ghi sau phần kết thúc của văn bản, có thể được đánh số và sắp xếp theo một quy ước thống nhất. *Chức năng: Qua danh mục tài liệu tham khảo, giúp người đọc có được những nhận định bước đầu về độ tin cậy của nội dung thông tin trong văn bản hay giá trị chuyên môn, khoa học của văn bản.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức trong bài học, vận dụng để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi rung chuông vàng và làm việc cá nhân ở nhà để tự tìm hiểu các VB.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

***GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Cây cà chua hạnh phúc”:**

Bài tập luyện tập. Chọn đáp án đúng

Câu 1. (Khoanh tròn vào chữ cái của những phương án đúng) Để triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin, người viết sẽ:

A. Triển khai theo trình tự không gian và cảnh vật;

B. Lần lượt trình bày về từng bộ phận của đối tượng muốn nói trước khi đưa ra một thông tin hay quan điểm nhìn nhận thông tin mang tính bao trùm.

C. Triển khai theo trật tự thời gian, theo quan hệ nhân quả.

D. Triển khai theo góc nhìn khác nhau về sự vật, hiện tượng.

Câu 2. Văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động là loại văn bản:

A. thường dùng trong cơ quan nhà nước để truyền đạt những nội dung và yêu cầu nào đó từ cấp trên xuống.

B. chủ yếu sử dụng lí lẽ, dẫn chứng, lập luận nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một quan điểm, tư tưởng nhất định.

C. dùng để truyền đạt thông tin, kiến thức về tất cả các lĩnh vực.

D. thuyết minh nói về đặc điểm của một trò chơi hay hoạt động, giúp người đọc có thể tham gia, thưởng thức hay đánh giá về trò chơi, hoạt động ấy một cách thuận lợi.

Câu 3. Chức năng của *Cước chú* là:

A. giúp người đọc có được những nhận định bước đầu về độ tin cậy của nội dung thông tin trong văn bản hay giá trị chuyên môn, khoa học của văn bản.

B. giúp người đọc hiểu được chính xác những thông tin thông điệp, ý nghĩa của văn bản.

C. giúp người đọc có thể tham gia, thưởng thức hay đánh giá về trò chơi, hoạt động ấy một cách thuận lợi.

D. giúp người đọc nhận thức và lí giải được về thế giới tự nhiên và cuộc sống của con người.

Câu 4. Chức năng của *Tài liệu tham khảo* là:

A. giúp người đọc hiểu được chính xác những thông tin thông điệp, ý nghĩa của văn bản.

B. giúp người đọc nhận thức và lí giải được về thế giới tự nhiên và cuộc sống của con người.

C. giúp người đọc có được những nhận định bước đầu về độ tin cậy của nội dung thông tin trong văn bản hay giá trị chuyên môn, khoa học của văn bản.

D. giúp người đọc có thể tham gia, thưởng thức hay đánh giá về trò chơi, hoạt động ấy một cách thuận lợi.

(*Gợi ý đáp án: 1B, C, D; 2D; 3B; 4C)

***Bài tập vận dụng:** Suy tâm văn bản giới thiệu một trò chơi dân gian ở quê em.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các đơn vị kiến thức và nhiệm vụ của bài học.

- Nghiên cứu các VB trong SGK.

Tiết: 115-117

VĂN BẢN 1. THUYẾT TIÊN THẮNG MỘT

Thơ-mát L.Phrit-man



Lũ lớn ở thượng nguồn sông Trường Giang (Trung Quốc)



Hạn hán khắc nghiệt ở Đồng bằng sông Cửu Long đầu năm 2020.
ảnh của Quốc Trung, báo điện tử Đại đoàn kết, ngày 24/02/2020

I. Mục tiêu

- Nhận biết và phân tích được cách triển khai VB thông tin vừa theo quan hệ nhân quả, vừa theo các tầng bậc khác nhau của chuỗi vấn đề được nói tới.
- Nhận biết được ý nghĩa của các chi tiết, số liệu, cước chú và độ tin cậy của các tài liệu có trích dẫn trong VB thông tin.
- Thấy được những tác động tai hại của hiện tượng biến đổi khí hậu đối với sự sống trên Trái Đất.
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc theo dõi bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp.
- Biết sống có trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường, sống hài hoà với thiên nhiên.

* Em Duyệt: - Nhận biết được cách triển khai VB thông tin.

- Nhận biết được ý nghĩa của các chi tiết, số liệu, cước chú và độ tin cậy của các tài liệu có trích dẫn trong VB thông tin.

- Biết sống có trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường, sống hài hoà với thiên nhiên.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.
- Các hình ảnh, video liên quan.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp HS huy động những hiểu biết, trải nghiệm của bản thân về thời tiết, về những biến đổi khác lạ của môi trường sống để chuẩn bị cho việc đọc, tiếp nhận VB một cách tích cực.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức trải nghiệm, làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*GV cho HS xem video sau đó trả lời câu hỏi:

<https://www.youtube.com/watch?v=U3r4R3HrVYc>



youtube
Tin thiên tai, lũ lụt sáng 30-11-2021: Nước lũ cuốn trôi mất tích 2 người phụ nữ ở Đắk Lắk
Truyền Hình Nhân Dân

1) *"Thời tiết bây giờ khó lường thật!" - Đó là lời nhận xét ta vẫn thường nghe. Em có cảm nhận gì về những lo lắng ẩn chứa trong đó?*

2) *Qua quan sát trực tiếp hoặc qua tìm hiểu các nguồn thông tin, em đã biết được những thay đổi bất thường nào trong nhịp sinh trưởng và tập tính của một số loài sinh vật? Những thay đổi bất thường ấy đã gợi lên trong em cảm nhận, suy nghĩ gì?*

***Gợi ý:**

1) Đó là những cảm giác bất an, lo lắng về thời tiết sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống, đến sức khỏe và cả công việc.

2) Ví dụ loài voi châu Phi bơm máu ấm lên đôi tai lớn của chúng, sau đó vỗ nhẹ để phân tán nhiệt. Mỏ của các loài chim cũng thực hiện một chức năng tương tự - lưu lượng máu được vận chuyển đến mỏ nhiều hơn khi chim cảm thấy nóng. Đó là nguyên nhân khiến mỏ chim ấm hơn phần còn lại của cơ thể. Nắng nóng 40 độ ở Anh khiến các loài chim sốc nhiệt, rơi xuống đất.

*HS hoạt động cá nhân, dựa vào hiểu biết bản thân để bày tỏ hiểu biết.

*Yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân.

*GV có thể chia sẻ cùng HS suy nghĩ của bản thân mình, kết nối với bài học: *Các em ạ, con người và mọi sinh vật trên trái đất đang đứng trước những thử thách khốc liệt do tình trạng biến đổi khí hậu đưa lại. Bài học "Thủy tiên tháng Một" của tác giả Phrít-man đã phân tích và đưa ra một dẫn chứng như thế.*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung về văn bản

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về tác giả, xuất xứ, kiểu văn bản, phương thức biểu đạt, bố cục, nhan đề.

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP 01

Khám phá chung về văn bản
(Phiếu học tập giao về nhà)

STT	Thông tin	Trả lời
1	Tác giả	...
2	Xuất xứ	...
3	Kiểu văn bản	...
4	Vấn đề được đề cập	
5	Bố cục và nội dung chính	...
6	Ý nghĩa nhan đề	...

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Tìm hiểu chung văn bản	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV hướng dẫn HS tìm hiểu về tác giả, đọc và tìm hiểu chung tác phẩm: chia sẻ <i>Phiếu học tập số 1</i>, giao về nhà. - GV phân công HS đọc. - Cần điều chỉnh về cách đọc đối với các từ mượn tiếng Anh có trong VB. - GV nhắc HS đọc cước chú, chú ý tính đa dạng của những từ ngữ, nội dung cần cước chú để hiểu thêm về thông tin trong VB. - Cho HS trình bày theo <i>Phiếu học tập số 1</i>, đã chuẩn bị ở nhà. *GV hướng dẫn HS tìm hiểu nhan đề tác phẩm: <i>Nhan đề của văn bản đã gợi cho em những ấn tượng, suy nghĩ gì? Chi tiết hoa thủy tiên nở đầu tháng Một có thể được xem là một chi tiết "đắt" hay không? Vì sao?</i> - GV yêu cầu HS đọc lại phần cuối đoạn 2 để trả lời. *Gợi ý: - Hoàn toàn có thể xem chi tiết hoa thủy tiên nở đầu tháng Một là một chi tiết “đắt” vì mấy lí do: 1. Chi tiết đó đã gợi ý cho tác giả tìm được một nhan đề ấn tượng, làm nảy sinh nhiều suy đoán khác nhau về nội dung sẽ được triển khai trong VB;	1. Tác giả  - Thô-mát L. Phrit-man (1953), là nhà báo người Mỹ có uy tín, phụ trách chuyên mục các vấn đề quốc tế của báo <i>Niu Oóc Thai-mơ</i>, thường theo dõi các vấn đề về môi trường. - Ông đã ba lần được trao giải Pu-lít-dơ (Pulitzer) - Tác phẩm tiêu biểu: <i>Chiếc Lexus-xốt (Lexus)</i> và <i>cây ô-liu (1999)</i>; <i>Thế giới phẳng (2005-2007)</i>; <i>Nóng, Phẳng, Chật (2008)</i>;... 2. Tác phẩm 2.1. Đọc và tìm hiểu chú thích 2.2. Xuất xứ: - “<i>Thủy tiên tháng Một</i>” nằm trong mục 5 (<i>Sự bất thường của Trái Đất</i>) thuộc phần 2 (<i>Tại sao chúng ta lại ở đây</i>) của cuốn sách <i>Nóng, Phẳng, Chật (2008)</i>.

2. Nó cho thấy khi viết VB, tác giả đã kết hợp nhuần nhuyễn việc trình bày những thông tin mang tính khoa học với việc nêu những quan sát và trải nghiệm của bản thân – điều khiến VB thực sự có sức hấp dẫn; 3. Chi tiết mang tính điển hình, làm nổi bật được ý tưởng cơ bản: Chính sự biến đổi khí hậu đã dẫn đến bao nhiêu vận động dường như trái quy luật trong đời sống của muôn loài. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời nhanh. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. - GV chuyển dẫn sang mục 2. * Duy đọc một đoạn văn bản, ghi nội dung bài học vào vở.	- Cuốn sách nói về những thách thức lớn nhất mà hiện nay nước Mỹ đang đối mặt: khủng hoảng môi trường toàn cầu và việc đánh mất vị thế của một quốc gia dẫn đầu. 2.3. Kiểu văn bản: Văn bản thông tin. 2.4. Vấn đề được đề cập: Tình trạng biến đổi khí hậu. 2.5. Bố cục và nội dung chính: 3 phần. + Phần 1: Đoạn 1: Nêu vấn đề cần thông tin: <i>Cần hiểu thế nào về tình trạng biến đổi khí hậu.</i> + Phần 2: Đoạn 2,3,4,5: Đưa thông tin khái quát về "sự bất thường của Trái Đất" do tình trạng biến đổi khí hậu gây nên: <i>Biến đổi khí hậu và những tác động liên hoàn.</i> + Phần 3: 2 đoạn cuối: Cung cấp những bằng chứng xác thực về "sự bất thường của Trái Đất": <i>Những báo cáo và con số đầy ám ảnh.</i> 2.6. Nhan đề: - Nhan đề gợi ấn tượng đây sẽ là một văn bản tản văn, giống kiểu những văn bản trong <i>Thương nhớ mười hai</i> của Vũ Bằng. - Chi tiết hoa thủy tiên nở đầu tháng Một có thể được xem là một chi tiết "đắt". Vì nó cho thấy những quan sát và trải nghiệm rất tinh tế của tác giả.

Hoạt động 2.2: Khám phá chi tiết văn bản

- Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết, hiểu được nội dung chính, bằng chứng, cách triển khai, số liệu và ý nghĩa của chúng.
- Nội dung:** GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.
- Sản phẩm:** Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.
- Tổ chức thực hiện:**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhóm	Những sự kiện thể hiện mối quan hệ nhân quả (nhân --> quả)	Vì sao em xác định như vậy?
Đoạn 2	...->...	...
Đoạn 3	...->...	...
Đoạn 4	...->...	...
Đoạn 5	...->...	...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Chi tiết	Tác dụng
1. Bằng chứng: <i>a. Thời tiết thay đổi bất thường và diễn ra với tốc độ nhanh:</i> <i>b. Thời tiết đồng thời tồn tại ở hai thái cực:</i>	
2. Tài liệu tham khảo:.....	
3. Số liệu:.....	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Tìm hiểu chi tiết văn bản	
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV sử dụng phương pháp đàm thoại, tổ chức, hướng dẫn HS trả lời câu hỏi: <i>1) Liệt kê trong văn bản các cụm từ khái quát nội dung chính của vấn đề.</i> <i>2) Trong những cụm từ em vừa liệt kê, cụm từ nào tác giả muốn trao đổi? (em hãy đọc lại đoạn 5)</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ và lần lượt trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo sản phẩm. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS. - GV lưu ý: Với ba cụm từ còn lại, HS chọn cụm từ nào cũng có lí. GV nên để cho HS thảo luận, nêu lí lẽ của mình, qua đó giúp các em hiểu sâu thêm các khía	1. Cần hiểu thế nào về tình trạng biến đổi khí hậu? - Cụm từ liên quan đến chủ đề: <i>biến đổi khí hậu, sự nóng lên của Trái Đất, sự bất thường của Trái Đất, sự rối loạn khí hậu toàn cầu.</i> - Cụm từ <i>sự nóng lên của Trái Đất</i> bị chính tác giả cho là không chính xác khi ông tán đồng (đoạn 5) những phân tích của nhà nghiên cứu Giôn Hô-đơ-ron.

cạnh của vấn đề, đồng thời ý thức được sự thận trọng cần có trong việc lựa chọn từ ngữ nhằm biểu đạt tốt nhất ý muốn nói. - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc thầm phần 2 (Đoạn 2,3,4,5) chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thực hiện một đoạn, hoàn thành Phiếu học tập số 2. Câu hỏi: <i>Chỉ rõ mối quan hệ nhân quả giữa các sự kiện thuộc loại "sự biến đổi cực đoan của thời tiết" có trong đoạn trích? Cho biết vì sao em xác định như vậy.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS lắng nghe tiếp nhận nhiệm vụ, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, gợi ý, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo kết quả - HS của đại diện từng nhóm lên trình bày sản phẩm. - GV dùng máy chiếu trình chiếu phiếu, các em so sánh để tự đánh giá kết quả tìm thông tin của mình. Bước 4: Đánh giá kết luận - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và chuyển sang mục 3. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	2. Biến đổi khí hậu và những tác động liên hoàn - Đoạn 2: nhiệt độ Trái Đất nóng lên -> hạn hán, tuyết rơi dày, bão lớn, lũ lụt, mưa to, cháy rừng, sinh vật biến mất, thời tiết không bình thường, hoa thủy tiên lại nở từ đầu tháng Một. - Đoạn 3: nhiệt độ trung bình tăng, chênh lệch nhiệt độ, thay đổi hướng gió -> tốc độ bay hơi nước thay đổi, mưa bão lớn, nóng khắc nghiệt, hạn hán kéo dài. - Đoạn 4: Nhiệt độ trung bình tăng và cả Trái Đất nóng lên -> đất bốc hơi nhiều và tăng, khí hậu khô hơn, mưa lớn, lũ lụt nghiêm trọng. - Đoạn 5: Sự nóng lên của Trái Đất -> ảnh hưởng tiêu cực lên đời sống con người. *Căn cứ để xác định: Thông tin trước chỉ nguyên nhân "sự biến đổi cực đoan của thời tiết", thông tin sau là hậu quả của sự biến đổi cực đoan đó.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS thảo luận cặp đôi để trả lời vào Phiếu HT số 3 gợi ý: 1) Chú ý tìm bằng chứng ở các đoạn 2,3,4,5 của VB, sau đó bổ sung bằng chứng; 2) Em hãy lưu ý những câu, đoạn có ghi tên các nhân vật hay tên tài liệu được tác giả trích dẫn ý kiến. <i>Vì sao khi thực hành</i>	3. Những báo cáo và con số đầy ám ảnh *Bằng chứng: 1. Thời tiết thay đổi bất thường và diễn ra với tốc độ nhanh: hệ quả: thiên tai có quy mô lớn hơn, một số loài sinh vật hoặc biến mất do không kịp thích ứng hoặc phải thay đổi nhịp độ phát triển,...;

viết một VB, chúng ta cần phải tham khảo nhiều tài liệu? Việc nêu rõ nguồn tài liệu có ý nghĩa như thế nào?

3) Muốn tìm được số liệu các em cần dựa vào hai đoạn cuối của VB (thuộc phần 3) để tìm câu trả lời. Việc dẫn ra các số liệu như vậy có tác dụng gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Mỗi cặp HS thực hiện nhiệm vụ theo từng yêu cầu gợi ý để hoàn thành câu trả lời vào phiếu HT, sau đó cử đại diện trình bày.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo sản phẩm của nhóm mình. Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.

- Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.

*** Duyệt ghi nội dung bài học vào vở.**

2. Thời tiết đồng thời tồn tại ở hai thái cực: nơi nắng hạn gay gắt; nơi mưa bão, lụt lội kinh hoàng.

->Bổ sung bằng chứng cho vấn đề này: hiện tượng thời tiết cực đoan đang diễn ra ở Việt Nam: hiện tượng khô hạn và mưa cực đoan ở miền Trung; rét đậm và rét hại ở miền núi phía Bắc; hạn hán và xâm nhập mặn ở miền Nam.

->**Tác dụng:** Giúp tăng tính thuyết phục và độ tin cậy khi đưa thông tin.

***Tài liệu tham khảo:**

- Tác giả đã nêu ra các cụm từ, câu nói quan trọng của các tác giả như: Hunter Lovins, John Holdren.

- Dẫn ra các dữ kiện, số liệu theo trang CNN.com giới thiệu một báo cáo do Tổ chức Khí tượng thế giới (WMO) của Liên hợp quốc công bố, nội dung về các hiện tượng thời tiết dữ dội trong năm 2007 mà trước kia chưa từng xảy ra.

->**Tác dụng:** xác thực khi viết VB này, tác giả đã thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau.

***Số liệu:**

- Trong một báo cáo do Tổ chức Khí tượng thế giới (WMO) của Liên hợp quốc công bố, nội dung về các hiện tượng thời tiết dữ dội trong năm 2007 mà trước kia chưa từng xảy ra.

- Thể hiện sự cực đoan cho đến tận mùa hè 2008.

->Tác dụng:

+ Làm tăng tính thuyết phục cho điều tác giả muốn nói (củng cố, khẳng định lại các lí lẽ đã nêu).

+ Cho thấy mức độ cập nhật thông tin của tác giả (số liệu đưa ra cũ hay mới,

	chỉ dựa vào một nguồn hay nhiều nguồn tài liệu,...). + Giúp người đọc hình dung được cụ thể về sự rối loạn khí hậu toàn cầu, thấy được sự cấp bách của việc bảo vệ môi trường.
III. Tổng kết	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu câu hỏi: 1) <i>Nêu những đặc sắc trong nghệ thuật đưa thông tin của tác giả trong văn bản.</i> 2) <i>Nội dung chính của văn bản.</i> 3) <i>Nêu lên điều có ý nghĩa nhất mà em thu nhận được sau khi đọc văn bản này.</i> (*Gợi ý: 1. VB giúp em hiểu như thế nào về vấn đề biến đổi khí hậu trên Trái Đất hiện nay?; 2. Đọc VB “Thủy tiên tháng Một”, em có thêm kiến thức gì về VB thông tin nói chung (cách triển khai ý tưởng, sử dụng cước chú, tài liệu tham khảo, các số liệu,...)?) 4) <i>Từ văn bản trên, em cần lưu ý điều gì về cách đọc kiểu văn bản thông tin?</i> (Câu hỏi mở rộng: Nếu cần viết một VB thông tin về vấn đề môi trường trên Trái Đất, em có thể viết gì? Hãy phác thảo hướng thực hiện bài viết đó). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời. - GV quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời. - HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết luận - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại.	1. Nghệ thuật: - Trình bày thông tin theo quan hệ nhân quả. - Kết hợp nhuần nhuyễn giữa thông tin khoa học với những quan sát trải nghiệm của bản thân. - Sử dụng những số liệu chính xác, có căn cứ thuyết phục. - Nhan đề ấn tượng, gợi suy đoán; nhiều chi tiết mang tính điển hình. 2. Nội dung – Ý nghĩa: - Văn bản đề cập đến vấn đề biến đổi khí hậu trên Trái Đất đang diễn ra với những hiện tượng thời tiết vô cùng bất thường và cực đoan. Từ đó, giúp mỗi người có được nhận thức sâu sắc về sự rối loạn khí hậu toàn cầu, có ý thức bảo vệ môi trường để cuộc sống ngày càng tốt hơn. 3. Cách đọc hiểu văn bản thông tin - Đọc tiêu đề, xác định được đối tượng được đề cập đến trong văn bản. - Đọc lướt và phát hiện các thông tin chính/nổi bật của văn bản. - Chú ý, đọc kĩ các thông tin chính/nổi bật, các chú thích, thuật ngữ chuyên sâu được sử dụng trong văn bản. - Xem xét các tranh, ảnh, sơ đồ, bảng biểu, kết nối chúng với thông tin của văn bản, xem chúng có tác dụng như

	thể nào đối với việc thể hiện nội dung thông tin của văn bản. - Liên hệ với trải nghiệm của bản thân hoặc với thực tiễn đời sống.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố nội dung, cách trình bày thông tin trong VB.

b. Nội dung: HS dựa vào nội dung đã tìm hiểu để trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để tìm câu trả lời.

- Bài tập: Em hãy vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ nhân quả dẫn đến "sự biến đổi cực đoan của thời tiết" được thể hiện trong văn bản.

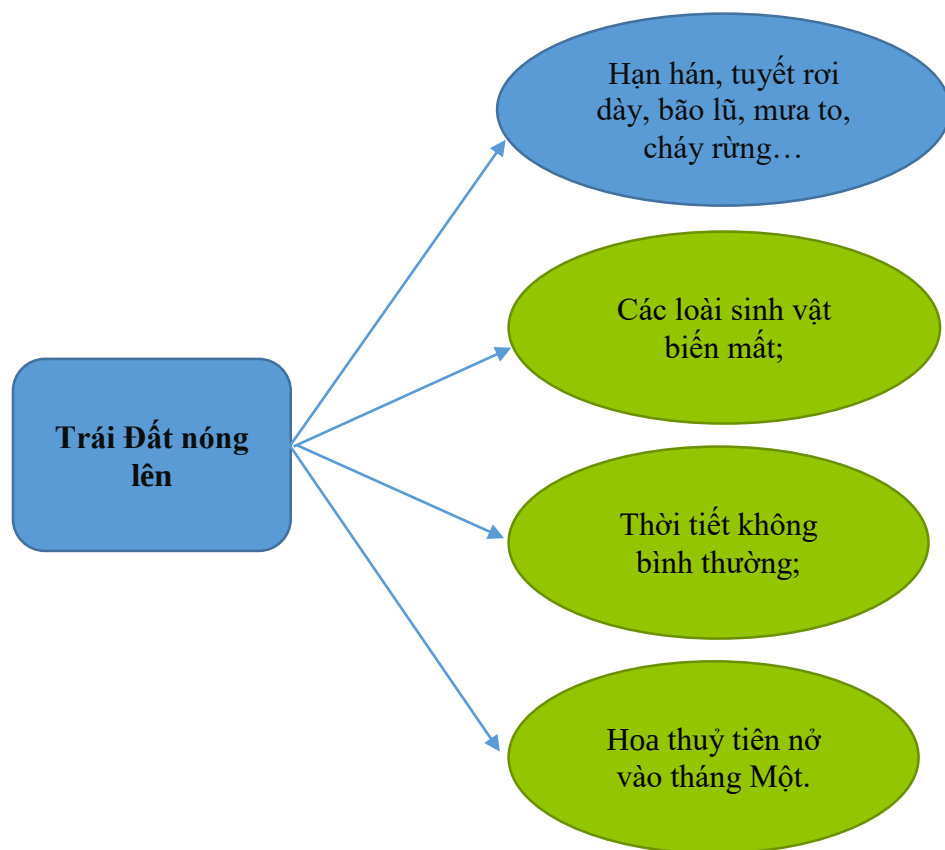
*** Yêu cầu và gợi ý:**

- Em cần xác định được các đoạn văn thể hiện mối quan hệ nhân quả. (Đó là các đoạn 2,3,4,5);

- Sau đó chọn từ khoá và phân tích cách triển khai và làm sáng tỏ vấn đề/thông tin của tác giả.

- Em làm đoạn 2 trên lớp, các đoạn tương tự còn lại về nhà làm.

*** Đáp án tham khảo: (Đoạn 2 của văn bản)**



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, làm việc để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày, HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học để liên hệ trải nghiệm thực tiễn của cá nhân.

b. Nội dung: HS vận dụng kỹ năng viết đoạn để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

*GV hướng dẫn HS vận dụng những hiểu biết thu nhận được từ việc đọc VB để thực hiện viết đoạn văn trong khoảng 5-7 phút.

***VIẾT KẾT NỐI ĐỌC:** Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) trình bày hiểu biết và suy nghĩ của em về tác động của biến đổi khí hậu ở vùng miền em đang sống.

***Gợi ý:**

- **Về hình thức:** Số câu cần đúng với quy định, đoạn văn không ngắn quá hoặc dài quá, có phần Mở đoạn, Thân đoạn và Kết đoạn rõ ràng. Các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, tập trung vào chủ đề, liên kết với nhau bằng các phương tiện phù hợp, không mắc lỗi về chính tả, diễn đạt.

- **Về nội dung:** Đoạn văn cần trả lời được các câu hỏi: *Vì sao hiện tượng biến đổi khí hậu khiến cả loài người quan tâm? Những tác hại mà nó gây ra cho sự sống trên Trái Đất là gì? Hãy chỉ ra những biểu hiện cụ thể của hiện tượng biến đổi khí hậu ở địa phương em.*

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện yêu cầu. GV quan sát, hỗ trợ những HS gặp khó khăn.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- Gọi ngẫu nhiên một HS trình bày đoạn văn trước lớp. Các HS khác căn cứ vào các tiêu chí đánh giá để nhận xét về sản phẩm của bạn theo bảng kiểm.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá; rút kinh nghiệm cho HS.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

ĐOẠN VĂN THAM KHẢO

Biến đổi khí hậu toàn cầu là vấn đề vô cùng nan giải, hiện tại nó đã và đang diễn ra từng ngày. Ngay ở nơi em sống, cũng có thể nhận thấy khá rõ điều này. Quê hương em nằm ở dải đất miền Trung, nơi mà về mùa đông, trời lạnh tái tê còn

mùa hè thì gió Lào thổi nóng rất. Năm 2020 mới đây, miền Trung đã phải hứng chịu 13 cơn bão nhiệt đới liên tiếp, gây ra tình trạng lũ lụt và sạt lở đất tồi tệ nhất trong 10 năm trở lại. Các căn nhà bị tàn phá, hoa màu hư hại, những người dân quê em vốn đã khó khăn nay lại lâm vào cảnh tay trắng. Thật may vì người Việt tương thân, tương ái. Các cơn bão đi qua, miền Trung lại vực dậy sức sống. Em chỉ mong sao tất cả chúng ta có ý thức bảo vệ môi trường tốt hơn, để ngăn chặn được sự biến đổi khí hậu toàn cầu, không làm cho Trái Đất nóng lên thì tất cả chúng ta sẽ bớt đi được những mối lo, vui sống nhiều hơn.

Bảng kiểm Đánh giá kỹ năng viết đoạn văn

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5 - 7 câu.		
2	Đoạn văn đúng chủ đề yêu cầu.		
3	Lí lẽ dẫn chứng thuyết phục.		
4	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.		
5	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.		

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các đơn vị kiến thức và nhiệm vụ của bài học.
- Chuẩn bị soạn bài: đọc, tìm hiểu bài **Thực hành tiếng Việt: Cước chú và tài liệu tham khảo**.

HẾT.

Ngày soạn: 18/4/2024

Ngày dạy: 16,17,18,19 /4/2024

BÀI 9. HOÀ ĐIỀU VỚI TỰ NHIÊN
TUẦN 30
THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
TIẾT 118: CƯỚC CHÚ VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Mục tiêu

Giúp HS:

- HS nhận biết được đặc điểm, chức năng của cước chú và vị trí đặt cước chú.
- HS nhận biết được ý nghĩa, tác dụng của tài liệu tham khảo và cách sử dụng tài liệu tham khảo trong VB.
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành, hoàn thành các bài tập xác định cước chú và tài liệu tham khảo, hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.
- Chăm chỉ: Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.
- Thái độ học tập nghiêm túc.

** Em Duy nhận biết được đặc điểm, chức năng của cước chú và vị trí đặt cước chú.*

- Nhận biết được ý nghĩa, tác dụng của tài liệu tham khảo và cách sử dụng tài liệu tham khảo trong VB.

- Chăm chỉ: Chủ động, tự giác, thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Thái độ học tập nghiêm túc.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị:

- Máy vi tính, bảng phụ, giấy A0, bút màu...

2. Học liệu:

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;
- SGK Ngữ văn 7.
- Sưu tầm các văn bản sử dụng cước chú và tài liệu tham khảo.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp HS tạo tâm thế hào hứng, kết nối tri thức để bước vào bài học, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: GV chiếu bài tập, HS suy nghĩ trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu yêu cầu, HS suy nghĩ trả lời:

+ **Em hãy đọc hai đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

ĐOẠN I:

Tương truyền⁽¹⁾ hồi còn trẻ, một lần thánh Au-gu-xtinh⁽²⁾ (Augustine) ngồi cô đơn và tĩnh lặng trong vườn, vắng nghe bên tai giọng nói thầm thì của một em bé: “Hãy cầm lấy và đọc!”⁽³⁾. Câu nói ấy lặp đi lặp lại như một điệp khúc. Từ hôm đó thúc đẩy một sứ mệnh⁽⁴⁾ có tính chất mặc khải⁽⁵⁾, ông đi sâu nghiên cứu triết học, và trở thành nhà tư tưởng hàng đầu của thời trung đại⁽⁶⁾. (theo Huỳnh Như Phương)

Đoạn II

Ngày trước Trần Hưng Đạo căn dặn nhà vua: “Nếu giặc đánh như vũ bão thì không đáng sợ, đáng sợ là giặc gặm nhấm như tằm ăn dâu”.

Hẳn rằng người hút thuốc lá không lẫn dùng ra chết, không say bê bết như người uống rượu. Khói thuốc lá chứa nhiều cơ chất độc, thấm vào cơ thể. Nạn nhân đầu tiên là những lông rung của những tế bào niêm mạc ở vòm họng, ở phế quản, ở nang phổi bị chât hắc ín trong khói thuốc lá làm tê liệt. Các lông mao này có chức năng quét dọn bụi bặm và các vi khuẩn theo luồng không khí tràn vào phế quản và phổi; khi các lông mao ngừng hoạt động, bụi và vi khuẩn không được đẩy ra ngoài, tích tụ, gây ho hen và sau nhiều năm gây viêm phế quản...(Trần Khắc Viện)

Câu 1. *Xác định kí hiệu và tên đối tượng được chú thích ở đoạn I.*

Câu 2. *Ở đoạn II, tác giả trích dẫn lời của Trần Hưng Đạo bằng cách nào?*

***Gợi ý:**

Câu 1. Một số kí hiệu và tên đối tượng được chú thích trong đoạn I: (1) tương truyền: truyền miệng cho nhau trong dân gian từ đời nọ sang đời kia; (2) thánh Au-gu-xtinh: nhà thần học và triết học lớn ở châu Âu thời trung đại; (3) sứ mệnh: nhiệm vụ quan trọng, được coi là thiêng liêng; (4) mặc khải: một khả năng đặc biệt được Chúa ban cho, nhờ đó có thể nhận biết trong khoảnh khắc mà người bình thường không thể biết; (5) trung đại: thời Trung cổ ở các nước châu Âu và thời phong kiến ở các nước phương Đông.

Câu 2. Ở đoạn II, tác giả trích dẫn nguyên văn lời của Trần Hưng Đạo, được đặt trong dấu ngoặc kép.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

+ HS thực hiện nhiệm vụ.

+ GV quan sát, hỗ trợ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

+ HS trình bày, chia sẻ hiểu biết.

+ GV nghe, quan sát học sinh, trình bày tổng kết.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức, dẫn vào bài:

Các em ạ! Trong tất cả các văn bản, việc sử dụng cước chú để đánh dấu cho những chú thích nhằm giải thích, cung cấp thông tin về nghĩa của từ; miêu tả và giải

*thích về sự vật, hiện tượng tự nhiên, cuộc sống một cách rõ ràng, cụ thể giúp người đọc, người nghe hiểu tường tận vấn đề là vô cùng quan trọng và cần thiết. Không những thế, để giúp cho văn bản có lập luận chặt chẽ, tăng sức thuyết phục bằng chứng xác thực, tạo độ tin cậy cho mọi người, chúng ta cũng cần tìm đến nguồn tài liệu tham khảo uy tín, chất lượng. Bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi vào tìm hiểu về **Cước chú và tài liệu tham khảo**.*

CƯỚC CHÚ

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu: Giúp HS:

- Nhận biết được đặc điểm, chức năng của cước chú và vị trí đặt cước chú.
- Nhận biết được ý nghĩa, tác dụng của tài liệu tham khảo và cách sử dụng tài liệu tham khảo trong VB.

b. Nội dung: HS dựa vào thẻ SGK suy nghĩ để nhận biết, trả lời vào phiếu HT.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

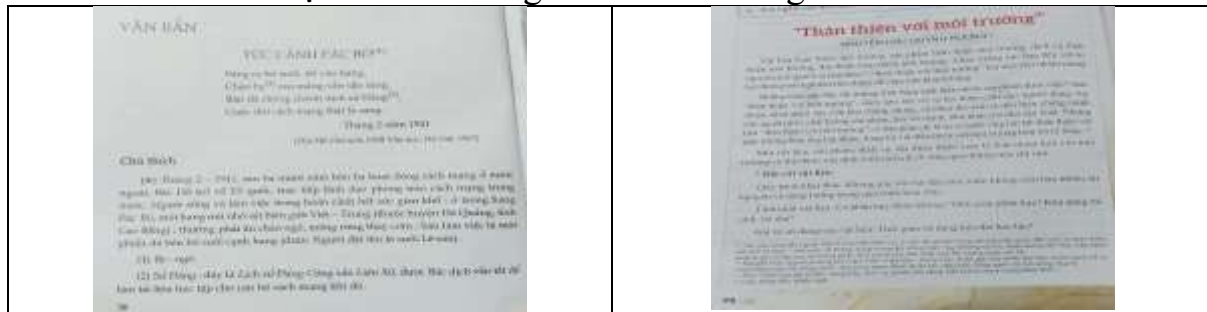
d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

(Nhận biết đặc điểm, chức năng và vị trí đặt cước chú)

Quan sát hai bức ảnh sau

và nhận xét về cách ghi cước chú trong hai văn bản đó.



Đặc điểm	Chức năng	Cách ghi cước chú
....	...	Bước 1. Kí hiệu đánh dấu đối tượng được chú thích:....
		Bước 2. 1. Vị trí đặt cước chú:....
		2. Các thành phần của cước chú:....

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi:	1. Nhận biết đặc điểm, chức năng và cách ghi cước chú *Đặc điểm:

+ Đọc thâm lại mục <i>Tri thức Ngữ văn</i> tr.77 và thẻ trong SGK tr.83, kết hợp quan sát bức ảnh chụp để ghi lại đặc điểm, chức năng, cách ghi cước chú vào Phiếu học tập số 1 Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh tiếp nhận và thực hiện. - HS suy nghĩ. Viết câu trả lời ra giấy. Sau đó cùng trao đổi với bạn trong cặp đôi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. Bước 4: Kết luận, nhận định - HS nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, đánh giá. * Duy - Nhận biết đặc điểm, chức năng và cách ghi cước chú. - Các thành phần của cước chú - Ghi nội dung bài học vào vở.	- Xuất hiện trong phần chính của trang hoặc của văn bản thông tin (nhất là văn bản khoa học), văn bản nghị luận và văn bản văn học cổ được đời sau in lại. *Chức năng: Giúp người đọc nắm bắt chính xác những thông tin, thông điệp, ý nghĩa của văn bản. * Cách ghi cước chú: Bước 1. Kí hiệu đánh dấu đối tượng được chú thích: bằng chữ số hoặc dấu hoa thị. Bước 2. 1. Vị trí đặt cước chú: Cuối văn bản hoặc ở chân trang. 2. Các thành phần của cước chú - Kí hiệu đánh dấu đối tượng; - Tên đối tượng; - Dấu hai chấm; - Nội dung giải thích.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** củng cố cho HS nhận biết đặc điểm, chức năng, cách ghi cước chú.
- b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, theo cặp bàn, hoàn thành bài tập vào phiếu, vở.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS				Dự kiến sản phẩm		
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS suy nghĩ và xác định yêu cầu của bài. Bài tập 1/tr.83. Kẻ bảng sau vào vở. Ghi những từ ngữ, nội dung có cước chú trong văn bản " <i>Thủy tiên tháng Một</i> " vào các cột phù hợp.				2. Luyện tập Bài tập 1/tr.83		
Từ ngữ được giải thích nghĩa		Đối tượng được cung cấp thông tin về xuất xứ	Sự việc, hiện tượng được miêu tả, giải thích			
- Thái cực		- Ảnh của Quốc Trung	- <i>Min-ne-xô-ta,</i>			
- đồng nhất, hải		- <i>Thoai-lai Dôn,</i> (Thô-	<i>hiện tượng</i>			

	tin về xuất xứ	miêu tả, giải thích	lưu, cực đoan.	mát L. Phrít-man, <i>Nóng Phẳng Chật</i> , Nguyễn Hằng dịch, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, trang 179 - 181);	“ <i>nước trời</i> ”.
- Thái cực ...	- Ảnh của Quốc Trung ...	- Min-nét-xô-ta ...			
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày, nhận xét. - HS nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá; - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý.					
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS có được kiến thức toàn diện về đặc điểm của cước chú, bao gồm: <i>các thành phần của cước chú, vị trí đặt cước chú, nội dung cước chú, ngôn ngữ của cước chú.</i> Bài tập 2/tr.83: Dựa trên quan sát của em về những cước chú trong văn bản " <i>Thủy tiên tháng Một</i> ", hãy kẻ bảng sau vào vở và điền nội dung cần thiết vào ô trống.			Bài tập 2/tr.83		
Các thành phần của cước chú	Vị trí đặt cước chú	Nội dung cước chú	Ngôn ngữ của cước chú		
- Kí hiệu đánh dấu đối tượng được chú thích ...	- Chân trang	- Giải thích nghĩa của từ ngữ ...	- Ngắn gọn ...	- Kí hiệu đánh dấu đối tượng được chú thích (<i>tương ứng với kí hiệu xuất hiện ở phần chính của VB</i>); <i>tên của đối tượng được chú thích;</i>	- <i>Giải thích nghĩa của từ ngữ, thuật ngữ; cung cấp thông tin về xuất xứ của đối tượng; giải thích sự</i>
					- Ngắn gọn, rõ ràng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, thực hiện yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá. - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý. * Duy làm bài tập 1, 2/ 83 vào vở.	<table><tr><td><i>phần giải thích của tác giả hay của người biên soạn sách.</i></td><td></td><td><i>vật, hiện tượng được nói tới.</i></td><td></td></tr></table>	<i>phần giải thích của tác giả hay của người biên soạn sách.</i>		<i>vật, hiện tượng được nói tới.</i>	
<i>phần giải thích của tác giả hay của người biên soạn sách.</i>		<i>vật, hiện tượng được nói tới.</i>			
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thực hiện: Bài tập 3, 4/tr.83: Bài tập 3: Theo em, cần có thêm cước chú cho từ ngữ, nội dung nào có trong văn bản đã đọc ở trên? Vì sao? Bài tập 4: Hãy trình bày về cách ghi cước chú cho một trong những từ ngữ, nội dung được đề nghị ở bài tập 3. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định - HS nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý.	Bài tập 3,4/tr.83 a. Bài 3: - Theo em, cần có thêm cước chú cho tên của những người được tác giả đề cập đến trong bài: Hân-tơ Lo-vin (Hunter Lovins), Giôn Hô-đơ-ron (John Holdren). - Vì không phải bất cứ người đọc nào cũng biết những người được nhắc đến đó là ai. b. Bài 4: - Đánh số bên cạnh các từ chỉ tên người đã được nhắc đến ở câu 3. - Ghi cước chú ở chân trang lần lượt như sau: + (1) Hunter Lovins: nhà môi trường Mỹ, là chủ tịch và người sáng lập của tổ chức Những giải pháp chủ nghĩa tư bản tự nhiên (Natural Capitalism Solutions), là tác giả hàng đầu về phát triển bền vững. + (2) John Holdren: giáo sư người Mỹ nghiên cứu Khoa học Môi trường và Chính sách tại Trường Chính phủ Kennedy thuộc Đại học Harvad, từng là cố vấn cấp cao của Tổng thống Mỹ Barack Obama về các vấn đề khoa học và công nghệ.				

TÀI LIỆU THAM KHẢO

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu: Giúp HS:

- Nhận biết được ý nghĩa, tác dụng của tài liệu tham khảo và cách sử dụng tài liệu tham khảo trong VB.

*** Duy ghi nội dung bài học vào vở, nhận biết được ý nghĩa của tài liệu tham khảo.**

b. Nội dung: HS dựa vào thẻ SGK suy nghĩ để nhận biết, trả lời vào phiếu HT.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

(Nhận biết ý nghĩa, tác dụng của tài liệu tham khảo
và cách sử dụng tài liệu tham khảo trong VB)

Nhiệm vụ: Đọc các văn bản (chữ và hình ảnh) rút ra nhận xét về các thao tác trích dẫn tài liệu tham khảo bằng cách hoàn thành thông tin vào Phiếu HT)

Văn bản 1

Ngày bạn thôi mơ mộng là ngày cuộc đời bạn mất hết ý nghĩa. Những người biết mơ ước là những người đang sống cuộc sống của các thiên thần. Ngay cả khi giấc mơ của bạn không bao giờ trọn vẹn, bạn cũng sẽ không phải hối tiếc vì nó. Như Đôn-ki-hô-tê đã nói: “Việc mơ những giấc mơ diệu kì là điều tốt nhất một người có thể làm”.

Tôi vẫn tin vào những câu chuyện cổ tích – nơi mà lòng kiên nhẫn, ý chí bền bỉ sẽ được đền đáp. Hãy tự tin tiến bước trên con đường mơ ước của bạn.

(*Quà tặng cuộc sống*, Thu Quỳnh, Hạnh Nguyên dịch,
NXB Tổng hợp thành phố HCM, 2016)

Văn bản 2

*Tác dụng của văn học đối với đời sống con người thật là to lớn. Đặc biệt là văn học bằng tiếng mẹ đẻ. Biết yêu văn học, biết cảm thụ văn học, con người sẽ giàu tình cảm hơn và sẽ có cuộc sống nội tâm phong phú hơn, hoàn thiện hơn: “**Yêu quốc văn, yêu văn Việt thì tâm hồn sẽ dạt dào sức sống, sức cảm xúc, mến yêu và suy nghĩ, do đó mà thêm sức chiến đấu**” (Xuân Diệu).*

Văn bản 3



Ý nghĩa, tác dụng của tài liệu tham khảo	Các thao tác trích dẫn tài liệu tham khảo

....	...

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS thảo luận nhóm đôi với yêu cầu: ?Đọc thầm lại mục <i>Tri thức Ngữ văn</i> tr.77 và thẻ trong SGK tr.83, kết hợp đọc 3 văn bản sau để hoàn thành nhận xét trong Phiếu học tập số 2. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh tiếp nhận và thực hiện. - HS suy nghĩ. Viết câu trả lời ra giấy. Sau đó cùng trao đổi với bạn trong cặp đôi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. Bước 4: Kết luận, nhận định - HS nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, đánh giá. * Duy nhận biết ý nghĩa, các thao tác trích dẫn tài liệu tham khảo. - Ghi nội dung bài học vào vở.	1. Nhận biết ý nghĩa, tác dụng và các thao tác trích dẫn tài liệu tham khảo a. Ý nghĩa, tác dụng: Qua danh mục tài liệu tham khảo, giúp người đọc có được những nhận định bước đầu về độ tin cậy của nội dung thông tin trong văn bản hay giá trị chuyên môn, khoa học của văn bản. b. Các thao tác trích dẫn tài liệu tham khảo - Đặt trong dấu ngoặc kép đoạn trích dẫn nguyên văn một ý kiến nhận định nào đó. - Nêu thông tin về họ, tên tác giả của ý kiến của nhận định được trích dẫn (có thể đặt trước hoặc sau đoạn trích dẫn) - Ghi đầy đủ tên tài liệu được trích dẫn, cùng nơi xuất bản hoặc thời gian xuất bản vào vị trí thích hợp (ghi như một cước chú; ghi ngay sau đoạn trích dẫn; ghi ở phần cuối văn bản trong mục <i>Tài liệu tham khảo</i>)

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố cho HS nhận biết ý nghĩa của tài liệu tham khảo và cách trích dẫn TLTK

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, theo cặp bàn, hoàn thành bài tập vào phiếu, vở.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nhắc HS xem lại câu hỏi 5 ở phần <i>Sau khi đọc</i> (SHS, trang 82) để hiểu rõ hơn về yêu cầu của bài tập (<i>Hãy chỉ ra những dấu hiệu chứng tỏ khi viết VB này, tác giả đã</i>	2. Luyện tập Bài tập 5/tr.83: - Tài liệu tham khảo có khi liên quan đến một thuật ngữ được sử dụng. Trong trường hợp đó, tác giả nhắc đến tên người đã đề xuất thuật

sử dụng nhiều tài liệu tham khảo cần thiết). Bài tập 5/tr.83. Việc cung cấp thông tin về tài liệu tham khảo đã được Tô-mát L. Phrít-man thực hiện như thế nào trong "<i>Thủy tiên tháng Một</i>"? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày, nhận xét. - HS nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá; - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý. * Duy làm bài tập vào vở.	ngữ, như Hân-tơ Lo-vin với thuật ngữ <i>sự bất thường của Trái Đất</i> (ở đầu đoạn 2). - Tài liệu tham khảo có khi liên quan đến một quan điểm đánh giá. Ở đây, tác giả cũng đã nêu tên người có ý kiến được trích dẫn như Giôn Hô-đơ-rơ (ở đầu đoạn 5). - Trong đoạn 6 và 7 của VB, tác giả ghi rõ các đoạn trích được lấy từ VB nào, của ai và xuất bản vào thời gian nào: + "<i>Trang CNN.com (ngày 07/8/2007) giới thiệu một báo cáo do Tổ chức Khí tượng thế giới (WHO) của Liên hợp quốc công bố, nội dung về các hiện tượng thời tiết dữ dội trong năm mà trước kia chưa từng xảy ra.</i>" + "<i>Báo Niu-I-oóc Thai-mơ (New York Times) (ngày 13/6/2008) có một câu mô tả chính xác tình trạng bất thường của Trái Đất mà người Ai-o-oa hẳn đang cảm thấy [...]</i>". => Nói chung, trong <i>Thủy tiên tháng Một</i>, việc cung cấp thông tin về tài liệu tham khảo luôn được tác giả lưu ý, xem đó như một điều mang tính bắt buộc.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS nhận biết được sự khác nhau giữa những <i>cách ghi nguồn tài liệu tham khảo</i>. Bài tập 6/tr.83-84: Ngoài cách ghi như trong văn bản "<i>Thủy tiên tháng Một</i>" của tác giả Tô-mát L. Phrít-man, nguồn tài liệu tham khảo đó có thể được trình bày theo cách khác: đặt ở một phần riêng cuối văn bản. Cụ thể như sau:	Bài tập 6/tr.83-84: *Sự khác biệt giữa hai cách ghi nguồn tài liệu tham khảo đã nêu: + Một cách là ghi ngay ở các đoạn có thông tin được trích dẫn. + Một cách là ghi ở một phần riêng cuối văn bản. - Trong hai cách ghi đó, cách thứ hai thường được sử dụng phổ biến hơn trên sách, báo hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Tổ chức khí tượng thế giới (07/8/2007), "Trên toàn cầu, năm 2007 đang trên đà trở thành một năm thời tiết khắc nghiệt", <http://edition.cnn.com/2007/TECH/science/08/07/weather.extremes/index.html>

2. Cri-xtốp-phơ Ma-gơ (Christopher Maag) (13/6/2008), "Ở phía đông Ai-o-oa, thành phố "sẽ không bao giờ ngập lụt" nằm dưới độ sâu 12

feet", <https://www.nytimes.com/2008/06/13/us/13flood.html>

Hãy chỉ ra sự khác biệt giữa hai cách ghi nguồn tài liệu tham khảo nêu trên. Theo tìm hiểu của em, trong hai cách ghi đó, cách nào được sử dụng phổ biến hơn trên sách báo hiện nay?

(Gợi ý: Cách tác giả Thô-mát L. Phrít-man đã làm không đòi hỏi phải thực hiện nhiều thao tác như cách được giả định trong bài tập. Với cách sau, tác giả phải sắp xếp các đơn vị tài liệu tham khảo theo quy ước và đánh số cho từng đơn vị. Khi ghi thông tin về một đơn vị tài liệu tham khảo, cần sắp xếp theo trật tự: tác giả của tài liệu; thời gian xuất bản (đặt trong ngoặc đơn); tên của tài liệu (in thẳng, đặt trong ngoặc kép nếu đó là một bài đăng trên báo, tạp chí hoặc in nghiêng, không đặt trong ngoặc kép nếu đó là một cuốn sách hay ấn phẩm độc lập); nơi xuất bản (báo nào đăng hay nhà xuất bản nào in; nếu là báo điện tử thì phải ghi rõ đường link).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, thực hiện yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày, nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- GV nhận xét, đánh giá, lưu ý.

*** Duy làm bài tập vào vở.**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS thực hiện: **Bài tập 7/tr.84:** lập bảng để nêu nhận xét về tác dụng của việc viện dẫn thông tin và sử dụng tài liệu tham khảo trong VB “Thủy tiên tháng Một”.

- GV cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm để hoàn thành bài tập, sau đó nêu vấn đề để cả lớp cùng thảo luận. Nhắc HS khi ghi thông tin vào bảng, cần xem xét tác dụng của việc viện dẫn thông tin và sử dụng tài liệu tham khảo ở từng trường hợp cụ thể đã được liệt kê, tránh nói chung chung.

Bài tập 7/tr.84: Lập bảng theo mẫu sau để đánh giá tác dụng của việc viện dẫn thông tin và sử dụng tài liệu tham khảo trong “Thủy tiên tháng Một”:

STT	Thông tin được viện dẫn và tài liệu tham khảo đã sử dụng	Tác dụng của việc viện dẫn thông tin và sử dụng tài liệu tham khảo
....	...	...
...	...	...

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày, nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- HS nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, đánh giá, lưu ý.

Bài tập 7/tr.84:

***Thông tin được viện dẫn và tài liệu tham khảo đã sử dụng:**

- Thông tin về thuật ngữ "sự nóng lên của Trái Đất" đã khiến người ta nhầm lẫn. =>Tác dụng: Cho thấy một quan điểm khách quan từ một người có uy tín, từ đó làm tăng sức thuyết phục cho nội dung bài viết.

- Thông tin về các hiện tượng thời tiết dữ dội trong năm mà trước kia chưa từng xảy ra.

***Tác dụng:**

+ Cho thấy nguồn thông tin là đáng tin cậy, có sức thuyết phục.

+ Thể hiện sự tôn trọng, chuyên nghiệp của người viết khi sử dụng thông tin trong bài viết của mình.

+ Cho thấy nguồn thông tin là đáng tin cậy, có sức thuyết phục.

+ Thể hiện sự tôn trọng, chuyên nghiệp của người viết.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Phát triển bài tập 4 thành một bài luyện tập có nội dung cụ thể và phong phú hơn về việc chọn đối tượng cần có cước chú và cách ghi cước chú; nhận xét về quy cách sử dụng tài liệu tham khảo được thể hiện trong VB.

b. Nội dung: HS thực hiện bài tập trên lớp hoặc ở nhà.

c. Sản phẩm: Câu trả lời thể hiện hiểu biết của HS.

d. Tổ chức hoạt động: HS thực hiện ở nhà và báo cáo trên lớp ở giờ học sau.

*** GV nêu câu hỏi yêu cầu HS thực hiện:**

Câu hỏi: *Hãy ghi cước chú cho một hoặc một số từ ngữ, đối tượng có trong VB theo lựa chọn của em (không thực hiện điều này với những từ ngữ, đối tượng đã được giải thích trong sách) bằng cách điền vào bảng sau:*

STT	Từ ngữ, đối tượng cần ghi cước chú	Nội dung của cước chú
...	...	...
...	...	...

*GV giới thiệu cho HS một VB thông tin khác (bản phô-tô hay bản trình chiếu) và yêu cầu các em nhận xét về quy cách sử dụng tài liệu tham khảo được thể hiện trong VB đó.

Ví dụ:

THIẾT KẾ QUY TRÌNH BÀI HỌC MÔN NGỮ VĂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH

TS. PHẠM MINH DIỆU

Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Đặt vấn đề

(...)

5. Kết luận

Quy trình bài học môn Ngữ văn có nhiều yếu tố phù hợp với cách dạy học truyền thống, đồng thời có những yếu tố mới, tích cực, nhất là đã tạo cơ chế để phát huy tính độc lập, năng lực hợp tác, năng lực tư duy sáng tạo,... của HS, góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Minh Thuyết, (2012), *Phương pháp dạy học tiếng Việt nhìn từ tiểu học*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[2]. Phan Trọng Luận, Trương Đình, (2011), *Phương pháp dạy học văn*, tập 1, NXB Đại học Sư phạm, tr. 253- 274.

[3]. Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường, (2011), *Cơ sở đổi mới phương pháp dạy học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội - Trường Đại học Potsdam.

[4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2015), *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể* (Dự thảo).

[5]. Phạm Minh Diệu, *Bàn về năng lực chuyên biệt môn Ngữ văn ở trường phổ thông*, Tạp chí Giáo dục Việt Nam, số 97, tr. 54- 56.

[6]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Giáo dục Trung học Dự án Mô hình trường học mới Việt Nam), (2014), Tài liệu tập huấn Dạy học theo Mô hình trường học mới Việt Nam lớp 6, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

Nguồn: Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, Số 128, tháng 05 năm 2016

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các bài tập vào vở;
- Đọc trước văn bản 2. *Lễ rửa làng của người Lô Lô* (Phạm Thuỳ Dung). Soạn câu hỏi ở phần sau khi đọc/ tr 58.

Tiết: 119-120

VĂN BẢN 2 LỄ RỬA LÀNG CỦA NGƯỜI LÔ LÔ

Phạm Thuỳ Dung



I. Mục tiêu

Giúp HS:

- Nhận biết được đặc điểm của VB giới thiệu về một lễ tục với nhiều hoạt động cụ thể được thực hiện theo những quy định chặt chẽ.
- Nhận biết được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong VB.
- Nêu được những thu hoạch bổ ích về lối sống tôn trọng tự nhiên, hoà điệu với tự nhiên.
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập.
- Bồi đắp thái độ tôn trọng tự nhiên, hoà điệu với tự nhiên.

* Em Duy - Nhận biết được đặc điểm của VB giới thiệu về một lễ tục với nhiều hoạt động cụ thể được thực hiện theo những quy định chặt chẽ.

- Bồi đắp thái độ tôn trọng tự nhiên, hoà điệu với tự nhiên.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Các hình ảnh, video liên quan.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Kết nối, tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. **Nội dung:** HS xem video và chia sẻ thông tin tiếp thu được..

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chiếu đoạn video từ đầu đến phút thứ 7.36s/9p58s cho HS xem và nêu vấn đề cho HS trao đổi thảo luận, suy nghĩ và trình bày:

+ *Em có nhận xét gì về những thông tin được nghe, thấy xung quanh việc giới thiệu này?*



<https://dienbientv.vn/tin-tuc-su-kien/van-hoa/202210/le-mung-com-moi-cua-dan-toc-xinh-mun-5793057/>

*GỢI Ý:

Đoạn video đã giới thiệu các thông tin về lễ mừng cơm mới của người Xinh Mun bao gồm các phân, thông tin về chuẩn bị lễ vật, cách thức tiến hành, ý nghĩa của nghi lễ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, sau đó chia sẻ những thông tin nhận biết được.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ hiểu biết của bản thân qua việc xem video.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét thái độ làm việc, câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới, sau đó dẫn vào bài:

Các em ạ, một số lễ tục thờ cúng được người Việt duy trì đến ngày hôm nay có ý nghĩa biểu thị sự kính trọng, biết ơn tổ tiên, cách ứng xử đầy nhân văn đối với những ân huệ mà tự nhiên ban tặng cho con người như: lễ cúng cơm mới, lễ cầu mưa, lễ cầu ngư,... Nằm trong những lễ tục truyền thống tốt đẹp đó, bài học hôm nay chúng ta cùng lên với vùng núi phía Bắc để tìm hiểu về lễ rửa làng của người Lô Lô ở Cao Bằng và Hà Giang...

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung về văn bản

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về văn bản.

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét chung về tác phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

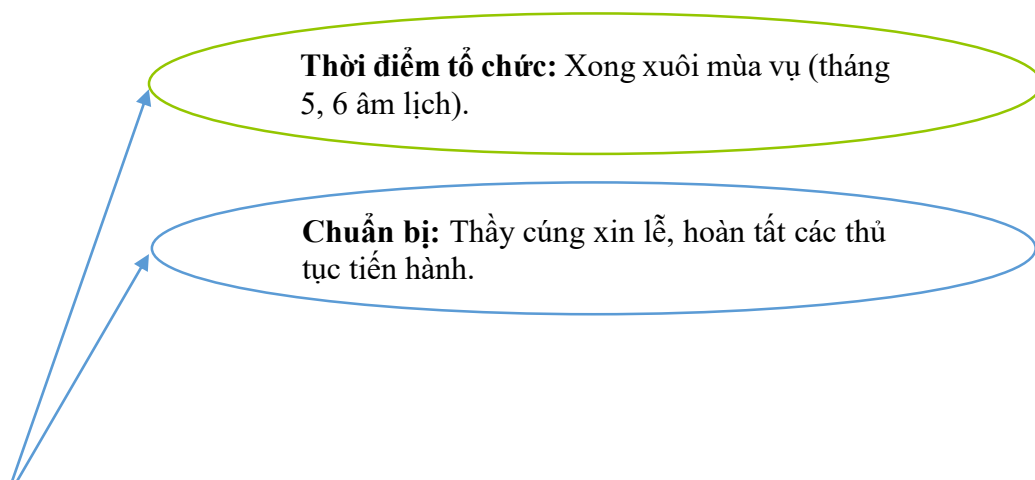
PHIẾU HỌC TẬP 01 **Tìm hiểu chung về văn bản** (Phiếu học tập giao về nhà)

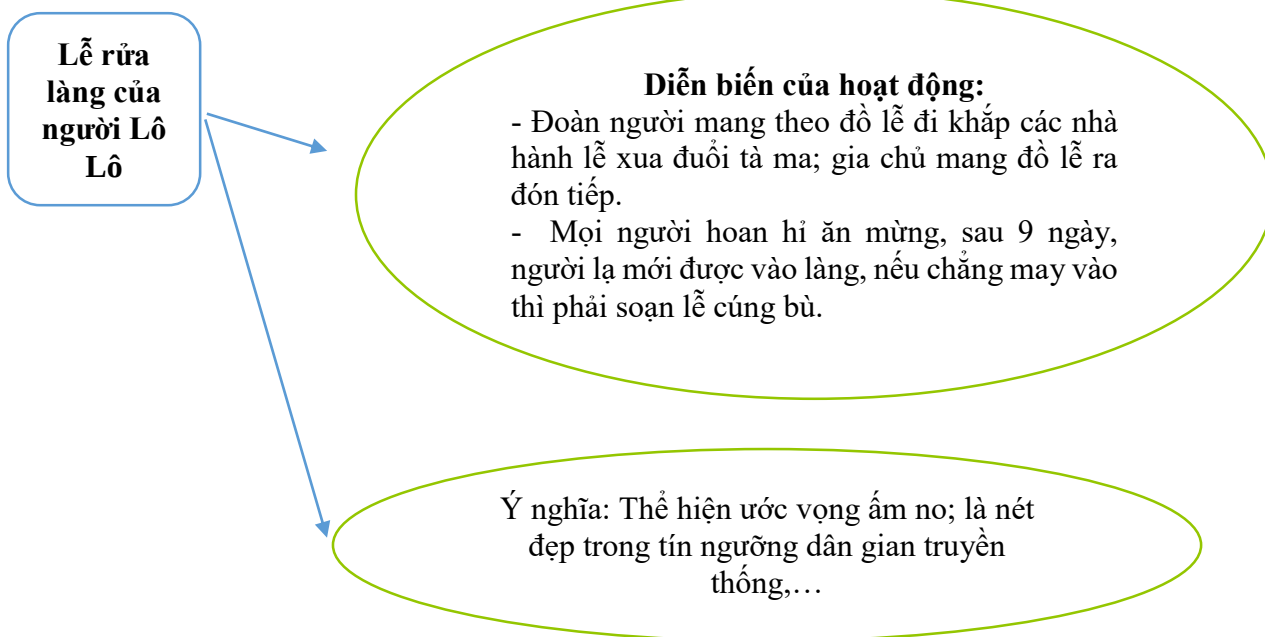
STT	Thông tin	Trả lời
1	Tác giả:	...
2	Xuất xứ:	...
3	Kiểu văn bản:	...
5	Bố cục và nội dung chính từng phần (vẽ thành sơ đồ):	...
6	Mục đích và cách triển khai:	...
		...

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Tìm hiểu chung văn bản	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV cho HS trình bày hiểu biết về tác giả. *GV yêu cầu một số HS đọc VB trước lớp, lưu ý về cách đọc: nhấn mạnh những câu in nghiêng ở phần mở đầu VB; bộc lộ thái độ thích thú, ngạc nhiên trước phần dẫn giải về lễ tục; sử dụng giọng rành rẽ, khúc chiết khi thể hiện các đoạn miêu tả từng bước thực hành lễ tục;... Các em không được bỏ qua các thẻ gợi ý về chiến lược đọc đặt bên phải của VB để có thể lĩnh hội thông tin một cách chủ động, hiệu quả.	1. Tác giả - Phạm Thuỳ Dung là một cây bút có bài viết xuất hiện đều đặn trên tạp chí <i>Di sản (Heritage)</i> của Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam (Vietnam Airlines). Các bài viết của chị đã đưa đến cho người đọc nhiều thông tin thú vị về cuộc sống muôn màu trên mọi miền của Tổ quốc. 2. Tác phẩm 2.1. Đọc và tìm hiểu chú thích:

*GV hướng dẫn HS trao đổi theo nhóm Phiếu HT số 1 đã chuẩn bị ở nhà, kiểm tra chéo nhau sau đó đại diện nhóm trình bày. *GV cho HS trình bày sơ đồ sau đó chiếu lên bảng cho HS quan sát hoàn chỉnh. *GV hỏi thêm câu hỏi phụ: <i>Việc sử dụng hình ảnh đi kèm trong VB có tác dụng gì?</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục 2. * Em Duy đọc một đoạn văn bản và ghi nội dung bài học vào vở.	2.2. Xuất xứ: Trích trong tạp chí <i>Di sản</i>, tháng 12/2019, tr.22-24). 2.3. Kiểu văn bản: văn bản thông tin. 2.4. Bố cục và nội dung chính (sơ đồ): 3 phần - Phần một: Từ đầu đến “<i>độc đáo, thú vị</i>”: Giới thiệu lễ rửa làng của người Lô Lô. - Phần hai: Tiếp theo đến “<i>làm mất thiêng</i>”: Quá trình chuẩn bị và hành lễ rửa làng. - Phần cuối: Còn lại: Ý nghĩa của phong tục. 2.5. Mục đích và cách triển khai - Giới thiệu với người đọc về một lễ tục lạ nhưng hết sức có ý nghĩa của người Lô Lô. - Tác giả đã trần thuật tỉ mỉ từng việc làm, hành động theo nghi thức diễn ra trong lễ rửa làng, không quên nhấn mạnh những điểm lạ về lễ vật và cách thức tiến hành, giúp người đọc thấy được tường tận những gì đã diễn ra. - Ảnh minh họa được in kèm VB cũng góp phần trực quan hoá những gì được thể hiện bằng ngôn ngữ.

SƠ ĐỒ NỘI DUNG CHÍNH CỦA VB





Hoạt động 2.2: Tìm hiểu chi tiết văn bản

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được các thông tin về thời gian, hoạt động, tính cộng đồng và ý nghĩa của lễ hội được đề cập trong VB.

b. Nội dung: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB qua phiếu học tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP 02 (Tìm hiểu hoạt động lễ rửa làng)

STT	Thông tin	Trả lời
1	Tên gọi và nguồn gốc:	
2	Công việc chuẩn bị	
3	Những hoạt động diễn ra trong buổi lễ:	- HĐ theo luật lệ: - HĐ ngoài luật lệ:....
4	Tính cộng đồng	

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Tìm hiểu chi tiết văn bản	
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ	1. Giới thiệu chung về lễ rửa làng

- GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn 1,2 và câu 1,2,3 của đoạn 3 của văn bản và trả lời câu hỏi: <i>? Hai đoạn văn đầu cung cấp cho chúng ta những thông tin gì? Em hãy tóm lược những thông tin ấy.</i> (*Yêu cầu: Tóm lược thông tin về thời điểm tổ chức và đồng bào người dân tộc Lô Lô, tên gọi và nguồn gốc lễ rửa làng). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận câu hỏi và thực hiện. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS làm việc cá nhân, đọc VB và trình bày câu trả lời. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS; chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	- Thời điểm tổ chức: Khi xong xuôi mùa vụ, 3 năm một lần, tháng 5 hoặc tháng 6 âm lịch. - Đồng bào người dân tộc Lô Lô: là một trong những dân tộc thiểu số ít nhất tại Việt Nam, cư trú chủ yếu ở Hà Giang và Cao Bằng, sống tập trung ở bản làng cố định nên có tính cộng đồng rất rõ nét. *Tên gọi và nguồn gốc: còn gọi là lễ mừng ngô mới; bắt nguồn từ nhận thức về không gian sinh sống cần phải được "làm sạch", không bị bụi bặm.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS đọc đoạn 3,4,5,6 và thảo luận nhóm để hoàn thành vào Phiếu học tập số 2. - GV nêu thêm một số câu hỏi phụ gợi ý cho HS trả lời: 1) <i>Loại hoạt động nào được tác giả miêu tả cụ thể, chi tiết hơn cả? Vì sao? Theo em, những quan niệm chi phối việc tuân thủ luật lệ một cách nghiêm ngặt ở một số hoạt động là gì?</i> 2) <i>Có thể giải thích như thế nào về sự tồn tại bền vững của lễ tục rửa làng?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ và giúp đỡ HS thực hiện. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm HS lên trình bày. Bước 4: Đánh giá, kết luận	2. Những hoạt động chính của lễ rửa làng *Công việc chuẩn bị: mời thầy cúng, phân công người sắm sanh đồ lễ (thẻ hương, chén nước, giấy trúc và con gà trống); tối hôm trước thầy cúng xin tổ tiên cho tổ chức lễ. *Những hoạt động diễn ra trong buổi lễ: - HĐ theo luật lệ: <i>chọn ngày tổ chức; sắm sanh đồ lễ; mời thầy cúng làm lễ khấn xin tổ tiên đồng ý; diễu hành trong làng với các đồ lễ và dụng cụ cần thiết; tiếp đón đoàn diễu hành; thực hiện việc không để người lạ vào làng trong vòng 9 ngày sau lễ cúng.</i> - HĐ ngoài luật lệ: <i>quần tụ vui chơi, ăn tiệc, uống rượu mừng,...</i> *Tính cộng đồng: người Lô Lô ngồi lại cùng nhau chọn ngày tổ chức lễ rửa

- HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn. - GV nhận xét thái độ trong quá trình làm việc của HS, chốt ý, bổ sung: - GV chuyển nội dung 3. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	<i>làng, thống nhất việc mời thầy cúng và phân công mọi người sắm sanh đồ lễ; Đoàn người sẽ cùng nhau đi khắp các nhà, suốt các hang cùng ngõ hẻm trong làng bản, vừa đi vừa gõ chiêng trống rộn ràng nhằm đánh thức những điều đẹp để ngủ quên và xua đi những rủi ro ám ảnh; Mọi người hoan hỉ ăn tiệc, uống rượu mừng rồi mới ai về nhà nấy, bắt đầu ba năm yên ổn sinh sống và làm ăn;...</i>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu câu hỏi cho HS khai thác thông tin và trả lời: <i>Theo tác giả, lễ rửa làng của người Lô Lô có ý nghĩa gì?</i> (Chú ý: Theo dõi vào đoạn đầu và đoạn cuối VB) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc VB và thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu. - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lên trả lời câu hỏi. Bước 4: Đánh giá, kết luận - HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn. - GV nhận xét thái độ trong quá trình làm việc và kết quả làm việc của HS, chuyển sang mục tổng kết. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	3. Ý nghĩa của lễ rửa làng - Thể hiện những ước vọng tốt lành cho cuộc sống âm no. - Là tín ngưỡng dân gian độc đáo, thể hiện nét đẹp truyền thống, góp phần làm giàu có thêm cho bản sắc của cộng đồng dân tộc thiểu số Việt Nam.

Hoạt động 2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát giá trị nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB; rút ra kinh nghiệm viết kiểu VB thông tin.

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức HS hoạt động cặp đôi, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung, hoàn thiện.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
III. Tổng kết	

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS làm việc cặp đôi thảo luận những nội dung câu hỏi sau: 1) <i>Những đặc sắc nghệ thuật nào đã làm nên sức hấp dẫn của văn bản thông tin này?</i> 2) <i>Nêu nội dung và ý nghĩa của văn bản.</i> 3) <i>Qua đọc văn bản "Lễ rửa làng của người Lô Lô", em rút ra được kinh nghiệm gì về tạo lập loại văn bản giới thiệu về quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ và ghi ra giấy câu trả lời. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. Bước 4: Đánh giá, kết luận - Nếu có đủ thời gian và điều kiện, GV có thể giới thiệu cho HS biết về một số VB cùng loại khác (qua việc trình chiếu, phô-tô VB,...), giúp các em có được ý niệm tương đối hoàn chỉnh về VB giới thiệu về quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động. (Lấy luôn VB về trò chơi "<i>Bịt mắt bắt dê</i>": ở giờ học trước cho HS quan sát lại. - GV chuẩn kiến thức.	1. Nghệ thuật - Trình tự giới thiệu khúc chiết, mạch lạc; - Cách trần thuật và miêu tả chi tiết, tỉ mỉ; - Lời văn nhẹ nhàng, giàu hình ảnh. - Câu văn ngắn gọn, giàu sức gợi, cuốn hút người đọc. - Kết hợp kênh chữ và hình ảnh giúp người đọc hình dung rõ về lễ rửa làng. 2. Nội dung – Ý nghĩa - Văn bản đã giới thiệu về lễ rửa làng của người Lô Lô, qua đó thể hiện nét đẹp về văn hóa và tinh thần của người dân nơi đây. 3. Kinh nghiệm viết văn bản thông tin (về trò chơi hoặc hoạt động) - Giới thiệu chung về trò chơi hay hoạt động (<i>thời điểm tổ chức, tên gọi, nguồn gốc, địa điểm, chủ thể</i>). - Nêu những công việc cần chuẩn bị; trần thuật, miêu tả tỉ mỉ cụ thể chi tiết các hoạt động diễn ra trò chơi/hoạt động và những đánh giá của người viết. - Giới thiệu các tranh ảnh hình vẽ đi kèm để minh họa (nếu có). - Nêu ý nghĩa của trò chơi/hoạt động.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố hiểu biết về nội dung VB.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân dựa vào kiến thức VB vừa học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Bài tập hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS làm bài tập trắc nghiệm:

BÀI TẬP: Lựa chọn đáp án đúng. Trò chơi: “Đào vàng”

Câu 1. Tại sao thời điểm tổ chức lễ hội trên mọi miền đất nước thường là vào những lúc mọi người đã "xong xuôi mùa vụ"?

- A. Vì đó là lúc có nhiều thời gian nghỉ ngơi, công việc đã xong, của cải dồi dào.
- B. Vì đó là lúc trời đất giao hoà, công việc đã xong, của cải dồi dào.
- C. Vì đó là lúc thời tiết đẹp, công việc đã xong, của cải dồi dào.
- D. Vì đó là lúc có nhiều thời gian nghỉ ngơi, thiên nhiên tươi đẹp, thanh bình.

Câu 2. Tác giả đã dẫn dắt người đọc vào thông tin chính của văn bản bằng cách nào?

- A. Nêu thông tin về đặc điểm tính cách và văn hoá ứng xử của người Lô Lô.
- B. Nêu thông tin về tộc người, địa bàn sinh sống và đặc điểm văn hoá của người Lô Lô.
- C. Nêu thông tin về tộc người, cách chế biến ẩm thực của người Lô Lô.
- D. Nêu thông tin về tộc người, đặc điểm canh tác nông nghiệp của người Lô Lô.

Câu 3. Qua những việc chuẩn bị cho ngày lễ rửa làng đã nói lên điều gì?

- A. Người Lô Lô rất tâm huyết, coi trọng văn hoá ứng xử với nhau.
- B. Người Lô Lô rất tin tưởng vào thành công của buổi lễ rửa làng.
- C. Người Lô Lô rất chu đáo, coi trọng nghi thức luật tục truyền thống.
- D. Người Lô Lô sống rất tình cảm ân nghĩa, giàu niềm tin.

Câu 4. Khi đoàn hành lễ đi qua từng nhà thì gia chủ phải đáp lại như thế nào?

- A. Gia chủ chuẩn bị sẵn hình nhân cùng hai con dê và hai bó cỏ để ngâm bồi dưỡng công cho thầy cúng.
- B. Gia chủ chuẩn bị sẵn cành đào cùng hai bó củi và hai bó cỏ để ngâm bồi dưỡng công cho thầy cúng.
- C. Gia chủ chuẩn bị sẵn vải đỏ cùng hai cây tre và hai bó cỏ để ngâm bồi dưỡng công cho thầy cúng.
- D. Gia chủ chuẩn bị sẵn hình nhân cùng hai bó củi và hai bó cỏ để ngâm bồi dưỡng công cho thầy cúng.

Câu 5. Tác động tinh thần tích cực của lễ rửa làng là gì?

- A. Mọi người thấy nhẹ nhõm hơn, tin tưởng vào một tương lai tươi sáng phía trước.
- B. Mọi người thấy tin tưởng mùa vụ năm sau sẽ tốt tươi hơn năm ngoái.
- C. Mọi người cười vui sướng khoái uống rượu ăn mừng.
- D. Các cô gái diện những bộ váy đẹp, túm tụm bên nhau vui vẻ nói cười.

(*Gợi ý: 1A; 2B; 3C; 4D; 5A)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày, HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, tuyên dương HS.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS phát triển kỹ năng viết câu, đoạn.

b. Nội dung: HS viết đoạn văn vận dụng hiểu biết về những giá trị sống được bộc lộ qua lễ rửa làng của người Lô Lô.

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao nhiệm vụ cho HS (có thể thực hiện ngay trên lớp hoặc về nhà):

***VIẾT KẾT NỐI ĐỌC**

Bài tập: Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) nêu cảm nhận của em về những giá trị sống được bộc lộ qua lễ rửa làng của người Lô Lô.

***Lưu ý:** Nội dung chính của đoạn văn là cảm nhận của cá nhân người viết về những giá trị sống được kết tinh ở lễ rửa làng chứ không phải thuật lại điều đã được trình bày trong VB đọc. Để có định hướng đúng khi viết, các em cần đọc lại phần *Giới thiệu bài học*.

ĐOẠN VĂN THAM KHẢO

Mỗi một dân tộc đều có những truyền thống, tập tục riêng thể hiện thế giới niềm tin và văn hóa của mình. Đối với người Lô Lô, lễ rửa làng là một lễ hội hết sức có ý nghĩa. Lễ rửa làng của người Lô Lô nhằm làm cho làng trở nên Khang trang, sạch sẽ. Việc "rửa" làng là một cách để tẩy uế những điều xấu, cũ đồng thời làm mới và chào đón, kêu gọi những điều tốt đẹp sẽ đến. Lễ rửa làng của người Lô Lô đã thể hiện ước muốn vụ mùa bội thu, mưa thuận gió hòa, mang lại bình yên, ấm no cho bản làng. Lễ hội của người Lô Lô không chỉ có phần "lễ", mà còn có phần "hội". Sau khi lễ xong, người dân lại cùng nhau ăn uống vui vẻ, tạo ra sự hòa thuận trong bản làng và cầu chúc cho nhau. Có thể thấy lễ rửa làng của người Lô Lô là một tín ngưỡng dân gian và nét đẹp truyền thống góp phần làm giàu có thêm cho bản sắc của cộng đồng dân tộc thiểu số Việt Nam.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ: Viết ra giấy theo đúng yêu cầu, sau đó chỉnh sửa bài viết.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi HS lên trình bày.

- HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV đánh giá, nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung đã học trong bài;

- Chuẩn bị soạn bài: *Bản tin về hoa anh đào*. Soạn câu hỏi phản trả lời sau khi đọc văn bản. Ôn tập kiểm tra cuối kì 2.

HẾT

Ngày soạn: 15/4/2024

Ngày dạy: 23, 24, 25, 26/4; 2-3/5/2024

TUẦN 31

BÀI 9. HOÀ ĐIỀU VỚI TỰ NHIÊN

TIẾT 121- ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 2

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Nêu được kiến thức về các loại, thể loại VB đọc, kiến thức tiếng Việt và kiến thức về các kiểu bài viết, bài nói đã được học, thực hành theo *Ngữ văn 7*, tập hai.
- Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã được học, rèn luyện trong cả năm học vào giải quyết những bài tập tổng hợp.
- Năng lực đọc và tổng hợp thông tin.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề,...
- Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn.

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.
- Thiết kế bài giảng điện tử.
- Chuẩn bị hệ thống câu hỏi và dự kiến các đội chơi.
 - + Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng...
 - + Học liệu: gói câu hỏi, bảng chọn đáp án.

2. Học sinh.

- Tìm hiểu các câu hỏi phần Nội dung ôn tập.

D. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP

- Mục tiêu:** Học sinh tổng hợp kiến thức đã khám phá được qua tất cả các bài học trong học kì 2.
- Nội dung:** HS tham gia cuộc thi giải ô chữ để tự tổng hợp kiến thức theo gợi ý và giúp đỡ của GV.
- Sản phẩm:** Đáp án đúng của từng ô chữ.
- Tổ chức thực hiện:**

THI GIẢI Ô CHỮ

GV lần lượt:

I. Chia lớp làm 2 đội, mỗi đội cử một bạn làm đội trưởng, thành viên các đội thảo luận, tìm đáp án cho câu hỏi gợi ý.

II. Người dẫn chương trình kiêm thư kí: giáo viên

(hoặc GV có thể cử một học sinh trong lớp làm thư kí, ghi kết quả giúp)

III. Tiến trình cuộc thi

Bước 1. GV phổ biến thể lệ cuộc thi như sau:

1. Có 6 ô chữ hàng ngang và 1 ô chữ hàng dọc. Mỗi ô chữ hàng ngang gồm nhiều chữ cái khác nhau. Ô chữ hàng dọc gồm 6 chữ cái.
2. Người chơi sẽ giải mã ô chữ HÀNG DỌC bằng cách giải mã từng ô chữ hàng ngang.
3. Mỗi ô chữ hàng ngang sẽ có 1 chữ cái liên quan đến ô chữ HÀNG DỌC.
4. Đội nào có tín hiệu trước sẽ giành quyền trả lời trước. Nếu trả lời sai, đội còn lại sẽ được quyền trả lời.
5. Trả lời đúng câu hỏi hàng ngang được 10đ; đúng câu hỏi hàng dọc được 40đ.
6. Trong khi trả lời câu hỏi hàng ngang, các đội vẫn có quyền trả lời câu hỏi hàng dọc.
7. Thời gian giải mã mỗi ô chữ hàng ngang là 30 giây.

Bước 2. GV lần lượt cho HS bấm chọn câu hỏi, sau đó GV đọc/chiếu ngẫu nhiên gợi ý câu hỏi ô chữ hàng dọc cho các đội HS trả lời.

1. Gợi ý câu hỏi hàng ngang như sau:

**Ô hàng ngang số 1 gồm 07 chữ cái: Từ nào chỉ mối quan hệ gắn nối chặt chẽ về hình thức giữa các yếu tố, các bộ phận trong văn bản, được thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ?*

**Ô hàng ngang số 2 gồm 16 chữ cái: Đây là thế giới thể hiện trí tưởng tượng phong phú, khám phá những điều kì lạ, không có giới hạn của con người trong tương lai.*

**Ô hàng ngang số 3 gồm 17 chữ cái: Nhân loại đã từng mắc nhiều sai lầm trong cách ứng xử với nó để rồi phải trả giá đắt. Thực tế từ xa xưa, nhiều cộng đồng xã hội đã biết chọn cách sống này để có được sự thanh thản, hạnh phúc. Đó là cách sống nào?*

**Ô hàng ngang số 4 gồm 19 chữ cái: Nó đã trở thành một phần đồng hành cùng em đi suốt cuộc đời; làm hành trang tri thức để em có thể tự tin bước vào thế giới rộng lớn của cuộc sống.*

**Ô hàng ngang số 5 gồm 14 chữ cái: Những câu chuyện ngụ ngôn mang lại cho chúng ta điều gì?*

**Ô hàng ngang số 6 gồm 23 chữ cái: Hằng ngày, chúng ta thường chứng kiến hoặc tham dự những sự kiện diễn ra trong gia đình, ở nhà trường, ngoài xã hội. Tất cả đều có thể gợi lên trong ta những cảm xúc, suy nghĩ, từ đó, ta có thể rút ra bài học bổ ích. Điều đó được gọi là gì?*

(Nếu HS bí câu trả lời, GV có thể gợi ý đây là tên một bài học trong chương trình các em đã học)

2. Gợi ý câu hỏi hàng ngang như sau:

**Ô hàng dọc gồm 6 chữ cái: Tri thức và cuộc sống luôn có mối quan hệ như thế nào với nhau?*

Đáp án ô chữ hàng ngang:

ô 1. LIÊN KẾT

ô 2. THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG

- ô 3. HOÀ ĐIỀU VỚI TỰ NHIÊN
- ô 4. TRANG SÁCH VÀ CUỘC SỐNG
- ô 5. BÀI HỌC CUỘC SỐNG
- ô 6. TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH

Đáp án ô chữ hàng dọc: KẾT NỐI

Bước 3. GV tổng kết công bố kết quả cuộc thi, tuyên dương và khen thưởng đôi thắng; sau đó dẫn vào bài.

HOẠT ĐỘNG 2. ÔN TẬP

- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân và cặp đôi để thực hiện yêu cầu của các câu hỏi vào vở;
- HS báo cáo kết quả, HS khác nhận xét bổ sung;
- GV chốt vấn đề, HS hoàn thiện vào vở.

A. ÔN TẬP KIẾN THỨC

Câu 1: Em đã được học về những loại, thể loại văn bản nào trong học kì II?
Hãy trả lời câu hỏi này bằng bảng tổng hợp hay sơ đồ phù hợp.

Gợi ý trả lời câu 1:

Những loại, thể loại văn bản học trong học kì 2:

- *Truyện ngụ ngôn*
- *Thành ngữ, tục ngữ*
- *Truyện khoa học viễn tưởng*
- *Văn bản nghị luận*
- *Văn bản thông tin*

Câu 2: Với Ngữ văn 7, tập hai, em đã được tìm hiểu sâu về một số thể loại văn bản mới chưa học trước đó. Tên và đặc điểm nổi bật của các thể loại này kèm danh mục văn bản cụ thể:

STT	Tên loại, thể loại văn bản	Đặc điểm nội dung	Đặc điểm hình thức	Tên văn bản hoặc nhóm văn bản đã học

Gợi ý trả lời câu 2:

STT	Tên loại, thể loại văn bản	Đặc điểm nội dung	Đặc điểm hình thức	Tên văn bản hoặc nhóm văn bản đã học

1	Truyện ngụ ngôn	Trình bày những bài học đạo lí và kinh nghiệm sống.	- Hình thức tự sự cỡ nhỏ - Thường sử dụng lối diễn đạt ám chỉ, ngụ ý, bóng gió.	- <i>Đẽo cày giữa đường; Éch ngồi đáy giếng; Con mồi và con kiến; Con hổ có nghĩa.</i>
2	Tục ngữ	Đúc kết nhận thức về tự nhiên và xã hội, kinh nghiệm về đạo đức và ứng xử trong đời sống.	- Sáng tác ngôn từ dân gian; - Là những câu nói ngắn gọn, nhịp nhàng, cân đối, thường có vần điệu, hình ảnh.	Một số câu tục ngữ Việt Nam
3	Truyện khoa học viễn tưởng	- Viết về thế giới tương lai dựa trên sự phát triển của khoa học dự đoán. - Đề tài: thường là những cuộc thám hiểm vũ trụ, du hành xuyên thời gian, những cuộc kết nối với sự sống ngoài Trái Đất,... - Không gian: Không gian Trái Đất (trên mặt đất, ở tâm địa cầu hay dưới đáy đại dương), ngoài Trái Đất (trên các hành tinh của hệ Mặt Trời hay trong những thiên hà xa xôi khác),...	- Thường có tính chất lí kì. - Sử dụng cách viết lô-gíc nhằm triển khai những ý tưởng mới về viễn cảnh hay công nghệ tương lai.	- "Cuộc chạm trán trên đại dương" (trích <i>Hai vạn dặm dưới đáy biển</i>, Guyn Véc-nơ). - "Đường vào trung tâm vũ trụ" (trích <i>Thiên Mã</i>, Hà Thuỷ Nguyên). - "Chiếc đĩa thần" (trích <i>Tinh vân Tiên nữ</i>, I. A. E-phơ-rê-mốp)

		- Thời gian: thời gian trong tương lai xa, xét từ mốc ra đời của tác phẩm. - Cốt truyện: gồm một chuỗi tình huống, sự kiện hoàn toàn tưởng tượng, dựa trên những giả thuyết, dự báo và quan niệm khoa học. - Nhân vật chính: thường có sức mạnh thể chất phi thường do những tác động của các nhân tố khoa học nào đó, có cấu tạo hoặc khả năng kì lạ, có trí thông minh kiệt xuất để tạo ra những phát minh.		

Câu 3: Trong học kì II, những kiến thức tiếng Việt nào được ôn lại và những kiến thức tiếng Việt nào lần đầu được học? Hãy điền thông tin phù hợp vào bảng được lập theo mẫu gợi ý sau:

STT	Bài học	Kiến thức được củng cố	Kiến thức mới

Gợi ý trả lời câu 3:

STT	Bài học	Kiến thức được củng cố	Kiến thức mới

1	Bài 6: Bài học cuộc sống		- Thành ngữ. - Nói quá.
2	Bài 7: Thế giới viễn tưởng	- Dấu ngoặc kép.	- Mạch lạc và liên kết của văn bản. - Dấu chấm lửng.
3	Bài 8: Trải nghiệm để trưởng thành		- Biện pháp liên kết. - Thuật ngữ.
4	Bài 9: Hòa điệu với tự nhiên	- Từ Hán Việt.	- Cước chú. - Tài liệu tham khảo.

Câu 4: Nêu những kiểu bài viết mà em đã thực hành với Ngữ văn 7, tập hai. Kiểu bài nào được xem là mới và yêu cầu cụ thể của những kiểu bài đó là gì? Hãy lập một sơ đồ phù hợp để thể hiện lời giải đáp của em.

Những kiểu bài viết đã thực hành với Ngữ văn 7, tập hai:	Kiểu bài mới	Yêu cầu cụ thể
...	...	...
...	...	...

Gợi ý trả lời câu 4:

Những kiểu bài viết đã thực hành với Ngữ văn 7, tập hai:	Kiểu bài nào được xem là mới	Yêu cầu cụ thể
+ <i>Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).</i> + <i>Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.</i> + <i>Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (thể hiện ý kiến phản đối).</i> + <i>Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.</i>	+ <i>Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.</i>	- Nhân vật được lựa chọn phải có vai trò (dù ít hay nhiều) trong bối cảnh lịch sử đương thời. - Sự việc được kể liên quan đến nhân vật đó phải có thật. - Sự việc đó phải có ý nghĩa trong bối cảnh lịch sử nhất định. - Kể được sự việc theo trình tự hợp lí. - Bài viết nêu được suy nghĩ, ấn tượng của người viết và có sử dụng yếu tố miêu tả.

	+ <i>Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động</i>	- Giới thiệu được những thông tin cần thiết về trò chơi hay hoạt động (hoàn cảnh diễn ra, đối tượng tham gia). - Miêu tả được quy tắc hoặc luật lệ trò chơi hay hoạt động. - Nêu được vai trò, tác dụng của trò chơi hay hoạt động đối với con người. - Nêu được ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động đó.

- Tất cả các kiểu bài đều vừa cũ, vừa mới. So với lớp 6, em đã được học về kiểu bài kể lại sự việc, thuyết minh, nghị luận, tuy nhiên đối tượng của các bài đó khác với đối tượng của các kiểu bài trên.

Câu 5: Lập bảng nhắc lại những đề tài viết (theo từng kiểu bài) mà em đã chọn thực hiện và nêu dự kiến về những đề tài khác có thể viết thêm. Gợi ý mẫu bảng:

STT	Kiểu bài viết	Đề tài đã chọn viết	Đề tài khác có thể viết

Gợi ý trả lời câu 5:

HS trả lời dựa vào đề tài viết mà em đã chọn thực hiện.

STT	Kiểu bài viết	Đề tài đã chọn viết	Đề tài khác có thể viết
1	+ <i>Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).</i>		- Khiêm tốn học hỏi giúp mỗi người thành công trong công việc và cuộc sống. - Biến đổi khí hậu gây nhiều hậu quả khó lường.
2	+ <i>Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.</i>		- Trần Hưng Đạo với cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược ở thế kỉ XIII;

			- Quang Trung đại phá quân Thanh tết Mậu Thân 1789.
3	+ <i>Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (thể hiện ý kiến phản đối).</i>		- Ăn quà vặt, nói tục, chửi thề,... - Phóng nhanh, vượt ẩu khi tham gia giao thông.
4	+ <i>Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.</i>		- Thuyết minh trò chơi thả diều; các lễ hội dân gian; quy tắc khi đến nơi công cộng...

Câu 6: Trong học kì II, hoạt động nói và nghe đã được thực hiện với nội dung gì? Nội dung nào trong đó khiến em cảm thấy hứng thú nhất? Vì sao?

Gợi ý trả lời câu 6:

- Trong học kì II, hoạt động nói và nghe đã được thực hiện với nội dung:

- + Kể lại một truyện ngụ ngôn;
- + Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người;
- + Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống;
- + Giải thích quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động;
- + Ngày hội sách.

- Tùy mỗi em nội dung khiến mình cảm thấy hứng thú nhất là: **Ngày hội sách**. Vì em được chia sẻ về cuốn mình tự đọc và mình yêu thích.

TIẾT 122-VĂN BẢN 3. BẢN TIN VỀ HOA ANH ĐÀO

Nguyễn Vĩnh Nguyên



I. Mục tiêu

Giúp HS:

- Thấy được cách đặt vấn đề độc đáo của tác giả bài tản văn về việc xây dựng nếp sống hài hoà với thiên nhiên cho con người thời hiện đại.
- Cùng cố được khái niệm tản văn đã học ở học kì I và thấy được những mối quan tâm chung được thể hiện trong ba VB đọc của bài học.
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập.
- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp tự nhiên.

*** Duy nhận biết được cách đặt vấn đề độc đáo của tác giả bài tản văn về việc xây dựng nếp sống hài hoà với thiên nhiên cho con người thời hiện đại.**

- Cùng cố được khái niệm tản văn đã học ở học kì I và thấy được những mối quan tâm chung được thể hiện trong ba VB đọc của bài học.
- **Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp tự nhiên.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.
- Tranh ảnh.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối, tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung: HS nghe câu hỏi và bài hát, sau đó chia sẻ trải nghiệm cá nhân có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

*GV dẫn dắt bằng một số câu hỏi cho HS trả lời để khơi gợi trải nghiệm:

1) *VB 1, VB 2 của bài học thuộc loại VB nào và đã nêu lên những vấn đề gì? Phải chăng ngoài VB thông tin, người ta hoàn toàn có thể sử dụng các loại, thể loại VB khác để thể hiện mối quan tâm về Trái Đất và về môi trường sống? Hãy kể tên những tác phẩm nghệ thuật mà em biết (thơ, truyện, kí, nhạc, hoạ,...) có thể được xếp vào chủ đề “Hoà điệu với tự nhiên”.*

2) *Em đã biết gì về Đà Lạt? Trong cảm nhận của du khách muôn phương, điều làm nên giá trị nổi bật của Đà Lạt là gì?*

*GV trình chiếu video bài hát *Ai lên xứ hoa đào* của nhạc sĩ Hoàng Nguyên, do ca sĩ Phúc Nhi & Tuấn Quang thể hiện:

<https://www.youtube.com/watch?v=bIU7PxRqwYw>



Ai Lên Xứ Hoa Đào | Phúc Nhi ft Tuấn Quang
 3,5 K lượt xem · 2 năm trước · #phucnhi #toanquang · xem thêm
 POPS MUSIC 1,71 T · Đăng ký
 17 · Chia sẻ · Remix · Tạo đoạn

*GV nêu câu hỏi: ?*Chia sẻ cảm xúc của em về nội dung của bài hát.*

*HS nghe câu hỏi, xem video, quan sát và suy nghĩ, bày tỏ cảm xúc cá nhân.

-> GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối vào bài mới:

Các em ạ, Đà Lạt nằm trên cao nguyên Lâm Viên của tỉnh Lâm Đồng, từ lâu đã nổi tiếng là thành phố sương mù ngàn hoa, với khí hậu ôn hòa, dễ chịu vào bậc nhất của nước ta. Thành phố ngàn hoa ấy được muôn ngàn du khách yêu mến, ngưỡng mộ. Mẹ thiên nhiên đã khéo tô điểm cho phố núi Đà Lạt với rất nhiều loại hoa, trong đó có hoa anh đào khoe màu hồng thắm, làm xốn xang bao nhiêu lòng du khách. Người Đà Lạt gọi cây mai anh đào là cây mai đại. Hoa mai anh đào dễ trồng thân cao to rụng lá vào mùa thu, để lại những cành cây khô khan mộc mạc. Cây lại nở hoa như một lời thầm nhắc của đất trời: Xuân đã đến bên rồi. VB "Bản tin về hoa anh đào" của tác giả Nguyễn Vĩnh Nguyên sẽ đưa ta đến thăm Đà Lạt với bao điều gọi ngấm thú vị.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung văn bản

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về VB.

b. Nội dung: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu chung về VB.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét chung về văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 (Tìm hiểu chung văn bản)

Tìm hiểu chung VB:	Trả lời
1. Xuất xứ:	...
2. Thể loại:	...
3. Phương thức biểu đạt:	...
4. Bố cục:	...
5. Nhan đề:	...

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

I. Tìm hiểu chung văn bản

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- 1) GV yêu cầu HS trình bày ngắn gọn những hiểu biết về tác giả.
- 2) GV hướng dẫn HS đọc văn bản và tìm hiểu chú thích:

- GV gọi HS đọc trước lớp 2 lần. Chú ý nhấn giọng khi đọc những từ ngữ thể hiện trực tiếp quan điểm đánh giá của tác giả đối với các bản tin về hoa. Cũng cần ngắt giọng đúng khi gặp những câu văn dài, đầy tính biểu cảm như hai câu có liên hệ đến nhân vật hoàng tử bé trong tác phẩm của Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri.

- 3) GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm để hoàn thành **Phiếu học tập số 01**.

GV nêu câu hỏi cho HS tìm hiểu nhan đề:

- 1) Theo em, nhan đề "Bản tin hoa anh đào" có thể gợi lên ở người đọc những suy đoán gì về nội dung của bài tản văn?
- 2) Theo em, đây có phải là bản tin đưa thông tin về hoa anh đào không hay là một tác phẩm văn học lấy cảm hứng từ một bản tin.
- 3) Nếu bản tin về hoa anh đào là yếu tố gợi cảm hứng vậy nội dung của cảm hứng đó có thể là gì và nó sẽ được phát triển như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát và nhận xét;
- Các nhóm hoàn thành phiếu HT.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.

1. Tác giả:



- Nguyễn Vĩnh Nguyên sinh năm 1979, quê ở Ninh Thuận. Ông là tác giả nhiều cuốn sách về Đà Lạt.

2. Tác phẩm:

2.1. Đọc và tìm hiểu chú thích

- Từ khó: *kí giả, viễn mơ, cách thế...*

2.2. Xuất xứ: trích trong tác phẩm *Với Đà Lạt, ai cũng là lữ khách*, NXB Trẻ, tp Hồ Chí Minh, 2015, tr.29-31.

2.3. Thể loại: Tản văn.

2.4. Phương thức biểu đạt: Biểu cảm kết hợp tự sự, nghị luận, thuyết minh.

2.5. Bố cục: 3 phần

+ **Phần 1:** câu mở đầu và hai đoạn văn tiếp đó: Giới thiệu về người bạn kí giả với những bản tin về hoa anh đào;

+ **Phần 2:** ba đoạn văn kế tiếp: Cảm nhận và hình dung của "tôi" về tình thế khó xử của người viết tin;

+ **Phần 3:** hai đoạn văn cuối cùng: Suy ngẫm của "tôi" từ những bản tin về hoa.

2.6. Nhan đề:

- Gợi nội dung liên quan đến một bản tin viết về hoa anh đào;

- Ý nghĩa của bản tin hoa anh đào gợi cảm hứng suy ngẫm cho con người,...

Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức; chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản. * Duy đọc bài và ghi nội dung bài học vào vở.	

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu chi tiết văn bản

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết và phân tích được nội dung cơ bản được thể hiện trong VB.

b. Nội dung: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc nhóm và cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

(Tìm hiểu về người bạn kí giả và những bản tin về hoa anh đào)

Giới thiệu	Những nét đặc trưng	Nhận xét về cách giới thiệu
1) Về người kí giả ở Đà Lạt:	...	...
2) Những bản tin về hoa anh đào:	...	...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

(Tìm hiểu ý kiến đánh giá về các bản tin)

	Liệt kê những từ ngữ thể hiện trực tiếp ý kiến	Nhận xét về những ý kiến đánh giá đó
<i>Ý kiến đánh giá của tác giả đối với các bản tin viết về hoa anh đào của người kí giả ở Đà Lạt</i>	...	...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

(Tìm hiểu những "khó khăn, chướng ngại" khi viết một bản tin về hoa anh đào)

Liệt kê những "khó khăn, chướng ngại" khi đưa bản tin về hoa anh đào	Nhận xét về cách sống và thái độ ứng xử với thiên nhiên của con người trong xã hội hiện đại
...	...

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Tìm hiểu chi tiết văn bản	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS đọc thầm 3 đoạn đầu và làm việc theo nhóm cặp đôi để hoàn thành Phiếu học tập số 2 với những câu hỏi gợi ý: 1) <i>Nếu vắn tắt thông tin về người kí giả ở Đà Lạt và đặc điểm của những bản tin về hoa anh đào.</i> 2) <i>Thái độ của nhân vật "tôi" (tác giả) như thế nào với người kí giả (bạn tôi)?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm đôi, nghe câu hỏi, theo dõi văn bản và thực hiện các yêu cầu vào phiếu. - HS quan sát những chi tiết trong các câu thơ. - GV hướng dẫn HS chú ý từng đoạn. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện HS trả lời. - HS khác nhận xét bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, điều chỉnh sai sót, chuẩn kiến thức và chuyển mục 2. * Duyệt ghi nội dung bài học vào vở.	1. Giới thiệu về người bạn kí giả với những bản tin về hoa anh đào. * Về người kí giả ở Đà Lạt: - Viết những phóng sự điều tra gay cấn, những kí sự đường xa đầy phiêu lưu, những tiếng nói phản biện xã hội; - Những bản tin nhỏ về hoa anh đào đều đặn xuất hiện hằng năm khi Đà Lạt giao mùa đông – xuân. * Những bản tin về hoa anh đào: - Bản tin được viết như một bài thơ với niềm hứng khởi, hân hoan, loan báo hoa nở rộ vào tháng tới; - Bản tin dự báo hoa sẽ đến muộn và chóng tàn vì thời tiết bất lợi; - Bản tin kể về một vài góc anh đào cổ thụ đứng ở góc đường vừa bị đốn hạ. * Cách giới thiệu của tác giả: - Liệt kê những chi tiết tiêu biểu về con người và những bản tin nổi bật, kết hợp với ẩn tượng cá nhân; giọng văn giàu cảm xúc.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu a) Những từ ngữ thể hiện ý kiến đánh giá về các bản tin. - GV cho HS soát lại nhanh VB và thảo luận về câu trả lời theo nhóm hoặc theo phạm vi toàn lớp học về ý kiến đánh giá trực tiếp của tác giả. Tuy không áp đặt ý kiến nhưng GV cần định hướng: <i>Tác giả đã nêu quan điểm đánh giá của mình một cách hết sức nghiêm túc, dựa trên</i>	2. Cảm nhận và hình dung của "tôi" về tình thế khó xử của người viết tin a. Những từ ngữ thể hiện ý kiến đánh giá về các bản tin: - Những từ ngữ thể hiện trực tiếp: <i>né phục, thông điệp giá trị, vô cùng ý nghĩa.</i> - Nhận xét: tác giả đánh giá các bản tin về hoa anh đào với một thái độ thận trọng, khách quan và nhiều tâm đắc, ngưỡng mộ.

sự hiểu biết sâu sắc về tình hình báo chí nói riêng, hiện trạng xã hội nói chung, sau đó HS hoàn thành **Phiếu HT số 3**,

- GV gợi ý bằng các câu hỏi phụ:

? Tác giả có quá lời không? Quan điểm đánh giá đó có điều gì khác thường? Nó có thể được người khác tán đồng, chia sẻ một cách dễ dàng hay không? Căn cứ để tác giả nêu quan điểm đánh giá đó là gì?

***Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu b) Những "khó khăn, chướng ngại" khi viết một bản tin về hoa anh đào:**

- GV cho HS đọc lại đoạn 4, 5 và thảo luận nhóm về các vấn đề, hoàn thành **Phiếu HT số 4**:

1) Khó khăn, chướng ngại mà tác giả nói tới có thực tồn tại không?

2) Nếu có, đó là gì? Nó đến từ đâu (từ chính người viết hay từ độc giả; từ bản thân thông tin về hoa hay từ những đòi hỏi mang tính đặc thù của thông tin báo chí; từ chuyện chuyên môn thuần túy hay từ môi trường xã hội,...)?

***Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu c) Sự đồng điệu về tâm hồn giữa tác giả với nhân vật kí giả.**

- GV tổ chức cho HS thảo luận câu hỏi:
? Hãy làm rõ sự đồng điệu về tâm hồn giữa tác giả và nhân vật được nói tới trong bài tản văn. (Chú ý những từ ngữ

b. Những "khó khăn, chướng ngại" khi viết một bản tin về hoa anh đào:

- Đó là những nghi ngờ của người đọc khi họ cho đó là "thứ xa xỉ viễn mơ".

- Các bản tin về hoa sẽ "lạc lõng" trên mặt báo vốn đầy những thông tin phồn tạp về đời sống đương đại.

- Nghi ngờ của chính bản thân mình: Câu chuyện về hoa "có phải hoặc có nên là một bản tin?"

=> Thông qua việc nhấn mạnh những "khó khăn", "chướng ngại" trên, tác giả Nguyễn Vĩnh Nguyên đã nêu được một hiện trạng đáng suy nghĩ: Cuộc sống hiện đại, con người thường bị cuốn theo nhịp sống hối hả nên nhiều khi đã để lạc mất cảm giác rung động trước vẻ đẹp của thiên nhiên, làm mai một thói quen tự vấn về lối sống của chính mình, không tạo được khoảng lặng cần thiết để suy ngẫm về vẻ đẹp và linh hồn của nơi mình đang sống.

c. Sự đồng điệu về tâm hồn giữa tác giả với nhân vật kí giả

- Đặt mình vào vị trí của một người đọc, tác giả đã thể hiện tâm trạng hân hoan chờ đợi các bản tin về hoa và có những đánh giá cao về chúng.

- Đặt mình vào vị trí một người viết, tác

có thể nói lên sự đồng điệu giữa tác giả và người bạn của mình - một kí giả). (Gợi ý vấn đề: 1) Có thể đặt ra một câu hỏi tương tự cho hai VB đầu tiên của bài học 9 này không? Vì sao? 2) Vì sao có sự đồng điệu giữa tác giả và nhân vật được nói tới trong bài tản văn? 3) Đoạn văn thuật lại sự “hình dung”, tưởng tượng của tác giả về tâm trạng - người bạn viết cho ta biết điều gì? 3) Việc tác giả liên hệ, so sánh người bạn với hoàng tử bé có ý nghĩa như thế nào?... Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu từng nhóm HS, cử đại diện trình bày. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các nhóm. - GV chốt kiến thức và chuyển mục. * Duyệt ghi nội dung bài học vào vở.	giả phần nào đã nhập thân vào nhân vật, hình dung được một cách hết sức cụ thể về những suy tư, trăn trở âm thầm trong anh khi anh muốn viết những bản tin nhỏ về hoa. => Chính nhờ sự đồng điệu này mà tác giả muốn nhắn gửi đến chúng ta, hãy biết xây dựng cho mình lối sống phù hợp, hoà vào nhịp điệu vĩnh cửu của cỏ cây, hoa lá, của thiên nhiên.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc lại 2 đoạn văn cuối và trả lời câu hỏi: <i>? Kết thúc bài viết, "tôi" đã có suy ngẫm và mong muốn gì?</i> (GV đặt thêm câu hỏi khơi mở để tạo không khí thoải mái cho các em bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng trước một vấn đề chưa thể có lời đáp cuối cùng: <i>Em có đồng tình, chia sẻ với những điều được tác giả phát biểu không? Theo em, trong</i>	3. Suy ngẫm, mong muốn của "tôi" từ những bản tin về hoa anh đào - Mỗi bản tin có ý nghĩa truyền đi thông điệp hoa cỏ là những nhân vật chính lặng lẽ làm nên nhan sắc Đà Lạt. - Thiên nhiên cũng cần được truyền thông nâng niu theo cách tự nhiên nhất, nghệ thuật nhất,... - Thay thế những bản tin rối rắm, hỗn loạn bằng thông tin về tình trạng của những loài hoa để tâm hồn được thanh

cuộc sống hiện nay, tâm hồn của con người đang “đói” những gì?) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc kĩ lại 2 đoạn cuối và tìm hiểu để trả lời tóm tắt. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS trình bày. - HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định GV chuyển sang mục tổng kết * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	lọc, tốt lành.

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS đánh giá tổng kết, rút ra được những điểm đặc sắc về nghệ thuật và nội dung, thông điệp của VB.

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân, HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
III. Tổng kết	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV sử dụng kĩ thuật viết để yêu cầu HS hoạt động cá nhân: <i>?Nêu khái quát nét đặc sắc về nghệ thuật, nội dung và thông điệp mà tác giả muốn gửi tới người đọc qua "Bản tin về hoa anh đào".</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 03 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày các nội dung tổng kết. - HS khác bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học.	1. Nghệ thuật - Lời văn nhẹ nhàng, tinh tế, tình cảm, giàu hình ảnh và cảm xúc. - Thông tin phong phú cuốn hút, thể hiện rõ quan điểm cá nhân người viết. 2. Nội dung – Thông điệp *Nội dung: Bài tản văn là sự tự hào và tình cảm trân trọng của tác giả dành cho bạn mình – một kí giả ở Đà Lạt và những bản tin về hoa anh đào mà anh ấy viết. *Thông điệp: Qua những suy ngẫm trước các bản tin về hoa anh đào, tác giả muốn: + Hướng người đọc tới thái độ biết nâng niu từng vẻ đẹp của thiên nhiên, biết điều chỉnh thái độ sống,

	cách sống để tìm được niềm hạnh phúc trong sự giao hoà với tạo vật. + Hoạt động báo chí cần phải có những thay đổi tích cực trong cách chọn và đưa thông tin tới độc giả.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố kiến thức thể loại của bài học qua việc so sánh 3 VB.

b. Nội dung: HS hoạt động cặp đôi làm bài tập GV giao.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

*GV giao bài tập cho HS thảo luận cặp đôi:

So sánh đặc điểm thể loại của văn bản "Bản tin hoa anh đào" với 2 văn bản đã học: "Thủy tiên tháng Một", "Lễ rửa làng của người Lô Lô".

- GV hướng dẫn và hỗ trợ HS.

***Gợi ý đáp án:**

- **Giống nhau:** đều cung cấp những thông tin hữu ích trong cuộc sống hằng ngày, đều thể hiện quan điểm của người viết trước một vấn đề.

- **Khác nhau:**

+ Văn bản "Bản tin hoa anh đào" thuộc thể loại tản văn;

+ Văn bản "Thủy tiên tháng Một", "Lễ rửa làng của người Lô Lô" là thuyết minh, báo chí.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xem lại các VB và so sánh.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu đại diện HS trình bày sản phẩm của mình.

- Nhóm HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV đánh giá HS, tuyên dương bài làm của các nhóm HS.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào viết đoạn bày tỏ thái độ trước một vấn đề đặt ra của cuộc sống.

b. Nội dung: HS viết đoạn; nêu suy nghĩ, chia sẻ.

c. Sản phẩm: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS thực hiện bài tập vận dụng (có thể về nhà làm):

Bài tập: Từ nội dung của văn bản "Bản tin về hoa anh đào", em hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 đến 7 câu) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc biết trân trọng vẻ đẹp thiên nhiên.

***Hướng dẫn:**

1. Đảm bảo hình thức đoạn văn và yêu cầu dung lượng.
2. Triển khai đúng vấn đề nghị luận với lí lẽ và dẫn chứng thuyết phục.

Có thể triển khai theo hướng sau: Khi biết trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên sẽ mang lại cho con người nhiều ý nghĩa như:

- Mang lại đời sống kinh tế, vật chất ấm no;
- Kiến tạo những giá trị mỹ quan, đời sống tinh thần phong phú;
- Giúp cuộc sống con người cũng trở nên nhẹ nhàng, thoải mái, thư thái hơn
- Mang lại niềm cảm hứng bất tận trong thơ ca, nhạc họa, làm người bạn tâm giao của người nghệ sĩ.
- Thiên nhiên là người bạn tốt của con người, vì vậy chúng ta cần biết yêu thiên nhiên, giữ gìn và bảo vệ chính môi trường sống của chính mình.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS viết bài ra giấy (có thể thực hiện ở nhà).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày.
- HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần), tuyên dương những bài viết tốt.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung bài học.
- HS chuẩn bị soạn bài cho tiết sau học bài: **Thực hành tiếng Việt: Cách xác định nhanh nghĩa của từ Hán Việt.**

Tiết: 123

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

NGHĨA CỦA MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT THÔNG DỤNG VÀ NGHĨA CỦA NHỮNG TỪ CÓ YẾU TỐ HÁN VIỆT ĐÓ

I. Mục tiêu:

Giúp HS:

- Hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng.
- Nắm được cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt thông dụng đó.
- Phát hiện, giải quyết các bài tập một cách sáng tạo, hiệu quả.
- Chăm chỉ: Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

* Duy - Nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị:

- Máy vi tính, bảng phụ, giấy A0, bút màu...

2. Học liệu:

- Sưu tầm các từ Hán Việt có trong văn thơ.

- Phiếu học tập.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Giúp HS tạo tâm thế hào hứng, kết nối tri thức để bước vào bài học.

b. **Nội dung:** GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi để dẫn dắt HS vào bài học.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu yêu cầu, HS suy nghĩ trả lời:

? Khi gặp một từ Hán Việt, em thường xác định nghĩa của nó bằng cách nào?

Nêu cách hiểu của em về các từ: "tuyệt tác, tuyệt thực".

(*Gợi ý: Giải nghĩa từng yếu tố tạo nên từ đó, sau đó giải nghĩa cả từ. VD: **1) tuyệt**

tác: tuyệt->cực kì, nhất; tác: ->tác phẩm: =>tác phẩm tuyệt vời nhất; **2) tuyệt thực:**

tuyệt->dứt, bỏ; thực->ăn; =>dứt bỏ, không ăn)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

+ HS thực hiện nhiệm vụ.

+ GV quan sát, hỗ trợ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

+ HS trình bày, chia sẻ hiểu biết.

+ GV nghe, quan sát học sinh, trình bày tổng kết.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

+ GV nhận xét, đánh giá.

+ **GV chốt vấn đề, dẫn vào bài:** Trong tiếng Việt của chúng ta, lớp từ Hán Việt chiếm tỉ lệ rất lớn, chính vì vậy việc xác định nghĩa của chúng sao cho đúng luôn có một ý nghĩa rất quan trọng trong đọc, viết, nói và nghe. Bài học hôm nay sẽ giúp các em hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nắm được cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt thông dụng đó.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. **Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết được cách xác định nhanh nghĩa của từ Hán Việt.

b. **Nội dung:** HS dựa vào thẻ SGK suy nghĩ để nhận biết, trả lời vào phiếu HT.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

(Cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt)

Từ cần xác định nghĩa	Những từ khác có yếu tố Hán Việt tương tự	Nghĩa của từng yếu tố	Nghĩa chung của từ	Nhận xét các bước xác định nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt
thuyết minh	thuyết: thuyết phục, giảng lí thuyết, diễn thuyết,...; minh: minh bạch, minh mẫn, tường minh, thanh minh,...	thuyết: -> có liên quan tới hành động nói; minh: -> có liên quan tới sự rõ ràng, sáng sủa;	- thuyết minh -> nói rõ ràng ra (về một vấn đề nào đó).	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu HS thảo luận theo cặp hoặc theo bàn: <i>?Hãy đọc thầm thẻ trong SGK tr.90 và mô tả các bước xác định nhanh nghĩa của từ Hán Việt để hoàn thành Phiếu học tập số 1.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh tiếp nhận và thực hiện. - HS suy nghĩ. Viết câu trả lời ra giấy. Sau đó cùng trao đổi với bạn trong cặp đôi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. Bước 4: Kết luận, nhận định - HS nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, đánh giá. * Duy nhận biết cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt. - Ghi nội dung bài học vào vở.	1. Cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt - Bước 1: Tách từng từ đó ra thành các yếu tố riêng biệt để xem xét. - Bước 2: Tập hợp những từ đã biết có một trong các yếu tố của từ được tách ở trên và xếp chúng vào các nhóm khác nhau. - Bước 3: Dựa vào nghĩa chung của một vài từ đã biết trong mỗi nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố, từ đó, bước đầu xác định nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt muốn tìm hiểu.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Luyện tập, củng cố cho HS cách xác định nghĩa và giải nghĩa từ Hán Việt.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, theo cặp bàn, hoàn thành bài tập vào phiếu, vở.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia HS theo nhóm hoạt động, yêu cầu các nhóm thảo luận và thực hiện những bài tập có trong SHS.. Bài tập 1/tr.90. Em hiểu như thế nào về nghĩa của các yếu tố Hán Việt tạo nên từ <i>tín ngưỡng</i> được dùng trong văn bản <i>Lễ rửa làng của người Lô Lô</i>? Theo em, khi chưa có từ điển trong tay ta có thể suy đoán nghĩa của các yếu tố đó và nghĩa của từ chứa đựng chúng theo cách nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày, nhận xét. - HS nào nhanh, chính xác sẽ được khen. Bước 4: Kết luận, nhận định - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá; - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý. * Duy làm bài tập vào vở.	2. Luyện tập Bài tập 1/tr.90: *Khi chưa có từ điển trong tay ta có thể suy đoán nghĩa của các yếu tố đó và nghĩa của từ chứa đựng chúng theo cách: - Tách từ <i>tín ngưỡng</i> thành 2 yếu tố là <i>tín</i> và <i>ngưỡng</i>. + Với yếu tố <i>tín</i>, có thể nghĩ đến những từ có yếu tố này như: <i>uy tín, bất tín, thất tín, tín nhiệm, tín đồ, tín tâm, tín niệm, điện tín, thư tín, ấn tín,...</i> + Với yếu tố <i>ngưỡng</i>, có thể nghĩ đến những từ như: <i>chiêm ngưỡng, ngưỡng vọng, kính ngưỡng, ngưỡng mộ,...</i> - Xác định các nghĩa cụ thể của từng yếu tố: + <i>tín</i>: 1. đức tính thật thà; 2. tin, tin tưởng; 3. thư từ; 4. bằng cứ; + <i>ngưỡng</i>: 1. ngược lên; 2. kính mến. -> Nhưng trong mối quan hệ ràng buộc với nhau, có thể xác định rằng trong từ <i>tín ngưỡng</i> thì <i>tín</i> có nghĩa là <i>tin, tin tưởng</i> và <i>ngưỡng</i> có nghĩa là <i>kính mến</i> - - Đưa ra nghĩa chung của từ <i>tín ngưỡng</i>: tin theo một tôn giáo hoặc một giá trị thiêng liêng nào đó.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	Bài tập 2/tr.90:

- GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu của bài: tách 3 từ <i>bản sắc, ưu tư, truyền thông</i> ra thành 6 yếu tố là <i>bản</i> và <i>sắc</i>, <i>ưu</i> và <i>tư</i>, <i>truyền</i> và <i>thông</i>, sau đó làm theo các bước đã được chỉ dẫn trong khung <i>Cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt</i>. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, thực hiện yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá. - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý. * Duy làm bài tập vào vở.	

Bài tập 2/tr.90:

Bản sắc, ưu tư, truyền thông là các từ có yếu tố Hán Việt. Lập bảng theo mẫu được gợi ý sau đây để xác định nghĩa của chúng:

Từ cần xác định nghĩa		Những từ khác có yếu tố Hán Việt tương tự	Nghĩa của từng yếu tố	Nghĩa chung của từ
<i>bản sắc</i>	<i>bản</i>	<i>bản chất, bản lĩnh, bản quán, nguyên bản,...</i>	<i>bản: ...</i>	<i>bản sắc: ...</i>
	<i>sắc</i>	<i>sắc thái, sắc độ, sắc tố,...</i>	<i>sắc: ...</i>	
<i>ưu tú</i>	<i>ưu</i>	...	...	...
	<i>tú</i>	...	...	
...	...	...	...	...

***Gợi ý đáp án:**

Từ cần xác định nghĩa		Những từ khác có yếu tố Hán Việt tương tự	Nghĩa của từng yếu tố	Nghĩa chung của từ
<i>bản sắc</i>	<i>bản</i>	<i>bản chất, bản lĩnh, bản quán, nguyên bản,...</i>	<i>bản</i> : cội, gốc	<i>bản sắc</i> : tính chất riêng tạo thành đặc điểm chính.
	<i>sắc</i>	<i>sắc thái, sắc độ, sắc tố,...</i>	<i>sắc</i> : vẻ	
<i>ưu tú</i>	<i>ưu</i>	<i>ưu điểm, ưu tú, hạng ưu, ưu ái,...</i>	<i>ưu</i> : tốt, giỏi, cái ở phía trên.	<i>ưu tư</i> : lo nghĩ.
	<i>tú</i>	<i>tư duy, tâm tư, tương tư, vô tư, tư tưởng,...</i>	<i>tư</i> : suy nghĩ, ý niệm, nhớ nhung, hoài niệm.	
<i>truyền thông</i>	<i>truyền</i>	<i>truyền đạt, truyền hình, truyền khẩu, truyền kỳ, truyền miệng, truyền thuyết,...</i>	<i>truyền</i> : lan rộng, đưa từ chỗ này đến chỗ khác.	<i>truyền thông</i> : hoạt động trao đổi thông điệp trong một nhóm người hoặc một cộng đồng để tạo ra sự hiểu biết lẫn nhau hoặc hiểu biết về một sự kiện, sự việc, con người.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng và tích hợp kiến thức văn bản và tiếng Việt để viết đoạn.

b. Nội dung: HS thực hiện ở nhà bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời thể hiện hiểu biết của HS.

d. Tổ chức hoạt động: HS thực hiện ở nhà và báo cáo trên lớp ở giờ học sau.

- GV yêu cầu HS:

Bài tập: Tìm hiểu nghĩa của những yếu tố đã tạo nên các từ Hán Việt được ghi cước chú như: *đồng nhất, hải lưu, định kì, linh nghiệm, kí giả, thiết thân,...*

***GỢI Ý:**

- *đồng* (cùng, giống) *nhất* (một);

- *hải* (biển) *lưu* (dòng chảy);

- *định* (cố định) *kì* (khoảng thời gian),

- *linh* (thiên, bí ẩn) *nghiêm* (có hiệu quả),
- *kí* (ghi chép) *giả* (người);
- *thiết* (cần thiết, mật thiết) *thân* (bản thân).

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung bài học.
- HS chuẩn bị cho tiết sau học bài: **Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.**

HẾT.

TIẾT: 124- 127- TUẦN 32

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH VỀ QUY TẮC HOẶC LUẬT LỆ TRONG TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG

I. Mục tiêu

Giúp HS:

- Nắm được cấu trúc tương đối ổn định của kiểu bài viết thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.
- Viết được bài thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động quen thuộc với mình hoặc được ban thân tìm hiểu kĩ qua sách báo và các phương tiện truyền thông khác.
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập trước khi tới lớp.
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong tạo lập văn bản.
- Chăm chỉ hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Yêu mến, trân trọng những nhân vật được kể.
- * **Duy nhận biết được cấu trúc tương đối ổn định của kiểu bài viết thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.**
- **Chăm chỉ hoàn thành nhiệm vụ học tập.**
- **Yêu mến, trân trọng những nhân vật được kể.**

II. Thiết bị và học liệu

1. **Thiết bị:** Máy tính,...

2. **Học liệu:** SGK, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS kết nối, xác định được nội dung chính của bài học.

b. Nội dung: GV nêu vấn đề, HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân, sau đó kết nối với nội dung của bài.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

Đọc thầm nhan đề *Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động trong SHS* và trả lời câu hỏi:

1) Vì sao cần tập viết kiểu bài này? Hãy nêu hình dung của em về tính ứng dụng của kiểu bài.

2) Kiểu bài cho phép em thể hiện được hiểu biết và sự quan tâm về trò chơi hay hoạt động như thế nào?

3) Việc rèn luyện viết theo kiểu bài này có mối quan hệ như thế nào đối với vấn đề phục dựng những trò chơi hay hoạt động rất giàu ý nghĩa nhưng hiện nay đang dần mai một?

- HS suy nghĩ cá nhân để phát biểu ý kiến.

- Từ việc bày tỏ ý kiến của HS, GV nhận xét, bổ sung, kết luận, sau đó kết nối vào nội dung bài học: *Bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động có mục đích thông tin về quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động đó. Văn bản 2 của phần Đọc mà các em đã học thuộc loại này. Trong suốt tuổi thơ của mình, hẳn các em cũng từng biết đến không ít trò chơi hay hoạt động độc đáo mang đậm bản sắc văn hoá từng vùng miền đất nước. Để giúp các em biết cách giới thiệu về một trò chơi hay hoạt động với mọi người bằng một bài văn thuyết minh bài học hôm nay chúng ta cùng nhau đi tìm hiểu.*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài; phân tích bài tham khảo và thực hành viết theo các bước.

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi cho HS chia sẻ nhóm đôi tìm hiểu kiểu bài bằng việc điền vào phiếu học tập đã chuẩn bị.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

(Phân tích bài viết tham khảo)

Hoàn thiện bảng sau bằng cách ghi câu trả lời vào cột bên phải tương đương với câu hỏi ở cột trái:

Câu hỏi	Trả lời
1) Mở bài:	- Giới thiệu:...

2) Thân bài:	- Miêu tả cách chơi:... - Miêu tả luật chơi:... - Nêu tác dụng của trò chơi:...
3) Kết bài:	- Nêu ý nghĩa của trò chơi:...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

(Phiếu tìm ý)

Họ và tên:.....	Lớp:.....
Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.	
Gợi ý: HS suy nghĩ kĩ để chọn các thông tin phù hợp điền vào các ô trong bảng.	
- Trò chơi hay hoạt động đó thường diễn ra ở đâu?	...
- Trò chơi hay hoạt động đó dành cho lứa tuổi nào?	...
- Hiện nay người ta có còn chơi trò chơi đó hay duy trì hoạt động đó nữa không?	...
- Quy tắc, luật lệ của trò chơi hay hoạt động đó là gì?	...
- Trò chơi hay hoạt động đó có tác dụng như thế nào đối với con người?	...
- Ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động đó là gì?	...

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS tìm hiểu, trao đổi về phần <i>Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động</i> trong SHS, trang 91, nêu câu hỏi để lưu ý các em về những điểm chính: 1) Tại sao phải giới thiệu hoàn cảnh diễn ra và đối tượng tham gia trò chơi hay hoạt động?	- Giới thiệu được những thông tin cần thiết về trò chơi hay hoạt động (hoàn cảnh diễn ra, đối tượng tham gia). - Miêu tả được quy tắc hoặc luật lệ trò chơi hay hoạt động.

2) Nếu không trình bày tường minh về các quy tắc hoặc luật lệ cũng như bỏ qua việc nêu trình tự các bước cần thực hiện thì sự hình dung của người đọc về trò chơi hay hoạt động sẽ gặp những khó khăn gì? 3) Tại sao phải nêu vai trò, tác dụng của trò chơi hay hoạt động đối với con người? 4) Khi tham gia một trò chơi hay hoạt động, việc tìm hiểu ý nghĩa của nó có tác dụng gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS dựa vào SHS, trang 91 để trình bày các yêu cầu; trả lời câu hỏi của GV. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày và nêu những điều chưa rõ (nếu có). - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu cần). - GV quan sát, khuyến khích HS trả lời. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức, ->chuyển dẫn sang mục 2.	- Nêu được vai trò, tác dụng của trò chơi hay hoạt động đối với con người. - Nêu được ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động đó.
2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV cho HS xem video giới thiệu trò chơi chuyên: https://www.youtube.com/watch?v=JMGbpV5z Mdo  sau đó đọc kỹ và đối chiếu bài viết tham khảo với video, thảo luận theo nhóm cặp đôi và hoàn thành phiếu Phiếu HT số 1. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát những chi tiết trong SGK. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS tìm hiểu cách triển khai văn bản. Bước 3: Báo cáo, thảo luận	1) Mở bài: Giới thiệu trò chơi: <i>Chơi chuyên là trò chơi dân gian Việt Nam được nhiều bạn gái yêu thích.</i> 2) Thân bài: a. Miêu tả quy tắc chơi: - Số người tham gia: 2 – 6 người chơi theo cặp, hoặc chơi luân phiên theo nhóm, hoặc chia đội. - Đồ vật dùng: 10 que chuyên nhỏ, 1 quả tròn nặng - Cách chơi: + Người chơi tay cầm quả tung lên không trung, đồng thời nhặt que truyền đã được rải sẵn dưới đất, kịp để bắt quả khi rơi xuống.

- GV yêu cầu, hướng dẫn HS trình bày. - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt kiến thức, chuyển sang thực hành. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	+ Chơi từ bàn 1 đến 10, người chơi vừa tung quả, nhặt que chuyền, vừa đọc đồng dao. b. Luật chơi: - Khi đến lượt chuyền, ai không bắt được quả hay bắt que chuyền đúng sẽ mất lượt, đối phương sẽ được chơi. c. Tác dụng của trò chơi: - Luyện sự khéo léo, nhanh tay, nhanh mắt, khả năng tính toán. - Gắn kết, hòa đồng, củng cố tinh thần đồng đội. - Mang đến sự vui vẻ. 3) Kết bài: Nêu ý nghĩa của chơi chuyền thể hiện nét đẹp dân gian văn hóa người Việt.
3. Thực hành viết theo các bước	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *Bước 1: GV hướng dẫn HS theo dõi SGK tr.93 để xác định mục đích viết, người đọc và lựa chọn đề tài. <i>1) Trước khi viết, em cần xác định mục đích viết và người đọc sẽ là ai?</i> <i>2) Em hãy nhớ lại những trò chơi hay hoạt động mà mình đã được tham gia hay xem trên truyền hình để lựa chọn cho mình một trò chơi hay hoạt động ưa thích.</i> *Bước 2: GV hướng dẫn HS tìm ý: GV yêu cầu HS đọc và tìm hiểu kĩ về đề tài, sau đó tìm ý bằng cách điền các thông tin cần thiết vào Phiếu học tập số 2 theo mẫu. GV cho HS trình bày, chiếu lên cho HS nhận xét. *Bước 3: GV hướng dẫn HS lập dàn ý: - Sau khi HS hoàn thành phiếu tìm ý, GV yêu cầu HS đọc lại và sắp xếp các ý vào từng phần của bài theo thứ tự hợp lí. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS lần lượt thực hiện từng yêu cầu của GV.	1. Trước khi viết *Xác định: - Mục đích viết: Cung cấp thông tin về quy tắc, luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. - Người đọc: Thầy cô, bạn bè, người thân và tất cả những ai quan tâm tới vấn đề. a. Lựa chọn đề tài: - Yêu cầu: những trò chơi hay hoạt động mà em biết hoặc từng tham gia. - Gợi ý đề tài: + Trò chơi bịt mắt bắt dê; + Trò chơi nhảy bao bố; + Trò chơi ô ăn quan; + ... b. Tìm ý: Phiếu học tập số 2 c. Lập dàn ý: a) Mở bài

- HS dự kiến câu trả lời, ghi ra giấy. - GV quan sát, hỗ trợ, khuyến khích. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày bài viết. - HS khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. - Tuyên dương, khích lệ HS, đọc bài viết tham khảo. * Duyệt ghi nội dung bài học vào vở.	- Giới thiệu về trò chơi hay hoạt động (tên gọi, hoàn cảnh diễn ra, đối tượng tham gia). b) Thân bài: - Miêu tả quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động (cách chơi, luật chơi). - Nêu tác dụng của trò chơi hay hoạt động. c) Kết bài - Ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động đối với cuộc sống của con người.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc yêu cầu viết từng phần trong SGK tr.90, sau đó lưu ý HS mấy điểm khi viết bài, em cần lưu ý. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát đọc hướng dẫn viết từng phần trong SGK. - GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác cần thực hiện khi viết. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày. - HS khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, yêu cầu HS viết ngay trên lớp hoặc hoàn thành ở nhà. - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt lưu ý. - GV chuyển dẫn sang mục tiếp theo.	2. Viết bài *Lưu ý: - Kết hợp các thông tin em tham khảo được về trò chơi hay hoạt động và những trải nghiệm của riêng em. - Miêu tả quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động một cách chi tiết, rõ ràng. - Mỗi ý, mỗi đặc điểm của trò chơi hay hoạt động trình bày thành một đoạn văn.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ: Dựa vào bài làm, các em hãy chỉnh sửa theo yêu cầu gợi ý và hướng dẫn chỉnh sửa theo Phiếu trong SGK tr.95; Bảng kiểm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát văn đã viết của mình để chỉnh sửa theo bảng. - GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác khi chỉnh sửa văn bản để tự đánh giá mức độ hoàn	3. Chỉnh sửa bài viết - Chỉnh sửa theo yêu cầu trong Phiếu hướng dẫn chỉnh sửa, SGK tr.95

thành (GV có thể yêu cầu HS đối chiếu bài cho nhau trong bàn để đối chiếu, rà soát). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày. - HS khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt lưu ý.	
HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG a. Mục tiêu: Củng cố, vận dụng kiến thức của bài học vào làm bài tập cụ thể. b. Nội dung: HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao. c. Sản phẩm: HS viết được một văn bản hoàn thiện, đảm bảo yêu cầu nội dung của kiểu bài. d) Tổ chức thực hiện: - Giáo viên giao nhiệm vụ và yêu cầu bài tập cho HS: Lập dàn ý cho 1 trong các đề tài sau: Đề 1. Trò chơi kéo co Đề 2. Trò chơi nhảy bao bố Đề 3. Hát đối đáp - GV hướng dẫn HS thực hiện theo yêu cầu, hỗ trợ HS hoàn thiện bài tập. - HS vận dụng những kiến thức đã học để hoàn thiện yêu cầu bài tập. *GV cung cấp tư liệu cho HS.	
4. Trả bài	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Nhiệm vụ 1. Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài - GV cho HS cả lớp viết bài theo một đề tài chung, hoặc mỗi em viết về một đề tài tự chọn. Sau đó, GV giúp các em củng cố, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài. - GV dựa vào mục <i>Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ</i> để nêu ra một khung đánh giá chung, cho HS đọc, rà soát bài viết của mình, tự rút ra ưu điểm và hạn chế trên từng yêu cầu cụ thể theo bảng kiểm. Nhiệm vụ 2. Nhận xét về kết quả và chỉnh sửa bài viết - Từ thực tế chấm và đánh giá bài của HS, GV nhận xét chung về tình hình làm bài, việc đáp ứng yêu cầu, cách triển khai bài viết, diễn đạt,...; nhắc	a. Yêu cầu của kiểu bài - Giới thiệu được những thông tin cần thiết về trò chơi hay hoạt động (hoàn cảnh diễn ra, đối tượng tham gia). - Miêu tả được quy tắc hoặc luật lệ trò chơi hay hoạt động. - Nêu được vai trò, tác dụng của trò chơi hay hoạt động đối với con người. - Nêu được ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động đó. b. Nhận xét - Ưu điểm: - Nhược điểm: c. Chỉnh sửa và hoàn thiện

HS đối chiếu với những yêu cầu, đòi hỏi của kiểu bài với bài làm của bản thân, nhận ra những ưu điểm, nhược điểm. - GV trả bài cho HS, đồng thời nhắc HS sử dụng bảng gợi ý cách chỉnh sửa bài viết đã nêu ở phần <i>Viết</i> của SHS, tr.91, kết hợp với những đánh dấu vào Bảng kiểm và lời nhận xét của GV để tự chỉnh sửa bài. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS lần lượt thực hiện từng yêu cầu của GV. - HS ghi ra giấy và đánh giá chéo với bài của bạn. - GV quan sát, hỗ trợ, khuyến khích. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày bài viết. - HS khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. - Tuyên dương, khích lệ HS, đọc bài viết tham khảo.	

BẢNG KIỂM

Hoàn thiện và kiểm tra theo các yêu cầu trong bảng kiểm sau:

Tiêu chí	Có	Không
1) Bài văn có giới thiệu được những thông tin cần thiết về trò chơi hay hoạt động không?		
2) Bài văn có miêu tả chi tiết, rõ ràng quy tắc, luật lệ của trò chơi hay hoạt động không?		
3) Bài văn có nêu được tác dụng và ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động không?		
4) Bài văn có đảm bảo yêu cầu về chính tả, diễn đạt (dùng từ, đặt câu, sử dụng từ ngữ liên kết câu và liên kết đoạn văn,...) không?		

BÀI VIẾT THAM KHẢO

Những điều cần chú ý khi tham gia lễ hội ở Việt Nam

Mỗi dịp Tết đến xuân về cũng là mùa lễ hội trên khắp cả nước. Để bảo đảm lễ hội diễn ra an toàn và văn minh, người tham gia lễ hội cần có ứng xử phù hợp khi tham gia.

Theo thống kê của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, hiện cả nước có 7.966 lễ hội, trong đó có 7.039 lễ hội dân gian, 332 lễ hội lịch sử - cách mạng, 544 lễ hội tôn giáo và gần 30 lễ hội du nhập. Ngoài ra, còn những lễ hội nội bộ như ngành, địa phương, đơn vị, dòng họ... Lễ hội có thể nói chính là một nét đẹp văn hóa dân tộc trong tâm thức người Việt. Hằng năm, nhất là vào những dịp đầu xuân năm mới, người đi trải hội rất đông.



Đông đảo du khách đổ về đền Hùng trong những ngày đầu lễ hội.

Tuy nhiên, không phải ai cũng biết cách “trải hội” sao cho “văn minh”, “đúng cách”. Dưới đây là một số lưu ý khi tham gia lễ hội truyền thống ở Việt Nam:

Cần hiểu rõ văn hóa lịch sử lễ hội bạn muốn tham dự

Trước khi đến một lễ hội, việc tìm hiểu ý nghĩa, lịch sử và các hoạt động văn hóa truyền thống tại lễ hội đó là điều vô cùng quan trọng, quyết định đến việc xin lộc cầu may của bạn. Như đến lễ hội Yên Tử (Quảng Ninh) người ta thường cầu ngàn may mắn bằng cách chà xát tiền vào chuông, khánh, cột ở chùa Đồng – ngôi chùa đồng lớn nhất và cao nhất cả nước.

Trong khi đó lễ hội Chùa Hương (Hà Nội) lại được các đôi vợ chồng hiếm muộn ưa chọn vì sự linh ứng nổi tiếng từ xa xưa khi cầu mong đường con cái. Hay những người bán buôn lại luôn tìm về lễ hội Ông Hoàng Mười (Nghệ An) – một vị thánh yêu thương dân chuyên ban phát tài lộc cho mọi người,... để cầu mua may bán đắt.

Chọn lựa trang phục phù hợp

Trang phục khi đến với các lễ hội văn hóa cần lịch sự, trang trọng, thanh lịch. Tránh mặc những trang phục quá sắc sỡ, hở hang, phản cảm khi đi chùa, đền, lễ hội,... làm ảnh hưởng đến không khí chung nơi tôn nghiêm.



Những bộ váy ngắn, bó sát đều không phù hợp khi đi chùa

Tuân thủ các quy tắc tại nơi tổ chức lễ hội.

Tại chốn thờ tự linh thiêng, nơi thường xuyên cử hành các nghi thức hành lễ, tùy vào từng lễ hội, nghi thức hành lễ sẽ có những yêu cầu khác nhau. Vì thế, khi tham dự lễ hội tại các đền thờ, chùa chiền,... chúng ta cần đọc và ghi nhớ nội quy để thể hiện sự tôn trọng. Đồng thời, du khách cần giữ lời nói đúng mực; giữ gìn vệ sinh chung, không hái hoa, bẻ cành, vứt rác bừa bãi nơi công cộng.



Xả rác bừa bãi làm mất mỹ quan của lễ hội

Người ta thường nói, cộng đồng là chủ thể của lễ hội, muốn giữ được vai trò đó thì mỗi người tham gia phải có ý thức trách nhiệm trước cộng đồng, góp phần làm cho lễ hội phát triển lành mạnh. Công tác tuyên truyền, giáo dục thường xuyên sẽ giúp cho người tham gia lễ hội nhận thức sâu sắc về mục đích, ý nghĩa của lễ hội, tự giác thực hiện nếp sống văn minh, điều chỉnh hành vi, ứng xử đúng đắn. Bên cạnh đó, không ngừng nâng cao chất lượng công tác tổ chức và quản lý giữ gìn không

gian, môi trường văn hóa cho lễ hội, đồng thời có những chế tài đủ mạnh để ngăn chặn những hành vi sai phạm.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- + Học bài, nắm chắc cách viết của kiểu bài.
- + Lưu trữ lại Phiếu học tập vào hồ sơ cá nhân.
- + Giao phiếu học tập và yêu cầu HS ôn tập kiểm tra cuối HK 2.
- + **Soạn bài nói và nghe: GIẢI THÍCH QUY TẮC HOẶC LUẬT LỆ TRONG MỘT TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG.**

NÓI VÀ NGHE

TIẾT 128- GIẢI THÍCH QUY TẮC HOẶC LUẬT LỆ TRONG MỘT TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG

I. Mục tiêu:

Giúp HS:

- Ý thức được ý nghĩa của việc giải thích về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.
- Biết giải thích rành mạch về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động nhằm giải đáp những thắc mắc của người tham gia hoặc muốn tìm hiểu về trò chơi hay hoạt động ấy.
- Phát triển khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ.
- Biết lắng nghe, tôn trọng, nhận thức đúng về các quy tắc của trò chơi.
- * **Duy nhận biết được ý nghĩa của việc giải thích về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.**
- **Biết lắng nghe, tôn trọng, nhận thức đúng về các quy tắc của trò chơi.**

II. Thiết bị và học liệu

1. **Thiết bị:** Máy tính,...

2. **Học liệu:** SGK, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của đã học vào bài mới.

b. **Nội dung:** GV nêu câu hỏi cho HS động não và suy nghĩ trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

* **GV sử dụng kĩ thuật động não để nêu câu hỏi yêu cầu:** *Em được yêu cầu dựa vào bài viết đã thực hiện về giới thiệu trò chơi chuyên để xây dựng thành bài nói*

giải thích với các bạn trong lớp. Từ những gì đã viết, để có một bài nói phù hợp, em cần thực hiện như thế nào?

* GV gọi 1 số HS thực hiện nhiệm vụ theo. HS thực hiện xong, có thể chỉ bạn tiếp nối. GV quan sát, hỗ trợ.

* GV dẫn dắt vào nội dung tiết học.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu: Xác định được mục đích nói và người nghe; biết chuẩn bị những nội dung cần nói và luyện nói; trình bày giải thích được quy tắc, luật lệ nêu ra.

b. Nội dung: HS xác định mục đích, trình bày nội dung bài nói và lắng nghe, trao đổi với bạn về bài nói của mình.

c. Sản phẩm: Bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu; thái độ lắng nghe tích cực của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 (Tìm hiểu trình bày bài nói)

Các phần	Trả lời
a. Mở bài:	...
b. Triển khai:	...
c. Kết luận:	...

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Trước khi nói	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *Trước khi nói: GV nêu vấn đề, yêu cầu cho HS: - Chúng ta cần xác định mục đích nói và người nghe như thế nào? - GV nhấn mạnh: Trước khi nói, ta cần xác định mục đích nói và đối tượng nghe. Điều này là cần thiết, đóng vai trò quan trọng, góp phần làm cho hoạt động nói và nghe thành công. a. Chuẩn bị nội dung nói - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói theo gợi ý SHS tr.95, với các yêu cầu: + Từ đề tài đã chọn trong phần Viết, người nói xây dựng dàn ý chi tiết, gồm	*Xác định mục đích nói và nghe - Mục đích nói: Làm rõ quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động với những người tham gia hoặc quan tâm. - Người nghe: Thầy cô, bạn bè, người thân và những ai quan tâm đến trò chơi, hoạt động. a. Chuẩn bị nội dung nói: Dựa trên bài viết, em hãy chọn nội dung cho hoạt động nói theo những gợi ý sau:

đầy đủ các phần, ghi chú cách trình bày từng phần, các ý cụ thể cần sử dụng,... + Nếu phần Nói thực hiện trên một bài viết đã có, các em cần rút gọn bài viết thành dàn ý bài nói. Chú ý: Cách mở đầu bài nói có những điểm khác với bài viết. Phần triển khai, các ý cần rõ ràng, có ghi chú các mục, tiểu mục chính để tiện khi trình bày. + Chuẩn bị tranh ảnh, minh họa đi kèm.... b. Tập luyện: - Hình thức phù hợp nhất là tập luyện theo nhóm. GV hướng dẫn HS luân phiên cả hai tư cách người nói và người nghe để phát triển kỹ năng nói và nghe hài hòa. *GV lưu ý: - Phần trọng tâm của bài nói cần xoáy vào giải đáp các vấn đề: <i>Có những quy tắc, quy định cụ thể nào cần tuân thủ? Vì sao phải tuân thủ những quy tắc, quy định đó? Quy tắc, quy định của trò chơi, hoạt động được xây dựng trên cơ sở nào?...</i> - Bài nói chỉ thực sự tốt nếu bao quát được mọi tình huống nảy sinh, giải đáp được những thắc mắc tiềm tàng từ phía người nghe. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, theo dõi SGK lần lượt thực hiện các yêu cầu của GV. - HS khác nghe, góp ý. - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS hoàn thiện sự chuẩn bị bài nói vào trong vở; tập trình bày bài nói trước nhóm. Bước 4: Đánh giá, kết luận	- Đánh dấu đoạn giải thích quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động trong bài viết. - Tóm lược những ý chính của đoạn văn đó. - Chuẩn bị tranh ảnh, hình vẽ dạng sơ đồ, dụng cụ liên quan đến trò chơi hay hoạt động. Chú ý: Em có thể chuẩn bị thuyết trình bằng hình thức trình chiếu để người nghe hiểu rõ hơn về trò chơi hay hoạt động. b. Tập luyện + Tập nói thành tiếng một mình; vừa nói vừa giới thiệu tranh ảnh, hình vẽ, dụng cụ. + Nếu em chuẩn bị thuyết trình thì nói theo bản trình chiếu đã chuẩn bị.

- GV nhận xét, chốt kiến thức. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	
2. Trình bày bài nói	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV cho HS tìm hiểu cách trình bày bài nói theo các phần mục bằng cách hoàn thành thông tin trong Phiếu HT số 1. *GV cho HS hoạt động theo nhóm hoặc theo quy mô cả lớp. Nếu theo quy mô cả lớp, GV có thể tự mình điều khiển hoạt động nói và nghe suốt cả tiết. *GV cho khoảng 3 HS được trình bày bài nói của mình. Để tránh sự nhàm chán, nên mời những HS dự định nói về các đề tài không trùng lặp nhau được trình bày. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Cá nhân HS lên trình bày trước lớp. - Các HS khác lắng nghe, ghi chép, góp ý, dự kiến nội dung cần góp ý, trao đổi. - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày bài nói; - HS khác nêu vấn đề cần trao đổi. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. * Duy nghe các bạn trình bày bài nói.	a. Mở bài: Hãy thu hút người nghe bằng thái độ hào hứng của em đối với trò chơi hay hoạt động. Em có thể đặt câu hỏi cho người nghe như: <i>Các bạn đã bao giờ chơi trò ... (tham gia hoạt động ...) chưa?</i> Hoặc miêu tả một chi tiết trong trò chơi hay hoạt động và hỏi: <i>Các bạn có biết trò chơi (hoạt động) này không? Các bạn có muốn chơi (tham gia) không? ...</i> b. Triển khai: - Trình bày theo dàn ý đã chuẩn bị (hoặc nói kết hợp với việc sử dụng bản trình chiếu). - Trong khi nói, em có thể dùng cử chỉ, điệu bộ để mô phỏng động tác của trò chơi hay hoạt động. c. Kết luận: Khẳng định sự thú vị của trò chơi hay hoạt động; hẹn các bạn cùng tham gia trò chơi hay hoạt động vào một dịp phù hợp.
3. Sau khi nói	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV cho HS trao đổi về bài nói theo mẫu trong SHS tr.96 và tự đánh dấu vào Bảng đánh giá kỹ năng nghe. *GV chuẩn bị sẵn mẫu phiếu đánh giá để phát cho từng HS hoặc nhóm HS vào đầu tiết học..	- Trao đổi về bài nói theo mẫu SHS tr.96, và tự đánh giá kỹ năng nghe. - Đánh giá bài nói theo Phiếu đánh giá.

*Cuối giờ học, GV thu lại phiếu để làm cơ sở đánh giá kĩ năng nghe và nói của HS. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo các mẫu và phiếu đánh giá tiêu chí. - HS quan sát HĐ nói của bạn và ghi nhận xét ra giấy. Bước 3: Thảo luận, báo cáo - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét của HS, tuyên dương và khích lệ HS và kết nối sang hoạt động sau.	

BẢNG TỰ KIỂM TRA KĨ NĂNG NGHE

Nội dung kiểm tra	Đạt/ chưa đạt
- Hiểu và hiểu được nội dung chính của bài nói;	
- Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm, yếu tố sáng tạo trong lời nói của bạn hay điểm hạn chế của bạn.	
- Thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, động viên khi nghe bạn trình bày.	

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI NÓI

Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Mức độ đạt được		
		Chưa đạt	Đạt	Tốt
Nội dung bài nói	Chọn được trò chơi hay hoạt động có quy tắc hoặc luật lệ thú vị để trình bày			

	Nêu sáng rõ những quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động và sự cần thiết của việc tuân thủ chúng			
Cách thể hiện	Nói có ngữ điệu phù hợp, biết nhấn giọng những chỗ cần thiết, biết nêu một số câu hỏi gợi mở nhằm kích thích sự tò mò trước những ý quan trọng			
	Dùng từ ngữ chính xác, gây ấn tượng, biết sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ			
Sự tương tác	Nắm bắt chính xác sự chú ý của người nghe để thực hiện những điều chỉnh cần thiết về nội dung nói và cách nói; giải đáp rõ ràng, nhã nhặn các thắc mắc			

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố kiến thức của bài học thông qua việc trình bày lại bài nói theo góp ý đánh giá.

b. Nội dung: HS trình bày lại bài nói.

c. Sản phẩm: Bài nói hoàn thiện sau chỉnh sửa của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trình bày lại bài nói dựa trên những góp ý và đánh giá của GV và các bạn.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).
- GV nhận xét bài làm, tuyên dương, rút kinh nghiệm.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Rút ra được bài học về kiến thức kỹ năng của bài học.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

c. Sản phẩm: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giao bài tập về nhà:

Bài tập: Điều quan trọng nhất sau tiết học nói mà em rút ra được hôm nay là gì? (Hãy ghi ra giấy, bổ sung vào hồ sơ học tập).

- HS suy nghĩ và viết ra giấy. Các câu hỏi của HS có thể dưới nhiều hình thức khác nhau.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Tự hoàn chỉnh, rút kinh nghiệm bài nói nghe theo góp ý của thầy cô, bạn bè;
- Chuẩn bị trước ở nhà nội dung các bài tập củng cố, mở rộng, thực hành đọc trong SGK, tr.97-100.
- Ôn tập kiểm tra học kì 2.

HẾT.

TUẦN 33
TIẾT 129-130: KIỂM TRA HỌC KÌ 2

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN NGỮ VĂN - LỚP 7

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Văn bản nghị luận									
	Số câu		4	0	3	1	0	1	0	1	10
	Tỉ lệ % điểm		20		15	10		10		5	60
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối).									
	Số câu		0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	1
	Tỉ lệ % điểm			10		15		10	0	5	40
Tỉ lệ % điểm các mức độ			70				30				100

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
1.	Đọc hiểu	Văn bản Nghị luận	Nhận biết: - Xác định kiểu văn bản. - Nhận biết được các biện pháp tu từ. - Nhận biết được phép liên kết trong đoạn văn.

			- Xác định được câu văn mang luận điểm. Thông hiểu: - Giải thích được công dụng của dấu ngoặc kép. - Giải thích được nghĩa của từ. - Hiểu được vì sao tác giả lại nói: “<i>Bất cứ ai trong chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại và thất bại?</i>” - Thông qua nội dung văn bản, các em hiểu và tìm được câu tục ngữ có liên quan. Vận dụng: - Lí giải được nội dung, quan điểm của tác giả thể hiện trong đoạn văn. Vận dụng cao: - Viết đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ về thái độ sống của thế hệ các bạn trẻ ngày nay khi đứng trước những khó khăn và thất bại.
2	Làm văn	Viết bài văn nghị luận về vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối).	Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, vấn đề nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày ý kiến phản đối. Thông hiểu: Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản...) của kiểu bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày ý kiến phản đối. Vận dụng: Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống trình bày ý kiến phản đối. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được suy nghĩ của bản thân trước vấn đề cần bàn luận. Vận dụng cao: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.

A. Phép lặp.

C. Phép nối.

B. Phép thế.

D. Phép liên tưởng.

Câu 4. Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng trong câu: “*Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công*”.

A. Ẩn dụ, so sánh.

B. So sánh, liệt kê.

C. So sánh, điệp ngữ.

D. So sánh, nhân hoá.

Câu 5. Dấu ngoặc kép trong câu sau có công dụng gì?

Đặng Thuỳ Trâm từng viết: “Đời phải trải qua giông tố, nhưng chớ cúi đầu trước giông tố”.

A. Đánh dấu tên tác phẩm.

B. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp.

C. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt.

D. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo hàm nghĩa mỉa mai.

Câu 6. Từ “**thành công**” trong đoạn văn trên được hiểu như thế nào?

A. Những điều tốt đẹp đang chờ phía trước.

B. Điều mình mong muốn đạt được.

C. Những điều có ích cho cuộc sống.

D. Đạt được kết quả, mục đích như dự định.

Câu 7. Theo tác giả, tại sao: *Bất cứ ai trong chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại và thất bại?*

A. Bởi không có con đường nào là bằng phẳng, dễ đi, nếu muốn thành công thì trước hết phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình.

B. Bởi thất bại đáng sợ nhất của cuộc đời chính là không chiến thắng bản thân, không nỗ lực theo đuổi mục tiêu, lí tưởng mà mình đã chọn.

C. Bởi thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời.

D. Bởi cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công.

Từ câu 8 đến câu 10, em hãy viết câu trả lời của mình vào giấy kiểm tra.

Câu 8. Nội dung của đoạn trích trên gợi cho em nhớ đến câu tục ngữ nào?

Câu 9. Em có tán thành với quan điểm của tác giả không? Vì sao?

Câu 10. Thông qua nội dung của văn bản, em có suy nghĩ gì về thái độ sống của các bạn trẻ ngày nay khi đứng trước những khó khăn và thất bại. (Viết đoạn văn từ 5 đến 7 câu).

II. LÀM VĂN (4.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận thể hiện ý kiến của em về quan niệm: “Vệ sinh trường học là trách nhiệm của người lao công đã được nhà trường trả lương”.

HẾT.

** Thí sinh không được sử dụng tài liệu, giám thị coi thi không giải thích gì thêm.*

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I.		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	C	0.5
	2	A	0.5
	3	C	0.5
	4	B	0.5
	5	B	0.5
	6	D	0.5
	7	A	0.5
	8	Đoạn trích trên gợi cho em nhớ đến câu tục ngữ: “ Thất bại là mẹ thành công.”	1.0
	9	HS đưa ra quan điểm của bản thân và lí giải được tại sao mình có quan điểm đó.	1.0
	10	Học sinh viết đoạn văn ngắn từ 5 đến 7 câu trình bày suy nghĩ của bản thân về thái độ sống của thế hệ trẻ ngày nay. - Về hình thức: đoạn văn ngắn khoảng từ 5 đến 7 câu có mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. - Về nội dung: Nêu được suy nghĩ của bản thân về thái độ sống của thế hệ trẻ ngày nay.	0.5
II.	LÀM VĂN		4.0
		<i>a. Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận gồm 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.</i>	0.5
		<i>b Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến phản đối về một vấn đề trong đời sống.</i>	0.25
		<i>c. Yêu cầu về nội dung: * Nêu vấn đề nghị luận và bày tỏ ý kiến phản đối cách nhìn nhận về vấn đề.</i>	2.5

		* Trình bày vấn đề: - Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận. - Phản đối các khía cạnh của ý kiến, quan niệm (lí lẽ, bằng chứng). - Nhận xét những tác động tiêu cực của ý kiến, quan niệm đối với đời sống (lí lẽ, bằng chứng). * Kết thúc vấn đề - Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối.	
		<i>* Lưu ý: HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn đảm bảo các nội dung trên. Giáo viên cần linh hoạt khi tiếp nhận sản phẩm của học sinh.</i>	
		d. Chính tả, ngữ pháp. - Vốn từ ngữ phong phú, kiểu câu đa dạng, đảm bảo sự logic giữa các câu, các đoạn trong bài văn. Học sinh mắc vài lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, ít gạch xóa.	0.25
		e. Sáng tạo: Có sự sáng tạo trong cách dùng từ, diễn đạt; bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, giàu cảm xúc. - Sự sáng tạo trong cách thể hiện và diễn đạt suy nghĩ, lí lẽ, dẫn chứng đa dạng thuyết phục...	0.5

Lưu ý HSKT:

- Phần Đọc hiểu: trả lời đúng 5/10 câu: 5.0 điểm

- Phần Làm văn: Như thang điểm chung

HẾT.

TIẾT 131: TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ 2

I. MỤC TIÊU:

- Hiểu được những mặt ưu và nhược điểm của mình, từ đó biết cách sửa chữa các lỗi.
- Đánh giá theo yêu cầu của bài kiểm tra.
- Rèn luyện kỹ năng chữa bài chéo nhau về các lỗi diễn đạt, lỗi chính tả.
- Tự đánh giá bài của mình và bài của bạn.
- Hiểu được ưu, nhược điểm trong bài làm của mình, biết cách sửa chữa trong bài làm.
- Củng cố kỹ năng viết bài văn trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống.

II. CHUẨN BỊ

1. **Giáo viên:** SGK, giáo án, bài làm của Hs

2. **Học sinh:** phiếu nhận xét.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. **Ổn định lớp.**

2. **Kiểm tra bài cũ:**

3. **Bài mới**

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

Mục tiêu : Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh. Định hướng phát triển năng lực giao tiếp

Phương pháp: Quan sát, vấn đáp, thuyết trình

Kỹ thuật: động não

Thời gian: 1'

Hoạt động của GV/HS	Dự kiến sản phẩm
<i>Điểm số đối với một bài làm là quan trọng vì nó thể hiện kết quả cụ thể, tổng hợp năng lực, kiến thức, kỹ năng của từng em. Song điều quan trọng hơn, đó là nhận thức, tự nhận thức ra các lỗi, ưu, nhược điểm về các mặt trong bài làm của mình và tìm cách sửa chữa nó. Tiết trả bài vì thế rất có ý nghĩa, các em cần....</i> - Học sinh lắng nghe và ghi tên bài.	

HOẠT ĐỘNG 2: ĐỊNH HƯỚNG LÀM BÀI.

* *Mục tiêu :*

- HS hiểu cách làm bài, các yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể.
- Định hướng phát triển năng lực phân tích, nhận xét, năng lực thành thạo khi làm bài văn theo đặc trưng thể loại...

* **Phương pháp:** Phân tích, vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm.

* **Kỹ thuật:** Động não, hỏi chuyên gia, giao việc, XYZ

* **Thời gian:** 7 - 10'

Hoạt động GV/ HS	Dự kiến sản phẩm
Giáo viên cho học sinh đọc đề và phân tích đề HS đọc đề và phân tích đề	I. Tìm hiểu đề bài 1. Đề 2. Tìm hiểu đề
Giáo viên ghi đáp án HS thảo luận nhóm ghi bảng phụ. - Quan sát, đọc 1 lượt đáp án	II. Đáp án a. Nội dung: Đúng theo đáp án
GV đọc yêu cầu về hình thức HS đọc 1 lượt yêu cầu	b. Về hình thức trình bày: về bài viết - Bố cục 3 phần MB, TB và KB rõ ràng. - Phần thân bài mỗi sự việc tách ra thành 1 đoạn văn. - Tránh mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi về câu, lỗi diễn đạt. - Cấm viết tắt, viết bằng số - Chữ viết, trình bày sạch sẽ, rõ ràng.

HOẠT ĐỘNG 3: NHẬN XÉT BÀI LÀM CỦA HỌC SINH.

***Mục tiêu:** Học sinh hiểu những ưu điểm và hạn chế trong bài của bản thân và của người khác. Rèn kỹ năng tư duy phê phán

* **Thời gian:** 3- 5 phút.

* **Phương pháp:** Nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình.

***Kỹ thuật:** Động não.

HĐ của GV / HS GV liệt kê 1 số lỗi về nội dung và hình thức.	IV. Nhận xét 1. Ưu điểm: Đảm bảo được những yêu cầu của đề bài - Đúng phương thức biểu đạt, biểu cảm, nghị luận.

	- Nội dung : Đảm bảo bài viết nghị luận về một vấn đề trong đời sống. - Bố cục rõ ràng mạch lạc, nhiều đoạn diễn đạt mạch lạc, lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục,... - Bước đầu có một số bài viết đã biết sáng tạo trong cách viết, làm cho lời văn sinh động hấp dẫn. - Chữ viết trình bày đẹp * Khen bài của các HS sau: Ngọc, Đan Nhung, Thụ, Như, Hà, Mai,... 2. Những tồn tại. a. Về nội dung : b. Về hình thức : - Câu sai ngữ pháp, thiếu CN hoặc thiếu cả chủ lẫn vị. - Diễn đạt lủng củng, tối nghĩa, câu quá dài, lời kể đứt quãng, thiếu mạch lạc: -Viết tắt, viết bằng số. (nhiều em) - Nhiều em chưa biết tách ý phần thân bài c. Về tác phong: - Thiếu tập trung trong làm bài, chưa hoàn thành bài viết.

HOẠT ĐỘNG 4: TÌM VÀ CHỮA LỖI.

* **Mục tiêu :**

- HS biết tìm và chữa lỗi trong bài làm của mình
- Định hướng phát triển năng lực phân tích, nhận xét, sửa chữa.

* **Phương pháp:** Phân tích, vấn đáp, thuyết trình

* **Kỹ thuật:** Động não, hợp tác nhóm

* **Thời gian:** 15- 17 phút.

* **Phương pháp:** Nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm.

***Kỹ thuật:** Động não, trực quan.

Hoạt động của GV/HS	Dự kiến sản phẩm
HD - HS tìm và chữa lỗi. - GV ghi một số lỗi phổ biến của HS, HS nhận diện và chữa lỗi chung	III. Chữa lỗi.

- GV sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn yêu cầu học sinh thống kê các lỗi trong bài làm của bản thân và của nhóm. - GV sửa chữa, bổ sung. HS tìm và chữa lỗi. - HS chữa chung + thảo luận nhóm bàn tìm và chữa lỗi. + Các nhóm trình bày và nhận xét chéo. - HS thống kê các lỗi trong bài làm của bản thân và của nhóm bằng kỹ thuật khăn trải bàn theo hướng dẫn của GV. - Học sinh quan sát.	

BÀI 9- HOÀ ĐIỆU VỚI TỰ NHIÊN

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, mở rộng

a. Mục tiêu: HS hiểu sâu về chủ đề và nắm vững đặc trưng VB thông tin.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, cặp đôi, vận dụng kiến thức đã học vào việc hoàn thành các bài tập.

c. Sản phẩm: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*GV định hướng đọc mở rộng cho HS (tìm sách, cách đọc, ghi chép) và có hình thức kiểm tra phù hợp. Để HS thực hành đọc, GV gợi ý thêm một vài khía cạnh ngoài những gì đã được nêu ở SHS.

Câu hỏi 1, tr.97:

Theo em, những điều gì đang gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sống trên Trái Đất hiện nay? Nêu một số việc mà em cho rằng con người cần phải làm để cải thiện tình hình.

Gợi ý trả lời:

- Những điều đang gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sống trên Trái Đất hiện nay là: ý thức của con người về vấn đề bảo vệ môi trường, ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm đất, chặt phá rừng, rác thải, khai thác cạn kiệt tài nguyên,...

- Một số việc con người cần phải làm để cải thiện tình hình:

+ Cần có truyền thông để giúp con người nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

- + Có những hướng dẫn cụ thể về phân loại rác thải và phải có quy định về phân loại rác.
- + Phải có các giải pháp giao thông, tránh gây ùn tắc và ô nhiễm khí thải.
- +....

Câu hỏi 2, tr.97:

Nêu những điều em nắm được về đặc điểm văn bản thông qua bài học này bằng một sơ đồ phù hợp.



Gợi ý trả lời:

*Hoàn thiện sơ đồ theo nội dung sau:

- **Mục đích viết:** Cung cấp thông tin.
- **Hình thức văn bản:** Bài văn, văn bản đa phương tiện, thường là các bài báo.
- **Cách triển khai nội dung:** Theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả
- **Tính xác thực của vấn đề được nói tới:** Tính xác thực cao, có bằng chứng rõ ràng, cụ thể.
- **Đặc điểm nguồn tài liệu:** Được trích dẫn đầy đủ, khoa học.

Câu hỏi 3, tr.97:

Hãy hoàn thành đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) theo chủ đề sau: *Em mong sự sống và môi trường trên Trái Đất khôi phục được nhịp điệu hài hòa và vẻ đẹp vốn có.*

Gợi ý trả lời:

Dịp hè vừa qua, em được bố mẹ cho đi du lịch ở QUẢNG BÌNH. Vậy là em được ngồi trên một chiếc ô tô và ngắm nhìn các dãy núi qua ô cửa kính. Nhưng điều đáng buồn là các dãy núi đang bị khai thác quá mức. Chúng không còn màu xanh của cây cối mà trở ra màu của đất, của đá bị bạt đi. Em thấy buồn vì màu xanh, sự tươi mát của núi rừng rồi đây sẽ biến mất. Những ngọn núi như thế làm sao có thể không xói mòn mỗi khi có bão? Làm sao mà không có lũ lụt, thiên tai đối với con người?! Em chỉ mong sao, chúng ta sẽ khai thác rừng, khai thác núi một cách hợp lý để sự sống và môi trường trên Trái Đất khôi phục được nhịp điệu hài hòa và vẻ đẹp vốn có.

Câu hỏi 4, tr.97:

Đóng vai người chủ trì một trò chơi trong lễ hội để giới thiệu về trò chơi đó cho những ai tham gia (thực hiện theo nhóm học tập).

Gợi ý trả lời:

Ở đây, chúng ta có thể thấy các niêu đất đang được treo trên một chiếc xà cao khoảng 2 mét. Nhiệm vụ của các đội chơi là phải cầm gậy gỗ đập hết các niêu đất đó trong thời gian sớm nhất để giành chiến thắng. Mỗi đội chơi sẽ phải cử một người cõng một người khác trên lưng. Cả hai sẽ cùng bị bịt mắt và dựa vào trí nhớ của mình để đập niêu đất.

Để công bằng, các đội chơi sẽ lần lượt chơi và có trọng tài bấm giờ. Mỗi khi có hiệu lệnh xuất phát, các đội chơi sẽ dựa vào trí nhớ của mình và sự chỉ dẫn của dân làng để xác định vị trí, tiến lên đập niêu đất.

***Về nhà:** Hoàn thiện câu hỏi 5. Tr.97

THỰC HÀNH ĐỌC

HOẠT ĐỘNG 6: THỰC HÀNH ĐỌC

Tiết: 132- VĂN BẢN 4. THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hữu Quỳnh Hương

a. Mục tiêu: Giúp HS thể hiện khả năng vận dụng kiến thức và kĩ năng được học để tự đọc những VB mới thuộc thể loại chính của bài 9.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân để thực hành đọc theo gợi ý SGK tr.98.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP THỰC HÀNH ĐỌC

Những vấn đề cần chú ý	Trả lời
<i>Đặc điểm văn bản:</i>	
<i>Vấn đề chính được nói tới trong văn bản:</i>	
<i>Ý nghĩa của việc dẫn các số liệu cụ thể trong văn bản:</i>	
<i>Suy ngẫm của em trước những thông tin do văn bản đưa lại:</i>	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gợi ý cho HS thực hành đọc ở nhà và hoàn thiện vào Phiếu. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ của mình; - GV quan sát, gọi HS nhận xét, bổ sung.	1. Đặc điểm văn bản: - Kiểu văn bản: Văn bản nghị luận. - Nội dung: + Bàn về một vấn đề trong xã hội: Những sản phẩm được gắn mác “Thân thiện với môi trường”.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày kết quả. - HS khác lắng nghe nhận xét, đánh giá. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ; tuyên dương, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức. * Em Duy đọc văn bản và ghi nội dung bài học vào vở.	+ Các lí lẽ, dẫn chứng được triển khai một cách rõ ràng, mạch lạc. - Hình thức: + Các phần được phân chia cụ thể, các mục được đánh dấu (*) và in đậm. + Ngôn ngữ rõ ràng, ngắn gọn. + Số liệu nhiều số liệu chính xác, cụ thể. + Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ: Các hình ảnh minh họa... 2. Vấn đề chính được nói tới trong văn bản: Tính hai mặt của những sản phẩm được coi là thân thiện với môi trường. 3. Ý nghĩa của việc dẫn các số liệu cụ thể trong văn bản: - Một số ví dụ: 131 lần, 0% nhựa, 1/4 sản lượng, 5000 đồng một chiếc, 100%... - Việc dẫn các số liệu cụ thể sẽ giúp cho cung cấp thông tin một cách khách quan, cụ thể và giàu tính thuyết phục hơn. 4. Suy ngẫm của em trước những thông tin do văn bản đưa lại: - Văn bản đã đem đến những thông tin bổ ích cho người đọc về những sản phẩm được gắn mác “thân thiện với môi trường”. - Những sản phẩm tưởng chừng như thân thiện với môi trường, nhưng suy xét kĩ lưỡng, chúng vẫn đem lại những ảnh hưởng tiêu cực. Từ đó, với tư cách là một người tiêu dùng, chúng ta hãy nhận thức rõ về mỗi hành động của mình, cần cẩn trọng trong việc sử dụng các sản phẩm một cách phù hợp và đúng đắn nhất, luôn nhắc nhở chúng ta cần nỗ lực để sống giảm rác từng chút một.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- HS hoàn thiện bài làm và thực hiện theo gợi ý yêu cầu đọc mở rộng trong SHS tr.100;

- Chuẩn bị bài mới: ***Bài 10. Trang sách và cuộc sống.***

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chương trình Ngữ văn 2018.
- SGK, SGV *Ngữ văn 7* (Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*), NXB Giáo dục Việt Nam, 2022.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung các Modul tập huấn của Bộ GD&ĐT.
- Một số tài liệu, hình ảnh, video trên mạng internet.

HẾT.

Ngày soạn: 13/5/2024

Ngày dạy: 21,22,23,24/5/2024

TUẦN 35

BÀI 10- TRANG SÁCH VÀ CUỘC SỐNG

Tiết: 137-138: Viết

THÁCH THỨC THỨ HAI

Từ ý tưởng đến sản phẩm

I. MỤC TIÊU

- Sáng tạo được các sản phẩm nghệ thuật sau khi đọc tác phẩm: Tóm tắt một câu chuyện theo hình thức truyện tranh; kể lại một câu chuyện đã đọc theo hình thức thơ bốn chữ hoặc năm chữ
 - Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc
 - Vận dụng được những điều đã học vào giải quyết những vấn đề tương tự trong thực tế cuộc sống.
 - Say mê, yêu thích khám phá, sáng tạo.
 - Có thói quen đọc sách, trân quý sách.
 - Trung thực, thẳng thắn bày tỏ quan điểm về nhân vật.
- * Em Duy lắng nghe các bạn trình bày bài.**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Tranh ảnh, tư liệu liên quan
- Máy chiếu, máy tính.
- Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài trình bày của HS.
- Phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Em đã đọc cuốn sách nào rồi? Hãy chia sẻ về cuốn sách ấy? Sau khi đọc xong, để chia sẻ về cuốn sách, em có những hình thức nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS chia sẻ

Bước 4: Kết luận, nhận định

Dự kiến câu trả lời: HS chia sẻ về cuốn sách đã đọc. HS có thể kể ra các hình thức chia sẻ như: kể tóm tắt lại, vẽ tranh, làm một bài thơ ngắn về cuốn sách, GV dẫn dắt vài bài:

Mỗi cuốn sách là đứa con tinh thần của tác giả. Khi đọc sách, chúng ta không ngừng thưởng thức mà còn sáng tạo cùng tác giả hay chia sẻ suy nghĩ về một vấn đề đời sống mà cuốn sách gợi ra. Và có nhiều cách mà em và các bạn thu hoạch được sau khi đọc sách. Trong đó việc sáng tạo ra tác phẩm nghệ thuật như: Tóm tắt một câu chuyện theo hình thức truyện tranh; kể lại một câu chuyện đã đọc theo hình thức thơ bốn chữ hoặc năm chữ hoặc viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc

- Vận dụng được những điều đã học vào giải quyết những vấn đề tương tự trong thực tế cuộc sống.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (GV nên để các em lựa chọn hình thức xây dựng sản phẩm sau khi đọc ở phần *Viết* một cách sáng tạo nhất. HS chỉ cần chọn một trong ba hoạt động đã được gợi ý trong SHS để thể hiện kết quả của quá trình đọc. Các sản phẩm sáng tạo của HS trong SHS đã được lựa chọn tương ứng với ba hoạt động được gợi ý.)

2.1. Hoạt động 1: Tóm tắt một câu chuyện theo hình thức truyện tranh

a. Mục tiêu: Sáng tạo được các sản phẩm nghệ thuật lấy ý tưởng từ cuốn sách yêu thích để tóm tắt được một câu chuyện theo hình thức truyện tranh.

b. Nội dung:

HS được yêu cầu lựa chọn và thực hiện một trong các nội dung trong SHS ở nhà và để trình bày trước nhóm, lớp của mình.

c. Sản phẩm: Các sản phẩm nghệ thuật của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm		
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS trình bày, giới thiệu sản phẩm nghệ thuật mà HS đã sáng tạo ở nhà trước tổ, nhóm (chia lớp thành 4-6 nhóm). - Thể hiện nội dung tóm tắt của một câu chuyện theo hình thức truyện tranh. Cố gắng sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ (hình vẽ hoặc các kí hiệu chỉ dẫn) để có thể hỗ trợ cho	I. Tóm tắt một câu chuyện theo hình thức truyện tranh		
	Tiêu chí đánh giá sản phẩm sáng tạo nghệ thuật	Đạt	Chưa đạt
	1. Nội dung: các tranh về nhân vật, sự việc, diễn biến		

việc thể hiện nội dung một cách sinh động và hiệu quả. - Tham khảo sản phẩm sáng tạo của các bạn HS trong SHS: Sản phẩm truyện tranh tóm tắt lại nội dung của câu chuyện <i>Bầy chim chìa vôi của Nguyễn Quang Thiều</i>. <i>Từ cuối tiết học trước GV giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị sản phẩm. Mỗi nhóm chọn một sản phẩm để giới thiệu.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: - Ở nhà: HS thiết kế sản phẩm của mình, trao đổi với bạn bè, người thân để có sản phẩm tốt. - Ở lớp: phân công MC dẫn phần giới thiệu sản phẩm nghệ thuật của các nhóm. + Các nhóm của đại diện giới thiệu sản phẩm. + HS khác nghe, quan sát và chọn lọc những sản phẩm đặc sắc để đánh giá, cho điểm + GV quan sát, khuyến khích. Hỗ trợ Bước 3: nhận xét sản phẩm, bổ sung GV hướng dẫn HS hiểu rõ từng yêu cầu của từng sản phẩm. Bước 4: Chuẩn kiến thức: về các tiêu chí đánh giá. * Duy nghe các bạn trình bày bài viết.	truyện, lời thoại phù hợp, phản ánh được nội dung cơ bản với tác phẩm văn học (cuốn sách)		
	2. Hình thức: - hài hòa, tạo, có sức cuốn hút (đường nét, màu sắc) dễ hiểu, phù hợp loại hình thể hiện. Lời thoại ngắn gọn, phù hợp.		
	3. Lời giới thiệu sản phẩm tự tin, dễ hiểu, có lời chào, lời kết, lời văn có cảm xúc.		
	4. Phong cách tự tin, đỉnh đạc		

2.2. Hoạt động 2: Kể lại một câu chuyện đã đọc theo hình thức thơ bốn chữ hoặc năm chữ

a. Mục tiêu: Sáng tạo được các sản phẩm nghệ thuật lấy ý tưởng từ cuốn sách yêu thích để kể lại một câu chuyện đã đọc theo hình thức thơ bốn chữ hoặc năm chữ

b. Nội dung:

HS được yêu cầu lựa chọn và thực hiện một trong các nội dung trong SHS ở nhà và để trình bày trước nhóm, lớp của mình.

c. Sản phẩm: Các sản phẩm nghệ thuật của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm		
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS trình bày, giới thiệu sản phẩm nghệ thuật mà HS đã sáng tạo ở nhà, trước lớp. - Kể lại một câu chuyện đã đọc theo hình thức thơ bốn chữ hoặc năm chữ - Tham khảo sản phẩm sáng tạo của các bạn HS trong SHS: Sản phẩm kể lại truyện ngắn <i>Gió lạnh đầu mùa</i> của nhà văn Thạch Lam <i>Từ cuối tiết học trước GV giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị sản phẩm. Mỗi nhóm chọn một sản phẩm để giới thiệu.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: - Ở nhà: HS thiết kế sản phẩm của mình, trao đổi với bạn bè, người thân để có sản phẩm tốt. - Ở lớp: phân công MC dẫn phần giới thiệu sản phẩm nghệ thuật của các nhóm. + Các nhóm của đại diện giới thiệu sản phẩm. + HS khác nghe, quan sát và chọn lọc những sản phẩm đặc sắc để đánh giá, cho điểm + GV quan sát, khuyến khích. Hỗ trợ Bước 3: nhận xét sản phẩm, bổ sung	II. Kể lại một câu chuyện đã đọc theo hình thức thơ bốn chữ hoặc năm chữ		
	Tiêu chí đánh giá sản phẩm sáng tạo nghệ thuật.	Đạt	Chưa đạt
	1. Nội dung: bài thơ tóm tắt được các sự việc chính của câu chuyện, phản ánh được nội dung cơ bản với tác phẩm.		
	2. Hình thức: - Đúng hình thức của thơ 4 hoặc 5 chữ, có ngon từ trong sáng, dễ hiểu - Có cách gieo vần, ngắt nhịp hài hòa, tạo, có sức cuốn hút.		
	3. Lời giới thiệu sản phẩm tự tin, dễ hiểu, có lời chào, lời kết, lời văn có cảm xúc.		
	4. Phong cách tự tin, đỉnh đạc.		

GV hướng dẫn HS hiểu rõ từng yêu cầu của từng sản phẩm. Bước 4: Chuẩn kiến thức: về các tiêu chí đánh giá. * Duy nghe các bạn kể chuyện	

2.3. Hoạt động 3: Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc

1. Yêu cầu đối với bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc

a. Mục tiêu

- HS hiểu được yêu cầu đối với bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc

b. Nội dung

- HS nêu được yêu cầu của bài văn phân tích một nhân vật văn học
- HS theo dõi để trả lời, làm việc theo cặp để hoàn thành nhiệm vụ

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu hướng dẫn HS đọc tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc - HS thảo luận về các yêu cầu theo cặp: <i>(1) Theo em bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc cần đảm bảo những yêu cầu gì?</i> <i>(2) Để viết bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học thì cần chú ý nhiệm vụ học tập nào?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động	III. Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc 1. Yêu cầu đối với bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc - Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học: lai lịch, hoàn cảnh, tình huống xuất hiện và những ấn tượng đặc biệt ban đầu . - Chỉ ra được đặc điểm, tính cách nhân vật qua bằng chứng cụ thể về ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, tâm trạng của nhân vật được miêu tả trong tác phẩm. - Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn: biện pháp nghệ thuật, cách sử dụng hoặc nhấn mạnh những chi tiết làm rõ đặc điểm nhân vật.

và thảo luận + Đại diện cặp đôi trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu cần) Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. * Duy theo dõi các bạn trình bày bài viết.	- Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm hoặc quan niệm đời sống của tác giả. * Lưu ý nhiệm vụ cần thực hiện. - Lựa chọn nhân vật sẽ phân tích trong tác phẩm văn học. - Đọc kĩ tác phẩm viết về nhân vật đó. - Ghi chép những chi tiết về nhân vật (lai lịch, xuất thân, hình dáng bên ngoài, suy nghĩ, lời nói, hành động, việc làm...) - Nhận xét, đánh giá, suy nghĩ về nhân vật dựa trên những đặc điểm đó. - Lập dàn ý và viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật theo dàn ý đã lập.

2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS tham khảo một bài viết cụ thể để rút ra các thao tác cơ bản để thực hiện bài viết của mình, tạo ý tưởng cho bài viết của mỗi HS.

b. Nội dung: HS trả lời các câu hỏi qua việc phân tích, chất lọc kiến thức SHS.

c. Sản phẩm: Câu trả lời trong phiếu học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Phiếu học tập số 1.

STT	Yêu cầu	Nội dung
1	Bài viết đã phân tích nhân vật nào? Nhân vật ấy xuất hiện trong cuốn sách có tên là gì, của ai?	
2	Người viết đã nhận xét như thế nào về nghệ thuật miêu tả nhân vật?	
3	Nêu rõ những đặc điểm của nhân vật dựa trên bằng chứng trong tác phẩm?	
4	Nêu rõ những đặc điểm của nhân vật dựa trên bằng chứng trong tác phẩm?	

	<i>Nêu những ý nghĩa của hình tượng nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm?</i>	
5	<i>Bài viết có bố cục mấy phần? Nêu nhiệm vụ của từng phần?</i>	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu hướng dẫn HS đọc hiểu bài viết tham khảo - GV yêu cầu HS đọc VB Hoàng tử bé: trò chuyện thấu hiểu và yêu thương - Thảo luận nhóm Phiếu học tập số 1. Thời gian: 10 phút - Bài viết đã phân tích nhân vật nào? Nhân vật ấy xuất hiện trong cuốn sách có tên là gì, của ai? - Bài viết có bố cục mấy phần? Nêu nhiệm vụ của từng phần? - Người viết đã nhận xét như thế nào về nghệ thuật miêu tả nhân vật? - Nêu rõ những đặc điểm của nhân vật dựa trên bằng chứng trong tác phẩm? - Nêu những ý nghĩa của hình tượng nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	2. Phân tích bài viết tham khảo: Hoàng tử bé: trò chuyện thấu hiểu và yêu thương - Giới thiệu nhân vật: Hoàng tử bé là nhân vật của nhà văn Ăng-toan đơ Xanh-tư Ê-xu-pe-ri, đã trở thành người bạn của rất nhiều bạn nhỏ. - Nghệ thuật miêu tả nhân vật: + Hoàng tử bé được miêu tả bằng một bức vẽ minh họa trong tác phẩm: “một cậu bé thật khác thường” + Theo tác giả, bức vẽ không bằng một nửa sự quyến rũ của người mẫu + Hoàng tử bé xuất hiện bất ngờ, tự nhiên bằng giọng nói nhỏ nhẹ, kì lạ - Đặc điểm nhân vật: + Cậu bé luôn cố gắng để trò chuyện với tất cả + Cậu không ngừng tìm kiếm để lắng nghe, thì thầm, chia sẻ - Ý nghĩa hình tượng nhân vật trong việc thể hiện chủ đề: + Hoàng tử bé chính là biểu tượng cho tình yêu thương, lòng vị tha và khát khao được sẻ chia, thấu hiểu. - Bố cục: 3 phần mở bài, thân bài, kết bài. Phần thân bài được trình bày thành nhiều đoạn văn, mỗi đoạn văn đảm bảo ý chính

+ Đại diện nhóm trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. <i>* Duy nghe các bạn phân tích bài viết.</i>	

3. Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu:

- Nắm được quy trình viết và thực hiện nhiệm vụ theo quy trình.
- Biết viết bài theo tiến trình: tìm hiểu đề, tìm ý và lập dàn ý, viết bài, đọc và sửa chữa

b. Nội dung: Học sinh thực hành viết theo tiến trình: chuẩn bị, tìm ý lập dàn ý, viết bài hoàn chỉnh và đọc, sửa chữa bài viết.

c. Sản phẩm: Bài viết của mỗi học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm				
(1)HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn đề tài cho bài viết của mình <i>Trước khi viết, em cần chuẩn bị những gì ?</i> (a) Lựa chọn đề tài: GV yêu cầu HS đọc SGK để tham khảo các đề tài được giới thiệu (HS cũng có thể tự tìm đề tài mới) (b) Tìm ý PHIẾU TÌM Ý <table border="1"> <tr> <th>Câu hỏi</th><th>Trả lời</th></tr> <tr> <td>(1) Nhân vật xuất hiện trong</td><td></td></tr> </table>	Câu hỏi	Trả lời	(1) Nhân vật xuất hiện trong		3. Thực hành viết theo các bước Đề bài: Em hãy viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc 1. Trước khi viết * Thực hành viết theo các bước: a. Lựa chọn đề tài: - Em cần quan tâm đến những đặc điểm nổi bật, sự độc đáo hoặc những phẩm chất tích cực của nhân vật vì cách chọn nhân vật để phân tích phản ánh quan niệm, suy nghĩ của người viết. b. Tìm ý:Phân tích nhân vật yêu thích để làm rõ những đặc điểm đáng chú ý, cuốn hút của nhân vật. Em có thể đặt ra và trả lời các câu hỏi trong phiếu tìm ý
Câu hỏi	Trả lời				
(1) Nhân vật xuất hiện trong					

<i>cuốn sách, tác phẩm nào?</i>		c. Lập dàn ý: Sắp xếp các thông tin và ý tưởng theo một trật tự phù hợp. – Mở bài: Giới thiệu khái quát về nhân vật yêu thích, tên sách, tác giả. – Thân bài: Phân tích đặc điểm của nhân vật: Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài: - Bối cảnh và những mối quan hệ làm nổi bật đặc điểm nhân vật. - Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm (chi tiết về ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, suy nghĩ, ... của nhân vật) . - Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn (cách sử dụng chi tiết, ngôn ngữ, biện pháp nghệ thuật, ...) - Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật. * Kết bài: Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật..
(2) Vì sao em yêu thích nhân vật?		
(3) Điều gì khiến em quyết định chọn phân tích nhân vật này?		
(4) Nghệ thuật xây dựng nhân vật có gì đặc sắc?		
(5) Nhân vật gợi cho em liên tưởng, suy nghĩ và rút ra bài học gì?		
(c) Sắp xếp các ý đã tìm thành một dàn ý: - Mở bài em sẽ làm gì? - Thân bài: Em sẽ chọn lí lẽ cơ bản nào? Dẫn chứng nào sẽ phù hợp và tiêu biểu cho lí lẽ ấy? Sắp xếp các ý ra sao cho tăng độ thuyết phục? - Kết bài có nhiệm vụ như thế nào? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS suy nghĩ câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ. + HS dự kiến sản phẩm: Viết bài + GV quan sát		2. Viết bài - Khi viết bài phân tích đặc điểm một nhân vật văn học cần chú ý triển khai cụ thể các ý đã nêu trong dàn ý; phân biệt các phần mở bài, thân bài, kết bài; có thể tách ý chính trong thân bài thành các đoạn văn. - Phần nêu bằng chứng có thể dùng 2 cách trực tiếp hoặc tóm tắt. 3. Chỉnh sửa bài viết. a. Đọc lại và điều chỉnh: Đọc lại bài văn đã viết để đảm bảo:

Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận + HS trình bày ý tưởng. HS khác và GV nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ (2) Viết bài- hoạt động cá nhân (hoặc giao về nhà) (3) Chỉnh sửa bài viết GV hướng dẫn HS lập viết theo các gợi ý SGK- HS hoạt động cá nhân - Hướng dẫn HS chỉnh Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS dự kiến sản phẩm + GV quan sát Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận + HS trình bày sản phẩm. + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn. Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ.	- Tính chính xác của tên sách, tên tác giả và các chi tiết, sự việc, nhân vật. - Viết đúng chính tả, dùng từ ngữ và câu phù hợp, sắp xếp các ý chặt chẽ. * HS chữa bài cho nhau

Rubric : Đánh giá thực hiện bài tập

Mức độ			
Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Bài văn trình phân tích nhân vật văn học mà em yêu thích trong một cuốn sách đã đọc. (10 điểm)	Nội dung bài văn đoạn văn còn sơ sài; ý kiến chung chung, chưa có sức thuyết phục, mắc một số lỗi chính tả (5 – 6 điểm)	Nội dung bài viết tương đối chi tiết; trình bày được bối cảnh và những mối quan hệ làm nổi bật đặc điểm nhân	Nội dung bài viết trình bày được suy nghĩ, đánh giá riêng có sức thuyết phục về nhân vật từ cuốn sách đã đọc; diễn đạt sáng tạo, có cảm xúc,

		vật, nhân vật có đặc điểm tính cách, chỉ ra nghệ thuật xây dựng nhân vật; không mắc lỗi chính tả (7- 8 điểm)	không mắc lỗi chính tả. (9- 10 điểm)

Hoạt động 3: Thực hành

a. Mục tiêu: Nắm được quy trình viết và thực hiện nhiệm vụ theo quy trình.

- Biết viết bài theo tiến trình: tìm hiểu đề, tìm ý và lập dàn ý, viết bài, đọc và sửa chữa.

b. Nội dung: Học sinh thực hành viết theo tiến trình: chuẩn bị, tìm ý lập dàn ý, viết bài hoàn chỉnh và đọc, sửa chữa bài viết.

c. Sản phẩm: Phiếu HT đã hoàn thiện.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU HỌC TẬP 1.

Nhiệm vụ: Đọc

1. Tìm ý

TT	Câu hỏi	Trả lời
1	Đặc điểm nhân vật Võ Tòng được khắc họa từ những phương diện nào? Tìm chi tiết thể hiện.	
2	Qua các phương diện khắc họa cho thấy Võ Tòng là người như thế nào?	
3	Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn (cách sử dụng chi tiết, ngôn ngữ, biện pháp nghệ thuật, ...)	
4	Nhân vật Võ Tòng để lại trong em những ấn tượng tình cảm và suy nghĩ gì về con người Nam Bộ.	

2. Lập dàn ý cho bài viết theo bố cục

Các phần theo bố cục	Nhiệm vụ cần thực hiện	Trả lời

1. Mở bài.	Giới thiệu khái quát về nhân vật	
2. Thân bài.	<i>Phân tích làm sáng tỏ đặc điểm của nhân vật qua các phương diện:</i>	
	- Bối cảnh và những mối quan hệ làm nổi bật đặc điểm nhân vật.	
	Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm - Ngoại hình - Hành động, việc làm, cử chỉ - Suy nghĩ, lời nói: - Lời truyền tụng, lời kể của người kể chuyện và các nhân vật khác	
	Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn (cách sử dụng chi tiết, ngôn ngữ, biện pháp nghệ thuật, ...)	
	Nhân vật Võ Tòng đã để lại trong em những ấn tượng, tình cảm, suy nghĩ gì về con người Nam Bộ.	
3. Kết bài	Đánh giá khái quát về nhân vật.	
	Liên hệ mở rộng về con người Nam Bộ trong kháng chiến, trong văn học.	
	Rút ra bài học cho bản thân và thế hệ trẻ hôm nay.	

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: HS báo cáo kết quả thực hành tìm chuẩn bị, tìm ý, lập dàn ý Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:	II. THỰC HÀNH Đề bài: Viết bài phân tích nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng”

GV chiếu đề bài, yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo kỹ thuật công đoạn: đọc đề và chia sẻ cá nhân kết quả các nhiệm vụ học tập và nội dung phiếu HT1 Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ -HS suy nghĩ trả lời cá nhân và thảo luận cặp đôi hoàn thiện phiếu HT 1 Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV: Yêu cầu HS báo cáo sản phẩm. + Gọi 1- 2 học sinh trả lời cá nhân câu hỏi 1' + Cặp đôi số 1 trả lời câu hỏi tìm ý + 2- 3 cặp đôi trình bày phân dàn ý -GV và HS lắng nghe theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bài của bạn. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	<i>rừng”(Trích tiểu thuyết “Đất rừng Phương Nam” của Đoàn Giỏi).</i> 1. Chuẩn bị - Đọc cuốn sách “Đất rừng phương Nam” của Đoàn Giỏi. - Xem lại yêu cầu của bài văn phân tích đặc điểm nhân vật. - Lựa chọn nhân vật phân tích: Võ Tòng - Ghi chép về nhân vật theo yêu cầu của bài phân tích nhân vật: + Ngoại hình. + Lời truyền tụng. + Hành động việc làm. - Nhận xét đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật. - Liên hệ, kết nối... 2. Tìm ý và lập dàn ý

a.Tìm ý : Đặt và trả lời các câu hỏi

TT	Câu hỏi	Trả lời
1	Đặc điểm nhân vật Võ Tòng được khắc họa từ những phương diện nào? Tìm chi tiết thể hiện. Qua các phương diện khắc họa cho thấy Võ Tòng là người như thế nào?	* Nhân vật võ Tòng được khắc họa từ các phương diện: + Bối cảnh + Trang phục, ngoại hình. + Lời truyền tụng, lời người kể chuyện và của các nhân vật khác. + Hành động,việc làm. + Lời nói, suy nghĩ... - Qua các đặc điểm ấy em thấy nhân vật Võ Tòng là người: cuộc đời nhiều bất hạnh, sống trượng nghĩa, giàu tình yêu nước
2	- Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn (cách sử dụng chi tiết, ngôn ngữ, biện pháp nghệ thuật, ...)	- Nghệ thuật xây dựng nhân vật Võ Tòng được nhà văn thể hiện trên những phương diện: ngoại hình, ngôn ngữ, cử chỉ, hành động, suy nghĩ. Nghệ thuật xây dựng nhân vật: tính cách điển hình trong hoàn cảnh điển hình. - Lời kể theo ngôi thứ nhất (xưng "tôi") với lời kể theo ngôi thứ ba trong việc khắc họa nhân vật Võ Tòng.

		Tác dụng của việc kết hợp giữa lời kể theo ngôi thứ nhất (xưng "tôi") với lời kể theo ngôi thứ ba trong việc khắc họa nhân vật Võ Tòng: giúp cho nhân vật Võ Tòng hiện lên một cách đa chiều, được nhìn nhận trong con mắt của nhiều nhân vật. - Sử dụng từ ngữ địa phương, tạo sắc thái thân mật, gần gũi, phù hợp với bối cảnh mà tác phẩm miêu tả.
3	Ấn tượng về nhân vật Võ Tòng?	- Nhân vật Võ Tòng để lại trong em những ấn tượng, tình cảm và suy nghĩ gì về con người Nam Bộ: Dũng cảm, nghĩa hiệp, giàu lòng yêu nước.

b. Lập dàn ý

b.1.Mở bài: Giới khái quát về nhân vật Võ Tòng:

Là nhân vật chính trong tác phẩm “*Đất rừng phương Nam*” của Đoàn Giỏi- tiêu biểu cho vẻ đẹp của người Nam Bộ.

b.2.Thân bài: Phân tích và làm sáng tỏ nhân vật Võ Tòng

*** Bối cảnh, lai lịch**

+ “*Không ai biết tên thật của gã là gì. Mười mấy năm về trước, gã một mình bơi một chiếc xuồng nát đến che lều ở giữa khu rừng đầy thú dữ này*”(Đoàn Giỏi)

+ “*Chú tên là gì, quê ở đâu cũng không rõ. Võ Tòng là tên mọi người gọi chú từ một sự tích trong truyện Tàu*”(Bùi Hồng)

*** Đặc điểm nhân vật:**

- **Ngoại hình, trang phục:** Kì dị, khác thường, dữ dằn.

+ **Mắt:** Hai hố mắt sâu hoắm và từ trong đáy hố sâu thẳm đó, một cặp tròng mắt trắng dã, long qua, long lại, sắc như dao...

+ **Mặt** “*một hàng sọc khủng khiếp chạy từ thái dương xuống cổ*”, “*Cái bóng lạng lẽ ngồi bên bếp*”. “*Gã ngày càng trở nên kì hình dị tướng*”

- **Trang phục thì kì dị:** “*Cởi trần, mặc chiếc quần ka ki còn mới nhưng coi bộ lâu không giặt*”, “*Bên hông đeo lưng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt*”, “*Thắt cái xanh-tuya-rông*”

- **Lời truyền tụng, lời kể của người kể chuyện và các nhân vật khác:**

+ Là người sống đơn độc, chịu nhiều những buồn thương trong cuộc đời nhưng hiền lành, bộc trực, có lòng tốt thương người. Qua lời kể của các nhân vật trong truyện của Đoàn Giỏi “*Ngày xưa gã là một chàng trai hiền lành*”, “*Quý vợ rất mực*”, “*Bị địa chủ vu cho ăn trộm măng tre một mực cãi lại tên địa chủ quyền thế*”, khi “*Bị đánh ba toong lên đầu...chém trả vào mặt*”, “*Không trốn chạy... đường hoàng xách dao đến trước nhà việc bó tay chịu trời...*”

+ Ra tù, Võ Tòng không trả thù kẻ đã phá hoại gia đình mình, chỉ ngửa mặt cười lớn rồi vào rừng làm nghề săn bẫy thú: “*Tù về vợ đã lấy lẽ địa chủ, con đã chết... gã chỉ kêu trời*

một tiếng rồi cười nhạt bỏ làng ra đi”, “Hơn mười năm sống trơ trọi giữa rừng... không để mắt tới một người đàn bà nào nữa... càng trở nên kì dị hình tượng...”, “Nhưng ai cũng mến gã ở cái tính chất phác thật thà, lúc nào cũng sẵn sàng giúp đỡ mọi người mà không hề nghĩ đến chuyện người ta có đền đáp mình hay không”

- Hành động và việc làm.

+ **Trước kia:** Có vợ, hiền lành, quý vợ rất mực “*Vợ thèm ăn măng đi tìm bọt măng cho vợ*”, “*Giết tên địa chủ ác bá, chủ động đi nhận tội chấp nhận đi tù*” sau khi giết địa chủ, thẳng thắn thú nhận và sẵn sàng ngồi tù

-> Hiền lành, chính trực, ghét cái ác.

+ **Khi đi tù về biết vợ lấy địa chủ:** Buồn, thất vọng nhưng có tình, có nghĩa với vợ:

Chỉ kêu trời một tiếng rồi cười nhạt bỏ làng ra đi

+ **Từ khi bỏ đi:** Sống cô độc nơi rừng sâu, dũng cảm gan dạ với cuộc đời gian truân, éo le, có sức khỏe phi thường “*Một mình bơi xuống nát đến che lều ở giữa khu rừng đầy thú dữ*”, “*Sống một mình giữa rừng, đấu tay đôi với hổ: Nằm ngửa cứ thế mà xóc mũi mác lên đâm thẳng một nhát vào hàm dưới con hổ chúa., hai chân gã đạp phốc lên bụng nó, không cho con ác thú kịp chup xuống người*”, “*Dùng dao găm và nỏ giết giặc Pháp*”, “*Không để mắt tới người đàn bà nào nữa*”

+ **Trong cuộc trò chuyện với An và ông Hai:** Gần gũi, thân tình, bộc trực, thẳng thắn “*Lấy miếng khô nai to nhất cho An nhai đỡ buồn miệng*”, “*Ngồi đó, đối diện với tía nuôi tôi, bên bếp lửa*”, “*Rót rượu ra bát, uống một ngụm, trao bát sang cho tía nuôi tôi và nói*”, “*Chú Võ Tòng chăm chú nhìn tôi một lúc rồi cười lớn*”, “*Trao chiếc nỏ và ống tên thuốc cho tía nuôi tôi*”, khi chia tay “*Vẫy vẫy tay, cười lớn một thôi dài*”.

- **Lời nói, thái độ khi trò chuyện:** Với lời nói giản dị, trò chuyện thân mật, gần gũi của người dân Nam Bộ(gọi tía nuôi của An là " Anh Hai", gọi An là "chú em" thái độ khi nói năng nói với ông Hai: nghiêm túc, thẳng thắn, nói với An: trêu đùa, vui vẻ, chắc chắn.

* **Suy nghĩ:** Chín chắn, sâu sắc của người từng trải, hiểu biết...

- Khi bàn chuyện đánh giặc:

+ Biết tính kẻ để giết giặc “*Mình thì cần gì tới súng*”, “*Tôi cho rằng súng dở lắm, động tới thì kêu ầm ỉ*”.

+ Lo nghĩ, thấu đáo: giấu không nói với má nuôi của An vì sợ má An ngăn trở công việc “*Sở dĩ tôi không dám nói với bà chị là con e bà chị ngại đến nguy hiểm, biết đâu sẽ ngăn trở công việc của chúng ta*”

- Khi biết má của An cũng rất gan dạ: thì thấy có lỗi, muốn làm một bữa rượu để tạ lỗi “*Vậy thì tôi có lỗi với chị Hai quá trời, để bữa nào ta làm một bữa rượu để tôi tạ lỗi với bà chị của tôi mới được*”

* **Nhận xét về nhân vật Võ Tòng:** Mang nét đẹp của người Nam Bộ, là người thẳng thắn, chính trực, dũng cảm, giàu lòng yêu nước, trượng nghĩa.

* **Nghệ thuật xây dựng nhân vật Võ Tòng:**

- Nhân vật được nhà văn xây dựng trên những phương diện: ngoại hình, ngôn ngữ, cử chỉ, hành động, suy nghĩ. Nghệ thuật xây dựng nhân vật: tính cách điển hình trong hoàn cảnh điển hình.

- lời kể theo ngôi thứ nhất (xưng "tôi") với lời kể theo ngôi thứ ba trong việc khắc họa nhân vật Võ Tòng.

Tác dụng của việc kết hợp giữa lời kể theo ngôi thứ nhất (xưng "tôi") với lời kể theo ngôi thứ ba trong việc khắc họa nhân vật Võ Tòng: giúp cho nhân vật Võ Tòng hiện lên một cách đa chiều, được nhìn nhận trong con mắt của nhiều nhân vật.

- Sử dụng từ ngữ địa phương, tạo sắc thái thân mật, gần gũi, phù hợp với bối cảnh mà tác phẩm miêu tả.

b3. Kết bài

+ Nêu đánh giá khái quát về nhân vật Võ Tòng: Người Nam Bộ giàu lòng yêu nước, chính trực dù cuộc đời có nhiều khổ đau bất hạnh.

+ Hình ảnh Võ Tòng gợi nhắc bạn đọc nhớ đến người dân Nam Bộ giàu lòng yêu nước đó trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc như anh Núp, chị Võ Thị Sáu, chị Út Tịch, Anh Ba Hưng... Đó cũng là vẻ đẹp của những người đã bất tử trong những trang văn như ông Tư trong “Ông lão vườn chim” của Anh Đức, Tnú trong “Rừng xà Nu”- Nguyễn Trung Thành, chị Sứ trong “Hòn Đất” - Anh Đức, những người bình thường, giản dị, anh dũng bất khuất... Nhắc nhở tuổi trẻ ý thức trách nhiệm về lòng yêu nước...

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS.

- Chuẩn xác nhiệm vụ của từng bước

Nhiệm vụ 2: Hướng dẫn HS viết bài

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS viết đoạn văn theo kĩ thuật công đoạn:

- Dựa vào dàn ý đã làm, thực hành viết với những yêu cầu khác nhau:

+ Luyện tập viết đoạn mở bài và kết bài

+ Viết đoạn văn phân tích một đặc điểm nào đó của nhân vật Võ Tòng

+ Viết đoạn văn phân tích toàn bộ các đặc điểm của nhân vật Võ Tòng

Yêu cầu:

- HS lần lượt viết đoạn văn theo yêu cầu.

- Sau khi viết xong sẽ đọc trước lớp. GV và HS cùng lắng nghe, góp ý. HS tự sửa chữa theo tiêu chí và ý kiến góp ý.

GV cho HS nghe đoạn văn tham khảo.

3. Viết bài

a. Đoạn văn mở bài

Bạn đọc yêu văn chương khi nhắc đến Đoàn Giỏi sẽ không thể quên tác phẩm “Đất rừng phương Nam”- một tác phẩm hay nổi tiếng của nhà văn. Với lối viết giản dị tác phẩm đã đưa ta đến với vẻ đẹp thiên nhiên và con người Nam Bộ. Hình ảnh nhân vật Võ Tòng, nhân vật chính của tác phẩm đã để trong lòng người đọc dấu ấn khó quên. Hình ảnh nhân vật hiện lên rõ nét qua đoạn trích “*Người đàn ông cô độc giữa rừng*”.

c. Viết đoạn thân bài

*** Đoạn giới thiệu bối cảnh xuất hiện nhân vật chú Võ Tòng;**

Đọc tác phẩm ta không quên hình ảnh chú Võ Tòng với một lai lịch cũng để người ta phải suy nghĩ “Không ai biết tên thật của gã là gì. Mười mấy năm về trước, gã một mình bơi một chiếc xuồng nát đến che lều ở giữa khu rừng đầy thú dữ này”(Đoàn Giỏi). Qua lời kể

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS viết cá nhân đoạn văn – GV quan sát góp ý HS trong quá trình viết. Sau khi viết xong sẽ mạnh dạn trình bày trước lớp.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

- HS viết đoạn văn theo yêu cầu và đọc trước lớp.

- HS, GV khác lắng nghe, góp ý

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV cho HS đánh giá bài viết của bạn theo tiêu chí

- GV đánh giá, kết luận ưu điểm từng bài viết. Cho HS nghe bài viết tham khảo

Nhiệm vụ 3. Kiểm tra và chỉnh sửa bài viết

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chiếu (phát) cho học sinh phiếu kiểm tra và chỉnh sửa yêu cầu HS kiểm tra, chỉnh sửa bài viết của mình, kiểm tra, góp ý chỉnh sửa cho bạn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc bài, kiểm tra, định hướng chỉnh sửa.

+ Bài tham khảo

+ Bài của cá nhân học sinh

Bước 3: Báo cáo, thảo luận.

- Học sinh báo cáo kết quả kiểm tra chỉnh sửa bài tham khảo.

- Phần bài của HS sẽ hoàn thiện ở nhà và báo cáo giờ học sau

Bước 4: Đánh giá, kết luận.

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, chỉnh sửa của học sinh

- Kết luận những lưu ý khi kiểm tra, chỉnh sửa.

*** Duy ghi nội dung bài học vào vở.**

ấy có thể thấy rằng “*Chú tên là gì, quê ở đâu cũng không rõ. Võ Tòng là tên mọi người gọi chú từ một sự tích trong truyện Tàu*” (*Bùi Hồng*). Cái lai lịch đó gọi cho ta nghĩ đến hình ảnh của con người trượng nghĩa, hào hiệp, dũng mãnh giống như hảo hán Võ Tòng một trong số 108 anh hùng Lương Sơn Bạc trong tác phẩm “Thủy hử” của Thi Nại Am nhà văn nổi tiếng của Trung Quốc. Và qua trang viết cảm động của Đoàn Giỏi ta thấy cuộc đời của chú Võ Tòng thật bất hạnh, khi chú từng có gia đình đàng hoàng, vợ là người đàn bà xinh xắn, chỉ vì “xách dao đến bụi tre đình làng xấn một mọt măng” mà bị tên địa chủ vu vạ cho là ăn trộm và vào vòng tù tội. Để rồi khi mãn hạn trở về vợ chú đã làm lẽ tên địa chủ, đưa con trai độc nhất chú chưa biết mặt đã chết từ khi chú ngồi trong tù. Sự chính trực, thẳng thắn ấy của chú để cho ta yêu mến, ngưỡng mộ. Nhất là khi chú không đi tìm tên địa chủ để quyết đấu mà bỏ làng ra đi vào rừng ở đơn độc giữa rừng.

***Đoạn kết bài**

Võ Tòng là hình ảnh đẹp của người Nam Bộ giàu lòng yêu nước, chính trực dù cuộc đời có nhiều khổ đau bất hạnh. Hình ảnh nhân vật gợi nhắc bạn đọc nhớ đến những người con Nam Bộ giàu lòng yêu nước đó trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc như anh Núp, chị Võ Thị Sáu, chị Út Tịch... Đó cũng là vẻ đẹp của những người đã bắt tử trong những trang văn như ông Tư trong “*Ông lão vườn chim*” của Anh Đức, Tnú trong “*Rừng xà Nu*”- Nguyễn Trung Thành, chị Sứ trong “*Hòn Đất*”- Anh Đức.... những người bình thường, giản dị, anh dũng bất khuất... Nhắc nhở tuổi trẻ ý thức trách nhiệm về lòng yêu nước, hãy sống sao cho xứng với những hi sinh của bao lớp cha anh đi trước

	cho chúng em có cuộc sống hòa bình hôm nay. 4. Kiểm tra và chỉnh sửa bài viết

*** PHIẾU KIỂM TRA VÀ CHỈNH SỬA**

1. Kiểm tra nội dung

Các phần	Nội dung kiểm tra	Đánh giá	
		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu khái quát nhân vật.		
	Ấn tượng của người viết về nhân vật.		
Thân bài	<i>Phân tích sáng tạo đặc điểm nhân vật Võ Tòng qua các phương diện:</i>		
	Bối cảnh, lai lịch		
	Ngoại hình, trang phục.		
	Lời truyền tụng, lời kể của người kể chuyện. và các nhân vật khác.		
	Hành động, việc làm. Suy nghĩ.		
	Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật.		
Kết bài	Nêu đánh giá khái quát về nhân vật.		
	Liên hệ với hình ảnh người Nam Bộ trong kháng chiến từ đó rút ra bài học cho bản thân và thế hệ trẻ.		

2. Lỗi hình thức

Tên lỗi	Biểu hiện lỗi	Định hướng sửa
Lỗi chính tả		
Ngữ pháp		
Liên kết câu		
Diễn đạt, dùng từ, đặt câu.		

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Phát triển năng lực phân tích, đánh giá về một nhân vật văn học trong một cuốn sách đã học.

b. Nội dung: Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV chiếu đề bài. Hãy phân tích đặc điểm về một nhân vật văn học mà em yêu thích trong một cuốn sách đã đọc. - Yêu cầu HS thực hiện các bước với đề Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV: Hướng dẫn HS xác nhiệm vụ. HS: Đọc, xác định yêu cầu của bài tập Thực hiện các bước theo quy trình: chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý, viết bài, đọc và sửa chữa ở nhà Bước 3: Báo cáo, thảo luận Học sinh báo cáo vào đầu buổi học sau hoặc gửi sản phẩm qua zalo. Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV) - GV kết luận nhiệm vụ phần vận dụng của học sinh - Hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm,	CÁC BƯỚC THỰC HIỆN 1. Chuẩn bị - Lựa chọn nhân vật sẽ phân tích trong tác phẩm văn học. - Đọc kĩ tác phẩm viết về nhân vật đó. - Ghi chép những chi tiết về nhân vật (lai lịch, xuất thân, hình dáng bên ngoài, suy nghĩ, lời nói, hành động, việc làm...) - Nhận xét, đánh giá, suy nghĩ về nhân vật dựa trên những đặc điểm. - Lập dàn ý và viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật theo dàn ý đã lập. 2. Tìm ý và lập dàn ý * Tìm ý: Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi Đặc điểm nhân vật được khắc họa ở phương diện nào? Qua các phương diện thấy nhân vật là người như thế nào? Nhân vật để lại trong em ấn tượng, tình cảm, suy nghĩ gì? * Lập dàn ý - Mở bài: Giới thiệu khái quát về nhân vật - Thân bài: Phân tích làm sáng tỏ đặc điểm nhân vật qua các phương diện. - Kết bài: - Đánh giá nhân vật - Liên hệ và rút ra bài học cho bản thân. 3. Viết bài 4. Đọc và sửa chữa

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hướng dẫn học bài:

- + Nắm vững quy trình làm bài phân tích nhân vật trong tác phẩm văn học
- + Hoàn thành bài tập đã giao phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài: Nói và nghe (Giới thiệu các sản phẩm sáng tạo từ sách: Pô-xtơ giới thiệu nhân vật, truyện tranh, các hình thức tóm tắt tác phẩm, ...; Trình bày ý kiến về ý nghĩa, tác dụng của việc đọc sách)
- + Chuẩn bị nội dung phần thực hành theo gợi ý SGK.

Bài viết tham khảo:

Đề bài: Viết bài văn phân tích nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích *"Người đàn ông cô độc giữa rừng"* (trích tiểu thuyết *"Đất rừng phương Nam"*) của nhà văn Đoàn Giỏi.

Xưa nay, nói đến người dân Nam Bộ là ta nhớ đến những con người nghĩa hiệp, giàu lòng yêu nước, nhân ái. Vẻ đẹp của họ được phản ánh rất đẹp trong tác phẩm thơ ca một trong số đó là tiểu thuyết *"Đất rừng phương Nam"* của nhà văn Đoàn Giỏi. Tác phẩm đã xây dựng thành công nhân vật chính Võ Tòng tiêu biểu cho người dân Nam Bộ. Hình ảnh nhân vật trong đoạn trích *"Người đàn ông cô độc giữa rừng"* đã để lại trong lòng bạn đọc bao tình yêu mến.

Bằng sự am hiểu về mảnh đất và con người Nam Bộ qua lời kể chuyện mộc mạc, giản dị của nhà văn hình ảnh chú Võ Tòng hiện lên là hình ảnh tiêu biểu của người Nam Bộ có cuộc đời gặp nhiều bất hạnh với vẻ bề ngoài có vẻ dữ dằn "kì hình dị tướng" nhưng chú mang trong mình vẻ đẹp đáng trân trọng của người chính trực, trượng nghĩa, có tinh thần trượng nghĩa, yêu nước.

Đọc tác phẩm ta thấy chú Võ Tòng có một cái tên, lai lịch cũng để người ta phải suy nghĩ *"Không ai biết tên thật của gã là gì. Mười mấy năm về trước, gã một mình bơi một chiếc xuồng nát đến che lều ở giữa khu rừng đầy thú dữ này"* (Đoàn Giỏi). Qua lời kể ấy có thể thấy rằng *"Chú tên là gì, quê ở đâu cũng không rõ. Võ Tòng là tên mọi người gọi chú từ một sự tích trong truyện Tàu (Bùi Hồng). Tên và lai lịch và tên của chú Võ Tòng trong trang truyện của Đoàn Giỏi đã cho ta nghĩ đến nhân vật Võ Tòng trong tác phẩm "Thủy hử" của Thi Nại Am, tác phẩm nổi tiếng của văn học Trung Quốc- một trong số 108 anh hùng Lương Sơn Bạc trượng nghĩa, hào hiệp, dũng mãnh."*

Nhớ đến nhân vật Võ Tòng bạn đọc không thể quên trang phục "kì hình dị tướng" khác biệt không lẫn với ai với ai. Thường ngày chú "Cởi trần, mặc chiếc quần ka ki còn mới nhưng coi bộ lâu không giặt", "bên hông đeo lưng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt", chú "thắt cái xanh-tuya- rộng" có vẻ bụi bặm của một người từng trải phong trần.

Cùng với trang phục kì dị, khác thường không lẫn với ai chú còn có vẻ bề ngoài dữ dằn với "hai hố mắt sâu hoắm" và từ trong đáy hố sâu thẳm đó, "một cặp tròng mắt trắng dã, long qua, long lại, sắc như dao", cùng đó là "hàng sọc khủng khiếp chạy từ thái dương xuống cổ". Đây chính là cái tích để người ta gọi chú là Võ Tòng giống như nhân vật trong "Thủy hử" của Thi Nại Am bởi Võ Tòng trong "Thủy hử" là một người vô cùng khỏe mạnh, đã tay đôi đấu với hổ và giành chiến thắng. Việc đánh hổ cho thấy Võ Tòng dù là nhân vật trong tác phẩm nào cũng có một sức mạnh thật phi thường và một bản lĩnh hiếm có. Riêng với Võ Tòng trong *"Đất rừng phương Nam"*, sức mạnh thể lực và bản lĩnh ấy đã được thể hiện qua dấu ấn của hàng sọc dài.

Cuộc đời chú Võ Tòng thật bất hạnh, đáng thương. Chú từng có gia đình đàng hoàng, vợ là người đàn bà xinh xắn, chỉ vì yêu thương, quan tâm tới vợ nên khi vợ

chú muốn ăn măng Võ Tòng đã “xách dao đến bụi tre đình làng xấn một mui măng” mà bị tên địa chủ vu vạ cho là ăn trộm. Không thể chịu được sự ức hiếp quá mức chú đã giết tên địa chủ hồng hách, ngang ngược rồi chủ động đi đến nhà việc nhận tội, chấp nhận án tù mà không trốn chạy. Sau mười năm tù đầy, mãn hạn trở về, vợ chú đã làm lễ tên địa chủ, đưa con trai độc nhất chú chưa biết mặt đã chết từ khi chú ngồi trong tù nhưng chú không trả thù, không đi tìm tên địa chủ để quyết đấu mà bỏ làng ra đi vào rừng ở đơn độc giữa rừng. Sự chính trực, thẳng thắn ấy của chú để cho ta yêu mến, ngưỡng mộ, cảm phục.

Ăn sau về bề ngoài có phần hung dữ là tấm lòng thành thực, tốt bụng gần gũi, dễ mến của người Nam Bộ. Qua lời người kể chuyện, chú hiện lên trong mắt cậu bé An là một người gần gũi, tốt tính, hào phóng, lời nói, cách cư xử thân tình. Khi An theo tía đến thăm chú ở rừng U Minh, chú lấy miếng khô nai to nhất đưa cho An để cậu nhai cho đỡ buồn miệng, rồi lúc chia tay chú hứa lần gặp tới sẽ chuẩn bị sẵn một con heo hoặc nai cho cậu. Tất cả điều đó đã cho thấy chú thật quan tâm, quý mến An và cũng là biểu hiện sự hào phóng, tốt bụng của chú.

Không chỉ thế chú còn là một người có suy nghĩ thấu đáo, chu toàn. Chú đã chia cho bác Hai những mũi tên mà chú đã chuẩn bị, tẩm thuốc độc để giết lũ giặc Pháp. Nhưng chú lại không nói điều đó với má nuôi của An - vợ của bác Hai vì sợ má An ngăn trở công việc, sợ rằng má An sẽ cảm thấy sợ hãi. Chính cái im im, không nói với má của An đã cho thấy chú Võ Tòng là một người có suy nghĩ thấu đáo. Cũng ở chi tiết này, người đọc còn thấy được một phẩm chất đáng quý của chú Võ Tòng cũng là của bao nhiêu người Việt Nam khác - đó là tình yêu quê hương, đất nước, căm thù lũ giặc xâm lăng. Việc chú Võ Tòng đã tẩm thuốc độc vào những mũi tên để chuẩn bị đi hạ những tên lính giặc là minh chứng cho tình cảm cao đẹp đó.

Nhà văn Đoàn Giỏi đã thành công trong nghệ thuật xây dựng nhân vật Võ Tòng. Nhân vật được nhà văn xây dựng trên những phương diện: ngoại hình, ngôn ngữ, cử chỉ, hành động, suy nghĩ. Đặc biệt, nghệ thuật xây dựng nhân vật Võ Tòng với tính cách điển hình trong hoàn cảnh điển hình. Lời kể theo ngôi thứ nhất (xưng "tôi") với lời kể theo ngôi thứ ba trong việc khắc họa nhân vật Võ Tòng. Việc kết hợp giữa lời kể theo ngôi thứ nhất (xưng "tôi") với lời kể theo ngôi thứ ba trong việc khắc họa nhân vật Võ Tòng giúp cho nhân vật Võ Tòng hiện lên một cách đa chiều, được nhìn nhận trong con mắt của nhiều nhân vật. Truyện sử dụng từ ngữ địa phương, tạo sắc thái thân mật, gần gũi, phù hợp với bối cảnh mà tác phẩm miêu tả.

Như vậy Võ Tòng trong tác phẩm “Đất rừng phương Nam” của Đoàn Giỏi là hình ảnh tiêu biểu của con người Nam Bộ, nhất là của những người con Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc như anh Núp, anh Ba Hưng... Đó cũng là vẻ đẹp của những người đã bắt tử trong những trang văn như ông Tư trong “Ông lão vườn chim” của Anh Đức, Tnú trong “Rừng xà Nu”- Nguyễn Trung Thành

những người bình thường, giản dị, anh dũng, bất khuất... Gọi nhắc tuổi trẻ ý thức trách nhiệm với đất nước.

Tiết 139-140

GIAI ĐOẠN 3:

NÓI VÀ NGHE:

Về đích: Ngày hội với sách

I. MỤC TIÊU

- Biết cách thuyết minh, giới thiệu sản phẩm sáng tạo từ sách: Pô-xtơ giới thiệu nhân vật, truyện tranh, các hình thức tóm tắt tác phẩm...
- Biết cách trình bày ý kiến về vấn đề ý nghĩa, tác dụng của việc đọc sách sao cho hấp dẫn và thuyết phục, biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;
- Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày
- Yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.
- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

*** Duy nghe các bạn trình bài**

- Yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.
- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến cuốn sách được đề cập .
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Giấy A4.
- Tranh vẽ minh họa sách hoặc truyện tranh.
- Các cuốn sách đã đọc.
- Bài giới thiệu sách dưới các hình thức
- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HD nói.

- Danh mục sách.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu:

Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Các em đã chuẩn bị những gì cho dự án đọc sách của chúng ta. Đây là giai đoạn quan trọng nhất của dự án: Báo cáo kết quả dự án. Vậy em định chia sẻ điều gì về dự án của mình?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS chia sẻ những vấn đề các em quan tâm nhất về kết quả của việc thực hiện dự án. GV quan sát, hỗ trợ nếu cần.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS phát biểu

Bước 4: Kết luận, nhận định:

Dự kiến câu trả lời: HS có thể trình bày về tên những nội dung đã chuẩn bị như:

- Tranh vẽ minh họa sách hoặc truyện tranh, bài thơ để tóm tắt câu chuyện đã đọc
- Các cuốn sách đã đọc trong.
- Bài giới thiệu sách dưới các hình thức
- Bài văn tưởng tượng về cuộc trò chuyện với tác giả về tác phẩm; Bài văn phân tích nhân vật văn học yêu thích từ một cuốn sách đã đọc
- Danh mục sách.

GV kết nối vào tiết học: Việc thực hiện đi đến hồi kết. Vậy tiết học hôm nay, cô trò cùng công khai, chia sẻ kết quả thực hiện của mình các em nhé. Đừng ngại ngần vì phần chuẩn bị của mình chưa tốt. Hãy cùng nhau chia sẻ, lắng nghe cùng tranh luận nhé.

2. Hoạt động 2: GIỚI THIỆU SẢN PHẨM SÁNG TẠO TỪ SÁCH

a. Mục tiêu: HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói – nghe. HS trưng bày sản phẩm sáng tạo về cuốn sách đã đọc:

- Tranh vẽ minh họa sách hoặc truyện tranh bài thơ để tóm tắt câu chuyện đã đọc,
- Các cuốn sách đã đọc.
- Bài giới thiệu sách dưới các hình thức

b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã chuẩn bị ở nhà.

c. Sản phẩm: Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

d. Tổ chức thực hiện.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm (YC)
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Gv tổ chức cho HS thảo luận nhóm: Chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi cá nhân trong nhóm trình bày sản phẩm minh họa sách của mình đã chuẩn bị ở nhà. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS Trình bày sản phẩm minh họa sách trước nhóm, các em khác nghe, góp ý. + GV quan sát, khuyến khích Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận + HS báo cáo kết quả thảo luận. + Các nhóm nhận xét. + Mỗi nhóm chọn ra 1 số sản phẩm tốt để giới thiệu trước lớp Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.	I. GIỚI THIỆU SẢN PHẨM SÁNG TẠO TỪ SÁCH - Tranh vẽ minh họa sách hoặc truyện tranh, bài thơ để tóm tắt câu chuyện đã đọc, ... - Các cuốn sách đã đọc. - Bài giới thiệu sách dưới các hình thức

II. TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ TÁC DỤNG, Ý NGHĨA CỦA VIỆC ĐỌC SÁCH

1. TRƯỚC KHI NÓI

a. Mục tiêu: HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói – nghe khi trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách, có kỹ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

c. Sản phẩm: Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

d. Tổ chức thực hiện.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm (YC)
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Trong vai trò người nói: Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau: - Bài nói nhằm mục đích gì? - Người nghe là ai? - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)? - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút? Nội dung cụ thể: trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách: theo các bước của nội dung phần chuẩn bị nói trong SHS: - Lựa chọn vấn đề - Tìm ý: + Trong thời gian qua em đã đọc sách gì? Em có thể nêu tên một số cuốn sách đã đọc và lí do em lựa chọn những cuốn sách này? + Việc đọc những cuốn sách đó có tác động như thế nào tới suy nghĩ, hiểu biết của em? + Từ kinh nghiệm cụ thể của bản thân, em có suy nghĩ gì về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách nói chung? Theo em, việc lựa chọn những cuốn sách phù hợp để đọc có tầm quan trọng như thế nào? - Sắp xếp ý GV cho 1 học sinh đọc các yêu cầu phần chuẩn bị nói Sau đó, HS rà soát lại nội dung chuẩn bị ở nhà của mình đã được chưa; cần bổ sung thêm không?	1. TRƯỚC KHI NÓI Đề bài: Sau khi đọc xong các cuốn sách trong dự án, và làm các sản phẩm sáng tạo từ sách, em hãy trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách. a. Xác định mục đích người nói và người nghe. - Mục đích nói: Chọn một trong hai mục sau đây để chuẩn bị cho bài nói: + Giới thiệu để làm rõ nghĩa của những sản phẩm sáng tạo từ sách. + Trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách - Người nghe Thầy cô, bạn bè và những người cùng quan tâm đến vấn đề trong đời sống b. Chuẩn bị nội dung nói - Lựa chọn nội dung nói: + Xem lại các sản phẩm sáng tạo từ sách, chọn ra những sản phẩm độc đáo, thú vị mà em muốn giới thiệu. + Lập đề cương cho bài nói trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách, đánh dấu những nội dung quan trọng - Xác định những phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp để hỗ trợ cho bài nói. - Sắp xếp ý: Sắp xếp các ý đã tìm ở trên theo một trật tự lô-gic và bổ sung, sửa chữa nếu cần để tạo thành đề cương của bài nói với các thông tin cụ thể sau: + Tên sách và tác giả của cuốn sách đã tác động đến suy nghĩ của em về tác dụng và ý nghĩa của việc đọc sách. + Ý nghĩa của cuốn sách trong việc giúp em có cái nhìn sâu sắc, toàn diện hơn về các vấn đề đời sống...

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS chuẩn bị nội dung nói theo hướng dẫn + GV quan sát, khuyến khích Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận + HS báo cáo kết quả thảo luận. + GV nhận xét. Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. (1) Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Luyện tập trình bày ý kiến về ý nghĩa tác dụng của việc đọc sách - Cách 1: Em có thể luyện nói một mình - Cách 2: Gv chia lớp thành 4,5 nhóm, yêu cầu HS thảo luận nhóm để HS tập nói cùng các bạn trong nhóm. Nếu tập luyện theo nhóm, cần góp ý với nhau về nội dung và cách trình bày để bài nói được xây dựng hoàn chỉnh và khả năng thuyết trình của mỗi người được nâng lên Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS Trình bày nội dung định nói về vấn đề đã chọn, các em khác nghe, góp ý. + GV quan sát, khuyến khích Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận + HS báo cáo kết quả thảo luận. + Các nhóm nhận xét. Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. * Duy ghi nội dung bài học vào vở.	c.Luyện tập

2. TRÌNH BÀY BÀI NÓI

a. Mục tiêu: N1- GQVĐ . Biết cách, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

c. Sản phẩm: Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

d. Tổ chức thực hiện.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm (YC)
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Gọi một số HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công - HS trình bày bài nói - Có thể kết hợp một số động tác tay, nét mặt, ánh mắt để bày tỏ quan điểm và cảm xúc - HS khác lắng nghe, quan sát. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trao đổi về bài nói Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. *Duy nghe các bạn trình bày bài nói.	2. Trình bày bài nói * Mở đầu: Lời chào, lời giới thiệu về bản thân và vấn đề trình bày là vấn đề ý nghĩa tác dụng của việc đọc sách, điều này được gọi ra từ cuốn sách nào, của ai. * Triển khai - Trình bày lần lượt các ý đã được xác định trong đề cương bài nói. - Sử dụng lí lẽ và bằng chứng cụ thể (dẫn từ sách hoặc đời sống thực) để làm rõ vấn đề. - Bộc lộ được cảm xúc, thái độ phù hợp * Kết luận - Khái quát lại nội dung ý kiến vừa trình bày. Lời cảm ơn thầy/ cô và các bạn đã lắng nghe.

3. SAU KHI NÓI

a. Mục tiêu: N1- GQVĐ , HS được rèn kĩ năng đánh giá bài nói, kĩ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi thực hiện bài nói trước tập thể

b. Nội dung: HS chất lọc kiến SGK và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Phiếu đánh giá bài nói .

d. Tổ chức thực hiện.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm					
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công - Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nói trước lớp của bạn. Còn những HS khác lắng nghe, quan	3. Sau khi nói Trao đổi, đánh giá. * Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói- nghe: <table><tr><th>Người nghe</th><th>Người nói</th></tr><tr><td>- Lắng nghe những chia sẻ</td><td>-Lắng nghe ý kiến, câu hỏi mà</td></tr></table>		Người nghe	Người nói	- Lắng nghe những chia sẻ	-Lắng nghe ý kiến, câu hỏi mà
Người nghe	Người nói					
- Lắng nghe những chia sẻ	-Lắng nghe ý kiến, câu hỏi mà					

sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS nghe, phản hồi ý kiến, bày tỏ quan điểm. Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. Chú ý: GV cần định hướng HS về một số mặt như: tính đầy đủ, tính hấp dẫn, tính chính xác của vấn đề được chọn trình bày. Chú ý đến ngữ điệu, cử chỉ, lời nói; thời gian trình bày.	của người nói và có thể ghi lại những điểm cần trao đổi, tranh luận. - Có thể nêu ý kiến, đặt câu hỏi để tìm hiểu rõ hơn về vấn đề ý nghĩa, tác dụng của việc đọc sách - Nêu được điều tâm đắc của em về ý kiến của bạn. - Nêu những điều em chưa đồng tình với ý kiến của bạn.	người nghe nêu ra. - Làm rõ một số điểm mà người nghe có thể thắc mắc hoặc có thể thảo luận để tìm hiểu thêm. - Bảo vệ những nội dung trong ý kiến của bản thân mà em cho là hợp lí.

Hoạt động 3: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b. Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

III. Bài tập: Trình bày cho các bạn nghe quan điểm của em về ý nghĩa tác dụng của việc đọc sách.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ và tìm ý, lập ý theo hướng dẫn

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS nghe, phản hồi ý kiến, bày tỏ quan điểm

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.

1/ Mở bài

- Lời chào/ Tự giới thiệu về bản thân

- Giới thiệu về vấn đề mình đang quan tâm: Vai trò, ý nghĩa, tác dụng của việc đọc sách đối với mỗi con người. Một trong những phương pháp để con người có tri thức là chăm chỉ đọc sách bởi sách là tài sản quý giá, người bạn tốt của con người.

2/ Thân bài

- Ý nghĩa tác dụng của sách: Sách là tài sản vô giá, là người bạn tốt. Bởi sách là nơi lưu trữ toàn bộ sản phẩm tri thức của con người, giúp ích cho con người về mọi mặt trong đời sống xã hội.

- Chứng minh tác dụng của việc đọc sách:

+ Đọc sách giúp ta có thêm tri thức, mở rộng hiểu biết, thu thập thông tin một cách nhanh nhất. Bằng chứng: Maxim Gorki, vốn không học qua trường đại học nào, nhưng lại trở thành nhà văn vĩ đại, “cánh chim báo bão” của cách mạng Nga, chính bởi ông đã tôi luyện bản thân qua cuộc sống, “trường đại học của những thiên tài”. Quá trình tự học của ông đã giúp ông tích lũy vốn sống, tri thức, và quá trình ấy không thể thành công nếu thiếu đi những cuốn sách.

+ Sách bồi dưỡng tinh thần, tình cảm cho chúng ta, để chúng ta trở thành người .

Bằng chứng: Đỗ Phủ, nhà thơ nổi tiếng đời Đường cũng tâm niệm: “Đọc nát vạn quyển sách/ Hạ bút như có thần”, chính bởi qua sách mỗi nhà thơ mới tích lũy được vốn sống, mới mở rộng trái tim để đón nhận những vang vọng của cuộc đời, làm ra những vần thơ làm lay động lòng người.

+ Sách là người bạn đồng viên, chia sẻ làm vơi đi nỗi buồn (dẫn chứng)

- Tác hại khi không đọc sách: Hạn hẹp về tầm hiểu biết, tâm hồn cằn cỗi.

- Phương pháp đọc sách:

+ Phải chọn sách tốt, có giá trị để đọc

+ Phải đọc kỹ, vừa đọc vừa nghiền ngẫm suy nghĩ, ghi chép những điều bổ ích.

+ Thực hành, vận dụng những điều học được từ sách vào cuộc sống hàng ngày.

3/ Kết bài

- Khẳng định sách là người bạn tốt

- Lời khuyên phải chăm chỉ đọc sách.

Nhiệm vụ về nhà:

- Học bài, tiếp tục đọc sách và tìm hiểu về các cuốn sách, chú ý ghi chép trong quá trình đọc.

- Làm bài tập.

HẾT.